NGUYỄN LÝ TƯỞNG

ĐÀN BƯỚM LẠ TRONG VƯỜN

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Hoa Kỳ 5-2023

NGUYỄN LÝ TƯỞNG

ĐÀN BƯỚM LẠ TRONG VƯỜN

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Hoa Kỳ 5-2023

ĐÀN BƯỚM LẠ TRONG VƯỜN
Nguyễn Lý Tưởng
Tái bản lần thứ nhất, 5-2023, California, Hoa Kỳ, có bổ sung.

Thư họa: Vũ Hối

Trình bày: Nguyễn Phan Nhật Nam

Liên lạc: Nguyen Ly Tuong
8952 Champion Ave., Westminster, CA 92683
U.S.A
Email: lytuongnguyen@yahoo.com

© Bản quyền của tác giả và gia đình.

ĐỐT LÒ HƯƠNG ẤY

Một người bạn, sau khi đọc "Đàn bướm lạ trong vườn" đã hỏi tác giả:

- Những truyện kể trong tác phẩm này có thật hay không?

Tác giả xin trả lời:

- Thật hay không là tùy theo hoàn cảnh của mỗi người.

Nếu cảm thấy một vài chỗ trong truyện phần nào giống với hoàn cảnh của mình, thậm chí tên tuổi của những nhân vật trong truyện có khi trùng hợp với những người mình quen biết... thì đó cũng là lẽ thường tình, chưa chắc đã là chuyện thật hay tác giả muốn ám chỉ người nào...

Có biết bao nhiêu chuyện thật mà mình chưa hề nghe, chưa hề thấy. Vậy, không nghe và không thấy là tưởng tượng, là hư cấu, là chuyện không có thật hay sao? Thực và Mộng cũng thường lẫn lộn với nhau.

Đuổi theo một Lý Tưởng cũng như đuổi theo hình bóng Giai Nhân... Khi Lý Tưởng chưa thành chẳng khác nào hình ảnh người yêu hiện về trong giấc mơ. Khách si tình chỉ gặp được Người Trong Mộng mà chưa gặp được Người Thật, do đó niềm thương nỗi nhớ vẫn canh cánh bên lòng.

Nỗi đau của người xa quê hương tổ quốc cũng như nỗi đau của kẻ xa người yêu, cứ thấy giai nhân theo sát bên mình như định mệnh, như ánh sao đi theo bước chân người lữ hành, như chim én đi tìm mùa Xuân...

Xin đốt lên một lò hương trầm, cho hồn về với dĩ vãng, để tưởng nhớ đến những thân nhân, bạn hữu đã khuất, đến những người đang lưu lạc, xa cách mấy chục năm trời chưa gặp mặt... Trong cõi hư vô hay trong kiếp sống đọa đày, còn hay mất, xin nhớ đến nhau...

"Niềm tin còn một chút này!"

California, ngày 29 tháng 5 năm 1999

Nguyễn Lý Tưởng

BẾN XUÂN

Bọn con Thu, con Huê, thằng Quảng, thằng Báu ở trong khu vườn bà Đỏ đang chơi "ù mọi" trước bờ sông thì con Hoài bỗng đâu chạy đến về phe với bọn con nít vườn nhà bà Cả, làm cho phe con Thu yếu thế hẳn đi. Kiểm đứng ở ngoài nhìn vào, không nhập cuộc. Chàng để ý mỗi lần con Hoài "ù ù" chạy qua lằn ranh thì không một đứa nào bắt được nó. Hoài chạy đến đâu, cả bọn đều dạt ra. Hoài vừa lanh lẹ vừa có sức, có hơi ù thật dài, tay của nó đụng phải đứa nào thì đứa đó bị loại ra khỏi cuộc chơi ngay lập tức.

"Ù mọi" là trò chơi của con nít trong xóm, mỗi bên mấy đứa, chia hai phe. Ở giữa sân vạch một lằn ranh, một đứa phe bên này chạy qua bên kia, miệng kêu "ù ù" liên tục. Nếu ngừng để lấy tiếp hơi thứ hai thì thua cuộc và bị loại gọi là "mọi chết". Lúc đó phải có đứa thứ hai chạy qua tiếp sức. "Mọi" qua sông, vớ được đứa nào thì đứa đó "chết", bị loại. Phe bên kia phải làm sao bắt được "mọi" và giữ lại trên phần đất của mình thì mới thắng cuộc. Nếu bắt không được mà tay hay thân mình đã chạm trúng "mọi" rồi thì cả bọn đó đều bị "chết" và phe đó thua.

Giữa vườn nhà bà Đỏ và bà Cả có một con đường thẳng ra sông. Phía trên đường rầy xe lửa, có một xóm chuyên nuôi trâu để bán thịt. Cứ mỗi buổi sáng hay chiều, người ta dẫn trâu xuống tắm ở bờ sông. Trâu đi thành từng đàn, hàng chục con, da đen láng như mực Tàu, thỉnh thoảng cũng có con có lông trắng gọi là trâu bạc. Lúc nhỏ, Kiểm thường nghe người ta nói "sừng trâu bạc, gạc trâu đen" mà không hiểu. Thực ra sừng và gạc chỉ là một thứ mà thôi, gạc nai tức là cái sừng của con nai. Chỗ trâu thường xuống tắm gọi là Bến Trâu, cạnh đó

có một khu đất trống trên bãi sông là nơi mỗi đêm bọn con nít ở xóm nhà bà Đỏ thường ra chơi "ù mọi" tranh thắng với bọn con nít bên xóm bà Cả.

Kiểm mới đến ở trong khu vườn bà Đỏ nên chỉ quen mặt, biết tên bọn trong xóm như con Thu, con Huê, thằng Báu, thằng Quảng mà không biết tên, biết mặt bọn kia. Thời chiến tranh, trước 1954, dân quê vì mất an ninh nên đã kéo nhau về thành phố, thuê đất trong vườn bà Đỏ làm nhà để ở. Họ làm đủ nghề để sống như giặt quần áo, thợ mộc, thợ nề, đi bán bún bò, trứng lộn, chè, bánh v.v... Kiểm để ý đến Hoài vì nó là đứa khá nhất trong bọn. Không một đứa nào trong đám con Thu có thể thắng được Hoài, kể cả con trai là thằng Báu, thằng Quảng.

Kiểm đứng ở ngoài nói vào:

- Bên phe con Thu có thằng Báu yếu quá, để tao vào thay thế cho.

Không thấy bên kia có ý kiến gì, Kiểm gọi thằng Báu ra và chàng tự động nhảy vào cuộc. Kiểm ở phía sau, đợi khi Hoài chạy sâu vào giữa trận liền nhảy ra, đưa chân cản cho Hoài ngã té xuống rồi xông vào ôm ngang, đè lên người, không cho nó cựa quậy. Cả bọn tức tốc xúm nhau lại, ôm chặt lấy Hoài khiến cho nó không còn vùng vẫy được nữa.

Hoài chơi rất hăng nên người nóng bừng, mồ hôi vã ra ướt cả áo. Hoài vào khoảng mười tuổi, đang học lớp nhì Tiểu Học (tương đương lớp 4) nhưng Kiểm thì đã học đến năm thứ hai, thứ ba bậc Trung Học (tương đương lớp 7 lớp 8) và đã 13, 14 tuổi rồi. Chàng thấy bọn con nít trong xóm mình thua luôn nên nhảy vào bênh. Kiểm không quen Hoài vì nó mới về ở xóm bà Cả ít lâu nay thôi. Sở dĩ chàng biết tên, biết mặt nó vì mỗi đêm, khi bọn trong xóm bị thua, kéo nhau trở về, thường nhắc đến Hoài và bàn tính với nhau phải có cách gì trị nó mới được.

Bị thua luôn mấy lần, Hoài giận:

- Không thèm chơi với anh Kiểm nữa...

Nói xong, nó chạy thẳng một mạch về nhà bà Cả. Bọn con Thu vỗ tay reo mừng chiến thắng, còn bọn kia cũng giải tán luôn. Kiểm ngạc nhiên thấy con Hoài gọi ngay tên mình mặc dù chưa quen. Tuy đã 13, 14 tuổi nhưng Kiểm vẫn không

có bạn cùng trang cùng lứa nên hay đi chơi với đám trẻ con. Chàng ôm con Hoài và nằm đè lên người nó mà không hề có một ý nghĩ gì gọi là bất chính hết. Bọn con nít vui đùa với nhau rất tự nhiên.

Trong xóm của Kiểm, có con Thu khá xinh, năm đó Thu đã học lớp nhất Tiểu Học (lớp 5), cha chết, mẹ lấy một người lính Pháp có một đứa con trai. Thu nhờ đó mà có ăn có mặc, lại được học trường Pháp. Thu thường mặc đồng phục trường Tây, áo sơ mi trắng, váy đầm màu xanh trông rất xinh. Thu chơi thân với thằng Quảng trong xóm. Hôm mẹ Thu dời nhà về khu chợ Bến Ngự, bọn trong xóm đưa tiễn Thu đi, Kiểm cũng theo bọn đó. Thằng Quảng có lồng chim chích chòe, mang tặng Thu. Thu cảm động rươm rướm nước mắt. Cuối tuần sau, nghỉ học, Thu qua chơi, gặp Kiểm, liền khoe với chàng:

- Anh Kiểm ơi! Chim em có lông rồi...

Kiểm bật cười làm cho Thu e thẹn, từ đó không thấy Thu qua chơi nữa... Thu đã biết mình lỡ lời... Mỗi lần kể lại chuyện đó cho bọn con trai, Kiểm không nhịn được cười.

Từ ngày gia đình Thu dọn đi, Kiểm không thấy bọn con nít trong xóm chơi "ù mọi" nữa. Một hôm đi học về, ngang qua nhà bà Cả, Kiểm nhìn vào trong vườn thấy Hoài lăng xăng xách nước tưới mấy chậu hoa trước sân. Thấy Kiểm, Hoài bỗng ngừng tay nhìn ra mỉm cười không nói gì. Hình ảnh của Hoài lại rộn lên trong lòng Kiểm, chàng tự trách phải chi hôm đó mình đừng về phe bọn con Thu thì Hoài đã không giận mà bỏ về.

Chiều thứ Năm sau đó, Kiểm được nghỉ học bèn mang quần áo ra sông định tắm giặt luôn nhưng thấy trên bến người đông quá nên chàng bèn ngồi đợi. Hoài ở bên trong vườn bà Cả chạy ra cửa gọi:

- Anh Kiểm...

Rồi đứng phía bên trong cổng chính nhìn ra, chẳng nói gì thêm... Thấy Hoài ở đó, Kiểm mạnh dạn đến gần hỏi thăm:

- Hoài ở trong này à? Hoài ở với ai trong đó?
- Hoài ở một mình.
- Cha mẹ Hoài đâu?
- Ở chỗ khác.

- Thế ai nuôi Hoài?
- Bà Cả.
- Hoài là gì của bà?
- Cháu.
- Vậy à?

Kiểm nói xong rồi để ý quan sát. Bà Cả không cho ai thuê đất làm nhà trong vườn như bên bà Đỏ, tất cả nhà cửa, cơ ngơi đó là của riêng bà. Kiểm nghe nói, chồng bà chết sớm, chỉ có một đứa con gái, học trường Pháp tại Đà Lạt. Bà rất giàu và là một trong những nhà kinh doanh vật liệu xây dựng và thầu xây cất lớn nhất miền Trung lúc đó. Nhà có xe hơi, có tài xế riêng, có thư ký, quản lý... để trông coi công việc làm ăn cho bà. Trong nhà không có trẻ con, ngoại trừ Hoài. Bọn con nít xóm bà Cả đều ở các nhà lân cận bên ngoài khu vườn.

Bà Cả thường ở trong nhà, ít khi xuất hiện, thỉnh thoảng đi dạo trong vườn phía trước nhưng không thường xuyên lắm. Bà thường tiếp khách ở nhà trên, đó là một biệt thự lầu, xây kiểu Pháp, mái cao và nhọn để mùa Đông khỏi bị tuyết phủ. Trong nhà trưng bày đồ đạc quý giá làm bằng gỗ quý, những cổ vật trị giá bạc triệu như ngà voi, đồ sành sứ, những bức bình phong lá ngọc cành vàng...

Hoài ở nhà dưới, khu dành cho thư ký, quản lý và nhà bếp. Mỗi buổi tối, khi đèn trên phòng riêng của bà đã tắt thì Hoài mới dám chui hàng rào ra ngoài chơi với bọn trẻ lối xóm. Cũng may mà bà thường đi ngủ sớm và hay dậy trễ. Mỗi ngày đi học về, Hoài lo săn sóc cây cảnh, quét nhà, phụ giúp đầu bếp bưng dọn thức ăn lên nhà trên, mang nước nóng cho bà rửa mặt buổi sáng khi thức dậy hay rửa chân buổi tối trước khi đi ngủ. Tuy được gọi là cháu nhưng Hoài làm việc chẳng khác nào một người đầy tớ trong nhà. Dù sao thì Hoài cũng có chỗ ăn, chỗ ở, được học hành, có áo quần lành lặn khỏi phải đói rách như những đứa trẻ khác. Gia đình Kiểm ở tỉnh xa, một mình vào Huế đi học, trọ nhà người ta ăn cơm tháng, đôi khi chàng cũng ước mơ được chỗ ở tốt như Hoài.

Là chủ nhân, thừa hưởng một cơ nghiệp lớn do chồng để lại, thường hay tiếp xúc với những người có thế lực trong chính quyền hay trong giới làm ăn nên bà Cả rất nghiêm. Bà là người có học và nghe đâu cũng xuất thân từ con nhà quan nên

tác phong có vẻ đạo mạo, uy nghi, nói năng chững chạc, nhã nhặn nhưng kiêu kỳ. Bà phục sức rất sang trọng bằng những thứ hàng vải đắt tiền nhưng không lòe loẹt. Mỗi khi gặp bà, Hoài không dám nhìn thẳng mặt, chỉ biết cúi đầu vâng dạ.

Từ ngày làm quen với Hoài, Kiểm chưa bao giờ được bước chân vào bên trong sân nhà bà Cả nhưng chàng vẫn để ý tìm hiểu đủ mọi thứ chẳng hạn vườn nhà đó rộng hẹp bao nhiêu, trồng những thứ cây hoa gì, có bao nhiêu dãy nhà, bao nhiêu người ở, các thứ vật liệu như cây, gỗ, sắt thép, xi măng, đá sỏi, cát... chàng đều quan tâm... Chàng thường gợi chuyện để ông Cảnh, chủ nhà Kiểm đang ở, nói về bà Cả, từ đó tìm hiểu về người chồng của bà đã chết, về những người đàn ông có quan hệ làm ăn với bà được xem như người yêu không chính thức của bà... Đối tượng cuối cùng mà Kiểm nhắm đến là tìm hiểu lý lịch của Hoài.

Một hôm, ông Cảnh có việc đến nhà bà Cả mua bán vật liệu, Kiểm lợi dụng cơ hội đó xin đi theo để ghi chép sổ sách, tính toán tiền bạc cho ông vì ông tuy có tay nghề cao nhưng chữ nghĩa không biết nên thường nhờ Kiểm giúp. Ông Cảnh quen nhiều thợ rừng làm nghề gỗ ở vùng Lăng Cô thuộc quận Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên nên mỗi khi có gỗ về, thường đến gặp thầy thư ký hay quản lý kế toán của bà Cả để bán gỗ... Kiểm để ý quan sát cách bố trí nhà cửa, cây cảnh trong vườn, cơ sở làm ăn cũng như nhân sự làm việc trong nhà bà Cả. Hôm đó không có Hoài ở nhà nhưng Kiểm cũng đoán được chỗ ở của Hoài gần khu nhà bếp và nhà kho. Tình cờ bà Cả xuất hiện, Kiểm thấy bà có vẻ cao sang, ít nói và thường dùng tay để chỉ bảo người làm. Việc quan trọng lắm bà mới trực tiếp giải quyết, thông thường hai thầy quản lý và thư ký thay mặt bà trả lời cho khách. Khi ra về, ông Cảnh tiết lộ cho Kiểm đời tư của bà: Nguyên chồng bà xuất thân từ một gia đình giàu có, trí thức nhưng giữa hai vợ chồng có chuyện lục đục vì bà là một người đàn bà thích tổ chức, chỉ huy, thích cướp quyền của chồng, dần dần mọi việc buôn bán làm ăn đều do bà quyết định hết. Bà ham làm giàu nên luôn bận rộn tính toán, sự nghiệp hiện nay phần lớn là do bàn tay của bà làm nên. Đàn bà mà tính đàn ông nên không quan tâm gì đến mặt tình cảm và tỏ ra lạnh nhạt với chồng, do đó ông chồng cảm

thấy cô đơn, buồn chán rồi đâm ra nghiện rượu... Một hôm ông bị lên cơn sốt và bác sĩ cho biết ông bị bệnh lao phổi, từ đó, bà tìm cách tránh xa ông. Đến thời kỳ bệnh nặng, ông phải vào điều trị tại bệnh viện bài lao, mọi việc săn sóc cho ông đều do một người đầy tớ gái đảm trách hết. Bà sợ lây bệnh nên không hề bén mãng đến và cũng tránh xa bệnh viện. May còn có một người thư ký trung thành để giúp ông về tiền bạc, giao dịch thư từ với bên ngoài...

Kiểm có hỏi về lý lịch của Hoài, cha mẹ là ai? Ông Cảnh cho biết thiên hạ đồn rằng Hoài là con riêng của ông Cả... Nghe nói mẹ của Hoài tuy xuất thân nhà nghèo nhưng nhan sắc không kém ai, vì thế ông Cả mới mê cô ấy.

Kiểm thắc mắc, nếu quả thật Hoài là con riêng của ông Cả thì tại sao thân phận của Hoài ở trong nhà này chẳng khác gì một con ở, một đứa đầy tớ. Bên dòng họ của ông Cả, anh em đều là người trí thức, giàu có, mỗi người một cơ nghiệp lớn, làm ăn ngang ngửa với thiên hạ. Bà Cả lại chỉ có một đứa con gái duy nhất, bao nhiêu tài sản đều dành cho cô ấy, còn Hoài thì sao? Không lẽ bên nội của Hoài không có ai lên tiếng bênh vực cho nàng? Có người khác cho Kiểm biết Hoài là con nuôi, bà Cả xin từ Viện Dục Anh Kim Long đem về mới mấy năm gần đây mà thôi. Thân phận con nuôi là con không cha không mẹ, không có ai thừa nhận mới đem cho bà Sơ ở Viện Dục Anh nuôi. Chẳng lẽ con riêng của ông Cả mà phải đem đi cho các Sơ hay sao? Tiền của nhà đó thiếu gì? Tại sao không để cho mẹ nó nuôi hay thuê người khác nuôi riêng cũng được, cần gì phải cho vào Viện Mồ Côi!

*

* *

Hoài mỗi ngày một lớn, mười một... rồi mười hai tuổi... trông xinh đẹp hẳn lên. Hai năm Kiểm trọ nhà ông Cảnh, mỗi buổi chiều đi học về chàng thường ra ngồi bờ sông nhìn vào nhà bà Cả mong sao thấy được gương mặt của Hoài. Thỉnh thoảng Hoài cũng đứng ở trong cổng chính nhìn ra mỉm cười với Kiểm... Hoài đang tuổi mới lớn lên, sống trong môi trường toàn người lớn, không có trẻ con cùng lứa tuổi, không có bạn bè ngoại trừ bạn học ở trường. Hoài cũng biết thân, biết phận, biết hoàn cảnh của mình chỉ là con nuôi nên không dám dẫn

bạn về nhà chơi. Kỷ niệm một đêm chơi "ù mọi" với Kiểm đã in sâu vào trong con tim của Hoài. Những khi tưới hoa trước sân, thấy không có ai nhòm ngó mình, Hoài thường ra đứng trước cổng hy vọng gặp Kiểm đang đợi mình ở đó... Hoài chỉ nhìn ra mà không dám nói gì. Kiểm cũng vậy, mỗi đêm ôm sách ra cột đèn trước nhà bà Cả ngồi học hay mỗi chiều Thứ Năm, Thứ Bảy, nhất là vào mùa Hè, ra bến tắm, ngồi đợi ở bờ sông nhìn vào, mong sao có Hoài thấp thoáng bên trong...

Thế rồi vì hoàn cảnh, hiệp định Genève 20-7-1954 ra đời, hòa bình được tái lập tại Đông Dương, Việt Minh rút về miền Bắc, miền Nam trao cho chính quyền của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, gia đình ông Cảnh quyết định trở về quê ở Phú Vang, Phú Thứ... Kiểm phải dọn nhà đi ở chỗ khác. Năm đó, chàng đang dọn thi Trung Học nên không có thì giờ trở lại Bến Trâu ngồi đợi giờ phút Hoài xuất hiện như trước nữa. Chuyện học hành đã lôi kéo chàng đi theo dòng thời gian. Ba năm sau ngày xa Hoài, Kiểm đã học xong chương trình Tú Tài và bước chân vào năm thứ Nhất Đại Học thì Hoài cũng đã thi đậu Trung Học và vào được lớp Đệ Tam (lớp 10) trường Đồng Khánh. Hoài bây giờ trổ sắc thêm duyên, mỗi lần gặp lại nàng Kiểm càng thấy nhớ, thấy thương. Hoài bây giờ đã mười sáu tuổi rồi nhưng Kiểm vẫn chưa dám viết thư cho nàng vì sợ làm cho nàng xao lãng việc học hành. Đôi lúc Kiểm có ý nghĩ nếu mình không ngỏ ý trước, lỡ có anh chàng nào đến với nàng sớm hơn mà nàng nhận lời thì đau khổ cho mình biết mấy!

Tuy không được ở gần Hoài như trước nhưng Kiểm cũng tìm đủ mọi cách theo dõi tình hình, nhờ người này, người khác tìm hiểu xem Hoài đã có nơi nào chưa? Một hôm Kiểm đi ngang qua nhà bà Cả, thấy có đám cưới thật linh đình, Kiểm nghĩ dại, không lẽ đây là đám cưới của Hoài nhưng không phải, đó là đám cưới của con gái bà Cả, mới 19 tuổi, đang học ở Đà Lạt, vừa đậu Tú Tài II chương trình Pháp thì được gả cho một ông chồng giàu có, thế lực ở trong chính quyền Sài Gòn. Tuổi của tân lang xấp xỉ tuổi của bà Cả, một cuộc hôn nhân môn đăng hộ đối theo sự quyết định của dòng họ chứ hoàn toàn không có vấn đề tình cảm, yêu đương gì hết. Hoàn cảnh các cô gái con nhà giàu ở Huế vẫn thường có những cuộc hôn

nhân cưỡng ép như thế chỉ vì bốn chữ "môn đăng hộ đối" mà thôi.

Sau đám cưới đó được ít lâu lại đến đám tang bà Cả. Bà chết rất trẻ, mới ngoài bốn mươi với một chứng bệnh nan y. Đám tang bà Cả cũng to lớn không kém gì đám cưới con của bà trước đây, chỉ khác một điều là đám cưới thì nhiều hoa, nhiều pháo, nhiều dù lọng, nhiều quần the, áo gấm... , còn đám tang thì nhiều hoa cườm, liễn đối phúng điếu, nhiều khăn tang, nhiều người bận áo quần đen đi theo quan tài...

Sau khi bà Cả chết được một năm thì một biến cố chính trị to lớn xảy ra... cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 tại Sài Gòn đã ảnh hưởng đến những nhà giàu có, thế lực ở Huế. Phần lớn bị bắt, bị tịch thu tài sản, bị buộc tội là cơ sở kinh tài của đảng Cần Lao... Nhiều người trong dòng họ của ông Cả, bà Cả phải bỏ nhà cửa, cơ sở làm ăn ở Huế để chạy vào Sài Gòn lánh nạn hoặc làm lại cuộc đời, tạo dựng cơ sở mới. Nhân cơ hội đó, Hoài cũng dọn đi ở chỗ khác để thay đổi không khí vì nàng đã chán ngấy cái khung cảnh ngột ngạt, cửa đóng then cài, đầy tử khí tại nhà bà Cả.

Hoài muốn thay đổi không khí để trút bỏ cái mặc cảm mình là con nuôi, con rơi, con không cha, không mẹ, phải ăn nhờ ở đậu, phải nương tựa vào kẻ khác. Hoài cũng chán cái không khí phân biệt đối xử của họ hàng và muốn từ chối tất cả mọi quyền lợi đáng lý ra nàng phải được hưởng từ khi mới sinh, nếu quả thật nàng là con riêng của ông Cả theo như lời người ta nói nhưng từ khi lớn lên cho đến ngày hôm nay, chưa bao giờ nàng được họ hàng bên ông Cả chính thức xác nhận ông là cha ruột của nàng. Trên giấy khai sinh mà nàng đã nộp cho trường khi đi học chỉ ghi tên mẹ mà không có tên cha. Mẹ nàng là người họ Nguyễn thì nàng cũng mang họ Nguyễn.

Từ ngày rời Viện Mồ Côi để về ở với bà Cả, chưa bao giờ mẹ nàng đến thăm nàng cho đến ngày bà Cả mất, mẹ nàng mới xuất hiện để gặp lại nàng. Hôm đó mẹ nàng đến gặp thầy quản lý và một người lớn tuổi bên họ nhà chồng bà Cả, trao đổi với nhau vài ba điều gì đó... rồi Hoài thấy người ta trao cho bà một khăn tang để chít lên đầu khi đưa đám bà Cả. Bà cũng đã gặp riêng và hỏi Hoài:

- Con có biết mẹ không?

- Biết.
- Con có nhớ mẹ không?
- Con nhớ mẹ.

Thế rồi cả hai mẹ con ôm nhau khóc.

Hoài còn nhớ, khi còn nhỏ mẹ Hoài và Hoài sống ở Cô Nhi Viện Dục Anh (Kim Long) Huế cho đến năm Hoài lên 3 tuổi thì mẹ đi lấy chồng và năm Hoài 8 tuổi thì một hôm bà Cả cho người đến Cô Nhi Viện đem Hoài về nhà bà và Hoài tự hiểu là mình đã được các Sơ cho về làm con nuôi của bà Cả, rồi sau đó Hoài cũng nghe người ta xì xào bàn tán Hoài là con riêng của ông Cả với mẹ Hoài. Từ ngày đó, Hoài không bao giờ gặp lại mẹ cho đến khi bà Cả qua đời.

Mẹ Hoài đi lấy chồng, một người lính lái xe trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa, sinh được bốn cậu con trai rồi chồng chết, nhà nghèo không đủ nuôi con nên Hoài phải vừa học vừa làm để giúp mẹ, giúp em.

*

* *

Sau khi học hết chương trình Tú Tài II, Hoài thay đổi địa chỉ mấy lần, cuối cùng dọn đến một biệt thự tương đối cổ kính nằm trong một bức vườn vùng ngoại ô thành phố Huế, với đầy đủ tiện nghi. Sau biến cố 1/11/1963, chủ nhân ngôi nhà này đã chạy vô Sài Gòn, con cháu cũng không còn ai nên để trống cho các Sơ mở vườn trẻ... Kiểm phải mất công tìm tòi hết nơi này đến nơi khác, cuối cùng mới gặp được Hoài tại đây. Kiểm không bao giờ quên được, vào một buổi chiều mờ tối, trời mưa gió, với không khí lạnh lẽo đầu tháng Mười, chàng đã đến gõ cửa phòng Hoài. Căn phòng chỉ khép hờ, cửa không khóa, Kiểm đã mạnh dạn bước vào...

Những năm sau biến cố 1963, các phong trào tranh đấu trong sinh viên Đại Học tại miền Nam nhất là Huế, Sài Gòn càng ngày càng tỏ ra nguy hiểm, quá khích, vô kỷ luật đi đến bãi khóa, đình công, bãi thị, gây trở ngại cho việc học hành và tạo xáo trộn trong mọi sinh hoạt xã hội. Cộng Sản và các tổ chức chính trị đều nhảy vào lợi dụng khối thanh niên, học sinh, sinh viên để hướng họ vào kế hoạch của mình. Kiểm không đồng ý với các hoạt động bạo động, quá khích của sinh viên như tự động đi bắt người, đốt phá phòng thông tin Hoa

Kỳ ở Huế, đốt nhà gây thương vong cho dân di cư tại hai làng Thanh Bồ, Đức Lợi Đà Nẵng, gây chia rẽ tôn giáo, đập phá các cơ sở công, tư, phổ biến tài liệu chống Mỹ, chống chiến tranh, tuyên truyền cổ võ cho Cộng Sản... , vì thế chàng đã cùng bạn bè, những người có lập trường Quốc Gia, chống lại các hoạt động của nhóm sinh viên thiên Tả này. Qua bạn bè trong giới học sinh, sinh viên, Hoài biết các hoạt động của Kiểm nên nàng rất lo lắng, sợ có bề gì nguy hiểm cho chàng.

Kiểm biết tại Cô Nhi Viện Dục Anh có một cô gái, cha là sĩ quan Nhật, mẹ là người Việt Nam. Sau khi Nhật đầu hàng, viên sĩ quan đó đã mổ bụng tự tử trong lúc người vợ đang có thai. Nàng đã nhẫn nhục sống cho đến khi sinh và vì không biết lấy gì nuôi con giữa năm đói 1945 nên đã đem đứa con gái xinh đẹp kia gởi cho các Sơ nuôi. Những ngày còn trong Cô Nhi Viện, Hoài và cô gái lai Nhật đó rất thân thiết với nhau như hai chị em ruột. Hoài cũng có nét giống như gái Nhật, mũi cao, da trắng, tóc mây rất dày, nếu không biết rõ nguồn gốc của Hoài thì người ta cũng có thể nghĩ rằng nàng là một cô gái lai Nhật.

Những biến cố chính trị xảy ra liên tục tại miền Nam từ sau 1963 đã làm cho Kiểm rất bận rộn ngày đêm để đối phó với tình hình. Sau Tết Mậu Thân 1968, Kiểm hoàn toàn mất liên lạc với Hoài. Chàng hỏi thăm những người quen và không một ai biết được bây giờ Hoài đang ở đâu.

Từ ngày gặp Hoài lần cuối cùng tại Huế đến nay, phút chốc mà đã hơn hai năm qua. Hai năm không phải là khoảng thời gian dài đối với một đời người nhưng với Kiểm, chỉ trong hai năm đó, bao nhiêu biến cố xảy ra và cuộc đời của Hoài cũng đã thay đổi không kém. Từ Huế, nàng đã vào Nha Trang, Đà Lạt, Sài Gòn và cuối cùng nàng đã quyết định đi ra ngoại quốc và thề sẽ không bao giờ trở lại Việt Nam nữa. Không một ai trong gia đình, kể cả mẹ và các em hiểu được lý do tại sao?

Khi nghe tin đó, Kiểm rất bàng hoàng đau xót. Chàng tự hỏi: "Liệu Hoài có thực sự tìm được hạnh phúc trong cuộc sống mới hay không?". Trong bao nhiêu năm, Kiểm không tìm được câu giải đáp.

Sau khi Hoài đi xa, mẹ nàng vì thương nhớ con nên mỗi ngày một hao gầy, không ăn ngủ được, nỗi đau vật chất lẫn

tinh thần càng dày vò... rồi bà bỗng trở bệnh nặng... Hoài là con gái duy nhất, đứa con lớn, hiếu thảo, hy sinh, gương mẫu nhất trong nhà, ngay từ khi mới sinh đã không thấy mặt cha, rồi phải xa mẹ để sống một mình trong Viện mồ côi, khi lớn lên, không biết cha mẹ là ai, phải khuất thân làm tôi tớ người khác, sống nhẫn nhục trong cảnh cô đơn, vất vả, chịu khó học hành, làm lụng để vươn lên. Bao nhiêu năm xa mẹ, xa em... đến khi khôn lớn, có điều kiện lui tới với gia đình thì lại bỏ đi xa... Mẹ ở nhà lỡ khi ốm đau bệnh hoạn, giây phút cuối của cuộc đời, làm sao gặp lại con!

Trong những ngày cuối cùng của cuộc đời, mẹ đã viết cho Hoài một bức thư nhưng chưa kịp gởi thì mẹ đã ra người thiên cổ rồi!

*

* *

Hai chục năm sau khi mẹ mất, một sự tình cờ Hoài đã nhận được một bức thư từ Việt Nam gởi ra ngoại quốc, do một người quen vượt biên mang theo:

"Long Khánh ngày... tháng... năm ...

Thăm con thân mến,

Trước khi từ giả cuộc đời để về với ông bà tổ tiên, mẹ hãy còn một vài điều chưa nói cho con biết, nên mặc dù đang bệnh nặng, mẹ vẫn cố gắng mỗi ngày viết một vài dòng để gởi cho con. Vì mẹ sợ rằng, sau này khi mẹ không còn nữa thì chẳng có ai biết để nhắn lại với con.

Hoài ơi!

Con đi xa rồi, mẹ buồn vô hạn. Đời mẹ chỉ có một mình con là con gái mà trong tuổi trẻ, vì hoàn cảnh bất hạnh, mẹ đã không được sống gần con, mẹ không được nuôi con khôn lớn cho tròn bổn phận làm mẹ như lòng mẹ hằng mong ước. Đến khi có điều kiện để mẹ con gần gũi thì con lại bỏ đi xa. Vì hạnh phúc của cá nhân con mà mẹ và các em con phải đành lòng để con ra đi, nương thân nơi xứ lạ quê người, lỡ khi đau ốm, buồn lo biết tâm sự cùng ai, biết cậy nhờ ai giúp đỡ... Mẹ biết con đã có chồng, có con nhưng mẹ vẫn không yên tâm khi nghĩ đến con xa cách, vì thế ngày đêm mẹ chỉ biết cầu nguyện cho con được bình yên sức khỏe, làm ăn phát đạt và được hạnh phúc bên chồng, bên con.

Cho đến bây giờ, mẹ chưa nói cho con biết cha con là ai? Tại sao

con lớn lên không có cha, có mẹ? Tại sao con phải sống trong trại mồ côi? Tại sao con lại về làm con nuôi nhà bà Cả?

Chắc con cũng đã nghe người ta nói về nguồn gốc của con, về người cha của con... nhưng nếu mẹ không chính thức nói ra thì làm sao con có thể tin vào lời thiên hạ được, vì thế mẹ phải có bổn phận nói rõ điều đó cho con biết trước khi mẹ nhắm mắt lìa trần. Vì chỉ có mẹ mới là nhân chứng giá trị nhất, có thẩm quyền nhất để nói về nguồn gốc của con, không một tiếng nói nào có giá trị hơn lời của mẹ được.

Năm đó, mẹ vào khoảng 17, 18 tuổi, sống ở nhà quê với ông bà ngoại. Nơi đó là vùng Việt Minh chiếm đóng, có lực lượng kháng chiến chống Pháp hoạt động nên lính Pháp và Bắc Phi thường mở những cuộc hành quân vào vùng này. Chúng thường đốt nhà, giết người, cướp của, hãm hiếp đàn bà con gái... , vì thế bà ngoại mới cho mẹ lên Huế để tránh mọi sự nguy hiểm. Tuy là con gái nhà quê nhưng mẹ cũng được đi học, biết đọc, biết viết và có nhan sắc, tư cách hơn người. Mẹ đến xin làm người giúp việc trong nhà ông bà Cả, một người giàu có, danh giá vào bậc nhất tại địa phương. Mỗi ngày mẹ phải đi chợ, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa, săn sóc vườn tược. Vì mẹ có nhan sắc nên sợ người ta để ý, do đó mẹ phải cải trang mặt mày lem luốc, ăn mặc lùi xùi để cho xứng hợp với địa vị "người đầy tớ gái" trong nhà.

Một hôm bà ngoại lên Huế thăm mẹ, khi trở về thì bị Việt Minh bắt đem đi treo cổ trên cây cao giữa cánh đồng vì nghi ngoại liên lạc thông báo tin tức cho giặc Pháp. Hơn một năm sau mẹ mới biết tin đó. Mẹ rất đau khổ nhưng không dám về thăm nhà và chỉ âm thầm chịu đựng một mình.

Ông Cả xuất thân từ một gia đình giàu có, trí thức, anh em đều là những người danh tiếng, có người em trai là Bác Sĩ ở bên Pháp, và hai người em gái đều giàu có... Bà Cả là người xuất thân trong gia đình quan lại và trí thức. Bà giúp chồng làm ăn, giàu có như con thấy nhưng bà có tính đàn ông, thích chỉ huy kẻ khác và hay lấn át quyền của chồng. Bà chỉ ham làm giàu mà không để ý săn sóc chồng, nhất là mặt tình cảm, vì thế ông Cả rất buồn. Ông thường hay đi săn bắn và có lần gặp cơn mưa bão, bị cảm lạnh, sau đó bị đau nặng lâu ngày thành bệnh lao phổi, bác sĩ buộc phải vào bệnh viện điều trị. Từ đó, bà Cả vì sợ lây bệnh ho lao, nên trao việc săn sóc, liên lạc với ông Cả cho thầy thư ký và mẹ. Mỗi ngày mẹ phải lo cơm nước, bới xách

cho ông và giặt quần áo cho ông.

Ông Cả nằm ở bệnh viện lâu ngày nên rất buồn, chỉ đọc báo, đọc sách và không có ai đến thăm viếng chuyện trò, ngoài mẹ và thầy thư ký... Mỗi lần mẹ mang cơm đến, phải dỗ dành năn nỉ ông mới chịu ăn. Mẹ nghĩ mình chỉ là phận tôi tớ nên chỉ làm đủ bổn phận hằng ngày mà thôi, ngoài ra mẹ không tìm dịp để chuyện trò với ông nhiều nhưng trái lại, ông thường gọi mẹ đến gần, hỏi han tình hình gia đình, bắt mẹ kể cho ông nghe về cha mẹ anh em và hoàn cảnh ở nhà quê sinh sống như thế nào. Ông tỏ ra rất quan tâm. Nhiều lần ông thường nói với mẹ:

- Ẩn ơi! Ở đây buồn quá! Buồn thì bệnh khó mà lành được.

Mỗi lần ông ngồi trên ghế ăn cơm, mẹ phải quỳ dưới chân để gắp thức ăn bỏ vào chén cho ông. Chỉ có cách đó mới thuận tay, nếu đứng thì phải cúi xuống rất khó trao thức ăn ngang miệng cho ông được. Có lần ông nói với mẹ:

- Tại sao em để mặt mày nhơ bẩn thế. Hãy đi rửa mặt cho sạch sẽ. Tôi không muốn nhìn thấy em như vậy.

Vì thế, khi ở nhà thì mẹ để cho mặt mày lem luốc để cho bà Cả khỏi để ý nhưng khi đến bệnh viện thì mẹ phải đi rửa mặt sạch sẽ, chải tóc gọn gàng mới dọn cơm cho ông ăn. Có lần ông kêu mẹ đến gần và bảo mẹ đưa bàn tay cho ông xem. Ông cầm bàn tay mẹ hồi lâu rồi ứa nước mắt ra và nói:

- Mặt mày xinh đẹp như thế, bàn tay tốt như thế mà phải đi làm đầy tớ cho nhà giàu! Người như thế này đáng lý ra phải được làm chủ một cơ nghiệp mới phải!

Nói xong ông ôm lấy mẹ và nói:

- Ẩn ơi! Tôi buồn lắm. Vợ tôi không tưởng nghĩ gì đến tôi. Bà ấy chỉ biết làm giàu và đã có người khác săn sóc cho bà rồi...

Mẹ hiểu ý liền gỡ tay ông ra rồi quỳ xuống:

- Thưa ông, con không đáng cho ông nghĩ tới. Con là phận tôi tớ...

Nhưng ông nói với mẹ rằng:

- Ẩn ơi! Em ăn ở có tình có nghĩa với tôi. Tôi không đối xử với em như là người tôi tớ đâu! Tôi xem em như em của tôi, như bạn của tôi. Nếu em thương tôi thì tôi xem em như vợ của tôi. Tôi quá buồn, quá đau khổ. Xin em đừng xua đuổi tôi.

Nói xong, ông cầm tay mẹ rồi ôm lấy mẹ mà khóc.

Mẹ là con gái mới lớn lên, nhẹ dạ và hay nể nang, sợ làm buồn

lòng ông nên mẹ chỉ ứa nước mắt rồi tự nhiên khóc nức nở. Ông cũng khóc và ôm lấy mẹ mãi như thế. Lúc đó mẹ vào khoảng 18, 19 tuổi, còn ông thì mới ngoài 30 tuổi mà thôi, mặt mày ông rất khôi ngô tuấn tú và tính tình rất phúc hậu. Mấy tháng sau, mẹ có thai. Mẹ rất lo sợ và không biết phải giải quyết ra sao. Mẹ không dám nghĩ đến chuyện phá thai vì ông bà mình thường dạy phá thai là chuyện thất đức... Mấy đêm liền không ngủ được và cuối cùng mẹ quyết định phải nói hết sự thật cho ông biết. Nghe tin đó, ông bàn với mẹ rằng:

- Bây giờ hãy còn thì giờ để tôi lo cho Ẩn đâu vào đó. Ẩn đừng sợ!

Sau đó, ông bảo Thầy thư ký mang đến cho ông một số tiền và thu xếp cho mẹ một chỗ ở tại làng Kim Long. Vào một buổi sáng, như thường lệ, mẹ đi chợ mua thức ăn cho ông và mang theo một ít quần áo cần thiết rồi đi thẳng luôn. Cho đến ngày sinh con, mẹ đem gởi vào Cô Nhi Viện Dục Anh ở Kim Long. Được ba năm, khi con khôn lớn thì mẹ mới về quê... Mẹ không dám lui tới với ông Cả vì sợ bà Cả trả thù. Bà là người có thế lực, chỉ cần nói với người Pháp một tiếng là họ cho lính bắt mẹ bỏ tù ngay tức khắc. Thậm chí họ có thể xử tử mẹ với tội hoạt động cho Việt Minh Cộng Sản!

Từ khi xa mẹ, ông Cả quá buồn vì quá thương nhớ nên bệnh nặng thêm và ông đã qua đời sau đó chừng một năm. Ông dặn mẹ đặt tên cho con là "Hoài", có nghĩa là "Nhớ"... Mẹ còn nhớ, hồi đó, mỗi buổi sáng khi mẹ mang thức ăn đến cho ông thì ông thường nói với mẹ:

- Ẩn ơi, đêm qua tôi nằm mơ thấy Ẩn, tôi thương Ẩn nhiều lắm, tôi nhớ Ẩn nhiều lắm... Ẩn có ghét tôi không? Ẩn có giận tôi không? Nếu mai kia tôi chết thì linh hồn tôi vẫn ở bên cạnh Ẩn mãi mãi...

Mỗi lần nghe ông nói như vậy, mẹ thấy thương ông quá. Mẹ biết cuộc sống của ông mong manh lắm nhưng mẹ không dành lòng bỏ rơi ông. Bệnh viện cho ông ở phòng hạng nhất, riêng biệt, có đầy đủ tiện nghi như ở nhà, chỉ có người Pháp mới được như vậy, người Việt Nam ít có người được như ông. Trước khi mất, ông có viết cho người bà con trong họ hàng của ông một bức thư nhờ người đó bảo bọc che chở cho con. Bức thư đó đã được công bố sau khi ông chết nhưng bà Cả làm áp lực không cho thi hành di chúc của ông. Mãi đến khi con được tám tuổi thì bà Cả mới cho người đến Cô Nhi Viện

làm giấy tờ xin đem con về làm con nuôi. Khi bà Cả còn sống, mẹ không dám đến thăm con vì bà Cả giận mẹ đã "cướp chồng" của bà nhưng sau khi bà Cả qua đời thì người trong họ hàng đã nhắn tin cho mẹ biết và mẹ đã đến để được nghe kể lại những lời cuối cùng của ông Cả trước khi mất. Mẹ đã để tang cho bà Cả cũng như trước đây mẹ đã âm thầm để tang cho ông Cả. Dù sao đối với bà Cả thì mẹ cũng là phận nhỏ, phận làm em.

Về nguồn gốc dòng họ của con, theo lời ông Cả kể lại cho mẹ khi ông còn sống thì mấy trăm năm trước dòng họ ông có người làm quan lớn từ Bắc vào lập nghiệp ở tỉnh Quảng Trị rồi theo đạo Công Giáo. Thời nhà Nguyễn bắt đạo, tổ tiên của ông bị lưu đày, phân tán đi khắp nơi, một người vào Huế và đã sinh hạ con cháu sau này. Đời ông Cố vẫn còn nghèo, về sau tự nhiên con cháu phát đạt, giàu có, trí thức... Nghe nói ông cố một hôm đào ao trồng tre gặp được chum vàng. Nhờ đó con cháu mới có tiền đi học và có vốn làm ăn. Danh giá dòng họ này đến nỗi người Pháp cũng phải kính nể. Khi con lớn lên, gương mặt của con cũng hao hao giống hai bà cô, em ruột của ông Cả. Hai người đó rất đẹp và học giỏi, một thời nổi danh. Một người có chồng là bác sĩ, sau bỏ chồng đi lấy một người ngoại quốc, con cháu đều thành tài và hiện đang ở ngoại quốc. Dòng họ bên nội con danh giá, trí thức nên họ khinh mẹ là người nghèo hèn, ít học, vì thế họ cũng không có tình với con. Họ không muốn công khai nhìn nhận con là con cháu của họ. Đó là sự thật. Dù sao thì con vẫn là con của ông Cả và ông Cả cũng đã yêu thương mẹ một cách chân thành, không phải chỉ là một sự lợi dụng về xác thịt mà thôi đâu. Mẹ cũng yêu thương ông mà sinh ra con. Mẹ nói điều đó cho con biết và khuyên con đừng quên người Cha đau khổ của con đã qua đời.

Năm con được ba tuổi, mẹ trở về làng ngoại thăm mồ mả ông bà, thăm anh em họ hàng. Có người biết hoàn cảnh của mẹ nên đã xin cưới mẹ làm vợ và thương yêu mẹ trọn tình nghĩa vợ chồng. Bà con họ hàng khuyên mẹ nhận lời vì mẹ hãy còn trẻ, sau này không biết nương tựa vào ai. Đó là một người lính lái xe trong Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Mẹ có với ông này 4 đứa con trai thì ông bị tử trận. Mẹ gắng nuôi các em con khôn lớn, hiện nay chúng cũng đã có vợ có con cả rồi. Mẹ có chết đi cũng an tâm. Chỉ buồn một điều là không được gặp lại con trước khi nhắm mắt.

Thư này mẹ để lại cho các em, khi nào liên lạc được với con, các em sẽ gởi cho con. Mẹ cầu mong gia đình con hòa thuận, hạnh

phúc. Nếu sau này con trở về, xin nhớ đến thăm mộ của mẹ và cầu nguyện cho mẹ.

Mẹ vĩnh biệt con.

Nguyễn Thị Ẩn..."

*

* *

Đọc xong thư, Hoài bỗng lặng người đi. Nỗi khổ tâm mang nặng trong lòng nàng từ hơn hai chục năm nay bây giờ lại bùng lên một cách sôi nổi. Mẹ nàng và anh em nàng cũng thừa biết nàng là người con chí hiếu, chí tình, nàng đã từng hy sinh làm lụng vất vả để giúp mẹ, giúp em, đã từng vươn lên từ trong cảnh khó nghèo để trở thành một người có học, có khả năng. Nỗi khổ tâm của nàng chỉ có một mình nàng biết, một mình nàng hay. Sau khi nhận được thư mẹ, Hoài quyết định trở về, dù chỉ để thắp cho mẹ một nén hương trên mộ, nàng cũng phải làm.

Hoài đã tìm hỏi nơi này, nơi nọ trong số bạn bè đã từng về Việt Nam để làm giấy tờ, thủ tục và để biết đường đến nhà các em hiện ở vùng kinh tế mới thuộc tỉnh Long Khánh cũ (nay là tỉnh Đồng Nai). Hoài đã đến phi trường Tân Sơn Nhất vào dịp lễ Giáng Sinh, ở lại Sài Gòn đợi chờ liên lạc được người quen dẫn đi thăm các em.

Gặp lại bà con, bạn bè, Hoài rất mừng. Ai cũng khen Hoài đã ngoài bốn mươi rồi mà trông còn trẻ đẹp như xưa. Bề ngoài, Hoài vẫn nói cười vui vẻ. Nàng kể cho mọi người nghe về cuộc sống của nàng bây giờ ổn định, có nhà cửa tài sản lớn, lương cao. Hoài xa Việt Nam đã hơn 20 năm rồi, với thời gian dài làm việc nhiều, nàng đã dành dụm được chút vốn liếng và bắt đầu nghỉ ngơi để đi du lịch nơi này nơi khác, trong đó có chương trình về thăm quê hương. Con cái của nàng bây giờ cũng đã lớn, đang học những năm cuối của chương trình Đại Học, tương lai sẽ có cuộc sống ổn định nên nàng cũng không còn phải lo lắng gì... Thấy nàng ăn nói vui vẻ, hồn nhiên nên anh em, bạn bè ai cũng mừng cho nàng.

Hoài đã được các em dẫn đi thăm mộ mẹ và nàng đã xúc động quỳ bên mộ khóc nức nở. Sau đó, nàng đã thuê thợ xây cho mẹ một ngôi mộ thật đẹp và đã gắn lên đó bức hình của mẹ với mấy hàng chữ: "CON NHỚ MẸ", ở dưới ghi tên Hoài

và các em... Hoài cũng thuê xe cho các em đi thăm Huế và nhờ người hướng dẫn đến thăm khu lăng mộ của gia đình bên nội. Lần đầu tiên, nàng đã quỳ trước mộ của ông Cả, người cha đau khổ mà nàng mới biết rõ về người qua bức thư của mẹ để lại. Nàng đã đi thăm Đại Nội, cung điện của các vua nhà Nguyễn, thăm các lăng tẩm ở vùng núi hai bên bờ sông Hương, đi thăm các nhà thờ, chùa, thưởng thức các món ăn Huế, đi thuyền trên sông Hương, nghe ban cổ nhạc trình bày các bài ca, điệu hò ngày xưa... Trong dịp đó, Hoài đã gặp lại Tường Vi, một người bạn thân, học cùng lớp ngày xưa. Tường Vi đã cho Hoài biết tình trạng của Kiểm sau 1975 đã bị Việt Cộng bắt và bị buộc vào tội "hoạt động lật đổ chính quyền"... , hiện đang bị giam giữ tại vùng Thanh Hóa cùng chung vụ với Liêm, chồng của nàng. Ba tháng một lần, Tường Vi thường xin giấy phép đi thăm chồng và nay đã sắp đến kỳ hạn rồi...

Dịp đó, Hoài đã đi theo Tường Vi ra Thanh Hóa để thăm Kiểm. Hai người đã thuê xe hơi khởi hành từ Huế. Mùa Tết, trời lạnh, đường sá hư hỏng, đi mất một ngày mới tới nơi... Tường Vi chính là cô gái lai Nhật ngày xưa ở trong Cô Nhi Viện với Hoài, hai người có vóc dáng, khuôn mặt hơi giống nhau, nên ai cũng tưởng là hai chị em. Hoài thân với Tường Vi từ nhỏ, cùng cảnh ngộ nên dễ thông cảm nhau. Đọc đường, Hoài đã tâm sự nhiều với Tường Vi về mối tình giữa Kiểm và Hoài ngày xưa... Hoài cho rằng Kiểm vì quá đam mê chính trị, đã chạy theo con đường danh vọng mà bỏ rơi Hoài... nên Hoài giận mà bỏ đi xa, không liên lạc với Kiểm nữa. Bây giờ nghĩ lại, Hoài thấy mình đã quá sai lầm khi chấp nhận kết hôn với một người ngoại quốc, đã không đem lại hạnh phúc cho nàng... Trái lại nàng đã mất cả bà con, anh em, bạn bè, mất cả quê hương, đất nước. Con cái cũng không biết nói tiếng mẹ đẻ, không biết gì về văn hóa lịch sử Việt Nam, không biết gì về họ hàng bên ngoại... Vì quá bận công việc làm ăn, vì phải sống cho cá nhân mình, nên nàng đã thiếu sót không dạy cho con tiếng nói và văn hóa Việt Nam. Nàng phải chịu trách nhiệm về điều đó.

Ban Giám Thị Trại không cho Hoài được gặp Kiểm vì không có giấy tờ liên hệ gia đình. Hơn nữa, hiện Kiểm đang ở trong tình trạng bị kỷ luật không cho thăm gặp thân nhân,

không cho nhận quà cáp thư từ trong vòng sáu tháng vì lý do đã xúi giục anh em tù chính trị đứng lên đòi hỏi chuyện này chuyện nọ ở trong trại... Tường Vi đã nhận Hoài là chị em cô cậu nên Hoài cũng có mặt trong lúc Tường Vi nói chuyện với chồng tại phòng khách của trại tù. Liêm đã cho Hoài biết thời gian sống chung với Kiểm trong tù, chàng đã được Kiểm tâm sự nhiều về Hoài. Cho đến bây giờ Kiểm vẫn còn thắc mắc không hiểu tại sao tự nhiên Hoài xa Kiểm và cắt đứt mọi liên lạc... Hoài chưa bao giờ trả lời cho Kiểm Hoài có đồng ý để cho Kiểm đi hỏi nàng làm vợ hay không, nên Kiểm vẫn chờ đợi cho đến khi được tin Hoài đã đi ngoại quốc, mới lập gia đình với người khác. Bây giờ Hoài mới biết rằng mình đã nghĩ oan cho Kiểm... nhưng mọi việc đã lỡ rồi, không còn thay đổi được nữa!

*

* *

Hoài đã cùng Tường Vi trở về thăm ngôi nhà xưa, nơi Hoài đã sống gần chục năm, nơi cha của nàng đã xây dựng nên vườn tược, nhà cửa nguy nga đồ sộ... Nơi mẹ Hoài đã từng nương thân trong thời loạn lạc, nơi mà môi đêm Hoài thường chạy ra cổng để mong ngóng xem Kiểm có đến ngồi cạnh bến tắm hay không? Nơi đó, người ta thường gọi là "Bến Trâu"... nhưng Kiểm thì gọi đó là "Bến Xuân", một cái tên thơ mộng, nơi đã phát sinh ra mối tình lãng mạn của đôi bạn học trò thời thơ ấu: Kiểm và Hoài!

Trong những ngày chờ đợi Tết, hai cây bạch mai, hoàng mai trước sân nhà đã ra hoa. Những cây mận, cây đào trong vườn vẫn còn đó, các chậu kiểng vẫn còn đó, hoa hồng, hoa sói, chậu lan, chậu cúc... vẫn còn đó nhưng ông Cả, người chủ nhà, người cha mà Hoài chưa hề biết mặt, đã ra đi gần nửa thế kỷ trước rồi; bà Cả cũng đã vắng bóng gần ba chục năm nay; mẹ nàng, Nguyên Thị An, cũng đã ra đi từ ngày dan díu với cha nàng... và Kiểm cũng không còn đó để chờ đợi cái mỉm cười kín đáo và duyên dáng của Hoài từ bên trong cánh cửa... Giang sơn đã đổi chủ, kẻ thù đang ngự trị trong ngôi nhà này... Hoài chỉ là người khách xa lạ, một người mang quốc tịch nước ngoài, một khách du lịch tình cờ đi qua đây, dừng chân ngắm cảnh...

"Quốc phá, sơn hà tại", nước mất nhưng sông núi vẫn còn đó...

Nguyễn Lý Tưởng

CẢM ĐỀ

** Sau khi viết xong truyện "BẾN XUÂN"*

Nước mất, sông núi vẫn còn (1),
Đường về nhà cũ, hoàng hôn xuống rồi.
Trước vườn một gốc lão mai,
Nghe tin Xuân đến, ngậm ngùi ra hoa.
Giang sơn này của mẹ cha,
Giờ đây đổi chủ, người ta chiếm rồi.
Thân em là trẻ mồ côi,
Tình duyên trắc trở, suốt đời lênh đênh.
Thương anh trong chốn ngục hình,
Dù xa xôi mấy, một mình đi thăm.
Chốn xưa, nhớ một đêm rằm,
Em ra trước ngõ, âm thầm chờ anh.
Anh thường khen em rất xinh,
Như trúc kia mọc đầu đình tốt tươi.
Thương em duyên dáng nụ cười,
Anh thương "chỉ có một người", "thương anh... "
Ai ngờ hai mái đầu xanh,
Tội tình chi mấy mà đành trái ngang.
Thế rồi, mỗi đứa mỗi đàng,
Thế rồi, mang tiếng "phụ phàng" với nhau.
Em đâu có chuyện sang giàu,
Bốn mùa trong cảnh mưa Ngâu sụt sùi.
Dưới cầu nước vẫn trôi xuôi,
Thời gian đâu có trở lui bao giờ.
Tại sao anh vẫn đợi chờ?
Tại sao anh vẫn còn mơ một người?
Tuổi Xuân, mình đã qua rồi,
Hoa mai đã rụng, trên đồi Xuân đi...
Bây giờ em mới trở về,
Bến Xuân thuyền đậu, để nghe câu hò...

Ngày xưa có cậu học trò,
Yêu cô con gái bơ vơ lạc loài.
Thế rồi, anh chẳng yêu ai,
Ngoài cô con gái trọn đời anh mơ...
15 tháng 1, 1999
Nguyễn Lý Tưởng

Chú thích:

1. Quốc phá sơn hà tại: Nước mất nhưng sông núi vẫn còn.

TIÊN NGA VŨ KHÚC

Tâm bước lên xe ra phi trường, cơn mưa tầm tã suốt mấy ngày nay. Đang mùa Phật Đản nhưng vẫn không thấy trăng vì thời tiết thay đổi, giữa mùa Hè mà mưa bão tới, mây đen bao phủ cả bầu trời. Tâm đã lỡ mua vé máy bay vào dịp cuối tuần được nghỉ thêm ngày Thứ Hai, nên không còn cơ hội nào khác thuận tiện hơn. Chàng hy vọng thời tiết ở miền Nam nước Mỹ sẽ tốt hơn vào mùa này.

Máy bay cất cánh lúc nửa đêm. Từ trên cao nhìn xuống dưới đất, những lớp mây dày đặc đang bao phủ thành phố, không thấy ánh đèn lấp lánh như những vì sao trên Ngân Hà như mọi khi. Tâm cảm thấy khó thở vì áp lực không khí nặng nề. Máy bay càng lúc càng lên cao, cho đến khi ra khỏi Nam Cali để hướng về phương Nam thì một bầu trời trong sáng hiện ra, không một gợn mây, không một ánh sao. Vừng trăng vằng vặc chiếu vào, soi sáng tận chỗ ngồi bên cạnh cửa sổ làm cho gương mặt của Tâm thêm linh động, huyền ảo. Trong nỗi cô đơn, Tâm cảm thấy trăng như là người bạn duy nhất để cho mình gởi gắm niềm tâm sự.

Những bài thơ của Hàn Mặc Tử viết ra khi trăng lên, mang cả nỗi đau da diết của người bị bệnh phong cùi. Thi sĩ đã thốt ra những lời thơ bất hủ, hòa với máu và nước mắt trong nỗi tuyệt vọng của người phải chứng nan y. Nỗi đau hành hạ nhà thơ từ thể xác đến tinh thần với tâm trạng của một người cố sống qua những giây phút chờ đợi tử thần mỗi lúc một đến gần để kết liễu cuộc đời bất hạnh của mình. Tâm cũng có nỗi đau vào mùa trăng. Mỗi lần đứng ngắm vừng trăng lẻ loi giữa bầu trời, Tâm thấy lòng mình cô đơn, tiếc nuối, nhớ nhung, thất vọng vì không tới được với trăng, chàng nói với trăng mà

không có tiếng đáp lại.

Vào tuổi mới lớn đầy thơ mộng, Tâm đã gặp Mỹ Linh qua một đêm đại hội văn nghệ của các trường trong thành phố. Mỹ Linh theo đoàn múa của một trường nữ Trung Học đến trình diễn tại đây và rất hy vọng sẽ đoạt giải. Hôm đó, Tâm đứng trước micro để giới thiệu chương trình nên có điều kiện được nhìn rõ nét mặt ngây thơ, duyên dáng của nàng. Mỹ Linh có một mái tóc thề tràn xuống ngang vai rất đẹp, đôi mắt to, tròn và sáng như hai viên ngọc dạ quang núp dưới hai hàng mi cong vút, nét mày thanh tú, dài tận ngư vỹ như hai lá liễu, đôi má mịn màng có phớt một chút phấn hồng khi lên sân khấu trông rất dễ thương. Nàng đóng vai tiên nữ nhịp nhàng theo điệu nhạc trong bài "Tiên Nga Vũ Khúc" của Văn Cao. Mỹ Linh kết thúc điệu múa trong tư thế một tiên nữ quỳ xuống, mắt ngước nhìn lên vừng trăng treo lơ lửng giữa bầu trời, bàn tay cầm quạt hoa xòe ra, đưa lên cao, còn tay kia thì hạ thấp xuống.

Các máy chụp hình tranh nhau chớp lia lịa. Tâm như bị một cú sét ái tình, chàng nhìn thẳng vào đôi mắt của nàng như ngây ngất. Trong lúc đó, Mỹ Linh bỗng nhìn lại và như mỉm cười với chàng. Một mối tình học trò đã chớm nở.

Chàng âm thầm theo dõi bước chân của nàng mỗi lần đi học hay khi tan trường trở về. Rồi một hôm Tâm tìm đến nhà trọ của nàng, gõ cửa, với giọng nói nghẹn ngào, xúc động:

- Mỹ Linh ơi! Anh yêu em lắm! Nhưng anh quá vụng về... Anh xin trao tận tay em bức thư này... Đây, tất cả nỗi lòng của anh...

Mỹ Linh cầm bức thư trên tay, bối rối, ngại ngùng, không biết trả lời ra sao. Nàng đứng trước cửa im lặng, không kịp chào và mời Tâm vào nhà... Tâm cảm thấy bối rối nên đành tự động rút lui... Năm đó, Tâm mới mười tám và Mỹ Linh cũng bước vào tuổi mười lăm.

Đã mấy đêm rồi, Mỹ Linh không ngủ được, cứ nằm đọc đi đọc lại những lời của Tâm viết cho nàng.

Rằm tháng Tư, mùa Phật Đản. Khắp nơi trong thành phố người ta mua nhang đèn, hoa quả để cúng Phật. Mùi hương trầm ngào ngạt thoảng bay ra xa. Mỹ Linh một mình trong căn phòng nhỏ bé thả hồn theo giấc mộng vàng của tuổi học trò

lần đầu mới biết yêu. Nàng không thể diễn tả được tâm trạng của mình lúc bấy giờ như thế nào, một phần nàng cảm thấy lo sợ như đã vi phạm một điều gì lầm lỗi vì đã không làm tròn bổn phận của một nữ sinh chăm chỉ học hành... Mình còn nhỏ quá mà đã đi vào con đường yêu đương rồi! Tại Trời cho mình có nhan sắc nên nhiều người để ý? Tâm có phải là người yêu, người chồng tương lai mà mình ước mơ hay không? Liệu Tâm có còn yêu ai khác? Chàng đến với mình như thế có thành thật không? Nếu trả lời "em cũng yêu anh" thì sẽ có ảnh hưởng gì đến việc học hành của mình? Cha mẹ hy vọng sau này mình sẽ là Cử Nhân, Giáo Sư, Kỹ Sư, Dược Sĩ, Bác Sĩ, Luật Sư, v.v... Ôi! đường còn dài quá, liệu mình có đủ can đảm, nghị lực để đi tới đích hay không? Mình có nên hứa hẹn điều gì với Tâm? Có nên viết thư trả lời cho chàng hay im lặng để mặc thời gian sẽ trả lời?

Mỹ Linh không từ chối, không xua đuổi, nàng đã nhận thư của Tâm. Chàng có quyền hy vọng và chờ đợi. Mặc dù nàng chưa chính thức trả lời nhưng Tâm vẫn cố gắng tìm những dịp thuận tiện để gặp nàng, để được nhìn lại gương mặt khả ái của nàng và ít ra cũng được chào hỏi nàng. Thế rồi, Mỹ Linh bỗng biến mất, Tâm không còn gặp lại nàng bất cứ ở đâu, tìm về nhà cũ thì nàng đã không còn ở đó nữa. Chuyện gì đã xảy đến cho nàng?

Cứ đến mùa trăng, nhất là rằm tháng Tư như hôm nay, Tâm lại nhớ đến Mỹ Linh. Vầng trăng xuất hiện bên trời chính là Mỹ Linh đang nhìn chàng, đang mỉm cười với chàng. Tâm đem tâm sự của mình giải bày với trăng nhưng trăng không biết nói, trăng không trả lời, mặc cho Tâm nghĩ gì về trăng cũng được. Nỗi đau của một người cho đi mà không được nhận lại, yêu thương mà không được đáp đền, ngỏ ý mà chỉ nhận được sự im lặng. Trăng như đôi mắt của Mỹ Linh đã một lần nhìn chàng từ trên sân khấu, rồi im lặng suốt cuộc đời.

Những đêm dài trong u tối, Tâm càng mong trăng đến để được nhìn trăng, được tâm sự với trăng, được ôm trăng nằm ngủ, được cảm xúc rung động để làm thơ, đặt nhạc, rồi cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, mất mát khi trăng lặn. Tâm như một người lữ hành đơn độc, không có bạn bè để tâm tình, không có người cùng đi bên cạnh để chia sẻ, để đối thoại. Gần hết

cuộc đời, Tâm chỉ sống với trăng. Trăng vô tình, trăng lạnh lùng, trăng xa cách.

Trong khoảng không gian vô tận này, Tâm chỉ biết nhìn lên bầu trời cao rộng, mênh mông, trống vắng, dưới chân là những lớp mây ngăn cách vũ trụ với địa cầu, phân chia thế giới thanh cao với cảnh đời ô trọc. Tâm muốn đi vào chốn vô cùng đó, đi mãi, đi hoài mà không biết đến bao giờ mới tới bờ bên kia. Cuộc đời không thể dừng lại cũng như thời gian vẫn trôi cho đến một ngày kia thân xác của ta trở thành tro bụi, rồi biến mất trong không gian. Máy bay vẫn bay tới như Tâm vẫn đi tìm một hình bóng nào đó thật đẹp, thật hồn nhiên, thật quyến rũ, thật thương nhớ... Một Mỹ Linh đã biến mất!

Người điếc trọn đời mơ âm thanh, người mù trọn đời mơ màu sắc, người tàn tật trọn đời mơ những đường nét nhịp nhàng của vũ điệu. Người nghệ sĩ luôn luôn hướng về thiên nhiên, hướng về nguồn của Chân, Thiện, Mỹ. Nhạc sĩ đã góp nhặt những âm thanh trong thiên nhiên, tiếng gió, tiếng mưa, tiếng sóng vỗ, tiếng chim hót, tiếng thì thầm, lời thở than của tâm tình trống vắng, xa cách, chia ly v.v... để làm nên những khúc nhạc hài hòa. Họa sĩ góp nhặt những màu sắc trong thiên nhiên, màu nắng, màu mây, màu hoa, cỏ, cây, lá, hình ảnh núi sông, muông thú, chim chóc, con người, nụ cười của giai nhân, hình ảnh người mẹ hiền, đứa con thơ v.v... để tạo nên những bức tranh tuyệt tác... Nhà nghệ sĩ góp nhặt những động tác, cử chỉ trong thiên nhiên, nơi con người, nơi muôn loài, muôn vật để tạo nên những vũ điệu nhịp nhàng... nhưng có lúc con người cũng đi đến chỗ cuồng loạn trong âm thanh, màu sắc, trong vũ điệu để tạo nên những nét độc đáo, lập dị, khiến cho mọi người phải nhức đầu, nhức óc với những âm thanh, những màu sắc, những vũ điệu kỳ quặc.

Trong giờ phút này, Tâm muốn trực tiếp với thiên nhiên, không muốn tiếp thu những tiếng la ó, những điệu giật gân, mà chỉ muốn thưởng thức những lời thánh thót của tiếng chim họa mi buổi sáng... Tâm muốn tìm về nguồn của Chân, Thiện, Mỹ, muốn ngồi dưới bóng cây nghe chim hót, thu lại những âm thanh trầm bổng, muốn thả hồn theo mây nước, say đắm theo hình ảnh đơn sơ, vô tội của loài chim để cho tâm hồn hướng thượng, thưởng thức sự thanh tịnh, vô vi sau

những ngày tháng đầy lo lắng, suy tư, tính toán trước những vấn nạn của cuộc đời. Tâm muốn mời gọi mọi người dành một vài giây phút để tiếp xúc với thiên nhiên cho lòng mình được thanh thoát.

Máy bay giảm tốc độ, từ từ bay liệng trên không mấy vòng rồi đáp xuống. Phi trường tối om, cơn bão đang gào thét bên ngoài, mưa nặng hạt, mưa xối xả. Mưa đã kéo dài không biết mấy hôm rồi như mùa mưa xứ Huế mang rét lạnh đến, liên tục từ ngày này qua ngày khác, hàng tuần, hàng tháng. Nước lũ dâng lên, suối nguồn lênh láng, lụt tràn về, ngập những cánh đồng, làng mạc, phố phường... Người nghèo co ro, rét lạnh, khốn khổ, không kiếm được thứ gì để nhét vào bụng cho đỡ cơn đói đang hành hạ. Người ta vất vả vì miếng cơm manh áo nhưng Tâm vất vả vì phải đi tìm một người, đi suốt cả cuộc đời mà chưa bao giờ được gặp.

Tâm cảm thấy một niềm hy vọng đang lóe lên trong lòng, đi trong đêm, sẽ tìm thấy ánh sáng của ban ngày. Những khi một mình, lang thang trong bóng tối, Tâm cứ nghĩ đến đằng kia, sau bức màn đêm là bình minh đang ló dạng, mặt trời đang từ từ mọc lên. Những lần ngồi trên bờ biển nhìn trăng lên hay nhìn một vừng lửa đỏ ối, hình tròn, đang nguội dần, từ bỏ sức nóng thiêu đốt của ban ngày để đi vào lòng biển cả. Sau đó, trăng lại mọc lên, khí mát của đêm ập đến, một cảm giác dễ chịu làm phục hồi sức khỏe của con người sau một ngày lao động vất vả. Niềm hy vọng đó đã đến, sau bao nhiêu ngày tháng chờ đợi mỏi mòn.

Một hôm, Mỹ Linh tình cờ đọc được trên báo một truyện ngắn nhan đề: "Tiên Nga Vũ Khúc" tác giả ký tên Tâm Linh. Nội dung câu chuyện kể lại cuộc gặp gỡ giữa một cậu học sinh vào tuổi mười tám và một cô gái vào tuổi mười lăm trong một đêm văn nghệ thi đua giữa các trường Trung Học trong thành phố... Cô gái đóng vai tiên nữ trong một vũ khúc... Mỹ Linh thấy câu chuyện sao mà giống trường hợp của nàng với Tâm ngày xưa. Tâm Linh là tên của hai người. Tự nhiên nàng nhớ lại những kỷ niệm thời học trò, nhớ hình ảnh chàng thanh niên tài ba, tuấn tú, rất si tình... đã một lần đến ngỏ ý và gởi thư bày tỏ nỗi lòng với nàng. Nàng cảm thấy hối hận vì đã không đáp trả tình yêu chân thật của Tâm... Mỹ Linh đã gọi

điện thoại cho tòa soạn hỏi địa chỉ, số điện thoại của Tâm...

Máy bay vừa hạ cánh, Tâm đứng lên theo đoàn người nối đuôi nhau ra cửa. Màn mưa vẫn bao trùm lấy không gian, nước ứ đọng trên phi đạo mênh mông như mặt hồ. Tâm đã được biết trước, Mỹ Linh sẽ đến trễ nhưng chàng vẫn nôn nóng, chờ đợi và có phần lo lắng: Mỹ Linh có gặp trở ngại gì không?

Tâm đứng bên thềm, đang giữa mùa Hè mà trời mưa gió, rét lạnh như mùa Thu, mùa Đông. Qua một ngày rồi, đêm đang chuyển dần về sáng nhưng bầu trời vẫn tối tăm. Dưới màn mưa, những cột đèn mờ mờ ẩn hiện, thỉnh thoảng có một vài chiếc xe chạy ngang qua, dừng lại bên thềm để đón khách. Tâm đứng đó hơn một tiếng đồng hồ, chàng cảm thấy nóng ruột quá, muốn đi tìm điện thoại để gọi nhưng vừa bước đi được mấy bước lại quay về chốn cũ. Chàng tự nhủ: "Hãy kiên nhẫn chờ đợi! Trọn cả cuộc đời, vẫn còn hy vọng, sá chi một chốc lát mà phải nôn nóng!".

Có người đến xin lửa hút thuốc vì đứng lâu cảm thấy lạnh nhưng Tâm đưa tay ra dấu: "Không có, rất tiếc!" rồi tiếp tục đi đi lại lại trên thềm. Bỗng một chiếc xe nhỏ xuất hiện, mưa lớn quá không trông rõ tài xế là đàn ông hay đàn bà, không biết xe của ai. Chiếc xe giảm tốc độ, từ từ tiến đến gần chàng. Tự nhiên Tâm cảm thấy như có một cái gì đó gần gũi, quen thuộc với mình. Chàng mạnh dạn bước tới. Cửa kính xe hơi hạ thấp xuống, hình ảnh một người đàn bà vóc dáng gọn gàng ngồi trước tay lái, đang ra dấu gọi Tâm đến. Một điệu nhạc nhè nhẹ từ trong xe vọng ra, bản dân ca miền Bắc Việt Nam:

Tình bằng có tiếng trống lời,
Khen ai khéo vỗ ấy tai mà vui tai...

Tâm mở cửa, mạnh dạn bước lên xe, đúng vào lúc vừa nghe lọt vào tai:

Duyên nợ tốc tả đi tìm!
Duyên nợ tốc tả đi tìm!

- Em có khỏe không?

- Em khỏe. Anh đợi lâu chưa?

Chưa kịp bắt tay, chưa kịp trao nhau nụ hôn sau nhiều năm xa cách, xe đã rồ máy chạy liền. Mưa vẫn rơi xối xả, cái gạt nước không hoàn thành nỗi nhiệm vụ. Trước mặt là bóng

đêm, Mỹ Linh không trông rõ lối đi, cho xe chạy từ từ. May mà giữa canh khuya, trên đường ít xe cộ. Từ phi trường về nhà không xa lắm nhưng nàng đã đi mất hơn một tiếng đồng hồ mới đến. Xe đi vào một khu nhà cửa trông giống như khách sạn, Tâm cứ tưởng rằng mình sẽ được đưa đến một nhà nghỉ nào đó gần phi trường như chàng đã đề nghị với Mỹ Linh hôm trước nhưng xe đã vào ga-ra và Mỹ Linh đã bước xuống mở cửa.

- Đến nơi an toàn! Đây là giang sơn của em. Mời anh xuống xe.

- Trời mưa to quá, lái xe nguy hiểm thật!

Tâm xách cặp đi theo Mỹ Linh. Đến trước cửa phòng, nàng lấy chìa khóa mở cửa mời Tâm vào:

= Suốt ngày hôm qua anh làm việc vất vả, chắc chưa ăn uống gì?

- Em mới vất vả chứ? Hôm qua em phải dậy sớm, ra phi trường đón anh!

- Em không sao đâu, chỉ lo cho anh mà thôi. Anh đi đường bằng yên là em mừng rồi. Anh đi thay quần áo, tắm rửa cho thoải mái, để em chuẩn bị ăn sáng nhé.

*

* *

Tâm ngồi ở phòng khách, bên ngoài trời vẫn mù mịt. Cơn mưa mỗi lúc một lớn, gió thổi ào ào, cành cây gãy nghe xoạt một tiếng rất gần, những chiếc lá trôi theo giòng nước như những chiếc thuyền giấy của trẻ con. Tâm nghĩ rằng khi đến đây chàng sẽ thuê một phòng ở khách sạn rồi đi thăm các danh lam thắng cảnh, sòng bài, phố xá, thưởng thức các món đặc sản cho biết sinh hoạt địa phương nhưng trời mưa liên tục như thế này thì chẳng đi đâu được. Mỹ Linh đã đưa chàng về nhà, một nơi thật ấm cúng, đầy đủ tiện nghi. Nàng ở một mình mà không thiếu thứ gì: phòng ngủ, phòng khách, nhà bếp, các thứ cần dùng, thức ăn, thức uống v.v... đủ để phục vụ cho một gia đình hai ba người trở lên.

Tâm để ý đến một bức tranh treo trên tường, bức tranh Tàu vẽ đôi chim đang bay trên mặt nước, quấn quít bên nhau. Đôi chim có bộ lông và hình dáng như loài vịt trời thường thấy nuôi ở các hồ nước trong công viên. Mỹ Linh bèn giải

thích:

- Hồi em mới dọn về đây, vợ chồng một người Đại Hàn đã mang tặng em bức tranh này. Em thấy đôi chim quấn quít bên nhau trên mặt nước rất dễ thương nên em treo ở phòng khách. Em đi làm suốt ngày, chiều tối mới về, ngày nghỉ thường đi chơi, ít khi mời bạn bè đến nhà nên cũng chẳng có ai tới đây mà thưởng thức.

Tâm đọc mấy câu thơ bằng chữ Hán trên bức tranh:

Quan quan thư cưu,
Tại Hà chi châu.
Yểu điệu thục nữ,
Quân tử hảo cầu.

Tâm đã được đọc bài thơ này nhiều lần. Đó là một đoạn trong bài "Quan Thư", loại văn chương bình dân của người Trung Hoa từ lâu đời giống như ca dao tục ngữ của Việt Nam. Cách nay hơn hai ngàn năm trăm năm, Đức Khổng Tử đã sưu tầm được ngoài ba trăm bài, chép vào sách gọi là Kinh Thi hay "Thi tam bách" (ba trăm bài thơ). Quan là chim trống, Thư là chim mái, thường sống với nhau từng đôi ở trên bãi sông Hoàng Hà, phía Bắc Trung Quốc. Khi cần gọi nhau thì chúng cất tiếng kêu "Quan Quan". Quan Thư là hình ảnh một đôi vợ chồng sống hạnh phúc bên nhau, trung thành, hòa thuận, tương kính. Người đời sau gán cho Thái Hậu của Chu Văn Vương, vì nhớ đến nhà vua đi xa nên bà đã sáng tác bài thơ này. Trên bức tranh chỉ ghi lại có bốn câu, mỗi câu bốn chữ. Nhiều người đã dịch ra tiếng Việt, trong đó có thi sĩ Tản Đà. Tâm đọc lên mấy câu do chàng tạm dịch cho Mỹ Linh nghe:

Quan quan thư cưu,
Trên bãi sông Hà.
Gái hiền yểu điệu,
Quân tử một nhà.

Quân tử là người chồng, là chàng trai có tư cách, là người đáng kính trọng. "Quân tử hảo cầu" nghĩa là người quân tử đến để cầu mong sự tốt đẹp cho mình, có nghĩa là tỏ tình, ngỏ ý, cầu hôn...

Mỹ Linh nói với Tâm:

- Liệu bức tranh này có hợp với hoàn cảnh của em bây giờ không?

- Sự hiện diện của anh ở đây là quá đầy đủ ý nghĩa rồi.

Vừa trả lời thắc mắc của Mỹ Linh, Tâm vừa nắm tay kéo nàng ngồi xuống salon:

- Ba má và gia đình hiện nay ở đâu?

- Ba và các em ở Việt Nam, còn má qua đời đã hai chục năm rồi.

- Má qua đời trong trường hợp nào?

- Sau 30-4-1975, ba đi ở tù, má và các em đi vùng "kinh tế mới", gian nan vất vả quá, sinh bệnh, mất. Lúc đó ba đang còn ở trong trại tù tập trung của Cộng Sản tại miền Bắc.

- Còn em, lưu lạc nơi đâu mà anh tìm mãi không ra?

- Hồi đó, có một biến cố xảy ra cho gia đình nên em phải trở về nhà ngay và học ở trường gần nhà. Em cũng không báo tin cho anh và tất nhiên cũng không trả lời thư anh được. Em không dám tỏ bày với ai vì hồi đó em còn nhỏ tuổi, mới mười lăm, mười sáu, nói đến chuyện yêu đương sợ cha mẹ la rầy.

- Anh hiểu điều đó.

- Mấy năm sau, em đi làm và có người đề nghị hỏi cưới em. Ba má em bằng lòng nhưng em không chịu. Từ đó giữa em và má có nhiều chuyện bất đồng. Trước ngày 30-4-1975, ba em còn ở trong đơn vị quân đội, vì là cấp chỉ huy, không thể bỏ anh em mà trốn chạy một mình được. Sau đó, ba em bị bắt đi "học tập cải tạo". Còn em thì theo bạn bè vượt biên. Vì quá cấp bách nên em không cho má biết trước.

- Em qua Mỹ năm nào?

- Trên đường trốn ra nước ngoài, tàu bị hỏng máy trôi giạt vào bờ và em bị bắt. Có người bỏ chạy đã bị bắn chết. Một người trong bọn chúng hứa sẽ bảo lãnh cho em với điều kiện em phải lấy hắn. Không có cách nào hơn, em đành phải chấp nhận và hy vọng một cơ hội khác... Trong hoàn cảnh đó, em không muốn liên lạc với gia đình. Má tưởng em đã chết.

- Thế làm sao em thoát khỏi tay người đó được?

- Em ở với hắn được một thời gian thì một hôm đi chợ, em gặp người bạn gái và đã nói cho chị ấy biết tình trạng của em... Nhờ sự giúp đỡ của bạn, em đã trốn về miền quê, vào rừng làm rẫy. Vùng Phước Tĩnh, Vũng Tàu có những làng Công Giáo di cư từ miền Bắc vào năm 1954, chuyên nghề đánh cá, các tổ chức vượt biên đều liên lạc với họ. Từ Biên Hòa, Long

Khánh hay Sài Gòn, có người đứng ra tổ chức đường dây vượt biên, giá vé cho mỗi đầu người là ba cây vàng, có khi cao hơn. Họ mua "bãi đáp", nghĩa là nhờ người địa phương tìm cho một chỗ an toàn để tập trung bà con lại, đợi tàu đến đưa đi. Chủ tàu phải hối lộ cho công an hay bọn dân quân tự vệ, bọn võ trang của xã, thôn để chúng làm lơ cho mình lên tàu.

Người từ xa về, được gởi gắm trong nhà dân, mỗi nơi một hai người. Đến giờ khởi hành thì nửa đêm, có người liên lạc đến báo tin, mọi người thức dậy bí mật đi đến điểm hẹn. Họ núp ở trong bụi rậm hay di chuyển trong rừng ban đêm như những bóng ma. Người trên bờ sẽ làm hiệu khi thấy an toàn và tàu ở ngoài khơi sẽ tìm vào "bãi đáp", lúc đó khách mới nộp vàng cho chủ và lên tàu. Nếu gặp bất trắc, có công an phục kích, bao vây thì mạnh ai nấy chạy dưới làn đạn dã man của chúng. Người chết, bị thương, bị bắt... tiếng kêu khóc nổi lên trong đêm tối thật thảm thiết! Nếu gặp tổ chức vượt biên do công an "gài bẫy" để bắt thì không những phải nộp hết tiền bạc cho chúng mà còn bị bắt đi tù. Ai có tiền chuộc mạng hay được người có thế lực bảo lãnh, can thiệp cho mới được tha về.

Lên tàu rồi thì phải chấp hành kỷ luật của tổ chức vượt biên. Ai chống đối, vận động người khác nổi loạn thì sẽ bị Ban An Ninh trên tàu đánh đập, tra tấn, giết chết, ném xác xuống biển. Chủ tàu có dự trữ nước uống, thức ăn trong thời gian một tuần để nuôi khách nhưng không phải khi nào cần uống, cần ăn là được như ý đâu mà phải theo tiêu chuẩn rất hạn chế. Thông thường, người vượt biên phải tự mình mang theo thức ăn, thức uống trừ khi không còn gì để sống thì chủ tàu mới giúp cho.

May mắn thì trong vòng ba bốn ngày ra đến hải phận quốc tế gặp được tàu của các nước thuộc thế giới tự do cứu. Rủi ro tàu bị hỏng máy, bị bão v.v... thì phải chịu đói khát, nắng, mưa, chết vì kiệt sức hay làm mồi cho cá mập... Nếu bị hải tặc cướp, lấy hết vàng bạc, đánh chìm thuyền cho chết không còn một ai rồi bỏ đi. Có người tận mắt chứng kiến cảnh vợ con mình bị hãm hiếp, hành hạ cách dã man đến nỗi không chịu được nữa đã vùng lên chống lại chúng và bị chúng giết chết hoặc đánh đập, tra tấn dã man. Có người đã cắn lưỡi tự

tử. Trường hợp tàu bị sóng đánh vỡ hay bị vấp vào tảng đá hay san hô, bị bể nát ra từng mảnh, người trên thuyền chết hết. Nếu may mắn vớ được tấm ván, cái phao, lênh đênh trên mặt nước và gặp được tàu khác cứu nhưng trường hợp đó rất hy hữu. Có khi bị tàu của Việt Cộng rượt đuổi, bao vây, bị bắt đem vào bờ thì phải tù tội và sẽ chết dần chết mòn trong các trại tập trung.

Chuyến đi của em cũng lắm gian nan vất vả, trốn tránh hết nhà này qua nhà khác, vượt qua từng trạm kiểm soát mới đến "bãi đáp". Vừa bước lên tàu thì công an ập đến, may mà thoát được ra khơi... Lênh đênh trên biển gần tuần lễ mới đến đảo Bi-đông nước Mã Lai vào tháng 4 năm 1977. Em sống ở đảo hai năm mới xin được nhập cư vào đất Mỹ.

Hồi đó bọn thanh niên thường có câu hát sau đây:

Một là con nuôi cá,
Hai là má nuôi con,
Ba là con nuôi cả nhà.

Vượt biên không lọt mà chết dưới biển là đem thân làm mồi cho cá. Bị bắt vào tù, mẹ phải đi thăm nuôi. Chuyến đi thành công thì làm có tiền gởi về nuôi cả nhà. Đại khái chuyện vượt biên của em là như thế.

Thân em lưu lạc từ đó đến nay... Có nhiều người muốn cưới em nhưng em cảm thấy chán chường, không còn tha thiết đến chuyện yêu đương, vợ chồng nữa. Có lẽ em chưa gặp được người vừa ý hoặc không muốn sống chung với người mà mình không thương. Những sự kết hợp trong cuộc đời em đều vì hoàn cảnh, bị ép buộc chứ không bởi tình yêu chân thật. Mười mấy năm nay, em vẫn sống một mình.

Lúc đầu em cũng vừa học vừa làm, hết nghề này đến nghề khác, cuối cùng mới gầy dựng được một cơ sở làm ăn tương đối ổn định, hàng tháng cũng kiếm được một số tiền kha khá nên cuộc sống hiện tại của em cũng được thoải mái. Đi làm về thì nghỉ ngơi, xem phim, truyền hình hay nghe nhạc, đọc sách báo. Ngày nghỉ cuối tuần em thường đi chợ, tìm mua mấy thứ cần dùng, có khi đi chơi với bạn bè...

- Em có về thăm ba và các em lần nào chưa?

- Em mất liên lạc với gia đình từ sau ngày 30-4-1975 nhưng từ năm 1990 trở đi, một số sĩ quan bị tù dưới chế độ Cộng Sản

trở về, được qua Mỹ theo diện tỵ nạn chính trị (HO). Em đã liên lạc với họ và biết được tin tức gia đình. Cách nay ba năm, em có về thăm.

- Gặp lại ba, em có mừng không?

- Em nhờ người bạn đến báo cho ba biết, trước khi em vào nhà. Quá bất ngờ, ba chỉ nói được có một câu: "Linh ơi! Ba nhớ con lắm! Ba thương con lắm! Ba tưởng con đã chết trên biển lâu rồi! Không ngờ hôm nay lại gặp con".

Em ôm ba khóc và không nói được một lời nào. Tối hôm đó, em nằm ngủ với ba, được ba ôm ấp trong lòng như hồi còn thơ ấu. Em không dám kể cho ba nghe mọi nỗi gian nan mà em đã trải qua từ sau 1975 đến nay. Ba hỏi gì, em cũng trả lời "tất cả đều tốt đẹp"...

- Tại sao ba không xin đi Mỹ theo diện tù chính trị (HO)?

- Các em đã có vợ, có chồng, có cháu, công việc làm ăn ổn định, có đất đai để canh tác, ngoài ra chúng cũng biết buôn bán nên có đồng ra, đồng vào. Ba đã ngoài bảy mươi tuổi, không muốn sống xa quê hương, xa con cháu, vì thế ba không làm đơn xin xuất cảnh.

- Tại sao em không lập bàn thờ để tưởng nhớ đến má?

- Khi về thăm ba, em đã thắp nhang, quỳ trước bàn thờ, lạy di ảnh má. Em không dám nhìn thẳng vào má. Em rất sợ hai con mắt của má... Những khi bất đồng ý kiến, em đã cãi lại má. Em không vâng lời má. Em biết má buồn và giận em nhiều lắm. Đời sống khó khăn, vất vả sau khi ba bị tù đã làm cho má buồn, sinh bệnh rồi chết sớm.

Nghe Mỹ Linh kể đến đó, Tâm rất xúc động, và nói với nàng:

- Mỹ Linh ạ! Không có gì cao quý cho bằng "Tình Mẫu Tử". Có biết bao nhà văn, nhà thơ đã để lại cho đời những tác phẩm tuyệt hảo ca tụng bà mẹ của mình. Còn có gì ngọt ngào, trìu mến cho bằng mẹ, còn có công ơn nào to lớn hơn công ơn cha mẹ, còn có hình ảnh nào in sâu vào tâm hồn đứa con mãi mãi cho bằng mẹ và có sự đau khổ nào to lớn cho bằng nỗi đau của người con mất mẹ, của những đứa con ra đời không có mẹ, của những đứa con bị ngược đãi, tù đày biệt xứ hàng chục năm, không được gần mẹ, không được thấy mặt mẹ... Trái lại có những bà mẹ có con mà phải xa cách, không được thấy

mặt con. Con mất mẹ thì đau khổ biết chừng nào nhưng mẹ mất con thì càng đau khổ hơn nữa! Tình con thương mẹ sao bằng mẹ thương con! Vì mẹ biết, con là do máu thịt của mẹ, con từ cõi lòng mẹ mà ra. Xưa nay người ta ví tình mẹ thương con như nước đọng về chỗ thấp, như nước mắt đổ xuống chứ không bao giờ chảy ngược lại... Tình mẹ thương con cũng như tình cha thương con... Hiện nay, em vẫn thường xuyên liên lạc với ba chứ?

- Tháng nào em cũng điện thoại nói chuyện với ba và em có dặn: "Bất cứ lúc nào ba nhớ con, thì ba cứ gọi. Con trả tiền điện thoại, ba đừng ngại gì cả". Mỗi lần gọi điện thoại, ba chỉ nói có một câu: "Con ơi! Ba thương con lắm! Ba nhớ con lắm!". Rồi ba không nói thêm gì nữa. Em biết, má mất sớm nên ba rất cô đơn, ba nhớ con gái của ba.

Nói xong, Mỹ Linh úp mặt vào ngực Tâm, hai dòng nước mắt từ từ chảy xuống thấm ướt áo của chàng. Tâm tìm lời an ủi:

- Em cố gắng thu xếp về thăm ba một chuyến đi. Ba già rồi, ba cần tình cảm hơn tiền bạc, quà cáp.

- Còn anh, từ ngày xa em, anh làm gì?

- Anh đã trải qua một cuộc đời ngang dọc trên chiến trường với chức vụ sĩ quan Đại Đội Trưởng. Cho đến khi buông súng trở về thì nước mất, nhà tan, cha mẹ anh em cũng không còn, nhà cửa ruộng vườn ở chốn quê hương nay đã thuộc về tay kẻ khác. Anh phải mang thân vào nhà tù cải tạo gần bảy tám năm. Sau khi được trở về, anh tìm đường vượt biên, nằm ở đảo một thời gian mới được vào đất Mỹ. Anh cố gắng đi học trở lại, năm năm vừa học vừa làm mới tốt nghiệp Đại Học, có bằng BS, kiếm được một công việc tương đối ổn định, vẫn sống độc thân và tập tành viết văn, làm thơ, ghi lại những kỷ niệm quá khứ của đời mình lên trang giấy. Truyện ngắn "Tiên Nga Vũ Khúc" đã làm nhịp cầu cho em đến với anh...

*

* *

Có sẵn mọi thứ trong nhà, Mỹ Linh chuẩn bị một cái bánh cưới nho nhỏ, với những món ăn do chính tay nàng làm. Nàng đã dọn lên bàn một bữa tiệc thịnh soạn có đủ các thứ trái cây,

thức uống, rượu mạnh. Hai người ăn mặc chỉnh tề đứng trước bàn thờ trang trí đơn sơ gồm có hai cây nến màu trắng, bình hoa tươi và ít trái cây. Tâm chấp tay khấn với cha mẹ, ông bà tổ tiên:

- Kính lạy cha mẹ, ông bà, tổ tiên đã khuất, Con là Trần Minh Tâm, vì hoàn cảnh nước mất nhà tan, cha mẹ không còn, tấm thân con phải vướng mắc tù tội, lưu lạc nơi đất khách quê người, cam phận cô đơn mấy chục năm nay. Do duyên số Trời định, con đã gặp lại người yêu là Phan Mỹ Linh. Chúng con đã quyết định sống chung với nhau, trên dưới hòa thuận tương kính, chung thủy trọn đời. Chúng con chỉ biết lấy tấm lòng mà đền đáp, không tha thiết gì đến những hình thức phô trương bên ngoài. Vậy chúng con có chút lễ mọn lòng thành, xin cha mẹ, ông bà, tổ tiên ở trong cõi linh thiêng về đây chứng giám.

Nói xong, Tâm chấp tay cúi đầu vái mấy vái.

Mỹ Linh cũng chấp tay khấn:

- Trước vong hồn của má và ông bà tổ tiên đã khuất. Kính thưa ba hiện còn sống ở quê nhà, con là Phan Mỹ Linh, từ ngày lớn lên, mọi việc liên quan đến cuộc đời của con, con đều tự mình quyết định lấy mà không hề hỏi ý kiến cha mẹ, ông bà... Con đã có lỗi với cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Trong bao năm qua, tấm thân lưu lạc, tuy đã có chồng nhưng vì hoàn cảnh bắt buộc chứ không do tình yêu thương, vì thế con đã trở lại cuộc sống độc thân, cam chịu cảnh cô đơn từ đó cho đến nay. Trải qua mấy chục năm xa cách, hôm nay con mới gặp lại anh Trần Minh Tâm là người đã thật lòng yêu thương con từ khi con mới mười lăm tuổi. Âu cũng là duyên số Trời định. Kể từ hôm nay con quyết định cùng anh Trần Minh Tâm kết nghĩa vợ chồng, sống hòa thuận, trung thành với nhau trọn đời... Xin vong hồn má và ông bà tổ tiên chứng giám cho con. Con cũng sẽ điện thoại báo cáo việc này cho ba biết...

Mỹ Linh vừa khấn xong thì Tâm ôm nàng vào lòng và tặng cho nàng nụ hôn mà chàng mơ ước từ mấy chục năm nay. Quá cảm động và sung sướng, Mỹ Linh đã bật khóc. Sau đó nàng đã gọi điện thoại về Việt Nam nói chuyện với ba.

- Anh sẽ thu xếp công việc để chúng mình về Việt Nam thăm ba và trình diện với họ hàng. Em nghĩ sao?

- Em đã có ý định đó từ lâu nhưng vì công việc bề bộn

quá nên chưa thực hiện được. Nhân dịp này chúng ta sẽ cùng nhau về thăm ba. Chắc ba mừng lắm.

- Em có muốn về ở chung với anh không?

- Theo em nghĩ, anh nên về ở với em. Dù sao em cũng đã có cơ sở làm ăn tốt và nhà cửa đầy đủ tiện nghi... Em có thể săn sóc cho anh...

- Em nghĩ thế cũng được.

- Điều quan trọng là tấm lòng của chúng ta đối với nhau, ngoại trừ thủ tục pháp lý phải làm giấy kết hôn, mọi chuyện khác đều không cần thiết.

- Em nói đúng. Anh cũng nghĩ như vậy.

Bên ngoài, trời vẫn mưa, cơn mưa không dứt. Mỹ Linh và Tâm ngồi vào bàn bắt đầu bữa tiệc cưới hạnh phúc nhất trong cuộc đời. Cầu mong từ nay mọi điều ngang trái sẽ không bao giờ xảy đến, để cho hai người không còn phải sống xa cách nữa. Mưa đã tạo điều kiện cho họ được hoàn toàn tự do, biệt lập sống với nhau những ngày ý nghĩa nhất, lý thú nhất trong cuộc đời. Căn nhà ấm cúng đã ấp ủ, che chở cho hai tâm hồn đang tìm đến với nhau, cùng chia sẻ những kỷ niệm vui buồn, đền bù cho nhau sau chuỗi ngày cô đơn, đau khổ.

Nguyễn Lý Tưởng

CẦU NGÓI THANH TOÀN

"Ai về Cầu Ngói Thanh Toàn,
Cho em đi với một đoàn cho vui"
(Ca dao xứ Huế)

Trung trở về Huế vào một đêm cuối năm 1959, sau lễ Giáng Sinh. Trời rất lạnh, chàng chỉ có một chiếc áo mong manh mang từ Sài Gòn ra với một túi hành lý toàn là sách báo cũ mà chàng thu nhặt bấy lâu. Trời Sài Gòn vào mùa này ban ngày rất nóng nhưng ban đêm thường hay có sương và thoảng cơn gió lạnh, chỉ cần một chiếc chăn mỏng cũng đủ ấm rồi, không cần đến áo len hoặc chăn bông như ở Huế hay Miền Bắc.

Tàu đến sân ga gần 11 giờ đêm, giờ này chắc mọi người đã ngủ ngon giấc rồi. Trung vừa bước xuống tàu, một cơn gió lạnh ập đến làm chàng run lên cầm cập. Trung vội khoác lên người chiếc áo đi mưa để cho đỡ lạnh. Trời lất phất mưa càng làm cho chàng cảm thấy ướt át và lạnh lùng hơn. Trong túi chàng chỉ còn năm chục đồng bạc. Số tiền đó chàng dự trù sống qua hai ngày ở Huế để đi tìm bạn bè nhờ giới thiệu cho một chỗ dạy kèm trẻ em tại tư gia để có nơi ăn chốn ở hầu tiếp tục học.

Trước đây, Trung cũng đã một thời sống ở Huế nhưng vì có máu giang hồ trong người và bị hấp dẫn bởi câu ca dao: "Đi cho biết đó, biết đây, Ở nhà với mẹ, biết ngày nào khôn" nên đã từ giã mẹ ra đi...

Ngày Trung từ biệt Huế cùng người bạn bước lên tàu, lòng chàng bỗng nhiên se thắt lại. Chàng rất thương mẹ nhưng cảm thấy xứ Huế quá nhỏ bé, quá quen thuộc. Chàng muốn đi vào Sài Gòn, thủ đô của Miền Nam, một thành phố lớn với

nhiều cơ quan báo chí, truyền thông, nhân tài trong nước góp mặt về đây. Một thành phố đang phát triển mọi mặt, nơi có nhiều hấp dẫn tuổi trẻ với nhiều ước vọng tương lai. Sài Gòn là hòn ngọc viễn đông, "le perle de l'Orient" như người ta thường ca tụng. Hồi ở Huế, thỉnh thoảng chàng cũng làm thơ, viết truyện ngắn gởi đăng các báo ở Sài Gòn nên cũng quen biết với một số bạn trẻ trong giới báo chí ở đây. Trong đầu óc của Trung hồi đó cứ nghĩ rằng muốn tiến xa hơn trên con đường văn nghệ thì phải vào Nam, vào Sài Gòn. Nơi đây mới có điều kiện phát triển tài năng của chàng.

Trung cùng một người bạn cũng thuộc giới thích thơ văn như anh, đi xe lửa từ Huế vào Đà Nẵng rồi vào Quảng Ngãi, ở lại đó mấy hôm đợi quá giang xe vào Sài Gòn. Đến Nha Trang, người bạn ở lại tìm việc làm, còn Trung tiếp tục ra đi. Làm báo, đó là điều chàng ước mơ nhất vào thời buổi đó. Lâu lâu chàng đem khoe bạn bè một sáng tác mới vừa đăng báo Văn Nghệ Tiền Phong hay báo Bông Lúa là một trong hai tờ tuần báo có nhiều độc giả thời bấy giờ nhưng đi xa Huế chàng lại thấy nhớ, thấy thương. Hồi đó Trung chưa yêu ai và cũng chưa ai yêu chàng nhưng chàng vẫn cảm thấy có một hình bóng nào đó ở Huế đang trách móc, đang chờ đợi, đang nhớ nhung mình.

Sống ở Sài Gòn quá xô bồ, chen chúc, vật lộn với vật chất, vất vả từng giờ, từng ngày. Rồi việc học hành cũng lắm trở ngại. Làm thơ, viết văn, giao thiệp bạn bè... , những chuyện đó đã làm cho chàng mất nhiều thì giờ. Trung quyết định trở về, nếu không thi vào được một ngành chuyên môn thì cũng nên về thăm mẹ, thăm Huế một chuyến...

Trung gọi một chiếc xích lô:

- Về đường Phan Chu Trinh, gần cầu Phủ Cam bao nhiêu?
- Đêm hôm khuya khoắt, cậu cho xin 20 đồng.
- Đồng ý.

Chàng quyết định đến nhà Thu, người bạn văn chương ngày trước, xin trọ qua một đêm, sáng ra sẽ tính. Xe ra khỏi sân ga, men theo con đường dọc bờ sông An Cựu ánh đèn điện mờ mờ trong màn sương đêm. Chàng co ro trong chiếc áo đi mưa, run lên từng hồi. Mấy năm ở Sài Gòn chẳng khi nào chàng gặp cơn gió lạnh và mưa rét như thế này. Ngang qua

cổng nhà Thu, một ngôi nhà cổ kính, kín cổng, cao tường. Thu ở đây với bà cô tuổi đã già, có chồng là người ngoại quốc, một thời giàu có. Người chồng của cô đã chết, để lại nhà cửa, vườn tược và một dãy phố cho thuê. Ngôi nhà chính rộng mênh mông dùng làm từ đường cho dòng họ. Căn giữa đặt bàn thờ ông bà tổ tiên, bà cô ở căn bên phải, phần còn lại là giang sơn của Thu. Chàng có mấy tủ sách quý giá và một bộ bàn ghế cổ, mấy tấm phản gõ dùng làm chỗ nghỉ ngơi, nằm ngủ. Bạn bè trong giới văn nghệ thường đến đây chơi, uống trà, đọc sách, trò chuyện. Trước đây Trung cũng thường lui tới nhà này, có khi ở lại dạy cho các em của Thu học. Bà cô của Thu cũng quy1 mến chàng như con cháu. Cô ít khi ở nhà, cha mẹ và các em ở nhà dưới nên một mình Thu tha hồ tiếp đón bạn bè.

Đến trước cổng nhà Thu, Trung đưa tay ra hiệu cho xe ngừng lại. Chàng để đồ đạc trên xe và nói:

- Xin bác cho ngừng xe ở đây, đợi tôi vào nhà liên lạc trước xem có ai không đã.

Trung bước xuống xe, mở cổng vào. Chàng đến chỗ cửa sổ phòng của Thu gõ mấy tiếng nhưng không có ai trả lời. Người nhà cho biết Thu đi chơi chưa về nên Trung buộc lòng phải trở ra năn nỉ ông xích lô:

- Bạn tôi không có nhà, nhờ bác cho tôi đến đường Quỳnh Lưu, khu vực Dòng Chúc Cứu Thế tìm nhà bà con... , bác tính thêm tiền xe.

Từ nhà Thu đến đường Quỳnh Lưu phải qua cầu Lò Rèn, chừng mười lăm hay hai mươi phút nữa. Đến nhà bà chị họ, Trung vào gõ cửa. May quá, bà chị rất vui vẻ và sẵn sàng đón tiếp chàng. Thu trao cho ông xích lô tấm giấy năm mươi đồng và nói:

- Gia tài sự nghiệp của tôi chỉ còn bấy nhiêu đây thôi, bác tính cho bao nhiêu tùy bác...

Ông xích lô nhìn Trung:

- Cậu làm gì?

- Tôi là học sinh, từ Sài Gòn ra, hiện chưa có chỗ trọ...

- Thôi, cậu giữ lấy số tiền đó mà dùng tạm ít hôm...

Trung không chịu và trao hết số tiền cho ông xích lô. Ông cũng không nhận.

- Tôi cũng gặp nhiều người hoàn cảnh như cậu, có khi còn

khổ hơn cậu nữa. Cầu Trời cho cậu may mắn...

Nói xong, ông đạp xe đi ngay. Trung chạy theo hỏi tên và địa chỉ nhưng ông chỉ đáp lại:

- Thành phố này nhỏ hẹp, đi mô rồi cũng có ngày gặp lại...

Trung bỗng để ý đến số xe 065 và nghĩ bụng: "Rồi sẽ có ngày đền ơn... "

*

* *

Nhà ga Huế lúc bấy giờ có những quán chè, trái cây xay gọi là nước sinh tố, cà phê, bún bò, phở, cơm v.v... , nổi tiếng nhất là quán Trang Điểm. Trang và Điểm là tên của hai chị em quê ở Quảng Trị, cha làm nghề lái xe lửa nên cuộc đời của hai cô con gái cũng có nhiều gắn bó với nhà ga. Hai cô có nhan sắc trang nhã, ra dáng học sinh sinh viên, lại ăn nói dịu dàng, dễ nghe và không có thái độ lả lơi khi tiếp khách. Vì nhà nghèo, cha chết sớm, mẹ già bệnh hoạn nên hai cô bỏ học ra mở quán cà phê... Trên một chuyến tàu từ Huế ra Quảng Trị, tình cờ Trung gặp bà mẹ của Trang Điểm, nói chuyện mới biết bà cũng có họ hàng bên ngoại của chàng. Bà giới thiệu Trung với hai cô con gái của bà và có ý nhờ chàng giúp đỡ, bênh vực cho hai cô với bạn bè khi cần, vì thế thỉnh thoảng chàng đến quán Trang Điểm và cũng không ngần ngại giới thiệu với bạn bè trong giới sinh viên hai cô là em họ của chàng. Hai cô cũng thành thật quý mến chàng như người anh ruột. Trong bạn bè của Trung cũng có người đem lòng thương mến hai cô...

Mấy năm sau, Trung vào học Đại Học Văn Khoa và Sư Phạm, vừa xin được chỗ dạy ở các trường tư, vừa có học bổng, vừa có tiền đi dạy, đời sống của chàng khá ổn định và đầy tin tưởng ở tương lai. Một hôm, vào cuối Thu, trời lành lạnh mà không mưa, Trung đạp xe dọc theo đường Lê Lợi từ khu Đại Học gần cầu Trường Tiền đến ga Huế. Như thường lệ, chàng ghé vào quán Trang Điểm... , bỗng chàng để ý đến một chiếc xích lô mang số 065 đang đậu ở sân ga. Chàng liền đến chỗ đó:

- Ai là chủ chiếc xích lô 065?

Nghe hỏi đến xích lô, mấy ông ngồi gần đó liền vồn vã mời:

- Cậu về đâu?

- Không, tôi hỏi chủ xe 065 có chút việc.

Một người đang ngồi chơi cờ tướng cạnh đó, bỗng ngước mặt lên:

- Cậu hỏi chủ chiếc xích lô 065 có chuyện chi không?

- Tôi muốn gặp bác. Bác có nhớ tôi không?

- Cậu là ai?

- Tôi là người học sinh nghèo, vào một đêm mưa lạnh cách nay mấy năm, từ Sài Gòn ra Huế đã đi xe bác mà bác không lấy tiền...

- Nhiều khách quá nên không nhớ hết được...

- Hồi đó tôi quá nghèo... Nay thì tạm sống được rồi. Tôi luôn nhớ ơn bác và để ý tìm chiếc xích lô 065 của bác khắp nơi, đến nay mới gặp.

Trung mời ông xích lô vào quán Trang Điểm uống cà phê, nói chuyện. Trời se lạnh, chàng mặc chiếc áo len màu xám nhạt, bên ngoài còn mặc thêm áo vest, chân đi dày da, trông rất chững chạc và có vẻ là một nhà giáo trẻ hay một sinh viên sắp tốt nghiệp. Trung trao cho ông xích lô một trăm đồng với lời cám ơn... Ông không nhận.

- Cậu có biết Cầu Ngói Thanh Toàn không?

- Dạ không biết.

- Ở Huế cậu không nghe câu hát:

"Ai về Cầu Ngói Thanh Toàn,
Cho em đi với một đoàn cho vui"?

- Tôi có nghe nhưng không biết "Cầu Ngói Thanh Toàn" ở đâu?

- Ở quận Phú Vang, đi về hướng Vỹ Dạ, rẽ tay mặt, có con đường làng, đi vào chừng mấy cây số thì sẽ gặp một cái cầu kiểu rất xưa, đó là "Cầu Ngói Thanh Toàn".

Rồi ông kể cho Trung nghe câu chuyện sau đây:

"... Có một hôm, tôi dậy sớm, chạy xe suốt buổi không kiếm được một người khách nào... Cho đến tối, trời mưa lất phất và gió rất lạnh. Tôi đợi mãi ở ga xe lửa, hôm đó không có tàu Sài Gòn ra Huế như thường lệ, không hiểu vì lý do gì. Tôi bèn đạp xe đi theo con đường Lê Lợi, ngang qua Trường Quốc Học, Đồng Khánh, Tòa Hành Chánh, Lao Xá Thừa Phủ rồi đến Bệnh Viện Trung Ương... Con đường vắng vẻ không một bóng người, dưới ánh đèn mờ mờ, tối tăm trông rất ghê rợn. Người ta nói đoạn đường ngang nhà xác bệnh viện thường có nhiều hồn ma... Tôi thì bụng đói, trong túi

không có đồng xu nào lại thêm trời đang rét lạnh nên đạp xe uể oải, chậm chạp, chẳng chút hy vọng gì có được người khách đi xe vào giờ này. Khi đến gần bệnh viện, tôi thấy từ xa có bóng một người đàn bà đứng cạnh cột đèn, tay cầm nón lá vẫy gọi. Tôi đạp xe nhanh hơn, lòng đầy tràn hy vọng. Người đàn bà đó đưa tay ra đón tôi và nói:

- Xin bác giúp cho một tay đưa chồng tôi về nhà. Chồng tôi đang ở trong này.

Tôi ngoan ngoãn đi theo bà ấy... Vào đến nhà xác bệnh viện, tôi bỗng cảm thấy rợn người. Một không khí lạnh lẽo, vắng vẻ, không có một nhân viên của bệnh viện ngoài người đàn bà này.

- Chồng tôi bị đau nặng, đưa vào cấp cứu trưa nay và mới chết. Nhờ bác giúp một tay đưa chồng tôi về nhà ngay kẻo sáng mai họ làm giấy tờ, tra hỏi lôi thôi lắm...

- Nhà chị ở đâu?

- Cầu Ngói Thanh Toàn!

- Tôi không biết đường...

- Tôi chạy trước, bác đi theo tôi...

Nói xong, bà ấy đỡ đằng đầu, tôi đằng chân đưa xác chồng bà ra xe.

Tôi để ông ta nằm thẳng dựa vào nệm xe. Người vợ vụt đi trước, cắm cổ cắm đầu mà chạy rất nhanh. Tôi đạp xích lô theo sau. Hai tay người chết buông thỏng xuống, cứ vẫy vẫy như thúc giục tôi phải chạy nhanh hơn nữa... Lâu lâu gặp ổ gà, xe xóc làm cho xác người chết đứng bật dậy. Tôi phải nắm lấy vai ông ta kéo xuống. Từ bệnh viện, qua khỏi cầu Trường Tiền đi về Đập Đá rồi Vỹ Dạ, đến một ngã ba, người vợ bỗng quẹo mặt chạy vào đường làng. Trên con đường gồ ghề chật hẹp và đầy bùn đất, tôi vẫn cố gắng chạy theo chị ta. Có chỗ xe không chạy được, tôi phải nhảy xuống đẩy, chị ấy cũng phụ một tay kéo xe giúp tôi...

Không biết bao lâu thì xe chúng tôi đến trước một căn nhà tranh lụp xụp. Trong nhà vẫn còn ánh đèn dầu le lói. Người vợ vào nhà, đánh thức mấy đứa con dậy và gọi tôi:

- Bác giúp tôi một tay khiêng cái giường tre ra, đặt ở giữa nhà...

Tôi không nói, lẳng lặng làm theo. Mấy đứa nhỏ ngơ ngác không biết chuyện gì, mắt còn ngái ngủ, sắp hàng đứng nhìn. Đặt xác chồng lên giường xong, chị ấy vụt chạy đi, không nói một lời nào, để tôi đứng đó một mình. Lát sau, chị bưng về một đĩa cau trầu, đặt lên giường rồi quỳ xuống lạy tôi mấy lạy:

- Chồng tôi bị bệnh ngặt nghèo, mới hôm qua nay đã chết rồi. Tôi chạy từ sáng đến giờ, bỏ các con ở nhà suốt ngày, chưa ăn uống gì cả. Trong nhà cũng chẳng còn tiền bạc gì. Xin bác thông cảm cho. Chồng tôi sẽ phù hộ cho bác. Xin bác cho tôi biết tên và địa chỉ của bác, sau này mẹ con tôi sẽ đền ơn bác.

Tôi chạy nhanh ra đường và nói vọng vào:

- Chị cứ yên tâm, trên đời này cũng có lắm kẻ gặp hoàn cảnh như chị. Chồng chị sẽ phù hộ cho mẹ con của chị.

Tôi uể oải đạp xe đi, chân tay như muốn rã rời, bụng đói, lòng suy nghĩ vẫn vơ. Trời sáng dần dần, khi xe chạy ngang qua nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế thì nghe tiếng chuông báo năm giờ sáng và thấp thoáng có người đi lễ trên đường. Tôi về đến nhà, gần cầu Kho Rèn, đối diện với nhà máy điện. Vừa nghe tiếng tôi ở ngoài sân, vợ tôi đã chửi um lên:

- Làm gì mà đi suốt đêm, giờ này mới về đến nhà? Được đồng xu nào không?

- Không có chi hết.

- Không có chi thì đừng vô nhà, đi mô thì đi. Đồ khốn kiếp, hễ kiếm được đồng nào thì bài bạc hết, lấy chi mà nuôi con!

Tôi thật ngao ngán, chưa có ngày nào xui tận số, xấu tận mạng và rủi ro như ngày hôm nay. Chạy suốt ngày mà không kiếm được một đồng!

Ngay lúc đó, tôi nghe tiếng còi xe lửa từ đằng xa. Tàu Sài Gòn đã đến rồi! Tôi liền đẩy xe trở ra và từ từ đi về phía ga Huế. Tôi đến nơi, không còn một người khách nào. Người ta đã rước hết khách rồi. Tôi thấy thất vọng vô cùng nhưng, một người mặc áo vest, đầu đội mũ nỉ, xách cặp da, chân đi giày tây, đeo đồng hồ vàng đang đi lui đi tới giữa sân.

- Có ai biết "Cầu Chiến Tranh" ở đâu không?

Mọi người cười ồ! Ở Huế chỉ có cầu Trường Tiền, cầu Bạch Thổ, cầu Thanh Long, cầu Đông Ba, cầu Gia Hội, cầu Nam Giao, cầu Phủ Cam, cầu An Cựu, cầu Bến Ngự, cầu Kho, cầu An Hòa v.v... , làm gì có "Cầu Chiến Tranh"!

- Tôi biết "Cầu Chiến Tranh"...

Nghe tôi nói, ông khách liền chạy đến với tôi và vội vàng leo lên xe của tôi. Tôi thấy ông rất mừng và đầy tin tưởng nơi tôi, không cần hỏi han gì cả.

- Bác đưa tôi đi ăn sáng, sau đó mình sẽ bàn chuyện.

Tôi liền đưa ông đến một tiệm bún bò gần đó. Ông gọi cho mỗi người một tô bún và một ly cà phê. Ông hỏi tôi:

- Bác biết "Cầu Chiến Tranh" thật chứ?

- Tôi biết.

- Được. Ăn xong bác sẽ đưa tôi đi. Trước hết mình sẽ thuê phòng ngủ và mua một ít thứ cần dùng.

Ông mua cho tôi một bộ áo quần và giày mới, mũ mới. Ông cũng mua riêng cho ông một va-li và vải trắng, nhang, đèn, trà, rượu, trái cây, bánh in v.v... Tôi không hiểu ông mua các thứ đó để làm gì?

Xong đâu đó, ông bảo tôi lên đường đến "Cầu Chiến Tranh".

Tôi đạp xe lên dốc Nam Giao, rẽ qua hướng lăng Tự Đức, đến một cái cầu sắt sơn màu đen bắc ngang qua một dòng suối, tôi dừng lại:

- Đây là "Cầu Chiến Tranh".

- Tại sao anh biết...

- Mời ông đi xuống dưới chân cầu, tôi chỉ cho...

Nói xong, tôi liền bỏ xe bên đường và bước xuống suối. Ông cũng đi theo tôi. Từ dưới nhìn lên có ba chữ "Cầu Chiến Tranh" viết bằng phấn trắng trên nền đen của thanh sắt dưới cầu, nét chữ rất rõ ràng.

- Sở dĩ tôi biết đây là "Cầu Chiến Tranh" vì có lần tôi đi ngang qua đây, đã dừng lại, xuống suối rửa mặt, rửa tay chân, tình cờ nhìn lên, tôi thấy ba chữ đó nên khi nghe ông hỏi: Cầu Chiến Tranh ở đâu. Tôi liền nghĩ đến chiếc cầu này.

- May mắn thật! Đã mười mấy năm qua, năm nào đến mùa này tôi đều trở về Huế làm giỗ cho ông cụ của tôi. Tôi hỏi khắp mọi người, không ai biết "Cầu Chiến Tranh" ở đâu!

- Tại sao ông biết ở Huế có "Cầu Chiến Tranh" mà hỏi?

Ông không trả lời nhưng lấy trong túi ra một mảnh giấy đã cũ, trên đó có vẽ dòng suối và cây cầu nhỏ, dưới có đề ba chữ "Cầu Chiến Tranh" và đánh dấu X ở gần chỗ chân cầu. Sau khi quan sát kỹ và xác định đúng địa điểm, ông nói:

- Mình trở về khách sạn nghỉ ngơi đã. Tôi gởi trước anh năm trăm đem về nhà cho vợ con đỡ tiền chợ trong ngày hôm nay, rồi trở lại đây với tôi, đừng chậm trễ.

Sau khi đưa ông khách đến khách sạn, tôi vội vã về nhà trao cho vợ số tiền may mắn đó và kể lại cho gia đình nghe những việc xảy

ra từ tối hôm qua đến giờ. Đối với gia đình tôi, số tiền đó rất lớn, có thể mua được một bao gạo một trăm ký lô. Hồi đó, tiền lương của một người lính chỉ có 1.200 mỗi tháng, tiền cơm tháng chỉ có năm trăm mà thôi.

Tôi trở lại khách sạn cùng ông khách đến tiệm ăn Quốc Tế đường Gia Long. Ông chọn một chỗ kín đáo ở góc phòng. Trong lúc chờ đợi nhà hàng chuẩn bị, bằng một giọng trầm buồn, ông bắt đầu kể:

- Cách nay hơn mười năm, ông cụ tôi bị Việt Minh (Cộng Sản) bắt đem đi thủ tiêu vào tối 13 tháng 2 âm lịch, không biết chúng đã chôn ông cụ tôi đâu. Sau 1954, tôi nhận được một mảnh giấy viết vội mấy dòng như sau: "Cha của anh bị Việt Minh giết vào tối 13 tháng 2 âm lịch... chôn dưới chân "Cầu Chiến Tranh"... ".

Người báo tin không cho biết tên và địa chỉ nhưng có lưu ý một chi tiết dòng suối nhỏ bên cạnh một cầu sắt màu đen.

- Có lẽ người đó đã tham dự vào việc giết ông cụ?

- Có thể như vậy và họ không muốn ra mặt vì sợ bị rắc rối với chính quyền Quốc Gia... Dù sao cũng là một người tốt...

Chúng tôi trở lại "Cầu Chiến Tranh" trong ngày hôm đó, mang theo đầy đủ các vật cần thiết để thực hiện việc lấy hài cốt về. Đến nơi, ông khách liền đặt lễ vật ra cúng vái cầu khẩn rồi mới khởi sự đào đất... Nạn nhân được chôn không sâu lắm, xương còn nguyên vẹn, khâu dây nịt bằng đồng vẫn còn... Ông khách bình tĩnh, cẩn thận đếm từng cái xương kẻo sợ bỏ sót, tội cho người quá cố. Nạn nhân có hai răng vàng, đó là bằng chứng rất xác thực, không thể nhầm lẫn được.

Ông khách lấy rượu rửa sạch xương và lấy vải trắng bọc lại để vào va-li. Tôi giúp ông một tay cho nhanh, hai người làm rất gọn gàng, không một người thứ ba hay biết.

Tối đó, ông khách ở lại trong phòng, không đi ăn cơm ngoài như trước. Theo lời ông dặn, sáng hôm sau, tôi trở lại khách sạn thật sớm, đưa ông đến thăm gia đình tôi. Ông đã mang theo rượu, trà, bánh, trái để đặt trên bàn thờ của gia đình tôi và đốt nhang cúng ông bà của chúng tôi. Ông cũng mua vải mới tặng vợ con tôi may quần áo mặc. Trước sự hiện diện của vợ chồng tôi, ông đã nói lời cám ơn và trao cho chúng tôi một phong bì lớn...

Tôi đưa ông đến hãng máy bay, mua vé về Sài Gòn. Tay xách va-li đựng hài cốt, vẻ mặt bình tĩnh, kín đáo, ông bắt tay tôi thật chặt

và một lần nữa ngỏ lời cám ơn rồi mới lên xe ra phi trường.

Tôi trở về nhà, cùng vợ đóng kín cửa phòng cẩn thận rồi mới mở thư ra xem: Năm chục ngàn đồng với một bức thư cám ơn lời lẽ rất chân tình. Với số tiền đó, chúng tôi có thể mua được một cái nhà gỗ lợp tôn, có ba căn và luôn cả nhà bếp... Thật là tiền của bất ngờ đến với gia đình tôi.

Tôi tin rằng mọi sự trên đời này đều có bàn tay của Ông Trời, của Đấng Thượng Đế sắp đặt cả. Mình giúp người, nào có mong ai trả ơn. Hoàn cảnh người đàn bà chồng chết hôm nọ thật quá thương tâm. Tôi tin rằng người chết đã phù hộ tôi. Kể từ ngày đó, gia đình tôi vợ chồng hòa thuận, chăm chỉ làm ăn, con cái được học hành, biết kính trọng và vâng lời cha mẹ, trong nhà có tiền để dành, không hề thiếu hụt. Tôi vẫn đạp xích lô và cho cái nghề này cũng cao quý như các nghề khác. Tôi cũng được mọi người kính trọng, chưa thấy có ai khinh rẻ tôi. Mỗi năm, đến ngày Tết hay ngày 13 tháng 2 âm lịch, ông khách Sài Gòn đó vẫn gởi quà và tiền lì xì cho gia đình tôi. Câu chuyện này tôi đã từng kể cho nhiều người và hôm nay lại có dịp kể cho cậu nghe. Câu chuyện khó tin nhưng mà có thật".

1 tháng 4, 1998

Nguyễn Lý Tưởng

ĐÀN BƯỚM LẠ TRONG VƯỜN

Cường đang nằm trên giường, nghe mẹ nói:

- Chuẩn bị xe kéo, ngày mai mình đi...

Cường nghe chú Sự "dạ" một tiếng đáp lại... và không nói gì thêm. Bầu không khí trở nên im lặng, Cường nghe rõ từng bước chân của mẹ...

- Mai mẹ đi thăm cháu nội.

- Mẹ có cho Cường đi theo không?

- Có.

Cường sung sướng quá, cảm thấy mình khôn lớn hẳn lên. Năm đó Cường mới bốn, năm tuổi, Cường vẫn được mẹ cho ngủ chung giường với mẹ. Tối nào mẹ cũng bảo Cường vô giường ngủ trước vì mẹ bận nhiều công việc. Mẹ phải nhắc nhở và kiểm soát người làm trong nhà xem họ đã làm xong mọi việc chưa. Những việc lặt vặt như giã gạo, rửa chén bát, nồi niêu, soong chảo, cho heo, cho chó ăn, dọn dẹp đồ đạc cho gọn gàng, nhớ đóng cửa, đóng ngõ, cài then cẩn thận...

Nhà Cường đã mấy đời theo nghề nông, làm ruộng vườn và chăn nuôi gia súc nên trong nhà có nhiều người giúp việc. Dân quê nghèo, không có đất ruộng để cày cấy, nhất là vào những năm mất mùa, đói khát như nạn đói năm Ất Dậu 1945, con sinh ra không nuôi nổi, phải xin vào làm con nuôi hoặc ở làm việc cho nhà giàu: giữ em, cắt cỏ, giữ trâu, nấu ăn hoặc làm mọi việc lặt vặt trong nhà tùy theo tuổi và tùy theo khả năng có thể làm được. Những lực điền, thanh niên, thiếu nữ thì ra đồng cày cấy, gieo vãi, trồng trọt, nhổ cỏ, cuốc đất, thu hoạch mùa màng v.v...

Chú Sự là một thanh niên khỏe mạnh, tính tình điềm đạm, làm việc chăm chỉ, mau mắn, hiểu ý chủ, biết vâng lời, thấy việc là làm không đợi chủ sai bảo, vì thế cha mẹ Cường rất thương chú. Chú mồ côi cả cha lẫn mẹ nên đến ở trong nhà Cường từ nhỏ. Cha mẹ Cường xem chú như con cháu, lo cho chú đủ mọi thứ và cũng tính chuyện tìm người xứng đáng để cưới vợ cho chú nữa.

Dưới thời Pháp thuộc, trước 1945, dân quê đi đâu thường đi bộ hoặc đi thuyền nếu có chuyên chở nặng. Nhà giàu thì nuôi ngựa để kéo xe hoặc để cỡi. Nuôi ngựa tốn kém mà không tiện bằng xe đạp. Xe đạp tuy đắt tiền nhưng phong trào đi xe đạp đang lên, mỗi làng cũng có vài người sắm xe đạp, nhất là thành phần công chức, làm việc cho nhà nước ở tỉnh hay các thầy giáo ở miền quê. Các quan lớn trong chính phủ Nam triều như Tri Huyện, Tri Phủ, Tuần Vũ, Án Sát trở lên, hoặc các ông Tham Phán, Thông Ngôn làm việc cho chính phủ bảo hộ Pháp ở các thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn v.v... mới có xe hơi; các tỉnh nhỏ không ai sắm nổi ngoài quan đầu tỉnh hay công sứ Pháp. Đối với nhà dân, chiếc xe kéo cũng sang trọng như xe hơi bây giờ.

Cha Cường và anh Thông đã bán ngựa để sắm xe đạp nhưng cha nghĩ đến mẹ và mua cho mẹ chiếc xe kéo, để khi mẹ cần đi đâu xa, có xe cho mẹ đi. Mẹ lại đèo thêm Cường, nên cha sắm chiếc xe kéo đó cũng vì Cường. Thường khi mẹ đến nhà bà ngoại hay đi thăm bà con trong làng hoặc đi nhà thờ đọc kinh, xem lễ thì mẹ dẫn Cường đi theo. Mẹ nắm tay Cường dẫn đi chứ không ẵm Cường như hồi còn nhỏ nữa. Những khi mẹ đi chợ hay ra đồng trông coi thợ làm việc thì mẹ để Cường ở nhà cho chị Ẩn chăm sóc.

Cường cảm thấy mình khôn lớn hẳn lên vì lần này mẹ cho Cường đi chơi xa, Cường sẽ được đến một nơi nào đó mà Cường chưa bao giờ biết. Nơi đó là nhà cha mẹ chị Thông, chị dâu của Cường. Mẹ thường nói với mọi người trong nhà:

- Chị Thông là con út nhà người ta nhưng về làm vợ anh Thông là con đầu dâu trưởng nhà mình.

Mẹ trao chìa khóa cho chị, chị có quyền chi tiêu tiền chợ, đong gạo, trả tiền công cho người làm, thậm chí khi bán lúa, bán đậu hay hoa trái trong vườn hoặc có khi bán gà, vịt, heo,

bò v.v... mẹ cũng đều trao cho chị giải quyết hết. Mẹ nói:

- Trong nhà có con dâu, "dâu là chính lễ, rể người dưng", chị Thông phải thay mẹ mà quán xuyến mọi việc. Gia tài này là của con cái, khi cha mẹ già, cha mẹ chết đi thì để lại cho con. Mẹ không muốn kiểu "mẹ chồng, nàng dâu", con dâu mẹ cũng thương như con ruột của mẹ. Con dâu thì sinh con cháu dòng họ nhà mình, con gái đi lấy chồng là con người ta.

Anh Thông, chị Thông có con, vậy là Cường được lên chức chú rồi. Anh Thông lớn hơn Cường gần hai chục tuổi, nên tuổi của Cường với tuổi của con anh Thông không cách xa nhau bao nhiêu. Anh Thông đi làm việc ở tỉnh xa, cuối tháng lãnh lương mới về nhà. Chị Thông sinh con so, con đầu lòng nên bên cha mẹ chị Thông xin cho chị về bên đó sinh đẻ. Tục người mình hễ "con so thì về nhà mẹ... ", do đó mà chị Thông không sinh con đầu ở nhà chồng.

Trước khi cưới chị Thông, anh Thông có quen một cô gái nào đó nhưng cha của Cường nói với anh Thông rằng:

- Cha mẹ không biết gốc gác cô ấy như thế nào, nghe nói nhan sắc cũng tầm thường thôi, không khéo còn thua con gái trong làng thì thiên hạ cười cho.

Cha của Cường chơi thân với cụ Hường, chú của chị Thông. Cụ đó làm quan, tước Hường Lô Tự Khanh nên người ta chỉ gọi là cụ Hường mà không dám gọi tên tục. Người anh chị Thông cũng là một viên chức hành chánh xưa, cũng là người quen biết với gia đình Cường. Nói chung cũng là gia đình danh giá... Cha mẹ khuyên anh Thông nên chọn đám đó.

*

* *

Cường ngủ say lúc nào không biết, đến khi nghe tiếng mẹ gọi chuẩn bị lên đường thì trời đã sáng rõ... Mẹ thay áo quần mới, giày mới cho Cường. Mẹ giục chú Sự đi sớm cho mát. Chiếc xe kéo gọng đồng, sơn đen bóng loáng như sơn mài, nệm bọc da, mui xe bằng vải có tráng nhựa để chống mưa. Mấy tháng trước, khi mới đem xe về, Cường và bọn trẻ cùng tuổi thường leo lên xe ngồi chơi, bóp chuông kêu keng keng và rất lấy làm thích thú. Chú Sự chỉ tập kéo xe chạy trong sân nhà, ra ngõ rồi trở vào, không thấy đi đâu xa. Hôm nay là lần đầu tiên, Cường được đi xe với mẹ. Cường rất thỏa thích.

Chú Sự cầm càng xe giữ thăng bằng. Mẹ ẵm Cường ngồi lên xe. Chị Ẩn mang giỏ thức ăn và quà biếu cha mẹ, họ hàng bên chị Thông. Mẹ đã chuẩn bị nào giò chả, bánh trái, xôi gấc, thịt heo quay... , cả những quần áo cho trẻ em mà bà con bạn bè bên nội gởi tặng cháu. Trước năm 1945, những thứ đó là những thứ hàng quà đặc biệt, chẳng mấy ai ở nhà quê có được. Cường thấy mẹ mang theo những chiếc áo đầm, những đồ chơi dành cho con gái nên Cường hỏi mẹ:

- Chị Thông sinh con trai hay con gái hở mẹ?

- Chị Thông sinh con gái. Cha và anh Thông mong có cháu trai, cháu đích tôn của dòng họ nhưng Trời cho gì thì mình nuôi đó. Mẹ cũng thích có cháu gái đẹp, dễ thương. Con gái lớn lên được nhờ sớm, có bán gả thì mình được ăn cỗ. Con trai nuôi tốn tiền cho ăn học, lại tốn tiền cưới vợ. Cháu trai nghịch ngợm lắm. Mẹ chỉ có mình mày mà cũng không chịu nổi cái phá phách của mày đó, nay lại thêm đứa cháu trai nữa chắc chú cháu mày có ngày phá sập nhà! May mà cháu gái...

Nói xong mẹ cười. Cường cũng cười. Cường tuy nhỏ tuổi nhưng tính nghịch ngợm, hay trốn mẹ ra vườn leo trèo, hái khế, hái ổi. Có lần Cường leo lên cây khế vịn nhánh cây đi trên mái nhà để hái những trái khế chín thật lớn. Mùa Đông, mái nhà rêu phong, trơn trượt, nhánh cây gãy, Cường bị té lăn trên mái nhà, may mà ngay dưới chân tường nhà có đống cát, Cường rơi vào đó nên không việc gì. Mẹ vừa làm việc vừa xem chừng Cường, lâu lâu không thấy Cường, mẹ phải chạy đi tìm khắp nhà... Mỗi lần như thế, Cường lại núp đâu đó để cho mẹ đi tìm. Mẹ sợ Cường bị rơi xuống giếng... và có lần mẹ đã phải bảo anh Sinh bỏ thang xuống giếng tìm xem Cường có rớt xuống dưới đó hay không? Chính vì Cường hay nghịch ngợm như thế nên lần này mẹ nói mẹ không thích có cháu trai.

Cường thấy mẹ nói đúng "cái tật của mình" nên cười mà không trả lời. Cường hay cãi lại mẹ nhưng lần này thì Cường không biết cãi vào đâu được nữa. Mẹ vừa đi đường vừa kể chuyện cho Cường nghe, thỉnh thoảng mẹ cũng hỏi thăm chú Sự vài câu. Mỗi lần xe đi qua cầu, qua chợ, qua đình làng hay nhà thờ nào thì mẹ nói cho chú Sự biết nơi đó là nơi nào, còn cách nhà cha mẹ chị Thông bao xa... Mấy tiếng đồng hồ sau thì xe đến nhà chị Thông. Mẹ xuống xe và mọi người trong

nhà chạy ra, xúm xít chào hỏi. Ai cũng xoa đầu Cường và hôn Cường rối rít...

Mẹ nắm tay Cường dẫn vào nhà, Chú Sự đậu xe ở sân rồi xách đồ đạc, quà bánh vào sau. Mẹ bảo chú Sự đi mượn cái mâm đồng lớn cho mẹ đặt lễ vật trước bàn thờ ông bà để kính tổ tiên trước rồi mới mang quà xuống trao cho bà con. Chị Thông ở trong buồng, mẹ vào đó thăm chị một mình, không cho Cường vào theo. Cường tò mò muốn vào xem cháu nhưng không được. Cường đợi mẹ bồng cháu ra ngoài nhà để nhìn mặt cháu ra sao, cháu sẽ giống ai, anh Thông hay chị Thông. Mẹ không cho Cường vào buồng đẻ của chị Thông vì thời đó người ta tin dị đoan cho rằng con trai vào chỗ đàn bà đẻ thì học hành lú lẩn, tương lai không nên danh phận gì.

Cường một mình đứng ở phòng khách, cảm thấy bơ vơ... nhưng mấy người ở trong nhà vội đến dẫn Cường đi xem nhà, xem vườn, ra ngoài sân xem hoa... Cô Phú, con cụ Hường, một cô gái học trường Tây ở tỉnh, dịp đó cũng về thăm, cô dẫn Cường đi chơi và hỏi thăm Cường đủ thứ chuyện. Cường nhớ Tết vừa rồi cô Phú có đan cho Cường bộ quần áo lưới màu trắng, kèm thêm bộ áo quần vải đỏ. Sáng mồng một Tết, Cường mặc áo đỏ trước rồi mặc áo lưới màu trắng ra bên ngoài, trông rất lạ mắt. Thời đó, vải vóc rất hiếm, áo quần cũ của người lớn đã rách đem sửa lại cho trẻ con mặc.

Thằng Cọp, con ông cậu của Cường, cùng lứa tuổi và thường chơi với Cường cũng được cô Phú tặng cho bộ áo quần giống như của Cường. Sáng mồng một, người đến đạp đất nhà Cường trước tiên là thằng Cọp. Hắn mặc bộ quần áo cô Phú cho nhưng chỉ mặc bộ đồ lưới bên ngoài mà quên không mặc bộ quần áo vải đỏ lót bên trong nên trông hắn có vẻ trần truồng... Cả nhà Cường ai cũng ôm bụng cười sặc sụa. Thằng Cọp mới hiểu ra là hắn đi chúc Tết, đạp đất nhà Cường trước hết mà không mặc áo quần... Hắn vội chạy trở về nhà mặc thêm bộ quần áo màu đỏ vào. Hắn vẫn là người đến nhà Cường chúc Tết trước tiên. Hắn mang bộ áo quần màu đỏ đến nhà Cường đầu năm, đó là điềm hưng vượng, ăn ra làm nên...

Chuyện thằng Cọp đi chúc Tết ai cũng biết và là đề tài đầu năm cho gia đình Cường và gia đình thằng Cọp. Hắn sinh năm Mậu Dần nên người ta gọi hắn là thằng Cọp. Cọp

có nhiều thứ: cọp trắng, cọp đen, cọp vàng, cọp xám, cọp vằn nhưng không có cọp đỏ. Thằng Cọp mặc áo đỏ nên Tết năm đó người ta gọi hắn là Cọp đỏ.

Trong khi mẹ ngồi nói chuyện với bà con bên chị Thông ở trong nhà, Cường ở ngoài sân, thấy mấy người trong họ hàng chị Thông chụm nhau lại bàn tán... Cường để ý nghe xem có ai chỉ trích mẹ mình điều gì không nhưng chàng bỗng nghe người ta nói:

- Bà mẹ anh Thông đi đứng, nói năng trông uy nghi, phúc hậu quá. Đúng là một bà chủ... Chị Thông thật có phước về làm dâu nhà đó...

Sau này lớn lên, Cường vẫn nhớ mãi câu nói đó, mỗi khi nghĩ đến mẹ mình, bỗng Cường nghe tiếng mẹ gọi và hình như có tiếng chị Thông:

- Cường ơi!

- Dạ.

Cường chạy vào nhà và thấy người ta bồng cháu ra cho mọi người xem. Cháu mới được một tuần, mặt nhỏ xíu, nước da trắng hồng. Cường nghe mọi người bình luận:

- Con gái mà giống cha quá hè!

- Gái giống cha giàu ba họ, trai giống mẹ khó ba đời...

Chị Thông ở trong buồng nói ra:

- Chú Cường ơi! Cháu của chú đó. Ít hôm đầy tháng, chị đem cháu về nhà mình cho Cường chơi với cháu.

- Dạ.

Cường đáp lại. Cường không biết trong cái buồng kín đó có những gì.

Trước khi mẹ đi thăm chị Thông, mẹ cũng chuẩn bị chỗ cho chị Thông đem cháu về nhà nội. Cha mẹ tỏ ra bênh chị Thông, quý chị Thông, trao quyền trong nhà cho chị Thông. Cha mẹ muốn chứng tỏ với anh Thông cha mẹ thương yêu người mà cha mẹ chọn cho anh Thông. Anh Thông cũng biết vậy nên không bao giờ nói nặng lời với chị.

Mặc dầu trong nhà chị Thông khẩn khoản mời nhưng mẹ không ở lại. Mẹ phải về vì bỏ việc nhà không ai trông coi. Nhà làm đến gần trăm mẫu ruộng, người ở luôn trong nhà và người đến làm thuê mỗi ngày kể hàng chục, đó là chưa kể đàn gia súc trâu bò heo gà... Suốt ngày mẹ rất bận rộn.

Ông nội đặt tên cho cháu gái là Kim Cầm, cây đàn bằng vàng. Đó là loại đàn quý ngày xưa, chỉ có ở cung điện của vua chúa hay nhà đại phú, quyền cao chức trọng mà thôi. Cầm lớn lên, nước da trắng như con Tây, mặt đầy đặn, dễ thương. Cầm lại rất thông minh, suốt ngày đi theo chơi với chú, bắt chước chú nói, bắt chước chú hát. Chú học bài gì, Cầm cũng học theo bài đó. Cầm đọc thuộc lòng cả bài dài mặc dầu Cầm chưa biết chữ, chưa đến tuổi đi học. Cầm có trí nhớ như bà nội. Mẹ không cần sổ sách gì vẫn nhớ hết các khoản thu chi, ai thiếu bao nhiêu, ai còn nợ bao nhiêu, ai vay mượn bao nhiêu, mẹ đều nhớ. Chuyện xưa, tích cũ, kinh sách, thơ phú mẹ đều thuộc. Ngày xưa mẹ còn nhỏ, mẹ không được đi học như các cậu vì thời đó ở nhà quê chỉ có con trai đi học, con gái ở nhà lo nội trợ hoặc học buôn bán, vá may... nhưng mẹ nghe các cậu học bài, mẹ thuộc hết. Mẹ truyền dòng máu đó cho Cường và cả cho cháu nội của mẹ, cháu Cầm.

Chưa đầy ba tuổi, Cầm phải xa cha, lên sáu tuổi thì cha chết. Cường cũng vậy, mới sáu bảy tuổi đã mất cha, mất anh rồi. Năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền giương cao ngọn cờ độc lập, mọi người đi theo nhưng sau đó, chúng đem chủ nghĩa Cộng Sản áp đặt lên dân tộc Việt Nam, chủ trương đấu tranh giai cấp, tiêu diệt tôn giáo nên cha và anh của Cường đã đứng về phía những người Quốc Gia, chống lại chúng và đó là lý do khiến cho cả hai cha con đều bị chúng hại.

Từ ngày anh Thông bị Việt Minh bắt, rồi bị chúng giết, chị Thông đã trở nên như người bất thường. Có lúc chị tỏ ra biết ăn biết ở, biết chia sẻ với mẹ nỗi đau khổ mất chồng mất con nhưng cũng có lúc chị tỏ ra như điên như khùng, ăn nói chẳng biết kính trên nhường dưới. Rồi chị đem sổ sách, tiền bạc, chìa khóa tủ trả lại cho mẹ. Mẹ khuyên giải mấy chị cũng không nghe. Chị tự ý ăn riêng, tự ý làm riêng, xuất vốn thuê một cái sạp ở chợ để buôn bán. Mẹ nói với chị:

- Mẹ biết hoàn cảnh của con. Con muốn ra ngoài, buôn bán làm ăn, đi lại cho khuây khỏa, mẹ để cho con được tự do. Con còn trẻ, nếu có ai thương con, con muốn đi thêm bước nữa, mẹ cũng vui lòng. Con cứ để cháu Cầm lại đây cho mẹ...

Nói xong mẹ ngồi khóc.

Mẹ chiều chị Thông như con dâu đối với mẹ chồng. Cháu

Cầm tuy nhỏ tuổi nhưng thấy bà nội khóc, thấy mẹ nó nói năng vô lễ với bà, nó cũng chạnh lòng. Nó chạy đến sà vào lòng bà, rồi bà cháu ôm nhau khóc.

Mẹ của Cường ngã bệnh, cứ lạnh chân, lạnh tay và ngất xỉu. Uống bao nhiêu thuốc, chạy bao nhiêu thầy cũng không lành. Mẹ cứ ở trong nhà suốt ngày, không ra ngoài trông coi công việc được nữa. Đất ruộng cũng phải thuê người ta làm, lợi tức chia hai. Trâu bò cũng bán bớt, chỉ chừa lại mấy con cho có với người ta cho vui mà thôi. Cầm bắt đầu đi học vỡ lòng, chú cháu học cùng trường. Cường thương cháu quá, thường cõng cháu trên lưng. Cháu mỗi ngày một lớn, mỗi ngày một nặng thêm ra, Cường không còn cõng cháu nổi nữa, phải cầm tay dắt đi. Ở nhà, Cường chỉ cho cháu học thêm, đem đồ chơi ra chơi với cháu, đọc chuyện trẻ em cho cháu nghe. Trường làng không còn lớp cho Cường học nữa nên mẹ cho Cường lên tỉnh học.

- Cầm ơi, mai chú lên tỉnh học rồi. Đến Tết hoặc nghỉ hè chú mới về với Cầm. Cháu ở nhà vâng lời mẹ, vâng lời bà, cố gắng học giỏi, chú sẽ về thăm cháu.

Cường vừa nói vừa ôm lấy cháu khóc nức nở. Cường thương cháu, thương cha, thương anh, thương mẹ, thương chị... Sự tang tóc và đau khổ đã đến với tất cả mọi người trong gia đình này, không chừa một ai. Cường biết rằng ngày mai, sau khi chàng đi ra khỏi nhà rồi, Cầm biết chơi với ai? Ai đem cháu đi học, ai dẫn cháu đi nhà thờ?

- Thôi cháu đừng khóc nữa. Chú đi học, ở nhà có bà nội đem cháu đi nhà thờ, có chị Ẩn đem cháu đi học. Mấy đứa nhỏ gần nhà sẽ đến chơi với cháu. Không có chú, nội sẽ thương cháu nhiều hơn, sẽ thương cháu gấp đôi. Mỗi tối cháu sẽ ngủ với nội thay vì ngủ với chú. Cháu nhớ đọc kinh, cầu nguyện với Đức Mẹ cho cháu chóng lớn, học giỏi...

Cường nghe Cầm "dạ" một tiếng thật nhỏ và hai chú cháu lại tiếp tục khóc và còn khóc nhiều hơn trước nữa.

*

* *

Từ làng lên tỉnh chừng mười mấy cây số nhưng tình trạng chiến tranh, Việt Minh hoạt động mạnh, thường rình rập bắt cóc, thủ tiêu người làng khác đi qua vùng chúng kiểm

soát nên sự đi lại rất khó khăn, phải có lính Quốc Gia đi mở đường... Qua được năm tháng thì đến Tết, Cường được về thăm nhà. Chú cháu ôm nhau mừng rỡ.

- Chú ơi, đêm nào Cầm cũng nằm mơ thấy chú về. Cầm nhớ chú quá.

- Chú cũng vậy, chú nhớ Cầm quá, chú chỉ mong Tết đến cho mau để về với Cầm...

Mấy ngày Tết, Cường không đi đâu, chàng chỉ ở nhà chơi với Cầm. Tiền mẹ gởi cho Cường ăn quà sáng, Cường để dành mua đồ chơi cho cháu. Sau khi cha và anh qua đời, gia đình Cường cũng không còn vui Tết như xưa. Mẹ cũng có làm bánh, mứt, cốt giữ lấy phong tục cho con cháu mà thôi chứ trong lòng khi nào cũng nhớ thương người đã khuất, không giây phút nào nguôi. Thỉnh thoảng có bà con đến thăm thì mẹ ngồi nói chuyện, thì giờ còn lại, mẹ cầu nguyện, đọc kinh lần hạt...

Tết qua mau và mấy tháng sau lại nghỉ hè rồi. Cường vội thu xếp để về quê với mẹ, với cháu. Ba tháng hè, Cường dẫn cháu đi chơi, có khi ra sông tắm. Mới đó mà Cầm đã cao lớn gần bằng con người ta chín mười tuổi rồi. Cầm càng lớn càng đẹp, nước da trắng, môi hồng, tóc đen nhánh, mắt sáng mà xanh. Từ nhỏ không thấy Cầm đau ốm gì, mẹ Cường rất mừng. Cường đi đâu cũng nắm tay cháu dắt đi theo. Vườn nhà cây cối rậm rạp, chim chóc đến làm tổ, trưa Hè vắng lặng, tiếng chim cu gáy đều đều, giọng buồn thiết tha. Mẹ không cho người ta bắn giết chim trong vườn. Mẹ nói:

- Đất lành chim đậu, mình có thóc lúa để cho chim đến ăn, đừng săn, đừng đuổi chúng đi. Có tiếng chim hót cho vui vườn nhà. Chim cu gáy là loài chim khôn, nơi đâu có người phá hại nó thì nó không đến đó nữa...

Mẹ biết Cường thích bắt chim con nuôi nên mẹ không muốn ngăn cản niềm vui của Cường nhưng ý của mẹ là cứ để cho chim khôn lớn, ở trong vườn nhà mình... Vườn có nhiều chim càng vui hơn. Cường thích nuôi chim sáo, chim sáo biết nói, chim sáo mến chủ, Cường đi bắt châu chấu cho chim ăn. Cường đi đâu, chim sáo đậu trên vai. Buổi tối, chim sáo tự vô lồng ngủ, Cường đóng cửa lồng vì sợ mèo bắt chim chứ Cường không bao giờ sợ chim sáo bỏ đi. Cường đi đâu đều

có đủ ba người: Cường, cháu Cầm và chim sáo. Cường xem chim sáo cũng như một người vì chim sáo cũng biết nói tiếng người.

Mới đó mà đã qua ba tháng hè rồi. Cường từ giã mẹ, từ giã chị và ôm hôn cháu trước khi lên tỉnh tiếp tục học. Rồi năm mới lại đến, Cường lại trở về với cháu.

*

* *

Mùa Xuân năm đó, một mùa Xuân mà Cường không bao giờ quên được trong suốt cả cuộc đời... Sau mấy ngày Tết, không biết bươm bướm ở đâu kéo về đầy cả vườn nhà. Chúng xây một tổ bướm to bằng cái bao bố đựng gạo ở trên cây khế sau nhà. Lúc đầu Cường không biết là cái gì, cứ tưởng là tổ ong... nhưng có một hôm, hàng ngàn, hàng vạn con bướm, đủ mọi màu sắc, từ trong cái tổ đó bay ra tràn ngập cả vườn. Chưa bao giờ Cường được thấy số bướm nhiều như thế và cũng chưa bao giờ Cường được thấy một tổ bướm to lớn và lạ lùng như thế... Không riêng gì Cường mà có lẽ trên thế gian này chưa có ai được thấy hiện tượng lạ lùng đó... Chú cháu Cường đã ngất ngây trước cái cảnh đẹp của hàng vạn cánh bướm lạ đó. Chàng cảm thấy mình đang lạc vào một nơi tiên cảnh nào đó mà trong văn chương, truyện tích đã từng nói đến...

Sau mấy ngày Tết, Cường từ giã mẹ, từ giã chị và cháu để lên đường tiếp tục học. Hình ảnh đàn bướm kia vẫn còn ám ảnh mãi trong đầu óc chàng, không biết đây là điềm lành hay điềm dữ. Ong và bướm đến nhà, theo người ta nói thì xưa nay không phải là điều tốt!

Thế rồi vào một buổi sáng mùa Xuân... Cường nhớ rất rõ đó là ngày 20 tháng Giêng Âm Lịch năm Tân Mão, tức là ngày 25 tháng 2 năm 1951, khoảng 11 giờ sáng, lúc đó Cường đang đứng trước thềm nhà trọ thì người anh con bác của chàng đến báo tin cháu Cầm đau nặng, đang nằm ở phòng mạch Bác Sĩ Phan Văn Hy...

Cường vội chạy đến đó thì thấy Cầm đang quằn quại trên giường. Cháu đau đớn la lên từng tiếng nghe rợn người và tuồng như đã kiệt sức lắm rồi. Cháu bị lên cơn đau bụng từ hôm qua, nhà cho uống thuốc gì cũng không bớt và phải thuê

đò chở ra quốc lộ số 1 để đón xe lên tỉnh. Bác sĩ khám bệnh và đoán rằng cháu bị đau ruột thừa, phải đưa vào bệnh viện gấp.

Cường vội chạy thuê xích lô và xin giấy giới thiệu của Bác Sĩ để đưa cháu vào bệnh viện. Thầy Y Tá Trưởng ở bệnh viện là người cùng làng, đã trực tiếp trình bày với Bác Sĩ người Pháp, Giám Đốc bệnh viện. Bác sĩ quyết định đưa cháu vào phòng mổ ngay lập tức.

Cường và chị Thông cùng mấy người bà con đứng ở bên ngoài chờ đợi. Mấy giờ đồng hồ sau, y tá đẩy giường người bệnh ra khỏi phòng. Cường thấy Cầm nằm trên giường, bên cạnh có treo một bình nước biển tức huyết thanh (sérum), mình quấn đầy băng vải trắng và được đắp một tấm ra bên ngoài. Cầm được đưa đến phòng hậu giải phẫu. Đa số những người vừa ở phòng mổ ra thì ngủ li bì vì còn chịu ảnh hưởng của thuốc mê nhưng Cầm vừa ra khỏi phòng mổ được mười lăm phút thì đã tỉnh lại rồi. Cầm càng đau đớn quằn quại hơn trước nữa. Bác Sĩ và y tá tỏ vẻ lo lắng nhưng im lặng không nói ra.

Cường đứng ở đó, chứng kiến sự đau khổ của Cầm, nước mắt Cường cứ tuôn ra. Cường lấy hết can đảm và bắt đầu đọc kinh cầu nguyện nhưng càng đọc, càng suy nghĩ, càng nhớ đến cha, đến anh, đến mẹ, đến chị... , đến những tang tóc đã xảy ra cho gia đình Cường trong mấy năm qua... nên càng mủi lòng hơn nữa, nước mắt tiếp tục đổ xuống ướt cả hai má. Cầm hắt ra những tiếng "ối chao! ối chao!" cách đau đớn và tuyệt vọng. Chừng hai giờ đồng hồ sau thì Cầm tắt thở.

Y tá chạy đi tìm Bác Sĩ đến để xác nhận tình trạng của Cầm và người ta di chuyển Cầm qua nhà xác! Tiếng khóc than của mọi người cùng cất lên thật thê thảm. Chị Thông vừa khóc vừa kể lể, nhắc đến chồng, nhắc đến con... Chị lăn lóc ở dưới chân giường Cầm đang nằm. Mấy người đàn ông đứng tuổi trong bà con rủ nhau ra ngoài, bàn bạc với nhau và quyết định đi mua hòm để liệm xác Cầm nhưng chưa đậy nắp quan tài, đợi đem về nhà cho bà nội thấy mặt cháu đã...

Vì tình hình an ninh trong vùng, không thể thuê người gánh quan tài đi đường bộ về nhà được nên Bác Huỳnh, người lớn tuổi nhất trong gia tộc đã quyết định thuê đò đưa Cầm về nhà. Một mình dì Quý, người bà con xa thường đến giúp

việc trong gia đình Cường, được chỉ định đi theo quan tài của Cầm. Những người khác sẽ đi theo quốc lộ số một, nơi thường xuyên có lính Quốc Gia và Pháp kiểm soát an ninh, để về nhà báo tin trước. Cường viết thư xin nghỉ học gởi đến trường rồi theo bà con đi đường bộ về nhà.

Khi được hung tin đó, mẹ liền chạy đến trước bàn thờ, đốt lên hai cây nến rồi quỳ xuống lạy tượng Chúa mấy lạy... Mẹ có thói quen đến quỳ trước bàn thờ Chúa và Đức Mẹ những lúc gặp cơn đau khổ quá sức chịu đựng của con người như trường hợp này. Mẹ đã khóc và gục đầu xuống trước bàn thờ bất tỉnh. Trên tường nhà có treo ảnh của Cầm mới chụp hôm Tết. Cầm đứng một mình tựa vào gốc cây đào đang nở hoa, trông gương mặt hơi buồn và không tươi tắn như những bức hình chụp trước đây.

Trong khi những người khác chuẩn bị những thứ cần thiết cho một đám tang thì Cường cùng mấy người bà con ra đứng ở bờ sông trước mặt làng đợi thuyền đưa Cầm về. Mùa Xuân, nước sông dâng cao, đêm không trăng và sương lạnh giăng mờ cả một vùng. Cơn gió lạnh càng làm cho Cường cảm thấy tê tái và thấm thía hơn trong hoàn cảnh đau đớn này. Một chiếc thuyền từ từ xuôi bến, trong bóng đêm tối tăm mù mịt, người ta đã đốt lên một bếp lửa ở trước khoang thuyền và treo một ngọn đèn dầu ở bên trong. Dì Quý ngồi ở đằng trước sẵn sàng trả lời nếu bọn dân quân tự vệ của Việt Minh có lên tiếng xét hỏi. Người trên thuyền dùng một cái chậu bằng đất lớn đầy tro và cát để làm bếp nấu ăn và đốt lửa khi cần. Bệnh viện đã cấp giấy chứng nhận về lý lịch người chết và quan tài cũng chưa đậy nắp, nếu họ có nghi ngờ gì thì cứ việc kiểm soát...

Ban đêm chính là lúc hoạt động thuận tiện của Việt Minh và để chứng tỏ uy quyền của mình, chúng đã ra lệnh cho thuyền cập bến. Sau khi xem giấy tờ và thấy rõ người chết nằm trong quan tài, chúng chỉ hỏi qua loa vài câu rồi cho đi.

Cường theo quan tài về đến nhà. Một lần nữa mẹ và chị Thông khóc và ngã lăn ra bất tỉnh, người ta phải đem mẹ và chị vào buồng để xoa dầu, cạo gió cho khỏe lại. Cầm nằm trong quan tài, không đậy nắp để cho mọi người tới thăm viếng. Cầm mới chết chưa được một ngày, theo phong tục thì

sau ba ngày sẽ khâm liệm và đậy nắp quan tài lại. Linh Mục chánh xứ và mọi người trong làng đều đến thăm và chia sẻ nỗi đau khổ với gia đình. Thầy giáo và học sinh cũng như bọn trẻ con cùng lứa tuổi với Cầm ở trong làng cũng đến phân ưu. Vì là mùa Xuân, nhà nào cũng có trồng hoa, nên người ta đã mang đến đủ mọi thứ hoa và nến, để chung quanh quan tài của Cầm... Không một người nào đến thăm mà không xúc động, nhiều người đã khóc thật sự.

Qua hai ngày, Cường cứ đứng trước quan tài Cầm mà khóc, chẳng ăn uống gì cả. Cường không quên được hình ảnh của cháu với những kỷ niệm đã qua trong đời chàng. Cường càng đau xót hơn nữa khi nghĩ đến mọi người trong gia đình đã chết và càng cảm thấy thân phận bơ vơ của mình. Cầm chết thì Cường không còn ai để chia sẻ với Cường niềm vui, nỗi buồn của tuổi trẻ. Tình thương đối với mẹ khác với tình thương đối với Cầm. Tuổi của cháu không cách xa tuổi của Cường bao nhiêu, Cầm chẳng khác nào người em gái út của Cường mà thôi. Cường không có em nên càng thương và mến cháu có khi hơn cả mẹ mình nữa. Cường ít khi tâm sự với mẹ vì mẹ là người lớn. Cầm là người chia sẻ những tâm tình tuổi trẻ của Cường. Cầm vừa là người cháu, người em và là người bạn thân thiết nhất của Cường. Mất Cầm thì Cường không còn ai để vui đùa, để tâm sự. Biết được chuyện gì, hay nghĩ ra được điều gì, Cường cũng không biết nói với ai... Nỗi mất mát này thật quá lớn, làm sao bù lấp được khoảng trống đó.

Mẹ quyết định đưa Cầm về bên mộ của ông Cố, người sinh ra cha của Cường. Mộ của Cố nằm bên bờ sông, trên đất tư của gia đình. Từ ngày Cố qua đời đến nay, bãi sông được bồi thêm cả trăm mẫu, dân làng được nhờ mùa lúa, mùa bắp, đất tốt nổi tiếng, bắp trồng ở bãi sông ăn rất ngon. Có thầy địa lý đi ngang qua, ngắm thế đất, khen ngôi mộ của Cố ở ngay đầu rồng, con đường quanh co cạnh ngôi mộ, hai bên có hai hàng dứa trông như hình con rồng. Nhà Cường chẳng có ai biết về địa lý phong thổ và cũng không nhờ thầy địa lý xem huyệt mả trước, đây chỉ là sự tình cờ mà thôi. Ngôi mộ được đắp đất thật cao, đứng trên ngôi mộ đó có thể trông xa được cả một vùng.

Sau khi chôn Cố, dòng họ của Cường càng giàu có thêm,

các bác và cha mẹ của Cường đã tạo dựng được cơ ngơi, nhà cao cửa rộng, ruộng vườn, gia súc đầy đàn... nhưng vào năm 1945, khi Việt Minh lên nắm chính quyền thì nhiều người trong gia đình, dòng họ của Cường đã bị chúng bắt giam, bị chúng giết chết, ruộng đất, trâu bò bị chúng chiếm đoạt. Chúng đã giết anh Thông của Cường để cướp vàng bạc, châu ngọc, nữ trang của đại gia đình mà anh mang theo. Vụ án đó khắp vùng đều biết.

Trong làng, nhà nào cũng có người đi đưa đám Cầm, đoàn người nối đuôi nhau có đến cả ngàn.

Chôn cất Cầm xong rồi, Cường không đi học nữa. Mẹ cho Cường ở nhà để cho trong nhà đỡ trống vắng. Trường làng không có lớp cho Cường học nên Cường đi học giáo lý với các Sơ ở nhà thờ. Qua mấy tháng, những hình ảnh thơ ngây, vô tội của Cầm lúc nào cũng lẽo đẽo theo Cường. Cường đi đâu, ở đâu cũng cảm thấy như Cầm ở bên cạnh. Khi nằm ngủ thì mơ thấy Cầm đang nói cười và cũng trong giấc mơ, Cường bỗng ý thức được rằng Cầm đã chết nên Cường lại khóc và xót xa hơn. Không biết Cường khóc trong mơ hay nửa mơ nửa tỉnh. Tình trạng đó kéo dài mãi cho đến mấy chục năm sau vẫn còn, thỉnh thoảng Cầm vẫn hiện về trong giấc mơ.

Không những mọi người chung quanh thương nhớ Cầm mà ngay cây cối, chim chóc trong vườn cũng có những dấu hiệu khác thường. Trước tiên là tổ bướm với hàng vạn con bướm lạ đã bỏ đi đâu mất không còn một con. Chim chóc cũng im tiếng hót, cả chuồng bồ câu gần hai trăm con dần dần bỏ đi. Cây mãng cầu và cây thanh yên, một loại cây có trái lớn hơn trái chanh nhưng không chua, lá xanh tốt và hoa trái vào mùa Xuân rất nhiều. Sau khi đưa đám Cầm xong, hai cây đó bỗng chết khô không hiểu vì lý do gì. Ai đến thăm cũng ngạc nhiên và khi hiểu được lý do, một lý do ngoài khả năng giải thích của khoa học, thì càng thêm ngậm ngùi thương tiếc Cầm.

Cường ở nhà và không biết đến bao giờ mới có thể lên tỉnh tiếp tục học được vì thấy mẹ và chị Thông quá buồn, chàng không nỡ bỏ đi nhưng một hôm, Việt Minh đã đem toàn lực lượng đến tấn công anh em hương vệ trong làng. Chúng đã dùng súng SKZ (có người nói đó là ba chữ viết tắt: Súng Không DZật), một loại vũ khí mới xuất hiện trên chiến

trường hồi đó, có khả năng công phá rất mạnh. Chúng đến tấn công đâu thì đồn đó mất nhưng khi chúng đến tấn công đồn hương vệ hai làng Dương Lộc và Dương Lệ ở gần nhau thì chúng thất bại, chỉ gây tổn thất nhưng không chiếm được đồn. Cường còn nhớ rõ, đêm hôm đó, những tiếng súng nổ rất lớn, nghe chát chúa, ánh lửa lòe lên mỗi khi bọn chúng khai hỏa. Cường và mọi người trong nhà kéo nhau vào buồng, chung quanh có tường gạch và bên trên có trần ván chắc chắn để tránh đạn. Trận đánh kéo dài đến sáng, Cường nghe rõ tiếng kèn ra lệnh rút lui và thấy được những bóng người chạy về phía cánh đồng lúa ở sau làng.

Trong trận đó, bên ta không có ai chết, chỉ có người cậu, em ruột mẹ Cường bị thương mà thôi. Sáng hôm sau, khi anh em hương vệ đưa cậu Bộ đi bệnh viện để giải phẫu mảnh đạn trong người thì mẹ cũng cho Cường đi theo lên tỉnh. Mẹ nói:

- Con phải thu dọn đi ngay kẻo không kịp. Mẹ chỉ có mình con, sau này khôn lớn tìm cách báo thù cho cha, cho anh, cho bà con làng xóm mình. Con ở đây, không chết về tay Cộng Sản thì cũng chết vì bom rơi đạn lạc.

Cường "dạ" một tiếng rồi vội vàng thu xếp đồ đạc để theo anh em hương vệ hộ tống cậu Bộ lên đường. Ngồi trên xe, Cường thấy thương mẹ vô cùng. Mẹ đang đau khổ, đang cô đơn, trống vắng mà phải bấm bụng để cho Cường đi. Vì tương lai của con, đang tuổi học hành... Năm đó, Cường thi đậu và được mẹ cho vào học trường Dòng ở Huế. Cuộc đời của Cường từ đó, khởi đầu một cuộc lữ hành qua những thành phố, những quốc gia, những nhà tù, những nơi biệt giam đày ải cho đến ngày ra khỏi nhà giam, được đến đất tự do Hoa Kỳ.

Sau năm 1954, Miền Nam được mấy năm hòa bình, Cường thường về quê thăm mẹ vào dịp Tết hay nghỉ hè. Ngồi trên chiếc đò ngang qua sông để đến địa phận làng mình, Cường nhìn thấy rất rõ ngôi mộ Cố, nơi đó Cầm đang yên giấc ngàn thu. Trước khi về nhà, Cường ghé thăm mộ Cầm. Chàng ngồi ở đó rất lâu, đọc kinh cầu nguyện... Chàng nói với Cầm như khi Cầm còn sống:

- Cầm ơi! Chú về thăm Cầm đây! Cầm ở đâu, không mau ra chào chú đi! Đây quà chú mua cho Cầm...

Rồi Cường tưởng tượng Cầm đang đến, Cầm đang mừng

rỡ ngã vào lòng chú... Nước mắt của Cường cứ tuôn ra, chảy ướt hai má... Cường nhìn lên cây thánh giá trước mộ Cầm: "I-nê Nguyễn Thị Kim Cầm, sinh năm 1943 (Quý Mùi). Qua đời ngày 25-2- 1951 (20 tháng Giêng Tân Mão): R.I.P."

Cầm chết khi chưa được chín tuổi! Quá ngây thơ, vô tội. Ba chữ R.I.P là tiếng La Tinh viết tắt có nghĩa là "Hãy yên nghỉ trong bình an". Cầm chết khi vừa chịu lễ lần đầu và Linh Mục đã đến làm phép xức dầu thánh và cho Cầm rước Mình Thánh Chúa trước khi đưa Cầm đi bệnh viện. Chắc chắn Cầm đã có mặt trên thiên đàng và chúng ta có thêm một vị thánh trẻ.

Cường đã khóc rất nhiều vì nhớ thương Cầm. Bóng chiều xuống dần, chung quanh chàng đều mù mịt bóng tối cho đến khi không còn trông rõ hàng chữ trên thánh giá nữa, Cường mới đứng dậy, tìm đường về nhà...

24 tháng 4, 1998

Nguyễn Lý Tưởng

HẠT SƯƠNG CÒN ĐỌNG TRÊN ĐÓA HẢI ĐƯỜNG

Linh dọn về ở bên cạnh đền thờ Đức Thánh Trần, đường Phan Chu Trinh, bên bờ sông An Cựu Huế từ mấy tháng nay. Người ta nói ngôi đền đó do những người từ Miền Bắc vào làm quan thời vua Gia Long, sau 1802 hoặc là những người theo tướng họ Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc vào chiếm Thuận Hóa năm 1775 đã xây dựng nên.

Trong hơn 10 năm trước khi bị Tây Sơn đánh đuổi trở về miền Bắc (1775-1786), quân Trịnh đã vơ vét của cải của dân Thuận Hóa đem về làm giàu, xây nhà cửa, mua ruộng đất... Một số người đã cưới vợ Huế, sinh con đẻ cháu, quyết ở lại đây lâu dài nhưng khi Nguyễn Hữu Chỉnh xúi Nguyễn Huệ đem quân chiếm thành Phú Xuân thì ngày hôm đó, quan lính họ Trịnh kéo nhau chạy về Bắc Hà. Họ bị dân địa phương chận đường đánh đuổi, cướp lại chút ít của cải hoặc đi kêu quân Tây Sơn đến bắt... Chắc chắn vào thời đen tối đó, người miền Bắc lập nghiệp ở Huế chưa xây dựng nổi đền thờ Đức Trần Hưng Đạo như ngày hôm nay.

Cũng có người nói rằng, sau khi thống nhất sơn hà năm 1802, vua Gia Long đã mời các cựu thần nhà Lê ra cộng tác, một số các nhà Nho từ miền Bắc đã vào làm việc tại triều đình Huế, họ đã tập họp nhau lại trong tình đồng hương và đã xây dựng nên đền thờ Đức Thánh Trần bây giờ. Tục thờ Hưng Đạo Đại Vương là truyền thống của người miền Bắc, dân miền Trung, miền Nam ít khi đến cầu khẩn ở đó. Dưới triều Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, người miền Bắc

chưa có ai làm quan lớn đầu triều, chưa có thế lực lớn bằng người gốc Miền Nam, Miền Trung.

Nhà Nguyễn khởi binh từ Long Xuyên mà phục quốc nên người Miền Nam đi theo chúa Nguyễn Phúc Ánh, lập được nhiều công trạng. Gái Miền Nam cũng có thế lực hơn gái Miền Bắc, nhất là từ khi bà Từ Dũ (Phạm Thị Hằng), con gái ông Phạm Đăng Hưng (một trong những khai quốc công thần đời Gia Long, quê ở Gò Công), được tuyển vào cung làm Chánh Phi tức Hoàng Hậu của vua Thiệu Trị, mẹ vua Tự Đức, thì thế lực của người Miền Nam càng lớn, bao trùm cả triều đình. Làng Nam Trung thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên là nơi tập hợp những người Miền Nam ra làm quan ở Huế từ thời Gia Long trở đi nhưng đình làng lại nằm ở nơi khác, đó là đền thờ Đức Quốc Công Phạm Đăng Hưng ở gần cầu Bạch Thổ, cạnh bờ sông Hương, trên đường đi lên chùa Thiên Mụ. Ngày Tết, ngày lễ họ thường họp nhau ở đó.

Các quan gốc Miền Bắc thường bị kỳ thị, chèn ép bởi các quan gốc Miền Nam. Người ta nói rằng cụ Nguyễn Du sáng tác nên truyện Kiều cũng vì chán cái cảnh bè phái thời nhà Nguyễn, từ đó lại nhớ đến nhà Lê xưa. Do đó mà đền thờ Đức Thánh Trần cũng chưa chắc đã xuất hiện tại Huế vào thời kỳ này nhưng dưới thời vua Đồng Khánh, khi ông Nguyễn Hữu Độ, Khâm Sai Đại Thần tại Hà Nội được đưa về Huế làm Phụ Chính Đại Thần thay thế hai ông Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết sau vụ kinh thành thất thủ vào đêm 23 tháng 5 Ất Dậu (4-7-1885) thì thế lực các quan Bắc Kỳ mới vững được. Ông Nguyễn Hữu Độ là người gốc Thanh Hóa, làm quan ở Bắc, là cha vợ của vua Đồng Khánh, chính ông là người đã đưa vua Đồng Khánh lên ngôi thay thế vua Hàm Nghi bị đày. Nguyễn Hữu Độ là người chủ hòa và thân Pháp nên được người Pháp tin dùng. Bên bờ sông An Cựu, chỗ gần Cầu Kho Rèn, trên đường Phan Đình Phùng có một cái đình rất lớn do ông và các quan gốc Bắc đứng ra vận động đồng hương đóng góp xây dựng lên. Trước 1954, nơi đó là trụ sở Bắc Việt Tương Tế, dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, đã trở thành trường Trung Học tư thục Mê Linh do Giáo Sư Trần Văn Thông làm Hiệu Trưởng. Đối diện với trụ sở Bắc Việt Tương Tế là đền thờ Đức Thánh Trần ở trên đường Phan Chu

Trinh. Hai cơ sở đó đều xuất hiện vào thời Đồng Khánh trở về sau và mang sắc thái của sinh hoạt Miền Bắc.

Khi người Mãn Châu vào chiếm nước Trung Hoa vào thế kỷ thứ 17, người nhà Minh đã chạy qua nước ta để tỵ nạn, họ sống buôn bán làm ăn ở phố Gia Hội Huế. Thời Tự Đức có ông Trần Tiễn Thành, gốc Minh Hương, làm quan đại thần đầu triều, đã xin vua Tự Đức một miếng đất thuộc làng Bao Vinh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên để xây một ngôi đình cho người Hoa kiều. Mỗi năm đến ngày Tết hoặc các ngày lễ lớn, họ thường kéo nhau về đây để họp mặt đồng hương. Ông Trần Tiễn Thành được thờ như là vị thần hoàng của họ ở trong đình này.

Trên đây là những di tích còn sót lại của những thế lực đã một thời khuynh đảo triều đình Huế dưới thời các vua nhà Nguyễn. Cho đến ngày Linh dọn về đây thì các thế lực đó cũng đã suy tàn, đền thờ Đức Thánh Trần đã một thời tấp nập người ra kẻ vào, bây giờ chỉ còn là một di tích bị lãng quên. Một cái cống nhỏ chảy ra sông An Cựu đã phân chia khu đền thờ Đức Thánh Trần với một bức vườn lớn, thường gọi là Vườn Bà Cung Tần. Đó là đất hương hỏa của người chết để lại cho con cháu, bao gồm khu lăng mộ cổ.

- Bác Hoa ơi! Có anh Linh ở nhà không?

Tiếng của Hải Đường ở bên kia vườn gọi qua làm cho bác Hoa giật mình. Bác đang chăm sóc đàn heo ở sau bếp... vội trả lời:

- Bác đang bận tay đây, cháu vào nhà xem có anh ấy không.

Hải Đường là con gái ông bà Châu, một gia đình trong xóm. Cha mẹ cô đã nhờ Linh làm gia sư dạy kèm cho con gái của mình. Linh là một sinh viên Toán, Lý, Hóa ở trường Đại Học Khoa Học Huế. Chàng ở bên khu đền thờ Đức Thánh Trần, ngoài giờ đi học, buổi tối hay ngày nghỉ chàng thường qua nhà Hải Đường để chỉ cho nàng học. Hải Đường là gái mới dậy thì, đang trổ sắc, nàng thường hay mơ mộng và thích nói chuyện với Linh hơn là học bài. Nàng thường tìm dịp để chạy qua nhà Linh, điều đó làm cho Linh rất ngại ngùng. Những khi Linh đến dạy cho nàng học, nàng chẳng để ý gì đến bài vở, cũng chẳng hỏi han gì nhiều nhưng có khi bất thình lình,

bất kể giờ giấc, nàng lấy lý do cần giải đáp một bài toán hay cần giúp làm một bài luận văn, sinh ngữ... để tự động xách vở chạy qua nhà Linh...

- Nhà trên đóng cửa, không có ai hết!

- Cháu thử gõ cửa xem, có khi anh Linh ở trong phòng.

- Cháu đã gõ cửa mấy lần rồi, chắc anh Linh ghét cháu nên không muốn cho cháu vào.

Hải Đường gõ mạnh vào cửa nghe đùng đùng:

- Anh Linh ơi! Có anh ở trong nhà không? Hải Đường cần nhờ anh một chút...

Bên trong vẫn im lặng, không có tiếng trả lời. Hải Đường bèn chạy vòng xuống nhà bếp, bác Hoa đang cho heo ăn, thấy Hải Đường liền nói:

- Chắc anh Linh có việc đi ra ngoài rồi...

- Bác có biết anh ấy đi đâu không?

- Chịu thôi.

- Chắc anh ấy đi chơi với bồ rồi!

- Anh ấy có cho bác biết anh đi với ai đâu!

- Có bồ mà giấu người ta!

Bác Hoa nhìn thấy đôi mắt Hải Đường long lanh như có giọt nước mắt sắp trào ra... Nàng rưng rưng muốn khóc. Và kìa, nàng khóc thật. Mấy hôm nay, Linh không đến dạy và tuồng như chàng tránh mặt Hải Đường. Nàng thấy trống vắng và nhớ Linh ghê! Nàng không chịu nổi nữa nên phải xách vở đi tìm. Nàng nói chỉ đủ cho mình nghe:

- Lạ thật! Linh đi đâu kìa? Sao tìm mãi không thấy? Anh Linh ơi! Anh trốn ở đâu?

Nàng có vẻ thất vọng:

- Bác Hoa ơi! Cháu hỏi thật, bác có biết bồ anh Linh là ai không?

- Bác có biết đâu? Tại sao cháu không hỏi anh ấy lại đi hỏi bác? Ừ, mà cháu hỏi bồ anh ấy để làm gì? Không lẽ cháu ganh tức với cô nào đó à?

Hải Đường bỗng giật mình, nàng cảm thấy vừa xấu hổ vừa đau nhói trong tim. Gái Huế thường kín đáo mà sao mình lại sỗ sàng như thế này? Nàng bèn chào bác Hoa và thất thểu ra đi... Từ ngày cha mẹ nàng nhờ Linh dạy kèm cho nàng, không hiểu sao lúc nào nàng cũng nhớ tưởng tới Linh. Linh

lớn hơn nàng có bốn năm tuổi gì đó, năm nay nàng mới mười lăm, mười sáu và Linh bất quá cũng chỉ mới ngoài hai mươi. Linh đang học năm dự bị hay năm thứ nhất Đại Học, còn nàng đang học lớp Đệ Tứ (lớp 9) chuẩn bị thi Trung Học Đệ Nhất Cấp, nếu xuôi thuận thì ba năm nữa nàng mới vào Đại Học. Nàng học trường Mê Linh, đối diện với đền thờ Đức Thánh Trần, bên kia bờ sông An Cựu. Trong lớp, có hai chị em Thu ở Thành Nội, khá đẹp... Không biết làm sao mà Linh cũng biết hai cô đó. Có lần Linh hỏi nàng có biết Thu bên Thành Nội không, làm cho nàng rất buồn. Tại sao Linh không để ý đến mình mà cứ muốn nhờ mình giới thiệu Thu với Linh? Linh còn bảo mình mời Thu về nhà chơi để cho Linh làm quen... Anh chàng bội bạc thật!

Cả tuần nay, Linh tránh mặt Hải Đường vì chàng đang chuẩn bị thi cuối năm. Chàng khuyên nàng nên ôn lại bài vở, học thuộc các bài giải về Toán, Lý, Hóa mà chàng đã chỉ cho nàng nhiều lần, học thuộc các công thức... vì không còn thì giờ nữa nhưng Hải Đường chẳng chịu học gì cả, nàng suốt ngày chỉ nằm đọc truyện và chờ đợi gặp chàng để nói chuyện bâng quơ, hỏi han những gì đâu đâu chẳng ăn nhập gì với chương trình học. Linh tìm được một chỗ kín đáo, mỗi ngày chàng thường mang sách đến đó ngồi học. Đó là khu lăng mộ cổ ở cuối vườn nhà Hải Đường. Chàng thường ngồi tựa vào bia đá, từ ngoài nhìn vào không ai thấy. Cạnh ngôi mộ, người ta trồng một cây hoa hải đường thật lớn, gốc già ước chừng cả trăm năm rồi. Hoa hải đường rất tươi, rất đẹp, màu hồng và hơi đậm, nhụy vàng, những cánh hoa rất cứng, lá xanh như lá chè, hoa nở lâu không tàn, nếu gặp trời mưa thì hoa cũng không rụng. Chỉ tiếc một điều là hoa có sắc mà không có hương. Người ta thường so sánh hoa hải đường với người đàn bà đẹp mà không có con...

Cuối mùa Xuân, trời còn lạnh và thường có sương vào buổi sáng, mỗi lần Linh đến ngồi học ở đây, chàng thường bẻ một cành hoa đem về cắm ở trên bàn học của mình. Hải Đường mỗi lần qua nhà Linh, không gặp chàng nhưng thấy trên bàn có cắm loài hoa trùng với tên của mình, nàng rất thích thú. Nàng cảm thấy như Linh đang âm thầm nhớ đến mình, điều đó làm cho nàng cảm thấy được an ủi phần nào. Nàng tự

nghĩ rằng Linh tránh mặt vì chàng bận việc học hành, chuẩn bị thi cử chứ không phải vì ghét mình hay bận đi chơi với cô nào khác. Linh hỏi thăm Thu vì nghe tiếng Thu đẹp chứ thật ra chưa chắc Linh đã biết mặt nàng. Linh chưa quen Thu thì làm sao mà yêu Thu được, người gần gũi với Linh là Hải Đường... , phải làm sao để cho Linh để ý đến mình, thương mình và đừng theo đuổi người khác... Phải chăng Linh cũng đã yêu mình rồi? Trong xóm cũng có cô tên Dược, tức là hoa thược dược, cũng có cô tên Cúc, tên Hồng, tên Liên tức là hoa sen... Tại sao chàng không đem những loại hoa đó về cắm trên bàn của chàng mà lại là hoa hải đường?

Lúc này trời đã bớt mưa nhưng còn se lạnh, đêm qua thức khuya, sáng nay đi học về, ăn cơm trưa xong Linh vội mang sách ra ngồi đây để học bài. Một làn gió nhẹ hiu hiu thổi làm cho chàng đang uể oải bỗng cảm thấy buồn ngủ không làm sao cưỡng lại được. Chàng tựa lưng vào bia mộ, nhắm mắt nghỉ một lát cho khỏe người, chàng bỗng ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Trong giấc mơ, Linh bỗng thấy một cô gái ăn bận theo lối cổ xưa vừa kín đáo vừa trang trọng đến đứng trước mặt chàng... Cô gái trạc mười lăm mười sáu, có má lúm đồng tiền với nụ cười rất duyên dáng... Linh chưa từng gặp cô này bao giờ. Chàng vội vàng đứng dậy, cúi đầu chào:

- Chào cô, cô ở đâu? Đến đây có việc gì?

- Chào bạn, bạn không biết tôi sao?

- Cô là người tôi mới gặp mặt lần đầu, chẳng hay cô tên gì?

- Tôi là Hải Đường, nhà của tôi ở đây.

Linh bỗng giật mình, Hải Đường, cái tên rất quen... Đúng rồi, Hải Đường là con gái của ông bà Châu ở trong xóm này, người học trò của anh từ mấy tháng nay... nhưng tại sao Hải Đường lại ăn bận và trang điểm cổ xưa như thế này? Chàng bỗng thấy trên gương mặt của cô gái, thoáng có đôi nét gần gũi và quen thuộc với chàng. Phải chăng đây chính là Hải Đường con ông bà Châu cải trang?

- Xin lỗi, tôi đang ở đâu đây? Tôi đang mơ hay tỉnh?

- Rất hân hạnh được anh đến chơi. Anh đang ở tại nhà tôi mà anh không biết sao?

- Thế à? Tuồng như tôi chưa gặp cô lần nào, tôi chưa quen biết cô?

- Ngày nào mà anh chẳng gặp tôi! Anh quên Hải Đường rồi à?

- Lạ thật!

- Sao anh vội quên thế, anh mang tôi về nhà, để ở phòng học của anh đó! Tôi là hoa hải đường, hữu sắc mà vô hương!

Linh không phân biệt được lúc đó mình đang ở trong trạng thái mơ hay tỉnh. Chàng bỗng nhớ lại mỗi ngày mình vẫn bẻ một cành hoa hải đường đem về cắm ở trong phòng học. Tuy đối diện với người đẹp nhưng thái độ của chàng vẫn rất đúng đắn và trân trọng:

- Hải Đường là một bông hoa, cô là hoa hay là người? Cô là thực hay là mộng?

- Tôi là người mà cũng là hoa. Hoa hay người cũng chỉ là một. Mộng và thực cũng chỉ là một. Đời chỉ là mộng thôi!

Nói xong, nàng mỉm một nụ cười rất duyên dáng. Linh cảm thấy nụ cười hàm chứa điều gì bí hiểm, khó hiểu, mộng và thực chỉ là một...

- Xưa kia tôi là thực, bây giờ tôi là mộng, xưa kia tôi là người, bây giờ tôi là hoa!

- Cô là người thật sao?

- Vâng tôi là người thật, tôi là Tiền Tiền Triều Cung Tần...

- Cô tuổi gì? Sinh năm nào? Cha mẹ cô ở đâu? Nhà cửa cô ở đâu?

- Tôi sinh năm Tuất, cha mẹ tôi ở đây, nhà cửa tôi ở đây, ruộng vườn này là của tôi... Tôi có chồng mà không có con chẳng khác nào hoa hải đường có hương mà không có sắc... vì thế người đời đã đặt tên cho tôi là Hải Đường...

- Thưa cô Hải Đường, trước đây cô là Cung Tần?

- Anh nói đúng. Trước đây tôi là Cung Tần... Tôi được tuyển vào cung khi mới 13, 14 tuổi và tôi đã chết khi mới ngoài đôi tám, không có con...

- Rất hân hạnh được biết cô, tôi thật có duyên may...

- Khi còn sống ở trong cung, tôi đã phải chịu cảnh lạnh lùng... và giờ đây tôi cũng cam chịu lạnh lùng nơi đây... Người đời đã quên tôi, dòng họ đã quên tôi, chẳng ai còn nghĩ tưởng gì đến tôi nữa... Anh đã đến đây với tôi chẳng khác nào người

yêu trung thành... Tôi sớm biết yêu... Trước khi được tuyển vào cung, tôi đã yêu một chàng trai chỉ lớn hơn tôi mấy tuổi. Chàng cũng rất yêu tôi, chàng đã mơ ước được gặp tôi, được lấy tôi làm vợ... Tôi cứ tưởng rằng được tuyển vào cung là được sống trong chốn lá ngọc cành vàng, giàu sang phú quý, hạnh phúc đến muôn đời, dòng họ con cháu được vẻ vang! Nào ngờ, đời sống trong cung chẳng khác nào chốn lao tù, lạnh lẽo cô đơn, xa cha mẹ, xa anh em, suốt đời bị giam hãm trong bốn bức tường... Gặp được vua cũng không phải dễ, có người từ khi vào cung cho đến chết, chưa một lần được gần bên vua, mang tiếng có chồng mà vẫn còn trinh tiết.

- Tâm sự của cô buồn thật! Còn người yêu của cô thì sao?

- Mất người yêu, chàng đã đi tìm tôi khắp nơi, chỉ mong được thấy mặt nhưng tôi ở trong cấm thành, chàng làm sao vào được. Cha mẹ tôi còn chưa biết được tin tức, còn chưa gặp được mặt tôi, huống chi là người dưng thiên hạ... Mỗi ngày chàng đến trước chân thành, úp mặt khóc vì thương nhớ tôi... Tôi được tuyển vào cung một cách âm thầm, tôi sống trong cung một cách âm thầm và đã chết trong âm thầm... Chàng hoàn toàn không hay biết gì cả!

- Tôi thường đến ngồi học ở đây, có điều gì xúc phạm đến cô hay không?

- Không có điều gì! Tôi mời anh đến đây chơi mỗi ngày cho vui. Trông thấy anh làm cho tôi nhớ đến người yêu của tôi ngày xưa, cũng trạc tuổi anh...

- Cô là Tiền Tiền Triều Cung Tần, vậy tuổi của cô cho đến bây giờ cũng đã ngoài trăm năm rồi, có khi đến một trăm mấy chục tuổi rồi...

- Không phải thế đâu, tôi chỉ kể đến cái tuổi khi còn sống trên trần gian này mà thôi... Anh không thấy tôi vẫn còn trẻ lắm sao? Tôi đâu phải là một bà già ngoài trăm mấy chục tuổi...

- Vậy cô xem tôi là con cháu hay là...

- Là bạn chứ... Tôi đến với anh trong tình bạn và anh cũng đến với tôi trong tình bạn...

- Người cõi âm, kẻ cõi dương làm sao kết thành bạn bè được...

- Tuy âm dương cách biệt nhưng như tôi đã nói với anh Hoa cũng là Người mà Người cũng là Hoa, Thực và Mộng có

khác chi nhau. Tôi được tuyển vào cung, chỉ ở đó không được đi đâu, hoa trồng ở đây cũng chỉ ở đây mà thôi, ai có lòng thì đến đây với hoa... Tôi rất cô đơn, hãy đến với tôi, hãy đến thăm tôi, trò chuyện với tôi mỗi ngày...

Bỗng một bàn tay nắm chặt lấy vai Linh lắc mạnh một cái:

- Anh Linh ơi! Anh buồn gì em mà ra ngồi đây một mình vậy? Cả tuần nay, em đi tìm anh khắp nơi, ở đâu cũng không có... Anh ghét em lắm phải không? Anh có bồ, anh thương người ta, anh bỏ em...

Hải Đường tủi thân tủi phận... khóc hu hu như trẻ con...

Linh tỉnh giấc mơ, nghe tiếng Hải Đường vừa nói vừa khóc, chàng trở về với thực tại... Hải Đường đang ở trước mặt... , tay nắm lấy vai chàng, người như muốn ngả vào lòng chàng...

- Đừng nói bậy, tôi có nợ nần gì với cô đâu! Tuần tới thi rồi nên tôi phải ra đây ngồi học vì ở trong nhà ồn ào quá... Tại sao cô không chịu ôn bài, thi cử tới nơi rồi... Cô con nhà giàu, cô đẹp, cô không sợ đói, cô không sợ ế chồng... Tôi nghèo, thi không đậu thì phải đi lính, sống chết giờ nào không biết... , không có bằng cấp thì không kiếm được việc làm, ai nuôi tôi, ai thèm lấy tôi làm chồng... Cô mới lớn lên... cô quá bồng bột... được vài bữa thì cô sẽ chán người yêu... , gặp đám khác ngon hơn, cô sẽ bỏ tôi đi theo họ... Con gái bây giờ thích lấy Mỹ, lấy Tây... , thích đi ngoại quốc, thích giàu có... Còn tôi là cái thớ gì...

Linh nói một mạch, biết là mình lỡ lời... Chàng bèn dịu giọng:

- Tôi nóng nảy, có điều gì không phải, cô bỏ qua cho...

Hải Đường bị mắng nên càng tủi thân hơn, nàng khóc một cách tức tưởi, nước mắt chảy xuống ướt cả ngực... Linh bỗng để ý đến gương mặt của nàng, có đôi nét quen thuộc gần giống người cung nữ đã đến với chàng trong giấc mơ. Người cung nữ có cái tên Hải Đường... Đúng rồi, người cung nữ đó là tổ tiên của Hải Đường, cùng chung dòng máu chắc cũng có nét giống nhau. Chàng bỗng nhìn lên những đóa hải đường rất tươi, với những cánh hoa màu hồng thắm, dày và cứng, nhụy hoa màu vàng, lá xanh bền bỉ với thời gian. Trên cánh hoa còn đọng lại những hạt sương long lanh như những viên

hồng ngọc... Chàng bỗng liên tưởng đến những giọt nước mắt đang từ từ nhỏ xuống trên má Hải Đường... Linh đưa tay vào túi quần, lấy chiếc khăn trắng rất sạch chấm nhè nhẹ trên má nàng:

- Thôi nín đi, đừng khóc nữa, xấu lắm đó! Người ta cười chết. Về trước đi, hai người đứng đây với nhau bất tiện, mang tiếng cho cô và cũng mang tiếng cho cả tôi nữa... Lo học thi trước đã, đừng có lãng mạn...

Linh đẩy nàng về phía trước rồi chàng cũng xếp sách đi theo sau. Chàng không về nhà mà đi thẳng đến đền thờ Đức Thánh Trần tìm cụ Tú... Lát sau, Linh dẫn cụ vào khu mộ cổ, nhờ cụ đọc và giải thích ý nghĩa những chữ Hán ghi trên bia mộ mà chàng không đọc được. Cụ Tú đeo kính vào, khom lưng xuống và đọc: "Tiền Tiền Triều Cung Tần... Tự Đức Thập Nhị Niên... Nguyệt... Cát Nhật Tạo... "

- Bia mộ này được lập vào năm Tự Đức thứ mười hai... ngày lành tháng tốt... Tiền Tiền Triều... hai chữ tiền nghĩa là hai triều đại trước Tự Đức, tức là vua Thiệu Trị và Minh Mạng... Người cung tần này là của vua Minh Mạng (1820-1840), cách nay một trăm mấy chục năm rồi... Hiện nay con cháu của bà đang làm chủ bức vườn và ngôi mộ của bà.

18 tháng 5, 1998

Nguyễn Lý Tưởng

KỲ HOA DỊ THẢO

Nghĩa từ Sàigòn trở về Huế mới được một hôm, chưa kịp đi thăm bà con thì có người nhà của Bà Cố ở bên Tây Lộc đến. Đó là một cô gái khoảng mười sáu tuổi, rất dễ thương. Cô lễ phép vòng tay cúi đầu trước mặt chàng:

- Thưa chú, cháu là Trúc Đào, ở bên nhà của Bà Cố Viên, mời chú qua Tây Lộc cho Cố hỏi thăm.

- Răng biết chú ở đây mà qua mời?

- Dạ, hôm qua có người mách với Cố: chú mới ở Sài Gòn về.

- Thiên hạ tài thiệt, chú mới về đây được một hôm, chưa đi mô hết, rứa mà tin tức đã đến tai Cố rồi!

- Cố nằm một chỗ nhưng tin tức gì Cố cũng biết hết.

- Cố có khỏe mạnh không?

- Dạ, Cố cũng thường.

- À chú quên không hỏi, cháu con ai?

- Dạ, cháu con cô Hồng, cháu ngoại của Cố.

Chàng mỉm cười nhìn Trúc Đào... Cô bé lấy tay che miệng, hỏi chàng:

- Cháu ri răng chú cười rứa?

- Tui có cười chi ai mô!

Nghĩa nhìn kỹ gương mặt Trúc Đào, cô rất giống mẹ. Hồng ngày xưa là một cô gái rất đẹp ở vùng Tây Lộc, trong thành Huế. Nhiều chàng trai si mê cô nhưng chưa ai được lọt vào mắt xanh của nàng. Thế rồi duyên số làm sao cô lại vào tay một sĩ quan không quân lái L.19 tại phi trường Thành Nội, Huế. Chồng của cô tử trận khi cô mới sinh được một đứa con gái. Người ta thường nói: "Gái một con trông mòn con mắt". Chồng chết nhưng nhan sắc của Hồng càng ngày càng đẹp

thêm ra. Biết bao sĩ quan, Giáo Sư, sinh viên Đại Học đến với nàng nhưng nàng quyết ở vậy nuôi con.

Bà Cố Viên là một cung tần thời vua Thành Thái. Bà được đưa vào cung sau khi đã hứa hôn với một ông viên tử, con quan võ ngày xưa nhưng chưa kịp làm đám cưới. Mỗi lần vua Thành Thái đi săn bắn thường đem theo một số cung nữ, trong số đó có bà. Thiên hạ đồn rằng vua Thành Thái muốn lập một đội nữ binh nên cho tuyển vào cung rất nhiều cung nữ và cho họ tập cỡi ngựa, bắn cung, học cách sử dụng súng v.v... để mưu đồ đánh Pháp, vì thế nhà vua bị Pháp nghi ngờ, theo dõi nên vua giả điên... Khâm Sứ Pháp tại Trung Kỳ, triệu tập Hội Đồng Nội Các gồm sáu vị Thượng Thư của Nam triều, đưa ra quyết định truất phế và đày vua đi an trí ở Cap Saint Jacques (tức Vũng Tàu). Các quan đều ngoan ngoãn vâng lời, chỉ quan phụ đạo đại thần (thầy dạy của vua) là Ngô Đình Khả lên tiếng cho rằng vua điên nên bị truất phế vì không còn khả năng làm việc, đó là điều hợp lý nhưng người điên thì có tội gì mà phải đi đày? Do đó mới có câu: "Đày vua không Khả". Vua Thành Thái bị đày thì ông Ngô Đình Khả cũng bị cách chức.

Nhân một lần theo hầu vua Thành Thái trong một cuộc săn bắn, Bà Cố Viên đã bỏ trốn vào rừng và sau đó tìm gặp ông viên tử, người yêu cũ của bà. Hai người đem nhau đi trốn ở một nơi bí mật. Sau khi vua Thành Thái bị truất phế, rồi bị đày, hai ông bà mới trở về quê sinh sống. Con quan văn thì gọi là ấm sinh, con quan võ thì gọi là viên tử, vì thế người ta gọi bà là Bà Cố Viên vì chồng bà là một viên tử. Bà Cố Viên có mấy người con gái rất đẹp, đều lấy chồng danh giá, giàu có. Riêng mẹ của Hồng chết sớm, cô ở với bà cho đến khi lấy chồng. Chồng chết, Hồng đem bé Trúc Đào về ở với Cố Viên.

Cố Viên sống ở trong cung nhiều năm nên biết nhiều về sinh hoạt cung đình, đời sống của vua, hoàng hậu, các bà phi, các hoàng tử, công chúa, các cung tần, cung nữ cũng như các vị thái giám... Lúc nhỏ, Nghĩa với Hồng là đôi bạn thân. Chàng thích nghiên cứu lịch sử và thích những chuyện xưa, tích cũ nên mỗi Thứ Bảy, Chủ Nhật Nghĩa thường đến hầu chuyện với bà, có khi ở lại qua đêm. Bà thường sai Hồng đi ra chợ mua thức ăn làm cơm đãi chàng. Tuy là phận con cháu

nhưng gần gũi với bà nên Nghĩa đã trở thành bạn vong niên của bà. Một vài tuần không thấy chàng đến thì bà cho Hồng qua mời. Nghĩa ở tận Bến Ngự, mỗi lần qua nhà cố, phải đạp xe qua cầu Trường Tiền, vào cửa Thượng Tứ rồi mới đến chợ Tây Lộc. Những khi đẹp trời, hoàng hôn trên sông Hương, phía Tây, một màu đỏ chói phủ xuống khu vực chùa Thiên Mụ, khung cảnh thật nên thơ, quyến rũ nhưng vào mùa mưa lạnh, đi qua cầu Trường Tiền, rét như cắt thịt, những cô học sinh trường Đồng Khánh đi học về co ro trong chiếc áo dài trắng, ướt át, trông rất thảm thương.

Nghĩa vừa bước vào sân nhà Cố Viên thì gặp Hồng:

- Ê cụ (cậu), đi mô rờ rờ rứa?

Hồng chào Nghĩa với một giọng Huế đặc biệt của nàng. Trời chạng vạng tối, mắt chàng không thấy rõ, chưa kịp trả lời thì Hồng lại tiếp:

- Cụ đi mô mà lâu rứa không thấy tới chơi?

- Đi học chứ đi mô! Tui cũng phải lo cho tương lai của tui chớ! Không có bằng cấp, không làm được ông này, ông nọ thì có mô kiếm được vợ đẹp!

Hai anh em cùng cười. Lúc đó, Trúc Đào cũng vừa về tới nơi, cả ba người cùng bước vào nhà.

Cố Viên đang nằm trên ghế dựa, chân duỗi thẳng ra trên một cái gối bông. Cố bây giờ cũng đã gần chín mươi tuổi rồi nhưng vẫn còn nhớ rõ những hình ảnh cũng như những nhân vật trong cung. Đa số cung nữ suốt ngày không biết làm gì nên học thêu thùa, nấu nướng, làm bánh trái, trồng bông... , ngoài ra cũng được học chữ để biết văn chương thi phú, đạo lý của thánh hiền. Khi vua gọi vào thì đọc sách cho vua nghe hoặc có khi được làm thơ xướng họa với vua. Cung nữ cũng phải học nghi lễ, cách ăn mặc, cách nói năng, luật lệ trong cung. Có những danh từ riêng được dùng trong hoàng gia như vua ăn cơm thì nói là "Hoàng đế (hay vua) ngự thiện", vua ngủ thì thì nói là "vua ngơi", vua thức dậy thì nói là "vua tánh", vua bị bệnh thì nói là "vua se mình", vua chết thì nói "vua băng" các hoàng tử, công chúa gọi mẹ bằng "ả", anh thị gọi là "yêng", em thì gọi là "yêm" v.v... Các cung phi, cung tần thường được tuyển trong hàng con cháu các đại thần. Cũng có người xuất thân từ gia đình thường dân nhưng đó là trường hợp đặc biệt

và rất hãn hữu, tất nhiên người đó phải có nhan sắc và tài ba hơn người. Mới vào cung thì phải đến ở "Đoan Trang Viện" để học tập. Sau đó mỗi người được cấp một phòng riêng ở khu "Lục Viện", không được gặp mặt bất cứ ai ở ngoài. Cha mẹ anh em muốn đến thăm phải có phép của vua nhưng cũng không được nhìn thấy mặt con và phải đứng cách nhau một khoảng sau bức rèm hay bức mành trúc. Ngoại trừ vua, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa, không ai được chết ở trong cung vì sợ gây ô uế hoặc ma quỷ quấy rầy, vì thế mỗi khi có người đau nặng hay đến thời kỳ kinh nguyệt thì phải đem ra nằm ở một ngôi nhà bên ngoài hoàng thành. Nhà đó ở ngay góc thành, trên đường Đoàn Thị Điểm, thuộc Thành Nội.

Các Thái Giám có nhiệm vụ kiểm soát các hoạt động trong cung cấm, họ có quyền lập danh sách các phi, tần để trình lên vua, thông báo cho người được chọn, ghi chép ngày giờ để xác định tính cách hợp pháp của các hoàng tử công chúa khi mới sinh. Những người phi nam, phi nữ, không có bộ phận sinh dục thì được tuyển vào làm Thái Giám nhưng cũng có người đàn ông tự nguyện thiến bộ phận sinh dục của mình để được vào làm việc trong cung... Thái Giám không có vợ con nên góp tiền xây chùa, đến tuổi già thì về ở trong ngôi chùa đó và khi chết thì được chôn tại nghĩa trang của chùa.

Sau khi ăn tối xong, Nghĩa bắc một cái ghế phía dưới chân của cố để nghe cố kể chuyện. Giọng của cố rất xúc động...

Vào một đêm trăng sáng rợn người, màu trăng xanh huyền hoặc như màu ma quái đang phủ lên hoàng thành. Khoảng nửa đêm, người lính gác cầm giáo đi lại trên thành bỗng thấy xuất hiện từ xa, gần khu Lục Viện, cạnh vườn Thượng Uyển, bóng dáng một người con gái, áo trắng thướt tha... Người lính trẻ tưởng tượng nàng rất đẹp. Vào giờ này mà ai còn thơ thẩn nơi đây? Đây là nơi cung cấm, ai được phép đi lại nơi này, ngoại trừ nhà vua và các Thái Giám? Bỗng một ý nghĩ khác thường chợt đến trong đầu óc của chàng: phải chăng đây là một hồn ma?

Xứ Huế là nơi nổi tiếng về những chuyện ma. Thời vua Gia Long, ba chiếc sọ của ba anh em Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ bị giam ở trong Khám Đường, Thành Nội. Vong hồn người chết về kêu khóc, quấy rầy suốt

ngày, suốt đêm, lính tráng không ai chịu nổi. Đến đời Minh Mạng, vua ra lệnh chuyển ba sọ người đó qua bên Vũ Khố, là nơi chứa binh khí đạn dược nhưng nơi đây cũng bị ma quỷ quấy rầy, cuối cùng không biết ba chiếc sọ ấy được giải giam ở chỗ nào. Thời vua Hàm Nghi, có hàng ngàn dân vô tội và binh lính chết trong đêm kinh thành Huế thất thủ 23 tháng 5 âm lịch năm Ất Dậu (đêm 4 rạng ngày 5-7-1885) khi quân Pháp phản công, tiến vào hoàng thành. Dân Huế lấy ngày đó làm ngày cúng âm hồn mỗi năm. Khắp trong Thành Nội, đâu cũng có người chết, thây ma nằm ngổn ngang ngoài đường, vì thế ở đâu cũng có ma. Nhiều nhất là đường Âm Hồn, đường Đoàn Thị Điểm, đường Đào Duy Từ hay con đường ngang qua "nhà xác" của bệnh viện... Người ta nói ma không đi sát đất, ma thường lơ lửng trên không nhưng ở Huế người ta thường gặp ma đón xe kéo, đón xe xích lô vào ban đêm, có khi đón cả người đi xe đạp để xin quá giang... Ma ngồi trên xe một lúc, đến khi ngang qua cây đa hay miếu cô hồn nào đó thì biến mất... Những con ma đó chân đi sát đất như người thường.

Sau phiên gác trở về nhà, người lính trẻ không ngủ được, cứ nghĩ ngợi mông lung. Hình ảnh cô gái xuất hiện vào đêm trăng hôm qua cứ lảng vảng mãi trong đầu óc của chàng. Ngày hôm sau, chàng tìm cách lên trên bờ thành để quan sát thật kỹ khu vực xảy ra hiện tượng hôm qua nhưng tuyệt nhiên không có dấu hiệu gì khả nghi. Tối hôm sau, sẵn dịp may đến, chàng liền tình nguyện gác thay cho một bạn đồng đội với hy vọng được gặp lại hình ảnh cô gái đẹp hôm qua. Khoảng nửa đêm, trăng sáng rất linh động, cả một bầu trời trong, không có mây, hơi gió nhẹ thoảng qua, chàng cảm thấy rùng mình trong cảnh cô tịch của đêm khuya... Bỗng từ đàng xa, bóng dáng một người thiếu nữ mặc áo trắng xuất hiện ở vườn Thượng Uyển trông có vẻ Liêu Trai. Bóng nàng thấp thoáng, khi ẩn, khi hiện, càng gợi thêm nơi chàng trí tưởng tượng, tính tò mò và lòng mơ ước được hội kiến với người đẹp. Một thoáng sau, người đẹp bỗng biến mất như hồn ma khiến cho chàng ngẩn ngơ, luyến tiếc.

Thế rồi mùa trăng cũng qua đi, người lính trẻ tương tư người đẹp đêm trăng trong vườn Thượng Uyển. Chàng không dám tỏ bày cùng ai, muốn giữ kín tận đáy lòng kỷ niệm êm

đêm, sự nhớ nhung quay quắt, nỗi thương tiếc đang dằn vặt tâm can của chàng.

Qua một tháng dài sống trong chờ đợi, một tuần trăng nữa lại đến, chàng hy vọng sẽ được thấy người đẹp xuất hiện lần nữa vào đêm rằm tháng năm, vì thế chàng phải tính làm sao để được cấp chỉ huy sắp đặt cho mình phiên gác đúng vào tuần trăng này. Thời tiết ở Huế vào tháng năm rất đẹp, trời không có mây, không khí mùa hè có khi oi bức, hoa trong vườn tỏa mùi thơm ngào ngạt, sen hồ Tịnh Tâm nở rộ, những nụ trắng, hồng vươn lên giữa những cánh lá xanh, tròn như những chiếc nón chìa ra từ bàn tay cô gái trinh nguyên. Thiên hạ thi nhau vào mùa lễ bái, ôm những bó hoa sen đi dâng cúng ở các đền, chùa trong kinh thành. Người lính trẻ như bị thúc đẩy bởi khung cảnh tưng bừng, náo nhiệt đó, nguồn hứng khởi dồi dào để cho con tim rung động thêm lên.

Mới mười bốn mà trăng đã tròn, xán lạn trên bầu trời. Phiên gác của chàng đúng vào khoảng nửa đêm, chàng hồi hộp chờ đợi. Người đẹp đã không phụ lòng chàng, xuất hiện đúng vào nửa đêm trong vườn Thượng Uyển. Trí tưởng tượng của chàng đã theo nàng đến từng ngọn cỏ lối đi mà bước chân nàng mới lướt qua. Với dáng người thon thon trong chiếc áo dài màu trắng thướt tha, quyện ánh trăng vàng lung linh của đêm Hè, nàng bước đi từng bước nhẹ nhàng qua những kỳ hoa dị thảo của ngự viên. Bỗng nàng dừng lại ở một góc vườn hồi lâu như chờ đợi trong dáng ngất ngây... Rồi nàng vụt biến mất lúc nào không ai biết khiến cho người lính trẻ ngẩn ngơ, bàng hoàng như kẻ tình si đánh mất người yêu.

Đêm rằm tháng năm, các chùa chiền ở trong hoàng thành vọng tiếng chuông ngân nga hòa theo lời kinh tụng niệm, dân gian cũng hương đèn bái vọng khắp nơi, mùi hương trầm ngào ngạt bay lên trong niềm tin tưởng. Người lính trẻ lại tiếp tục phiên gác vào lúc nửa đêm. Chàng có cảm tưởng rằng đêm nay phải là một đêm trọng đại, chàng sẽ hành động một cách cương quyết để có thể tiếp xúc với người đẹp, bất chấp mọi luật lệ nghiêm nhặt chốn thâm cung. Chàng dự tính sẽ xâm nhập vào vườn Thượng Uyển qua ống cống thoát nước mà chàng đã để tâm nghiên cứu từ mấy hôm nay. Chàng sẽ không còn do dự nữa, chàng tự khuyến khích mình hãy can

đảm lên đi vì sẽ không còn cơ hội nào khác tốt hơn!

Khoảng nửa đêm, người đẹp bỗng xuất hiện trong vườn. Có lẽ nàng xuất hiện sớm hơn thường lệ... Như có một sức hấp dẫn từ người đẹp toát ra, người lính trẻ lao mình xuống khỏi bức tường cao, chạy một mạch đến vườn Thượng Uyển. Nơi đây có một bức tường thấp ngăn lối vào, chàng bèn leo lên một cây cao rậm rạp để quan sát cho kỹ cảnh tượng bên trong. Chàng thấy rõ một cô gái khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, gương mặt trái soan rất đẹp, nước da trắng mịn màng, đôi tay như ngọc ngà, từng bước đi dịu dàng, thướt tha, đôi mày lá liễu với hai hàng mi cong vút, mắt tròn, đen như hạt huyền ngời lên những tia sáng lung linh. Nàng mặc một chiếc áo lụa màu trắng có thêu những bông hoa cúc ở tà áo trông rất thanh nhã. Nàng đúng là một con người, không phải là yêu tinh, ma quỷ. Nàng đẹp, đẹp như chưa bao giờ chàng được thấy ở trên đời này từ ngày lọt lòng mẹ. Nàng đúng là một cung tần trong Lục Viện. Chàng bỗng thèm khát được nhìn thấy nàng rõ hơn, gần hơn và ước ao dang cả đôi tay ra để ôm ấp lấy tấm thân tuyệt đẹp của nàng. Đúng là chốn cành vàng lá ngọc, nơi dành cho các mỹ nhân trong thiên hạ quy tụ về. Chàng bỗng nhớ lại, cách đó không bao xa, có một cái cống thoát nước, nơi đó chàng có thể chui vào vườn được. Chàng liền từ trên cây cao, trụt xuống một cách nhẹ nhàng và luồn mình qua lỗ cống như một con lươn.

Chàng nấp mình trong bụi cây ở góc vườn, ngất ngây hướng về gương mặt người đẹp như đang tôn thờ một thần tượng cao cả. Người đẹp đứng trước một khóm hoa lạ, màu trắng, đang tỏa hương thơm ngát. Đúng vào nửa đêm, khi ánh trăng rằm sáng hơn bao giờ hết, giải một bầu loáng bạc lên trên cây cỏ trong vườn, nàng liền quỳ xuống bên thân hoa. Giờ này hoa đang nở, đẹp lộng lẫy và tỏa hương thơm cả một vùng. Nàng như ngất ngây với loại hoa hiếm quý mà chỉ những chốn điện ngọc lầu vàng, nơi cung vua mới có được. Trong số những người đẹp trong Lục Viện, có lẽ chỉ có một mình nàng là người biết thưởng thức cái hương, cái sắc của loại kỳ hoa dị thảo này. Tâm hồn nàng cũng thanh cao, tinh khiết như tiên hoa. Trong cung cũng có những cô gái vẫn còn trinh tiết, chưa hề gặp vua lần nào. Đó là những cô gái mới

được tuyển vào cung, chưa được Thái Giám đệ trình tên tuổi và chưa được lệnh gọi vào hầu vua. Cũng có nhiều người cho đến già vẫn chưa biết đến tình chăn gối nam nữ, vì quá nhiều cung tần, mỹ nữ nên bị lọt sổ, chưa lần nào được ân ái với vua. Nàng có thể là một trong những cô gái trinh nguyên ấy. Trong giờ phút ngất ngây bên tiên hoa, gương mặt của nàng bỗng rạng rỡ lên, đôi mắt bỗng lung linh quyến rũ khiến cho người lính trẻ không còn biết mình đang ở nơi đâu, cõi tiên hay cõi tục. Nàng cúi xuống, hôn vào cánh hoa đang nở, hương thơm ngào ngạt, bỗng nhiên nàng ngã lăn ra bất tỉnh!

Với một sức phản xạ tự nhiên, chàng liền nhào tới, đưa hai tay ra đỡ lấy thân nàng, không còn biết phân biệt nam, nữ, luật lệ phong tục là gì. Bỗng một vật gì từ bụi hoa, loáng một cái, đã luồn đi thật nhanh và biến mất trong lùm cây cạnh đó. Có thể đó là một loài rắn độc đã hại nàng vừa rồi. Chàng cứ đứng đó, hai tay ôm lấy thân thể lạnh buốt của nàng và lay gọi nhưng nàng đã hôn mê bất tỉnh không còn biết gì nữa. Chàng vẫn đứng giữa vườn Thượng Uyển, không biết đến bao lâu như một người mất trí, con tim thắt lại, nước mắt bỗng tuôn trào... Chưa bao giờ chàng cảm thấy tiếc nuối, mất mát như bây giờ. Chàng cứ nhìn mãi gương mặt của nàng mà xót xa, thương cảm.

Bỗng một cơn gió lạnh ập đến, mây đen che lấp cả bầu trời... Một trận mưa bất ngờ đổ xuống trên thân xác của nàng. Nước mưa lạnh đã làm cho chàng tỉnh lại, chàng ý thức được rằng luật lệ trong cung xử phạt rất nặng, có thể phải án tử hình đối với trường hợp của chàng. Chàng liền ẵm xác nàng bước đi vào khu Lục Viện, để nàng nằm xuống trước cửa phòng của một cung nữ nào đó, rồi âm thầm bỏ đi...

Sáng hôm sau, tin một cung nữ chết vì bị rắn độc cắn đã được các ngự y xác nhận. Người ta cột bốn sợi dây vào bốn góc giường, cho nàng nằm lên trên đó và đưa đến chân thành. Bốn người lính đứng trên thành kéo giường lên và chuyển ra bên ngoài không qua cổng chính. Thi hài của nàng được quàng tại một căn nhà ở góc đường Đoàn Thị Điểm, bên ngoài thành, nơi dành cho những người trong cung khi đau ốm hay đến thời kỳ kinh nguyệt ra tạm trú ở đó. Người ta thông báo cho thân nhân của nàng đến đem xác nàng về chôn cất.

Một vị Thượng Thư già đã về hưu cùng với mấy người con cháu đã đến xin nhận xác nàng đem về nhà. Người đẹp xấu số kia chính là cháu của vị Thượng Thư đó. Nàng được chôn cất một cách âm thầm chỉ trong gia đình cụ Thượng biết mà thôi. Người ta đã đắp cho nàng một ngôi mộ bằng đất ở trong vườn cụ Thượng, bên trên có một cái nhà mồ bằng tre, lợp tranh để cho mưa gió khỏi hủy hoại mộ nàng.

Mấy hôm sau, người ta thấy bên mộ nàng có một khóm hoa lạ mọc lên... Người lính trẻ đã lẻn vào vườn Thượng Uyển ban đêm, đào lấy bụi hoa đó và âm thầm đến trồng bên mộ của nàng, không một ai biết. Chàng trở về nhà và bắt đầu một cơn bệnh lạ lùng, mê sảng, nói năng những gì không ai hiểu được. Chàng đã trở thành một người điên, đi lang thang suốt ngày trên con đường trước mặt nhà cụ Thượng, kêu khóc, buồn tủi một mình. Chàng được cơ binh trong đội lính Giản cho giải ngũ để về nhà lo chạy thuốc thang. Chừng một năm sau đó, chàng cũng đã vĩnh biệt cõi đời để theo nàng đi vào tiên cảnh...

Nguyễn Lý Tưởng

TIẾNG ĐÀN DƯƠNG CẦM

Gia đình ông Đội Tùng là một dòng nhạc bất tận, truyền thống về âm nhạc đã có trong dòng máu của họ từ lâu đời. Cụ thân sinh ra ông vốn là một nhạc sĩ phục vụ trong Đại Nội Huế. Cụ biết sử dụng thành thạo các nhạc khí cổ như đàn bầu, đàn nhị, đàn tỳ bà, đàn tranh, sáo trúc, gõ nhịp sanh tiền v.v... nói tóm lại nhạc bát âm: bào, thổ, cách, mộc, thạch, kim, ty, trúc, nghĩa là âm thanh của các nhạc khí làm bằng trái bầu (bào), bằng đất nung (thổ), bằng da (cách), bằng gỗ (mộc), bằng đá hay ngọc (thạch), bằng kim khí (kim: như sắt, vàng), bằng dây tơ (ty) hay bằng ống sáo tre (trúc) cụ đều thành thạo. Đến đời ông Đội Tùng, người Pháp đô hộ nước ta, nền âm nhạc của Tây Phương gồm các loại đàn như violon, guitar, mandoline, banjo, piano, organ, contre-basse, các loại trống hay các loại kèn như clairon, saxophone, clarinette, các loại flutte v.v... với những âm thanh hùng mạnh, rộn ràng, vang dội ra xa... đã lấn át nền âm nhạc Việt Nam. Vì thời thế nên ông Đội Tùng cũng theo học thổi kèn Tây và đã trở thành người chỉ huy ban quân nhạc. Mỗi lần có đại lễ hoặc duyệt binh tại Phu Văn Lâu, trước cửa Ngọ Môn Huế, người ta thấy ông cầm một cây gậy dài, có cắm một lá cờ nhỏ và những dây tua màu vàng, đỏ rất đẹp để điều khiển ban nhạc. Giới bình dân thường gọi ông là "Đội Kèn", tức là người Nhạc Trưởng của đội kèn Tây. Hai người con gái của ông cũng có năng khiếu âm nhạc, ngay từ khi mới bốn năm tuổi đã biết sử dụng nhạc khí, biết ký âm pháp, biết hát những bản thông thường rồi.

Mỗi lần đi ngang nhà ông "Đội Kèn", Định thường nghe tiếng đàn dương cầm của Thơ Thơ thánh thót vang lên trong bầu không khí tĩnh mịch của buổi sáng hay vào những đêm

thanh vắng. Định thường gặp Thơ Thơ tại nhà Khương, người bạn cùng lớp với chàng. Mẹ của Khương là chị ruột mẹ của Thơ Thơ. Nhà Khương cũng có sắm đàn piano tức đàn dương cầm và thỉnh thoảng Thơ Thơ cũng đến đó hướng dẫn cho Ninh, em của Khương học đàn. Ninh học đàn đã mấy năm rồi, cũng là học đòi bắt chước các tiểu thư con nhà giàu, sắm đàn để khoe của mà thôi chứ ngón đàn của Ninh không có hồn, đàn nghe không ngọt, không gây xúc động nơi thính giả.

Năm đó Thơ Thơ mới mười hai, mười ba tuổi nhưng dáng dấp bên ngoài cũng cao lớn bằng một cô gái mười bốn, mười lăm rồi. Thơ Thơ vốn có dòng máu nghệ sĩ trong người nên nàng rất bén nhạy và rất lãng mạn trong vấn đề tình cảm, có lẽ nàng cũng đã biết yêu rất sớm, từ khi mới mười một, mười hai tuổi. Nàng cũng hay ngâm thơ, hay ca hát và cũng có tài viết văn, làm thơ, là học sinh giỏi về môn Việt Văn ở trong lớp.

Định lớn hơn Thơ Thơ chừng ba bốn tuổi, chàng đang học năm thứ tư ban Trung Học tức là lớp troisième chương trình Pháp, chuẩn bị thi BEPC (tương đương với lớp 9 bây giờ). Nhà Định chỉ cách nhà Khương có một đoạn đường mà thôi nên môi ngày Định thường đi ngang qua nhà rủ Khương cùng đi học. Nhà Khương đã vô tình trở nên nơi hẹn hò của Định và Thơ Thơ... Ngày nào không ghé qua đó, không thấy mặt Thơ Thơ là Định cảm thấy như thiếu vắng, như mất mát một cái gì...

Nhà Khương có một cây vú sữa rất lớn, cành lá rậm rạp, năm nào đến mùa Xuân, cây ra hoa ra trái, qua mùa Hè, trái chín, ngọt và tròn bóng lên như chứa đầy các chất bổ dưỡng. Trong nhà Khương không có ai nghĩ đến chuyện hái trái cây mang ra chợ bán, tất cả chỉ để biếu, để ăn. Cứ đến mùa vú sữa, Khương mập ra nhờ ăn nhiều trái cây. Mỗi lần Định đến chơi, cùng Khương leo lên cây tha hồ hái vú sữa chín hoặc lấy sào có gắn cái giỏ để khèo trái cây xuống. Đề phòng dơi và chim chóc phá phách, Khương và Định thường hái những trái sắp chín trước, đem dú trong nhà để ăn.

Khương và Định đang đứng trước thềm, thấy Thơ Thơ đạp xe đi qua, Khương gọi:

- Thơ Thơ, chiều thứ năm nghỉ học qua nhà mình chơi, nhà có nhiều vú sữa chín... , qua mà ăn kẻo chín quá ăn không

ngon.

Định nghe Thơ Thơ "dạ" một tiếng rồi cúi đầu đạp xe đi nhanh, không thèm nhìn lại... Chàng liền nói với Khương:

- Mi nói "vú sữa" làm cho Thơ Thơ mắc cỡ đó.

- Người ta gọi trái đó là trái "vú sữa" thì mình nói "vú sữa" chứ biết nói trái gì bây giờ? Không lẽ nói trái "ấy" sữa hay sao!

Hồi đó mấy cô gái Huế nói chuyện với nhau, cái gì cũng "ấy", "ấy", họ không gọi tên bạn mà cứ "ấy", "ấy"... , chẳng hạn: "nhờ ấy làm giúp cho miềng (mình) cái ni", "ấy đừng chơi với con nớ"... , "ấy chịu khó đi với miềng (mình) tới nhà hắn một chút nghe"...

- Mai mốt Thơ Thơ có đến chơi, mi mời nàng ăn "vú sữa" thì cứ nói: "Thơ ăn "ấy"... đi!" là nàng hiểu ngay...

- Mi nói rứa thì nàng lại càng mắc cỡ hơn. "Vú sữa" thì cứ nói "vú sữa" chứ đừng nói "ấy sữa"... Càng tránh né thì càng làm cho người ta chú ý hơn đến danh từ đó...

Cả hai người cùng cười... Định nghĩ rằng mình nói chơi, có khi thành sự thật cũng nên. Mấy cô gái Huế hay mắc cỡ lắm, họ ăn nói tế nhị, sợ lỡ lời thì người ta cười cho. Những tiếng có hai nghĩa hay có tính cách gợi hình... họ rất kỵ...

Chiều thứ Năm trong tuần, Thơ Thơ thường hay đến chơi, chỉ dẫn cho Ninh học đàn... Định cũng thường đến nhà Khương chơi vào chiều thứ Năm và ngồi nghe Thơ Thơ biểu diễn dương cầm, có khi vui vẻ, nàng cũng hát một vài bài theo lời yêu cầu của Định. Hai người đã chơi thân với nhau lâu rồi nên ăn nói với nhau cũng rất tự nhiên. Định cũng có tâm hồn nghệ sĩ, chàng vẽ rất đẹp. Có lần Định lấy giấy bút ngồi vẽ lại dáng Thơ Thơ đang đàn dương cầm, chỉ vẽ phác họa thôi rồi trao cho Thơ Thơ xem. Nàng giữ luôn tờ giấy đó và cất vào tập vở của nàng. Mấy hôm sau, nàng trao cho Định một ảnh bán thân nàng mới chụp ở tiệm chụp hình Ly Ly bên phố Gia Long:

- Anh Định, vẽ cho em một chân dung như thế này được không?

- Được rồi, để anh mang về nhà nghiên cứu xem.

- Cố gắng vẽ cho đẹp nghe, đừng vẽ xấu đó.

- Cứ yên chí, thế nào cũng thành công...

Một tuần sau đó, Định mang bức họa chân dung của Thơ Thơ đến trao cho nàng. Bức chân dung được lồng trong khung kính rất đẹp. Định nói với nàng:

- Anh vẽ xong chân dung của Thơ Thơ đây, tất nhiên là có sự cố vấn của một họa sĩ khác có phòng tranh ở ngoài phố, chứ anh chỉ là một học sinh mà thôi. Anh không phải là họa sĩ.

- Anh là họa sĩ thật đấy chứ, hình này trông giống em lắm và có lẽ đẹp hơn người thật của em nữa. Cám ơn anh nhiều lắm, em sẽ treo ảnh này trước bàn học của em.

Định cố ý không trả lại ảnh mẫu cho Thơ Thơ và nàng cũng im lặng, không hề đả động gì đến tấm ảnh đó. Nàng không nói gì có nghĩa là nàng muốn tấm ảnh đó vẫn còn ở trong tay chàng. Tuy tấm ảnh không có chữ đề tặng nhưng Định cũng hiểu tính tình các cô gái Huế, họ rất dè dặt. Tình cảm của Thơ Thơ đối với Định cũng chỉ đến mức độ đó mà thôi, chỉ mới sơ giao mà, đường còn dài, đợi một vài năm nữa từ từ rồi cũng sẽ tới.

Khương bưng lên một dĩa vú sữa chín, mời mọi người ăn:

- Trái cây chín nhiều quá, mời anh em ăn đi chứ...

Ninh cũng đang đứng gần đó, nàng biết Khương và Định thường hay nói đùa với nhau "ấy sữa" để cười mấy cô gái Huế. Lần này ông anh của nàng cố ý không nói đến hai chữ "vú sữa" trước mặt hai cô em, mà chỉ nói "mời ăn trái cây... " vì thế nàng bật cười thành tiếng... làm cho Thơ Thơ bỗng đỏ mặt lên vì ngượng:

- Vú sữa thì cứ nói vú sữa, sợ chi mà tránh né... Vật chi ngon, vật chi bổ thì mình cứ ăn, ngại gì cái tên của nó... , như trái "sầu riêng" mà người ta cũng thích ăn đó!

Ninh bưng dĩa đến mời Định, rồi mời Thơ Thơ... Định nói:

- Mời hai cô ăn đi, ngày nào tôi với Khương cũng có mặt trên cây, suốt cả mùa này... Chúng tôi tha hồ ăn, ăn đến no, ăn trừ bữa luôn...

Khương cũng góp lời:

- Nói chơi cho vui, chứ mấy cô mắc cỡ cái gì. Ăn đi nào!

Mọi người cùng cười. Thơ Thơ hơi có vẻ ngập ngừng một chút nhưng rồi nàng cũng ngồi vào, đưa tay bốc một trái vú sữa ăn... Ngoại trừ Định không phải là bà con họ hàng, còn lại

ba người là anh em trong gia đình, có gì mà ngại. Định là bạn thân của Khương, cũng quen biết với Thơ Thơ từ lâu, nàng cũng xem chàng như người anh mà thôi...

Chiều hôm đó, sau khi ăn xong và để cảm ơn Định đã vẽ chân dung cho mình, Thơ Thơ đã đàn và hát cho mọi người nghe theo yêu cầu. Tiếng hát và ngón đàn của Thơ Thơ hôm nay thật xuất thần khiến cho Định như đang lạc vào chốn thiên thai. Trước hết, nàng đã dạo đầu bản Valse favorite nghe rất du dương, sau đó nàng đàn qua bài La Paloma và hát lời Việt của Phạm Duy... Giọng của nàng rất truyền cảm, âm vang ra xa, có khi cao vút theo dòng nhạc làm cho Định hết sức xúc động. Mọi người cùng vỗ tay sau khi nàng hát xong.

- Xin cám ơn anh Định đã bỏ ra cả một tuần vẽ tranh cho em... Chúc anh sẽ trở thành một họa sĩ danh tiếng trong tương lai.

- Mình không có ý định trở thành họa sĩ, mình muốn theo ngành chuyên môn khác nhưng cũng học vẽ để tiêu khiển cho vui, cũng như người khác tập làm thơ, viết văn hay soạn nhạc... không phải để sống về nghề đó, để trở thành những người danh tiếng về văn học nghệ thuật... mà trước hết cũng chỉ là để tiêu khiển thôi.

Trời sẫm tối, Thơ Thơ phải ra về vì đã đến giờ cơm và nàng sợ trong nhà đợi. Ba của Thơ cũng thường có nhà vào giờ này... Định cũng từ giã mọi người...

- Hẹn gặp lại...

- Hẹn gặp lại...

Định đi bộ một đoạn đưa Thơ Thơ về đến nhà nàng, cũng gần đấy thôi. Họ vẫy tay chào nhau rồi mỗi người đi về một ngã.

Hết mùa học năm đó, Định được tin cha mẹ Thơ Thơ cho nàng vào ở nội trú trong một trường đạo do các nữ tu điều khiển. Không lẽ Thơ Thơ đã chán đời và muốn tìm đường đi tu! Học nội trú, ở chung với các sơ trong tu viện, với bao kỹ luật khắt khe, cuối tuần mới được về nhà... , như thế cũng chẳng khác nào đi tu rồi còn gì! Cũng có thể cha của nàng muốn cho con gái học chữ trước đã vì sợ nàng quá say mê âm nhạc sẽ bỏ bê chuyện học hành. Gia đình nàng quan niệm học âm nhạc, chơi đàn là để tiêu khiển chứ không dùng cái

nghề đó mà sinh sống. Trên thực tế thì ông nội và cha của nàng cũng đã sinh sống bằng nghề âm nhạc. Ông nội là một nhạc sĩ trong cung vua, có lương bổng của nhà nước để nuôi sống cả gia đình, cha của nàng cũng là một sĩ quan chỉ huy đội quân nhạc tại Huế, mang cấp bậc Đại Úy. Tại sao cha mẹ nàng lại sợ con quá say mê về âm nhạc, sợ con sẽ đi vào cái nghề "ca xướng" mà thiên hạ đã xem thường? Đáng lý, ông "Đội Tùng" phải yêu cái nghề đó, phải khuyến khích con cái theo nghề đó mới đúng chứ? Định không làm sao trả lời được những thắc mắc này. Chàng đang để ý tới Thơ Thơ, một mối tình lãng mạn đang nảy nở trong trái tim chàng... Chàng đang sống trong hy vọng và đầy tin tưởng rằng Thơ Thơ sẽ là người yêu lý tưởng của mình. Chàng cảm thấy như Thơ Thơ cũng yêu mình, tuy tuổi nàng còn nhỏ và tính tình nàng vốn rất kín đáo, rất tế nhị. Nàng để lại tấm ảnh của nàng cho Định mà không hề đòi lại, cũng không chính thức đề tặng! Hay là nàng có ý định đi tu thật. Tại sao nàng lại đi tu? Phải chăng vì thất tình, vì chán nản, thất vọng? Không, không thể như thế được! Trên đời này chán chi người đi tu vì lòng sùng đạo, đi tu từ khi mười tuổi, làm gì có chuyện thất tình! Biết đâu Thơ Thơ cũng ở trong trường hợp đó. Định chưa bao giờ nghe Khương hay Ninh nói cho chàng biết Thơ Thơ đi tu. Hay là nàng có điều gì đó buồn lòng vì mình chăng? Định soát xét lại con người mình, chàng chưa tìm ra được một điều gì chứng minh rằng Thơ Thơ đã giận chàng mà bỏ đi...

Mùa Hè năm đó, sau khi thi đậu BEPC, tức bằng Trung Học cấp 2 chương trình Pháp, Định không còn có cơ hội gặp lại Thơ Thơ nữa. Chàng buồn quá nên quyết định về quê ngoại nghỉ ngơi một thời gian. Quê ngoại chàng ở tận Quảng Trị, bên bờ sông Thạch Hãn, có bãi cát trắng, có cồn bắp tươi tốt, cây trái dồi dào. Nước sông Thạch Hãn rất trong, người ta nói nước đó từ trong khe đá chảy ra, trông suốt tận đáy, lòng sông toàn cát nên rất sạch. Có câu ca dao:

Chẳng thơm cũng thể bạch đàn,
Chẳng trong cũng thể đá hàn chảy ra.

hoặc:

Nước cồn cờ hòa trong hòa mát,
Bãi cồn cờ nhỏ cát dễ đi...

Bạch đàn là rừng cây bạch đàn, một loại như gỗ thông, có mùi thơm và đá hàn là mồ hôi của đá, dịch từ chữ Thạch Hãn (Thạch là đá, Hãn là mồ hôi) là tên con sông và cũng là tên một làng ở ngay thị xã Quảng Trị. Cồn cờ là chỗ đóng quân của chúa Nguyễn Hoàng thời xưa, nơi đó có bãi cát và nước sông rất trong, rất mát...

Định về quê ở với ngoại, suốt ngày đi chơi với mấy đứa bà con trong làng, đi bắt dế ở bãi cát bên sông đem về cho đá nhau. Định nuôi từng hộp dế, ban đêm chúng nó kêu inh ỏi nhưng ngoại thương cháu nên không la rầy gì cả. Định cũng đi bắt chim con về nuôi, vườn nhà ngoại nhiều cây trái, đặc biệt vùng này mít, chuối rất ngon; bưởi, thanh trà, thơm, ổi cũng nhiều, muốn ăn thức gì thì cứ ra vườn hái vô mà ăn. Định đã mười sáu, mười bảy tuổi rồi nhưng chàng vẫn thích sống lại thời thơ ấu: nuôi chim, đá dế, tắm sông, câu cá v.v... Bên họ ngoại cũng có mấy cô học sinh mới lớn, mười bốn, mười lăm, mười sáu trong đó có cô Trang, cô Điểm, cô Phúc... thường đến chơi, có khi hỏi bài vở. Định học chương trình Pháp, mấy cô học chương trình Việt nên nhờ chàng chỉ dạy thêm tiếng Pháp... Thỉnh thoảng chàng cũng đến nhà sách trong thành phố mua một vài tờ báo văn nghệ hay một hai cuốn tiểu thuyết mới mang về đọc.

Trước khi về quê ngoại, Định có cho Khương biết địa chỉ và dặn nếu có tin tức gì thì thông báo cho nhau. Chàng lấy địa chỉ ở nhà sách của người bà con cho tiện.

Một hôm Định đến nhà sách thì nhận được điện tín của Khương nội dung chỉ có một câu vắn gọn, viết bằng tiếng Pháp: "Thơ Thơ Décédée" nghĩa là Thơ Thơ đã chết rồi...

Định bàng hoàng xúc động, như trên trời rớt xuống, không hiểu lý do tại sao? Thơ Thơ đang khỏe mạnh, mới một tháng nay thôi, chàng còn gặp nàng, không nghe nói nàng đau ốm gì cả. Nàng chết vì lý do gì? Chẳng lẽ là do tai nạn? Thơ Thơ hiện đang ở trong tu viện để học Hè, có đi đâu mà bị tai nạn? Điện tín do Khương gởi cho chàng, ngoài Khương ra không một ai biết địa chỉ này, không lẽ đây là điện tín giả?

Định trở về nhà, thu xếp đồ đạc và báo tin cho ngoại biết chàng có việc gấp phải trở về Huế:

- Cháu xin phép ngoại trở về nhà gấp vì có việc cần...

Cháu mới nhận được điện tín...

- Có việc gì quan trọng không cháu?

- Một người bạn của cháu mới chết, không biết vì đau ốm hay tai nạn gì, gia đình mới báo tin... cháu phải trở về nhà xem sao đã.

- Cháu có trở lại đây ở với ngoại không?

- Cháu ở chơi đã một tháng rồi, chắc không trở lại nữa đâu, cháu cũng có một vài công việc ở nhà...

- Lúc nào cháu đi?

- Cháu đi ngay bây giờ, cháu đi tàu lửa...

Định chào ngoại và xách gói ra đi. Ngồi trên tàu chàng thấy ruột nóng như lửa, không thể nào Khương lừa gạt mình được. Chàng cũng chỉ mong cho cái tin đó sẽ không bao giờ có thật. Chàng tưởng tượng ra hình ảnh của Thơ Thơ, tấm hình nàng trao cho Định vẫn còn để trong túi của chàng, chàng mở bóp ra nhìn. Nàng còn trẻ quá, mới mười ba tuổi, thơ ngây, trong trắng, vô tội. Hơn một tháng nay, nàng vào sống với các sơ trong tu viện, nàng có tội gì đâu! Tại sao nàng phải chết một cách đột ngột như vậy?

Sau gần hai tiếng đồng hồ ngồi trên tàu, Định bước xuống sân ga khi tàu dừng lại. Chàng có mang theo xe đạp, liền vội vàng phóng xe đến nhà Khương. Trong cơn nắng mùa Hè, mồ hôi nhễ nhại, Định cảm thấy như đang ở trong lò lửa, thời tiết bên ngoài cùng với tâm trạng rối bời bên trong. Định bước vào nhà Khương, tay cầm điện tín... Vừa trông thấy Định, Khương vội nói:

- Thơ Thơ chết rồi, chết ở biển Lăng Cô dưới chân đèo Hải Vân...

- Thơ Thơ đang ở trong tu viện kia mà?

- Các nữ tu đưa học sinh đi chơi ở bãi biển Lăng Cô... , gặp trận cuồng phong bất ngờ... Thơ Thơ đã bị sóng cuốn trôi đi...

- Thật là định mệnh cay nghiệt!

- Đám tang xong rồi, người ta chôn nàng trong nghĩa địa của tu viện...

- Sao chôn vội vàng thế?

- Từ khi nàng gặp nạn cho đến khi tìm được xác cũng mất cả ngày trời, đem nàng về thẳng tu viện, gia đình đồng ý chôn nàng ở đó. Người chết vì tai nạn không nên đưa về nhà...

- Anh có thể dẫn tôi đi thăm mộ nàng bây giờ được không?

- Quá trễ rồi, phải có thì giờ xin phép tu viện trước, họ mới mở cửa cho mình vào nghĩa địa, ở khu vườn bên trong... Hãy về nhà nghỉ ngơi, chuẩn bị tinh thần đi rồi ngày mai mình sẽ lên đường sớm...

Khương thay áo quần, đi theo về nhà Định, chàng khuyên Định thay áo quần, tắm rửa sạch sẽ, cơm nước xong nghỉ ngơi sẽ nói chuyện nhiều. Định như không còn thiết gì đến ăn mặc, tắm rửa, chàng nói với Khương:

- Mình còn bụng dạ nào mà ăn uống... Tắm rửa, chải chuốt, làm đẹp với ai đây nữa chứ? Tất cả mộng ước của mình đến đây kể như tan tành ra mây khói rồi!

Khương cố khuyên Định nghỉ ngơi, bình tĩnh, nếu Định muốn nghe Khương kể về cái chết của Thơ Thơ thì Định phải bình tĩnh mới theo dõi câu chuyện được. Cuối cùng Định đồng ý đi tắm rửa thay quần áo, ăn uống nghỉ ngơi...

Sáng hôm sau, Khương và Ninh hướng dẫn Định đến tu viện gặp Mẹ Bề Trên xin phép vào nghĩa trang thăm mộ của Thơ Thơ... Cả ba người quỳ bên mộ cầu nguyện cho nàng. Định lặng người đi trong cơn đau khổ đang xé nát con tim của chàng. Chàng không ngờ cuộc đời của Thơ Thơ lại ngắn ngủi đến thế. Trước khi Thơ Thơ vào ở nội trú trong tu viện, nàng đã nhờ Ninh, em gái Khương cất giữ cho nàng một cái hộp gồm những vật kỷ niệm. Thơ Thơ đã dán kín hộp lại, dặn Ninh không được mở ra. Nàng không muốn mang hộp này đi theo vì sợ ở trong tu viện người ta kiểm soát, chuyện riêng của nàng, nàng không muốn cho các nữ tu biết. Sau khi được tin Thơ Thơ bị chết ở biển Lăng Cô, Ninh bèn mở hộp ra xem, trong hộp không có gì chỉ có một cuốn nhật ký của Thơ Thơ, ghi chép việc hằng ngày trong đời nàng từ khi nàng biết đọc, biết viết cho đến ngày nàng vào ở nội trú trong tu viện.

Những trang đầu của cuốn nhật ký ghi: Nguyễn Thị Thơ Thơ, sinh ngày... tháng... năm... , lúc mấy giờ... , tên cha... tên mẹ... tên các anh, chị trong nhà... địa chỉ gia đình... , các ngày kỷ niệm... vào lúc mấy tuổi... Các trang kế tiếp là một bức thư dài gởi cho Định...

"Anh Định thân mến,

Có người nói với cha em rằng: em vắn số, sẽ không sống trên

đời này được bao nhiêu năm nữa nên vào tu viện để ẩn thân may ra tránh được những tai họa sắp đến... Em cũng cảm thấy như vậy, "tu là cõi phúc, tình là dây oan... ". Xa anh, em rất buồn và chắc anh cũng rất buồn vì nhớ em. Em biết anh yêu em. Em là con gái, em hiểu điều đó hơn con trai. Ai yêu em, để ý đến em là em biết ngay. Em nghĩ rằng con gái mà không biết được người con trai có yêu mình hay không thì người đó không phải là con gái... Em nói thế có đúng hay không? Bao năm nay, em sống gần anh, tuần nào em cũng gặp anh, em đã thấy được anh yêu em. Em cũng thương anh và nhớ anh lắm.

Hôm anh vẽ hình em ngồi đánh đàn dương cầm, em thấy trong nét vẽ của anh có mang theo tình cảm của anh. Chắc anh có nhớ đến em anh mới diễn tả được hình ảnh em sống động như thế... Em muốn thử xem anh có yêu em thật hay không nên em đã trao tấm hình bán thân của em cho anh để nhờ anh vẽ. Quả thật, anh đã vẽ hình em rất đẹp và trong nét bút, anh đã gởi trọn tâm tình của anh cho em. Em rất cảm động khi ngắm nhìn nét bút của anh vẽ hình em. Anh không trả lại cho em tấm hình mẫu và em cũng không đòi lại hình đó làm gì. Em muốn anh giữ mãi hình ảnh của em, không phải tấm hình em trao anh, mà chính hình ảnh của em đã in vào trong trái tim anh. Tấm hình em trao cho anh có thể bị hư hỏng trải qua thời gian nhưng hình ảnh của em ở trong trái tim anh sẽ không bao giờ mất đi được. Anh không cho em một tấm hình nào nhưng hình ảnh của anh và những kỷ niệm giữa anh với em vẫn còn mãi trong tim em.

Em vô ở nội trú trong tu viện là để học chứ không phải đi tu. Em sợ anh hiểu lầm rằng em có chuyện gì buồn về anh nên bỏ anh mà đi! Không phải như vậy đâu! Em vô đây để được an toàn vì em cảm thấy sắp có chuyện gì bất an sẽ xảy đến cho em... Em hy vọng rằng một vài năm sau, cơn khủng hoảng này sẽ qua đi và em sẽ trở lại cuộc sống bình thường, chúng ta sẽ lại gặp nhau. Em muốn viết ra điều này để nếu về sau anh có thắc mắc hoặc trách cứ em thì em sẽ chứng minh cho anh hiểu tấm lòng của em đối với anh. Thư này em nhờ Ninh cất giữ, đợi khi nào thuận tiện, được gặp lại anh, lúc đó Ninh sẽ cho anh đọc, nếu anh còn trung thành với tình yêu mà anh đã dành cho em. Còn nếu anh không còn thương em nữa và anh đã có người khác thì thư này sẽ không bao giờ đến tay anh. Anh có can đảm chờ đợi em không? Thời gian sẽ trả lời.

Chào anh.

Ký tên: Thơ Thơ... "

Đọc xong thư, Định bỗng la lên:

- Oan nghiệt! Oan nghiệt thật! Định mệnh sao lại trớ trêu? Cuộc đời của em sao quá ngắn ngủi đến thế? Thơ Thơ ơi! Muôn đời anh sẽ không bao giờ quên em... Hình ảnh của em... giọng nói của em, tiếng đàn, tiếng hát của em... , tâm sự của em, sự ngây thơ, vô tội, tình cảm thanh cao, trong trắng của em... Anh xin trân trọng đối với tất cả những gì thuộc về em... Từ nay anh sẽ không sợ mất em, anh sẽ không sợ bất cứ một ai trên đời này có thể chiếm đoạt được em. Muôn đời em là của anh, người yêu của anh. Không một người nào có thể chiếm được quả tim của anh ngoài em ra. Em sẽ ở với anh suốt đời và không có một thế lực nào có thể ngăn cách đôi ta, không có một giới hạn nào giữa em với anh. Anh ở đâu, em ở đó... Em sẽ đi theo anh đến tận cùng thế giới.

21 tháng 5, 1998

Nguyễn Lý Tưởng

HOÀNG HÔN TRÊN SÔNG HƯƠNG

Tuấn đang ngồi đọc sách bên cửa sổ thì một cô gái trạc độ mười bốn, mười lăm tuổi đang dẫn chiếc xe đạp đi vào sân nhà. Cô dựng xe bên thềm:

- Thưa chú, cháu là Đào, con bác Hội... Ba cháu mời hai chú qua chơi... Ba cháu đang đợi...

- Sau năm giờ chiều anh Dũng mới về đến nhà. Chúng tôi đi xe Honda, cô đạp xe về trước kẻo ba mong. Hay là... mời cô vô nhà nghỉ một lát rồi về, mới đến mà về liền sao được!

- Dạ, để cho cháu về kẻo giờ này qua cầu Trường Tiền xe cộ nhiều lắm, sắp đến giờ tan học rồi...

- Chiều nay cô không đi học à?

- Cháu vừa thi xong, cô giáo cho nghỉ một buổi...

Đào vẫn đứng ngoài cửa sổ trả lời Tuấn mà không chịu vào nhà. Tuấn nhìn lên, một cô gái tóc thề buông xõa, mắt đen nhánh, đôi má hây hây, cái miệng rất có duyên, vừa nói vừa mỉm cười... Khi nhãn quang của Tuấn vừa chạm vào nhãn quang của Đào, nàng vội liếc nhìn chàng một cái thật nhanh rồi cúi đầu xuống quay qua chỗ khác như có vẻ e thẹn...

- Xin phép chú cho cháu về.

— Cô không vào nhà chơi...

- Thôi, để khi khác... Cháu phải về ngay cho khỏi bị kẹt xe...

Đào dẫn xe đạp đi ra sân, Tuấn vẫn nhìn theo bóng dáng cô. Con gái vào tuổi mười bốn mười lăm, mới lớn lên, phơi phới như hoa, ngây thơ, trong trắng trông đẹp như thiên thần. Gia đình bác Hội ở đường Nguyễn Thành, nhà cao cửa rộng,

có cơ sở buôn bán làm ăn đang phát đạt. Hai bác chỉ có một đứa con gái, năm đó mới học lớp Đệ Ngũ (lớp 8) rất xinh mà tính tình lại ngoan ngoãn, dịu dàng, dễ thương. Tuy chỉ có một đứa con gái nhưng ông Hội cũng không hề nghĩ đến chuyện cưới vợ bé để có con trai nối dòng. Bà Hội đã hơn mười năm rồi không thấy sinh đẻ, tuồng như cũng có một vài lần sa sẩy rồi ngưng luôn. Hai bác quan niệm con gì cũng là con, Trời cho con gái thì nuôi con gái chẳng nên phân biệt trai gái làm gì. Có con gái thì phải chọn cho nó một người chồng xứng đáng.

Tuấn là một trong những sinh viên được bác Hội chú ý đến. Dũng, anh của Tuấn làm việc cho một hãng buôn, là bạn thân của bác Hội trong quan hệ buôn bán nên hai người thường giao dịch với nhau. Mỗi buổi chiều sau giờ làm việc, nhất là vào những ngày cuối tuần, bác thường rủ anh đi nhậu ở quán cháo gà bên cạnh cầu Gia Hội. Lần nào qua nhà Dũng chơi gặp Tuấn, bác cũng mời Tuấn cùng đi cho vui. Tuấn mới hai mươi tuổi, ngồi nhậu với mấy bậc đàn anh gấp đôi tuổi của mình nên chàng cũng ngại nhưng nhiều lần đi chơi, ăn nhậu với họ mãi rồi cũng quen.

Quán cháo gà ở cầu Gia Hội nổi tiếng về món gà xé phay với tiêu muối rau răm, kèm thêm bộ lòng với cả buồng trứng non nhậu với bia 33 ướp lạnh. Giới làm ăn thường gặp nhau đây để bàn bạc công việc. Bác Hội cũng thích chơi cờ Domino nên thường kéo Tuấn vào cho đủ tay. Thì giờ của Tuấn là để học hành nhưng thỉnh thoảng chàng cũng giải trí bằng môn cờ này. Chàng có trí nhớ rất tốt và chơi cờ rất hợp ý người đi cặp với mình. Có khi Tuấn cặp với bác Hội, có khi cặp với anh Dũng, phần lớn phe của Tuấn thắng cuộc. Tính tình của Tuấn lại điềm đạm, lễ phép nên hợp với mọi người.

Bác Hội chỉ có cô Đào nên bác giữ gìn, săn sóc cho cô rất cẩn thận. Đi học về thì Đào chỉ lo trông coi việc nhà, tập nấu nướng, làm bánh trái, thêu thùa, chăm sóc vườn hoa, lau chùi bàn ghế, làm việc lặt vặt, đọc sách báo hay giao thiệp bạn bè. Bác Hội cho Đào được tự do tiếp đãi bạn bè đến chơi nhà, làm bánh trái, nấu nướng ăn uống với nhau hoặc ca hát, chơi đàn, nghe nhạc... Nhà có sẵn mọi thứ, không ngại tốn kém. Đào ít khi đi chơi xa, đi đâu cũng có cha mẹ hay người nhà đi

theo. Bác Hội cho Đào qua nhà Tuấn là cũng có ý định gì đó... Tuồng như anh Dũng và bác Hội cũng có trao đổi với nhau về tương lai của Đào nhưng chưa có ai nói chuyện đó cho Tuấn biết vì Tuấn cũng như Đào đều đang tuổi ăn học, có tính chuyện gì đi nữa thì cũng phải năm bảy năm nữa mới được. Mỗi lần anh em Tuấn đến nhà, Đào thường ở dưới bếp phụ giúp mẹ làm món nhậu hay nấu nước pha trà, có khi nàng ra sau vườn chăm sóc mấy chậu hoa kiểng. Đào vẫn giữ đúng phong tục xứ Huế, khách đến nhà thì con gái không được nghe lóm chuyện của khách hoặc hiện diện nơi đó. Con gái thì phải kín đáo, tế nhị, không nên sỗ sàng, không được ăn mặc hở hang. Nói năng phải nhỏ nhẹ, không được nói hay cười lớn tiếng, khách vào nhà thì phải ra chào, xong thì rút lui ngay...

Tuy đã nhiều lần đến nhà bác Hội nhưng Tuấn chưa lần nào trông rõ gương mặt của Đào như lần này, nhất là đôi mắt của Đào rất sáng và đen nhánh, gương mặt rất thông minh, môi hồng, hàm răng đều đặn, miệng cười rất tươi, mái tóc thề xõa ngang vai mềm mại, mượt mà... Tuấn bất chợt nhìn lên, gặp ngay đôi mắt của Đào đang nhìn thẳng vào mắt chàng, hai ánh mắt gặp nhau làm cho Tuấn cảm thấy lòng mình xao xuyến, bâng khuâng. Có lẽ đây là lần đầu tiên, Tuấn bị cú sét ái tình, Tuấn bắt đầu nghĩ tới Đào...

Ra tới ngõ, Đào leo lên xe đạp vụt đi. Tuấn bây giờ mới cảm thấy như bị mất mát một vật gì rất quý báu, chàng mong anh Dũng mau về tới nhà để chuyển lời mời của bác Hội và tất nhiên Tuấn cũng mong được thấy lại gương mặt khả ái của Đào chiều nay tại nhà nàng.

Tiếng xe Honda hai bánh của Dũng vừa về đến ngoài sân, Tuấn đã vội báo tin:

- Anh Dũng ơi! Bác Hội vừa cho cô Đào qua mời anh em mình đó. Anh có đi được không? Em cũng cần nghỉ xả hơi một chút, cả tuần nay học nhiều rồi!

- Được, để anh tắm rửa, thay áo quần đã rồi mình đi.

Dũng cầm lái, Tuấn ngồi ở sau xe đi qua cầu Trường Tiền. Gió chiều từ hướng Thuận An thổi về nghe mát rượi. Nước sông Hương xanh biếc, trong suốt tận đáy, từng đợt sóng xôn xao đổ vào bờ. Mặt trời chếch bóng phía Tây, giãi một màu vàng úa bao trùm lên vạn vật, cả một bầu trời ngũ

sắc chìm xuống đáy nước như một bức tranh đẹp tuyệt vời. Trong khung cảnh đó, hình bóng của Đào hiện lên như một nàng tiên đang đưa tay ra thật mềm mại trong điệu múa Nghê Thường... Tuấn thấy lòng mình ngập tràn tình yêu bao la, tha thiết, tim hồi hộp với nhịp đập nhanh như muốn nghẹt thở. Quái lạ, chàng thấy hình bóng Đào hiện lên thật, không phải tưởng tượng. Đúng là hình bóng của Đào ở trên mặt nước xa xa kia đang được bao phủ bởi ánh sáng muôn màu phản chiếu bóng hoàng hôn trên sông... Tuấn không thể tưởng tượng được tình trạng đó đã đến với chàng, không lẽ chỉ có một giây phút gặp gỡ vừa rồi mà chàng đâm ra si mê, cuồng nhiệt và mang tâm bệnh như thế này. Làm gì có một cô Bích Đào thật đang mỉm cười, đang vẫy gọi trước mặt chàng... Chàng đang tỉnh hay đang mê? Tuấn đưa tay véo vào má của mình một cái thật đau và chàng biết rõ mình đang tỉnh và nhận thức một cách rõ ràng mọi sự việc đang diễn ra chung quanh.

Xe chạy qua cửa Thượng Tứ, hương sen thơm ngát từ dưới hồ tỏa lên đang quyện lấy chàng. Đến đường Nguyễn Thành, dọc theo bờ tường của thành ngoại, xe giảm tốc độ, chạy từ từ đang đi về hướng nhà bác Hội... Bỗng từ xa, Tuấn thấy có nhiều người đang tụ tập nhau bàn tán chuyện gì. Một chiếc xe Jeep nhà binh của ai đang đậu trước ngõ, chắc nhà bác Hội đang có khách ở xa đến.

Dũng vừa dừng xe trước cổng nhà thì bỗng nghe tiếng khóc thảm thiết từ trong nhà vọng ra. Một cảnh tượng hãi hùng đang diễn ra trước mắt chàng, Đào đang nằm đó, trên băng ca của bệnh viện, máu me đầy người, mặt mày xây xát nhưng còn trông rõ gương mặt dịu dàng, dễ thương và đẹp đẽ của nàng. Thấy Tuấn vừa bước vào, bác Hội liền chạy đến ôm chầm lấy chàng la lên:

- Đào bị xe Jeep cán chết rồi Tuấn ơi!

Rồi bác khóc nức nở, đập đầu vào tường như muốn tự tử:

- Bà con ơi! Tôi không cần tiền cần bạc! Tôi không cần nhà cửa ruộng vườn! Tôi chỉ có một đứa con duy nhất mà thôi! Làm sao cho nó sống lại được! Trời ơi! Con tôi xinh đẹp! Con tôi dịu dàng, ngoan ngoãn biết bao! Tại sao anh giết con tôi? Anh Trung Úy kia! Xe anh đuổi theo con tôi! Ép con tôi sát bên lề đường! Con tôi ngã xuống! Anh cán chết con tôi! Trời

ơi là Trời! Anh làm sao đền mạng sống cho con tôi được! Tôi chỉ cần đứa con! Tôi không cần tiền! Tôi không muốn bắt anh đi ở tù!

Người lái xe gây ra tai nạn giết chết Đào là một sĩ quan, mang cấp bậc Trung Úy đang đứng đó, y vòng tay, cúi đầu... Y đang khóc, y hối hận vì hành động sát nhân của mình. Chiếc xe Jeep đang đậu trước cổng nhà là xe của y. Y là một tên mất dạy, một quân nhân vô kỷ luật, một sĩ quan mất tư cách... Dù y có mất chức, dù y có bị phạt tù hay tiền bồi thường thì Đào cũng đã chết rồi. Đào chết đang tuổi mới lớn lên, đang phơi phới, tươi như hoa buổi sáng, tương lai đầy hứa hẹn. Tuấn cảm thấy đau khổ vô cùng. Chàng chỉ mới bắt đầu để ý tới Đào, mới bắt đầu nhớ, bắt đầu thương Đào thì Đào đã ra đi. Khi xe chạy qua cầu Trường Tiền, Tuấn thấy Đào hiện ra trên mặt nước trong cảnh hoàng hôn. Đó là linh hồn của Đào, một hình ảnh thật chứ không phải Tuấn vì thương nhớ mà tưởng tượng ra. Chính giờ phút đó, Đào đã hồn lìa khỏi xác. Đào chết trước đó chừng hai giờ đồng hồ, khi vừa từ giã Tuấn ra về. Tai nạn xảy ra, Cảnh Sát cấp cứu đến thì nàng đã chết hẳn rồi. Căn cứ vào thẻ học sinh, người ta đã báo tin cho bác Hội, lúc đó bác đang đợi anh em Tuấn ở nhà. Bác liền đến nơi xảy ra tai nạn và yêu cầu đưa xác Đào về nhà, không cần đem nàng vào bệnh viện làm gì nữa vì nàng đã chết hẳn rồi. Chiếc xe của tên điên khùng và mất dạy đó đã cán lên thân xác nàng, dập lá lách, dập cả tim gan của nàng làm sao nàng sống được! Nàng chết không kịp trối trăn, nàng chết ngay tức thì, không còn một giây phút nào để kéo dài sự đau đớn của người bị thương tích, chết như con nhái mén bị bóp vỡ bụng ra vậy. Ôi! Thật quá thương tâm!

Tuấn đứng bên cạnh thi hài của Đào, chàng nhìn kỹ nét mặt ngây thơ, vô tội, linh hồn nàng còn trong sạch, trinh trắng, tình cảm của nàng thanh cao, đẹp đẽ biết bao! Tuấn lấy bông thấm nước hoa chùi sạch những vết nhơ trên mặt nàng vì dính máu, dính bụi đất trên đường. Đào mới chết, máu ra nhiều nên nước da nhợt nhạt, hơi tái xanh đi nhưng vẫn còn tươi đẹp... Tuấn quỳ xuống hôn lên môi nàng:

- Đào ơi! Tuấn thương Đào lắm. Tuấn không được phước sống bên Đào như vợ chồng, Tuấn chưa được nói với Đào

một lời hứa hẹn, Tuấn chưa được nói: "Anh yêu em, anh yêu Đào" như những chàng trai thường nói với người mình yêu... nhưng Đào đã biết ý định của cha mẹ Đào muốn cho Tuấn với Đào thành đôi, thành cặp, thành vợ, thành chồng... Dù chỉ là trong ý định nhưng đó cũng là chính thức rồi! Từ nay, Tuấn xem Đào là vợ của Tuấn. Tuấn là chồng của Đào, Tuấn yêu Đào mãi mãi...

Tuấn cứ quỳ bên Đào mà khóc... Cho đến khi trời tối hẳn, khuya lắm rồi mà Tuấn vẫn không chịu ra về. Bác Hội và Dũng đến đỡ Tuấn dậy, bảo Tuấn đi uống sữa hay ăn chút gì rồi về nghỉ để mai còn đi học nhưng Tuấn không chịu. Tuấn cứ ngồi đó cho đến sáng... , cho đến khi trong gia đình cử hành lễ khâm liệm, bỏ xác Đào vào quan tài và đậy nắp lại... Tuấn ôm di ảnh của Đào, úp mặt lên quan tài mà khóc nức nở...

Hàng ngàn người đã đi theo quan tài của Đào ra nghĩa địa, trong đó có cha mẹ, bà con, họ hàng, anh em Tuấn, bạn bè cùng lứa tuổi với Đào, bạn học cùng trường, những người cùng xóm, cùng khu phố, kể cả những người không quen biết với gia đình bác Hội nhưng nghe chuyện thương tâm, họ cũng đến phân ưu và cũng đi đưa đám...

Tuấn xin phép được bịt khăn tang như người trong gia đình và chàng đi sát một bên quan tài của Đào cho đến nghĩa địa. Khi những nghi thức cuối cùng của lễ an táng đã hoàn tất, người ta đã đặt quan tài của Đào xuống huyệt và lấp đất lại, Tuấn ôm một bó hoa hồng đặt trên nấm mộ của Đào và gục xuống đó bất tỉnh. Chàng đã thức suốt ba ngày ba đêm không còn tha thiết gì đến ăn uống và bây giờ chàng đã kiệt sức. Tuấn đã được đưa vào bệnh viện cấp cứu, bác sĩ cho chuyền sérum và cho thở dưỡng khí, hôm sau mới cho về nhà nghỉ ngơi.

Trước sân nhà Tuấn có một cây hoa đào đang độ nở hoa. Tuấn ra đứng đó, nhìn hoa nhớ tới người... Bỗng một trận gió từ đâu ập đến, Tuấn nghe lạnh cả người, lạnh đến phải run lên cầm cập... Tất cả hoa đào đang nở trên cây đều một lượt rụng xuống hết... Gió tung từng cánh hoa bay lên không trung rồi rơi xuống, vung vãi khắp sân nhà... Tuấn nhớ đến cái chết đau khổ của Đào, chàng như cảm thấy linh hồn của Đào vừa mới về qua đâu đây:

- Đào ơi! Đào về với Tuấn đó phải không? Tuấn nhớ Đào lắm! Tuấn thương đào lắm! Đào đừng bỏ Tuấn nghe Đào!

Tuấn trở vào nhà đến trước di ảnh của Đào treo trên tường, ngay bàn học của chàng. Chàng đốt lò hương trầm và thắp lên ba nén nhang... rồi đứng im lặng cung kính một lúc lâu, nước mắt tự nhiên tuôn trào:

- Đào đến tìm Tuấn đó phải không?

Hình ảnh cuối cùng Đào dành cho Tuấn, bên cửa sổ, hôm trước đến tìm Tuấn qua nhà chơi, vẫn còn lưu lại mãi trong trí tưởng tượng của Tuấn. Ánh mắt Đào đã gặp ánh mắt của Tuấn, chỉ trong một phút giây ngắn ngủi mà thôi... Đào e thẹn, kín đáo, quay mặt đi nơi khác... và hình ảnh Đào hiện lên trên mặt nước vào lúc hoàng hôn trên sông Hương, hình ảnh một linh hồn đã ra khỏi thế gian, hình ảnh một nàng tiên bị đày đọa xuống trần đã được giải thoát để trở về tiên giới... Tuấn thấy lòng mình xót xa, cay đắng, sự mất mát đó không bao giờ có thể bù đắp lại được. Tuấn thấy linh hồn mình như đã lìa khỏi xác và bay đi rất xa, đi đến một thế giới nào đó để gặp Đào...

20 tháng 5, 1998

Nguyễn Lý Tưởng

ĐÔI MẮT NGƯỜI XƯA

Chiếc may bay Boeing 747 của hãng Northwest Airline từ Seoul đến đã đáp xuống phi trường National Airport, thủ đô Hoa Thịnh Đốn, Hoa Kỳ vào lúc nửa đêm ngày 22 tháng 4 năm 1991. Thời tiết đã vào mùa Xuân, không có tuyết nhưng còn rất lạnh chẳng khác gì mùa Đông. Máy bay từ từ cặp sát vào cầu thang, hành khách đang bước xuống, qua cổng số 8. Mọi người chen chúc nhau đón thân nhân.

- Thạch đó, Nhật Lệ ra chào anh đi!

Tâm nắm tay Lệ, kéo nàng bước tới. Người đông quá, Lệ không chen vào được, Tâm phải đưa nàng ra đứng một chỗ tương đối rộng rãi hơn, rồi nàng chen vào đám đông vẫy gọi:

- Anh Thạch, chúng tôi đứng đây. Anh có hàng hóa gì nhiều không? Đưa giấy tờ đây tôi đi làm thủ tục cho.

- Tôi không có hàng hóa gì cả, chỉ có cái xách tay đây thôi. Mạng người là cao quý, miễn sao thoát khỏi chế độ Cộng Sản là an toàn rồi. Còn người còn của, lo gì.

- Nhật Lệ đứng đó kìa, anh đến với Lệ đi, đưa hết giấy tờ cho tôi...

Tâm chỉ chỗ Lệ đứng cho Thạch rồi cầm hết giấy tờ chạy đi chỗ khác, cố ý tránh để cho hai người gặp nhau được tự nhiên hơn.

Thạch thấy Lệ đứng đó đang nhìn mình nhưng sao Lệ không mở miệng nói một lời nào cả? Sao Lệ không đến chào Thạch? Thạch đâm ra ngập ngừng. Đã gần một phần tư thế kỷ rồi, kể từ Tết Mậu Thân 1968, từ ngày Thạch bị động viên vào quân đội... Thạch không bao giờ gặp Lệ lần nào nữa. Thạch được tin Lệ đã có chồng, một sĩ quan Mỹ, không phải da đen mà da trắng và Lệ đã theo chồng qua Mỹ trước 1975.

Thạch còn nhớ rõ, trước khi nhập ngũ, Thạch là một sinh viên mới tốt nghiệp, đi dạy ở Nha Trang. Thạch đã gặp Lệ ở thành phố biển này và đã yêu Lệ tha thiết.

Vào một buổi chiều, Thạch đang ngồi chấm bài cho học trò thì nghe tiếng máy bay rất lạ ngang qua trên nóc nhà và một tiếng ầm rung động cả khu vực chàng ở. Chiếc máy bay phản lực của quân đội Hoa Kỳ đi ném bom đâu đó trở về, bị trục trặc, phi công trút bom và tung dù nhảy xuống biển, để mặc cho chiếc máy bay đâm thẳng xuống nhà hàng Dân Thiên ở phố Độc Lập. Tai nạn xảy ra chỉ cách chỗ của Thạch ở không đầy mấy trăm mét làm cho chàng bàng hoàng. Chàng bỗng nhớ đến Lệ và quyết định viết cho Lệ một bức thư với tất cả hy vọng Lệ sẽ nhận lời. Chàng chọn biến cố đó làm mốc thời gian chính thức khởi đầu cho tình yêu của mình với Lệ.

Hồi đó, Lệ còn là học sinh năm cuối cùng ban Trung Học, đang chuẩn bị thi Tú Tài Toàn Phần; còn Thạch là Giáo Sư Văn Chương và Sinh Ngữ... Lệ không phải là học trò của Thạch, Lệ học trường nữ còn Thạch dạy ở trường nam nhưng tuổi của Lệ cũng ngang với thế hệ học trò của Thạch mà thôi. Thạch quen thân với một người trong gia đình của Lệ và qua anh đó, Thạch quen biết thêm nhiều người bà con khác của Lệ. Thạch đã đem ý định của mình nói với họ và nhờ họ giúp... nhưng không có kết quả gì.

Những lần gặp nhau sau khi nhận được thư của Thạch, Lệ có vẻ e thẹn và tìm cách tránh mặt, không dám tiếp xúc thân mật với Thạch. Đây là mối tình đầu của Thạch, Thạch cũng không tìm kiếm một đối tượng nào khác ngoài Lệ. Nếu Lệ còn độc thân thì Thạch còn nuôi hy vọng trở thành người chồng của Lệ sau này. Thạch là một người xuất thân từ trường Dòng, được đào tạo để trở thành một người thanh niên có trách nhiệm, có tư cách, có đạo đức. Thạch chưa bao giờ biết đến những thú ăn chơi cờ bạc, rượu chè, trác táng. Chàng cũng không bao giờ bước chân vào các vũ trường, các tiệm giải khát có gái điếm trá hình... Thạch muốn giữ gìn tư cách của mình để được xứng đáng với Lệ...

Thế rồi, Tết Mậu Thân xảy đến, chiến tranh leo thang, tình hình an ninh càng lúc càng đen tối, hàng trăm ngàn bộ đội Việt Cộng từ miền Bắc xâm nhập vào, đánh phá khắp nơi.

Quốc Hội đã thông qua luật Tổng Động Viên do Bộ Quốc Phòng yêu cầu. Thạch đang làm Giáo Sư nhưng ở trong hạn tuổi phải nhập ngũ nên chàng phải đi trình diện thi hành nhiệm vụ quân dịch. Trước ngày lên đường chừng vài tháng, một hôm, Thạch được tin Nhật Lệ giận Thạch lắm, giận cho đến nỗi phải khóc lên và nằm không thèm ăn uống gì. Thạch muốn gặp Lệ nhưng Lệ đã bỏ đi vào Sài Gòn... Thạch không hiểu lý do gì. Thạch đi tìm Lệ khắp nơi, vào Sài Gòn, lên Đà Lạt, ra Huế... , nghe tin Lệ ở đâu là Thạch liền đến đó hỏi thăm tin tức của Lệ. Thạch tìm gặp Thông, một người bạn thân hồi còn học ở Đại Học. Thông là người bà con gần với Lệ, Thông cũng biết rõ chuyện Thạch yêu Lệ và muốn cưới Lệ... nhưng Lệ chưa trả lời. Thông cho Thạch biết Lệ cũng thương Thạch nhưng nghe đâu bên phía bà con của Thạch có ai đó nói ra nói vào khiến cho Lệ hiểu lầm... Lệ rất tự ái, lại không chịu tiếp xúc với Thạch nên giữa hai người không có sự thông cảm nhau. Thạch rất buồn và không biết làm sao gặp Lệ được để phân trần. Lệ nhất định tránh mặt Thạch.

Mấy tháng sau, Thạch vào trường Bộ Binh Thủ Đức. Đời sống trong quân ngũ rất bó buộc, không có thì giờ để đi lại nơi này, nơi khác một cách tự do, đi công tác phải có sự vụ lệnh, đi chơi phải có giấy phép. Thạch chỉ còn một cách là viết thư cho Thông để hỏi thăm tin tức của Lệ nhưng Thông nhận thư mà không trả lời. Một hôm Thạch về thăm gia đình gặp Thông và được biết Lệ vào Sài Gòn, xin làm việc ở một cơ quan dân sự Hoa Kỳ và đã lấy chồng Mỹ... Hôm đó, Thạch buồn không thể tưởng tượng được. Kể từ ngày Lệ đi lấy chồng, Thạch xem như Lệ đã chết rồi, không còn một liên hệ gì nữa. Thạch vẫn nhớ tới Lệ như nhớ tới một người đã chết, vì không thể gặp mặt hay viết thư thăm. Chàng cầu chúc cho Lệ được hạnh phúc, được giàu có, cuộc đời sung sướng chứ không vất vả như bà con mình ở Việt Nam.

Tuy Lệ không trả lời dứt khoát với Thạch nhưng không hiểu sao Thạch vẫn yêu Lệ hơn những người đàn bà mà chàng gặp sau này. Nếu có điều gì không phải với nhau thì Lệ cứ nói thật cho Thạch biết, đằng này Lệ cứ cất giấu mãi trong lòng cho đến ngày bỏ Thạch mà đi xa. Thạch cảm thấy đó là điều quá bất công đối với mình. Số kiếp của Thạch sao mà lận đận.

Tình yêu giữa hai người không có sự hỗ tương, chỉ có một mình Thạch viết thư tỏ tình với Lệ, còn phía Lệ thì không trả lời... nhưng Thạch nghĩ rằng con gái Việt Nam vẫn còn nhiều người cư xử theo cung cách thời trước, yêu mà không nói, nhận thư mà không trả lời... , thế mà về sau họ cũng trở thành vợ chồng, do đó Thạch mặc nhiên xem chuyện chàng yêu Lệ là chính thức và chàng cũng nghĩ rằng Lệ đang còn nhỏ tuổi, chưa muốn lấy chồng nên chưa chính thức trả lời chàng. Lệ vẫn giữ thái độ im lặng.

Trong thư Thạch viết cho Lệ, Thạch cũng có nêu lên ý kiến, nếu Lệ chưa muốn lấy chồng hay muốn học thêm nữa cho đến khi tốt nghiệp Đại Học, hoặc muốn đi du học ngoại quốc thì Thạch cũng sẵn sàng chờ đợi... Thạch chỉ muốn Lệ hứa một lời với Thạch, chờ đợi bao lâu nữa cũng không thành vấn đề.

Trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, Thạch cưới vợ như là một bổn phận đối với cha mẹ và đối với bản thân vì không lẽ ở độc thân mãi như vậy. Minh, vợ Thạch, là một cô gái sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, cha làm công chức chế độ cũ Việt Nam Cộng Hòa, mẹ buôn bán, sống cuộc đời lương thiện trong xã hội. Vợ Thạch mới có thai thì Việt Cộng chiếm mất miền Trung, cả nhà vợ chạy vào Sài Gòn, còn Thạch bị kẹt lại với đơn vị và khi chàng về đến Sài Gòn thì Tướng Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng rồi. Chàng đi đường biển từ Quy Nhơn vào tới Nha Trang, rồi chạy bộ từ Nha Trang vào Long Khánh. Chặng cuối cùng trên đường về Sài Gòn chàng đi theo dân chúng và đứng bên lề đường nhìn theo đoàn xe Việt Cộng chở bộ đội vào thành phố.

Về tới Sài Gòn chàng được biết gia đình bên vợ đã di tản theo đường dây người Bắc di cư 1954 ở vùng Phước Tỉnh, Vũng Tàu rồi. Thạch ở lại Sài Gòn một mình, cũng tìm đường vượt biên nhưng tiền bạc không có, cuối cùng phải đi trình diện "học tập cải tạo" để được hưởng "chính sách khoan hồng của chính quyền Cách Mạng". Đó là một loạt danh từ hoa mỹ chứa đựng cả một chính sách lừa dối, bịp bợm của Cộng Sản, một trại giam trá hình để đày ải những người trước đây phục vụ trong quân đội hay trong chính quyền Miền Nam. Căn cứ vào thời gian làm việc chung với cơ quan MACV do tiểu khu

chỉ định, Thạch bị liệt vào thành phần CIA và phải bị đày ra miền Bắc, một hình thức lao động khổ sai biệt xứ như thời Pháp thuộc.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, nhiều tướng lãnh, sĩ quan, chính khách tự tử nhưng Thạch thấy mình chỉ là một cấp thừa hành trong guồng máy chính quyền và quân đội Miền Nam. Chàng tự cho rằng mình bị bắt buộc vào lính, bị động viên chứ không phải lính tình nguyện nên hy vọng chính quyền mới sẽ hiểu cho hoàn cảnh của mình nhưng chàng đã hoàn toàn sai lầm vì Việt Cộng không bao giờ lý luận kiểu đó. Đối với chúng, tất cả những ai không đi theo chúng, ngay cả dân thường cũng có tội. Bằng chứng là trong Tết Mậu Thân, 1968, biết bao nhiêu người vô tội đã bị chúng tàn sát tập thể, trong đó có những người tu hành, những nhà giáo, bác sĩ, sinh viên học sinh v.v…

Thạch đã chứng kiến biết bao điều tệ hại ở trong nhà tù. Tất cả những thành phần đạo đức giả, bọn ngụy quân tử, bọn lừa thầy phản bạn, bọn lưu manh trong xã hội, dần đều để lộ chân tướng hết. Những người có tôn giáo thì củng cố niềm tin của mình và chấp nhận số phận, hy vọng sẽ được giải thoát sau khi đã trả xong nợ đời để qua thế giới bên kia. Những người không có niềm tin vào tôn giáo thì hoặc là quá thất vọng khiến cho sức khỏe suy giảm, bệnh hoạn phát sinh và đã ra đi rất nhanh chóng hoặc là chạy theo nịnh bợ, làm chó săn cho kẻ thù để hại anh em và hy vọng Cộng Sản sẽ cho mình về sớm hoặc sẽ được hưởng một chút quyền lợi nhỏ nhoi nào đó đang khi còn ở trong tù.

Trải qua những đêm dài hay những ngày làm việc vất vả, cực nhọc, bị hành hạ cả thể xác lẫn tinh thần nên trong những lúc nghỉ ngơi anh em thường nhắc lại quá khứ oai hùng của đời mình hoặc chia sẻ với nhau những tâm sự thầm kín, riêng tư. Ở trong tù, Thạch chơi thân với Khánh, một người theo đạo Công Giáo, tin có Thiên Chúa, có Ông Trời, có Thượng Đế, có Đấng Tạo Hóa... Khánh thường nói với Thạch:

- Trong Kinh Thách, phần gọi là sách Khải Huyền của Thánh Gioan Tông Đồ có một câu rất ý nghĩa: "Đấng Thánh, Đấng cầm chìa khóa Đa Vít, Người đóng thì không ai mở được, Người mở thì không ai đóng được". Câu đó có ý nghĩa:

mọi quyền phép trên trời dưới đất đều do Đấng Tạo Hóa hay Thiên Chúa mà ra, nếu Thiên Chúa không muốn cho chúng ta tù tội mãi và chết ở đây thì bọn Cộng Sản cũng không làm gì được chúng ta đâu. Ngày mai trời lại sáng, chúng ta sẽ ra khỏi đây và sẽ có cuộc sống tự do ở nơi khác.

Những khi thất vọng, chán nản, Thạch thường tìm đến với Khánh, Thạch thấy nơi Khánh một lòng tin rất mạnh. Một hôm, có người bạn đang trong cơn đau ốm, không có thuốc men, anh ta lên tiếng trách móc Thiên Chúa, trách móc Thượng Đế... đã để cho mình chịu cảnh bất công này. Khánh liền nói với anh ta:

- Trong sách Kinh Thánh Tân Ước, Đức Kitô có đưa ra một dụ ngôn đại ý nói rằng: Có người chủ kia sắp đi xa bèn gọi những người giúp việc đến và trao cho mỗi người một số tiền: người năm đồng, người ba đồng... , người một đồng và bảo họ hãy đi buôn bán kiếm lời, khi chủ trở về sẽ tính sổ... Rồi chủ ra đi, đến một ngày kia chủ trở về... Các đầy tớ đem nộp cả vốn lẫn lời, người năm đồng thành mười đồng; người ba đồng thành sáu đồng; người hai đồng thành bốn đồng... Riêng người nhận một đồng thì nói với chủ rằng: tôi biết tính ông rất khó nên đồng bạc này tôi đã chôn cất, đợi ông về xin trao lại cho ông. Chủ đem cả vốn lẫn lời cho các đầy tớ tùy theo phần mỗi người mà không lấy lại đồng nào hết. Riêng người nhận một đồng thì chủ lấy lại vốn đã trao mà còn phạt nó nữa...

Rồi Khánh giải thích cho anh ta hiểu:

- Mỗi người sống trên đời này có một cái vốn do Thượng Đế trao cho mình. Vốn đó là sức khỏe, học hành, trí thông minh, sự khôn ngoan, tiền tài, địa vị, kể cả những rủi ro, tai nạn, sự đau khổ, cảnh tù tội v.v... Mình phải dùng cái vốn, dùng hoàn cảnh mình đang sống để sống ĐỨC TIN, giữ luật Chúa, làm tròn bổn phận để sau khi chết rồi sẽ được thưởng, nếu mình không làm tròn bổn phận thì sẽ bị phạt. Làm Tổng Thống hay làm người tù chẳng khác chi nhau, mỗi người phải biết dùng phương tiện Thiên Chúa ban cho để sống tròn bổn phận của mình. Nếu anh tin lời Chúa thì anh sẽ xem lúc đau ốm, tù tội và lúc giàu sang, phú quý... , tất cả chỉ là phương tiện để đạt đến cứu cánh là vào nước Thiên Chúa, tức vào thiên đàng. Khi anh chết Thiên Chúa sẽ hỏi anh: "Với tiền bạc

anh có, với tài năng anh có... hay với hoàn cảnh đau ốm, tù tội, nghèo nàn... anh đã làm gì? Anh đã dùng cái vốn đó để làm lời thêm được những gì?". Anh phải trả lời câu hỏi đó. Đời chúng ta chỉ là đời tạm, cuộc sống của chúng ta rất ngắn ngủi so với thời gian của vũ trụ. Sau khi chết rồi, chúng ta sẽ đi về đâu? Thân xác sẽ ra tro bụi và tiền tài danh vọng chỉ là hư không mà thôi, dù có tham lam vơ vét bao nhiêu, chết rồi cũng không mang theo được!

Những câu chuyện anh em kể cho nhau nghe trong tù, có khi là chuyện thật, là kinh nghiệm sống của mình, có khi là những điều thu nhặt qua sách vở... đã giúp cho Thạch mở rộng thêm kiến thức và còn hiểu thêm được ý nghĩa sâu xa của cuộc đời. Những câu chuyện đó rất thâm thúy, rất tế nhị làm cho Thạch nhớ mãi. Mỗi dịp Tết hay ngày 2 tháng 9, lễ Quốc Khánh của Việt Cộng, anh em đều hy vọng sẽ có một số tù được tha về, không biết ai sẽ là người may mắn có tên trong danh sách đó. Mọi người đều sống trong sự hồi hộp chờ đợi. Thạch đem chuyện đó nói với Khánh nhưng Khánh không quan tâm gì đến chuyện về hay ở:

- Nếu cuộc đời chỉ có vinh quang tiếp nối vinh quang thì sẽ không có ý nghĩa gì, con người có khi vinh, có khi nhục, phải có thăng trầm mới hay.

Rồi Khánh kể cho Thạch nghe một câu chuyện mà anh ta đã đọc được trong sách vở lâu lắm rồi, không nhớ tác giả là ai...

Khoảng thế kỷ thứ 18, ở Pháp có một nhà quý tộc rất danh tiếng được mệnh danh là bá tước của thành Paris. Ông ta là một người giàu có, trí thức, tài hoa và rất khôi ngô, tuấn tú. Từ văn chương, nghệ thuật, âm nhạc, triết học, lịch sử, chính trị, luật pháp, xã hội, các kiến thức về khoa học v.v... , lãnh vực nào ông cũng am hiểu. Khi thì xuất hiện nơi này, có lúc thì xuất hiện nơi khác, bất cứ ở đâu ông cũng được mọi người hoan hô. Một hôm ông đi vào sòng bài... đặt đâu trúng đó, chủ sòng phải thương lượng xin ông đừng chơi nữa vì cứ cái đà may mắn như thế này thì chẳng bao lâu, sòng bài phải đóng cửa vì không đủ vốn để chung cho khách. Trên lãnh vực tình cảm, tình yêu, ông cũng chưa bao giờ thất bại. Có biết bao người đẹp chạy theo ông, ngay cả các mệnh phụ phu nhân,

nếu muốn, ông cũng có thể chinh phục họ một cách dễ dàng nhưng ông lại cảm thấy cuộc sống của ông chẳng có hứng thú gì cả. Ông thấy chán ghét cuộc đời và không muốn sống nữa. Ông quyết định tự tử. Ông đã chọn ngày giờ và địa điểm để thực hiện ý định của mình. Ông tự hỏi khi ông chết rồi thì gia tài của ông sẽ để lại cho ai? Cho đến giờ phút này, ông vẫn còn độc thân, do đó ông sẽ phân chia gia tài cho các tổ chức từ thiện hay văn hóa xã hội. Ông làm sẵn di chúc để mai kia nếu ông có vĩnh viễn ra đi thì sẽ không chuyện tranh chấp về gia tài của ông.

Đến ngày giờ thực hiện ý định, ông ra lệnh chuẩn bị một chiếc xe rất đẹp, có bốn con ngựa trắng kéo và ba người hầu cận thân tín nhất đi theo. Một người lái xe và hai người cận vệ. Ông chọn một khách sạn thật đẹp tọa lạc trên một mỏm núi, quay mặt ra biển. Ông thuê một phòng lớn với đầy đủ tiện nghi cho ba đệ tử ruột ở còn ông thì lấy một phòng đôi rất sang trọng, ngoài phòng ngủ còn có phòng khách và chỗ làm việc riêng.

Trong khi chờ đợi giờ "G", ông đi xuống phòng tiếp tân của khách sạn ngồi uống rượu một mình. Ông bỗng thấy bàn bên cạnh có một thiếu nữ chừng mười bảy mười tám tuổi, rất đẹp và có vẻ đoan trang, quý phái. Mặc dù chỉ còn vài giờ nữa là ông sẽ vĩnh viễn từ giã thế giới này nhưng vốn là một con người hào hoa phong nhã, thấy người đẹp, không thể bỏ qua được nên ông liền đứng dậy, đến trước mặt cô gái, cúi đầu chào một cách lịch sự:

- Chào cô, tôi là bá tước Paris, rất hân hạnh được biết cô. Nếu cô không ngại, xin phép cô cho tôi được mời cô cùng uống rượu đàm đạo cho vui.

- Kính chào bá tước, vốn đã nghe danh bá tước từ lâu, nay mới được hội kiến, tôi rất hân hạnh... Xin sẵn sàng vâng theo lời ngài dạy...

Bá tước liền đến ngồi cùng bàn với cô gái và gọi tiếp viên mang các thứ bánh và rượu đặc biệt đến... Ông bắt đầu gợi chuyện bằng những lời thăm hỏi sức khỏe thông thường, ngay khi ban nhạc của khách sạn vừa cử lên một bản của John Trauss... , họ lại bàn về âm nhạc. Cô gái cũng am hiểu về cuộc đời, hướng sáng tác, các tác phẩm danh tiếng của nhạc sĩ này.

Từ đó câu chuyện được dẫn dắt qua lãnh vực văn chương nghệ thuật rồi triết học, chính trị, thời sự, tôn giáo, các nhân vật trong giáo hội, các nhân vật trong triều đình... Ông bá tước nói đến đâu, cô gái đều am hiểu và góp chuyện với ông một cách rành rẽ. Ông rất ngạc nhiên vì với tuổi này, cô gái làm sao có một kiến thức rộng như vậy được, nhất là những sinh hoạt trong giới quý tộc, những việc mới xảy ra trong nội bộ của họ, nói đến nhân vật nào, cô gái cũng biết và tuồng như cô cũng đã có lần tiếp xúc với họ rồi. Bá tước thử mời cô gái cùng nhảy một bản tango, cô đồng ý không do dự... Tất cả khách có mặt trong phòng khánh tiết của khách sạn hôm đó đều khâm phục đôi trai tài gái sắc này và họ đã ngừng nhảy, đứng thành vòng tròn chung quanh hai người, vỗ tay hoan hô... Hết bản tango, ban nhạc lại trổi lên điệu valse... , cô gái vẫn tỏ ra rất điêu luyện... và cuối cùng đến bản slow, hai người như say đắm trong tình yêu...

Vừa chấm dứt bản nhạc, bá tước Paris liền tuyên bố:

- Nhân danh bá tước Paris, tôi xin mời tất cả quý khách trong phòng này uống champagne. Tiếp viên đâu, mau mang champagne đến mời quý vị...

Tiếng vỗ tay và tiếng hoan hô vang dậy... Bá tước dẫn thiếu nữ trở lại chỗ ngồi, hai người tiếp tục tâm tình. Bá tước nhìn vào đôi mắt thiếu nữ, cô cũng nhìn bá tước như say đắm... Bá tước tự nói với mình:

- Lại một cô gái nữa say mê bá tước Paris vì danh vọng, vì tiền tài, vì nét hào hoa phong nhã của ông. Không biết cô này là người thứ mấy đã trải qua trong cuộc đời của vị bá tước trẻ này?

Tự nhiên tay ông để lên đùi của thiếu nữ. Cô không chống cự lại, mặc nhiên đồng ý. Sự dễ dãi của thiếu nữ làm cho bá tước xem thường cô.

Quá nửa đêm rồi, khách ra về hết, nhà hàng chuẩn bị đóng cửa. Bá tước đứng lên và dìu thiếu nữ về phòng mình, tuồng như cô say rượu? Nhưng không, cô vẫn nói chuyện tỉnh táo, khôn ngoan, không có dấu hiệu gì là một người không bình thường.

Tối hôm đó, hai người đã nằm chung giường như vợ chồng và bá tước đã khám phá ra rằng nàng là gái đồng trinh.

Tự nhiên bá tước cảm thấy thương nàng nhưng đã quá muộn rồi vì chỉ vài giờ đồng hồ nữa thôi thì ông sẽ không còn trên cuộc đời này nữa. Thật uổng phí một đời của mỹ nhân. Người ta thường nói: "Minh quân lương tể tao phùng dị, tài tử giai nhân tế ngộ nan" (Vua sáng suốt gặp tôi hiền thì dễ mà kẻ có tài gặp được người đẹp quá khó) nhưng đối với bá tước Paris, câu nói đó chẳng có ý nghĩa gì, nhất là trong trường hợp này. Thế rồi ông đã ngủ thiếp đi sau cơn hành lạc...

Vào khoảng ba bốn giờ sáng, tiếng gà gáy làm cho ông tỉnh dậy, đã đến giờ phải thực hiện ý định nhưng ông rất ngạc nhiên vì thiếu nữ không còn bên cạnh ông nữa, nàng đã biến đi đâu mất rồi... Trên bàn viết, có một mảnh giấy và một cánh hoa hồng đè lên trên. Cô để lại mấy chữ "adieu mon aimé" (vĩnh biệt người yêu)!

Bá tước bỗng rất xúc động! Thiếu nữ kia đã dâng hiến cho mình tất cả những gì cao quý nhất của cô mà không đòi hỏi nơi ông một điều gì. Đây không phải vì tiền tài danh vọng hay bất cứ vì một lý do nào khác mà chính là vì tình yêu! Bá tước cảm thấy con tim nhức nhối, một niềm đau khôn tả đã đến với ông. Ông muốn gặp nàng, ông muốn nói với nàng, ông muốn quỳ dưới chân nàng để xin lỗi vì đã hiểu lầm nàng, đã cho rằng nàng cũng tầm thường như những cô gái khác mà ông đã gặp trước đây. Không! Không! Nàng không thể là hạng người như thế được! Nàng rất cao cả! Nàng rất đáng cho ta yêu! Nàng rất đáng cho ta tôn thờ! Ta phải gặp nàng! Ta phải đi tìm nàng!

Bá tước thay đổi ý định, không tự tử nữa và đi tìm nàng nhưng nàng tên gì? Nàng ở đâu? Làm sao biết được!

Ông quá đau khổ và chạy đi gặp người quản lý khách sạn để hỏi thăm tin tức nhưng người quản lý cũng không biết thiếu nữ đó tên gì, ở đâu đến và đã đi về phương nào? Gặp bất cứ ai, bá tước cũng hỏi về thiếu nữ nọ nhưng không ai biết gì về nàng. Bá tước và các đệ tử của ông đi dò hỏi khắp nơi trong thành phố, cuối cùng ông chỉ biết tin có một chiếc xe ngựa chở một cô gái rất đẹp, có vẻ quý phái đã đi về hướng Nam vào sáng sớm ngày hôm đó. Ông liền bước lên xe và ra lệnh:

- Đi về hướng Nam.

Hai người cận vệ mang tất cả đồ đạc bỏ lên xe, rồi một

người ôm súng nhảy lên đằng trước ngồi bên cạnh người lái xe và người kia thì ngồi đàng sau xe để bảo vệ. Bá tước ngồi trong xe, mắt nhìn qua cửa kính theo dõi tình hình. Họ lên đường ngay.

Xe của bá tước đi hết ngày này qua ngày khác, dừng lại ở mỗi trạm bên đường để hỏi thăm tin tức... Không một ai biết, không một ai thấy chiếc xe của thiếu nữ kia đi về hướng nào, không một ai biết thiếu nữ đó là ai?

Bá tước đã đi như vậy không biết bao nhiêu ngày, càng lâu, càng mất hút tin tức, không còn có hy vọng gì tìm ra người đẹp được nữa. Ông không còn tha thiết gì đến ăn uống nghỉ ngơi nữa nhưng ông phải tìm chỗ ăn uống nghỉ ngơi cho các đệ tử để có đủ sức mà tiếp tục cuộc hành trình. Xưa nay, ông muốn điều gì đều được vừa ý nhưng lần này ông hoàn toàn thất bại, không phải người ta yêu ông nhưng chính ông yêu người ta, không phải người ta bị ông bỏ rơi mà chính ông bị người ta bỏ rơi. Bây giờ ông muốn gặp người yêu, muốn nói với nàng rằng ông yêu nàng, ông kính trọng nàng, ông không xem nàng như những cô gái đã đi qua trong đời ông trước đây nhưng bây giờ ông làm sao nói với nàng được, ông làm sao gặp nàng được, ông làm sao gởi thư cho nàng được! Bây giờ ông là một người thất bại, thất bại nhục nhã vì ông muốn mà không được, ông đi tìm mà không gặp. Cái đau khổ chính là ở chỗ không tìm ra lý do để giải thích điều thắc mắc của mình, không tìm ra được người cần phải đối thoại với họ...

Thế rồi bá tước và đoàn tùy tùng đã ra khỏi biên giới nước Pháp và đang đi vào lãnh thổ nước Tây Ban Nha. Một ngày kia, xe của bá tước đi ngang qua một ngôi thánh đường nguy nga đồ sộ. Bá tước bỗng nghe tiếng chuông nhà thờ vào buổi sáng, ông liền cho xe dừng lại, để các đệ tử nằm ngủ trên xe, còn một mình ông đi bộ trên sân thánh đường.

Suốt mấy ngày rồi, ông không được nghỉ ngơi, trí óc căng thẳng, tâm hồn đau khổ tột độ. Có khi ông mệt quá, nằm trên xe thiếp đi một lúc rồi lại tiếp tục đi. Đi đâu? Về hướng nào? Ông không còn biết nữa! Trong tâm tư của ông chỉ có một hình bóng của nàng, ông đi tìm nàng nhưng biết nàng ở đâu mà tìm! Gương mặt tiều tụy, bước đi thất thểu, ông không biết tỏ nỗi lòng của mình với ai, biết hỏi ai đây để tìm gặp được

nàng!

Bỗng ông thấy cửa nhà thờ mở ra và ông lặng lẽ bước vào bên trong. Một bầu không khí vắng lặng trong ánh sáng lờ mờ từ những cửa kính trên cao chiếu xuống. Ông nhìn lên cây thánh giá thật lớn ở ngay giữa, phía trên bàn thờ, hình Chúa Giê-su chịu đóng đinh giang hai tay ra, gục đầu xuống, rất đau khổ nhưng cũng rất hiền lành, vô tội. Xưa nay ông là người kiêu căng, tự phụ, không cần nhờ đến ai, không thèm nương tựa vào một thế lực nào; ông cũng không tin có Thiên Chúa, có Đấng Tạo Hóa. Những hoạt động văn hóa, xã hội hay từ thiện của ông chỉ vì danh vọng, chỉ để được người đời ca tụng chứ không vì lòng bác ái đích thực. Ông hành động vì cá nhân mình chứ không vì làm theo lời Chúa dạy... nhưng bây giờ đây, trong cơn đau khổ tột cùng này, trong sự thất bại ê chề này, trong cơn tuyệt vọng này... ông biết tâm sự với ai? Có ai hiểu nỗi sự nhớ nhung đang dày xéo tâm can ông? Có ai xứng đáng để ông bày tỏ nỗi lòng? Người lái xe ư? Hai anh lính cận vệ ư? Không thể được! Tâm sự này không thể nói cho ai biết được ngoài một mình nàng nhưng biết nàng ở đâu, làm sao gặp được nàng mà nói...

Ẩn mình trong một góc nhà thờ, ông lặng người giờ lâu và bắt đầu cầu nguyện... Chính lúc này, lúc mà sự đau khổ đã lên đến tột độ trong tâm hồn, ông tin có Thiên Chúa. Ông tin Ngài đang ở trước mặt ông và ông chỉ có thể nói với Ngài... Vâng ông chỉ có thể nói với CHÍNH MỘT MÌNH NGÀI mà thôi. Vì ngoài Thiên Chúa ra, không ai có thể an ủi ông, không ai có thể giúp đỡ ông và ban cho ông niềm hy vọng trong cơn tuyệt vọng cả. Ông tin có Thiên Chúa và chỉ có Ngài có thể giúp ông. Ngài là ĐẤNG AN BÀI MỌI SỰ, Đấng phối hợp nhân duyên, là CON TẠO se tơ... Nếu Ngài muốn thì Ngài có thể cho ông gặp lại nàng... Ông nghe tiếng nói phát ra tự đáy lòng:

- Lạy Chúa là Cha rất nhân từ, con tin có Chúa, con tin Chúa đang hiện diện trước mặt con đây. Con là một kẻ hèn hạ, tội lỗi, ngu dốt, bất tài bất lực mà dám kiêu căng tự phụ, dám cho rằng không có điều gì mình muốn mà không thực hiện được nhưng ngày hôm nay, điều con muốn đã không thể thực hiện được: con yêu nàng, con nhớ nàng, con muốn gặp nàng,

con muốn nói với nàng điều thật tự trong lòng con phát ra là CON YÊU NÀNG, con muốn được thấy mặt nàng, con muốn cưới nàng làm vợ và trung thành với nàng cho đến chết. Con sẽ không mơ tưởng đến một người đàn bà nào khác trên thế gian này ngoài nàng... Con quá đau khổ... Xin Chúa là Cha rất nhân từ... , là Đấng hay an ủi... Xin Người hãy cho con được gặp nàng... Con nguyện sẽ tôn thờ Ngài, trung thành với giáo lý của Ngài...

Chính trong thất bại, trong tuyệt vọng, trong đau khổ, bá tước Paris mới muốn sống, mới có hy vọng, mới cảm thấy ý nghĩa của cuộc đời, mới tin có Thượng Đế, có Thiên Chúa, có Đấng Tạo Hóa, có Ông Trời và muốn sống vì cuộc đời có ý nghĩa chứ không buồn chán vô nghĩa như ông đã cảm thấy trước đây...

Kể đến đó, Khánh ngừng lại, mọi người im lặng, suy nghĩ... Riêng Thạch cảm thấy có một niềm tin, có một niềm hy vọng và trong linh hồn chàng bắt được một làn sóng, một tiếng nói từ vô thức, từ xa xăm chuyển đến... Thạch hỏi Khánh:

- Câu chuyện đến đây rồi chấm dứt hay sao? Về sau hai người có gặp nhau không? Hai người có lấy nhau được không?

- Tất nhiên là có và câu chuyện còn diễn tiến dài dòng và ly kỳ nhiều hơn nữa kia... nhưng vấn đề chính yếu là ở chỗ này: bá tước Paris đã bỏ ý định tự tử vì đã tìm được ý nghĩa cuộc đời trong sự đau khổ, trong sự thất bại và nhất là đã tìm gặp được Thiên Chúa, đã tin có Thiên Chúa và đã nói với Thiên Chúa tất cả tâm sự của mình. Chỉ có Thiên Chúa mới hiểu được những gì sâu kín nhất trong lòng của con người và chỉ có Thiên Chúa mới giải quyết được những ước muốn chân thành nhất của con người. Bá tước Paris có yêu thiếu nữ kia hay không, ông ta có thành thật hay không, điều đó chỉ có Thiên Chúa mới biết vì chỉ có Thiên Chúa mới thấy được những gì sâu xa, kín đáo nhất trong lương tâm của ông.

Đêm đó, Thạch không ngủ được và cứ nhớ đến Nhật Lệ, trong giấc mơ chàng thấy được gặp lai Nhật Lệ ngày xưa... Chàng nói với nàng:

- Nếu anh có điều gì không phải với em, hãy tha thứ cho anh. Phần anh, anh không còn trách em tại sao giận anh, tại sao ghét anh, tại sao bỏ anh mà đi... Từ nay, anh muốn được

sống gần em mãi...

Tiếng kẻng tù lúc 5 giờ sáng làm Thạch tỉnh giấc, trở về lại với thực tế ở trong nhà giam. Anh còn nằm nán lại mấy phút muốn giữ hình ảnh của Nhật Lệ ở trong tâm tư của mình. Thạch cứ nhớ mãi câu chuyện của Khánh kể trong tù và chàng so sánh trường hợp của mình với Lệ... Thạch cũng đi tìm Lệ, cũng nhớ thương Lệ suốt cả cuộc đời... và bây giờ không biết Lệ ở đâu, cuộc sống ra sao? Thạch cầu mong cho Lệ được giàu có, được hạnh phúc bên chồng, bên con... Thạch hoàn toàn không ganh tức gì với Lệ khi nghĩ đến thân phận của mình trong hiện tại.

Thạch quá đau buồn vì nhớ thương Lệ, nhớ cha mẹ, vợ con và nhất là cảnh nước mất nhà tan, bản thân bị tù tội, bị áp bức, thiếu ăn thiếu mặc, thiếu thuốc men, phải lao động vất vả nên càng ngày càng suy nhược và đã ngã bệnh nặng phải đưa đi bệnh viện cấp cứu... Khánh đã khuyên Thạch giữ vững tinh thần đừng để bị khủng hoảng rối loạn và trông cậy vào Thiên Chúa, cầu nguyện với Đức Mẹ... Thạch cũng xin Khánh và anh em cầu nguyện cho chàng. Sau mấy hôm nằm bệnh viện, Thạch được về trại cũ và được chuyển qua làm việc lặt vặt ở nhà như chia cơm nước, quét nhà, rửa cầu tiêu... Trong tù gọi cái "chức vụ" đó là "anh trực sinh"... Thạch đã nhờ Khánh hướng dẫn về giáo lý để chuẩn bị theo đạo Thiên Chúa và anh đã chịu phép rửa tội, trở lại đạo khi còn ở trong tù.

Thạch trở về với gia đình sau mười năm bị giam giữ trong trại tù ở Miền Bắc. Một hôm, có người bà con bên vợ báo cho Thạch biết vợ con Thạch ở bên Mỹ mới về thăm, đứa con trai của Thạch sinh năm 1975 nay đã mười mấy tuổi rồi, trông rất giống Thạch. Vợ Thạch đã có chồng, một người Mỹ giàu có, hai vợ chồng đều đi làm và họ có với nhau một đứa con gái rất xinh. Vợ Thạch đem con về thăm ngoại, không có chồng đi theo. Thạch nhờ người đó thu xếp cho Thạch được gặp mặt đứa con trai của chàng... và nếu được cũng xin đến thăm người vợ cũ. Thạch nói rõ, chàng không xin giúp đỡ gì về vật chất, chàng chỉ mong được thấy mặt con mà thôi.

Trong tiệc cưới của người em vợ, Thạch được Phong bố trí cho gặp con trai của anh. Thạch phải sử dụng Anh ngữ để nói chuyện với con vì nó không biết tiếng Việt. Sau khi nghe

Thạch trình bày, đứa con trả lời rằng nó không tin có chuyện đó. Nó chỉ biết cha của nó là Mr. John, người đã nuôi nó từ khi mới sinh cho đến bây giờ... Vợ Thạch tránh mặt không ra chào vì không biết phải nói làm sao... Thạch trở về nhà viết cho vợ mấy chữ đại ý vì hoàn cảnh phải xa nhau, anh rất vui khi được biết vợ còn sống và đã có chồng, có cuộc sống ổn định, được biết con của anh đã lớn, được học hành. Anh chấp nhận số phận và không muốn làm xáo trộn cuộc sống gia đình của vợ, con... Thạch nhờ Phong, một người bà con bên vợ chuyển tận tay Minh, vợ cũ của Thạch. Minh đọc thư, không nói gì.

Năm 1990, Thạch nhận được thư của Tâm, người bà con của chàng ở Mỹ gởi về cùng với giấy bảo trợ và khuyên Thạch lập hồ sơ xin đi Mỹ theo diện tỵ nạn (HO)... Tâm vượt biên qua Mỹ năm 1980, hiện đã có gia đình, có việc làm tốt, có nhà cửa, tài sản... Tâm cũng đã gởi cho Thạch một số tiền để trả cho dịch vụ Xuất Nhập Cảnh về chi phí làm hồ sơ. Ngoài ra Tâm cũng vận động anh em bạn bè góp nhau nhiều ít gởi về cho Thạch tạm sống qua ngày. Trong một thư mới đây của Tâm gởi về cho Thạch có nhắc đến Nhật Lệ, người yêu của Thạch ngày trước, Nhật Lệ hiện đang ở vùng Virginia, gần thủ đô Hoa Thịnh Đốn... Trong lúc chờ đợi ngày ra đi định cư ở Mỹ, nhờ biết tiếng Anh, Thạch xin dạy Anh văn tại một trung tâm sinh ngữ ở Sài Gòn...

Một hôm, Thạch được văn phòng báo tin có điện thoại ở Mỹ gọi về.

- Anh Thạch đó hả, em là Tâm đây, anh có khỏe không?

- Cám ơn cô, tôi vẫn bình thường.

- Báo tin cho anh biết, hồ sơ của anh đã được chính phủ Hoa Kỳ chấp thuận rồi, ít hôm nữa anh sẽ được gọi phỏng vấn...

- Mừng quá, cám ơn cô rất nhiều...

- À anh Thạch ơi, có người bạn của em muốn nói chuyện với anh đây... Anh đừng rời máy nghe...

- Chào anh, anh có nhớ em không?

Thạch nghe giọng đàn bà, vì ở xa nên không phân biệt được tiếng của ai...

- Em là con nhỏ Nhật Lệ ngày xưa ở Nha Trang đây mà, anh còn nhớ em không?

- Nhớ, nhớ nhiều lắm, lâu quá nhỉ, gần một phần tư thế kỷ rồi đó!

- Anh có khỏe không?

- Cũng bình thường thôi.

- Nghe anh sắp qua Mỹ phải không?

- Đang còn đợi phỏng vấn!

- Anh bây giờ thế nào?

- Già lắm rồi và quá gian nan...

- Thôi, anh sắp thoát nạn rồi...

- Nhật Lệ thế nào? Còn đẹp như xưa không? Có được hạnh phúc không?

Không thấy Lệ trả lời, chỉ nghe tiếng cười khúc khích... Thạch thấy Nhật Lệ bây giờ dạn dĩ, ăn nói tự nhiên chứ không còn e thẹn như ngày xưa nữa. Cũng gần bốn mươi lăm, năm chục tuổi rồi còn gì? Thạch không dám hỏi thêm gì nữa có khi Lệ khó trả lời... , vả lại điện thoại đường xa, sợ tốn tiền nên Thạch chỉ nói thêm:

- Mong có ngày gặp lại sẽ nói chuyện nhiều.

- Vâng chào anh, chúc anh vui vẻ, hẹn ngày gặp lại.

Lệ cúp máy, Thạch cảm thấy bàng hoàng, bao nhiêu kỷ niệm ngày xưa bỗng trở về trong trí nhớ. Chiều hôm đó, chàng vào lớp mà không biết mình đã nói gì, đã dạy những gì cho học sinh. Tối hôm đó, Thạch viết thư cho Tâm hỏi thăm tin tức của Lệ. Tâm chỉ trả lời hiện nay Lệ vẫn bình thường và khuyên Thạch đừng hỏi gì đến chuyện gia đình, chồng con của Lệ... Thạch bây giờ là một người tự do, không có vợ con, trong khi làm giấy tờ xuất cảnh, nhiều người đề nghị làm giấy hôn thú với chàng và chịu mọi chi phí... , nếu chàng đồng ý thì sẽ sống chung với nhau. Nếu không đồng ý thì qua Mỹ, đường ai nấy đi nhưng Thạch không chịu, Thạch vẫn nhớ đến Nhật Lệ, dù Lệ đã có gia đình, đã có chồng có con thì Thạch vẫn ở vậy thôi. Thạch không muốn cưới vợ lần nữa. Dù sao thì chàng cũng đã có một đứa con trai với đời vợ trước, đó là giòng máu của chàng, giòng máu Việt Nam... Hình ảnh của Lệ sống lại trong trái tim của Thạch, chàng muốn giữ mãi hình ảnh đó, không muốn thay thế bằng hình ảnh khác...

*

* *

Tâm thấy Lệ vẫn đứng đó và Thạch còn đang ngập ngừng không biết nên cư xử thế nào... Thạch cũng ngạc nhiên không hiểu vì sao Lệ chỉ nhìn mình mà không nói một lời nào... Tâm bèn đẩy Thạch đến với Lệ... Tâm nói nhỏ bên tai Thạch:

- Đến với Lệ đi, Lệ đang chờ đợi anh đó... Đôi mắt của Lệ...

Thạch thấy trên má Lệ những giọt nước mắt đang từ lăn xuống. Thạch thu hết can đảm, mạnh dạn đến trước mặt Lệ gần hơn nữa... Tuồng như mắt của Lệ không trông thấy gì...

- Chào Nhật Lệ, Thạch đây!

Lệ giang đôi tay ra... Thạch ôm Lệ vào lòng... Lệ bỗng khóc òa, khóc tức tưởi và không nói một lời nào. Đợi một lát cho hai người bớt xúc động, Tâm dẫn Thạch và Lệ ra xe... Tâm lái xe, để cho hai người ngồi ở băng sau. Thạch nói nhỏ vào tai Lệ:

- Anh nhớ Lệ nhiều lắm...

- Lệ nhớ anh lắm, Lệ thương anh lắm... Đời Lệ khổ lắm... Thôi đừng nhắc đến nữa...

- Từ nay anh sẽ được gần Lệ, anh sung sướng quá...

Vì máy bay đến vào giữa khuya, vùng này lại không có bạn bè, những người trong gia đình Tâm phải nghỉ ngơi để sáng đi làm sớm nên chỉ có Tâm và Lệ đi đón Thạch. Xe về đến nhà, Tâm kéo Thạch đi chậm lại và nói vào tai chàng thật nhỏ, chỉ đủ cho chàng nghe mà thôi:

- Mắt của Lệ ...

Lúc đó Thạch mới hiểu ra... Hai mắt của Lệ bị lòa, không trông thấy rõ nên khi ở phi trường, Lệ chỉ đứng một chỗ mà không đến bắt tay Thạch. Thạch nhớ lại những lời Lệ vừa nói khi gặp nhau:

- ... Thôi đừng nhắc đến nữa...

Có lẽ Nhật Lệ muốn Thạch đừng nhắc đến quá khứ của nàng... Vâng, từ nay mình sẽ không bao giờ hỏi thăm Lệ về chuyện quá khứ của nàng nữa.

Trong phòng khách đèn sáng trưng, Thạch nhìn kỹ đôi mắt của Lệ, không có dấu hiệu gì là một người mù lòa, vẫn đôi mắt bình thường như ngày xưa... nhưng bây giờ Lệ chỉ nhìn được 25 phần trăm mà thôi. Đôi mắt là cửa ngõ của tâm hồn, đôi mắt của Lệ không còn nhìn rõ Thạch như ngày xưa. Thạch

bây giờ già đi rất nhiều, không còn đẹp trai như xưa nhưng với Lệ, nàng nhìn thấy hình dáng của Thạch lờ mờ, không rõ ràng lắm và nàng cứ tưởng tượng ra một anh chàng Thạch si tình ngày xưa, anh chàng thật tội nghiệp, chỉ vì một sự hiểu lầm, chỉ vì tự ái của tuổi trẻ mà Lệ đã đành đoạn bỏ Thạch ra đi... Không biết lỗi tại ai, chắc chắn là lỗi tại Lệ... Lệ bây giờ không còn đẹp như xưa, đôi mắt của Lệ không còn quyến rũ, lãng mạn như xưa. Thạch mê Lệ cũng vì đôi mắt đó. Bây giờ Thạch nhìn rõ Lệ nhưng Lệ không còn trông rõ Thạch được nữa, Lệ không biết Thạch bây giờ ra sao nhưng hình ảnh của Thạch ngày xưa, Lệ vẫn còn nhớ, Lệ không bao giờ quên hình ảnh đó. Cũng như Thạch, Thạch cũng không bao giờ quên Lệ, càng xa cách, càng nhớ thương; trong cơn đau khổ, cô đơn, mất tự do, Thạch càng nhớ đến Lệ. Thạch đã ôm Lệ vào lòng, một Nhật Lệ bằng xương bằng thịt chứ không phải một Nhật Lệ trong trí tưởng tượng. Cả một cuộc đời của Thạch chỉ ước mơ có được giây phút này. Còn với Lệ, Lệ sống trong cảnh thực mà như đang sống trong mộng, Lệ không nhìn rõ Thạch một trăm phần trăm, Lệ phải tưởng tượng ra Thạch ngày xưa...

Cả hai người cũng đang bước vào tuổi gần năm mươi hoặc ngoài năm mươi, quá tuổi trung niên rồi, họ sống với nhau bằng những kỷ niệm, bằng tình yêu cao cả không phải vì để thỏa mãn xác thịt. Chính lúc này, người ta cần đến tình yêu chân thật, cần sự an ủi, chia sẻ tâm tình, để sưởi ấm lòng trong cảnh cô đơn, trống vắng, trong cuộc sống ít bạn bè, ít giao thiệp với bên ngoài.

Thạch dìu Lệ đến ngồi trên sofa và để cho Lệ gục đầu vào lòng mình. Họ ngồi đó cho đến khi trời sáng...

1 tháng 5 năm 1998

Nguyễn Lý Tưởng

HOA SƠN TRÀ NỞ MUỘN

Huy mang ba lô hướng đạo bước lên tàu, cố tìm một chỗ ngồi ở toa hạng ba, nơi dành cho những người buôn bán và sinh viên học sinh mua vé đặc biệt được giảm bớt năm chục phần trăm. Chàng bỗng thấy một chỗ trống bên cạnh cô gái khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, tay cầm quyển sách đang ngồi đọc. Huy đến trước mặt cô, dáng rụt rè:

- Thưa cô, tôi có thể gởi ba lô bên cạnh chỗ cô ngồi đây được không ?

Cô gái xếp sách lại, đứng lên đáp lễ:

- Xin anh cứ tự nhiên.

- Cám ơn cô.

- Dạ không có chi.

Huy để ba lô bên cạnh cô nhưng giữ ý không dám ngồi, rồi chàng đi ra bên ngoài, đứng ở đầu toa xe lửa nhìn phong cảnh. Từ chỗ cô gái nhìn ra có thể thấy được Huy và thỉnh thoảng chàng cũng nhìn lại cô... Huy nhận thấy khuôn mặt của nàng có dáng dấp như Michèle Mercier, nữ tài tử Pháp trong phim Angélique rất nổi tiếng vào thập niên 1960-1970. Nàng mặc áo tím màu hoa cà, tóc thề ngang vai, vầng trán thông minh và đôi mắt rất sáng với hai chân mày cong vòng nguyệt, miệng cười rất có duyên, đôi má hơi lúm đồng tiền... Giọng nói của nàng rất trong và rất nhỏ, chỉ đủ cho người đứng gần nghe được mà thôi. Nàng vẫn ngồi đọc sách, dáng nghiêm nghị và cũng không hề bắt chuyện với người chung quanh.

Tàu từ Nha Trang vào Sài Gòn chạy suốt một ngày mới

đến nơi, không lẽ Huy cứ đứng mãi như thế. Tàu dừng lại ở các ga dọc đường, bọn trẻ con bán quà bánh, thức ăn và hành khách lên xuống. Huy thấy đói bụng, muốn mua thứ gì để ăn... Cô gái vẫn chăm chú vào quyển sách trên tay có vẻ say sưa mà không chịu ngừng để ăn uống gì cả. Mặc dù cảm thấy mỏi chân nhưng Huy cũng không dám đến ngồi bên cạnh cô gái. Bỗng có bàn tay của ai quen vỗ vào vai Huy:

- Chào bạn. Bạn về đâu?

Huy nhận ra Thông, bạn học cùng lớp ngày xưa đã lâu năm không gặp:

- Chào Thông. Lâu quá không gặp nhau. Bây giờ bạn làm gì? Đang học gì? Ở đâu?

- Mình đã xong Tú Tài Hai rồi, đang chuẩn bị vào trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt.

- Sao cậu lại đi trên tàu này?

- Mình đưa cô em vào Sài Gòn trước, sẽ lên Đà Lạt sau.

- Thế à?

Huy đứng nói chuyện với Thông một hồi lâu nhưng không thấy cô em của Thông đâu cả. Thông cũng không giới thiệu em mình với Huy. Tàu đi qua thêm một hai ga nữa, Huy đề nghị với Thông:

- Chúng mình mua cơm hay bánh trái gì ăn nhé. Từ sáng đến giờ cũng không buồn ăn, mình thấy đói bụng rồi đó.

- Cậu nhắc mình mới nhớ. Có cô em mình ở đây, chắc nàng cũng đói bụng rồi. Con gái hay mắc cỡ, không dám ăn quà bánh trên tàu. À mà mình chưa giới thiệu em gái út của mình với Huy. Mình chỉ có một cô em này thôi đó, trong nhà toàn là anh em trai...

Nói xong, Thông dẫn Huy đến trước mặt cô gái:

- Hoàng ơi, đây là Huy, bạn cùng lớp với anh. Huy vừa thi đỗ Tú Tài Hai, vào Sài Gòn học...

Huy như trên trời rớt xuống. Cô gái mà chàng để ý từ khi bước lên tàu chính là em gái của Thông.

- Chào cô. Tôi là Huy.

- Dạ, chào anh Huy.

Cô gái hơi e lệ, cất tiếng nhỏ nhẹ đáp lại.Bây giờ Huy mới biết, chỗ trống bên cạnh cô gái xinh đẹp đó chính là chỗ của Thông. Chàng mỉm cười nhìn Hoàng và cảm thấy như đã

từng quen nhau từ kiếp trước rồi.

Huy và Thông liền đi tìm mua thức ăn mang đến cho Hoàng. Hai người lại ra đứng bên ngoài tiếp tục câu chuyện.

Hoàng cầm mấy cái bánh bao trên tay nhưng không chịu ăn mà vẫn tiếp tục đọc sách như trước. Thấy vậy, Huy liền giục Thông:

- Bạn đi vào với cô em đi, kẻo cô đói bụng mà e thẹn không dám ăn một mình.

Thông hiểu ý, vào ngồi bên cạnh Hoàng, hai anh em cùng ăn. Trong khi đó Huy bỏ ra ngoài. Lát sau, Thông đến:

- Mình đứng đây, Huy vào ngồi một lát cho đỡ mỏi chân. Cô em mình ít nói và hay ngại ngùng. Hai người cứ nói chuyện làm quen với nhau đi.

Thông cầm tay dẫn Huy đến bên Hoàng:

- Anh nhường chỗ cho Huy ngồi kẻo đứng lâu mỏi chân. Em nói chuyện với Huy cho vui. Mai mốt anh đi Đà Lạt, Huy học ở Sài Gòn, em có cần gì, Huy sẽ thay anh hướng dẫn cho em. Anh xem Huy cũng như anh của em đó. Hoàng đừng ngại.

Nói xong, Thông đẩy Huy ngồi xuống bên cạnh Hoàng rồi bỏ đi ra ngoài.

Hoàng dạ một tiếng rất nhỏ và hai má bỗng đỏ bừng lên. Huy rất muốn làm quen với nàng và đây là cơ hội ngàn vàng, không lẽ mình là con trai mà sợ con gái sao? Nghĩ như vậy nên Huy ngang nhiên ngồi xuống bên cạnh Hoàng:

- Xin lỗi Hoàng nhé. Cho anh ngồi đây nói chuyện cho vui, đứng lâu mỏi chân.

- Dạ. Mời anh ngồi.

Hai người im lặng một lúc mà chưa ai dám lên tiếng. Tất nhiên, Huy phải là người mở lời trước:

- Nghe anh Thông nói Hoàng là con út trong nhà và là con gái cưng nữa. Tại sao không học ở Nha Trang mà vào Sài Gòn chi cho xa?

- Mẹ cho em vào học nội trú trong trường Regina Pacis của các Sơ. Ở nhà toàn là anh em trai, mẹ bận nhiều việc. Ở Nha Trang không có trường nội trú cho con gái. Em lỡ học chương trình Pháp từ nhỏ nên phải vào Sài Gòn mới có lớp để tiếp tục...

- Em đi học xa, lấy ai giúp mẹ ở nhà?

- Các anh giỏi lắm, việc gì cũng làm được hết, kể cả nấu nướng.

- Em là út chắc được cả nhà cưng lắm phải không?

- Nhà toàn là con trai nên em cũng hay bị các anh ăn hiếp dữ lắm.

- Chỉ một mình em là con gái, không có chị sao?

- Dạ, đúng.

- Thế ba má có cưng em nhiều không?

- Em chỉ còn má, ba em mất rồi!

- Ba mất hồi nào?

- Ba là sĩ quan, đã hy sinh... cách đây hai năm...

Huy thấy đôi mắt của Hoàng long lanh ngấn lệ, chàng liền an ủi:

- Xin chia buồn với em và gia đình. Lâu quá không gặp lại anh Thông nên không được biết.

- Cám ơn anh.

- Em có bạn bè để vui đùa với nhau như bọn con nít không?

- Thỉnh thoảng mới có bạn học đến chơi nhưng bạn em đều ở xa.

- Còn bọn lối xóm thì sao?

- Trong xóm em không có bạn gái, mẹ em không cho chơi với mấy đứa kia. Chúng hỗn láo lắm...

- Thế à?

Huy thấy Hoàng nói chuyện rất tự nhiên, nàng vẫn nói rất nhỏ nhẹ, lắng tai mới nghe được. Nàng nói ít, từng câu ngắn gọn nhưng rất chân thành...

- Lúc nhỏ ở nhà em thường thích trò chơi gì?

- Các anh chơi trò gì thì em cùng chơi với các anh. Các anh thường rủ nhau ra sông tắm và tập bơi. Em cũng muốn bơi như các anh nhưng không được. Có lần các anh xúi em đi bắt chuồn chuồn cho cắn rốn để biết bơi... Em cũng làm... và em đã bị chuồn chuồn cắn đau lắm...

Nói xong Hoàng cười rất tự nhiên.

- Thế sau đó em bơi được không?

- Mỗi lần lội xuống nước là chìm luôn, không bơi được như các anh.

- Bây giờ em đã bơi được chưa?

- Em đi học bơi ở hồ tắm và bây giờ thì bơi được rồi. Em có con bạn cùng tuổi với em cho đến nay vẫn chưa biết bơi. Nó cũng cho chuồn chuồn cắn rốn như em đó...

Huy cảm thấy nơi Hoàng một tâm hồn ngây thơ vô tội. Hoàng kể cho Huy nghe những câu chuyện nho nhỏ của tuổi trẻ rất đơn sơ, thật thà, có chi nói nấy, không rào đón, không che đậy. Hoàng lớn lên từ trong một gia đình đạo đức, hiền lành. Nàng có một nhan sắc trời cho quá đẹp với một tâm hồn thánh thiện, trong trắng. Hoàng vào học trường Regina Pacis, ở với các Sơ, chẳng khác nào các tu sinh mới vào nhà tu. Mẹ nàng đã gửi nàng vào đó, mục đích để cho nàng được giáo dục sau này trở thành người lương thiện, tốt lành. Gia đình sợ để nàng sống với bạn bè lối xóm, những đứa con thiếu giáo dục, quen thói hư hỏng sẽ ảnh hưởng không tốt cho nàng nên mặc dù là con gái út, con gái cưng trong nhà, mẹ nàng cũng phải buộc lòng gửi nàng vào ở nội trú trường Sơ.

*

* *

Tàu đến ga lớn Sài Gòn, Thông xuống chợ Bến Thành kêu taxi đưa em về trường Regina Pacis ở đường Tú Xương, Quận Ba. Huy cũng đi theo Thông đến đó và Thông giới thiệu Huy với nhà trường để sau này Huy đến thăm Hoàng và có thể xin phép cho Hoàng đi ra ngoài chơi vào sáng Chúa Nhật.

Huy vào học trường Quốc Gia Hành Chánh. Năm Huy tốt nghiệp và nhận được nghị định bổ nhiệm đi làm Phó Quận ở một tỉnh miền Trung thì Hoàng cũng vừa thi đỗ Tú Tài Hai và thi vào học Đại Học Sư Phạm ban Pháp Văn. Hoàng xin dạy tại trường các Sơ và được cấp một phòng nhỏ, ăn ở trong trường luôn.

Huy đi làm xa, ít khi về Sài Gòn nên hai người không gặp nhau hằng tuần như trước nữa. Hơn ba năm quen biết với Hoàng, Huy vẫn đóng vai một người anh họ, thường lui tới, giúp đỡ, hướng dẫn Hoàng. Hai cái tên Huy và Hoàng đi đôi với nhau nên các Sơ và bạn bè của Hoàng cứ tưởng rằng Huy là anh của Hoàng thật. Lâu lâu, Huy có dịp về Sài Gòn công tác hay nghỉ phép, chàng vẫn đến thăm và mời Hoàng đi ăn cơm, nói chuyện trong tình anh em như ngày nào. Hoàng vẫn chờ đợi nhưng tuyệt nhiên không thấy Huy nói gì với nàng về

chuyện tình cảm trai gái.

Mới vào Đại Học, Hoàng đã được Hải, một sinh viên năm thứ hai ban Anh Văn ngỏ ý với nàng nhưng Hoàng nghĩ rằng mình còn đang theo đòi học vấn, đợi sau khi tốt nghiệp, đi làm đã rồi sẽ hay, do đó Hoàng không thể trả lời dứt khoát với Hải được. Hoàng vẫn chờ đợi Huy ...

Hoàng có người bạn tên là Hoa dạy cùng trường. Trước ngày 30-4-1975, cô ấy cho Hoàng biết cha của cô là Luật Sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ Tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, đối lập với chính quyền Sài Gòn. Chiến tranh sắp kết thúc và phe Cộng Sản sẽ chiếm trọn miền Nam, cha của cô sẽ trở về Sài Gòn. Trong lúc đó, Hoàng nghe tin mất Ban Mê Thuột, rồi mất luôn các tỉnh Kontum, Pleiku... Quân đội Việt Nam Cộng Hòa rút lui dần dần. Các tỉnh vùng I, vùng II từ Quảng Trị vào đến Phan Rang, Đà Lạt, Lâm Đồng, Long Khánh cũng mất dần vào tay Việt Cộng. Bỗng một hôm, Hoa nói với Hoàng:

- Mình đang tìm đường thoát thân. Phải làm giấy kết hôn với một người ngoại quốc mới đi ra khỏi nước được.

- Nếu Việt Cộng chiếm được Sài Gòn thì ba của bạn sẽ trở về trong chiến thắng vinh quang. Tại sao bạn không ở đây để gặp ba?

- Ba theo Cộng Sản chứ mình không thích Cộng Sản. Cộng Sản vào đây thì dân khổ lắm. Mình đã quyết định rồi. Ngày mai mình sẽ về Cần Thơ từ giã bà ngoại và sẽ đi gặp Luật Sư Nguyễn Lâm Sanh, bà con và cũng là người đỡ đầu cho mình để xin bác ấy giúp cho một số tiền hay vàng...

Hoàng không thể nào hiểu được tại sao con gái của Luật Sư Nguyễn Hữu Thọ lại không muốn ở lại để được đón ba mình trở về trong vinh quang. Con của ông Chủ Tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam mà không sống được với Cộng Sản thì mình là con một sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa làm sao mà sống với họ được ?

Hải lại đến rủ nàng tìm đường vượt biên nhưng Hoàng còn đợi tin tức mẹ và các anh đang kẹt lại ở Nha Trang và nhất là Thông, anh của nàng đã bị mất tích tại Ban Mê Thuột hồi tháng 3-1975 chưa biết sống chết ra sao. Thông là Đại Úy ngành An Ninh Quân Đội tại Sư Đoàn 23... Ngoài ra, Huy, người mà Hoàng đã thầm yêu trộm nhớ từ lâu cũng đang bị

kẹt lại ở miền Trung... , chính vì thế mà Hoàng từ chối lời đề nghị của Hải.

*

* *

Sau ngày 30-4-1975, Huy và Thông cùng gặp nhau trong trại tù cải tạo miền Bắc. Thông cho biết chàng bị bắt tại Ban Mê Thuột và bị đưa ra Bắc ngay khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chưa tuyên bố từ chức và Đại Tướng Dương Văn Minh chưa tuyên bố đầu hàng. Mẹ và các em Thông ở Nha Trang bị đẩy đi vùng Kinh Tế Mới, Hoàng vẫn dạy tại trường Regina Pacis và cố bám lấy Sài Gòn để chờ đợi dịp may tìm đường vượt biên. Mãi cho đến năm 1978, Thông mới liên lạc được với mẹ và các em, được biết Hoàng đã vượt biên đến đảo Bidong... Thông tỏ ra rất phấn khởi và đầy tràn hy vọng khi được tin Hoàng đã thoát khỏi chế độ Cộng Sản. Mẹ và các em sẽ được Hoàng giúp đỡ một khi Hoàng vào được đất Mỹ.

Năm 1982, Huy được chuyển vào trại Hàm Tân và hai năm sau, được ra khỏi tù. Năm 1985, Huy gặp Thông ở Sài Gòn và được biết Hoàng đã qua Mỹ, đã có chồng. Tự nhiên Huy bỗng cảm thấy chạnh lòng khi nghĩ đến Hoàng. Từ ngày Thông gửi gắm em gái mình cho Huy, Huy luôn luôn tự nhủ lòng phải khuyến khích Hoàng cố gắng học hành để vươn lên, còn việc nhân duyên giữa hai người, chưa có gì phải vội. Huy cũng cần phải học xong chương trình tại Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, tốt nghiệp, đi làm có tiền, ổn định đời sống đã rồi sẽ tính... Năm 1975, Hoàng mới hai mươi tuổi, đang học năm thứ Nhất Đại Học Sư Phạm, còn quá trẻ...

Những ngày còn đi học ở Sài Gòn, Huy luôn đóng trọn vai trò một người anh trước mặt Hoàng và cố che giấu những tình cảm đang phát triển trong con tim chàng. Huy nhớ mãi câu nói: "Yêu không phải là hai người nhìn nhau mà cùng nhau nhìn về một hướng". Chàng thường tự nhủ:

- Mình phải thành công và phải giúp Hoàng thành công.

Không ngờ tình hình biến chuyển quá mau lẹ khiến cho sự nghiệp dở dang, Huy phải mang thân vào vòng tù tội. Ra khỏi nhà tù, Huy vẫn còn tình trạng độc thân cho đến ngày được định cư ở Mỹ theo diện tỵ nạn chính trị. Khi còn ở Sài Gòn, Huy đã được bạn bè giới thiệu với nhiều cô gái, con nhà

tử tế, có học, có người nhỏ thua Huy mười lăm hai mươi tuổi... nhưng Huy vẫn không thấy tha thiết gì đến chuyện vợ con. Qua tới đất Mỹ, chàng cũng gặp đủ hạng người nhưng cho đến bây giờ chàng vẫn sống độc thân... Hình ảnh của Hoàng vẫn còn đeo đẳng mãi bên chàng, chàng mất liên lạc với Thông và cũng không biết Hoàng hiện nay ra sao ?

Thế rồi một hôm, Huy nhận được điện thoại của Thông từ xa gọi đến, cho biết Thông đã qua Mỹ, đã gặp lại em gái và được biết một số tin tức về Hoàng như sau:

Trước ngày 30-4-75, Hải, chàng sinh viên Sư Phạm Anh Văn, người đã từng rủ Hoàng vượt biên, may mắn đến được đất Mỹ và sau đó đã gửi thư về cho Hoàng, khuyên Hoàng nên tìm cách vượt biên qua Mỹ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc...

Sau 1975, các thành phần sĩ quan, công chức Việt Nam Cộng Hòa phải đi học tập cải tạo, nhà cửa tài sản bị tịch thu, vợ con bị bắt đi vùng kinh tế mới, thất học, thất nghiệp, nhà nào cũng đói, không có cơm ăn, áo mặc, đau ốm không có thuốc men... Tất cả mọi quyền lợi đều dành cho người của đảng Cộng Sản, người của chính quyền. Hoàng vẫn tiếp tục học Đại Học Sư Phạm và đang tìm một đường dây để vượt biên. Chỉ có cách đó mới có thể cứu được bản thân và gia đình mà thôi.

Khi qua tới đảo Bidong, Hoàng có viết thư liên lạc với Hải nhưng Hải đã thay dạ đổi lòng! Hải nghĩ rằng nếu làm giấy tờ bảo lãnh cho Hoàng qua thì nàng sẽ là một gánh nặng cho chàng và chàng không thể vươn lên được trong xã hội Mỹ. Nhờ có vốn liếng Anh ngữ trước khi qua Mỹ nên Hải đã thành công như chàng hằng mơ ước. Trong thời gian đó, Hải đã gặp một cô sinh viên Việt Nam, con nhà giàu, đi du học trước 1975 nên đã bỏ Hoàng để đi theo người đó.

Bị kẹt lại ở trại tỵ nạn khá lâu, Hoàng nôn nóng muốn được định cư ở bất cứ một quốc gia nào khác để có thể đi làm giúp mẹ và anh em ở Việt Nam. Hoàng đã tình nguyện làm việc cho trại, dạy học, hướng dẫn "thuyền nhân vượt biên" làm giấy tờ, tổ chức đời sống cho họ... Hoàng đã gặp Peterson, một người Mỹ làm việc cho cơ quan Hồng Thập Tự Quốc Tế và đã đồng ý làm vợ ông ta để được định cư tại Hoa Kỳ. Sau

khi hết hạn phục vụ tại trại tỵ nạn, Peterson đã đưa nàng về Mỹ.

Hoàng vừa đi học vừa đi làm để có tiền gửi về Việt Nam cho gia đình. Nàng cố gắng vươn lên và càng ngày càng độc lập về kinh tế, không muốn quá lệ thuộc vào chồng. Ở Việt Nam, nàng học ban sinh ngữ, biết cả tiếng Anh, tiếng Pháp. Ở trại tỵ nạn, nàng học thêm tiếng Anh và giao thiệp với người Mỹ nhiều, lấy chồng Mỹ nên khi qua Mỹ, nàng ghi tên học Đại Học và đã thành công, tốt nghiệp Đại Học...

Nhờ biết ba thứ tiếng: Anh, Pháp, Việt nên Hoàng đã xin việc làm rất dễ. Lấy chồng được một năm thì nàng có một đứa con trai. Sau đó, nàng quyết định không sinh đẻ nữa. Con trai nàng hiện đang học Đại Học.

Làm vợ Peterson nhưng Hoàng vẫn không thể nào quên hình ảnh của Huy được. Peterson hoàn toàn không biết gì về quá khứ của nàng. Hoàng vẫn chứng tỏ cho chồng biết nàng là một người có học, được hấp thụ một nền giáo dục trong trường Sơ và nhất là từ khi nàng tốt nghiệp Đại Học Mỹ thì ông ta không thể xem thường nàng được. Hoàng cũng không tìm được hạnh phúc trong đời sống vợ chồng. Ông ta cũng không muốn cho nàng có nhiều liên hệ với người Việt Nam. Dần dần giữa Hoàng và Peterson đã có nhiều bất đồng không thể sống hòa hợp với nhau được. Có những chuyện xảy ra làm cho Hoàng rất buồn đến nỗi nàng không thể chịu đựng được nữa và cuối cùng đành phải bỏ ông ta để sống tự do một mình. Về phương diện pháp lý, Hoàng đã xin ly dị chồng. Nàng đã nhận nuôi con mà không cần nhờ cậy gì đến chồng. Hơn mười năm nay, nàng không hề liên lạc với Peterson. Con trai nàng hiện đang học Y Khoa và ở chung với bạn cùng lớp. Hoàng vẫn luôn khuyến khích con biết sống tự lập, đừng ỷ lại vào kẻ khác.

Nghe tin Hoàng lấy chồng Mỹ, mẹ và các anh rất buồn. Vì thế mà nàng chỉ gửi tiền giúp gia đình nhưng không muốn về thăm. Chuyện của Hoàng và Hải, trong nhà biết, vì Hải đã liên lạc với Hoàng khi nàng còn ở Việt Nam. Gia đình cũng đặt hy vọng vào Hải nhưng khi nghe tin Hoàng lấy Peterson thì gia đình rất ngạc nhiên, không hiểu tại sao và nàng cũng không giải thích làm gì. Thỉnh thoảng Hoàng vẫn gọi điện thoại nói

chuyện với gia đình mà không viết thư. Khi cần gửi tiền bạc, quà cáp thì nàng chỉ viết mấy chữ văn tắt, cần thiết mà thôi.

Sau khi tốt nghiệp Đại Học, Hoàng xin được việc làm lương cao và hợp tác với bạn bè kinh doanh khá thành công. Có lúc nàng đã có một tài sản, vốn liếng lên đến bạc triệu nhưng rồi gặp những rủi ro, lừa dối, phản bội nên cuối cùng cũng chẳng còn chi.

*

* *

Năm 1975, sau khi bị bắt, Việt Cộng đã giam Huy trong một căn nhà lầu ở thành phố Pleiku. Huy quá buồn và quá thất vọng, vừa nghĩ đến cảnh nước mất nhà tan, thù cha chưa trả, vừa nghĩ đến người yêu, không biết hiện nay Hoàng phiêu bạt nơi nào, sống chết ra sao và biết đâu nay mai chúng sẽ tuyên án rồi đem Huy ra xử tử hoặc phải cảnh tù tội, đọa đày không có ngày về thì còn nhục nhã đến chừng nào... Thà tự tử ngay bây giờ cho xong. Chỉ cần một cơ hội nào đó, không ai để ý, Huy sẽ nhảy từ trên lầu cao xuống, kết liễu cuộc đời... Việc đó quá dễ!

Thế rồi nhiều lần Huy đã dứt khoát phải hành động... nhưng một hôm, chàng thấy bên kia đường có một người cụt cả hai tay đang nhảy nhót ca hát, bên cạnh đó là một người đang đánh đàn guitar rất hăng say. Huy nghĩ rằng cái anh cụt cả hai tay kia mà còn biết vui sống như thế, tại sao mình không nuôi chút hy vọng có ngày được gặp lại mẹ, gặp lại anh em, gặp lại Hoàng? Biết đâu có ngày thời cuộc đổi thay, Cộng Sản sẽ sụp đổ và mình còn có cơ hội phục vụ đất nước? Từ đó Huy thay đổi cách suy nghĩ, thay vì nghĩ đến những chuyện buồn chán, thất vọng thì chàng nghĩ đến những hình ảnh đẹp, những kỷ niệm ngày xưa với Hoàng, những ước vọng tương lai khi mình gặp lại... Bao nhiêu năm sống trong nhà tù Cộng Sản, chàng luôn đưa ra những tin tức, những lý luận phấn khởi, đầy hy vọng để nâng đỡ tinh thần anh em.

Một hôm, Huy đem câu chuyện anh chàng cụt cả hai tay mà mỗi ngày vẫn hăng hái nhảy múa, ca hát trước khách sạn ở Pleiku kể lại với một người bạn tù mục đích khuyên anh ta phải cố gắng vượt qua mọi thử thách, đừng chán nản thất vọng và hãy cố vui sống, hãy noi gương cái anh cụt cả hai tay

kia... thì anh bạn liền nói:

- Cái thằng đó có biết nhảy múa ca hát gì đâu. Có lần tôi hỏi nó: Tai sao đã cụt mất cả hai tay mà còn hăng hái nhảy múa như vậy?

Hắn liền trả lời:

- Tôi có biết ca hát nhảy múa gì đâu. Tôi bị phong ngứa mà không có tay để gãi nên phải sử dụng đôi chân đó thôi.

Huy đã không nhịn được cười và câu chuyện đó cũng đã được Huy kể cho anh em trong tù nghe để "cười cho vui" sau những lúc quá căng thẳng vì lao động mệt nhọc hoặc bị bắt phải khai báo về quá trình hoạt động "chống phá Cách Mạng" của mình hoặc những lúc đau ốm, không có tin tức, liên lạc của gia đình...

Những chuyện vui buồn anh em kể làm cho Huy nhớ mãi, nhiều lần chàng muốn ghi lại để đăng lên báo cho anh em đọc mà chưa có dịp thực hiện...

Hồi ở trong trại tù Lao Cai, Huy nằm bên cạnh Luật Sư Nguyễn Lâm Sanh, là bạn và có bà con với ông Nguyễn Hữu Thọ, Chủ Tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam... Luật Sư Nguyễn Lâm Sanh bị tù vì là Tổng Thư Ký Liên Minh Thế Giới Chống Cộng chi hội Việt Nam, Bác Sĩ Phan Huy Quát là Chủ Tịch. Huy được nghe ông kể về cô con gái của Nguyễn Hữu Thọ:

- Cô ấy dạy trường Regina Pacis và đã trốn chạy khỏi Sài Gòn trước ngày 30-4-1975.

Sau ngày 30-4-75, ông ta có gặp Nguyễn Hữu Thọ và ông Thọ cho biết Miềm Nam sẽ theo chế độ trung lập, sẽ tổ chức hải cảng tự do như Singapore hay Hồng-kông... Khi có lệnh đi trình diện "học tập cải tạo", ông Sanh đến gặp ông Thọ và ông Thọ đã khuyên ông Sanh nên đi đăng ký... Ông Sanh vô tù được mấy tháng, ăn đói, nằm đất lại thêm bệnh suyễn nên oán trách ông Thọ quá trời. Có lần ông Sanh gặp người con trai của Nguyễn Hữu Thọ đi theo đoàn quay phim "Giải Phóng" vào trại tù cải tạo. Ông Sanh nhờ anh ấy nhắn với ông Thọ can thiệp cho ông được tha về. Ông Nguyễn Hữu Thọ lúc đó là Chủ Tịch Nhà Nước Cộng Hòa Lâm Thời Miền Nam Việt Nam tại Sài Gòn và Huỳnh Tấn Phát là Thủ Tướng Chính Phủ Lâm Thời... Ông Chủ Tịch Nhà Nước Nguyễn Hữu Thọ

viết thư cho bạn và là ân nhân của mình mà không gửi thẳng được, phải qua ông Cao Đăng Chiếm (Giám Đốc Công An Nội Chính Thành Phố Hồ Chí Minh) chuyển.

Từ Sài Gòn đến Long Thành chỉ có năm chục cây số mà hơn hai tháng sau thư mới tới nơi! Trong thư ông Thọ có cho biết đã gửi cho ông Sanh hai trăm đồng và một ít thuốc men, thức ăn khoảng 3 kg nhưng ông Sanh chỉ nhận được thư mà không nhận được quà!

Huy nghe đến đó không nhịn được bèn hỏi ông Nguyễn Lâm Sanh:

- Ông Chủ Tịch Nhà Nước mà phải qua sự kiểm duyệt của ông Giám Đốc Công An Thành phố à? Tại sao có chuyện vô lý như vậy?

- Ông Chủ Tịch nhà nước là người bù nhìn, vì không có cấp bộ lãnh đạo trong đảng, chưa có đảng tịch hoặc mới chỉ là đảng viên thường mà thôi, còn ông Giám Đốc Công An kia mới là thứ thiệt, có cấp bộ đảng cao và lâu năm trong đảng, là người lãnh đạo cả ông Chủ Tịch Nhà Nước nữa đó!

Năm 1978 ông Sanh bị giam tại miền Bắc, đau gần chết nên đã làm tờ trối xin gởi cho gia đình, trong đó có nhờ ông Nguyễn Hữu Thọ, lúc đó là Phó Chủ Tịch Nhà Nước ở Hà Nội chuyển cho vợ ông Sanh đang ở bên Pháp. Công An của Trại đọc thơ bèn báo tin cho ông Nguyễn Hữu Thọ biết.

Một hôm, ông Sanh được lệnh thu dọn đồ dạc để chuyển trại. Một tên Công An từ Bộ Nội Vụ đến dẫn ông ra bến xe đò, mua vé cho cả hai người đi Hà Nội. Xe lên đèo bị tai nạn sém chút nữa là ông Sanh tiêu mạng. Ông Sanh được đưa về nhà giam Hỏa Lò Hà Nội, một nơi danh tiếng đã từng giam giữ nhiều tù nhân chính trị quan trọng thời Pháp cũng như sau này. Ông được bác sĩ đến khám bệnh, cho ăn uống đầy đủ trong vòng hai tuần... , đến khi thấy ông khá rồi, bèn dẫn ông đến một biệt thự...

Tên công an không cho biết sẽ đi đâu, gặp ai nhưng ông cũng đoán được là sẽ đi gặp ông Nguyễn Hữu Thọ:

- Hôm nay anh sẽ được gặp thân nhân.

Tên công an nói với ông Sanh như vậy. Ông liền đáp lại:

- Tôi không có thân nhân, vợ con tôi đều ở bên Pháp.

- Nếu không là thân nhân thì là một người bạn, có được

không?

- Có lẽ tôi cũng có bạn bè hiện còn ở Việt Nam.

- Thôi được, cứ đến đó sẽ hay.

Tên công an nói xong liền đưa ông Sanh vào phòng khách đã được chuẩn bị đầy đủ trà nước, bánh kẹo, trái cây, thuốc lá v.v... Ông Sanh ngồi đợi chừng nửa giờ đồng hồ sau thì có một chiếc xe hơi đến. Người trên xe bước xuống là ông Nguyễn Hữu Thọ...

- Tôi thấy anh cũng khỏe mạnh đấy chứ? Nghe nói anh đau gì đó?

Nghe Nguyễn Hữu Thọ nói như vậy, ông Sanh càng ấm ức trong bụng không nói được lời nào. Ông nghĩ rằng mình đau sắp chết, phải viết tờ trối mà bây giờ gặp bạn lại được khen là khỏe mạnh... Thật là mỉa mai.

Ông Sanh chỉ: " Ờ... ờ... " rồi cứ đứng im lặng, không nói thêm một lời nào.

Nguyễn Hữu Thọ tiếp tục độc thoại:

- Tôi không muốn công khai can thiệp cho anh mà có ý để cho bên Bộ Nội Vụ tự tìm ra giải pháp. Họ biết rõ sự liên hệ giữa anh và tôi mà !

Một câu nói vô trách nhiệm đối với bạn bè và cũng chứng tỏ vai trò bù nhìn của ông Chủ Tịch Nhà Nước, Chủ Tịch Quốc Hội... Sau khi Nguyễn Hữu Thọ đi rồi, trong phòng khách còn bày biện các thứ rượu, thuốc lá, bánh kẹo, trà, cà phê, chuối v.v... Tên công an nói với ông Nguyễn Lâm Sanh:

- Đây là tiêu chuẩn của anh. Anh cứ mang hết về nhà mà dùng.

- Tôi không cần các thứ này.

- Nếu anh không lấy thì cho tôi.

- Vâng, xin anh cứ tự nhiên mang về nhà anh đi.

Tên công an cho tất cả vào một cái bao mang đi.

Sau đó, ông Nguyễn Lâm Sanh được đưa về trại Hà Tây (tỉnh Hà Sơn Bình), cách Hà Nội 28 km đường xe hơi. Hai tháng sau ông được về Sài Gòn vào dịp đầu năm 1979. Tất cả tài sản, nhà cửa, tiền gởi ngân hàng của ông đều bị tịch thu hết. Đó là kết quả của một cuộc đời làm ơn cho bạn là Chủ Tịch Nguyễn Hữu Thọ.

Ông Sanh vừa dứt lời, Huy liền góp thêm một câu:

- Bây giờ tôi mới hiểu lý do tại sao khi nghe tin Việt Cộng sắp vào Sài Gòn thì con gái của Nguyễn Hữu Thọ đã vội tìm cách trốn khỏi Việt Nam ngay.

Câu chuyện về cô con gái của Nguyễn Hữu Thọ, Huy đã được nghe Thông kể một lần rồi vì cô ấy là bạn của Hoàng, cùng ở với nhau tại trường Regina Pacis ngày xưa ...

*

* *

Huy ngồi một mình trong phòng. Ngoài vườn, trời mưa lạnh và lá rơi tan tác bên thềm. Mới nắng ấm đầu Xuân đó, nay đã nghe rét mướt đến rồi. Từ ngày về đây, Huy sống một mình không vợ con, không người thân. Chàng kiếm được một việc làm từ 8 giờ tối cho đến 4 giờ sáng, về đến nhà vừa đúng 5 giờ. Sau khi tắm rửa, nghỉ ngơi, ăn uống... Huy ngủ một giấc cho đến 2 giờ chiều mới thức dậy, chuẩn bị nấu nướng và bữa tối; khoảng 7 giờ chàng lại đi làm. Chiều thứ Bảy có khi chàng được mời đi dự đám cưới hoặc hội họp, gặp bạn bè; ngày Chúa Nhật và trọn ngày thứ Hai ở nhà. Muốn làm gì hoặc đi đâu xa thì phải đợi cuối tuần; tối thứ Hai bắt đầu đi làm trở lại... Cứ như thế thời gian dần qua trong âm thầm lặng lẽ và cuộc đời không biết đến bao giờ mới chấm dứt.

Các buổi hội họp, sinh hoạt cộng đồng vào dịp Tết thường được tổ chức vào buổi tối hay cuối tuần vì Tết có khi trùng vào ngày làm việc. Buổi tối, Huy bận đi làm; đợi đến cuối tuần thì đã là ngày Mồng Năm Tết rồi. "Mồng Ba ra Tết" nên mọi người cố thu xếp đi thăm viếng, chúc Tết nhau nội trong ba ngày đầu năm, sau đó kể như không còn Tết nữa.

Từ sau ngày 30- 4-1975 đến nay, Huy không còn gặp được cái không khí ấm cúng của gia đình như ngày xưa nữa. Tết đến với Huy trong nỗi cô đơn, hờ hững. Dù ở Việt Nam hay ở Mỹ, chàng vẫn cảm thấy ở đâu cũng là cảnh lưu đày... Những lúc ngồi một mình trong phòng, Huy mở máy điện toán để viết, để ghi lại những ký ức, những hình ảnh trong quá khứ. Viết văn, làm thơ cũng là một cách để vơi đi nỗi nhớ trong lòng. Huy viết cho mình và chỉ có mình hiểu. Viết ra rồi để đó, chàng chưa nghĩ đến chuyện gởi đăng báo hay in thành sách.

Cuối tuần vừa qua, cuộc tranh đấu chống vụ treo cờ Việt Cộng và ảnh Hồ Chí Minh tại một tiệm bán máy móc, băng

nhạc trong khu thương xá Bolsa Super Market, đường Bolsa, thành phố Westminster, Nam California đã bùng nổ lớn. Bạn bè kêu gọi Huy tham gia để bày tỏ lập trường chống Cộng. Huy không thể nào quên hình ảnh cờ đỏ sao vàng, lá cờ máu đã gây nên cuộc thảm sát Tết Mậu Thân 1968 ở Huế mà cha của Huy, anh của Huy, bà con, bạn bè của Huy đã bị giết tập thể, chôn chung một nấm mồ. Các nạn nhân nằm gối lên nhau mà chết, trong đó không phân biệt được ai là Phật tử, ai là người Công Giáo, ai là cán bộ chính đảng Quốc Gia hay công chức, quân nhân, thanh niên, sinh viên học sinh. Việt Cộng đã đem chiến tranh vào thành phố, gây nên bao đổ nát, tang thương cho đồng bào vô tội, cả đến những người tu hành cũng bị chúng bắt đi thủ tiêu, chôn sống...

Năm 1945, khi Huy mới bắt đầu cắp sách đi học thì lá cờ này đã xuất hiện trên đất nước Việt Nam và từ đó đến nay, nhân quyền liên tiếp bị chà đạp, các tôn giáo bị kiểm soát, bị lũng đoạn bởi những tên giáo gian, bởi tổ chức giáo hội quốc doanh do Cộng Sản dựng lên. Quyền cư trú, quyền đi lại bị ràng buộc. Quyền tự do tư tưởng, quyền đối lập trong sinh hoạt chính trị của một chế độ dân chủ bị ngăn cấm, ngay cả quyền ăn, quyền nói, quyền sáng tác, quyền tự do xuất bản sách báo cũng không còn. Cái gì cũng phải có tiêu chuẩn, người dân bị phân biệt đối xử, muốn vào đại học phải là con gia đình cách mạng, phải là người của Đảng, của Đoàn. Có những chỉ thị công khai không cho người theo đạo Công Giáo vào đại học... Hàng triệu người đã bỏ nước ra đi, hoặc đã chết trong rừng, trên biển hay trong các nhà tù cải tạo...

Từ 1945, khi hình ảnh Hồ Chí Minh mới xuất hiện thì những người yêu nước không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản đã thấy rõ bộ mặt lừa dối, gian trá của y và cũng đã thấy rõ tương lai của đất nước sẽ đi vào một thảm họa như Liên Xô và các nước Cộng Sản Đông Âu... Không cần phải đợi đến khi quân Pháp trở lại Đông Dương sau 1945 hay sự hiện diện của quân Mỹ trong chiến tranh Việt Nam trước 1945, mà ngay từ khi có chủ nghĩa Cộng Sản ra đời và nhất là từ 1930, năm chính thức thành lập đảng Cộng Sản Đông Dương thì đã có cuộc chiến đấu của những người Quốc Gia chống lại chủ nghĩa quốc tế đó rồi.

Huy phải đi làm ban đêm, nên chỉ có thể tham gia với bạn bè vào cuối tuần nhưng ngày hôm nay, trước khí thế sôi sục và căm thù Cộng Sản của người Việt tỵ nạn, nhất là khi nghe giới trẻ đã dấn thân vào cuộc tranh đấu, sự phân hóa trong cộng đồng trước đây đã được hàn gắn để cùng chung một lập trường, cùng kết hợp lại thành một lực lượng duy nhất để tranh đấu chống lại sự thách thức của Cộng Sản... thì Huy đã cáo bệnh đột xuất để xin nghỉ việc trở về nhà. Sau đó, chàng cũng đã có mặt bên cạnh bạn bè và đồng hương tại đường Bolsa...

Vì người quá đông không có chỗ đậu xe nên Huy phải đón xe buýt đến ngã tư Brookhurst-Bolsa rồi đi bộ vào khu vực tập trung của đồng hương tại khu thương xá Bolsa Super Market. Hình nộm Hồ Chí Minh đang bị treo cổ, đu đưa trước thềm nhà. Anh của Hồ tặc bị chà đạp trên mặt đất, trên các lối đi. Những biểu ngữ đòi tự do, dân chủ, nhân quyền cho Việt Nam, lên án Hồ Chí Minh và tập đoàn Cộng Sản là kẻ sát nhân, là bọn khủng bố... biểu ngữ phản đối án lệnh của tòa án cho Trần Văn Trường được trở lại căn phố cũ để treo cờ máu và ảnh của Hồ Chí Minh đang được giương lên cao... Báo chí và các cơ quan truyền thông đã ước lượng có trên 20.000 người trong đêm này hoặc có thể nhiều hơn nữa...

Đồng bào đã đứng chật cả khu vực bên trong và hai bên đường Bolsa từ Bushard đến Brookhurst. Máy bay từ trên cao đã quay phim và chiếu lên đài truyền hình, những phóng sự trực tiếp trên các đài phát thanh chương trình tiếng Việt đã làm cho những người ở nhà phải đứng dậy ra đi nhập cuộc... Số người tham dự mỗi lúc một đông thêm: hai chục ngàn... rồi ba chục ngàn... Có khoảng 150 nghệ sĩ đã đến hát cho quê hương, hát cho tự do, hát cho những người đã hy sinh vì lý tưởng chống Cộng...

Quá nửa đêm, Huy mới trở về nhà. Chàng trằn trọc mãi không ngủ được cho đến gần sáng mới thiếp đi một lúc. Hình ảnh của Hoàng, người con gái đi vào cuộc đời chàng như một huyền thoại đang trở về trong giấc mơ. Năm đó, Huy mới được mười tám tuổi, vừa họ xong chương trình Trung Học. Huy đã gặp Hoàng trên một chuyến xe lửa từ miền Trung đi vào Nam...

*

* *

Trước cửa phòng Huy có trồng một chậu hoa sơn trà, loài hoa quý màu hồng thắm, cánh hoa dày. Hoa nở vào mùa Xuân, có khi đến một hai tháng mà chưa tàn. Mỗi buổi sáng khi đi làm về, chàng thường chăm sóc, tỉa lá, xén cành, bón phân, tưới nước. Mùa Xuân năm nay, hoa xanh tốt nhưng chỉ mới hé nụ mà chưa chịu nở bông. Đã qua những ngày Tết rồi, Huy không có hoa để thưởng thức. Rồi một hôm, sơn trà bắt đầu nở những nụ hoa thật tươi làm cho lòng Huy rạo rực như hồi còn đi học. Hôm đó, Hoàng đã gọi điện thoại báo tin sẽ đến thăm...

Hoàng đến với Huy chẳng khác nào một giấc mơ. Hoàng đi rồi, chỉ còn lại chậu hoa sơn trà liên tiếp từ cánh hoa này đến cánh hoa khác thay nhau khoe sắc giữa mùa Xuân. Huy nhìn hoa sơn trà nở muộn như báo trước một mối tình đã đến với chàng vào cái tuổi mà người ta đã có con đàn cháu đống, đã nên ông nên bà, đã chuẩn bị lo dựng vợ gả chồng cho con trai, con gái. Riêng Huy vẫn sống một mình trong cảnh cô đơn, ôm một mối tình dang dở, ngang trái khi đã về già.

Vũ trụ xoay vần, mỗi năm mùa Xuân lại trở về. Tình Xuân vẫn lai láng trong lòng, vẫn đến với mọi tâm hồn không phân biệt tuổi tác. Hình ảnh của Hoàng vẫn như ngày nào nàng vào tuổi mười sáu đôi mươi, khi mới quen nhau trên chuyến tàu định mệnh. Xuân đến rồi Xuân đi... nhưng hình ảnh của Hoàng vẫn ở lại với Huy mãi mãi...

Nguyễn Lý Tưởng

TỔ CHIM SÁO

Thằng Diệu, cháu mụ Hảo, có một con chim sáo thật khôn. Mình nó màu đà, chân vàng, mỏ viền vàng, với đôi mắt thật tinh anh. Chim sáo nói được, nó đi theo thằng Diệu suốt ngày, khi thì nó đậu trên mình trâu, khi thì nó đậu trên vai thằng Diệu. Diệu bắt châu chấu cho sáo ăn. Diệu tập cho sáo nói: "Mạ đi chợ về", "Chào bác", "Diệu ơi Diệu!", "Mệ ơi! mệ!"... Thấy chim sáo chạy nhảy tung tăng trên dám cỏ, trên ruộng, trước sân nhà... , tôi rất thích. Tôi cứ đi theo thằng Diệu và ngắm nghía chim sáo mãi...

Thằng Diệu ở với mụ Hảo là mệ ngoại của nó. Tên của mụ là gì thì tôi không biết nhưng ở quê tôi người ta thường lấy tên con để gọi thay cho cha mẹ, chẳng hạn con tên là Hảo thì người ta gọi mẹ chị Hảo là mụ Hảo.

Mụ Hảo không có cha mẹ, anh em gì hết, mụ là đứa trẻ mồ côi. Mụ ra đời vào năm 1885, năm kinh thành Huế thất thủ, Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị và nhân danh vua truyền "Hịch Cần Vương", "Bình Tây Sát Tả". Sau đó bọn người quá khích đã kéo nhau đến bao vây các làng theo đạo Công Giáo, đốt phá, chém giết dân lành vô tội. Ngày 8 tháng 9 năm 1885 tức ngày 30 tháng 7 năm Ất Dậu, dân làng tôi bị thiêu sát tập thể, không phân biệt già trẻ, trai gái. Cha mụ Hảo chết trong trận đó... Mụ Hảo lớn lên trong cảnh mồ côi và gặp được một người chồng cùng cảnh ngộ, ông Nguyễn Văn Mới. Ông được bà Cai Cơ đem về nuôi để làm con lập tự vì bà Cai không có con trai nối dòng nhưng ông không chịu lo làm ăn nên bị bà Cai đuổi đi và chọn người cháu khác trong họ để nuôi, sau đó ông lập gia đình với mụ Hảo.

Chồng chết sớm, mụ Hảo ở với vợ chồng người con gái.

Anh ấy mồ côi cả cha lẫn mẹ nên xem mụ như mẹ ruột. Gia đình đó gồm có mụ Hảo, vợ chồng người con gái và mấy đứa cháu. Họ ở trong một cái lều tranh thấp thỏi, nhỏ bé, chỉ bằng cái nhà bếp của người ta mà thôi.

Cả nhà mụ đi làm thuê, cuối ngày ngửa nón ra lãnh mấy lon gạo đem về nuôi cháu. Biến cố năm 1885, dòng họ nhà tôi chỉ còn sống sót được mấy người nên ông nội tôi phải gánh vác công việc của cả gia tộc, quản lý ruộng vườn và nuôi mấy người cháu mồ côi, lo mồ mả tổ tiên, giỗ chạp... Sau khi ông tôi chết, bà tôi và các con tiếp tục công việc ruộng vườn và tạo dựng thêm nhà cửa, đất đai, trâu bò. So với trong làng thì gia đình tôi cũng thuộc vào hàng khá giả. Cha mẹ tôi cho mụ Hảo nuôi một con trâu nái, nếu trâu sinh được hai con thì phần mụ một con. Khi nào đến mùa cày bừa thì cha mẹ tôi huy động trâu bò về làm việc mấy hôm cho kịp thời vụ. Thằng Diệu giữ con trâu đó. Nhà mụ lại ở cạnh nhà tôi nên tôi thường qua chơi với thằng Diệu, thật ra tôi chỉ vì say mê chim sáo của nó mà thôi.

Chim sáo đó có tài bắt chước tiếng người, tiếng chuông nhà thờ, tiếng sáo trúc, tiếng nhạc... Tôi ước mơ có được một con sáo như thế.

Một hôm, tôi gặp thằng Diệu dẫn trâu đi tắm, tôi năn nỉ nó bán cho tôi chim sáo. Nó không chịu... Lúc đó tôi chưa có sẵn tiền và cũng chưa biết lấy gì để đổi cho nó nhưng tôi cứ nói ý định của mình để xem thái độ của nó ra sao. Dù cả nhà nó mang ơn cha mẹ tôi nhưng khi nói đến chim sáo thì nó phủi ơn ngay. Nó cho rằng chim sáo của nó giá trị hơn cả tài sản, nhà cửa, rượng vườn của cha mẹ tôi đang có. Tôi nhờ mụ Hảo nói giúp cũng không được. Diệu quý chim sáo hơn cả mạng sống của nó. Cha mẹ nó cũng về phe với nó. Họ thương con và không nỡ cướp mất chim sáo của con. Người dân quê nghèo chỉ biết sống với tình cảm. Một con sáo không là gì cả nhưng đó là gói ghém tất cả tình cảm của họ. Tôi nghĩ rằng nếu chim sáo chết chắc thằng Diệu cũng sẽ chết theo.

Năm 1945, Việt Minh lên cướp chính quyền được ít lâu thì cha tôi bị chúng bắt giam tại lao xá Quảng Trị cùng cụ Phó Bảng Lê Nguyên Lượng, cụ Tuần Vũ Nguyễn Văn Thơ, cụ Hoàng Trọng Thuần, cụ Tú Mân. Sau khi chính phủ liên hiệp

Hồ Chí Minh ra đời, những thành phần đối lập với Việt Minh bị giam giữ được tự do. Cha tôi và các đồng chí được trở về với gia đình.

Tết năm 1946 (Bính Tuất), trời rét đậm, cha tôi phải đi qua hai cánh đồng mới đến làng Xuân Thành để ăn giỗ tại nhà cụ Phó Bảng. Giỗ xong, cụ Phó Bảng họp đồng chí vào ban đêm ở giữa cánh đồng hoang vắng. Cha tôi nhận công tác đứng ra lập Đệ Tứ Khu của Quốc Dân Đảng, tích trữ lương thực, khí giới để dánh Tây và cũng để tự vệ.

Tết năm 1947 là một cái Tết đau buồn nhất cho gia đình chúng tôi và cho toàn thể đồng bào trong tỉnh Quảng Trị. Nghe tin quân Pháp sắp đổ bộ, từng đoàn lính Việt Minh kéo nhau đi qua làng tôi để ra phía Bắc... Mỗi người lính Vệ Quốc Đoàn đều giắt lá cây trên người để ngụy trang, người thì đi giày, người thì mang dép lốp xe hơi, người thì đi chân đất. Họ không có áo quần đầy đủ, quân phục được may bằng vải thô sơ, màu xanh lem luốc trông như màu cứt ngựa. Năm đó cha tôi bị Việt Minh bắt nên trong nhà không ăn Tết. Ai cũng lo sợ chiến tranh.

Khoảng mười ngày trước Tết, quân Pháp từ hai ngã kéo vào tỉnh lỵ Quảng Trị. Một toàn từ Đà Nẵng ra Huế rồi ra Quảng Trị và một toán từ Lào qua đường Lao Bảo, Khe Sanh kéo về Đông Hà, Quảng Trị. Tàu Pháp từ Cửa Việt lên Đông Hà, pháo kích vào các vị trí chiến đấu của Việt Minh. Không có tiếng súng kháng cự, Việt Minh rút vào rừng và tản ra các vùng quê để tránh đụng độ vì lực lượng của Pháp quá mạnh trong khi Việt Minh thì không có đủ vũ khí, đạn dược. Đám dân quân tự vệ chỉ có gươm giáo mà thôi.

Tiếng súng rất gần, trời rét như cắt thịt, chim én bay vào nhà... Mẹ tôi đốt một lò than hồng để cho cả nhà sưởi ấm.

Ngày đó tôi mới sáu, bảy tuổi chưa biết gì... nhưng thấy mẹ tôi đầy lo lắng, buồn khổ nên tôi cũng buồn lây. Nếu lỡ ra có lúc gặp bạn bè, chúng tôi vui cười với nhau thì mẹ tôi tỏ ý không bằng lòng. Tôi hiểu rằng Việt Minh bắt cha tôi đi lần này chắc người sẽ không bao giờ còn sống mà trở về nên gia đình tôi xem như cha tôi đã chết và chúng tôi sống trong hoàn cảnh tang tóc, phải có bộ mặt buồn rầu theo phong tục xưa. Thật sự tôi rất buồn vì xa cha. Tôi là con út, sau hơn mười năm

mẹ tôi bệnh hoạn không sinh đẻ được. Cha tôi thường đi cầu nguyện tại đền thờ Đức Mẹ La Vang là nơi rất linh thiêng để xin cho mẹ tôi có được một người con trai. Cha tôi và anh cả của tôi đều bị Việt Minh bắt. Lần này không biết chúng giam cha và anh tôi ở đâu, hoàn toàn không có tin tức nên xem như cả hai cha con đã bị chúng thủ tiêu rồi.

Khắp trong vùng quê tôi, bọn dân quân tự vệ được lệnh khủng bố, chúng nhắm vào những người có học, thành phần hương lý, thành phần Nho Học, địa chủ... Các làng Công Giáo được chúng chiếu cố nhiều nhất. Bà con họ hàng của tôi và những người đồng hương bị chúng bắt đi thủ tiêu rất nhiều. Chúng giết người bằng gươm, dao chứ không bắn. Có người bị chúng chôn sống. Tất cả những người bị bắt đều bị giết chết, chỉ có một mình ông Cửu Thế ở Quảng Trị bị chúng chém gần đứt cổ rồi mà bò về được. Về sau tôi có dịp gặp ông vì ông là bạn của cha tôi. Tôi thấy nhát gươm bọn Việt Minh chém vào cổ ông mà rùng mình. Đó là người chứng duy nhất còn sống sót. Không ai có thể tưởng tượng được khi nhìn sau gáy ông. Trời cho ông sống chứ không ai ở trong hoàn cảnh như ông mà lết đi được hàng cây số để thoát thân.

Sau khi cụ Trần Văn Lý đứng ra lập chính quyền lâm thời tại Huế và tổ chức quận đội Quốc Gia để chống lại sự khủng bố của Việt Minh thì ngày 4 tháng 1 năm 1947, trước Tết Bính Tuất, quân Pháp đến Quảng Trị. Ông Nguyễn Văn Mân (Tú Mân) lên làm Tỉnh Trưởng và ông đứng ra tổ chức lực lượng bảo vệ của tỉnh. Một Trung Đội lính Quốc Gia do ông Cai Thống chỉ huy đã đến hoạt động tại quê tôi. Mấy tháng sau đó, vào một đem mùa Xuân, Việt Minh đã huy động một lực lượng đến bao vây làng tôi. Chúng đốt nhà đồng bào và đốt luôn ngôi chùa tranh tại làng Dương Lệ Văn. Một số nhà trong làng bị đốt cháy trong đó có nhà mụ Hảo, nhà mụ Bính, nhà ông Tứ, nhà ông Bình, nhà Mệ Đoàn, nhà ông Trợ Linh, nhà Mệ Toàn... là những nhà nghèo, khố rách áo ôm trong làng. Tôi không thể tưởng tượng được một chính quyền mệnh danh là Cộng Sản, là cách mạng, tranh đấu cho dân nghèo mà lại hành động như thế?

Ngay trong lúc đó, từ làng bên cạnh, ông Cai Thống đã kịp điều động một tiểu đội lính tới giải vây cho làng tôi. Một

tên Việt Minh bị bắn chết, mình trần trùng trục, chỉ có cái quần đùi. Nghe tiếng súng phản công, bọn chúng bèn ra lệnh rút lui và tháo chạy về hướng cánh đồng sau lưng làng tôi.

Túp lều tranh của gia đình thằng Diệu bị cháy rụi không còn một thứ gì. Sáng ra, mọi người chạy đến hỏi thăm những nhà bị nạn, ai cũng căm phẫn trước hành động vô lý, bất nhân của bọn Cộng Sản. Sáu mươi năm trước, dân làng tôi đã bị một trận tàn sát, thiêu đốt toàn bộ nhà cửa, giết hại hàng ngàn dân rồi, nay lại tái diễn cái cảnh đó nên mọi người rất lo sợ. Những người như mụ Hảo thì có làm gì nên tội, họ cũng không phải là nhà giàu, họ cũng không phải là Việt gian bán nước, theo Tây, tại sao lại kéo đến đốt nhà mụ?

Sáng hôm sau, cả nhà mụ Hảo qua tạm trú tại nhà tôi. Gia tài sự nghiệp chẳng còn gì, gạo cơm cũng không có, áo quần đều cháy sạch, nồi niêu cũng không còn, may mà thằng Diệu cột trâu ở ngoài vườn, thấy lửa cháy, trâu giật đứt dây chạy thoát được. Thằng Diệu chỉ còn con chim sáo, vật quý giá nhất trên đời của nó.

Mọi người trong nhà mụ Hảo đều như điên, như dại, ngẩn ngẩn, ngơ ngơ…Tai họa đến với họ một cách vô lý như thế, họ chỉ biết căm hờn Cộng Sản mà thôi.

Những ngày thằng Diệu tạm trú tại nhà tôi, tôi được chơi chung với nó, đi bắt châu chấu cho sáo ăn, tập cho chim sáo nói… Tôi tạm quên đi nỗi buồn mất cha, mất anh. Từ khi cha và anh tôi bị Cộng Sản bắt đi, đêm nào tôi cũng nằm mơ thấy cha tôi về với tôi. Khi tỉnh dậy, biết rằng cha không còn nữa nên tôi tủi thân nằm khóc một mình. Mẹ tôi vì quá buồn phiền nên sinh bệnh.

Sau lần Việt Minh đến tấn công đốt nhà mụ Hảo và một số nhà ở bên ngoài rìa của làng, dân làng tôi họp nhau lại, cử một phái đoàn lên tỉnh gặp ông Tỉnh Trưởng xin cấp súng để tự vệ, không cần ăn lương của nhà nước. Lực lượng võ trang tự vệ đó gọi là "Hương Vệ". Mỗi đêm dân làng kéo nhau đến khu vực chung quanh nhà thờ để ngủ, nơi đó có Hương Vệ với mười khẩu súng trường loại indochinoise và một số lựu đạn. Người ta rào làng lại, có cổng ra vào, có gài lựu đạn hoặc ban đêm thì đóng cửa, canh phòng cẩn mật. Trận thứ hai, Việt Minh đến đánh, đốt một số nhà trong đó có nhà ông Thất…

Trận thứ ba, Việt Minh thất bại nặng và chết rất nhiều, nên từ đó dân làng tôi được yên ổn một thời gian. Bọn trẻ trong làng, mỗi đêm tập họp tại nhà thờ, sau khi đọc kinh cầu nguyện thì từng nhóm ngồi nghe các cụ già kể chuyện rất vui. Tôi thường đến nghe cụ Lan kể chuyện, có nhiều chuyện vui khiến chúng tôi say mê ngồi bên cụ suốt đêm.

Thằng Diệu từ ngày qua tạm trú nhà tôi, thường ra ruộng bắt châu chấu cho sáo ăn, có khi trưa hè trời nắng, hắn vẫn lặn lội dưới bùn lầy… Mùa hè năm 1949, Diệu bị cảm sốt nặng rồi chuyển qua chứng thương hàn. Lúc bấy giờ ở nhà quê không ai có thuốc tây, chỉ dùng lá tía tô, kinh giới, hành tỏi, ném và rượu để uống. Bệnh thương hàn nhập lý, Diệu suốt ngày mê sảng và đã chết vào một buổi sáng khi cha mẹ hắn ra đồng làm việc. Thời gian này, gia đình thằng Diệu dọn qua ở gần vườn nhà thờ, chiếm một chỗ trong trường học. Thằng Diệu chết nơi đó, trong cảnh nghèo nàn thiếu thốn. Dân làng góp nhau lại lo chon cất. Hôm đưa đám, chim sao cứ bay theo kêu "Diệu ơi! Diệu ơi!". Rồi nó lại bay lên đậu trên nóc nhà thờ, ai kêu nó cũng không xuống…Thế rồi, chim sáo cũng không thèm đi kiếm mồi và sau đó ít lâu, nó cũng chết theo thằng Diệu. Cả làng tôi ai cũng biết chuyện.

Cuối mùa Xuân năm Kỷ Sửu 1949, hai cây đào mận trong vườn nhà tôi ra hoa và sây trái, chim chóc kéo nhau về ăn trái cây chín, làm tổ đầy trong vườn…, nào chúc miều, bong lau, chích chòe, chim sẻ… làm tổ trên đống rơm lớn… Chúng tôi tha hồ bắt chim về nuôi nhưng một hôm tôi thấy hai con sáo tha những cọng rơm bay lên đọt cây cau trước mặt nhà… Tôi để ý theo dõi… và chẳng bao lâu tổ chim sáo thành hình. Tôi mừng rỡ như muốn điên lên. Thằng Phẩm, con ông Tứ, nhà bị cháy năm 1947 cùng với nhà thằng Diệu, cha mẹ nó xin cho nó đến ở giữ trâu trong nhà tôi. Nó cũng là người bà con họ hàng với tôi. Hai đứa chúng tôi trèo lên để thăm dò tổ chim thì thấy có hai trứng chim màu xanh.

Chim sáo rất khó nuôi và khó bắt chim con. Nếu thấy động là chúng phá tổ, mổ trứng rồi bỏ đi. Vì thế, mỗi ngày chúng tôi ngồi trước thềm nhà nhìn ra, theo dõi chim sáo bay về ríu rít với nhau trên tổ. Tôi chỉ mong đợi ngày chim sáo nở con để bắt về nuôi. Tôi hứa cho thằng Phẩm một con và tôi

một con.

Trong năm đó, anh tôi bị Việt Minh giết chết, khi chưa đầy ba mươi tuổi, để lại một con trai, một con gái và một người vợ đang mang thai. Sau khi anh tôi chết, tình hình an ninh trong vùng quê tôi rất trầm trọng, ngoại trừ mấy làng có đồn Hương vệ như Đại Lộc, Dương Lộc, Dương Lệ, Nhu Lý, Bố Liêu, An Lộng…, còn các làng khác thì ngày Quốc Gia, đêm Cộng Sản về tuyên truyền, họp dân sinh hoạt, thu thuế cho kháng chiến, bắt dân đi bộ đội để dánh Tây… Rồi bỗng một hôm có một Linh Mục người làng về thăm. Trong xứ của cha có người theo Việt Minh; nhờ quen với họ, nên cha được dễ dãi đi lại trong vùng. Cha có đến thăm gia đình tôi và khi biết hoàn cảnh mẹ góa con côi, cha đã bàn với mẹ tôi nên cho tôi lên tỉnh học để yên tâm học hành. Cả nhà tôi đều bị Việt Minh giết chỉ còn lại một mình tôi là con trai. Chị tôi đi lấy chồng xa. Theo lời khuyên của cha, mẹ tôi quyết định cho tôi đi theo ngài.

Tôi không kịp sắp xếp đồ đạc, áo quần, chỉ đóng vai một chú tiểu đi theo thầy, tôi mang sách kinh cho cha và đi theo cha qua các họ đạo. Cha đi thăm và dâng Thánh lễ tại các nơi đó. Từ sáng cho đến tối chúng tôi mới về đến Bố Liêu là nơi có nhà thờ của cha. Sau khi ăn cơm xong, cha dẫn tôi vào một phòng riêng, có sẵn giường ngủ và bảo tôi:

- Con ngủ đây, sáng mai lên tỉnh.

Tôi khép cửa lại, căn phòng tối tăm, không có một ngọn đèn dầu. Trời bắt đầu vào mùa Thu, có hơi sương và gió lạnh. Tôi đóng chặt các cửa sổ, leo lên giường nằm. Theo thói quen mẹ tôi dạy, trước khi đi ngủ, tôi có đọc mấy kinh cầu nguyện cho linh hồn cha và anh tôi, cho bà con họ hàng đã qua đời, cầu nguyện cho mẹ và chị cùng mọi người trong gia đình… Khi bắt đầu cầu nguyện, nước mắt tôi trào ra. Tôi cảm thấy nhớ mẹ vô cùng và muốn trở về với mẹ ngay lúc này. Tôi thấy một mình bơ vơ nơi chốn lạ quê người, trong cảnh cô đơn, vắng vẻ này, tôi vô cùng tủi thân. Tôi cứ quỳ trên giường nhìn lên tượng Chúa chịu khổ hình trên thập giá.

Tôi cứ suy nghĩ miên man suốt đêm, không ngủ được. Tương lai của tôi rồi sẽ ra sao? Ai sẽ lo cho tôi trên bước đường tha hương? Tôi đâu còn gần mẹ để được nưng niu chiều chuộng. Những nơi tôi sẽ đến trọ học, người ta sẽ đối xử với

tôi như thế nào? Tôi sẽ sống làm sao chọ họ vui lòng. Xưa nay tôi ở với mẹ, tuy còn nhỏ tuổi nhưng tôi luôn tỏ ra có tư cách, không bao giờ ăn nói bậy bạ, tục tĩu, vào nhà thờ luôn giữ thái độ nghiêm trang cung kính. Thầy giáo dạy cho tôi học vỡ lòng là một người bà con, thầy dạy lớp Tiểu Học là cháu một cụ Nghè, danh giá, trí thức trong vùng. Các thầy rất thương tôi. Ngoài giờ dạy thầy thường đến thăm gia đình và khen tôi ngoan, học giỏi nên mẹ tôi rất vui lòng. Bạn bè của cha tôi là những người hoạt động chống Việt Minh, chống Pháp, họ thường đến nhà tôi hội họp. Những câu chuyện họ bàn bạc, trao đổi với nhau đã lọt vào tai tôi, từ nhỏ tôi đã hiểu thế nào là tranh đấu, thế nào là tham gia hoạt động cách mạng v.v… Tôi ý thức rằng mình mới mười tuổi đầu mà đã bước vào con đường tranh đấu kể từ hôm nay. Tôi quyết tâm phải học giỏi, phải trở nên một người có tư cách và sau này phải tiếp tục con đường tranh đấu của cha anh…

Gần sáng, tôi mới thiếp đi được một chút thì cha già Đẳng đã gọi dậy đi xem lễ ở nhà thờ, sau đó ăn sáng và chuẩn bị lên đường.

Cha ngồi trên xe, có một người trung niên trong giáo xứ kéo xe. Đó là một chiếc xe kéo, hai bánh, kiểu xưa; người kéo xe khỏe mạnh, chạy nhanh. Còn tôi và Trọng, con chị Trợ thì chạy bộ theo xe. Chúng tôi đi tay không, chẳng mang vật gì hết vì sợ bọn canh gác của Việt Minh để ý. Thời bấy giờ người ta có câu: "xơ rơ xác rác là thằng liên lạc, trọn trạc là thằng giật bom, lom khom là thằng tự vệ, quần đà áo nghệ là Vệ Quốc Đoàn…". Cứ nhìn tác phong thì biết là loại người nào trong hàng ngũ Việt Minh.

Chúng tôi cố gắng chạy theo cho kịp người kéo xe, cho đến khi mờ mắt, mồ hôi nhễ nhại, vẫn cứ phải cúi đầu chạy. Khi xe chạy đến Cầu Sãi, vào địa giới của huyện lỵ Triệu Phong, chúng tôi mới ngừng lại để nghỉ ngơi vì nơi đó có quán xá và có đồn lính của Quốc Gia. Chúng tôi được vào quán uống nước chè xanh nóng có miếng gừng thơm cho đỡ mệt. Một lát sau, đoàn người lại tiếp tục lên đường… Vào đến Quảng Trị, xe rẽ trái đi về hướng làng Trí Bưu.

Chúng tôi được đưa đến nhà Bà Tham là chị ruột của anh Cao chồng chị Thạch, con bác tôi. Bà là người đẹp có tiếng ở

quê tôi ngày xưa, lấy chồng là một ông Tham Sự Công Chánh giàu có ở làng Trí Bưu, cách tỉnh lỵ Quảng Trị chừng một cây số. Chồng chết, bà ở vậy nuôi con. Gia đình bà đông con, ba trai, sáu gái, hai chị lớn đi lấy chồng, một chị vào học ở Huế, còn lại chị Phụng, chị Lân, chị Nguyệt. Chị nào cũng đẹp và rất tốt với tôi. Bà Tham dạy con rất nghiêm, trong nhà không có người làm, con cái chia nhau mọi công việc kể cả việc làm vệ sinh cầu tiêu, đều do mấy chị đảm trách hết. Chị Nguyệt lớn hơn tôi một tuổi và rất thương tôi, chị thường giúp tôi giặt quần áo, còn chị Phụng, anh Long thì thì giúp xem bài vở học hành của tôi. Tôi sinh hoạt với trong nhà, anh em làm gì thì tôi làm nấy. Đến bữa ngồi ăn chung. Bà Tham có bà con họ hàng với mẹ tôi, theo vai vế, tôi gọi bà bằng chị nên bà bắt các anh chị trong nhà gọi tôi bằng cậu. Điều mà tôi rất ái ngại vì tôi nhỏ nhất trong nhà. Gia đình bà Tham rất đạo đức, mỗi tối đều có đọc kinh cầu nguyện cho Việt Nam được hòa bình, ngày nào cũng đi lễ ở nhà thờ…

Niên khóa 1949-1950 tôi học ở trường Tiểu Học Têrêxa Quảng Trị, một trường Tiểu Học Công Giáo có uy tín. Trường lợp tranh, vách đất, cạnh nhà thờ Thạch Hãn. Gần đó còn có một nghĩa địa của người Pháp, mỗi lần có đám tang, chúng tôi thường chạy ra xem Tây thổi kèn. Mỗi ngày chúng tôi phải đi bộ từ Trí Bưu lên Quảng Trị. Bạn học sinh với tôi như Hai, Học, Vĩnh, Tự, Cương… họp nhau cùng đi thành một đoàn. Có khi trời mưa rét lạnh, chúng tôi phải mang tơi lá che mưa đi học. Tơi lá là loại áo mưa được đan bằng lá đót, gọi là chằm tơi (may). Cái tơi lá rất tiện, mưa hướng nào thì xoay về hướng đó… Có lần đi học gặp trời bão, tôi bị gió hất cả người lẫn áo tơi lá đưa vào bụi dứa có gai, nằm gọn trong đó luôn mà không sao cả. Mỗi ngày Chúa Nhật, xe tăng của Pháp hộ tống quan tư, quan năm gì đó đến xem lễ tại nhà thờ Trí Bưu. Chiếc xe bọc sắt kín mít, trên xe có một cái nắp đậy lại. Người lính mang kính có gắn máy nghe ngồi điều khiển xe, trông rất oai vệ. Xe chạy qua đường, chúng tôi sợ quá, phải chạy xa xuống ruộng không dám đứng bên lề đường. Những ngày nghỉ, tôi rủ Trọng lên tỉnh chơi, đi hết phố này qua phố khác, xem giày dép, áo quần, đồ chơi, bánh kẹo v.v… nhưng không có tiền để mua.

Quảng Trị là một thành phố nhỏ, trước đây theo lệnh của Việt Minh, đồng bào bỏ nhà cửa di cư về miền quê. Chúng còn ra lệnh đập phá đình chùa, phố xá, nhà cửa để cho quân Pháp đến không có chỗ ở. Một thời gian sau, dân chúng ở vùng quê lục tục kéo về vì ở thành phố thì được an ninh, đau ốm có thuốc men, có điện nước, gạo, thức ăn đầy đủ. Có tiền thì mua gì cũng được. Ở tỉnh có trường học cho con em. Những người tản cư trở về, mất đi mấy năm không đi học được, nên lớp của tôi có những anh, những chị đã lớn tuổi. Nhờ cố gắng học nên tôi được kể là học sinh giỏi trong lớp, được Thầy và các Dì phước thương.

Tết năm Canh Dần 1950, tôi không về nhà ăn Tết được. Đây là cái Tết xa nhà đầu tiên của tôi… Tôi và Trọng không biết đi thăm ai nên chạy bộ lên tỉnh, nơi đó có nhà bà con, để tìm một chút không khí gia đình. Tối ba mươi, hướng về gia đình, tôi cảm thấy buồn vô hạn. Tôi cứ nhớ lại những cái Tết năm xưa tại quê nhà… Từ lễ Giáng Sinh cho đến Tết các nhau chừng hơn một tháng hay tháng rưỡi, cả làng huy động dân đi chở cát về rải đường cho sạch để bà con đi lại mừng lễ. Người ta dọn dẹp đường sá cho rộng rãi, chặt những nhánh tre đổ ra đường cho khỏi vướng… Mấy ngày gần Tết nhà nào cũng lo dọn dẹp nhà cửa, lau chùi bàn thờ, chùi các đồ đồng cho bóng loáng, thuê người viết câu đối, chuẩn bị hoa tươi, nào mai, nào thược dược để chưng trước nhà cho đẹp. Những năm có cha tôi ở nhà, trước Tết mẹ tôi làm nguyên một con heo để lấy thịt làm giò chả, làm nem, ướp thịt nướng và các món ăn ngày Tết để đãi đằng bà con, con cháu ở xa và bạn bè đến thăm. Khách thường đến vào ngày mồng hai mồng ba, ở lại chơi bài, chơi cờ một vài hôm mới về. Cha mẹ tôi chuộng khách, thương con cháu, không tiếc thứ gì. Có khi cả con heo không đủ cho khách bạn.

Tục quê tôi, ngày Tết phải đãi bà con nghèo và những người làm thuê cho mình trong năm một bữa ăn no, thường là thịt heo với bánh tét. Người ta gọi là đi ăn Tết, khách tới nhà thì phải dọn ra một mâm đầy. Đợi cho đủ vài ba người thì nhà bếp dọn lên một mâm. Chỉ có người giàu đến thăm thì mời trà, mứt bánh hay rượu hoặc cau trầu. Con cháu đến thăm, người lớn thường cho tiền, mỗi đứa được vài đồng để chơi bài, mua

bánh… Không khí Tết kéo dài cả tuần, cả tháng…

Mùa Tết là mùa nghỉ ngơi, ruộng vườn đã cày cấy xong đợi gặt lúa vào tháng Ba. Rau tươi trong vườn cũng dồi dào. Thời tiết mùa xuân, mưa phùn làm cho rau màu xanh tốt, ăn không kịp là rau già, phải làm dưa để dành đến mùa khác mà ăn. Dưa cải là món ăn chiến lược vào mùa rét nên quê tôi có câu: "Nói cho lắm cũng nước mắm dưa cải, nói cho phải cũng dưa cải nước mắm"… là thế.

Ra Tết có khi phải làm thêm một con heo nữa mới đủ đãi bạn bè. Đời sống nhà nông, làm ra để mà ăn. Nhà nuôi heo, gà, vịt, trước là để ăn, để lo kỵ giỗ ông bà, lo mồ mả tổ tiên, có dư thừa ra mới bán lấy tiền. Vì cả họ tôi chết gần hết vào năm 1885 nên tổ tiên để đất ruộng, vườn tược lại cho ông nội tôi, hết đời ông nội thì các bác và cha tôi phải lo giỗ chạp do đó mà quanh năm hết lo xin lễ cầu hồn cho người này đến người khác. Cứ mỗi lần có giỗ là con cháu tụ họp về, cũng phải có ăn uống để cho con cháu, anh em gặp mặt hàn huyên tâm sự.

Từ nhỏ tôi sống trong không khí như thế nên lần này bơ vơ, không biết đến với ai, không biết đi nhà nào… Tết đối với mọi người đầm ấm vui vẻ biết bao mà với riêng tôi sao lạnh lùng, buồn tủi đến thế! Tôi biết mẹ tôi cũng đau khổ lắm khi cho tôi đi học xa nhưng bà là một người mẹ suốt đời đau khổ mà vẫn biết chọn cho con mình một con đường để vươn lên. Mẹ tôi thường nói:

"Đi cho biết đó biết đây,
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn".

Mẹ tôi phải đứt ruột khi để cho tôi đi xa trong cái tuổi mới lên mười. Tám anh em, nay chỉ còn một mình tôi là con trai, lại là con út. Chị tôi đi lấy chồng ở làng xa, một mình mẹ ở quê nhà lo gìn giữ cơ nghiệp của ông cha, của chồng… Trong tình hình chiến tranh ngày càng lan rộng, mẹ tôi một mình bươn chãi, chăm lo chút hương hỏa còn lại cho tương lai tôi sau này. Thật là một sự hy sinh vô bờ bến…

Suốt đêm 30 Tết, tôi cứ nằm nghĩ ngợi mãi, nhớ hết chuyện này đến chuyện nọ, nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ anh, nhớ chị, nhớ cháu… Tôi khóc một mình, khóc thầm lén vì sợ người ta biết. Sáng mồng một, mọi người đi lễ nhà thờ về thì đi thăm bà con nội ngoại. Tôi và Trọng không biết đi đâu nên tản bộ lên tỉnh,

nơi đó có nhà bà con, để tìm một chút không khí gia đình.

Những ngày Tết qua đi trong âm thầm và tôi tiếp tục đi học lại. Tới trường, bạn bè đều có áo mới, riêng tôi chẳng có gì là mới cả… Thế rồi một hôm, mẹ tôi nhờ bác thợ Ẩm, một người thợ may ở gần nhà tôi lên tỉnh thăm tôi. Ông mang lên cho tôi một chục trứng luộc, một cặp gà sống, một số bánh ít đen và trắng do mẹ tôi làm… Ông xin phép bà Tham cho tôi về quê để thọ tang ông cậu ruột mới chết. Họ hàng bên ngoại tôi tổ chức lễ cầu hồn và phát tang, cho con cháu phục khăn áo. Mẹ tôi chỉ còn một mình tôi là con trai, tuy nhỏ tuổi nhưng vai vế trong họ lại lớn, có đứa gọi tôi bằng chú, bằng bác, nên mẹ tôi nhờ ông lên tỉnh đón tôi về.

Ông có quen biết với bên Việt Minh nên xin được giấy đi đường không bị Việt Minh gây trở ngại. Ông đưa tôi lên xe đi từ Quảng Trị về Lai Phước, từ đó đi bộ đến bến Rào Vịnh…, lên đò ngang qua sông về làng Đại Lộc là khu an toàn do chính quyền Quốc Gia kiểm soát. Chúng tôi còn phải đi thêm một đoạn đường nữa, qua làng Dương Lệ Đông mới đến làng tôi. Dọc đường ông dặn tôi, "họ" có hỏi là con ai thì trả lời là con của ông…, đừng nói rõ gốc gác gia đình mà nguy hiểm.

Cộng Sản thù ghét cha tôi và muốn tiêu diệt cả dòng họ tôi cho tiệt nòi, tiệt giống…

Con sông Cái gọi là Rào Vịnh, về phía Đại Lộc có Hương Vệ nên Việt Cộng không dám xuất hiện nhưng bờ bên kia, thuộc làng Đại Áng là vùng xôi đậu, tuy có Lý Trưởng nhưng Việt Minh vẫn hoạt động, chúng thường cho người canh gác bí mật và đón đường bắt người, đem thủ tiêu… Tôi có bà Thím đi thăm con cũng bị chúng bắt và chôn sống, vì thế chuyến đi này rất nguy hiểm. Thông thường, chúng tôi đi theo lính Quốc Gia hoặc Hương Vệ làng để được an toàn.

Đến bến đò Rào Vịnh, chúng tôi thấy bên kia sông có nhiều người tụ tập, người lớn, trẻ con như đang chờ đợi chúng tôi. Khi thuyền ra giữa sông, tôi thấy một cậu nhỏ vào trạc tuổi tôi, tay cầm cái lồng chim, đưa lên cao như vẫy gọi. Tôi không biết nó đang làm gì, phải chăng đây là một ám hiệu? Tôi chưa đoán được có chuyện gì xảy ra ở bên đó nhưng khi thuyền gần cập bến thì tôi nhận ra thằng Phẩm, đứa giữ trâu cho gia đình tôi, tay cầm cái lồng có con chim sáo đã đủ lông, đủ cánh rồi.

Tôi vô cùng mừng rỡ.

Thuyền vừa ghé bến, Phẩm liền chạy đến khoe với tôi:

- Chú đi học rồi, tôi ở nhà canh chừng tổ chim sáo, không cho đứa nào leo lên phá, sợ chim bỏ tổ… Mấy tháng sau tôi mới được hai con chim sáo con để nuôi nhưng chỉ có một con còn sống. Tôi làm một cái lồng đẹp để đựng chim và chờ đợi mãi không thấy chú về. Hôm nay đi đón chú, tôi mang theo lồng chim sáo tặng chú đây.

Tôi ôm lấy thằng Phẩm, không có gì sung sướng bằng có được con chim sáo. Không biết chim sáo của tôi có giỏi như chim sáo của thằng Diệu hay không? Mấy ngày về thăm quê, tôi cứ xách lồng chim ra vườn bắt châu chấu cho chim ăn, tôi cho chim uống cả nước miếng của tôi nữa, để cho nó mến chủ.

Đám tang của cậu tôi đã qua mà tôi còn muốn ở nhà không chịu đi học. Ngày trở lại trường, tôi muốn mang theo chim sáo lên tỉnh nuôi nhưng mẹ tôi bảo:

- Con rán lo học cho kịp chúng bạn, để chim sáo cho thằng Phẩm nuôi, mai mốt nghỉ hè về nhà tha hồ mà chơi…

Thế là tôi lại phải khăn gói lên đường. Sau khi từ giã mẹ, tôi ngắm nghía chim sáo một hồi rồi mới ra đi.

Thằng Phẩm ở giúp việc cho gia đình tôi đến năm mười tám tuổi thì từ giã xóm làng, lên tỉnh nạp đơn gia nhập quân đội Quốc Gia. Hắn đi lính để trả thù Việt Minh đã đốt nhà và giết hại bà con của hắn. Hắn vào sinh ra tử khắp các chiến trường…

Mười lăm năm sau, tôi trở về thăm quê, đúng vào ngày có đám tang Nguyễn Văn Phẩm, Trung Sĩ Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa tử trận tại Mỹ Chánh, Quảng Trị… Trong lễ truy điệu, tôi đã khóc, không nói nên lời được. Những kỷ niệm thời thơ ấu đã sống lại trong tôi, những tình cảm bạn bè đó, tôi sẽ trân trọng mãi.

Nguyễn Lý Tưởng

HỒN MA BÓNG QUẾ

Thượng nguồn sông Thu Bồn, về phía Nam của huyện Duy Xuyên, Phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam ngày xưa có một vùng đất nổi tiếng về nghề trồng quế. Theo sách Đại Nam Nhất Thống Chí do Quốc Sử Quán Triều Nguyễn biên soạn (cuối thế kỷ 19 thì năm Minh Mạng thứ 17 (1836) trích lấy bốn tổng thuộc huyện Duy Xuyên và một tổng thuộc huyện Lễ Dương đặt thành huyện Quế Sơn. Huyện này có rừng Gia Lộc thuộc hai xã Tân An và Gia Lộc và rừng Hương Phước thuộc xã Hương Phước là nơi có nhiều cọp beo và cũng là nơi có nhiều quế. Dân ở đây thường trồng cây quế là một loại dược thảo quý dùng để trị bệnh, ổn định tâm, can, tỳ, phế, thận (1) rất tốt. Con trai, con gái khi cưới vợ, gả chồng, sinh con thì trồng cây quế làm vốn cho con sau này lớn lên ra đời, tự lập.

Khách buôn thường đến các chợ Thu Bồn (còn gọi là chợ Phường Tây), chợ Phước Sơn và chợ Tân Yên (tức chợ Hoa Viên) thuộc huyện Quế Sơn để tìm mua các loại quế thanh và quế chi đem về cung cấp cho các tiệm thuộc Bắc hay các nhà giàu, nhà quan ở trong tỉnh. Quế thanh là thứ quế lấy từ vỏ cây, dày, chắc, thơm và cay, có công hiệu lớn trong việc trị bệnh. Còn quế chi là quế lấy từ vỏ của các cành cây (chi) nên mỏng mà chất lượng lại không bằng quế thanh. Theo lệ, mỗi năm huyện Quế Sơn phải nộp cho nhà vua một thanh quế vào loại thượng hảo hạng nặng 8 lạng từ nguồn sông Thu Bồn, còn huyện Hà Đông thì nộp 3 thanh quế thượng hảo hạng từ nguồn sông Chiên Đàn thuộc tỉnh Quảng Nam.

Suốt một cuộc đời chiến đấu cho lý tưởng Quốc Gia, mãi đến tháng 3-1975, Phan Quế Sơn từ Đà Nẵng chạy vô Sài Gòn và sau ngày 30-4-1975 không trốn ra ngoại quốc được nên "tự

động đi trình diện học tập cải tạo" tại trại Long Thành, tỉnh Đồng Nai... để được "hưởng sự khoan hồng của Đảng và Nhà Nước... "

Gia đình họ Phan tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng từ trước 1945 nên khi lớn lên anh cũng đứng trong hàng ngũ những người đối lập với Việt Minh Cộng Sản. Cha mẹ lấy tên quận Quế Sơn đặt cho anh để sau này dù có lưu lạc bất cứ nơi đâu thì cũng nhớ đến nguồn gốc của mình là dân sinh trưởng ở vùng đất trồng quế. Cho đến tuổi gần năm mươi mà anh chưa lập gia đình.

Phan Quế Sơn nằm bên cạnh cụ Trần Quang Túc, một đảng viên Việt Quốc lão thành phụ trách đảng bộ Nha Trang. Cụ có người con ở cư xá Thanh Đa thuộc quận Bình Thạnh, Gia Định, cùng một phường với gia đình chúng tôi nên thường lui tới trò chuyện và nhận là người "đồng hương" với nhau.

Nghe cụ Túc nói tôi biết coi chỉ tay, giải đoán lá số Tử Vi... nên Phan Quế Sơn thường đến gặp riêng tôi tâm sự và hỏi tôi về quá khứ, tương lai. Lợi dụng giờ nghỉ trưa, anh thường rủ tôi lên Hội Trường, ngồi nhìn ra cánh rừng xa xa, những cây cao su san sát nhau hay những rẫy bắp đang trổ cờ, nghe tiếng xe đò Sài Gòn - Vũng Tàu chạy qua mà lòng nao nao buồn... Buổi tối, anh thường đun nước pha trà và mời chúng tôi đến chỗ cụ Túc nghe kể chuyện lịch sử hay ôn lại những kỷ niệm đã qua trong đời để cho vơi đi nỗi thương nhớ gia đình trong cảnh tù đày tuyệt vọng, không biết mình sẽ bị giam giữ cho đến bao lâu, liệu có còn sống được cho đến ngày về hay không?!...

Cụ Túc bắt tôi kể chuyện trước rồi đến Quế Sơn, còn cụ chỉ lo pha trà, cà phê, khi nào nhận được tiếp tế của gia đình thì có thêm chuối khô, bánh kẹo. Cứ đêm này qua đêm khác, kể riết rồi cũng hết chuyện, tôi phải xoay qua kể chuyện ma... Ban ngày, tôi chuẩn bị nội dung, cố làm sao cho thật hấp dẫn, tối đến kể cho cụ Túc và Quế Sơn nghe. Tôi cứ sáng tác dài dài, cố moi trong đầu óc, nhớ lại những chuyện xưa tích cũ, tiểu thuyết, tin tức báo chí, chuyện nghe người khác kể, chuyện mình biết, mình đã trải qua v.v... , làm sao mỗi đêm có "phim" để "chiếu" cho khán thính giả ái mộ...

Bên ngoài chỗ cụ Túc nằm chỉ cách một miếng tôn là ngôi

mộ của một người chạy loạn bị chết trong dịp 30-4-1975, được chôn cất vội vàng với cái tên NGŨ CÔNG BÌNH ghi trên cái bia mộ nhỏ bé bằng xi-măng... Rằm tháng 7 năm 1975, chị Nguyễn Thị Minh Tâm, Nghị Viên tỉnh Gia Định, cũng bị tù tại trại Long Thành, đã mang một nải chuối đến đó để cúng cô hồn. Anh em chúng tôi âm thầm theo dõi, khi chị vừa quay lưng đi thì Phan Quế Sơn liền lấy nải chuối đem giấu cất để tối mời anh em ...

Một hôm vào mùa trăng nhưng trời bỗng mưa to gió lớn, chúng tôi đến chỗ cụ Túc, kể chuyện "ma hiện hồn về... " làm cho cụ cảm thấy ớn lạnh xương sống. Mãi quá nửa đêm, khi tôi đã trở về chỗ nằm thì bỗng thấy cụ lò mò mang chiếu đến nằm bên cạnh. Cụ nói:

- Cho tôi nằm đây với. Anh kể chuyện ma làm tôi sợ quá. Tôi vừa chợp mắt thì thấy Ngũ Công Bình về đòi nải chuối của bà Tâm cúng hồi sáng... Mặt mày hắn đầy máu me trông kinh khiếp...

Cụ Túc có tính hay sợ ma nhưng lại thích kể chuyện ma. Đêm hôm đó trời mưa, căn nhà trống trải, gió lạnh từng cơn lùa vào, chăn mền không đủ ấm, tôi thấy cụ tự nhiên run lên cầm cập. Cứ nửa đêm về sáng, con tắc kè trong hang ngoài thềm nhà, gần ngôi mộ, lại kêu lên mấy tiếng "Tắc kè! Tắc kè" nghe áo não. Giờ đó, anh em thường giật mình tỉnh giấc, thay nhau đi tiểu, tiếng dép lẹt xẹt kéo ngang qua chỗ tôi nằm. Có người ngồi dậy lấy điếu thuốc lào, đốt đóm, nghe "rít" một tiếng thật dài, hoặc ngồi hút thuốc lá, nghĩ đến gia đình vợ con...

Tối hôm sau, tôi không kể chuyện ma nữa. Thấy thế, Phan Quế Sơn bèn tình nguyện thay tôi "chiếu phim". Câu chuyện anh kể, có thể là một chuyện cổ tích anh đã từng nghe hồi nhỏ, hoặc do chính anh sáng tác với khung cảnh vùng quê của anh. Với giọng của dân miền núi Quảng Nam, hơi khó nghe nhưng anh cũng cố gắng nói chậm rãi, rõ ràng; hơn nữa chúng tôi vốn đã quen với giọng nói của anh nên cũng theo dõi được từ đấu đến cuối...

... .

Phía Nam của dãy Trường Sơn huyền bí, là ngọn núi

Ngọc Anh hay Ngọc Lĩnh, cao hơn hai ngàn thước. Núi Ngọc Anh, nghe giống tên một cô con gái chốn lá ngọc cành vàng nào đó ? Người ta đồn rằng trên núi có tiên ở.

Ngày kia có một chiếc thuyền chở người chết từ dưới đồng bằng đi lên phía thượng nguồn. Trải qua mấy ngày vất vả, thuyền mới đến được dưới chân núi. Người chồng ẵm xác vợ vừa đi vừa khóc thảm thiết. Đó là một người đàn bà rất đẹp, xác chết còn tươi tắn như người nằm ngủ, tóc xõa dài xuống tận gót chân.

Người chồng trải chiếu trên đám cỏ, đặt xác vợ xuống đó rồi lấy nhang đèn, hoa quả bày biện ra để cúng. Chàng khấn rằng:

- Lạy Thần Núi Ngọc Anh linh thiêng, quyền phép. Kẻ ngu hèn này ở chốn quê mùa dân dã, quanh năm đánh cá ven sông, trồng trọt cày bừa để có miếng cơm manh áo, chưa từng làm điều gì trái với luân lý đạo đức, chưa từng hại người lương thiện. Trời thương cho kẻ ngu hèn này một người vợ rất khả ái, vợ chồng sống hòa thuận thương yêu nhau đã ba năm rồi mà chưa có con cái. Mấy hôm trước đây, nàng bỗng trở bệnh, cứ kêu la đau đớn, thuốc thang không lành và hôm qua, nàng bỗng nhiên từ biệt cõi đời. Kẻ ngu hèn này rất đau khổ nên chèo thuyền chở nàng đến đây, cầu xin Đấng Thần Linh ban phước cứu sống nàng. Nếu nàng không được cứu chữa bởi phép nhiệm mầu của Ngài thì kẻ hèn này nhất quyết ở lại đây, cùng chết với nàng dưới chân núi này mà sẽ không bao giờ trở về quê hương nữa.

Người chồng cứ lặp đi lặp lại mãi câu nói đó từ sáng cho đến tối, ngày này qua ngày khác mà không có tiếng của Thần Núi trả lời. Bỗng một hôm, có nhà sư mặc áo vàng từ đâu xuất hiện, tay cầm tràng hạt vừa đi vừa niệm Phật.

Người chồng bèn chạy đến sụp lạy trước mặt nhà sư khóc lóc và nói:

- Thưa Ngài, vợ tôi chết đã mấy hôm nay rồi. Tôi đưa thi hài của nàng đến đây để cầu xin Thần Núi Ngọc Anh linh thiêng ra tay cứu sống nàng. Tôi xin nguyện sẽ làm bất cứ điều gì mà Thần Thánh yêu cầu, dù có chết cũng cam, miễn sao cho vợ tôi được sống lại. Tôi tha thiết cầu khẩn đã mấy ngày đêm rồi mà không có tiếng trả lời, chỉ nghe tiếng nói của tôi vọng

lại từ vách đá cheo leo mà thôi. Hôm nay bỗng nhiên thấy Ngài xuất hiện. Nếu Ngài quả là người từ trên núi Ngọc Anh mà đến để cứu nhân độ thế thì xin Ngài hãy giúp cho vợ tôi được sống lại...

Nhà sư bèn đưa tay ra đỡ anh ta đứng dậy, rồi nói:

- Ta có thể nguyện xin ơn trên cho vợ anh sống lại được nhưng sau này nếu vợ anh có điều gì không vừa ý thì anh đừng có hối tiếc...

Người chồng mừng rỡ nhận lời:

- Thưa Ngài, dù phải chết, tôi vẫn vui lòng. Xin Ngài ra tay giúp cho vợ tôi sống lại...

- Nếu anh muốn như vậy thì cũng được. Anh hãy cắn tay và cho nàng một giọt máu. Nàng chỉ cần một giọt máu đỏ mà thôi.

Người chồng bèn cắn tay cho chảy máu rồi cạy miệng vợ, cho một giọt máu nhiễu vào đó. Lát sau, người vợ mở mắt và sống lại. Vợ chồng vui mừng lạy tạ nhà sư nhưng nhìn lại thì nhà sư đã biến mất từ lúc nào rồi.

Chồng liền dẫn vợ xuống thuyền, xuôi dòng trở về quê hương. Thuyền đi dưới ánh trăng rằm bao la bát ngát, gió trên sông nhẹ thổi vào mặt làm cho hai người cảm thấy sảng khoái yêu đời. Khi ngược dòng lên núi vất vả bao nhiêu thì lúc trở về, thuyền xuôi mát mái nhẹ nhàng bấy nhiêu. Quá nửa đêm, người chồng cảm thấy đói bụng, bèn ghé lại bên đường:

- Em hãy ở lại đây giữ thuyền, đừng đi đâu nhé, để anh lên bờ tìm mua thức ăn vì đã mấy ngày nay vất vả, chẳng ăn uống gì.

Người vợ "dạ" một tiếng rất dịu dàng rồi ngồi núp vào trong thuyền đợi chồng.

Người chồng đi rồi thì có một chiếc thuyền buôn to lớn, hai tầng, đèn đuốc sáng trưng. Ở bên trên người ta đang bày tiệc rượu có đàn ca xướng hát rất vui nhộn, tầng dưới cũng đầy ắp hàng hóa... Đúng là một chủ nhân ông giàu có đang đi qua đây. Người vợ bỗng nổi tính tò mò, bèn mở cửa, ra ngồi trước thuyền để xem. Bên thuyền kia, chủ nhân đang ngồi giữa bàn tiệc vừa trông thấy nàng bèn cất tiếng mời:

- Vị nữ lưu nào ở trên thuyền kia, xin mời ghé lại đây nhập tiệc với chúng tôi. Trên thuyền chúng tôi có đủ cao lương mỹ

vị, đàn ca xướng hát... Chúng tôi rất hân hạnh được đón tiếp nàng đến chơi...

Lúc đầu, nàng còn nhớ lời chồng dặn, không được bước ra khỏi thuyền nhưng về sau, chủ nhân năm lần bảy lượt mời mọc nên nàng cũng xiêu lòng đứng dậy bước ra khỏi thuyền con để bước qua thuyền lớn.

Khi nàng vừa đặt chân lên thuyền lớn thì chủ nhân liền ra lệnh nhổ neo. Thuyền vừa đi trên sông, trăng sáng vằng vặc, gió hiu hiu thổi, tiếng nhạc trổi lên nhịp nhàng, tiệc rượu bày ra, đủ cả sơn hào hải vị lại thêm chủ nhân trân trọng đón tiếp nàng. Những lời chúc tụng, tâng bốc, ca ngợi nhan sắc duyên dáng của nàng làm cho nàng cảm thấy vui sướng, hài lòng và quên mất người chồng ở trên bờ.

Người chồng trở lại, không thấy vợ mình đâu nữa, chiếc thuyền con lênh đênh trôi dạt trên sông vắng. Mặt trời ló dạng, từ từ nhô lên trên mặt nước. Cảnh vật mỗi lúc một rõ hơn, gió thổi mạnh, tiếng chim đi ăn đêm đang bay về khi trời sáng. Chàng cất tiếng gọi nhưng không thấy nàng trả lời. Chàng hốt hoảng, lo sợ, nhảy xuống sông bơi ra tận thuyền. Trong thuyền không có một ai, đồ đạc còn nguyên vẹn như chưa hề xảy ra chuyện gì, chỉ thiếu một mình nàng. Không biết nàng đã bỏ đi đâu hay kẻ cướp đã đột nhập bất thình lình ?! Chàng chèo thuyền đi trên sông suốt ngày này qua ngày khác, dò hỏi khắp các làng xóm quy tụ hai bên bờ nhưng không một ai hay biết. Chàng đau khổ vô cùng.

Bỗng một hôm, chàng được tin có một chiếc thuyền buôn giàu có, chủ nhân vừa cưới được một người vợ trẻ đẹp, đang chu du đây đó để hưởng tuần trăng mật. Chàng bèn chèo thuyền đi khắp sông hồ để tìm dấu vết chiếc thuyền của nàng. Chàng bỏ hết công ăn việc làm, lang thang hết làng này qua làng khác và cuối cùng đã trở thành một người ăn mày mang bị gậy đi xin độ nhật. Một ngày kia, chàng đến trước cổng một dinh thự to lớn, giàu sang để xin ăn. Khi bước vào sân, chàng bỗng thấy một mệnh phụ phu nhân từ trong nhà đi ra bên cạnh có kẻ hầu, người hạ. Trước khi bước lên xe, phu nhân nhìn thấy người ăn mày đứng ngửa tay xin của bố thí, nàng bèn móc túi lấy mấy xu nhỏ ném xuống cho chàng. Mắt chàng vừa nhìn lên đã nhận ngay được người đó chính là vợ mình

ngày xưa nhưng nàng không bao giờ nghĩ rằng người hành khất đó chính là chồng cũ của mình.

Khi bóng nàng đã đi khuất, chàng bèn nghĩ cách làm thế nào để gặp vợ cho được. Chàng lân la dò hỏi mọi người trong vùng, biết được đúng tên phu nhân kia chính là vợ mình ngày xưa. Chàng bèn đến trước cổng nhà, xưng tên tuổi, quê quán của mình và xin gặp đích danh phu nhân tên là Ngọc.

Phu nhân được báo có người tên Phan Minh đến tìm để đòi một món nợ cũ... . Biết đích xác là gặp lại chồng xưa nên không thể tránh mặt được, nàng đành phải ra tiếp chàng. Gặp lại vợ cũ, người chồng chỉ nói một câu:

- Hãy trả lại cho tôi giọt máu mà tôi đã nhỏ vào miệng nàng ngày xưa. Tôi đến đây chỉ có một mục đích đó mà thôi. Tôi không cần tiền bạc vật chất, tôi cũng không phá hoại hạnh phúc của nàng hiện tại.

Người vợ tỏ ra rất phân vân, xúc động, nàng cũng không nói một lời nào. Bỗng nàng đưa ngón tay lên, cắn một cái thật mạnh, máu chảy ra và cho một giọt máu rơi vào miệng của chàng.

Tự nhiên nàng cảm thấy chóng mặt, khó thở, da tái xanh và ngã xuống giữa sân nhà. Một trận gió ào ào thổi đến nghe rợn người, những tiếng kêu rên thảm thiết từ trong cõi vô hình đang vang lên, xác nàng bỗng biến thành tro bụi, chỉ trong phút chốc đã hòa theo gió bay đi mất chỉ còn lại một con muỗi... Mỗi đêm, con muỗi bay đến bên chàng kêu "o, o" để đòi lại "giọt máu"...

Phan Quế Sơn kể đến đó, bỗng nhiên hai hàng nước mắt từ từ chảy xuống trên má. Mọi người im lặng, không ai nói một lời. Tôi biết Sơn có tâm sự buồn, tuồng như anh ta đã bị người đàn bà nào đó phản bội, bỏ rơi. Trong hồ sơ lý lịch cá nhân, anh khai là còn độc thân nhưng bạn bè nói anh đã có vợ, có con. Anh đã sống với một người đàn bà, không cưới hỏi chính thức, không lập hôn thú, hai người đã chia tay nhau trước khi anh vào tù!

Năm 1975, sau khi anh một mình chạy vào Sài Gòn thì cha mẹ anh ở tại quê nhà cũng bị kẻ thù hãm hại. Mấy tháng sau, anh mới được tin đó, anh quyết sẽ không bao giờ trở lại quê hương nữa. Tên của anh là tên của quê hương, anh đi đâu

cũng mang cái tên đó đi theo mình, anh không bao giờ quên.

Một hôm gần Tết, trời lạnh, cụ Túc lại rủ chúng tôi đến uống trà và ăn bánh của con cháu cụ từ Sài Gòn gởi vô. Nửa đêm, chúng tôi vẫn ngồi tâm sự, không ai ngủ được. Bỗng con tắc kè ở bên ngoài thềm nhà kêu lên mấy tiếng... Tôi nói:

- Tắc kè kêu "Túc về ! Túc về !", chắc là cụ Túc sắp được về với gia đình trong dịp Tết...

Nghe tôi nói như thế, cụ Túc lòng ngập tràn hy vọng, đêm nào cũng đun nước pha trà, cà phê, đem bánh kẹo mời chúng tôi ăn. Cụ Túc thường đem bánh kẹo ra đặt trên mộ Ngũ Công Bình để cúng cô hồn. Cụ thường nằm mơ thấy anh này về hỏi thăm nên cụ sợ lắm! Trước khi đón năm mới Bính Thìn 1976, cụ Túc được cán bộ trại Long Thành mời lên "làm việc" cùng với một số người khác thuộc diện già yếu, bệnh hoạn, gia đình neo đơn. Ngay sau đó, cụ được lệnh thu dọn đồ đạc và tập trung tại Hội Trường, không được liên hệ với những người ở lại. Đến Hội Trường, cụ và anh em khác nhận được giấy phóng thích, ký tờ cam kết và được cấp tiền xe để về với gia đình. Cụ không kịp nói lời chia tay với anh em và chúng tôi cũng không kịp nhắn tin gì với gia đình. Còn lại một chút thức ăn, cụ đem cho tôi khi đi ngang qua chỗ tôi nằm.

Tết năm 1976, cụ có ghé thăm gia đình tôi tại cư xá Thanh Đa quận Bình Thạnh, sau đó cụ cùng gia đình tìm đường vượt biên và định cư ở Pháp. Gần hai chục năm sau, tôi lại nhận được thư cụ, thật là chuyện bất ngờ, không hiểu làm sao cụ có được tin tức và địa chỉ của tôi. Mấy tháng sau, tôi được thư của bà Lương Thị Nga ở Pháp, một chiến sĩ tranh đấu cho nhân quyền tại Việt Nam, báo tin cụ đau nặng và rất muốn gặp tôi, muốn liên lạc với tôi nhưng tôi chưa có điều kiện để qua Âu Châu gặp cụ thì lại được tin cụ đã ra người thiên cổ... và mới đây, 1999, tôi lại được tin bà Lương Thị Nga cũng đã qua đời!

Cụ Túc về được ít lâu thì một hôm Phan Quế Sơn đến gặp tôi tâm sự:

- Tôi đọc sách thấy nói người nào có "đường pháp lệnh" chạy thẳng vào miệng là số chết đói. Có đúng vậy không?

Đường "pháp lệnh" là đường vòng hai bên miệng từ mũi xuống. Tôi bỗng nhìn vào mặt anh và thấy rõ anh có đường

pháp lệnh chạy thẳng vào miệng. Tôi bèn nói:

- Không biết anh xem sách vở ở đâu chứ tôi chưa thấy nói điều đó nhưng số anh em mình rồi cũng chết vì đói mà thôi. Anh nghĩ tù tội như thế này, ai cũng đói, thiếu ăn thì sinh ra suy nhược, bệnh hoạn mà chết, như thế có phải chết vì đói hay không? Nếu không về sớm thì rồi anh em đều chết vì đói hết, chỉ có ơn trên, ông Trời, Thượng Đế... mới cứu mình ra khỏi cảnh này mà thôi. Anh có lòng tin thì cứ cầu nguyện, người Việt Nam mình ai cũng tin có Đấng Tạo Hóa, có Ông Trời... , ăn ngay ở lành, khi gặp hoạn nạn sẽ được Trời cứu giúp... Nước mất, nhà tan, bản thân phải bị đọa đày, mình chịu chung cái nạn với quốc gia, dân tộc đó thôi.

Phan Quế Sơn im lặng bước đi bên tôi không nói gì. Mấy tháng sau, chúng tôi phải chuyển ra miền Bắc, mỗi người một ngã, từ đó, tôi không gặp lại Sơn. Khoảng 1980, tôi được tin anh đã chết vì tai nạn khi vào rừng chặt tre đem về làm nhà cho trại. Cây tre rơi từ trên núi xuống đâm trúng anh thủng ruột. Anh chết trong lúc kiệt sức, ngã té, thấy cây tre lao xuống mà không đủ sức lăn mình qua chỗ khác để tránh, đành phải chấp nhận cái chết rất thê thảm. Anh em chôn anh ở trong rừng, không có hòm, chỉ bó chiếu và mảnh chăn rách.

Tối đó, anh em nằm ngủ nghe tiếng bước chân đi trên trần nhà lạo xạo suốt đêm. Ngọn đèn dầu leo lét để trên bàn ở góc nhà cho anh em ban đêm hút thuốc lào hoặc thấy đường đi vào cầu tiêu bỗng vụt tắt. Bóng tối bao trùm cả một gian phòng lạnh lẽo. Tiếng chim lạ từ trong rừng vọng lại như gọi hồn ma, tiếng cú mèo lâu lâu cất lên nghe rợn người. Có anh đang nằm ngủ bỗng thét lên làm cho anh em khác đang ngủ phải giật mình. Một vài tiếng khóc tức tưởi nghẹn ngào của những người tù tuyệt vọng nhớ vợ con gia đình. Tiếng kẻng tù báo thức đã qua một đêm, chuẩn bị vào một ngày đi lao động mới. Anh em kể cho nhau nghe, tối hôm qua có người nằm mơ thấy Phan Quế Sơn về, bóng anh cao lêu nghêu, ốm yếu, đi vật vờ giữa buồng. Ngay khi đó, cây đèn dầu trên bàn như bị ai thổi tắt đi...

Nguyễn Lý Tưởng

GIỮA MÙA HOA ĐÀO

Trinh vừa về đến nhà thì được tin gia đình Quang đã chính thức nhờ người đến hỏi nàng làm vợ. Cha mẹ Trinh khuyên nàng nên nhận lời... , thế là mộng ước của Trinh tan tành ra mây khói. Trinh không muốn dừng lại nơi đối tượng này. Nàng đã nghĩ đến một người mà hình ảnh người đó đã ăn sâu vào trái tim nàng không biết khởi đi từ giờ phút nào? Có lẽ đã lâu lắm rồi, đã có từ khi nàng mới biết nói, biết cười, biết đi, biết chạy, biết đọc, biết viết... , nghĩa là ngay từ thời thơ ấu.

Mới hôm trước đây, Thu Tâm, bạn học cùng lớp với Trinh đã từ Huế về thăm. Trinh dẫn Tâm đi thăm một vài người bạn trẻ trong làng... Nàng cảm thấy Tâm đẹp hơn mình nhiều, có lẽ vì Tâm ở thành phố, con nhà giàu, có tiền, có điều kiện trang điểm, phục sức văn minh hơn. Trinh không dám so sánh với bạn...

Cha mẹ nàng thường khuyên con cái:

- Nhà mình nghèo, phải thực tế thôi! Mình sinh ra và lớn lên ở nhà quê, phải làm lụng vất vả mới có ăn. Cha mẹ lấy đâu ra tiền cho con mua sắm thứ này, thứ nọ. Trời ban cho nhan sắc tự nhiên nó đẹp, cần gì phải trang điểm, son phấn làm mất vẻ đẹp trời cho.

Cha của Trinh cũng nói:

- Ba thấy con Trinh có nước da trắng hồng, môi hồng, mái tóc đen mượt, vóc dáng cao chứ không thấp bé như bọn con nhà nghèo ở nhà quê. Tướng của nó sau này khá chứ không khổ cực đâu mà sợ... Các con không nên đua đòi với bạn bè ở thành phố làm chi!

Trinh biết cha mẹ nàng rất thương nàng. Thầy giáo Nghiệp, cha của nàng, dạy trường làng, lương tiền không bao nhiêu. Gia đình lại đông con nên phải làm thêm ruộng vườn mới đủ sống. Mọi người trong làng này ai cũng biết chăn nuôi, trồng trọt. Có người đi làm công chức hay làm nghề này, nghề nọ nhưng vẫn trồng thêm rau quả, nuôi thêm gia súc, gieo thêm mấy sào lúa để có ăn quanh năm. Người nhà quê, đi chợ là để mua những thứ mình không sản xuất được như muối, đường, dầu, gia vị, vải vóc v.v... , những thứ thịt, cá, rau, quả, bắp, đậu, lúa gạo v.v... họ đều có sẵn ở trong nhà, trong vườn rồi. Công dân trong làng từ mười tám tuổi trở lên, mỗi người được cấp cho mấy sào ruộng công, ngoài ra họ còn có mảnh vườn do cha mẹ ông bà để lại. Họ tộc nào cũng có đất hương hỏa để lo việc giỗ chạp hằng năm. Nếu mình không tự canh tác được thì thuê bà con làm giúp, đến mùa cũng có hoa lợi mà dùng. Người dân sống ở nông thôn, mùa nào thức đó, tuy gọi là vất vả nhưng cũng có lúc thong dong, nhất là những khi đã gieo trồng xong và chờ đợi mùa thu hoạch. Dân quê thường hay có những lễ hội, ăn uống, vui chơi vào dịp Tết, ngày mùa, ngày lễ kỷ niệm của gia đình, họ hàng... là dịp để bà con, con cháu tụ họp.

Sau khi học hết bậc Tiểu Học ở làng, Trinh được cha mẹ cho lên thành phố tiếp tục chương trình Trung Học. Ông giáo Nghiệp biết con mình có chút nhan sắc, so với con gái trong làng, Trinh cũng không thua kém ai. Ra thành phố sau này hy vọng có chồng ở đó, có nhà cửa ở đó, vừa tránh được cảnh chân lấm tay bùn vừa tạo nhịp cầu để cho mấy đứa em của Trinh có chỗ ra thành phố trọ học. Đi học xa nhà rất tốn kém: nào tiền phòng, tiền cơm, tiền sách vở, quần áo, xe cộ di chuyển v.v... Trinh có bà Dì họ lấy chồng ở Huế, nhà ở phố, có một gian hàng tạp hóa. Trinh vừa đi học, vừa giúp Dì trông coi cửa hàng. Việc gì trong nhà Trinh cũng làm, không nề hà gì cả. Bà chủ nhà rất thương Trinh. Tuy vậy, cha mẹ của Trinh hàng tháng vẫn gởi một số tiền trả tiền cơm để khỏi mang tiếng là ăn nhờ, ở đậu... Mỗi lần Trinh về thăm nhà không bao giờ quên mang theo chút quà thổ sản để biếu Dì khi trở lại Huế: Cặp gà sống, trái mít, buồng chuối, vài ký nếp, đậu...

Trong số bạn học cùng lớp với Trinh có Thu Tâm là người

rất tốt và thương Trinh hơn ai hết. Tâm thường cho Trinh quá giang xe đến trường, cho mượn sách vở để học... Có lần Tâm nói với Trinh:

- Mình có ít áo quần còn tốt mà không dùng đến, bạn mang về dùng kẻo uổng phí đi, nếu bạn chê thì gởi về cho các em ở nhà...

Tâm thật chân tình, có khi Tâm còn cho Trinh tiền để tiêu vặt nữa. Tâm giúp Trinh tùy theo khả năng của nàng và nàng luôn nghĩ đến Trinh...

Mùa hè ở Huế rất nóng, phố xá là chỗ buôn bán làm ăn, người đông đúc, chật chội nên sau khi thi đậu Trung Học, Tâm xin phép cha mẹ theo Trinh đi nghỉ ít hôm. Tâm ngỏ ý muốn về thăm gia đình của Trinh cho biết đời sống ở nông thôn như thế nào.

Từ con sông chảy qua trước mặt làng, nước thông vào các hồ, ao. Vào những đêm trăng, khi nước thủy triều lên bao bọc chung quanh làng, trông rất đẹp. Giữa làng của Trinh và làng bên cạnh có một cây cầu nhỏ bắc ngang, nơi đó thường là chỗ hẹn hò của thanh niên nam nữ trong làng. Trinh dẫn Tâm ra ngồi trên thành cầu, dọc theo hai bên bờ con lạch là những hàng tre soi bóng bên hồ. Dân trong làng thường ra giặt giũ ở đó.

Buổi chiều khi mới về nhà, Trinh đã nghe mọi người xì xào bàn tán chuyện của nàng. Gia đình Quang đã nhờ bác Cao đến nói chuyện với cha mẹ nàng rồi... Cha mẹ đã nhiều lần hỏi ý kiến Trinh về vấn đề đó nhưng nàng cứ lần lữa tìm cách trì hoãn:

- Con còn nhỏ, chưa được mười tám tuổi, ba má cho con học thêm vài năm nữa rồi sẽ tính...

Trinh định đem chuyện đó nói cho Tâm biết nhưng nàng cứ thấy ngại ngùng... Gia đình Quang đã để ý đến Trinh cách nay hơn hai năm, lúc đó Trinh mới mười sáu tuổi, đang ở tuổi dậy thì. Người ta bỗng thấy nàng phát triển, trở thành một cô gái với đầy đủ ý nghĩa của nó, khiến cho nhiều chàng trai trong vùng chú ý và cả cha mẹ của họ nữa, cũng đi tìm đối tượng để chọn vợ cho con. Ở miền quê, trai, gái lớn lên là tính chuyện vợ chồng, ít ai nghĩ đến việc học hành thêm để vươn lên hay tìm cách làm ăn để có chút vốn để dành.

- Chào Trinh.

Trinh bỗng giật mình vì Chính và Nghĩa vừa đi tới. Chính, Nghĩa là hai người bạn thân nhưng người ta cứ tưởng là hai anh em ruột vì hai cái tên đi đôi với nhau.

- Chào hai anh, em xin giới thiệu, đây là Thu Tâm, bạn học cùng lớp với em, ở Huế mới về chơi.

- Chào cô Tâm.

Chính nhanh nhẩu hỏi thăm và bắt chuyện một cách tự nhiên. Nghĩa thì ít nói, anh chỉ gật đầu chào hai người. Trinh nói với Chính:

- Hai anh đi đâu mà ngang qua đây rứa. Em định sáng mai sẽ dẫn Tâm đến anh chơi. Tâm còn ở lại đây mấy hôm.

- Đêm nay trăng sáng, mình rủ Nghĩa đi một vòng ngắm cảnh...

- Và cũng ngắm người...

Tâm bắt chuyện.

- Đúng vậy, bất cứ ai mới xuất hiện trong làng này là mình biết tin ngay. Có chuyện gì xảy ra, nội trong vài tiếng đồng hồ là mọi người đều biết, không cần báo chí hay đài phát thanh loan tin...

Chính vừa nói xong liền ngồi xuống bên cạnh Trinh. Nghĩa cũng ngồi bên tay trái của Chính.

- Trinh cũng mới về phải không? Nghe nói có tin vui...

Chính nói đến đó, bỗng chậm lại một chút... Trinh nghe lạnh cả người. Chắc chắn là cái tin gia đình Quang nhờ bác Cao chính thức đến thưa chuyện với cha mẹ mình sáng nay, Chính đã biết nhưng Chính lại tiếp:

- Mừng Trinh thi đậu Trung Học... Con gái làng này học xong Tiểu Học là ở nhà lo buôn bán làm ăn, chuẩn bị đi lấy chồng, chẳng mấy ai được như Trinh. À, mình được biết cô Tâm cũng đỗ cao nữa phải không, hạng bình hay bình thứ gì đó! Xin chúc mừng! Hai cô khao đi!

- Anh Chính tài thật, ở đây mà biết được chuyện ở xa!

Tâm đáp.

- Mình cũng ở Huế mới về và tất nhiên là có theo dõi tình hình thi cử vừa rồi.

- À Trinh quên không giới thiệu với Tâm, anh Chính cũng học ở Huế và đang chuẩn bị thi Tú Tài II. Sắp thi rồi, không

thấy anh lo lắng gì cả. Chúc anh thi đỗ thật cao nhe.

- Thi cử có số cả.

Nghĩa cũng góp chuyện.

Trinh nghĩ trong bụng: may quá, Chính không nói gì đến chuyện Quang... nhưng chắc chắn là Chính đã biết hết rồi. Chuyện gì của Trinh mà Chính không biết. Vừa rồi Chính nói với mình: "Nghe nói có tin vui... ", chắc chắn Chính muốn nói đến chuyện Quang với mình chứ không phải tin mình thi đỗ Trung Học đâu... Chính khôn ngoan và kín đáo lắm! Câu chuyện lại xoay quanh vấn đề thi cử.

- Hôm nào anh Chính thi?

Tâm hướng về Chính góp chuyện. Trong hai người con trai thì Chính có vẻ khôi ngô, lanh lợi hơn Nghĩa. Chàng tỏ ra rất tự tin trong cách nói chuyện và đối đáp rất thông minh. Tuy mới quen nhưng Tâm đã có cảm tình với chàng.

- Tuần tới rồi. Mấy hôm nay trời nóng quá, học hành chẳng vô được chữ nào. Mình nghĩ rằng học cả năm chứ có phải chỉ học một vài ngày đâu mà lo. Có trăng thanh gió mát thì hãy đi dạo một vòng cho trí óc thảnh thơi cái đã. Biết đâu nhờ đó mà nhớ được những điều mình đã học và có thêm nhiều cảm hứng khi cầm bút làm bài!

- Hai anh tình cờ ngang qua đây hay là...

Trinh góp chuyện.

- Tất nhiên là tình cờ... nhưng biết đâu là cố ý... phải không Trinh? Thật ra, anh nghe đài phát thanh thông báo kết quả kỳ thi Trung Học và đi tìm Trinh để chúc mừng... Nhân tiện cũng chúc mừng Thu Tâm luôn... Anh cũng có nghe người ta đọc tên Thu Tâm nữa đó...

- Cám ơn anh nhiều lắm...

Tâm hướng về phía Chính trả lời. Chính bỗng nhìn kỹ vào gương mặt của Tâm. Nàng có một gương mặt thông minh, đôi mắt sáng, đôi má đầy đặn, mái tóc thề hơi gợn sóng. Nàng ăn mặc rất lịch sự, trang nhã, nói năng hoạt bát, văn vẻ. Đúng là con nhà buôn bán ở thành phố nên quen tiếp xúc với khách hàng. Tâm là khuôn mặt mới, khác với Trinh là người mà chàng quen từ nhỏ và thường gặp.

Cái nhìn của Chính làm Trinh thấy ghen tức với Tâm. Thực ra, Trinh không bao giờ dám so sánh mình với Tâm.

Tâm là con nhà giàu, từ nhỏ chỉ biết ăn học, không hề làm việc gì vất vả như Trinh. Tâm là một trong những cô học sinh đầu tiên may sắm những thứ hàng mới xuất hiện trên thị trường: vải vóc, dày dép, quần áo v.v... Tâm chỉ xài toàn hàng mới. Tâm đi học để kiếm mảnh bằng, để có chồng sang chứ nàng không hề lo lắng gì chuyện cơm ăn, áo mặc hằng ngày. Nàng sinh ra trong một gia đình có cơ sở làm ăn ổn định, lâu đời. Cứ tiếp tục công việc đó là có ăn, có mặc, nhà càng ngày càng giàu...

Trinh cảm thấy thất vọng... Nàng đã chờ đợi bao lâu nay và có biết bao cơ hội.. thế mà chưa bao giờ Chính xác định với Trinh rằng Chính yêu Trinh. Chính vẫn xem Trinh như một người em gái và chàng đã đối xử với nàng như một người anh. Gia đình Trinh với gia đình của Chính là chỗ thân tình từ đời này qua đời khác. Trinh vẫn nhớ, khi còn nhỏ, ba của Trinh thường dẫn Trinh đến nhà Chính chơi. Chính rất thương Trinh. Chính lớn hơn Trinh hai tuổi. Mỗi lần Trinh đến chơi, Chính thường nắm tay Trinh, dắt Trinh đi hái hoa, bắt bướm, hái trái cây trong vườn cho Trinh. Chính thường cho Trinh đồ chơi mà cha mẹ Chính đã mua cho Chính. Lúc nhỏ, Trinh đã từng nghe cha mẹ Chính và cha mẹ Trinh nói với nhau:

- Hai đứa nhỏ này rất thương nhau, sau này lớn lên chúng ta sẽ tác thành cho chúng nên vợ chồng.

Tết năm đó, Trinh mới sáu tuổi, được cha dẫn đi thăm Tết. Trinh mặc áo quần mới, mang giày mới, tóc kết nơ vàng rất đẹp. Trinh đến nhà Chính ở lại chơi suốt ngày. Năm đó mấy cây đào trong vườn nhà Chính nở hoa thật rực rỡ, hoa đầy từ gốc lên ngọn. Ai vào thăm cũng khen hoa trổ lộc, nở hoa đúng vào ngày Tết chắc là có điềm lành.

Thế rồi một hôm, nghe tin cha của Chính bị Việt Minh bắt đem đi giam giữ ở xa. Hai năm sau nghe tin cha của Chính đã chết, mẹ Chính và gia đình họ hàng làm lễ phát tang. Chiến tranh lan tràn, người ta kéo nhau về thành phố vì ở nhà quê bọn dân quân tự vệ của Việt Minh thường bắt cóc, khủng bố, chém giết người vô tội hoặc thành phần trí thức không theo chúng. Làng của Trinh theo Quốc Gia, có đồn lính nên Việt Minh thường đến tấn công ban đêm, đốt nhà, giết người. Mẹ Chính lo sợ đã gởi Chính lên thành phố học, từ đó Trinh ít khi

gặp Chính. Khi lớn lên, mỗi lần gặp Chính, Trinh cảm thấy e thẹn, không dám gần gũi, thân thiết như xưa. Đôi khi Trinh cũng thấy nhớ Chính và cũng tưởng tượng ra hình ảnh ngày xưa, Trinh đến nhà Chính chơi, được Chính cầm tay dắt đi trong vườn, dưới những hàng cây ăn trái hay bên những lối hoa, chậu kiểng.

Nhà Chính rất giàu, có hàng chục mẫu ruộng, mấy bức vườn, trâu bò hàng chục, hàng trăm con. Ngôi nhà cha mẹ Chính ở là một tòa nhà ngói ba căn hai chái trên một nền đất cao, phải leo lên mấy bậc cấp mới đến thềm nhà. Nhà trên, nhà giữa, nhà dưới, kho lúa, sân gạch, giếng nước xây... Cơ ngơi đó đã có từ thời xưa, do ông bà để lại. Cha mẹ của Chính đã củng cố, phát triển thêm. Nhà Chính danh giá mấy đời, có người đỗ đạt, tên tuổi khắp vùng, ai cũng biết. Vì thế mà Cộng Sản không ưa. Chúng cho rằng cha của Chính là địa chủ, thành phần phản động, phản cách mạng, theo Tây, theo Bảo Đại... Đôi khi Trinh cũng nghe cha mẹ nàng nói với nhau:

- Tội nghiệp thằng Chính. Cha mất sớm, phải xa mẹ đi ra thành phố học. Gia thế như kia mà nay điêu tàn vắng vẻ... Ngày trước tấp nập khách khứa ra vào, lui tới; nay thì mẹ góa con côi quạnh quẽ... nhưng dù sao thì nhà cửa, đất ruộng vẫn còn, danh giá nhà đó cũng không thua kém ai. Thằng Chính còn trẻ nhưng giống bố, tư cách điềm đạm, ăn nói nhã nhặn, có học hành, biết kính trên nhường dưới, tương lai chắc cũng không thua kém người ta. Ngày xưa bác Kính, cha thằng Chính thường nói với mình: "Sau này sẽ tác thành cho con Trinh với thằng Chính"... Bây giờ bác đã khuất, không nghe bác gái nhắc đến chuyện đó. Nhà mình nghèo, mà bên mình là con gái, dù có thương thằng Chính cũng phải đợi người ta có nghĩ đến con mình không đã, chứ phận mình làm sao mà nói trước được.

Sau một tuần ở chơi nhà Trinh, Thu Tâm trở về Huế. Một hôm, Chính đi ngang qua phố Trần Hưng Đạo, bỗng gặp Tâm:

- Anh Chính, lâu quá không gặp lại anh. Em ở gần đây, mời anh vào nhà chơi. Nghe anh thi đậu Tú Tài Toàn Phần rồi, em mừng anh nhé. Em xin mời anh đến tiệm ăn Quốc Tế, khao anh một bữa.

- Cám ơn Tâm, anh thi đậu thì anh đãi Tâm mới phải chứ!

- Không được, anh là khách mà. Quê hương em ở đây, nhà cửa em ở đây, em là chủ, em mời anh thật mà. Khi nào anh tốt nghiệp Đại Học anh sẽ đãi em. Em biết bây giờ anh không có nhiều tiền đâu!

- Sao Tâm biết? Anh không có khả năng đãi Tâm ở nhà hàng thì cũng có thể mời vào quán cà phê, quán giải khát, ăn chè cũng được chứ!?

- Không được đâu! Mời anh vào nhà, đợi em một lát.

Nói xong, Tâm cầm tay kéo Chính vào nhà chẳng ngại ngùng gì cả. Tâm đưa Chính lên phòng khách trên lầu, bắt chàng ngồi đó. Tâm lấy bình thủy, rót trà nóng đã pha sẵn mời Chính, rồi nàng vào trong thay áo quần rất nhanh, chỉ mấy phút sau, nàng đã xách ví trở ra.

- Anh Chính, em nói thật đấy, em mời anh đi ăn cơm với em ở nhà hàng Quốc Tế bây giờ nghe. Anh đừng từ chối.

Tâm nói với Chính như ra lệnh. Chính không biết phản ứng thế nào, từ chối cũng không được. Chính rất ngạc nhiên trước thái độ của Tâm. Gái Huế thường dè dặt, kín đáo, yêu ghét thường để bụng, không nói ra. Tại sao Tâm lại là người tự nhiên như thế? Chính không biết phải cư xử với Tâm sao cho phải. Chính chỉ gặp Tâm có một lần, qua sự giới thiệu của Trinh. Hai tuần sau, tình cờ gặp lại, Tâm đã tỏ ra là người quen biết với chàng từ hàng chục năm rồi. Thật khó xử quá nhưng Chính tự nghĩ, mình là con trai không lẽ sợ con gái hay sao? Mình phải tỏ ra có bản lãnh chứ? Nhát quá vậy!

- Cũng được, Tâm muốn đi đâu thì đi.

Vào nhà hàng Quốc Tế ở đường Phan Bội Châu, Tâm chọn một chỗ kín đáo, mời Chính ngồi đối diện với nàng. Câu đầu tiên Tâm hỏi Chính:

- Trinh có chồng đi hỏi rồi đó, sớm quá hè!

- Tôi không rõ lắm.

- Anh biết rồi mà.

- Chưa biết thật đấy, Trinh có cho mình biết chuyện đó đâu!

- Không lẽ từ hôm đó đến nay Trinh chưa gặp lại anh?

- Chưa. Tôi đi thi và ở lại đây luôn chưa về nhà, chỉ viết thư báo tin cho mẹ tôi biết mà thôi.

- Vậy à? Trước sau gì anh cũng sẽ biết thôi!

- Tôi định vào Sài Gòn học.
- Anh tính chọn ngành gì?
- Tâm ghét nghề gì nhất?
- Ghét nghề Bác Sĩ, Nha Sĩ.
- Tại sao vậy?
- Nha Sĩ, Bác Sĩ thì cứ bịt mặt đứng cả ngày!
- Còn nghề gì cô thích nhất?
- Câu hỏi đó xin để anh trả lời, xem thử anh định chọn nghề gì nào?

- Cô thích nghề gì, tôi theo nghề đó.

Nói xong biết mình lỡ lời, Chính tiếp:

- Anh chỉ vui miệng nói đùa thôi.

- Cha mẹ em làm nghề buôn bán, chắc chắn em cũng theo nghề này nhưng phải học thêm kha khá nữa chứ không thể dừng lại ở đây được. Làm nghề gì cũng cần có học. Hiện nay trong gia đình em đã có nghề rồi, học nghề trong nhà cũng có thể sống được, nghề này không cần đến trường mà.

Ngừng một lát, nàng lại nói tiếp:

- Nói vậy chứ đời con gái đa số phải theo chồng. Biết mình sẽ gặp người nào mà tính trước.

- Nhà giàu thì làm bạn với nhà giàu, Bác Sĩ thì lấy Bác Sĩ, Luật Sư thì lấy Luật Sư, thầy giáo thì vợ là cô giáo...

- Còn lính đàn ông thì lấy lính đàn bà phải không anh?

Cả hai cùng cười. Chính trầm giọng:

- Đa số người đẹp đều thích lấy chồng người ngoại quốc, giàu có, được đi nước ngoài... Nước Việt Nam khổ quá, chiến tranh triền miên, đời sống dân chúng thấp kém, đa số thất học. Ở ngoại quốc đất nước người ta vui hưởng thái bình, xã hội phát triển, tiến bộ, cuộc sống được bảo đảm, tài năng được trọng dụng, được thăng tiến... Ai nghe cũng ham!

- Tâm không ham đâu! Tâm có người chị họ, lấy chồng Pháp, sau năm 1954, Tây về nước, chị ấy theo chồng. Mấy năm sau thất vọng... Qua bên đó mất hết tình cảm gia đình, cha mẹ, anh em... Ông chồng đâu hiểu được ca dao, đâu thông cảm được câu thơ Kiều của cụ Nguyễn Du, đâu hiểu được tiếng nói ý nhị của người Việt mình. Có lúc mình muốn có bạn để cùng ôn lại những kỷ niệm thời thơ ấu cũng không biết chia sẻ với ai. Có lúc mình muốn nghe lại một bài hát tình cảm thời

xa xưa cũng không có ai cùng nghe, cùng góp ý nhận xét với mình. Đồng ý rằng mình có nhà cửa tiện nghi, ăn uống đầy đủ, bơ sữa không thiếu... nhưng có lúc mình nhớ đến canh chua, cá rô kho tộ, bánh lá chả tôm, bún bò Huế, bánh khoái, hủ tiếu, phở, cá bống kho tiêu v.v... , những món ăn của xứ mình... làm sao có được?

Chị ấy gởi thư cho em kể chuyện:

- Khi ở nước mình thì ông Tây rất thương chị nhưng khi về Pháp, ông dần dần lạnh nhạt với chị. Ông đi tìm bạn cũ của ông, những cô gái Pháp... Nhiều khi ông uống rượu say, về đến nhà nằm lăn ra giường như một đống thịt, lông lá đầy người, nực mùi mồ hôi rất khó chịu... Lúc đó không làm sao mà thương được. Toàn là vật chất mà không có tinh thần, không có tình cảm. Ngày xưa ở quê chị có quen một chàng trai Việt, anh ấy học xong Tú Tài thì bị động viên vào quân đội. Chị đi lấy chồng. Bây giờ chị viết thư nhờ em trao cho anh ấy, một Thiếu Tá đang chỉ huy một đơn vị lính Cộng Hòa.

Chị ấy nói rằng:

- Em muốn trở về, chỉ xin được làm vợ bé của anh... Tiền bạc em không thiếu, con cái cũng có nhưng chồng cũng như con, ai sống phận nấy, họ chẳng tưởng nghĩ gì đến em... Em quá cô đơn và chán nản, có khi không muốn sống, nếu anh không chấp nhận em thì chắc em sẽ tự tử. Em chỉ cần ra tòa án, xin ly dị chồng là xong. Em có quyền trở về Việt Nam...

Chính cười:

- Cô này nói chuyện nghe hay quá. Hay là cô chọn nghề viết văn, làm thơ, viết báo? Từ trước tới nay, tôi chưa bao giờ gặp một cô gái vui tươi như cô...

- Nghe Trinh nói anh cũng có nhiều tài năng lắm phải không?

- Chẳng hạn như tài năng gì?

Tâm không trả lời thẳng câu hỏi của Chính và bỗng chuyển qua hướng khác:

- Trinh thường nói về anh và cho biết anh chỉ là người anh của Trinh mà thôi.

- Cám ơn Trinh đã cho tôi được diễm phúc làm người anh... nhưng tôi cảm thấy chưa làm được gì để xứng đáng là anh của nàng.

- Trinh ca tụng anh dữ lắm. Trinh nói anh rất hiền lành, chưa bao giờ làm mất lòng ai, chưa bao giờ nói nặng lời với ai. Anh rất tốt với bạn bè, hay giúp đỡ bạn bè.

- Tôi giống tính mẹ tôi. Mẹ tôi rất hiền, làm gì cũng sợ tội với trời, đất...

- Huế cũng có Đại Học, tại sao anh không học ở đây mà bỏ vào Sài Gòn?

- Tính tôi thích phiêu lưu. Muốn đi xa để được mở rộng tầm mắt. Tôi muốn đến một thành phố lớn hơn, đông người hơn và tiếp xúc được nhiều người, nhất là trong giới văn học nghệ thuật...

- Coi bộ Huế thiếu hạng người đó hay sao?

- Huế không thiếu nhưng ở Huế mãi thì đầu óc của mình sẽ trở nên hẹp hòi.

- Anh không thích gái Huế hay sao?

- Tôi cũng có tâm hồn biết rung động nhưng máu phiêu lưu khiến tôi thích đi xa. Ngành học của tôi bao gồm tất cả, cái gì tôi cũng muốn học, muốn nghe cho biết. Cái nghề mà tôi chọn, có lẽ không có trường Đại Học nào có. Đó là con đường tranh đấu...

Tâm có vẻ ngạc nhiên và không hiểu Chính muốn nói gì.

- Tại sao anh chỉ xem Trinh là người em gái mà thôi?

- Vì tôi không có em, tôi xem Trinh là em và cho đến bây giờ Trinh vẫn là em.

- Tội nghiệp cho Trinh. Theo em thì Trinh không những chỉ xem anh là "người anh" mà còn là... gì cao hơn nữa kia!

- Tại sao cô nói như vậy?

- Trời cho em có đôi mắt, em nhìn thấy như vậy!

Chính chỉ xem Trinh như là một người em và không thể đi xa hơn được nữa, Chính không có nỗi nhớ thương đối với Trinh như hai người con trai, con gái khi yêu nhau, thường nhớ tưởng tới nhau. Tình yêu phải có sự hô tương, phải có cả hai phía. Nếu chỉ có ở phía bên này mà không có ở phía bên kia thì sẽ không bao giờ thành được. Dù có sống chung với nhau cũng chẳng có hạnh phúc gì.

Trước khi cha mẹ Trinh lấy nhau và trước khi Trinh ra đời, cha của Trinh đã có một người vợ và người đó đã chết. Vào tuổi mười tám, đôi mươi, ông Nghiệp rất khôi ngô, đẹp

trai... Ông là người tài hoa, vẽ đẹp, biết làm thơ, biết đánh đàn... Ông thường giao du đây đó với bạn bè. Ông đã quen một cô gái ở làng xa, rất đẹp, con nhà giàu... Ông phải sắm một số nữ trang để làm sính lễ cưới nàng. Khi về nhà chồng, mẹ và các em chồng đã lừa dối, lấy lại số nữ trang đó và còn bắt cô ấy làm lụng vất vả. Ông Nghiệp không bênh vực vợ mà lại để mặc cho mẹ và chị em đối xử với vợ rất thậm tệ. Bà vợ còn bị đánh đập, bỏ đói cho đến mang bệnh như điên như khùng, rách rưới, đi lang thang nhà này qua nhà khác xin ăn. Bà Hoa, vợ ông Nghiệp đã từng đến nhà Chính xin ăn... Cha mẹ của Chính và mọi người trong làng đã từng chứng kiến cái cảnh đó. Cha mẹ họ hàng bà Hoa ở xa, không ai hay biết gì cả, cho đến khi bà Hoa đã kiệt quệ, không đi lại được nữa. Mẹ và các em gái của ông Nghiệp cho bà Hoa nằm cạnh chuồng trâu, trong tình trạng hấp hối.

Có người trong làng biết chuyện đó bèn đi trình với Linh Mục phụ trách xứ đạo. Khi vị Linh Mục đến thì bà Hoa cũng vừa "trút linh hồn"... Vị Linh Mục đã trách cứ, lên án gia đình ông Nghiệp rất nặng nề. Từ đó, ông Nghiệp đâm ra nghiện rượu và say sưa tối ngày nhưng đến một lúc nào đó, ông bỗng nhiên từ bỏ rượu trà và sống tu tỉnh trở lại. Ông cưới bà vợ thứ hai, người ở một làng rất xa... Bà này hoàn toàn không biết gì về chuyện đã xảy ra trong gia đình ông Nghiệp trước đây.

Bà sinh đứa con trai đầu được mấy ngày thì bỗng một buổi tối, khi mọi người trong nhà đã đi ngủ, bà nghe tiếng chó sủa như tru lên. Chung quanh vườn nhà có hàng tre dày bao bọc và có cửa chắc chắn, khóa lại cẩn thận nhưng tuồng như có ai đang đi vào giữa sân. Bầy chó vẫn đuổi theo người đó cho đến tận thềm nhà. Cửa đóng nhưng người đó vẫn vào nhà một cách dễ dàng và phút chốc đã đứng trước nôi của đứa bé mới sinh.

- Ai đó?

Vợ ông Nghiệp lên tiếng hỏi nhưng người ấy không trả lời. Bỗng đứa bé nằm trong nôi khóc thét lên và bóng ma vụt đi ra, bước từng bước thong thả qua sân nhà thẳng ra cổng chính.

Bà Nghiệp bỗng la lên thất thanh. Chồng bà và mọi người trong nhà thức dậy, mang đèn chạy đến hỏi chuyện gì. Bà

Nghiệp kể lại không sót một chi tiết nào nhưng mọi người trong nhà im lặng không ai nói một lời.

Kể từ giờ phút đó, thằng bé chỉ khóc và ói mửa liên tục, thay hết tả này đến tả khác, áo giặt không kịp khô và hai mươi bốn giờ đồng hồ sau, thằng bé qua đời!

Một bức màn bí mật như bào trùm lấy cả gia đình, mọi người chỉ xì xào bàn tán, không ai chịu nói cho bà Nghiệp biết là đã có chuyện gì xảy ra. Năm sau bà lại có thai và cũng sinh một đứa con trai rất kháu khỉnh. Ông Nghiệp kê một chiếc giường ngay trước cửa phòng bà nằm, gần thềm nhà. Ông thủ sẵn bên mình một con dao lớn. Ông tuyên bố:

- Hắn có trả thù thì về đây mà gặp tao.

Được ba ngày, bỗng một hôm, bà Nghiệp cũng nghe tiếng chó sủa từ đàng xa rồi dần dần đến trước ngõ nhà bà... , vào đến sân, đến thềm. Ông Nghiệp đang nằm trước thềm bỗng la lên, ngã lộn nhào mấy vòng, tay chân cuống quít. Trong khi đó, người đàn bà cao, gầy, mình phủ một tấm vải trắng từ đầu đến chân lại xuất hiện như năm ngoái, đứng trước nôi của thằng bé.

Thằng bé bỗng khóc thét lên và người đó bắt đầu đi ra sân, ra ngõ rồi ra ngoài đường. Thằng bé bắt đầu ói mửa, giống như tình trạng anh của nó năm trước. Đúng một ngày sau, thằng bé ra đi...

Trong gia đình ông Nghiệp vẫn bao trùm một không khí nặng nề, khó hiểu... Bà Nghiệp buồn rầu, chán nản. Đời con gái đi lấy chồng, mong có con, nay mới được đứa con trai đầu lòng đã thay nhau ra đi, trước sau vừa đúng một năm. Bên chồng của bà, có người anh cùng mẹ khác cha, nhà ở gần nhau. Một hôm bà Nghiệp đến gặp bà chị dâu tâm sự. Bà chị dâu bèn đem hết chuyện cũ kể lại cho bà Nghiệp nghe. Sau khi bà Hoa chết, ông Nghiệp đem chôn vợ ở một chỗ đất gần lối trâu bò đi lại ở ngoài đồng. Huyệt chôn vừa cạn mà nấm mồ lại đắp qua loa, trải qua năm tháng mưa, bão, lụt, trâu bò đi lại làm cho ngôi mộ đó bị sụt mất một phần, lòi cả quan tài ra, trông rất thê thảm.

- Bây giờ mình phải làm gì hả chị?

- Trước hết thím phải âm thầm đi thăm ngôi mộ đó và thuê người sửa sang, đắp đất, rào chung quanh lại cho kín.

Sau đó thím hãy đến nhà thờ xin cha và xứ đạo đọc kinh cầu nguyện cho người đã khuất và riêng thím cũng phải đến trước mộ mà trình bày với người chết đôi điều để giải nỗi oan khuất cho họ.

Bà Nghiệp đã làm đúng như lời người chị dâu bên chồng dặn. Bà đã đến trước mộ đọc kinh, cầu nguyện. Bà đã nói với người chết:

- Thưa chị, em là kẻ đến sau, hoàn toàn không biết chuyện thương tâm đã xảy ra cho chị trước đây. Thân con gái đi lấy chồng, em chỉ mong có chút con trai để nương nhờ về sau. Chị đã giết chết hai đứa con trai của em rồi, xin chị để cho em được nuôi những đứa còn lại. Em xin hứa sẽ xin lễ cầu nguyện cho chị và sẽ thường xuyên thăm viếng, săn sóc, sửa sang mồ mả cho chị.

Năm sau, mẹ Trinh sinh ra Trinh, được bình an vô sự. Bà Nghiệp sinh thêm hai đứa con gái nữa mới có được một đứa con trai duy nhất. Từ đó ông Nghiệp thay đổi tính nết, ông đã bỏ nghề cũ và xin làm thầy giáo dạy trường làng. Ông rất hối hận việc đã qua và quyết sống cuộc đời còn lại cho xứng đáng cho đến ngày ra đi, về thế giới bên kia.

Khi Trinh lớn lên, không một ai trong gia đình cho nàng biết chuyện đời trước.

Một hôm, Chính tình cờ đi ngang qua trường làng thấy ông giáo Nghiệp đang dạy học. Ông ngừng giảng bài nhìn ra...

- Con kính chào Thầy... Thầy có khỏe không?

- Chào anh Chính, trông anh giống bác quá, thấy anh tôi lại nhớ bác ngày xưa. Tôi và bác xem nhau như anh em ruột... Anh cứ gọi tôi bằng chú cho có tình. Hôm nào rảnh, mời anh đến nhà chơi, nói chuyện cho vui.

Chính "dạ" rồi từ giã ông giáo ra đi. Mấy hôm sau Chính bỗng đến thăm làm cho gia đình ông giáo và riêng Trinh nghĩ rằng Chính vẫn còn nhớ những kỷ niệm ngày xưa với Trinh nhưng lần đó cũng là lần cuối cùng, Chính không có dịp nào trở lại nhà Trinh nữa... Chính thi đỗ và vào Sài Gòn học...

Trinh trở thành vợ của Quang và có một đàn con. Vợ chồng làm ăn khá, có tiền vốn để dành. Các em của Trinh sau khi học hết Tiểu Học, cũng ra thành phố tiếp tục học lên Trung

Học để tìm đường tiến thân. Còn Tâm, người bạn của Trinh, chắc chắn cuộc đời của nàng xuôi thuận, không gặp chuyện gì khó khăn cả...

Sau lần gặp Tâm ở phố Trần Hưng Đạo, một hôm Chính tình cờ gặp lại mấy thằng bạn học:

- Ê Chính! Mầy quen con nhỏ Tâm ở phố Trần Hưng Đạo hồi nào mà tụi tao không biết?

- Cũng mới quen thôi.

- Con nhỏ đó khôn ngoan nhưng xem ra khó tính đấy. Biết bao người chạy theo cầu cạnh nó mà nó chẳng đoái hoài. Có thằng nhờ được người quen đưa thư tận tay mà nó không thèm trả lời. Con nhỏ tuy đẹp thật đó nhưng kiêu căng lắm! Mày làm sao đi chơi với nó được? Lại còn đi ăn với nó nữa chứ? Mầy giỏi thật!

- Sao chúng mày biết rõ thế?

- Có người trong bọn tao thấy tận mắt... Xứ Huế nhỏ bé như lòng bàn tay, chuyện gì mà thiên hạ không biết?

- Thánh nhân đãi kẻ khù khờ mà! Mình phải biết đâu là giới hạn chứ? Tao đâu dám ước mơ hạng vừa giàu vừa đẹp như nó! Tao chỉ gặp nó có một lần, tự nhiên khi gặp lại, nó nhớ, gọi đúng tên và mời tao vào nhà...

- Sao mày không tới luôn đi, còn chờ gì nữa?

... .

Mùa Xuân năm nay California trời ấm, hoa nở trên khắp mọi nẻo đường. Chính mới mua được một ngôi nhà ba phòng ngủ, hai phòng tắm, có vườn cây ăn trái. Sau mấy ngày dọn dẹp cỏ rác trong vườn, hôm nay Chính mới được thong thả, nghỉ ngơi. Chàng ngồi trên ghế xích đu ngắm nhìn ánh nắng mùa Xuân dịu dàng ấm áp về lại trên mảnh vườn xinh xắn. Tiếng chim hót đâu đó trong bụi cây, những cánh bướm trắng, vàng bay lượn trên những đóa hoa rực rỡ buổi sáng... Chính bỗng nhìn ra ngoài vườn, hai cây đào đang nở hoa phủ đầy từ gốc đến ngọn. Hoa đào ở đây không giống hoa đào ở quê nhà nhưng hình ảnh đó cũng gợi cho chàng bao kỷ niệm ngày xưa. Trong vườn nhà cha mẹ của Chính ở Việt Nam cũng có những hoa, những bướm năm nào hoa đào cũng nở rộ, những cành đào uốn cong úp vào ngọn trông như cái lồng đèn màu

hồng. Đào Việt Nam rất đẹp, Chính rất thích thứ hoa đào đó. Mỗi năm, đến mùa hoa đào, Chính thường chiết những cành đẹp nhất đem dâng tại đền Đức Mẹ hay biếu bà con, bạn bè... Chính nghe đâu đây có tiếng hát:

Rồi một ngày khi dứt chiến chinh,
Dưới trăng giữa mùa hoa đào...

7 tháng 4, 1998

Nguyễn Lý Tưởng

NGỰA HỒNG

Tôi nằm trên gác trọ, dưới ánh đèn mờ, tay ôm cuốn tiểu thuyết "Tiêu Sơn Tráng Sĩ" của Khái Hưng, hình ảnh "Ngang Tàng Công Tử Lê Báo" với nhà chí sĩ Phạm Thái như những gợi nhớ đã đưa tôi về dĩ vãng xa xưa. Tuấn mã hý vang trời, vó ngựa tung bụi mờ ngàn dặm, người tráng sĩ lên đường tranh đấu... Những cuộc hội họp bí mật của Đảng Phò Lê ở chùa Tiêu Sơn, những hành động táo bạo, mạo hiểm của Phạm Thái khi giết chết tên dâm tặc đội lốt sư cụ để chiếm cứ sào huyệt mưu đồ đại sự... đối với tôi sao mà thân thương, gần gũi đến thế!

Tôi sinh ra trong một gia đình trung nông, tổ tiên cũng có theo đòi Nho Học, hằng ấp ủ những đức tính cần cù nhẫn nại, cương trực thành tín. Dưới thời nhà Nguyễn, tổ tiên tôi vì theo đạo nên không được đi thi, không được tham gia chính sự. Học chữ thánh hiền là để biết đạo lý, biết đọc giấy tờ, sổ sách và nghiên cứu đông y để chữa bệnh cho gia đình và bà con làng xóm mà thôi.

Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, ông Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi ra Quảng Trị, rồi nhân danh vua truyền hịch cần vương bình Tây sát Tả... Tháng 8 năm đó, một lực lượng võ trang không biết từ đâu kéo đến bao vây làng tôi, một làng toàn tòng, giết sạch, đốt sạch... Hàng ngàn dân vô tội chết oan. Ông nội tôi may mắn sống sót. Thừa hưởng ruộng vườn của bà con đã chết để lại, trải qua hàng chục năm làm lụng, ông bà tôi đã trở nên một người giàu có trong vùng.

Ông bà sinh được ba người con trai, mỗi người có một cuộc sống khác nhau. Bác Cả làm thầy đồ dạy chữ Nho, được tước Cửu Phẩm Văn Giai. Bác là người gương mẫu, đạo đức, biết chăm lo ruộng vườn, ăn tiêu chừng mực, quanh năm chẳng đi đâu xa, chỉ sống với bà con làng xóm, lo giỗ chạp, lễ lượt trong gia đình, họ hàng. Bác thường nhắc nhở con cháu

phải sống đạo đức, tránh những điều tai tiếng cho dòng họ...

Bác thứ hai đã từng theo học tiếng Pháp tại trường Dòng Pellerin ở Huế, thi đậu vào ngạch Tham Phán Tòa Khâm Sứ (Secretaire Residentiel) nhưng không chịu ra làm việc cho nhà nước mà chỉ thích trồng hoa, câu cá, săn bắn, thù tạc với bạn bè. Bác có một con ngựa trắng thường gọi là ngựa Kim. Bác thường cỡi ngựa đi chơi với bạn bè, có khi vào quán uống rượu đến say gục trên bàn mà chưa chịu về. Mỗi lần như vậy, hàng quán chỉ việc đỡ ông lên nằm trên yên là ngựa cứ đường cũ đưa ông về tới nhà. Ông bác đó mất sớm vì bệnh dạ dày, mới ngoài bốn mươi tuổi.

Cha tôi khác với hai ông bác, người cũng được vào Huế học trường Dòng nhưng tính thích hoạt động xã hội và kết bạn với những người làm cách mạng, chính trị. Năm 1916, hai ông Thái Phiên và Trần Cao Vân tổ chức đem vua Duy Tân ra khỏi kinh thành để mưu đồ chống Pháp. Cuộc khởi nghĩa thất bại, hai ông bị xử tử, vua bị đi đày, nhiều người bị bắt giam, bị xét xử... Một hôm cha tôi từ Huế trở về nhà và dặn mọi người đừng đi đâu xa, đêm phải cửa đóng then gài cẩn thận vì sắp có biến... Về sau mọi người mới biết ngày đó chính là ngày vua Duy Tân trốn ra khỏi hoàng cung. Cha tôi vì có liên lạc với tổ chức cách mạng đó nên sợ bị bắt, phải trốn tránh nhiều năm trong nhà một quan Thượng Thư ở Huế để tránh con mắt của mật thám Pháp. Sau khi tình hình ổn định, cha tôi mới trở về nhà...

Trong thập niên 30, cha tôi thường hay đi các tỉnh miền Trung thăm bạn bè và hoạt động cho Hưng Nghiệp Hội Xã, với danh nghĩa buôn bán làm ăn nhưng bên trong có mục đích yểm trợ cho các tổ chức yêu nước chống Pháp. Sau khi Nhật đảo chánh Pháp ở Đông Dương, bạn bè của cha tôi ở các tỉnh xa thường đến chơi, có khi ở lại trong nhà suốt cả tuần.

Năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền, tôi chưa được sáu tuổi, mới bắt đầu cắp sách đến trường... Bỗng một hôm có mấy người trong Uỷ Ban Hành Chánh Kháng Chiến huyện đến nhà yêu cầu trao cho họ hai chiếc xe đạp của cha tôi và của anh tôi để cho họ sử dụng... Tôi nghe cha tôi nói với họ:

- Tôi dành dụm cả một đời mới sắm được chiếc xe đạp để đi lại làm ăn, nay các ông cậy thế chính quyền đến "cướp" xe

đạp của tôi. Thật vô lý quá!

Một tên trong bọn chúng giải thích:

- Không, Chính Phủ không lấy đâu! Chính Phủ chỉ mượn mà thôi!

Bọn chúng đông người lại có mang theo khí giới, đã ngang nhiên cướp mất hai chiếc xe đạp mang đi. Chúng trao cho cha tôi một mảnh giấy có ghi là Chính Phủ "mượn" hai chiếc xe đạp đó vì nhu cầu phục vụ kháng chiến, sau này kháng chiến thành công, sẽ trả lại. Hắn tự xưng là "Chính Phủ" (đúng hơn là người đại diện Chính Phủ)... Từ giọng nói, cử chỉ, cách ăn mặc của hắn và cả đến cái tên riêng của hắn nữa... cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ mãi.

Trần Hữu Dực trước đây đã từng ăn ở trong nhà tôi, dạy cho mấy anh tôi học chữ quốc ngữ, theo cha tôi đi các tỉnh hoạt động cho Hưng Nghiệp Hội Xã, sau hắn chuyển hướng theo đảng Cộng Sản. Năm 1945, Việt Minh lên nắm chính quyền, hắn được làm Chủ Tịch Trung Bộ, uy quyền rất lớn. Hắn biết cha tôi ghét Cộng Sản nên cho bọn đàn em đến bắt cha tôi, anh tôi. Vụ cướp xe đạp bị cha tôi chửi cũng đã tới tai hắn nên hắn sợ mang tiếng với quê hương...

Mấy tháng sau, chúng mang đến cho cha tôi một con ngựa ốm o, gầy còm, trông thật thảm thương để đền bù hai chiếc xe đạp đã bị chúng cướp mất... Nhà tôi mấy đời nuôi ngựa, cha tôi lại nổi tiếng là người cỡi ngựa giỏi. Những con ngựa bất trị, ngựa hay trở chứng ở trong vùng đều được đưa đến cho cha tôi huấn luyện. Quan lãnh binh họ Dương có một con ngựa hay nhảy, hay đá, ai ngồi lên mình nó cũng bị nó hất xuống đất... , ông đem ngựa đến nhờ cha tôi dạy, chẳng bao lâu nó cũng thuần tính.

Xem qua tướng ngựa, cha tôi biết đây là ngựa quý của một quan chức nào thời Pháp để lại, nay không có người chăm sóc, thiếu ăn nên trông có vẻ tiều tuỵ như vậy. Mỗi ngày, cha tôi dẫn ngựa ra sông cho tắm, cho ăn cỏ, ăn thêm bắp, lúa... nên chẳng mấy chốc trở nên béo tốt, trông rất đẹp mắt. Cha tôi đặt tên cho nó là ngựa Hường (Hồng) vì mình nó màu vàng. Ngựa đen thì gọi là ngựa Ô, ngựa trắng thì gọi là ngựa Kim.

Nuôi ngựa tốn kém mà đi lại thì không tiện lợi bằng chiếc xe đạp, nên sau đó nhà không nuôi ngựa nữa. Nay Việt Minh

lại đem ngựa đổi lấy xe đạp nên cha tôi bắt buộc phải nuôi ngựa trở lại.

Cha tôi có một người bạn là cụ Hoàng Trọng Thuần, có tiệm thuốc Bắc cách làng tôi mấy cây số. Mỗi buổi sáng, anh tôi cỡi ngựa chạy một vòng từ nhà lên huyện rồi ghé vào nhà Cụ Hoàng hốt thuốc cho mẹ tôi đang bị bệnh. Để lẫn trong những thang thuốc đó là những gói tài liệu, truyền đơn của Quốc Dân Đảng, phân phối đi các nơi qua trạm liên lạc là nhà của cụ Hoàng.

Có một lần, cha tôi đi xa về có đem theo hai ông khách lạ. Cha tôi giấu hai ông ở trong buồng, đến bữa ăn, cha tôi đích thân mang cơm vào cho hai ông. Cha tôi cũng bố trí người canh gác ở ngoài đường, hễ có ai lạ mặt đến nhà thì báo động ngay.

Tối hôm đó, có nhiều người đến nhà tôi. Sau khi mọi người vào nhà đông đủ, cha tôi liền đóng cửa, cài then cẩn thận. Tôi thấy ở giữa nhà có treo một lá cờ có hình ngôi sao trắng, mọi người nghiêm chỉnh hát:

- Trông sắc kìa sao trắng oai hùng...

Hát xong, mọi người đứng im lặng và cha tôi bắt đầu nói:

- Thưa các đồng chí, tôi xin giới thiệu: đây là hai đồng chí Hoàng Côn Bách và Trần Nguyên Khanh từ Trung Ương đến thăm và sinh hoạt với anh em chúng ta.

Từ ngày Việt Minh lên nắm chính quyền, hai chữ "đồng chí" rất quen thuộc với nhân dân Việt Nam, đi đâu cũng nghe người ta chào hỏi nhau bằng hai tiếng "đồng chí"... Tôi còn nhỏ chưa biết "đồng chí" nghĩa là gì nhưng mỗi lần bạn bè của cha tôi hội họp như thế, tôi đều nghe họ gọi nhau bằng đồng chí. Tôi nghĩ rằng đồng chí cũng như bạn bè thân thiết nên có khi tôi cũng gọi mấy thằng nhỏ trong xóm, bạn của tôi bằng đồng chí. Chẳng hạn "đồng chí Tèo ơi! đồng chí Nhóc ơi!". Mấy ông đồng chí của cha tôi ngồi lại với nhau là chửi bọn Việt Minh Cộng Sản, chửi Hồ Chí Minh... nên tuy nhỏ tuổi, tôi đã hiểu được Việt Minh là bọn xấu, Cộng Sản là bọn xấu, Hồ Chí Minh là người xấu...

Tết năm 1946, cha tôi đi ăn giỗ ở nhà cụ Phó Bảng Lê Nguyên Lượng, người làng Xuân Thành, cách làng tôi một cánh đồng. Sau này tôi được biết, cụ Phó Bảng là người lãnh

đạo đảng bộ Quốc Dân Đảng ở tỉnh Quảng Trị và cha tôi, anh tôi, cụ Hoàng Trọng Thuần, cụ Tú Nguyễn Văn Mân v.v... đều là thành phần Ban Chấp Hành Tỉnh Bộ. Quốc Dân Đảng là tên gọi tắt của Mặt Trận Quốc Dân Đảng Việt Nam, kết hợp hai tổ chức cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt Quốc Dân Đảng... Sau lễ giỗ, cụ Phó Bảng họp đồng chí và cha tôi được phân công đứng ra tổ chức một lực lượng võ trang để kháng Pháp và tự vệ gọi là "Đệ Tứ Khu"... .

Cha tôi đã bị Việt Minh bắt giam hai lần, một lần tại lao xá Quảng Trị, một lần tại Ba Tơ (Quảng Ngãi) cùng với cụ Lê Nguyên Lượng, cụ Hoàng Trọng Thuần, cụ Tú Mân v.v... Sau khi chính phủ Liên Hiệp ra đời tại Hà Nội, Việt Minh cho những người đối lập trong hàng ngũ Quốc Gia bị giam cầm được tự do. Cha tôi lại tiếp tục hoạt động nhưng ít khi ở nhà và thường trốn tránh nơi này, nơi khác.

Cho đến một hôm, cha tôi bị cảm mạo thương hàn rất nặng, phải trở về nhà để lo thuốc thang. Thế rồi vào một đêm trước ngày Toàn Quốc Kháng Chiến (20-12-1946), chúng kéo đến bao vây nhà tôi. Nghe tiếng người ồn ào trước nhà, cha tôi bèn leo lên trần nhà ẩn núp nhưng cũng không thoát được nanh vuốt của chúng.

Thấy cha tôi đang đau nặng liệu sức đi đường xa không nổi nên mẹ tôi đã xin phép để cho hai người trong nhà dùng võng tre khiêng cha tôi từ nhà đến trụ sở công an huyện. Đây là lần thứ ba cha tôi bị chúng bắt và cũng là lần cuối cùng để từ đó tôi vĩnh viễn không còn được gặp lại cha tôi nữa. Trại Đưng (Hà Tĩnh), nơi rừng thiêng nước độc, nơi những người quốc gia bị hành hạ thân xác, tinh thần rất dã man. Cha tôi đã chết trong trại tù vào ngày 25 tháng 11 năm 1947.

Cộng Sản bắt cha tôi và cướp luôn ngựa Hường...

Vào một buổi chiều cuối năm, tôi và bọn trẻ con trong làng chạy ra xem đoàn quân Việt Minh đang đi qua trước mặt làng. Những người lính mặc áo quần màu nâu, vai mang ba lô, chân đi dép râu, mặt mày hốc hác, đầy lo lắng đang đi qua làng tôi. Họ bước đi trong im lặng, không nói một lời. Họ đi rất vội vàng, cố đi cho nhanh kẻo quân thù đang đuổi tới sau lưng.

Ngày hôm đó hai cánh quân của Pháp tiến vào Quảng

Trị, một từ hướng Lào qua Khe Sanh xuống Đông Hà, một từ Đà Nẵng, Huế tiến ra. Tiếng súng đại bác mỗi lúc một gần, trời rét như cắt thịt, chim én bay vào nhà... Người chỉ huy ngồi trên ngựa, đi cuối cùng. Con ngựa gầy còm, trơ xương, bước đi không nổi, trông rất tội nghiệp.

Tôi bỗng nhớ đến con ngựa của cha tôi... Tự nhiên nước mắt tôi trào ra, không cầm được. Tôi bỗng kêu lên: "Ngựa Hường!". Con ngựa đang đi bỗng quay đầu lại, nhảy chồm lên, hất người sĩ quan xuống đất rồi chạy rất nhanh vào hướng nhà tôi.

Bọn lính chạy đến lôi kéo, giằng co, đánh đập túi bụi vào thân ngựa, bắt nó quay đầu trở lại đi theo đoàn quân. Chân đá, miệng hí lên những tiếng thật dài, con ngựa đó đem hết sức bình sinh ra kháng cự lại.

Ngựa Hường! Đúng là con ngựa của cha tôi. Nó nhớ chủ cũ, người đã cho nó ăn bắp, ăn lúa, đã tắm rửa, cắt bờm, săn sóc thương yêu nó, đã nuôi nó béo tốt... Nó căm tức kẻ thù của chủ đang cỡi lên lưng nó...

Bọn bộ đội Việt Minh kéo giằng con ngựa lại, đẩy nó đi tới... Có lẽ nó cũng không sống nổi sau trận đòn đày đọa dã man của kẻ thù và nghe đâu nó đã chết đói, chết khát sau khi đoàn quân đã qua được bên kia sông.

Lòng tôi bỗng thấy xót xa, thương cha, thương anh đã bị kẻ thù bắt đi và không biết hiện đang sống chết ở chốn rừng thiêng nước độc, nơi giam cầm tù tội nào? Còn đâu bước chân tuấn mã phi ngàn dặm, cất tiếng hí vang trời khi cha tôi, anh tôi ngồi trên mình ngựa ra đi... , còn đâu hình ảnh bất khuất, chí khí kiêu hùng dám hy sinh cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng của tiền nhân.

Tôi nhắm mắt lại, cuốn tiểu thuyết "Tiêu Sơn Tráng Sĩ" vẫn còn trên tay. Tai tôi vẫn còn nghe văng vẳng tiếng ngựa phi đàng xa, hình ảnh của một tổ chức cách mạng, hình ảnh những nhân vật tranh đấu trong tác phẩm của Khái Hưng, hình ảnh của chính tác giả, có lẽ ông cũng là người cùng thời với cha tôi, cùng chung ước vọng và cũng đã bị kẻ thù phi nhân, phi nghĩa giết hại.

3 tháng 7, 1997

Nguyễn Lý Tưởng

BA T. ĐỒNG KHÁNH

** Tặng các bạn Đồng Khánh-Quốc Học*

Lễ cầm lá thư của Hội Ái Hữu Quốc Học - Đồng Khánh mời tham dự đêm họp mặt Quốc Học Đồng Khánh Nam Cali với chủ đề "Trường Xưa Bạn Cũ" đến gặp tôi:

- Anh có nhận được thư mời...

- Có chứ, mọi năm thì mình đi theo cụ Võ Như Nguyện ở bên Pháp qua nhưng năm nay thì mình còn được thư mời cộng tác gởi bài cho Tuyển Tập Văn Nghệ...

- Anh là cựu học sinh Quốc Học?

- Không, mình bên phe Đồng Khánh...

- Anh là con trai, tại sao bên phe Đồng Khánh được?

- Mình là con rể Đồng Khánh thì thuộc bên phe Đồng Khánh, hơn nữa vua Đồng Khánh là "con trai chớ bộ!"

- Tôi không phải Quốc Học, cũng không được làm con rể Đồng Khánh... Tôi bị mấy cô Đồng Khánh chê... , vậy mà năm nào cũng nhận được vé mời khỏi trả tiền...

- Anh yêu cô nào bên Đồng Khánh rứa?

- Tôi yêu nhiều cô lắm mà không được cô nào cả.

- Số tôi thì chạy trời không khỏi nắng, đi Nam đi Bắc, cuối cùng cũng làm rể Đồng Khánh.

- Tôi hận mấy cô Đồng Khánh lắm... Hồi đó...

Mắt Lễ nhìn vào xa xăm như hồi tưởng lại quãng đời trai trẻ của mình. Năm nay anh đang bước vào tuổi sáu mươi. Hơn bốn mươi năm về trước anh học trường Pellerin (Bình Linh), ở nội trú.

Pellerin là một ngôi trường đẹp nhất Huế, nằm giữa một bán đảo, ba phía có sông bao bọc. Sông Hương và sông An Cựu gặp nhau ở đây rồi chia làm hai nhánh; một nhánh đi về Vỹ Dạ, ra cửa Thuận An; một nhánh đi xuống An Cựu, Hòa

Đa rồi đổ vào đầm Hà Trung.

Phía sông Hương thì cạn, đất bồi dần dần tạo nên một bãi phù sa rất tốt. Một khoảng trống làm sân đá banh, phần còn lại để trồng rau và làm bãi cỏ nuôi bò. Có hai bến tắm dành cho học sinh bên cạnh cây đa cổ thụ cành lá sum suê rất đẹp. Mỗi buổi chiều học sinh thường ra tắm ở đây sau giờ học và chơi thể thao.

Phía sông An Cựu, chảy qua cầu Ga, cầu Nam Giao, cầu Phủ Cam, cầu Kho Rèn và Cầu An Cựu... , bờ sông dốc đứng, rất sâu. Sông này gọi là sông Lợi Nông do các vua nhà Nguyễn cho đào để nối với sông Hòa Đa, tạo nên nguồn nước cứu hạn cho dân hai huyện Hương Thủy và Phú Vang.

Đường Huyền Trân Công Chúa từ cầu Bạch Thổ đến Cầu Ga rất đẹp, có những biệt thự hướng ra sông với cây cối xanh tươi. Buổi sáng, buổi chiều thường có những cô nữ sinh đi học về, đạp xe đi qua... Học sinh Pellerin đứng trên lầu nhìn xuống, ước mơ được theo em đi về xóm cũ... Mỗi lần thấy bóng dáng các cô áo trắng xuất hiện bên kia đường Huyền Trân Công Chúa, Lễ thường cất tiếng hát: "Ôi những nẻo đường Việt Nam... " rồi thả hồn theo bóng cô gái đi về cuối đường.

Gần cầu Ga có mấy cô Đồng Khánh hay bơi dọc theo sông An Cựu ra phía sông Hương. Có những lúc không có ai, họ ghé vào bến tắm của trường bên cạnh cây đa. Năm đó Lễ dọn thi Tú Tài. Gia đình ở Đà Nẵng nên sau kỳ nghỉ Hè, Lễ xin phép ở lại thêm vài hôm để dọn thi cho tiện. Sau khi bế giảng niên học, các sư huynh vào tuần tĩnh tâm, suốt ngày đọc kinh cầu nguyện, kiểm điểm bản thân, nghe thuyết giảng ở nhà thờ... Lễ và một vài người bạn ôm sách ra nằm gốc cây nhãn học bài.

Những cây nhãn bắt đầu sây trái vào mùa Hè, chàng trải chiếu nằm dưới gốc cây và thỉnh thoảng hái trộm nhãn để ăn. Mấy cô Đồng Khánh bên nớ lợi dụng lúc trường vắng học trò, các sư huynh cũng lên nhà thờ ở trên lầu để tĩnh tâm... nên mỗi buổi sáng thường bơi đến bến cây đa tắm và vui đùa với nhau một cách hồn nhiên như ở nhà... Lễ thường leo lên cây đa rậm rạp tha hồ nhìn trộm mấy cô... Thế rồi Lễ ngày đêm "mặt mơ tưởng mặt, lòng ngơ ngẩn lòng"...

Một hôm, chàng ra đứng cầu ga chơi, thấy cô nàng đạp xe đạp ngang qua. Cô không biết Lễ là ai nhưng chàng thì không sao quên được gương mặt xinh đẹp của nàng. Chàng còn biết cả tên của cô ấy nữa, cái tên cũng rất đẹp và bắt đầu bằng chữ T. Cứ khoảng sau 5 giờ chiều thế nào cũng thấy cô đi qua cầu ga về nhà ở đường Huyền Trân Công Chúa. Có lần, Lễ nổi máu anh hùng, mạnh dạn gọi tên T... khi cô vừa đạp xe ngang qua. Cô không nói gì cả nhưng ngày hôm sau cô đi thẳng vào phòng khách xin gặp Sư Huynh Giám Thị, mách chuyện đó với Thầy.

Sư Huynh Giám Thị tiếp mấy cô ở phòng khách rồi đi hái trái cây trong vườn của nhà trường, biếu mấy cô mang về. Thầy Giám Thị rất đẹp trai, tốt nghiệp Cử Nhân Văn Chương ở Đại Học Hà Nội, vẽ đẹp, đánh đàn hay, chơi thể thao cũng giỏi và bơi lội thì không ai sánh bằng. Thầy đã từng bơi qua sông Hương rồi bơi về lại một mạch không nghỉ. Thầy dạy Sinh Ngữ và Quốc Văn các lớp Trung Học và Tú Tài nên cũng được mời tham gia Hội Đồng Giám Khảo các kỳ thi ở Huế. Lễ cứ tưởng rằng sau vụ đó thế nào cũng bị Thầy phạt nhưng không thấy Thầy nói năng gì với Lễ và các bạn của chàng.

Chàng học chương trình Pháp nhưng năm đó cũng nạp đơn thi bên chương trình Việt. Năm đó chàng đậu cả hai bằng Tú Tài, cả Pháp lẫn Việt. Khi vào thi vấn đáp, chàng cũng gặp cô nàng đang đợi vào gặp giám khảo. Chàng gọi ngay tên cô để chào nhưng nàng chỉ "ư... " một tiếng rồi quay mặt đi không trả lời và cũng không thèm bắt chuyện. Nghe nói sau khi đậu Tú Tài ít lâu, T. đi lấy chồng. Ông ấy lớn hơn nàng gần hai chục tuổi và là một người có địa vị trong xã hội!

Đó là mối tình thứ nhất và là một mối tình câm, chỉ có một phía mà không được đáp lại. Sau khi đậu Tú Tài, Lễ không còn ở nội trú nữa và đã cùng bạn bè về thuê nhà ở gần Nam Giao đi học. Mỗi ngày chàng đạp xe đạp từ dốc Nam Giao xuống, ngang qua nhà một cô Đồng Khánh. Cô này có mái tóc thề, xõa ngang vai rất đẹp. Trông cô có vẻ hiền lành chứ không kiêu ngạo như cô T. Lễ tìm dịp làm quen, biết được tên của cô, cũng bắt đầu bằng chữ T. Năm đó cô đang học lớp Đệ Tam trường Đồng Khánh. Chàng canh giờ để làm thế nào vừa lúc cô T. thứ hai này ra khỏi nhà thì chàng cũng vừa tới nơi và cố

cho xe chạy song song để bắt chuyện với T. thứ hai nhưng cô cứ nghiêng nón che mặt, cúi đầu đạp xe đi mà không nói một lời nào. Từ ngày gặp T. hai, Lễ không còn nhớ gì đến T. thứ nhất ở đường Huyền Trân Công Chúa nữa. Lễ thấy cô T. thứ hai này rất dịu dàng, dễ thương, lại là con nhà nghèo, không phải giàu sang như T. cầu ga mà Lễ đã thầm yêu trộm nhớ trước đây. T. thứ nhất thì đã sang ngang, ván đã đóng thuyền, "ngựa hồng đã có tri âm, cổ tay đã có người cầm" rồi thì thôi nhưng T. Nam Giao thì chưa có người nào nên Lễ đã đặt hết hy vọng vào cô này. Được ít lâu, bỗng nghe tin gia đình cô dọn nhà đi chỗ khác và cô cũng đã bỏ học để đi lấy chồng, một Trung Úy nào đó, người hoàng phái! Lễ buồn không thể tưởng tượng được.

Thế là hai lần mơ ước một cô Đồng Khánh mà không được. Lễ cứ nghĩ rằng mấy cô Đồng Khánh đã có mấy anh Quốc Học gác cổng rồi, làm sao vào lọt được! Chàng bỏ xóm Nam Giao dọn nhà về đường Phan Chu Trinh, cạnh cầu Kho Rèn và nhà máy thủy điện Huế. Đối diện với nhà chàng ở, bên kia bờ sông An Cựu là đường Phan Đình Phùng cũng có một cô nữ sinh rất dễ thương. Cô này không phải người Huế, mới chừng mười lăm, mười sáu tuổi. Mỗi buổi chiều Lễ thường ra đứng trên cầu nhìn các cô đi học về... Rồi chàng đi theo cô đó cho đến tận nhà. Cô này cũng có cái tên bắt đầu bằng chữ T nhưng không phải là Thu, là Tâm, là Thảo, là Thương, là Thanh, là Tú, là Tố, là Trinh, là Trà... mà là một cái tên gần như tên con trai. Lễ ít thấy con gái có cái tên như vậy.

Cô T. thứ ba này, Lễ thương nhất. Trông gương mặt của cố rất hiền, dễ thương nhưng nghiêm trang, đứng đắn. Cô có mái tóc rất đẹp, vừa đen vừa rậm, người ta thường gọi là tóc mây. Miệng cười rất có duyên, ăn nói nhỏ nhẹ dễ thương với đôi mắt sáng và đôi mày lá liễu cong vút trông có vẻ quý phái lắm. Lễ nhờ người cháu tên là Mai, học cùng lớp tìm hiểu gia cảnh của cô. Cha mẹ của cô làm công chức ở tỉnh xa. Cô về đây học, trọ nhà bà con. Mùa lạnh cô mặc một chiếc áo len hở cổ màu xám và tuồng như cô chỉ có một chiếc áo đó mà thôi vì Lễ không thấy cô mặc chiếc áo nào khác. Cô đã từng được chọn làm đại diện cho các nữ sinh mang bó hoa lên chúc Tết Ban Giám Đốc trong ngày hội Xuân của trường, xem như cô cũng

là hoa khôi trường đó rồi.

Lễ dặn Mai phải làm sao thường gần gũi, thân mật với T. thứ ba và tìm cách giới thiệu Lễ với nàng. Chàng chưa kịp tỏ tình vì nghĩ rằng nàng còn quá nhỏ tuổi, sợ sớm đi vào con đường tình ái thì sẽ xao lãng việc học hành. Năm đó nàng thi đỗ Trung Học và Lễ cũng được tin nàng đã vào học trường Đồng Khánh sau một kỳ thi tuyển. Thế là Lễ lại yêu một cô Đồng Khánh nữa rồi... Thật là số chạy trời không khỏi nắng! Lễ đeo đuổi cô này đến ba năm, cho đến khi cô vừa đậu Tú Tài Toàn Phần thì năm đó Lễ cũng vừa tốt nghiệp Đại Học, bắt đầu đi làm. Lễ nghĩ rằng đây là thời điểm để cho mình chính thức đến với cô.

Lễ viết một bức thư, trình bày tất cả tâm tình của mình từ ngày thấy mặt cô T. lần đầu, thầm yêu trộm nhớ cô, sau hơn ba năm, bây giờ mới dám bày tỏ nỗi lòng của mình. Lễ đã nhờ Mai đích thân mang thư đến tận tay cho T. thứ ba và với tư cách bạn bè, Mai đã trình bày thêm cho T. thứ ba biết về Lễ cũng như trả lời những thắc mắc của cô.

T. thứ ba nhận thư mà không trả lời... nhưng sau đó, Lễ cũng tìm dịp gặp riêng cô. Có lần Lễ đặt thẳng vấn đề và yêu cầu cô trả lời, hoặc dứt khoát từ chối, hoặc còn đang suy nghĩ hay là chàng còn phải đợi bao lâu nữa thì cứ nói cho biết... nhưng cô chỉ trả lời: "Em không biết... " rồi lại nói lãng sang chuyện khác...

Câu chuyện của Lễ đến với T. ba, trong gia đình cô cũng như bạn bè đều hay biết và dư luận xem như hai người đã hứa hẹn với nhau rồi nhưng trên thực tế thì Lễ vẫn chờ đợi và chưa được sự trả lời chính thức của cô.

Thế rồi Tết Mậu Thân xảy đến, khắp xứ Huế tang tóc, T. bỗng biệt tích nơi đâu không biết. Lễ không tìm ra địa chỉ của cô cũng như không biết cha mẹ nàng ở đâu mà liên lạc. Trước tình trạng chiến tranh khốc liệt, Lễ phải lên đường vào trường Bộ Binh Thủ Đức theo lệnh Tổng Động Viên, mang theo hình ảnh của người yêu, cũng là một cô Đồng Khánh, mà không thành vợ chồng. Hai năm sau, khi Lễ mang cấp bậc Trung Úy ngành Chiến Tranh Chính Trị, phục vụ tại Tiểu Khu Thừa Thiên thì cô đã đi lấy chồng...

Lễ qua Mỹ theo diện tỵ nạn (HO). Đã ba năm rồi, vào dịp

Tết, Lễ đều nhận được giấy mời kèm theo vé đi dự "đêm họp mặt" Đồng Khánh-Quốc Học tại nhà hàng Sea Food World, thành phố Westminster, Nam Cali, Hoa Kỳ. Chàng không biết ai đã gởi thư đó cho mình.

- Anh có nghĩ rằng một trong ba cô Đồng Khánh ngày xưa đã gởi thư và vé mời cho anh không?

- Điều đó tôi cũng không biết nữa. Làm sao họ biết địa chỉ của tôi mà gởi?

- Thế anh có biết tình trạng của ba cô cùng có tên khởi đầu bằng chữ T. hiện nay ra sao không?

- Tôi có gặp chồng của cô T. nhất trong nhà tù cải tạo. Ông ta quá suy nhược và trông già không thể tưởng tượng được. Tôi nhờ bạn bè ở chung phòng với ông ta tìm hiểu hoàn cảnh gia đình vợ con của ông thì được biết vợ con ông hiện đang ở ngoại quốc. Ông ấy đã chết tại Việt Nam rồi và nghe đâu T. đó cũng đã có chồng khác rồi.

- Còn T. hai thì sao?

- T. hai có chồng là sĩ quan như anh đã biết và anh ta cũng bị kẹt lại Việt Nam sau 30-4-1975 như tôi và cũng bị tù cải tạo tại miền Bắc vì anh ta mang cấp bậc Trung Tá. Có lẽ bây giờ gia đình đó cũng đang định cư ở Mỹ...

- Còn T. ba của anh hiện nay ở đâu?

- Nghe đâu nàng theo chồng đi ngoại quốc trước 1975, hiện nay không biết ở đâu? Có người nói nàng cũng đang ở Mỹ...

- Anh có nghĩ rằng một trong ba T. đó đã gởi vé mời anh đi dự "đêm họp mặt..." không?

- Tôi không bao giờ nghĩ rằng chuyện đó có thể xảy ra được.

- Chắc một người bạn trai nào đó của anh thuộc nhóm Quốc Học gởi vé cho anh?

- Nếu là bạn trai thì họ xưng tên tuổi và cho biết địa chỉ, số điện thoại chứ? Tại sao phải giấu tên? Chắc phải có chuyện gì lấn cấn đây...

- Còn có cô Đồng Khánh nào mà anh chưa đề cập đến trong mối "hận tình" của anh không?

- Cũng có một vài trường hợp khác nhưng quá mơ hồ, chưa có thể nói đó là một mối tình được.

- Thì anh cứ kể ra đi, xem sao.

Nói xong, tôi lại cho thêm nước sôi vào bình trà và rót đầy chén mời Lễ uống. Tôi còn mở bao thuốc lá mới, mời anh hút để cho có nghị lực và thêm cảm hứng để nhớ lại chuyện xưa.

Lễ nhìn khói thuốc bay lên trần nhà rồi chậm rãi kể tiếp:

- Tôi cũng còn hai trường hợp nữa vương vấn với cô nữ sinh Đồng Khánh nhưng chỉ thoáng qua mà thôi...

Năm đó, tôi mới mười tám và cô nàng vào khoảng mười lăm, mười sáu. Nàng tên là N. và là em ruột của người bạn cùng lớp với tôi. Nàng rất đẹp, ảnh của nàng được đóng khung và treo ở tiệm Mai Ly, gần cửa Thượng Tứ, Huế nhưng ảnh không đẹp bằng người. Một hôm, trường tôi có tổ chức văn nghệ, bán vé giúp trẻ em nghèo vào dịp Tết. Chúng tôi được phân công đi bán vé trong thành phố. Tôi và D. mang vé đi từng nhà. Khi ngang qua nhà anh ấy, tôi thấy bà mẹ đứng trước cửa hàng liền cất nón chào. Bà mời tôi vào nhà hỏi chuyện. Tôi nói:

- Cháu và anh D. được phân công đi bán vé cho trường... Hãy còn một số vé chưa bán được.

- Để cô mua cho mấy vé.

Nói xong bà xé luôn hai vé giúp chúng tôi.

- Cám ơn cô đã mua giúp cháu.

- Có gì đâu mà cám ơn. Hôm nào rảnh ghé lại chơi.

- Cháu là học sinh nội trú, ngày Chủ Nhật mới được phép đi chơi.

- Cũng được, khi nào đi ngang qua đây thì ghé nhà cô.

- Dạ.

Đêm trình diễn văn nghệ, anh em chúng tôi được phân công làm hàng rào danh dự, đón khách từ cổng trường vào... Tôi thấy bà mẹ của D. dẫn hai cô con gái đến, liền chạy ra đón.

- Chào cô. Để cháu dẫn cô vào...

- Cô chỉ có hai vé mà đến ba người... Cháu cho cô hai chỗ, hai em N. và PH. ngồi chung một ghế cũng được.

- Dạ, xin cô để cho cháu sắp xếp.

Tôi liền đưa mẹ của D. và hai cô em vào hội của trường, nơi thường diễn kịch, chiếu phim hay tổ chức những ngày lễ lớn... Tôi mời bà và cô PH. ngồi vào ghế có số dành riêng cho khán giả và mang đến cho cô N., em út của D. một cái ghế nhỏ

dành riêng cho tôi.

- N. tạm ngồi đây, ghế này dành riêng cho tôi nhưng tôi phải chạy lui chạy tới tiếp đón khách nên cô cứ ngồi đây, đừng ngại.

Bà mẹ của D. và cô em út cám ơn tôi rối rít. Để cho họ ngồi yên chỗ, tôi mới đi ra ngoài. Khi đã kiểm soát vé xong và bắt đầu chương trình văn nghệ, tôi mới vào và đứng bên cạnh N. Nàng thấy tôi liền đứng dậy, hai chị em ngồi chung một chỗ nhưng tôi bảo nàng cứ ngồi, tôi còn phải chạy đây chạy đó nên không cần ghế... Tôi đứng cạnh nàng, thỉnh thoảng nàng liếc nhìn tôi và tôi cũng nhìn lại, đôi mắt chúng tôi gặp nhau... Nàng bỗng e thẹn cúi mặt xuống. Hôm đó tôi thấy mặt nàng đẹp tợ trăng rằm, có lẽ dưới ánh đèn sân khấu càng làm cho nàng linh động thêm lên, tựa như tiên nữ ở chốn Bồng Lai vậy. Nàng có nước da trắng hồng, khuôn mặt đầy đặn, hiền nhưng hơi pha chút lãng mạn. Tôi chưa bao giờ gặp được một gương mặt đẹp đẽ như vậy nhưng chỉ một lần đó thôi, tôi không còn có dịp gặp lại nàng.

D. bạn tôi, bị động viên vào quân đội và đã chết ở chiến trường xa. Anh ta có vợ con và được chôn cất ở quê vợ. Sau đó, tôi có đến thăm bà mẹ của D nhưng không gặp N. Năm năm sau tôi thấy nàng cắp sách đến Đại Học, nàng bây giờ không còn đẹp như xưa nữa và nghe đâu nàng cũng đã có chồng.

Người thứ hai cũng là cô nữ sinh Đồng Khánh nhưng tôi quen cô khi vào Đại Học. Chúng tôi học chung một lớp và cô ở gần nhà. Cô quá giàu và đẹp nổi tiếng, xem như hoa khôi ở Huế một thời. Tính cô rất tự nhiên, ăn mặc rất giản dị, màu trắng, màu xanh, màu đen hay màu đà tùy theo thời tiết. Không thấy cô mặc áo có hoa hay mặc đồ đầm, quần tây... nhưng cô vẫn nổi bật lên giữa mọi người. Cô có dáng người cao lớn như Tây Phương, nước da trắng, mũi cao trông như gái Nhật. Ngay từ năm dự bị Đại Học, đã có người có địa vị, giàu có, thế lực ở Huế đi hỏi cô nhưng người đó lớn hơn cô mười mấy tuổi nên cô không chịu. Mỗi lần ông đó đến nhà, cô đều tránh mặt, có khi qua nhà tôi ngồi nói chuyện cả buổi cho đến khi thấy xe của khách ra khỏi nhà cô mới chịu về. Hồi đó, tôi đang theo cô T. thứ ba ở bên kia cầu Kho Rèn nên không

mơ ước chi đến cô Đồng Khánh đang học Văn Khoa này. Năm tôi chính thức đến với T. thứ ba thì năm đó cô kia cũng vừa đỗ Cử Nhân và sau đó đi du học ngoại quốc. Nghe đâu đã có chồng và hiện nay gia đình cũng tan nát, mỗi người một nơi.

- Mấy lần anh đi dự "đêm họp mặt... ", anh có gặp người nào quen biết ngày xưa không? Có ai là một trong những cô T. của anh hồi đó hay không?

- Mấy "o nớ" nay đã thành "mệ" cả rồi, có "o" mập như cái lu, tóc bạc, răng giả... Tuổi gần 60 cả rồi... , mần răng mà giữ được nhan sắc như ngày xưa! Có gặp thật đó chắc mình cũng nhìn không ra!

- Nhưng anh cũng còn nhớ tên?

- Tên tuổi bây giờ cũng khác xưa chứ? Người ta lấy chồng thì lấy tên chồng, nhập quốc tịch Mỹ thì lấy tên Mỹ, thậm chí cái tên Việt Nam ngày xưa bây giờ cũng đảo ngược. Chẳng hạn Phạm Đình Trọng thì viết là Trọng Phạm (người có tội, người tù) hay Lê Thị Thanh Hương thì viết là Thanh Lê... , đố ai mà tìm cho ra.

- Nhưng căn cứ vào họ tộc của người ta thì mình cũng có thể đoán ra được chứ?

- Cái đó cũng chịu thôi. Có cả vạn người cùng mang một họ tộc, nam nữ cũng không phân biệt được thì làm sao mà tìm cho ra.

- Tôi tin rằng một trong những người gởi vé cho anh không phải là bạn trai của anh mà có thể là một trong những T. Đồng Khánh nào đó của anh ngày xưa, biết đâu nàng còn nhớ tới anh và trong bóng tối, nàng âm thầm theo dõi anh. Trong ba T. đó thì T. thứ ba có vẻ có tình nghĩa với anh nhiều nhất, biết đâu có chuyện hiểu lầm gì đó mà chuyện bất thành. Bây giờ nàng nghĩ lại, càng thương anh hơn. Tình trạng gia đình của anh bây giờ ra sao?

- Kể như độc thân.

- Vợ con của anh đâu?

- Sau 1975, tôi đi ở tù, gia đình tan nát, vợ con cũng không còn.

- Anh qua Mỹ theo diện HO?

- Tất nhiên rồi, tôi bị 10 năm tù trong trại cải tạo của Việt Cộng.

- Anh mang cấp bậc gì?

- Đại Úy Chiến Tranh Chính Trị.

- Nếu gặp lại một trong ba T. Đồng Khánh ngày xưa mà nàng đồng ý sống chung với anh, anh có chịu không?

- Điều đó khó có thể xảy ra vì tôi bây giờ đã già rồi mà lại kiếp sống bấp bênh, chẳng có tài sản, nghề nghiệp gì, chỉ kiếm đủ tiền nhà, tiền cơm cũng đã khó lắm rồi.

- Biết đâu có người không cần tiền bạc, chỉ cần tình yêu mà thôi. Mình già thì họ cũng già. "Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng, Cau khô ăn với trầu vàng xứng không?"... Bây giờ anh nói thật đi: "Anh còn yêu T. nào ngày xưa nữa không?"

- Trong ba T. đó, mình yêu T. thứ ba nhất.

- Ngày 13-12-1998 này mình đi dự "đêm họp mặt Đồng Khánh-Quốc Học" nhé! Thế nào tôi cũng tìm cho ra T. thứ ba của anh để cho anh gặp lại người xưa.

Lễ cười:

- Ừ thì chúng mình cùng đi dự cho vui, ít ra cũng được thưởng thức một đêm văn nghệ đượm tình quê hương, dân tộc với những hình ảnh của "mấy o nớ" ngày xưa.

20 tháng 9, 1998

Nguyễn Lý Tưởng

ÔNG KHÁCH QUÝ CỦA MỆ

Vào một buổi chiều cuối năm Đinh Mão (15 tháng 2 năm 1988), trước Tết Mậu Dần một hai hôm gì đó, trên chuyến tàu thống nhất từ Hà Nội vào Sài Gòn, tôi đã đi qua Đèo Ngang. Từ trên núi nhìn xuống, phong cảnh Sông Gianh tuyệt đẹp. Đẹp như chưa bao giờ tôi thấy được bất cứ ở đâu trên khắp bốn bể năm châu mà tôi đã đi qua. Đọc sử sách, tôi biết nhiều về vùng đất này nhưng tôi không thể tưởng tượng rằng Sông Gianh chiều nay đẹp đến thế! Bỗng nhiên tôi nhớ lại những người quen biết, những bậc thầy và anh em bạn bè của tôi sinh trưởng trong miền đất ấy. Tôi muốn nói đến làng Hòa Ninh, nằm ở phía Bắc Sông Gianh, có lẽ tàu vừa đi qua làng đó cách đây không bao lâu, chừng một giờ đồng hồ hay ít hơn.

Tôi không hề nhớ đến làng Hòa Ninh khi tàu đi qua đây nhưng khi từ trên Đèo Ngang nhìn xuống phong cảnh tuyệt đẹp của Sông Gianh, tôi mới nhớ đến Hòa Ninh. Năm 1968, tôi đọc được một tài liệu, đúng hơn là một bản tin do những người làng Hòa Ninh thực hiện, lúc đó tôi mới có dịp biết thêm về Hòa Ninh và sau này, đọc "Quê Hương Bọ Mạ" của Hoàng Đình Hiếu, tôi mới thấy được tình yêu quê hương nơi những người con của Hòa Ninh.

Người Hòa Ninh đầu tiên mà tôi có duyên may được quen biết là Giáo Sư Nguyễn Phương, Trưởng Ban Sử, Đại Học Văn Khoa và Sư Phạm Huế, Hội Trưởng Hội Sử Học Việt Nam. Tiếng lóng mà anh em chúng tôi mỗi khi nói về ngài là "Bọ". Dân miền Trung từ Nghệ An vào đến Quảng Trị thường

gọi cha mình là "Bọ" và mẹ mình là "Mạ". Sư phụ của tôi là một Linh Mục, tiếng Pháp thường gọi là "Père", tiếng anh là "Father" nghĩa là Cha. Thay vì gọi là Cha Phương thì tôi gọi ngài là "Bọ". Tôi có mấy người bạn cùng lớp thường liên lạc mật thiết với nhau trong một nhóm và thường dùng tiếng lóng "Bọ" để ám chỉ sư phụ Nguyễn Phương.

Năm 1959, tôi bước chân vào Năm Thứ Nhất khóa đầu tiên Viện Hán Học Huế, đã biết đến ngài; rồi năm sau đó, tôi được học với ngài. Giáo Sư Nguyễn Phương được Ban Giám Đốc Viện Hán Học mời dạy môn Sử Nhật Bản cho sinh viên. Từ đó tôi thường đến gặp ngài để mượn sách vở, tài liệu nghiên cứu về lịch sử. Quả thật ngài là một nhà thông thái đã khai quang điểm nhãn cho chúng tôi để có một căn bản về sử học sau này. Sau ba năm ở Viện Hán Học, chúng tôi chuyển hướng và nộp đơn thi vào Ban Sử Địa trường Đại Học Sư Phạm Huế.

Tôi nhớ mãi một kỷ niệm, kết quả thi nhập học năm thứ nhất, anh Nguyễn Thắng Cảnh, người làng Hòa Ninh được sắp hạng nhất và tôi hạng nhì. Cảnh và tôi thuê nhà ở chung với nhau và qua Cảnh, tôi lại có dịp biết thêm về Hòa Ninh. Một hôm, Giáo Sư cho anh em chúng tôi biết ngài sẽ tổ chức một cuộc du khảo về lịch sử tại vùng Ái Tử (Triệu Phong, Quảng Trị), nơi đóng quân của chúa Nguyễn Hoàng vào năm 1558, khi mới vào làm trấn thủ đất Thuận Hóa. Hôm đó, Đại Úy Phạm Bá Thích, Chánh Sở An Ninh Quân Đội ở Huế đã cho mượn một chiếc xe Jeep và cho tài xế đưa Cha Phương và sáu anh em chúng tôi đi Quảng Trị. Tất cả là tám người kể cả tài xế. Chiếc xe chỉ có hai hàng ghế ngồi, phía trước là tài xế và Cha, ghế sau chỉ có hai chỗ ngồi. Tôi không hiểu làm sao có thể chứa hết sáu anh sinh viên nữa. Bây giờ kể lại chắc không ai tin lời tôi nói là thật.

Mẹ tôi được tin Cha Phương và anh em sinh viên Đại Học Sư Phạm Ban Sử Địa từ Huế ra Quảng Trị nên đã chuẩn bị một bữa cơm và rất hân hạnh được mời Cha và anh em ghé thăm. Có hai người làng Hòa Ninh lần đầu tiên đến thăm nhà cha mẹ tôi (tại làng Dương Lộc, xã Triệu Thuận, quận Triệu Phong, Quảng Trị) đó là Giáo Sư Nguyễn Phương và anh Nguyễn Thắng Cảnh. Sau đó, chúng tôi chạy ngược từ Dương Lộc lên

thị xã Quảng Trị rồi qua cầu ga xe lửa ra hướng Bắc, đến Ái Tử. Chúng tôi được một người địa phương hướng dẫn đi xem chân thành của Nguyễn Hoàng, hiện còn một số gạch xưa; xem nơi đúc súng đạn, hiện còn nhiều viên chì bên bờ sông và xem nơi đặt súng đại bác để kiểm soát tàu bè ra vào gọi là mô súng. Các trại gia binh của các đơn vị quân đội chúa Nguyễn như Tiền, Hậu, Tả, Hữu, Trung ngày xưa nay đã trở thành các thôn Tiền Kiên, Hậu Kiên, Tả Kiên, Hữu Kiên, Trung Kiên. Trên bãi cát Ái Tử ngày xưa nay còn một ngôi chùa gọi là Miếu Bông, từ đời Vĩnh Tộ (niên hiệu của vua Lê Thần Tông, 1619-1628)... và nhiều di tích khác nữa. Từ làng tôi muốn đi Ái Tử phải qua sông Thạch Hãn. Nếu đi xe hơi thì phải đến thành phố Quảng Trị rồi mới qua cầu ga chạy ra hướng Đông Hà...

Sư phụ Nguyễn Phương rất gần gũi với anh em chúng tôi và dần dần đã xem chúng tôi như những người bạn vong niên, bạn nhỏ tuổi hơn mình. Sau khi lập Hội Sử Học Việt Nam vào mùa Hè 1965, đến ngày 15-7-1967 thì Giáo Sư Trần Vinh Anh, nguyên Hiệu Trưởng trường Phan Chu Trinh (Đà Nẵng), Tổng Thư Ký của Hội bị tử nạn vì công vụ, do đó Giáo Sư Nguyên Phương, người sáng lập và là Chủ Tịch tiên khởi của Hội và tất cả anh em hội viên đã đề cử tôi làm Tổng Thư Ký Hội Sử Học. Bộ Nội Vụ đã chính thức ban hành Nghị Định cho phép Hội được hoạt động hợp pháp và tháng 7-1969, đáp lời mời của Hội Sử Học Đài Loan, Cha Phương và tôi đã dự hội nghị về Sử học Đông Nam Á họp tại Đài Bắc. Trước đó một năm, vào tháng 10-1968, tôi đã đề nghị với ông Hoàng Quý Lục (Chi Lou Hoang), Quán Trưởng Quốc Sử Quán kiêm Hội Trưởng Hội Sử Học Đài Loan cho in lại bộ "Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục" của Việt Nam hiện còn lưu trữ tại Trung Ương Quốc Lập Thư Viện (Đài Bắc) và công tác đó đã hoàn tất vào dịp khai mạc hội nghị Sử học 7-1969 tại đây. Cha Phương và tôi, môi người được tặng một bộ Sử quý giá này. Sau 30-4-1975, ngài đã qua Mỹ, dạy học, viết báo và đã qua đời tại Dòng Đồng Công, Carthage, Missouri 1993.

Mùa Hè năm 1963, tôi gặp Hoàng Đình Hiếu, người làng Hòa Ninh. Hiếu bấy giờ mới từ Đại Chủng Viện Xuân Bích Huế "hoàn tục" và ghi tên học Đại Học Văn Khoa. Qua sự giới thiệu của Nguyễn Thắng Cảnh và Mai Hữu Lý, tôi đến thăm

Hiếu ở Tây Lộc và cùng Hiếu ra Thạch Bình (Sịa) thuộc quận Quảng Điền (Thừa Thiên) gặp Linh Mục Nguyễn Văn Đông bàn chuyện mở trường Trung Học tư thục Công Giáo tại đây. Sau khi nghiên cứu tình hình địa phương, chúng tôi thấy có quá nhiều trở ngại nên rút lui. Rồi Hiếu xin được việc làm tại Đài Phát Thanh Đông Hà, cách Bến Hải (vĩ tuyến 17) chừng vài chục cây số. Dịp đó, tôi mời Hiếu về thăm Dương Lộc quê tôi. Tôi đã dẫn Hiếu đi khắp làng, thăm lăng các thánh tử đạo thời Văn Thân (1885), thăm nhà ông Nguyễn Cao Thăng, Dược Sĩ, Giám Đốc Việt Nam Dược Phẩm Cuộc (OPV) ở Sài Gòn, một tỷ phú đã từng là Dân Biểu thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm và là Phụ Tá của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu trong những năm 1968-1970. Khi tôi và Hiếu đến chơi thì một trong hai người cháu gái của ông Nguyễn Cao Thăng, nổi tiếng hoa khôi một thời, đang nghỉ Hè tại đây. Cô này là bạn cùng học một trường với người con gái Đông Hà mà Hiếu có quen biết...

Chúng tôi đã đi đò qua ngã ba Giã Độ, một khoảng sông rộng và thường có sóng to gió lớn vào mùa Hè để đến Đông Hà. Phong cảnh vùng này rất đẹp và cũng là nơi có nhiều di tích lịch sử, giai thoại lịch sử thời chúa Nguyễn Hoàng, mối tình giữa Lập Bạo, tướng nhà Mạc và Ngô Thị Lan, hầu thiếp của Nguyễn Hoàng, miếu Lập Bạo, bến Trảu Trảu... Tôi đã đóng vai một hướng dẫn viên du lịch để thuyết trình về địa lý và lịch sử cũng như các danh nhân của vùng này cho Hiếu nghe. Chia tay nhau tại Đông Hà, tôi trở về Huế và Hiếu đã ở lại đây. Sau đó tôi được tin Hiếu đã "ngã ngựa", người thắng cuộc là một cô gái rất trẻ, học sinh trường nữ Trung Học tư thục Jeanne d'Arc ở Huế mà tôi vừa giới thiệu là bạn của người cháu gái của ông Nguyễn Cao Thăng... .

Từ ngày chàng "ngã ngựa", tôi cũng ít khi gặp lại chàng cho đến bảy tám năm sau, vào năm 1970 hay đầu 1971, tôi tình cờ gặp Hiếu tại Đà Nẵng. Hiếu bây giờ là sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Tôi về nhà Hiếu ngủ lại một đêm nhưng đêm đó đứa con gái của Hiếu mới ngoài một năm tuổi, không hiểu vì lý do gì đã khóc suốt đêm... , thế là tôi cũng chẳng ngủ được tí nào! Sáng hôm sau tôi dậy sớm và từ giã Hiếu ra đi, chưa kịp thấy mặt vợ Hiếu ra sao. Tôi còn nhớ hồi cô ấy còn là

học sinh, tôi đã từng gặp nhưng không để ý lắm vì tôi cứ nghĩ rằng "con người ta hãy còn nhỏ", không ngờ chưa đầy một năm sau đã làm vợ, làm mẹ rồi!

Tôi và Cảnh thuê nhà ở chung với nhau, mùa Hè năm 1963, khởi đầu bằng vụ Phật Giáo Huế tranh đấu chống chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm rồi đến vụ Giáo Sư, sinh viên biểu tình phản đối việc cách chức Linh Mục Cao Văn Luận, Viện Trưởng Đại Học Huế. Sau ngày Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, anh em chúng tôi bị lôi cuốn vào các hoạt động chính trị, một bên là những sinh viên tranh đấu chống chính quyền và dần dần ngã theo Cộng Sản, rút vô vùng địch sau vụ chính quyền "đàn áp phe tranh đấu" vào mùa Hè 1966, một bên là những sinh viên với lập trường quốc gia chống Cộng... Năm 1964, Cảnh lâm hoạn nạn, bị phạt ở lại lớp "hai năm liền" vì tội "phạm trường quy" còn tôi thì bị phạt ở lại lớp một năm vì lý do "ngăn cản công việc điều hành ngành giáo dục". Trường hợp của Cảnh thì có lý do rõ ràng, còn trường hợp của tôi thì rất mơ hồ, chẳng ai hiểu vì lý do gì. Tôi cho rằng đây chỉ là chuyện "trả thù" vì lý do chính trị của phe "đối lập" với tôi trong Đại Học Sư Phạm.

Năm 1964, tôi đã đứng ra đảm nhận công tác điều hành một trường Trung Học tư thục ở Phù Lương (Hương Thủy, Thừa Thiên) để giúp anh em có việc làm tiếp tục học. Cảnh phải bám vào trường này mà sống. Khổ cho Cảnh là đã cưới vợ khi còn là sinh viên. Vợ đi làm ở Sài Gòn, chồng ra Huế học. Thời gian này tôi thường liên lạc với Linh Mục Cao Văn Luận qua địa chỉ của ông Hạnh (thường gọi là Lý Hạnh) và viết cho các báo Xây Dựng (của Linh Mục Nguyễn Quang Lãm), Tự Do (của Giáo Sư Phạm Việt Tuyền), Sống Mới (của ông Trương Xuân Phong), Sống (của Chu Tử)... Tôi lại có dịp quen Linh Mục Nguyễn Viết Cư, Giám Đốc Công Giáo Tiến Hành Toàn Quốc và hai người cháu của ngài là Nguyễn Đình Đông và Nguyễn Thế Hùng. Cha Cư cũng là người làng Hòa Ninh...

Mùa Hè năm 1965, tôi lao đầu vào các cuộc vận động chính trị, bỏ thi để đi tổ chức biểu tình tại Quảng Tín, Thừa Thiên và Quảng Trị. Sau đó, tôi vào Nha Trang tình cờ gặp Linh Mục Cao Văn Luận, ngài đã đưa tôi đến giới thiệu với Linh Mục Benoit Trần Minh Phương, Giám Đốc Công Giáo

Tiến Hành Giáo Phận Nha Trang. Tôi dạy trường Bá Ninh của các Sư Huynh La San và trường Kim Yến (sau đổi tên là trường Hưng Đạo) của Cha Trần Minh Phương. Tôi thường đi theo Cha Luận đến thăm các làng Công Giáo di cư gốc giáo phận Vinh. Lúc bấy giờ Cha Luận thay Cha Khẩn làm Bề Trên giáo phận Vinh. Tôi đã về vùng Tân Bình, Văn Tứ ở Cam Ranh, đa số là dân làng Hòa Ninh.

Giữa tháng 7 năm 1965, cụ Phanxicô Xavie Nguyễn Thịnh, thân sinh của Linh Mục Nguyễn Phương qua đời. Với tư cách là học trò của Cha Phương, tôi và các bạn đã đến xin chịu tang và giúp lo việc tống táng. Tôi còn nhớ, trước giờ khâm liệm cụ cố, tôi đại diện anh em đến gặp "mệ" (mẹ cha Phương) và xin mệ cho anh em chúng tôi "để tang" cho cụ cố. Mệ có vẻ ngần ngại. Tôi liền thưa với mệ:

- Thưa mệ, chúng con là học trò của cha Phương mà cha Phương là người đi tu, nên ngài xem chúng con như con cái của ngài. Do đó, đối với "ôông, mệ", chúng con cũng là con cháu trong nhà. Vì lý do đó, chúng con xin "để tang" cho cụ cố.

Đưa đám xong, chúng tôi trả lại khăn tang trên mộ và từ giã mệ, từ giã cha để ra đi. Mệ và Cha đều tỏ ra ngậm ngùi khi chia tay...

Tôi đã bỏ thi cuối năm để đi tổ chức biểu tình và đã nhờ một Bác Sĩ quen chứng nhận rằng thời gian đó tôi đang nằm bệnh viện... vì vậy nhà trường đã trình với Bộ và Bộ đã ra nghị định cho tôi được thi lại vào mùa Hè 1965. Tôi liền bỏ Nha Trang trở về Huế.

Những xáo trộn chính trị từ 1963 đến mùa Hè 1966 đã được dẹp yên. Tháng 12 năm 1966, sau khi tốt nghiệp, tôi được bổ nhiệm làm Giáo Sư tại trường Duy Tân, Phan Rang, sau đó, về làm việc tại Bộ Giáo Dục. Năm 1967, tôi ứng cử và đắc cử Dân Biểu Hạ Nghị Viện tại Thừa Thiên. Thời gian này Cảnh cũng đã tốt nghiệp nhưng lại nhận được lệnh trình diện nhập ngũ. Tôi phải vận động cho Cảnh làm Giáo Sư tại trường Nguyễn Hoàng (Quảng Trị). Cảnh đi nhận việc được ít lâu thì phải lên đường vào trường sĩ quan Thủ Đức.

Tôi và Cảnh lại gặp nhau ở Sài Gòn. Cảnh thường dẫn tôi đến nhà "Mệ Thông" gần nhà thờ Vườn Xoài (Các Thánh Tử

Đạo Việt Nam). "Mệ Thông" là mẹ của Đại Tá Nguyễn Quang Thông, Tỉnh Trưởng Tây Ninh. Lúc bấy giờ "Ôông mệ" vẫn còn đủ mặt trong nhà nhưng người ta biết đến "mệ" nhiều hơn "ôông". Mỗi lần đến thăm mệ, tôi thường được mời ăn cau trầu với mệ. Thấy tôi biết ăn cau trầu như người nhà quê xưa, mệ rất ngạc nhiên. Tôi bèn giải thích rằng mẹ tôi cũng thường hay ăn cau trầu và vườn nhà tôi ở Dương Lộc trồng nhiều cau và cũng có đến mấy giàn "trầu không" là giống trầu mà người sành điệu rất ưa thích. Nhờ biết ăn cau trầu nên tôi được mệ xem là "ông khách quý của mệ". Mỗi lần tôi đến chơi, dù đang bận việc, mệ cũng ra phòng khách tiếp tôi. Mệ thường nói:

- Để mệ ra chào "ông khách quý của mệ".

Vì thế, mọi người trong nhà thường gọi tôi là "Ông khách quý của mệ".

Cảnh giới thiệu với mệ, tôi biết xem chỉ tay, tướng số, tử vi v.v... nên mệ thường đưa bàn tay cho tôi xem. Tôi nói rằng, tướng mệ rất tốt, cuộc đời an nhàn, con cháu sum vầy, thành đạt và đặc biệt là "ôông mệ" sống lâu trăm tuổi. Thật vậy, về sau cả hai ông bà đều sống ngoài trăm tuổi.

Cô con gái út của Mệ cũng thích xem tướng. Một hôm cô nhờ tôi xem chỉ tay cho cô. Tôi nói rằng, số cô sẽ lấy chồng khác quê và xa cha mẹ, cô sẽ ở ngoại quốc... Tôi chỉ nói chừng đó rồi im lặng không nói nữa. Cô cứ bắt tôi phải đoán thêm nhưng tôi trả lời: "Chờ xem trong tương lai có đúng như lời tôi đoán không đã rồi mới nói tiếp được".

Sau ngày 30-4-1975, tôi bị bắt đi "học tập cải tạo", một hình thức tù khổ sai biệt xứ và bị đưa ra giam chung với Đại Tá Nguyễn Quang Thông tại trại Hà Tây và Nam Hà (miền Bắc Việt Nam). Chúng tôi hoạt động cho Phong Trào Fatima Quốc Tế và trong nhóm chúng tôi có anh Phạm Ngọc Du, người Hòa Ninh, bà con với anh Thông. Năm 1979, từ trại Hà Tây, tôi bị đưa đi biệt giam tại nhà giam Hỏa Lò Hà Nội vì có người báo cáo tôi hoạt động chống đối, gây ảnh hưởng xấu trong trại... Đầu năm 1980, tôi được trở về trại Hà Tây.

Một hôm chị Thông ra thăm, anh Thông nhờ Du mời tôi ăn cơm. Trời rét, tôi không đủ áo mặc cho ấm nên anh Thông đã cho tôi một áo jacket của quân đội. Trong khi nói chuyện

với nhau, anh Thông rất ngạc nhiên vì thấy tôi biết nhiều về cha mẹ, anh em của anh. Nhân tiện, tôi hỏi thăm từng người trong gia đình và được biết anh Toán cũng bị tù như chúng tôi và được về sớm vì bị bệnh ung thư. Sau khi anh Toán qua đời, chị Toán cũng bị tử thương vì tai nạn xe hơi. Con cái qua Mỹ vào ngày 30-4-1975 trong khi đó cha mẹ lại không đi được. Vợ chồng cô út vượt biên bị bắt, cuối cùng cũng đi được qua Australia (Úc)...

Anh Thông là người đạo đức, gương mẫu và am hiểu nhiều vấn đề, nhất là giáo lý Công Giáo nên được anh em rất kính trọng, có điều gì thắc mắc thường nhờ anh chỉ bảo cho.

Trước lễ Giáng Sinh năm 1980, có Cha Phạm Minh Thiện Dòng Chúa Cứu Thế bị giam tại trại Thanh Cẩm (Thanh Hóa) được đưa về trại Hà Tây đợi tàu đi Sài Gòn. Ngài ở trong một phòng giam riêng biệt, mỗi ngày nhà bếp mang cơm nước đến cho ngài, anh em không được phép đến gần. Nghe tin đó, chúng tôi đã bí mật liên lạc với ngài và báo tin cho anh em tìm cách đến gặp ngài để xưng tội vì đã nhiều năm trại chúng tôi không có Linh Mục. Trước khi rời trại, cha đã rửa tội cho một cựu Đại Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và đã để lại Mình Thánh, Máu Thánh Chúa cho anh Thông giữ để giúp anh em khi cần thiết. Mỗi ngày anh Thông thường ngồi nghiêm trang chầu Mình Thánh Chúa đặt trên gối ở đầu giường anh nằm.

Từ tháng 10 đến lễ Giáng Sinh năm 1980, anh em chúng tôi phát động một phong trào hát Thánh Ca thay vì hát nhạc tình cảm. Mỗi Chúa Nhật chúng tôi tổ chức hát khi ở buồng này, khi ở buồng khác nhưng chưa có dịp hát ở buồng anh Thông vì là buồng dành riêng cho thành phần Đại Tá và đang trong thời gian học tập (khai báo) nên bọn công an cấm không cho anh em các buồng khác liên hệ. Sáng Chúa Nhật 28-12-1980, sau lễ Giáng Sinh, chúng tôi quyết định sẽ đến hát tại buồng này. Anh em chúng tôi chia nhau canh gác ở các lối đi. Trong lúc anh em tập trung hát ở trước sân thì ở trong buồng, anh em Công Giáo lần lượt đến cầu nguyện trước Mình Thánh Chúa đặt ở chỗ anh Thông.

Bất ngờ có tiếng la inh ỏi "ăn trộm! ăn trộm!" vì bọn tù hình sự ở buồng khác lẻn vào nhà kho trộm đồ đạc của anh em tù chính trị. Tên công an trực trước cổng trại chạy vào đuổi

theo tên ăn trộm... và bất ngờ băng qua vườn rau đến thẳng buồng anh Thông mà không theo các lối đi thường ngày do đó những anh em canh gác bên ngoài không kịp báo động cho anh em bên trong. Trong tình thế cấp bách, tôi liền hô to: "Anh em giải tán". Tức thì anh em bỏ chạy hết chỉ còn lại tôi, anh Bửu Uy (Trung Ương Tình Báo), Đại Tá Bảo (Công Binh) và anh Giới (Đại Úy Không Quân). Anh Uy ngồi hát, Đại Tá Bảo và anh Giới đánh đàn, tôi ngồi bên cạnh. Chúng tôi chấp nhận hy sinh chịu trận để đỡ cho anh em. Tên cán bộ công an thấy tôi liền nói: "Anh Tưởng qua đây làm gì, về buồng ngay". Nói xong hắn tịch thu tang vật gồm các bài hát và hai cây đàn.

Hôm sau, Ban An Ninh trại mời từng người ra hỏi cung và lập biên bản. Ngày 8 tháng 1 năm 1981, trại tập họp tất cả tù lại gần hai nghìn người và đọc bản quyết định phạt kỷ luật:

- Nguyễn Lý-Tưởng bị cùm một chân trong nhà kỷ luật thời hạn hai tuần vì lý do "hát Thánh Kinh". Không được nhận thư từ, tiếp tế và gặp gia đình trong thời hạn sáu tháng.

- Anh Bảo bị cảnh cáo và bị phạt không được nhận thư từ, tiếp tế và gặp gia đình trong thời hạn sáu tháng.

- Anh Bửu Uy và anh Giới cũng bị phạt như anh Bảo.

Trong ba người thì tôi bị nặng nhất: "Cùm một chân trong nhà kỷ luật"... Đọc quyết định xong, công an dẫn tôi về buồng lấy đồ đạc và đi vào nhà kỷ luật. Đó là một khu vực biệt lập, chung quanh có tường bao bọc, cửa khóa đêm ngày, không ai được đến gần ngoại trừ lính canh và bọn cán bộ trực trại. Một chân bị cùm trong một cái còng sắt, treo hỏng lên, không được mặc áo ấm, chỉ có một cái áo mỏng manh trên người vào mùa Đông rét mướt. Mỗi ngày hai lần được một chén cơm với muối, có khi ăn bắp, khoai hay mì hạt (lúa mạch) thay cơm và được lưng lon nước để uống, rửa mặt, súc miệng. Bên cạnh có một cái thùng gỗ để chứa phân, ỉa, đái tại chỗ, không có giấy lau phải xé áo mà lau, ngày đêm phải bị muỗi cắn vì không có chỗ treo mùng. Từ khoảng nửa đêm trở đi, mỗi lần đổi phiên gác, lính đi ngang qua phòng gõ cửa, bên trong phải báo cáo tên để chúng biết rằng phạm nhân hãy còn sống. Suốt đêm phải mấy lần báo cáo như vậy nên không ngủ được. Không được nói chuyện với người cùng phòng hay với phòng bên cạnh. Nếu cán bộ bắt được thì gia hạn kỷ luật. Trong khi bị kỷ

luật, chúng tôi phải viết tờ tự kiểm nhận lỗi và ăn năn hối cải mới được tha.

Trong bài tự kiểm, đại ý tôi nói rằng: "Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, là thành phần thuộc chính quyền Sài Gòn trước 1975, tôi đã tự động đi trình diện học tập cải tạo để được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà Nước. Nhà Nước không bắt tôi đi học tập cải tạo vì lý do tôi là người theo đạo Công Giáo. Hiến Pháp của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cũng đã minh định rõ ràng: "Mọi người dân đều được quyền tự do tín ngưỡng". Việc tôi hát Thánh Ca là thanh cao, trong sáng, không phải là điều xấu và đó là một hình thức thực hiện tự do tín ngưỡng của tôi. Việc đó không trái với luân lý đạo đức và lương tâm con người, do đó tôi cảm thấy không có điều gì sai trái. Việc trại bắt tôi thi hành kỷ luật là không đúng, là bất công. Tôi phản đối điều đó".

Anh em trong trại đã chỉ trích việc thi hành kỷ luật đối với tôi, do đó sau hai tuần bị cùm, tôi được trở về buồng và tiếp tục đi lao động bình thường nhưng chúng vẫn cho người theo dõi và báo cáo từng lời nói hoặc hành vi, cử chỉ của tôi vì chúng cho rằng tôi là người chủ xướng phong trào hát Thánh Ca trong trại.

Tôi sống gần anh Thông cả chục năm, ở chung một nhà nên chuyện gia đình, quê hương, bạn bè liên quan đến làng Hòa Ninh, anh đều kể cho tôi nghe. Tôi thường nói với anh: "Làng Hòa Ninh có "Hòa" mà không có "Ninh". Hòa là hiền hòa, ôn hòa, hòa thuận với nhau. Điều đó thì mọi người đều có thể đạt được nhưng Ninh là an ninh, bình yên, không chiến tranh, bom đạn, đời sống không xáo trộn, không tai nạn, tù tội, không mất mát... thì dân làng Hòa Ninh không có. Bằng chứng là thời vua chúa bắt đạo, nhất là thời Văn Thân 1885, dân làng này nhiều người bị mất nhà cửa, bị tù tội và bị sát hại và trong cuộc chiến 1945-1975 cho đến bây giờ, dân làng Hòa Ninh phải bỏ làng di cư vào Nam, người ở lại thì bị áp bức, bị đấu tố, bom đạn đổ xuống, nhà cửa tan nát, dân không được yên ổn làm ăn.

Anh Thông nói rằng điều nhận xét đó rất đúng.

Mới đây, chúng tôi lại nghe tin nhà thờ Hòa Ninh bị cháy,

kẻ trong, người ngoài chạy đôn chạy đáo xin tiền trùng tu lại nhà thờ. Anh Nguyễn Thế Hùng, bút hiệu Linh Phong có gửi cho tôi bài "Hòa Ninh còn đó nỗi niềm" đăng trên Nguyệt San Hiệp Nhất số 75 tháng 3-1999 và tôi cũng đang vận động cho nhà thờ Hòa Ninh bằng cách chạy đến với Thánh Giuse... Hy vọng có người (hay tổ chức) sẽ giúp tiền... , như thế là đúng với nhận xét "có Hòa mà không có Ninh".

Một nhận xét nữa, Hòa Ninh là nơi xa xôi hẻo lánh nhưng lại là đất phát về Văn Học: những vị khoa bảng thời xưa tôi không biết chứ thời nay thì rất nhiều, trong đó có các vị Linh Mục mà tôi biết như Linh Mục Nguyễn Viết Cư (Tiến Sĩ), Linh Mục Nguyễn Phương (MA), Linh Mục Nguyễn Tiến Huynh (Tiến Sĩ) là những người tôi quen biết. Nếu viết lại đây những kỷ niệm của tôi với những vị ấy thì không sách vở nào chứa hết. Ngoài những vị tiền bối đó, còn biết bao nhiêu nam nữ tu sĩ, anh em trí thức, khoa bảng trong làng, các thế hệ sau, bạn bè của tôi cũng nhiều. Xin để cho Hoàng Đình Hiếu làm công việc sưu tầm này.

Sau ngày ra khỏi nhà tù Cộng Sản Việt Nam, người Hòa Ninh đến thăm tôi trước hết là anh Nguyễn Thắng Cảnh rồi Nguyễn Đình Đông... Thầy Nguyễn Sĩ Nhàn, anh ruột của Cảnh (mới qua đời) cũng là người quen biết thân tình, đã từng giúp đỡ tôi những khi túng ngặt. Tôi cũng đã từng cộng tác với Linh Mục Nguyễn Tiến Huynh, Hiệu Trưởng trường Thiên Hựu và Giáo Sư Đại Học Huế thời gian tôi làm Giáo Sư trường Thiên Hựu và Tổng Thư Ký Hội Cựu Học Sinh trường này... Nhà tôi cũng là học sinh Thiên Hựu lớp 10, cũng mang ơn ngài... Năm 1991, tôi lên Pleiku dự lễ thụ phong Linh Mục của Cha Nguyễn Quang Vinh, cậu họ của bà xã tôi, tình cờ tôi gặp Sơ Huệ, dòng Saint Paul tại Kontum. Sơ cũng là người Hòa Ninh và biết tôi là bạn của Cảnh...

Qua Mỹ, tôi lại gặp nhiều người Hòa Ninh như Đại Tá Đoàn Trọng Tín, các ông Nguyễn Bá Linh, Đoàn Vi Hân, Trương Minh Hòa ở Orange County (Nam Cali), Nguyễn Thế Hùng và nhóm thân hữu ở San Jose (Bắc Cali). Năm 1994, Hoàng Đình Hiếu ở Grand Prairie, Texas, có gửi cho tôi một cuốn sách nhan đề "Quê Hương Bọ Mạ". Tôi không biết "quê hương bọ mạ" ở đâu? Đọc qua nội dung tôi mới biết "quê

hương bọ mạ" là làng Hòa Ninh, phía Bắc sông Gianh thuộc tỉnh Quảng Bình. Thật tình tôi chưa một lần đến đó nhưng nhớ lại ngày được ra khỏi tù, ngang qua sông Gianh mới nhớ lại gần đó có làng Hòa Ninh là quê hương của Sư Phụ Nguyễn Phương và nhiều bạn bè của tôi. Đêm 7 tháng 3 năm 1998, tôi đến Dallas, Texas để sinh hoạt với cộng đồng người Việt ở đây, người ra đón tôi ở phi trường là Hoàng Đình Hiếu, người Hòa Ninh, quê hương bọ mạ. Hôm 18-12-1998 ra mắt sách "Đàn bướm lạ trong vườn" tại Houston, Texas, tôi cũng gặp một số người gốc Hòa Ninh... Họ xem tôi như người làng. Qua bạn bè, họ đã biết cả lý lịch và quá trình hoạt động của tôi khi còn ở Việt Nam, còn trong nhà tù Cộng Sản... Tôi cảm thấy như mình đã mang ơn Hòa Ninh rất nhiều, nhất là tình cảm bạn bè.

Theo lời yêu cầu của anh Hoàng Đình Hiếu, tôi xin ghi lại một vài cảm tưởng về Hòa Ninh. Xin cầu chúc cho giáo xứ Hòa Ninh sớm xây dựng lại thánh đường, cầu chúc cho "Quê Hương Bọ Mạ" sớm ra mắt bà con và trong tương lai sẽ có người viết về "Quê Hương Ông Mệ" để thi tài với Hoàng Đình Hiếu, tác giả của "Quê Hương Bọ Mạ", một đề tài nghe lạ tai đối với người Bắc, người Nam... nhưng rất quen thuộc với dân miền Trung từ Nghệ An đến Quảng Trị... Xin cám ơn tất cả mọi người và đặc biệt nhớ đến linh hồn sư phụ Phanxicô Xavie Nguyễn Phương và các ân nhân đã qua đời...

10 tháng 3, 1999
Tháng kính Thánh Giuse
Nguyễn Lý Tưởng

HOA THỦY TIÊN

Thi nhân lạc vào rừng giữa mùa hoa huy hoàng của vũ trụ. Muôn cây căng đầy nhựa sống, lá non tươi đổi lốt áo cho rừng già cằn cỗi. Ngàn hoa đua nở, cười đùa với gió Xuân, tỏa ra dưới ánh sáng, muôn màu, muôn hương, muôn nhạc điệu mơ hồ.

Thi nhân nhẹ bước qua đám cỏ xanh, men theo dòng suối róc rách tuôn qua những kẻ đá như mời gọi. Gió nhẹ từ trong các cành lá dịu dàng chuyển đến như mơn trớn. Những nụ hoa mới nở, duyên dáng như nụ cười giai nhân. Cánh bướm nhởn nhơ trên những khóm hoa nhỏ bé màu tím nhạt. Từng sợi tơ trời lang thang qua tám hướng dẫn vào những lối nhỏ đường quê.

Thi nhân bỗng phát hiện ra một loài hoa quý hiếm với những cánh màu trắng nõn nà, điểm nhụy vàng lấm tấm, đang tỏa hương thơm ngát. Thi nhân say sưa nhìn ngắm tiên hoa như cố ôn lại trong sử sách câu chuyện của nàng.

Tiên hoa bỗng mỉm cười:

- Thi nhân ạ! Em chính là Hoa Thủy Tiên! Ngày xưa em là một người đẹp trên tiên giới và có một cặp vợ chồng, sống cuộc đời hiền lành đạo đức, chỉ ước mơ có một đứa con gái đẹp nhưng trải qua hàng chục năm sống với nhau mà vẫn cô đơn. Thượng Đế cảm động trước tấm lòng chân thành của ông bà nên đã cho em đầu thai làm con của ông bà. Đêm trước khi mẹ sinh em, bà nằm mộng thấy một vị thiên sứ đến báo tin cho bà: "Cô bé đang ở trong lòng bà đây sẽ là một cô gái đẹp nhất trên trần gian này nhưng ông bà phải cẩn thận đừng để cho cô bé biết được nhan sắc của mình vì điều đó sẽ là tai họa cho bé và là nỗi khổ đau cho ông bà sau này".

Từ đó, ông bà cất giấu những gương soi tận đáy hòm và luôn ở bên cạnh, cưng như trứng, hứng như hoa, không hề rời xa bé nửa bước. Hai ông bà sống hạnh phúc, ngày đêm dược chiêm ngưỡng nhan sắc đẹp tuyệt trần của con gái mình. Ông bà đặt tên cho bé là Thủy Tiên.

Vào một buổi sáng mùa Xuân, Thủy Tiên phát hiện ra một đàn bướm lạ trong vườn. Nàng mãi mê theo đàn bướm đi qua những cánh đồng, qua những rừng cây, men theo dòng suối đến một nơi đầy hoa thơm cỏ lạ... Tiếng sáo tiên đồng dìu dặt xa đưa, có khi cao vút tận trời xanh, có khi là đà trên mặt nước. Đàn bướm như dẫn đường, đưa Thủy Tiên đi mãi đi hoài cho đến khi mặt trời đúng ngọ, chói chang quạt những tia nắng xuống mặt đất, làm cho người nàng mồ hôi nhễ nhại. Thủy Tiên thấy miệng lưỡi khô ráo, cơn khát làm cho người nàng mệt lả đi. Nàng cố đuổi theo đàn bướm, những sợ chúng bay đi mất.

Khát quá, nàng ngã xuống bên bờ suối, ngất đi. Dòng nước mát làm cho nàng tỉnh táo, nàng cố vươn tới, ngụp đầu uống thỏa thích cho đến khi cảm thấy trong người khỏe khoắn trở lại. Mặt nước xao động, bóng nàng ngả nghiêng trên làn sóng. Nàng ngạc nhiên thấy dưới đáy nước hình bóng một cô gái xinh đẹp. Nàng im lặng, không cử động cho đến khi mặt nước không còn gợn sóng, nàng bỗng khám phá ra gương mặt xinh đẹp của mình. Nàng bèn kêu lên:

- Ô kìa, chính ta đó! Ta đẹp! Ta đẹp quá! Ta đẹp hơn tất cả mọi cô gái trên đời này!

Rồi nàng cất tiếng cười thật lớn, cười một cách ngây ngất, điên loạn...

Trời cao như đã đến lúc lấy lại người đẹp của cõi trần. Bỗng một cơn giông tố ập đến và tiếng sấm sét vang động cả một vùng. Thủy Tiên bỗng ngã lăn ra trên mặt đất. Tim ngừng đập, nàng không còn sống nữa.

Xác nàng vẫn nằm bên bờ suối cho đến khi tan rữa ra thành tro bụi. Từ nơi đó đã mọc lên một loài hoa lạ, những cánh hoa trắng ngần, điểm lấm tấm nhụy vàng với mùi hương tinh khiết. Loài hoa ưa nước sạch trong với những viên đá cuội nhỏ tròn trịa, vươn lên trong sương đêm, thu hút khí trời vào mùa Xuân. Người ta gọi đó là hoa Thủy Tiên! Tao nhân

mặc khách, văn nhân thi sĩ thường chọn Thủy Tiên để trưng bày trong phòng khách, trước thềm nhà với một cung cách rất trân trọng.

Thi nhân cúi xuống bên tiên hoa, hôn lên gương mặt xinh tươi của nàng, thì thầm:

- Thủy Tiên ơi! Hôm nay ta tình cờ gặp nàng ở đây. Ta xin rước nàng về, đặt nàng ở phòng thơ của ta. Từ đây, ta sẽ có nàng làm bạn văn chương, cùng nhau xướng họa. Nàng sẽ là nguồn cảm hứng của ta. Ta sẽ cất cao lời ca tụng Thượng Đế, Đấng tạo dựng và an bài mọi sự trong vũ trụ, Đấng ban cho ta sự sống và tình yêu, Đấng ban cho thế gian vẻ đẹp muôn màu, muôn sắc. Nàng đã được ca tụng là loài hoa vương giả, hoa quý phái. Ta sẽ trân trọng nàng, tôn quý nàng.

Rồi mỗi năm đến mùa Xuân, Thủy Tiên lại đâm chồi nảy lộc, vươn lên từ lòng đất. Hoa Thủy Tiên ưa bình nước sạch với những viên sỏi trắng thật đẹp, tượng trưng cho sự thanh cao, tinh khiết. Cùng với Thủy Tiên, nhân loại chào đón mùa Xuân, chào mừng năm mới.

Nguyễn Lý Tưởng

MÁ LÚM ĐỒNG TIỀN

Người ta gọi hắn là "Anh Đồ" vì hắn là người gốc Quảng Nam là nơi có truyền thống Nho học, đất "Ngũ Phụng Tề Phi", nhiều người đỗ đạt thời vua chúa, thời Nho học cực thịnh ở nước ta trong thế kỷ 19 nhất là dưới các triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... Trước năm 1954, hắn bị kẹt trong vùng kháng chiến, không có trường học như ở các thành phố nên hắn vừa học chữ Quốc Ngữ vừa học chữ Hán với người trong nhà. Sau 1954, hắn mới thi đậu Tiểu Học rồi Trung Học. Ngày hắn bước chân vô Đại Học thì tuổi đã gần 30 và đã có vợ con khi còn ở quê nhà rồi.

Hắn ghi tên học ban Việt Hán. Vị Giáo Sư trẻ biết hắn nên mỗi lần có bài mới, ông thường nhờ hắn viết lên bảng màu đen cả bài văn chữ Hán bằng phấn trắng. Nét chữ của hắn ngay ngắn, thẳng hàng, có hoa tay, chững chạc chẳng khác chi thầy đồ viết câu đối thuê cho người ta vào dịp tết vì thế anh chị em trong lớp thường gọi hắn là "Anh Đồ".

Trong lớp có ba nàng tôn nữ, lúc nào cũng ngồi hàng ghế trước, đối diện với bàn của Thầy. Cô thứ nhất tên Tôn Nữ Kim Lan, cô thứ hai là Tôn Nữ Chi Lan và cô thứ ba là Tôn Nữ Diệu Lan, còn lại là đều là con trai. Hôm nào lớp đông nhất cũng khoảng mươi người, những ngày khác chỉ còn lèo tèo năm, bảy cậu sinh viên mà thôi. Người xứ Huế đọc Lan thành ra "Lang" (thêm chữ "g"). Khi nói chuyện với nhau thì mấy cậu thường dùng tiếng lóng "ba cô" hay "tam lang". Trong ba cô đó, có một cô má lúm đồng tiền rất có duyên. Anh Đồ si mê nhất cô đó... Ngồi hàng sau, anh thường khe khẽ ngâm:

- Một thương má lúm đồng tiền...

Anh kia đáp lại:

- Tam lang ơi hỡi tam lang...

Rồi có anh chọc quê mấy cô:

- Lang Chi?
- Lang cẳng.
- Cẳng chi?
- Cẳng giò.
- Giò chi?
- Giò heo.
- Heo chi?
- Heo lang.
- Lang chi?
- Lang cẳng.

... .

Lúc đầu mấy cô im lặng nhưng về sau, mấy cô giận quá, đáp lại:

- Đồ mất dạy!

Lại có tiếng cười khúc khích...

- Một thương má lúm đồng tiền...

Ra khỏi lớp, trên đường trở về nhà, Anh Đồ nhớ lại một kỷ niệm xưa.

Mấy năm trước đây, khi anh chưa bước chân vào Đại Học, trong xóm anh có một cô gái đang học lớp Đệ Ngũ, Đệ Tứ gì đó (bây giờ là lớp 8, lớp 9), nhỏ người nhưng rất xinh. Mỗi ngày đi đi, về về, ngang qua nhà cô gái, có khi gặp nhau, anh nói:

- Chào cô em.
- Chào chú.

Rồi đường ai nấy đi.

Có một đêm trăng, mùa Hè nóng nực, nghe tiếng bọn trẻ con trong xóm nô đùa trước sân banh bên cạnh trường học, anh cũng xếp sách lại để ra ngoài hóng gió. Anh nằm trên ghế đá, nhìn lên bầu trời trăng sao. Có tiếng chân người đi qua, anh vẫn nằm im lặng, không lên tiếng, giọng nói của mấy cô học trò trong xóm nghe quen quen. Anh nhận ra giọng của cô kia... Cô đến gần bên ghế đá công viên...

- Chú cũng có mặt ở đây à?
- Trời nóng quá.
- Mùa Hè mà... Tất cả học trò trường em đã nghỉ rồi... , ai về nhà nấy
- Tôi chưa về được, thi cử xong mới về.

- Rứa à?

*

* *

Anh Đồ dựa lưng vào bức tường gỗ ở phía trong nhà trọ, mấy đứa nhỏ đứng bên ngoài:

- Chú ơi, tụi cháu nhổ tóc bạc cho chú nghe... , chú cho tiền...

- Được rồi... Đừng làm ồn... , nhổ tóc bạc đi...

Anh Đồ cẩn thận, lấy tấm kính soi mặt để trên trang sách... Anh vừa đọc sách vừa xem chừng chúng nó làm gì. Một đứa, rồi hai đứa thò tay qua song cửa, nắm đầu anh để tìm tóc bạc... Anh chưa tới 30, tóc đã bạc đâu nhưng thỉnh thoảng chúng vẫn tìm ra được một sợi tóc quăn mà chúng gọi là tóc sâu. Chúng nói vọng vào:

- Tóc sâu đây! Ngứa lắm! Nhổ được sợi tóc này còn hơn tóc bạc nữa đó!

- Ừ, nhổ đi, sẽ có tiền thưởng...

Mắt Anh Đồ vẫn chăm chú nhìn vào trang sách, mấy hôm nữa, anh sẽ lều chõng đi thi... Thi đậu rồi, phải trở về quê với vợ, đâu còn cơ hội làm anh học trò trong Quảng ra thi nữa. Bỗng anh cảm thấy có một mùi hương thoảng thoảng, có vẻ như là mùi hoa bưởi, cũng có thể là mùi hoa hồng. Anh nhìn vào tấm gương soi, một khuôn mặt mới xuất hiện. Không phải là hai đứa bé kia, mà là một cô gái, một cô học sinh đã lớn rồi. Cô tự nhiên vạch tóc anh, tìm tóc sâu, tóc bạc như mấy đứa kia. Cô nhổ một sợi tóc bạc. Đúng là tóc bạc thật rồi! Cô trao cho hai đứa kia để chúng được lãnh thưởng.

Qua tấm gương soi, Anh Đồ quan sát gương mặt của cô, anh khám phá ra cô có hai má lúm đồng tiền rất có duyên... Một lát sau, cô kia lặng lẽ ra về, không nói một lời. Trò chơi đã kết thúc.

Anh Đồ bàng hoàng như đã đánh mất một vật gì quý giá. Anh Đồ tuy lớn tuổi, đã có vợ nhưng trong xóm người ta vẫn nghĩ rằng anh là học trò ở tỉnh xa đến trọ học, trông anh bề ngoài rất trẻ, cao trung bình, da trắng có vẻ đang tuổi học trò. Anh Đồ có cảm tình với cô gái nhưng nghĩ mình cũng xuất thân từ một gia đình gia giáo, Nho học, cũng được làng xóm kính trọng. Học trò trong Quảng ra thi, không lẽ bây giờ mình

cũng đang ở vào hoàn cảnh đó? Trước mắt là phải thi đậu để thi vào Đại Học, phải đạt được chút công danh với đời, tối thiểu là làm Giáo Sư Trung Học, có lương tiền nuôi bản thân và được một cuộc sống an nhàn... Có tiền rồi, muốn gì chẳng được.

Người vợ ở nhà quê của anh, tuổi xấp xỉ chồng, đã có con, chỉ lo chăn nuôi, trồng trọt, phụng dưỡng cha mẹ già để cho anh được rảnh tay mà ra Huế lập công danh. Dù nàng không đẹp bằng mấy cô gái Huế nhưng siêng năng và đức hạnh thì không ai bằng!

Anh ghi tên học Đại Học và xin được một chỗ trong cư xá sinh viên lại gặp được ba cô Tôn Nữ học cùng lớp. Anh rời bỏ xóm cũ và cũng quên cô học trò Trung Học kia. Hết niên học, ba cô Tôn Nữ ghi tên học lớp khác, anh lại thi vào Sư Phạm, vừa dạy trường tư, có học bổng, có lương dạy giờ, anh mua xe gắn máy, sắm bộ đồ vét (veste)... Anh giao thiệp với nhiều cô giáo, thầy giáo và cả những học sinh Đệ Nhị cấp, ban Tú Tài... Chiếc xe vespa của anh nay ghé nhà này, mai ghé nhà khác... , đến đâu cũng được ân cần mời mọc.

Trải qua biến cố Tết Mậu Thân (1968), bạn bè nhiều người chết, nhà cửa tan nát, riêng anh vẫn bình yên. Một hôm, anh chạy xe ngang qua trước cổng sân nhà thờ Công Giáo, thấy người vô ra tấp nập. Thánh lễ vừa xong, một cô gái từ trong sân nhà thờ đi ra. Đúng là cô học trò má lúm đồng tiền ngày xưa. Anh chưa kịp mở lời thì cô đã lên tiếng:

- Chào chú, lâu ngày mới gặp lại.

- Chào em, em khỏe không, nay làm gì?

Cô chỉ mỉm cười không nói gì thêm. Đường ai nấy đi.

Thế rồi, anh bôn ba theo công việc của mình, vẫn đi dạy học kiếm tiền. Lấy lý do cha mẹ già không người săn sóc, anh vẫn để cho vợ và mấy đứa con đã lớn ở với ông bà nội; còn anh vẫn độc thân. Ngồi trên xe vespa, anh nhớ lại một câu thơ của thi sĩ Nguyễn Du trong truyện Kiều, rồi anh khe khẽ ngâm: "Bụi hồng lẽo đẽo đi về một thân". Có lần anh hỏi một học sinh trong lớp:

- Hai chữ "bụi hồng" ở trong câu thơ này là cái gì?

- Thưa đầy, đó là "cụm hoa hồng" người ta trồng ở trong vườn cạnh đường đi.

- Không phải. "Bụi hồng" là "cát bụi" bay lên dưới chân khi Kim Trọng cô đơn trên đường trở về nhà .

Hoàn cảnh của Anh Đồ bây giờ cũng như Kim Trọng, sống một thân, một mình xa cách người yêu. Ai cũng biết Vương Thúy Kiều là người yêu của Kim Trọng, còn người yêu của anh là ai? Anh tự đặt ra câu hỏi và không biết trả lời sao cho đúng. Anh quen biết nhiều cô còn độc thân: giáo viên Tiểu Học, Giáo Sư Trung Học, học sinh ban Tú Tài v.v... cô nào cũng trẻ, đẹp nhưng anh chưa dám tỏ tình với ai vì còn kẹt bà vợ ở nhà đang thay anh để phụng dưỡng cha mẹ chồng.

Năm 1975, đang giữa mùa Xuân, tình hình chiến sự bỗng sôi động, Việt Cộng chiếm đóng thành phố Ban Mê Thuộc, toàn bộ Quân Đoàn II ở Pleiku di tản (đúng hơn là bỏ chạy), đồng bào chạy theo lính, bị Việt Cộng chận đánh dọc đường, bị pháo kích, chết sấp chết ngã. Vùng địa dầu giới tuyến: mất Quảng Trị, mất Huế rồi Quân Đoàn I ở Đà Nẵng cũng rút đi luôn. Dân chúng hoảng hốt, lo tìm đường chạy vô Nam. Anh Đồ cũng bị động theo hoàn cảnh lúc đó, không biết tính làm sao, nên cũng xách va-li nhảy lên một chiếc ghe đánh cá của dân làng di cư Thanh Bồ-Đức Lợi dọc bờ biển Đà Nẵng để chạy vô Vũng Tàu.

Trải qua mấy ngày chết đói, chết khát với những trận mưa ngoài biển mang theo khí lạnh, cuối cùng anh về tới biển Long Hải (Bà Rịa). Anh đã chứng kiến cảnh một gia đình từ miền Trung vào bằng tàu nhỏ, bị chìm, đàn bà con nít rơi xuống biển chết hết, chỉ một mình người chồng còn sống, thất thểu bước đi trên bãi cát dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt của Miền Nam. Thấy người ta trong cảnh hoạn nạn như vậy, anh cũng mủi lòng. Nhìn lại mình, cũng bơ vơ trong cảnh loạn lạc. Dân Bắc di cư từ sau Hiệp định Genève vốn đã có kinh nghiệm, nghe Cộng Sảm tới thì tìm đường chạy trước. Anh có người bạn, cũng là dân Bắc Kỳ Công Giáo di cư, hễ thấy anh ta đi đâu, vào nhà nào thì anh cứ chạy theo, không cần suy nghĩ gì hết.

Gia đình người bạn đã thuê được một chiếc ghe đánh cá, tính chuyện vượt biển. Anh liền xin chung góp một phần tiền để được đi theo họ. Tin tức từ một xứ đạo của người Bắc di cư cho biết có chiếc tàu chở hàng của Mỹ đang đậu ngoài khơi và

hàng ngàn người đang đợi ở Phước Tĩnh để lên tàu đó. Tất cả mọi người trong gia đình lên ghe đánh cá trực chỉ hướng chiếc tàu kia. Khi đến gần, quả thật đã có hàng ngàn người đang lần lượt leo lên tàu lớn. Nhóm của anh cũng nhập vào đoàn người kia để lên tàu.

Từ mặt nước lên đến mũi tàu khoảng 15 mét. Trên tàu đã thả xuống một thang dây để cho mọi người leo lên. Cảnh những bà mẹ tay bồng con dại leo lên tàu trông thật rợn người, nếu lỡ tuột tay, rớt xuống biển thì ôi thôi rồi... làm mồi cho cá mập! Cuối cùng thì anh và cả gia đình người bạn cũng đã có mặt ở dưới hầm tàu.

Lính Mỹ bắt đầu phát thực phẩm khô và nước uống cho mọi người. Anh ngồi thu mình trong góc của căn hầm, mỗi khoang cũng có cả ngàn người, chen chúc nhau. Người anh như đã kiệt sức, mắt hoa, tai kêu ù ù, đầu choáng váng . Ngay trước mặt anh, phía góc bên kia, lờ mờ hiện ra hình ảnh một thiếu phụ đang ngồi với mấy đứa con, đứa nhỏ nhất đang nằm trên tay mẹ, miệng ngậm bình sữa. Người mẹ có vẻ quen quen, tuồng như đã gặp ở đâu rồi nhưng anh đang ở trong hoàn cảnh khủng hoảng tột độ nên không còn can đảm đứng lên để hỏi thăm. Anh cố định thần để nhìn về hướng đó... Một hồi lâu, anh mới nhớ ra, người thiếu phụ còn non trẻ đó chính là cô gái má lúm đồng tiền trong xóm ngày xưa mà anh đã nhiều lần gặp. Mấy năm trước đây, anh nghe tin cô gái đã có chồng, có con... , có lẽ bây giờ chồng cô đang chiến đấu ngoài mặt trận... hay đã chết rồi! Anh lặng người đi một lúc và âm thầm cầu nguyện...

Chiếc tàu đó đã không đưa anh đến bến bờ tự do mà chỉ đưa anh thoát ra khỏi Saigon trước ngày 30/4/1975. Gần mười ngàn người trên tàu được đưa đến đảo Phú Quốc và ngay khi tất cả mọi người vừa xuống bờ thì các đài ngoại quốc và cả đài phát thanh Saigon, đài Hà Nội v.v... đều loan báo: Tân Tổng Thống Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng! Quân Bắc Việt đã kiểm soát toàn bộ Miền Nam Việt Nam! Một trận mưa lớn đã đổ xuống ào ạt trên đảo Phú Quốc và Vịnh Thái Lan. Mùa mưa đã đến sớm!

9 tháng 9, 2016

Nguyễn Lý Tưởng

CHUYẾN ĐÒ CHIỀU XUÂN

Chính thu dọn một ít quần áo, sách vở cho vào cặp rồi từ giã mẹ, bước ra khỏi nhà. Hôm nay đã mồng 7 Tết nhưng không khí vui chơi trong mấy ngày Xuân vẫn còn rạo rực trong lòng chàng.

Chính được nghỉ học mười hôm, trước khi về quê ăn Tết, chàng phải cùng bạn bè đi thăm, chúc Tết thầy, cô, các ân nhân; rồi đi mua sắm nào trà, rượu, mứt, bánh, kẹo và nhất là phải có một cành mai tươi để chưng trong phòng khách. Tết nào chàng cũng may một bộ áo quần mới để diện vì ở quê thường có tục đi thăm Tết phải mặc áo mới.

Loanh quanh mãi ở Huế, khi về đến nhà cũng đã vào ngày cuối tháng Chạp, trong nhà đã chuẩn bị cúng giỗ, lau chùi đồ thờ và quét vôi sơn mới các bức tường...

Chính vừa đến nơi thì thuyền sắp nhổ neo. Bến đò hôm nay thật đông người. Chàng thấy Thu Minh trong chiếc áo choàng màu vàng, với bộ đồ học sinh màu trắng. Chiều Xuân, mưa phùn và gió heo may, chiếc áo choàng nàng đang mặc vừa che mưa vừa chống rét rất tiện lợi. Nàng đứng bên bờ sông, chưa chịu xuống thuyền, hình như đang chờ đợi một người nào. Thu Minh không đội nón, để mặc cho mái tóc thề buông xõa tung bay trước gió, điểm những hạt mưa nhẹ lấm tấm trên đầu.

"Mẹ già cuốc đất trồng tiêu,
Con đi đò dọc, mẹ liều con hư."

Thấy nét mặt Thu Minh có vẻ buồn buồn, Chính nói đùa một câu cho vui. Không ngờ nàng bật khóc. Chính không đoán được nàng đang có tâm sự gì?

Mới hôm trước đây, Thu Minh lên sân khấu hát liền hai

bài trong một đêm văn nghệ do anh chị em sinh viên, học sinh trong làng tổ chức để mừng Xuân. Xa thành phố, dân quê ít có dịp đi xem văn nghệ. Thời đó cũng chưa có T.V như bây giờ, người ta chỉ nghe ca sĩ hát qua các chương trình phát thanh, nên mỗi lần có tổ chức trình diễn văn nghệ, dù là cây nhà lá vườn, cũng được bà con nhiệt tình ủng hộ.

Chính biết đàn, biết nhạc, biết diễn kịch, đã tham gia Ban Văn Nghệ của trường. Với ít nhiều kinh nghiệm thu lượm được trong các buổi trình diễn tại Huế, Chính quy tụ các bạn sinh viên, học sinh đồng hương, cùng nhau tập dượt và đem các tiết mục văn nghệ tất niên của trường về diễn lại cho bà con xem.

Tối mồng Ba vừa rồi, anh chị em đã tổ chức một đêm trình diễn văn nghệ mừng Xuân tại sân trường Tiểu Học trong làng. Nhờ những gia đình giàu có giúp đỡ, họ đã thuê được máy điện, một bộ phận ampli và micro. Sân khấu do anh em thanh niên tiếp tay dựng lên bằng các vật liệu tự túc gồm có tre, ván gỗ, màn vải và cũng có một bức tranh lớn làm nền do một giáo viên kiêm hoa sĩ thực hiện.

Sau khi hát bài "Tình Đêm Liên Hoan" của Hoàng Thi Thơ, toàn ban văn nghệ, ban tổ chức, kéo nhau về nhà Chính ăn bữa khuya do mẹ Chính thết đãi. Tiền bà con ủng hộ, sau khi trừ đi mọi chi phí, còn lại dành mua sắm nhạc cụ, phông, màn, v.v... để sau này khi cần thì sử dụng.

Hình ảnh Thu Minh trên sân khấu hôm đó thật linh động. Nàng có giọng hát trong trẻo, đầy truyền cảm khiến cho mọi người ngưỡng mộ. Trong bộ quần áo trắng học sinh, rất đơn sơ nhưng gương mặt xinh tươi và nhất là thân hình thon thon với những đường nét cân đối, đã làm cho nàng nổi bật trong dáng dấp ngây thơ của tuổi học trò. Biết bao chàng trai trong vùng luyến nhớ và những bà mẹ đã để ý đến nàng.

Thu Minh sinh trưởng trong một gia đình nghèo nhưng có truyền thống văn học. Cha nàng là một sĩ quan đã chết, mẹ nàng được trợ cấp cô nhi quả phụ hàng tháng. Thu Minh chỉ có hai chị em gái, người chị lấy chồng gần nhà, khi có việc thì về giúp mẹ. Là con gái cưng, sau khi học hết Tiểu Học ở làng, nàng tiếp tục học hết Trung Học cấp một ở tỉnh. Nàng mới thi đỗ Trung Học năm trước và hiện đang học lớp Đệ Tam (lớp

10) tại Huế.

Nhà không có con trai nên Thu Minh xem Chính như người anh trai của nàng. Mẹ nàng cũng xem chàng như con cháu nên sự giao thiệp giữa Chính và Thu Minh xưa nay vẫn thân tình và tự nhiên. Hai tháng trước đây, mỗi chiều thứ Bảy, Chính đến nhà trọ đón Thu Minh đi tập dượt văn nghệ để trình diễn tại quê nhà, vào dịp đầu Xuân.

Thấy anh em thằng Chung đã có mặt trên thuyền, Chính cầm tay Thu Minh:

- Thuyền sắp nhổ neo rồi, có gì xuống thuyền sẽ nói. Anh xin lỗi đã nói năng không cẩn thận, làm em buồn...

Thu Minh không nói gì, nước mắt càng tuôn xuống như mưa. Nàng không nhịn được cơn đau khổ đang dâng trào trong con tim, gục đầu vào ngực Chính khóc nức nở. Chính lấy khăn lau nước mắt cho Thu Minh rồi đưa nàng xuống thuyền, hai người ngồi bên cạnh nhau.

Họ là những người cuối cùng đi chuyến đò dọc vào buổi chiều mồng Bảy tháng Giêng và sẽ đến thành phố khi trời vừa tối. Sau những ngày vui Tết tại quê nhà với gia đình, làng xóm; một số người bắt đầu đi chơi xa, lên thành phố ở lại vài hôm, thăm bạn bè, bà con. Cũng có người đi chơi Huế, Đà Nẵng hay các nơi xa hơn...

Khoang thuyền trải chiếu hoa và bếp lửa bập bùng phía đầu mui, người ta đang nấu nướng. Khách ngồi bên trong bày ra một bộ bài tới, loại bài rất thông dụng ở nhà quê thời xưa, có từ 6 đến 10 người chơi. Chủ thuyền đun nước sôi, pha trà sẵn và khách cũng mang theo bánh mứt để mời nhau. Tiếng nói cười rộn rã suốt cuộc hành trình.

Chính và Thu Minh ngồi bên ngoài tâm sự. Anh em thằng Chung thằng Cổ vẫn ngồi ở bên trong, thỉnh thoảng liếc nhìn Chính và Thu Minh đang thì thầm nhắc lại những kỷ niệm qua mấy ngày Tết:

- Mẹ của em không muốn cho em vào Huế tiếp tục học nữa. Mẹ muốn em ở nhà để chuẩn bị đi lấy chồng. Sau mấy ngày Tết, có gia đình trong làng nhờ người đến thưa chuyện với mẹ...

Tin này rất mới, ngoài mẹ và Thu Minh ra, chưa ai biết, kể cả bà chị của nàng ở gần nhà. Năm nay Thu Minh mới mười

bảy tuổi, còn quá sớm để nói đến chuyện chồng con nhưng mẹ nàng thấy có người cùng làng đến dạm hỏi thì bằng lòng ngay. Theo phong tục xưa, cha mẹ đặt đâu con ngồi đó nên mẹ Thu Minh không cần hỏi ý kiến nàng và bà tự quyết định lấy. Thu Minh thì muốn tiếp tục học cho đến Tú Tài, thêm vài năm nữa rồi tính chuyện lấy chồng cũng chưa muộn. Nàng đem ý định đó nói với mẹ nhưng mẹ trả lời:

- Con đi học Huế tốn kém nhiều, mẹ không đủ khả năng lo cho con. Nhà người ta giàu có, ruộng vườn nhiều, về làm dâu nhà đó thì phải biết mọi việc. Học lên nữa cũng thế thôi, rồi cũng đi lấy chồng, cũng sinh con đẻ cái. Đàn bà thì phải lo quán xuyến mọi việc trong nhà để cho đàn ông đi ra ngoài xã hội, có như thế gia đình mới hạnh phúc. Mẹ muốn con nghỉ học, về nhà lo học công ăn việc làm, biết nấu nướng, nội trợ, biết đảm đang mọi việc, tương lai sẽ làm chủ cơ nghiệp nhà chồng.

Thu Minh cho Chính biết nàng không đồng ý với mẹ, hai bên lời qua tiếng lại, cuối cùng nàng xách gói ra đi. Khi đến bến đò, nàng không biết nên đi đâu? Vào Huế tiếp tục học thì không có tiền vì mẹ không chịu trợ cấp nữa, vì thế nàng cứ chần chờ trên bến, không dám bước xuống thuyền. Đến khi Chính cầm tay nàng giục xuống thuyền thì nàng cũng bước theo chàng, không thèm suy nghĩ gì nữa.

Thuyền lướt đi thật êm ả. Mặt nước mùa Xuân trong vắt mang màu xanh của cây cỏ hai bên bờ mơn mởn chiếu xuống trên sông phẳng lì. Sức sống đang vươn lên khắp vạn vật sau mùa Đông rét mướt. Hết mùa lá rụng và cây non đang đâm chồi nảy lộc. Tiếng pháo còn vang đâu đây nơi những đình miếu trong các làng lân cận.

Những tà áo xanh, đỏ, vàng, tím... đang thấp thoáng trong sân nhà hay những nơi hội họp mừng Xuân. Thuyền đi qua một khúc quanh, nơi đó ngày xưa có một ngôi lăng mộ, vì đất lở, nên bị chìm xuống đáy nước; Chính và Thu Minh còn thấy hình dáng của nó rất rõ nét dưới đáy sông. Nước sông lênh láng tràn ngập đôi bờ.

Suốt mấy giờ đồng hồ ngồi trên thuyền, Chính và Thu Minh trao đổi tâm sự cũng đã nhiều. Nói mãi rồi cũng hết chuyện. Anh em thằng Chung, thằng Cổ ngồi trong khoang,

thỉnh thoảng liếc nhìn ra ngoài mạn thuyền. Chính nhớ lại hôm ra miếu Thành Hoàng dự lễ tế tất niên, mỗi lần người dẫn lễ xướng lên thì người hành lễ tuần tự làm theo. "Tiến Tửu" thì có người dâng rượu; "Hương": dâng hương; "Bái" thì chánh tế và phụ tế cùng lạy; "Độc Văn Tế": đọc văn tế; "Khởi Chung Cổ": nổi chuông, trống... "Lễ Tất": chấm dứt, lễ đã xong.

Bây giờ Chính mới hiểu tại sao người ta thường gọi anh em thằng Chung, thằng Cổ là "thằng Chuông, thằng Trống", vì "Chung" là cái chuông và "Cổ" là cái trống. Cha mẹ đặt tên cho chàng là Trần Thiện Chính có nghĩa là Chính Trị tốt lành. Ông bác của chàng là một nhà Nho, giải thích "Chính" là chính trị, là phương thức lãnh đạo xã hội. "Thiện" là tốt lành. Nhà vua hay người làm quan lãnh đạo dân tộc, lãnh đạo đất nước, lãnh đạo xã hội, phải có chương trình, kế hoạch xây dựng đất nước, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội được thái bình... , đó là "Thiện Chính". "Hà Chính" nghĩa là "Chính Trị hà khắc", áp bức, bóc lột dân chúng. Trong sách Nho có kể chuyện cách nay hơn 2.500 năm bên Trung Quốc có một vị thánh hiền là Đức Khổng Tử. Một hôm Ngài đi qua núi Thái Sơn, thấy người thiếu phụ ngồi khóc bên mộ chồng. Hỏi thăm thì được biết xứ này có nhiều cọp dữ, mới đây đã giết chết con của bà, nay lại giết chết chồng của bà... Khổng Tử hỏi:

- Tại sao bà không đi nơi khác mà ở ?

Bà trả lời:

- Ở đây có Thiện Chính.

(Nghĩa là quan chức địa phương có lòng lo cho dân, ăn ở tốt với dân).

Khổng Tử liền nói với các học trò đi theo Ngài:

- Hà Chính còn dữ hơn cọp (Nghĩa là người ta sống gần cọp còn được nhưng không thể chung sống với nhà cầm quyền có chính sách áp bức, bóc lột, khủng bố nhân dân).

Nghĩ đến đó, Chính liền liên tưởng đến cái tên "Thu Minh"... "Thu" là mùa Thu; "Minh" là sáng. "Mùa Thu sáng sủa" hay "trăng mùa Thu sáng và đẹp". Chữ "Minh" là "sáng" đi với chữ "Chính" là "chính trị" cũng có nghĩa là đường lối chính trị sáng suốt. Cũng là một cái tên đẹp...

Chính suy nghĩ miên man một hồi, thuyền đã cập bến.

Từ dưới sông nhìn lên con đường đi vào thị xã như một bức tường sừng sững trước mặt. Con sông Thạch Hãn bị lở ở bờ phía Nam và bồi ra bãi phía Bắc.

Hai người bước qua nhiều phiến đá làm bậc cấp mới lên đến bờ. Thu Minh đi theo Chính vào một nhà quen ở ngay chợ tỉnh. Chủ nhà thấy Chính đến thì tiếp đón rất niềm nỡ.

Chính giới thiệu Thu Minh là người bà con cùng làng, định đi Huế nhưng chuyến xe cuối cùng đã khởi hành rồi nên xin tạm trú qua một đêm. Chủ nhà cũng vui vẻ, không thấy có trở ngại gì.

Chính dẫn Thu Minh đi một vòng quanh chợ xem các cửa hàng mới khai trương vào dịp đầu Xuân. Sau đó, hai người vào quán phở, ăn qua loa cho xong bữa rồi trở lại nhà trọ.

Lúc đó, trời đã tối, quán xá đã đóng cửa. Tuy mới vào Xuân nhưng tiết trời cuối Đông vẫn chưa dứt, không khí còn lành lạnh, mọi người vẫn phải mặc áo ấm. Chính thấy có ba người khách hàng xóm đến chơi, đó là những thương gia giàu có. Họ bày một bộ bài "xì phé" ra ở trên bàn. Chủ nhà cùng với khách vừa đủ bốn người. Chính và Thu Minh ngồi uống trà, ăn bánh và xem người ta chơi bài.

Đến gần khuya, chủ nhà xin phép rút lui vì ngày mai phải dậy sớm, đi thăm bà con xa. Chính vốn không quen chơi bài nhưng đứng xem một hồi cũng hiểu được. Vì thiếu tay nên ba ông khách mời chàng... Nhân dịp đầu năm, Chính cũng muốn thử thời vận một phen. Thu Minh, với tâm sự rối bời nên không có ý kiến gì, chỉ ngồi xem.

Chính bỏ ra một ngàn đồng theo điều kiện giao ước lúc đầu. Hết số tiền đó mới bỏ thêm. Chính nói:

- Tôi chỉ chơi đến quá nửa đêm, tối đa là 1 giờ sáng. Ăn thua gì cũng nghỉ.

Mọi người đồng ý.

Từ khi ngồi vào bàn, Chính được luôn, chưa thua ván nào. Số vốn bỏ ra một ngàn lúc đầu nay đã lên đến năm ngàn. Đồng hồ đã quá 2 giờ sáng mà khách không chịu ra về. Chính nói với họ:

- Tôi xin hầu tiếp quý vị thêm ba ván nữa. Ăn thua gì, cũng xin rút lui.

Ván cuối cùng, bài của Chính "già mặt, ẩn xì". Nước cờ

thứ ba, Chính bắt lên một con già nữa là đôi già. Người bên cạnh có đôi xì mặt và hai người còn lại, có đôi đầm và đôi bồi mặt. Người có đôi xì đi tiền, tất cả mọi người đều theo. Trước khi bắt con bài cuối cùng, người có đôi xì tố hết số tiền có trên bàn. Hai người kia theo vì họ đã có ba con đầm và ba con bồi. Chính cũng theo vì nghĩ rằng đây là số tiền chàng ăn của người ta, nếu có thua thì trả lại cho người ta. Tất cả số tiền năm ngàn đồng, Chính đẩy ra giữa bàn nhập chung với số tiền của mọi người, nhiều hơn số tiền của Chính.

Ba người kia bắt bài trước, không thêm được gì, Chính bắt cuối cùng được thêm một con già nữa là ba già mặt. Thế là chính thắng ván bài vào nước chót. Mọi người đều ngạc nhiên.

Chính lật bài lên cho họ coi: bên dưới là con xì! Hai người có ba con cứ tin chắc rằng họ đã ăn trùm từ đầu. Người có đôi xì cũng lớn hơn bài của Chính từ đầu. Theo lý thông thường của người có kinh nghiệm, biết chơi bài thì họ bỏ, không theo nữa. Họ không hiểu Chính suy nghĩ thế nào mà bắt thêm con bài cuối trong khi chàng chỉ có đôi già, thua hết cả làng. Chính dám bỏ ra tất cả số tiền có trên bàn là năm ngàn để "mua" một con già!

Cả ba người khách đứng dậy cùng một lượt. Họ lắc đầu vì đã gặp một anh chàng không biết chơi bài, không biết tính toán, suy nghĩ rất thấp, mà đã thắng một cách vẻ vang. Thật quá đau cho họ!

Chính gom được số tiền trên hai chục ngàn đồng bạc Việt Nam thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, rất giá trị. Hồi đó một chiếc xe đạp chỉ có một ngàn ba trăm đồng, một chiếc xe gắn máy (Mobylette) chỉ có năm, sáu ngàn... Ăn cơm tháng chỉ có năm trăm hoặc sáu trăm là nhiều.

Chính và Thu Minh không còn buồn ngủ nữa, họ ngồi đợi trời sáng để lên đường. Mới năm giờ sáng, Chính đã cùng Thu Minh bước ra khỏi nhà, tìm đến một quán ăn gần chợ. Chủ quán là một Hoa kiều đang chuẩn bị nấu nướng. Thấy đèn sáng, hai người bước vào:

- Tôi đến sớm mở hàng đây. Hôm nay tôi gặp may mắn. Tôi cầu chúc cho ông chủ được phát tài.

Chủ quán rất ngạc nhiên khi thấy một đôi trai gái ăn mặc

lịch sự, mặt mày tỉnh táo vui vẻ, mới năm giờ sáng đã bước vào quán với lời chúc "phát tài"!

Chủ quán liền mời hai người ngồi và chuẩn bị thức ăn. Chính và Thu Minh ăn một bữa thật no và mua thêm nhiều quà bánh biếu chủ nhà. Chính nói:

- Số tiền anh được bạc hôm nay, một phần giúp em trả tiền cơm, tiền học. Nếu mẹ không muốn cho em vào Huế thì em xin chuyển về trường tỉnh, tiếp tục học cho đến Tú Tài. Em có thể đi Huế chơi và từ giã bạn bè, rồi trở về đây xin nhập học cũng được. Anh sẽ nhờ người thu xếp cho em. Tạm thời anh có thể thương lượng với chủ nhà cho em ở trọ nhà này để đi học. Anh chia cho em một nửa số tiền để trả tiền cơm trong hai năm. Sau đó sẽ tính. Nếu em muốn học thêm thì kiếm việc làm tạm để đi học. Em có thể xin dạy kèm các cháu... Khi nào mẹ cần thì em về nhà giúp mẹ vài hôm.

*

* *

Sau khi gởi gắm Thu Minh cho chủ nhà, hai người lên xe đi Huế. Thu Minh cần xin giấy chuyển trường và thu xếp vài công việc cũng như từ giã bạn bè trước khi trở về Quảng Trị.

Từ ngày xa Huế, Thu Minh cũng yên phận sống ở Quảng Trị, tiếp tục học cho đến lớp Đệ Nhị. Mẹ của nàng vẫn thúc giục nàng nhận lời bên nhà trai nhưng nàng vẫn cố trì hoãn để chờ đợi một dịp may nào sẽ đến với nàng. Thu Minh hoàn toàn không có một chút cảm tình gì với Tánh, nàng không thương, không nhớ gì anh chàng này. Tánh là hạng người sống lạnh lùng, khô khan, chỉ biết làm giàu và trình độ học vấn chỉ ngang bậc Tiểu Học ở làng. Là con địa chủ nên Tánh thường tỏ ra hống hách, ta đây có tiền, có của, nên không được cảm tình của mọi người.

Nhiều lần mẹ nhắn Thu Minh về để bàn chuyện gia đình nhưng nàng cố tránh, lấy lý do bận học thi. Mỗi ngày đi học về, nàng giúp chủ nhà trông coi cửa hàng tạp hóa cho đến giờ đóng cửa tiệm. Sau khi ăn cơm tối, nàng kiểm soát bài vở của mấy cháu nhỏ trong nhà, giúp chúng học bài, làm bài. Khoảng 9 giờ tối, các cháu đi ngủ, nàng mới lo việc riêng của mình. Nàng thường đi ngủ muộn, có khi đến 11, 12 giờ khuya. Sáng 6 giờ thức dậy, chuẩn bị đi học. Ngày nghỉ thì lo giặt quần áo,

làm bài, thỉnh thoảng đi xe đạp về quê thăm mẹ, ăn trưa xong lại đi...

*

* *

Chính đang học lớp Dự Bị Y Khoa thì bùng nổ cuộc tranh đấu của sinh viên và Phật tử chống chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm sau vụ "cấm treo cờ Phật giáo"... Các trường bãi khóa để tham gia tranh đấu... Vào tháng 8 năm 1963, chính quyền ra lệnh đàn áp, một số Giáo Sư và sinh viên bị bắt... Đến tháng 11-1963, Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị nhóm tướng lãnh lật đổ và bị thảm sát một cách dã man. Chiến tranh mỗi ngày một mở rộng, các trận đánh lớn trong vùng, quân Mỹ đổ bộ Đà Nẵng vào năm 1964... Chính phải nhập ngũ vào trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức theo lệnh động viên vì đã thi hỏng cuối niên học 1963-1964. Ra trường, nhờ một người bạn có anh em làm lớn tại Đà Nẵng xin cho được về phục vụ tại Quân Đoàn I, với tư cách là sĩ quan trợ Y tại Quân Y Viện Duy Tân.

Chính và một người bạn thuê chung phòng, ngày hai bữa đi làm như công chức hành chánh. Ngày nghỉ ở nhà đọc sách, đi du ngoạn danh lam thắng cảnh trong vùng hay thăm bạn bè. Có khi chàng được mời đến nhà bạn bè ăn cơm và được giới thiệu để làm quen với các cô học sinh, con nhà danh giá trong thành phố. Tuy quen biết nhiều người nhưng Chính chưa có ý định gì về vấn đề tình cảm, hôn nhân của mình. Chính vẫn cố gắng ôn luyện bài vở và hy vọng có cơ hội thi vào ngành Quân Y, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa sau này. Chàng vẫn nuôi mộng làm Bác Sĩ để có cơ hội thăng tiến cũng như phục vụ anh em thương bệnh binh và đồng bào tại các bệnh viện.

Một hôm, Chính được lệnh đi công tác Sài Gòn ba ngày khi trở về được biết Thu Minh có đến tìm chàng. Người bạn chung phòng với Chính đã tiếp chuyện với nàng gần một buổi sáng. Hỏi nàng có điều gì cần nhắn lại với Chính hay không thì nàng chỉ trả lời:

- Dịp khác, sẽ đến thăm.

Rồi từ đó, không thấy nàng liên lạc với Chính nữa.

Sau đó, Chính được bạn bè cho biết: Thu Minh đã thi hỏng Tú Tài Phần I, đã trở về nhà sống với mẹ. Nàng đã vâng

lời mẹ làm đám cưới với Tánh và đã có hai đứa con rồi!

*

* *

Tết Mậu Thân, 1968, Việt Cộng tấn công thành phố Huế, Đà Nẵng và Quảng Trị... , gây tang tóc, đau thương cho đồng bào. Hình ảnh những cuộc thảm sát, những mồ chôn tập thể tại Huế, nhất là vụ chôn sống ba Bác Sĩ và một vị phu nhân người Tây Đức đến giúp Trường Đại Học Y Khoa và bệnh viện Huế đã khiến cho Chính vô cùng căm thù bọn giặc dã man, khát máu Cộng Sản. Chính vội xin phép về quê đem mẹ vào Đà Nẵng ở với chàng.

Khi đi ngang qua thành phố Huế, Chính thấy cảnh nhà cửa, cung điện, miếu đình, các di tích lịch sử đổ nát, hoang tàn, chàng rất đau lòng. Quê hương của chàng cũng trải qua một cơn binh lửa, nhiều người phải lên tỉnh sinh sống, trong đó có gia đình Thu Minh.

Năm 1972, tỉnh Quảng Trị bị chiếm, Tánh đem gia đình chạy vào Đà Nẵng. Một hôm, tình cờ Chính gặp Thu Minh ở Chợ Cồn. Nghe Chính gọi "Thu Minh", nàng có vẻ như vừa thẹn thùng, vừa trách móc:

- Anh Chính, lâu ngày quá, anh còn nhận ra Thu Minh à?

- Làm sao quên được cô em gái ngày xưa. Em có khỏe không? Gia đình có được hạnh phúc không?

- Anh biết rồi, vì vâng lời mẹ nên em phải lấy Tánh nhưng một khi đã có gia đình rồi thì phải cố sống để lo cho con cái chứ anh?

Chính hiểu hoàn cảnh của Thu Minh và chàng cũng không biết nói sao bây giờ? Nếu lúc đó Chính không chọn ngành Y Khoa, không bận lo chuyện học hành thì tình thế đã có thể khác. Mẹ Thu Minh muốn nàng lấy chồng sớm, trong khi Chính lại chọn con đường dài, nàng làm sao chờ đợi được. Biết đến bao giờ Chính mới thi đậu Bác Sĩ, mới cưới vợ?

Chính nói với Thu Minh:

- Lúc nào anh cũng vẫn thương em như "người em gái". Anh không bao giờ quên em.

- Em biết rồi. Lúc nào anh cũng "thương em" như "người em gái"... Anh đã từng lo cho em mà!... Anh bây giờ vẫn còn độc thân hay sao?

- Vâng, anh vẫn còn độc thân.

- Thế bao giờ anh mới chịu cưới vợ ? hay chưa có người nào vừa ý ?

- Anh chẳng nghĩ gì đến chuyện lập gia đình. Thời buổi chiến tranh mà! Nay còn, mai mất, cái chết đến với mình bất cứ lúc nào!

- Sao anh bi quan thế? Anh thấy em đây: dù trong hoàn cảnh nào vẫn can đảm chịu đựng!

Dù Thu Minh không nói hết tâm sự của nàng nhưng mẹ của Chính đã cho chàng biết hoàn cảnh của nàng khi còn sống với gia đình chồng ở quê. Nàng rất vất vả, phải trông coi ruộng cườn, nhà cửa, quán xuyến mọi việc nhưng nàng luôn gặp chuyện bất bình với mẹ chồng. Nhất là gặp ông chồng ít học, cư xử vụng về, nhiều khi thô lỗ, thiếu văn hóa làm cho nàng rất khổ tâm. Anh chàng lại hay ghen, có khi đánh vợ vì những chuyện đâu đâu, chẳng đáng gì. Thu Minh lại là người đã sống ở thành phố, thích học, thích đọc sách, báo, hiểu được thế nào là "nam nữ bình quyền", "phụ nữ phải được tôn trọng", "quyền làm người" "quyền công dân" "chế độ dân chủ", "bổn phận làm chồng", "bổn phận làm vợ", "vấn đề giáo dục gia đình", "vấn đề cư xử với nhau trong xã hội"... Càng hiểu biết nhiều lại càng đau khổ nhiều. Người làng ai cũng thấy rõ sự chênh lệnh giữa trình độ học vấn, giữa tư cách của vợ chồng Tánh và Thu Minh...

Năm 1972, gia đình Thu Minh vào Đà Nẵng, nếp sống thay đổi, Tánh không còn sống với ruộng vườn nữa và phải xoay qua nghề buôn bán làm ăn. Sẵn có chiếc xe Honda hai bánh làm phương tiện di chuyển từ quê lên tỉnh, Tánh mang theo khi vào Đà Nẵng. Thấy người ta chạy xe thồ, xe ôm, Tánh cũng tham gia nghề này. Mỗi ngày chàng ra bến xe, đón khách đưa về các nơi trong thành phố hay vùng ngoại ô.

Thu Minh vốn đã quen với chuyện buôn bán khi đi học ở thị xã. Vào Đà Nẵng, nàng thuê nhà ở mặt tiền đường, khu vực đông người, gần chợ. Nàng liền xin phép mở một quán nhỏ, bán đồ tạp hóa, nước giải khát, để sống qua ngày.

Nàng cũng bắt chước người ta, mua một chiếc xích lô cho bác Tư hàng xóm thuê; buổi sáng nhờ bác chở hai đứa nhỏ đến trường, trưa đón về. Ngoài giờ đó, bác lo kiếm ăn.

Tánh chạy xe ôm, xe thồ một thời gian thì bắt chước các bạn đồng nghiệp, đâm ra rượu chè, bài bạc và cả đĩ điếm nữa! Về nhà lại còn gắt gỏng với vợ con... Lúc đầu, Thu Minh không biết lý do. Mãi đến năm 1975, khi phải bỏ Đà Nẵng di tản vào Sài Gòn, nàng mới biết Tánh đã có vợ bé, một người đàn bà gốc Quảng Nam, có liên hệ với Việt Cộng. Tánh đã từng nhận công tác của địch mang truyền đơn đi rải trong thành phố. Giờ chót, chàng còn nhận chở cả vũ khí, chất nổ vào cho bọn đặc công nằm vùng... Ngày quân Việt Cộng vào Đà Nẵng trước 30 tháng 4 năm 1975, Tánh về nhà, giật phăng cái màn màu xanh treo trước bàn thờ để may cờ "Giải Phóng" đi biểu tình. Thu Minh phải mang con, trốn chạy, theo dòng người di tản bằng đường biển...

Từ khi vào Sài Gòn, nàng nhờ người quen giúp đỡ, cho ở trong một căn nhà bỏ trống của người "di tản" ra ngoại quốc. Xóm đạo Phú Nhuận bỏ đi hơn một nửa, đa số là sĩ quan chế độ cũ, dân di cư 1954, nên họ có quá nhiều kinh nghiệm với Cộng Sản từ khi còn ở ngoài Bắc. Những người còn lại xem gia đình Thu Minh như bà con ruột thịt. Họ sẵn sàng bảo bọc, che chở cho mẹ con nàng lúc khó khăn.

Thu Minh không phải là người theo đạo Công Giáo (tức Thiên Chúa Giáo theo như ngôn ngữ Cộng Sản thường sử dụng, sau 1975) nhưng nàng vẫn tin có Ông Trời, có Đấng Tối Cao, Tạo Hóa hay Thượng Đế. Nàng theo truyền thống của gia đình, giữ đạo hiếu với cha mẹ, ông bà tổ tiên...

Những ngày sau 1975, hòa mình vào xóm đạo Phú Nhuận, Thu Minh cũng chạy buôn chạy bán với người ta. Dân di tản qua Mỹ, dần dần gởi những thùng thuốc tây hay quần áo, vải vóc... về cho gia đình. Bà con trong xóm trao cho Thu Minh các loại hàng đó, đem bán để kiếm sống. Tháng ngày qua, nàng đã trở thành "chuyên nghiệp" trong nghề bán thuốc Tây, đô la, vàng và các thứ hàng "lậu"... Nàng đã lăn lóc khắp các chợ, tìm cách qua mặt bọn Công An và cũng tìm cách hối lộ, mua chuộc chúng để khỏi bị bắt, bị tịch thu hàng hay có thể bị tù...

Một hôm, tình cờ Thu Minh gặp một người đàn ông, râu ria xồm xoàn, áo quần cũ kỹ, lang thang vào trong các xóm đạo... Lúc đầu chàng cũng buôn bán thuốc tây, vàng, đô la như Thu Minh. Sau đó, chàng lân la hỏi dò "đường dây vượt

biên”... Thu Minh thấy anh này quen quen nhưng không nhận ra đó là ai.

Thế rồi, một buổi tối, những người chuẩn bị vượt biên gặp nhau trong xóm, hẹn đến khuya sẽ lên đường. Trong lúc họ đang “ém quân” (danh từ thời đó có nghĩa là ẩn núp) trong các nhà quen thì Công An ập vào, lục xét khắp nơi. Thu Minh nghe có người gõ cửa nhè nhè, nàng liền hỏi nhỏ:

- Ai đó, đêm khuya có chuyện gì cần ?

- Mở cửa nhanh cho tôi vào với... Tôi cần giúp đỡ “gấp! gấp!”.

Nàng hiểu hoàn cảnh của người đang bị Công An rượt đuổi. Nàng cũng đã từng gặp hoàn cảnh như vậy trên đường đi buôn lậu... Nàng vội mở cửa. Người đàn ông mấy tuần trước đây thường lui tới xóm này thăm dò “đường dây” vượt biên xuất hiện. Sau khi ông ta vào nhà, nàng nói với ông:

- Anh cho tôi biết tên để lỡ Công An có vào nhà lục xét, tôi nhận là người nhà và biết anh tên gì mà khai với họ.

- Tôi là Trần Thiện Chính, mới đi cải tạo 3 năm về, chưa có hộ khẩu chính thức...

Trong bóng tối, nàng nắm lấy tay chàng:

- Anh Chính đây à? Có phải anh là Trần Thiện Chính ngày xưa ở... ?

- Đúng rồi. Bà là ai?

- Em là Thu Minh đây. Mấy lần anh đi qua đây gặp em mà không nhận ra em à?

- Hoàn cảnh bây giờ thay đổi, ngay cả anh cũng thay đổi quá nhiều. Đầu bạc, răng rụng, ốm yếu, gầy còm, áo quần cũ kỹ; không có cơm ăn, không có nhà trọ... Làm sao em nhận ra anh được!

Thu Minh đưa Chính đến ngồi trên ghế bên cạnh bàn ăn. Nàng không thắp đèn sáng trong nhà sợ Công An để ý. May lúc đó, bọn chúng đang đuổi theo người khác mà chúng nghĩ là có nhiều vàng và đô la, nên bỏ quên anh chàng nghèo mạt kiếp này.

Đêm đó, Chính kể cho Thu Minh nghe cuộc đời của mình sau ngày 30-4-1975: Từ Đà Nẵng, chàng chạy vào Sài Gòn và không xoay xở được phương tiện để vượt biên do đó chàng phải trình diện “học tập cải tạo” tại trại Tam Hiệp. Chàng khai

lý lịch: sinh viên Y Khoa, thi hỏng, bị động viên, làm trợ Y trong bệnh viện rồi chuyển qua ngành Hành Chánh; không giết hại ai, chỉ sống cuộc đời lương thiện. Cha mẹ là nông dân, đã chết; là con độc nhất, anh em không có ai... Với cấp bậc Đại Úy trong ngành Hành Chánh Quân Y, chàng chỉ bị giam giữ trong trại tù Cộng Sản hơn ba năm. Hiện chàng còn giữ "Giấy Ra Trại" trong người.

Thu Minh cho Chính biết hoàn cảnh của nàng, hiện sống với hai cháu nhỏ, đứa lớn nhất 13 tuổi, đứa nhỏ nhất mới 8 tuổi. Vợ chồng đã bỏ nhau. Tánh có vợ khác, trước 30-4-1975, theo Việt Cộng, hiện đang ở Đà Nẵng.

Nàng bàn với Chính:

- Tình trạng của anh hiện chưa có nơi nương tựa. Anh có giấy tờ hợp pháp. Em nhận anh làm chồng. Anh ở với mẹ con em. Em quen Công An khu vực, sẽ nhờ họ giúp cho anh tạm trú ở trong nhà này. Tất nhiên, em phải "quà cáp" cho chúng nó. Việc này, em có thể làm được. Anh hãy tin tưởng nơi em...

- Anh không ngờ gặp lại em ở đây. Anh rất mừng. Cám ơn em đã cho anh sống với mẹ con em, cùng chung một gia đình. Chúng ta sẽ cố gắng nương tựa nhau trong hoàn cảnh khó khăn này, chờ đợi một ngày mai tươi sáng hơn...

*

* *

Mười năm sau, vào năm 1999, tin tức về chương trình "ra đi có trật tự", chương trình "định cư tại Hoa Kỳ cho các cựu tù nhân chính trị đã bị giam giữ trong trại tù Cộng Sản từ ba năm trở lên" thường gọi là chương trình H.O. bỗng rộ lên như tin chiến thắng của "phe ta"... Với "Giấy Ra Trại" đề ngày 19 tháng 8 năm 1978, Chính đủ điều kiện nạp đơn xin xuất cảnh theo diện "tỵ nạn chính trị".

Đỗ Thu Minh và Trần Thiện Chính đã có giấy "hôn thú" lập tại Quận Phú Nhuận vào năm 1979, các con đều có giấy khai sinh và có cùng hộ khẩu với Chính. Thế là cả gia đình đã được hợp lệ hồ sơ xin xuất cảnh. Năm 1992, Trần Thiện Chính và gia đình được qua định cư tại Hoa Kỳ trong danh sách H.O. 16.

Chính và Thu Minh cũng đã vào lứa tuổi ngoài 50, cháu lớn nhất đã xấp xỉ 30, cháu trai út, con của Chính và Thu Minh,

sinh năm 1980, cũng đã ngoài 22 tuổi rồi. Gia đình đến định cư tại Nam California. Sau một năm học Anh văn, họ kiếm được việc làm để tự túc. Các cháu vừa làm vừa học để có cơ hội vươn lên. Hiện nay, gia đình này đã thành công trong cuộc sống sau hơn 10 năm lập nghiệp ở Hoa Kỳ.

Nguyễn Lý Tưởng

ẤU NHI

** Truyện kể về Tết Mậu Thân 1968 tại Huế*

Hùng dắt xe đạp đi vào sân sau của dãy nhà ba gian, nơi chàng và Phụng thuê chung làm chỗ tạm trú để đi học... Khi chàng ra đi, đã nhớ khóa cửa cẩn thận tại sao bây giờ thấy cánh cửa sổ bị mở tung ra, tuồng như có người nào đang ở trong phòng của mình? Hùng rón rén bước đến gần, núp sau cánh cửa sổ nhìn vào bên trong:

- Chào anh Hùng, em là Ấu Nhi... Anh Phụng nhờ em qua báo tin cho anh...

- Răng mà em vô nhà được?

- Anh Phụng trao chìa khóa cho em, nếu anh chưa về thì vô phòng ngồi đợi... Anh chưa gặp em bao giờ phải không? Em là em út của anh Phụng...

Sau khi nghe Ấu Nhi giải thích một hồi... Hùng bèn bước vào nhà:

- Có chi quan trọng không?

- Bà nội em đau nặng, nhắn anh Phụng về... Anh Phụng không kịp xin phép nghỉ học... , nhờ anh vô trường...

- Sức khỏe bà ra răng rồi?

- Bà em đã ngoài tám mươi, mùa Đông ni lạnh quá nên bà suy nhược rất nhanh, không biết sống chết khi mô? Ba mẹ em đi làm ăn ở xa... Một mình em không biết xoay xở cách răng nên phải đi tìm anh Phụng...

- Bà đang ở mô?

- Anh Phụng đưa bà vô bệnh viện rồi...

- Bà yếu dữ rứa à?

- Dạ, bà yếu lắm, không ăn uống chi được...

- À, em đến đây bằng cách chi?

- Em đi xe đò. Tối nay em phải trở về nhà bà nội ở gần hồ Tịnh Tâm.

- Anh đến trường xin phép cho anh Phụng, sau đó chở em về nhà luôn.

- Dạ, cám ơn anh.

Hùng và Phụng học cùng lớp khi còn ở bậc Trung Học. Sau khi đậu Tú Tài, Phụng thi vào trường Sư Phạm còn Hùng học Luật Khoa. Hai người ở chung phòng trọ, ban ngày mỗi người đi một ngả, tối về nhà mới ăn chung.

- Năm ni Ấu Nhi được mấy tuổi rồi?

- Dạ, mười sáu...

- Vậy mà anh cứ tưởng rằng em mới 13, 14 thôi!

- Dáng em nhỏ bé nên mọi người trong nhà gọi em là Ấu Nhi (tên đi học cũng vậy).

Chiếc xe gắn máy hiệu Puch do Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức sản xuất chạy rất êm, tiếng nổ rất nhẹ, Hùng nghe rõ giọng nói của Ấu Nhi ngồi phía sau đang trò chuyện với mình. Trời mùa Đông, mặc dù tạnh ráo nhưng còn nhiều cơn gió lạnh, Hùng có cảm tưởng như Ấu Nhi đang lạnh lắm và nàng cũng đang áp sát người vào phía sau lưng chàng để tìm chút hơi ấm.

Đến trường Đại Học Sư Phạm, Hùng để xe cho Ấu Nhi giữ, chàng đi vào văn phòng xin phép cho Phụng... Xong trở ra, thấy Ấu Nhi đang đứng núp phía sau hành lang, chàng vội vàng lấy xe, chở Ấu Nhi qua cầu Trường Tiền đi vào Thành Nội... Cơn gió mùa Đông thổi qua mặt sông rộng càng tăng thêm sức giá buốt, Ấu Nhi càng cảm thấy tê tái. Mặc dù trời tạnh ráo, không mưa nhưng Hùng luôn nhắc nhở nàng:

- Ấu Nhi, em phải ôm sát vào người anh cho đỡ lạnh, nhớ mang áo mưa vào..

- Dạ.

Câu hát "cầu Trường Tiền sáu vài, mười hai nhịp" Ấu Nhi đã nghe qua làn sóng của đài phát thanh Huế nhiều lần, nên nàng đã thuộc lòng từ khi còn nhỏ nhưng lần này nàng cảm thấy như cầu đã được nối dài thêm đến mấy chục, mấy trăm nhịp... Nàng chỉ mong xe chạy cho mau, chóng qua cầu

để bớt lạnh... Thế rồi, xe cũng đã đổ dốc xuống đường Trần Hưng Đạo, phố Đông Ba và đang trên đường vào cửa Thượng Tứ. Xe chạy dọc theo đường Đinh Bộ Lĩnh vào thẳng cống Tây Linh, phía bên phải là Tàng Thư (thư viện của nhà vua ngày xưa) và phía bên trái là Hồ Tịnh Tâm... Vườn nhà bà nội của Ấu Nhi ở bên cạnh Hồ Tịnh Tâm, con đường đất nhỏ hẹp song song với bờ hồ. Hùng giải thích cho Ấu Nhi:

- Hồ này được xây dựng từ thời vua Gia Long (1802), nguyên là một nhánh sông cũ, khi vua ra lệnh xây kinh đô thì cho đắp đường chận ngang khúc sông và cho đào rộng thêm ra thành hình vuông... Hồ được xây tường chung quanh, cửa phía Nam đặt tên là Hạ Huân (gió mát mùa Hạ), cửa phía Đông gọi là Xuân Quang (ánh thiều quang mùa Xuân), cửa phía Tây gọi là Thu Nguyệt (trăng mùa Thu) và cửa phía Bắc gọi là Đông Hi (tia nắng mùa Đông). Trong hồ có ba hòn đảo gọi là đảo Bồng Lai ở phía Nam, trên đảo dựng điện Bồng Doanh, phía Đông là nhà thủy tạ Thanh Tâm, phía Tây là lầu Trừng Luyện. Bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc là cửa điện, trước cửa có cầu, còn có đảo, trên đảo dựng gác, dựng lầu...

- Anh nói nhiều quá em không nhớ được...

- Anh thấy trong sách "Đại Nam Nhất Thống Chí" ghi chép như vậy chứ thật ra anh cũng không phân biệt được cửa nào với lầu nào! Ngày xưa có cầu đi ra bốn phía, dưới cầu có nước ăn thông với nhau. Các cầu đều che mái ngói, trong hồ thả sen, bờ hồ trồng trúc, chim bay cá nhảy, óng ánh sắc đỏ, sắc xanh...

- Ngày xưa chắc là đẹp lắm, bây giờ chỉ thấy còn nhiều hoa sen mà thôi! Các công trình xây dựng ngày xưa nay hư hỏng gần hết, nhất là các cầu gỗ thì gần như không còn sử dụng được nữa...

- Vua Minh Mạng gọi hồ này là Hồ Tịnh Tâm và có làm 10 bài thơ tả cảnh hồ... Vua Thiệu Trị có làm 20 bài thơ tả cảnh đẹp ở đất Thần Kinh, khắc vào biển đồng, trong đó có một bài về Hồ Tịnh Tâm. Dưới đời vua Thiệu Trị có lần cho các tân khoa Tiến Sĩ vào đây xem hoa và dự yến tiệc... Ngày xưa, ai được vào chơi trong hồ này là một vinh dự đặc biệt. Khi vườn hoa dựng xong, vua Minh Mạng đã từng rước bà Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu (vợ vua Gia Long, mẹ nuôi của vua Minh

Mạng) lên lầu Thưởng Thắng xem hoa, rồi vua làm bài thơ ghi lại sự việc này. Thơ của vua sáng tác được ghi vào sách gọi là "Thánh Chế"...

Hùng đem những chuyện trong sách vở nói lại với Ấu Nhi để cho có chuyện mà nói vì đoạn đường từ ngoài cống vào đến nhà bà nội vừa hẹp, vừa đầy ổ gà, chạy xe sợ trượt té, bùn lầy làm lấm hết quần áo nên chàng vừa dẫn xe đi bộ vừa trò chuyện cho bớt tẻ nhạt...

Ấu Nhi đến trước cổng, mở cửa vào, Hùng dẫn xe đi theo sau. Mùa Đông, sân đất ẩm ướt, vườn cây um tùm, cành lá chằng chịt bao bọc ngôi nhà tranh nhỏ bé. Đây là nhà của ông bà nội ngày xưa, nơi cha của Ấu Nhi và các cô, các chú sinh ra và lớn lên, sau đó mỗi người một nơi sinh sống lập nghiệp... , chỉ còn hai ông bà ở với nhau, thỉnh thoảng ngày Tết, ngày giỗ mới có người về thăm. Từ khi ông nội qua đời, chiến tranh mỗi ngày một lan rộng, con cháu ít có dịp trở về, ba của Ấu Nhi đề nghị bán vườn rồi đưa bà nội vô Đà Nẵng ở với con cháu nhưng bà nội không chịu vì còn quyến luyến kỷ niệm của bà từ ngày về nhà chồng, đây là di tích ông bà tổ tiên để lại. Bà thích săn sóc vườn hoa với những gốc mai già đều đặn trổ bông vào mùa Tết, hai gốc hải đường lá xanh hoa thắm rất tươi, những cây thanh trà, bưởi, măng cụt, mãng cầu, chanh và hàng cau với giàn trầu leo từ dưới gốc lên tận ngọn. Ngoài ra còn có một cái ao cá nho nhỏ, dọc bờ ao là những bụi chuối tiêu, chuối mật năm nào cũng sai trái. Phía sau nhà bếp có chuồng gà... Bà thường bán những hoa trái trong vườn để có tiền xài, có trứng gà để ăn, có gà giò để làm thịt khi có khách, hoặc làm món gà hầm với đọt dâu non và đậu xanh để bồi dưỡng cho bà... Bà cho rằng như thế cũng tự túc được rồi, khỏi phiền đến con cháu. Dù vậy, ba mẹ của Ấu Nhi và các cô, các chú cũng gởi tiền, gởi quà đều đặn cho bà. Nhận thấy tuổi tác của bà càng ngày càng cao, sức khỏe không được bình thường như trước nữa nên ba má cho Ấu Nhi về ở với bà... Bà thường nói với Ấu Nhi:

- Bà ở đây để giữ từ đường, cúng giỗ ông bà tổ tiên... , nếu sau này có anh chàng nào thương cháu thì bà cho về ở đây với bà. Hết đời bà, nếu không ai chịu trở về lập nghiệp tại quê hương thì nhà này sẽ cho Ấu Nhi...

Từ ngày mới đậu Tiểu Học, Ấu Nhi đã đến đây ở chung với bà. Ấu Nhi học trường Trung Học Thành Nội, một chi nhánh của trường Đồng Khánh, ngày đi học một buổi, thì giờ còn lại làm việc nhà giúp bà và học bài, ít khi đi đâu xa. Trong nhà có một tủ sách học của các anh chị, cô chú ngày xưa để lại, cũng có một số sách truyện và báo cũ, khi có thì giờ rảnh rỗi, Ấu Nhi cũng hay tìm đọc và nàng rất mê đọc tiểu thuyết. Nhờ đọc sách nên nàng cũng biết được nhiều chuyện, có thêm nhiều kiến thức, khi gặp bạn bè hay đi ra khỏi nhà, nghe người ta nói chuyện, nàng cũng hiểu và góp chuyện với bạn bè được.

Ấu Nhi dẫn Hùng đi quanh một vòng nhà trên, nhà dưới, ra vườn giới thiệu các loại cây ăn trái, cây hoa, cây cảnh, hòn non bộ, các loại hoa quý, các loại cây lâu năm, lâu đời... Hùng rất thích ngôi nhà cổ kính và khu vườn nhà bà nội của Ấu Nhi. Chỉ có một điều nhà vắng vẻ và ít người nên trông có vẻ buồn buồn. Chàng ngại cho Ấu Nhi, thân gái yểu điệu mà sống một mình như thế này thật bất tiện.

Mùa Đông, trời tối rất sớm, mới 4 giờ chiều mà trông có vẻ âm u rồi. Ấu Nhi ái ngại:

- Cám ơn anh đã đưa em về đến nhà sớm. Trời chiều rồi, anh về đi kẻo muộn. Anh Phụng em phải chăm sóc bà nội trong bệnh viện, không biết tối nay có về không? Anh Phụng đã gởi điện tín báo cho ba má em rồi. Chắc nội ngày mai, ba má em sẽ về lo cho bà nội.

- Tối nay em ở đây một mình có ngại không?

- Em ở đây quen rồi! Không có chuyện chi mô! Anh đừng lo! Có chuyện chi thì em gọi bên hàng xóm, cũng là bà con với nhau thôi.

Hùng chào Ấu Nhi, lên xe nổ máy chạy ra cổng. Chàng cho xe chạy từ từ vì đường hẹp mà có nhiều vũng nước... nhưng bùn cũng tung tóe ra hai bên khiến cho người đi bộ phải vội vã tránh né. Nghĩ đến Ấu Nhi trong căn nhà nhỏ bé nằm giữa bức vườn rậm rạp, âm u mà lòng Hùng đầy lo lắng bất an.

Hùng về đến nhà nhưng vẫn để xe trước sân, chưa thấy Phụng nhắn tin về, Hùng lại lên xe vào thẳng bệnh viện Trung Ương Huế hỏi thăm tin tức nhưng khi chàng vừa cho xe chạy ra sân thì Phụng cũng vừa về tới:

- Bà muốn cho tau và con Thương làm đám cưới chạy tang. Tối ni, ba má sẽ về đến nhà và ngày mai sẽ đưa bà nội về để tổ chức các nghi lễ cho kịp. Bà tuy yếu nhưng vẫn còn tỉnh táo, hy vọng sống thêm ít lâu nữa. Chừ mi giúp tau một số việc gấp nghe...

Phụng và Hùng đưa nhau vào nhà bàn bạc, xong mỗi người một đường đi lo công việc...

*

* *

Tối hôm đó ba má của Ấu Nhi thuê xe xích lô qua bệnh viện đưa bà về. Ngày hôm sau đi gặp gia đình chị Thương để xin "cưới chạy tang". Nghi lễ chỉ được tổ chức trong nội bộ gia đình với sự chứng kiến của cha mẹ hai bên và anh chị em trong nhà hiện đang có mặt mà thôi. Những người ở xa không về kịp, sẽ được thông báo sau. Trước bàn thờ gia tiên, Phụng và Thương tuy không có áo cưới nhưng cũng lịch sự, quỳ lạy trước di ảnh và bài vị của ông nội, sau đó đến bên giường bệnh quỳ lạy bà nội, rồi trở lại lạy cha mẹ hai bên. Bà nội nằm trên giường cầm tay Thương cảm động:

- Bà yên lòng nhắm mắt ra đi vì được thấy thằng cháu đích tôn của bà đã có vợ. Hôm nay, bà cũng được thấy mặt cháu dâu đích tôn của bà. Bà cảm ơn các con, các cháu đã vâng lời bà tổ chức đám cưới cho hai cháu ngày hôm nay. Các con, các cháu ăn ở rất có hiếu đối với ông bà, tổ tiên. Chúc hai cháu sống hạnh phúc, sinh hạ nhiều con cháu, nối dõi tông đường.

Nói xong, bà ngất đi vì quá mệt. Phụng và Thương lạy tạ rồi rút lui. Ấu Nhi ghi nhớ mãi hình ảnh đó với tâm trạng rối bời trong lúc ba má thì lo chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho việc an táng của bà trong tương lai. Lần đầu tiên trong nhiều năm qua, Ấu Nhi được sống trong bầu không khí của đại gia đình, tối hôm đó, trong căn nhà nhỏ bé có ba má, anh chị bên cạnh bà nội. Hai cây nến trên bàn thờ vẫn cháy và giữa nhà đã có sẵn một lò than hồng để sưởi ấm, đèn điện trong nhà sáng suốt đêm.

Ngày hôm sau, bà con ở xa lần lượt trở về, qua ngày thứ ba, bà nội ra đi về với tổ tiên. Trong đám tang của bà, người khóc thật nhiều là Ấu Nhi. Sau nhiều năm sống bên cạnh bà, săn sóc bà, trò chuyện với bà mỗi ngày, Ấu Nhi cảm nhận

được tình thương sâu đậm của bà đối với cháu, của người già đối với người trẻ...

Năm sau, Phụng tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm và đi nhận nhiệm sở mới tại Quảng Tín, ba má nói "thời buổi bây giờ, chồng đâu vợ đó", trong nhà chỉ có anh Phụng là con trai độc nhất nên ba má cũng muốn có cháu nội sớm vì thế chị Thương cũng phải đi theo anh Phụng. Tạm thời Ấu Nhi vẫn ở lại đây vừa để tiếp tục học, vừa coi sóc nhà và vườn. Mặc dù bà nội đã chết nhưng Ấu Nhi vẫn cảm thấy như bà vẫn còn sống, vẫn ở với Ấu Nhi, bà vẫn hiện diện ở đây trong căn nhà này, nơi mỗi gốc cây trong bức vườn này... Ấu Nhi cảm thấy yên tâm, không lo sợ gì hết.

Vợ chồng Phụng đi vào Tam Kỳ rồi thì Hùng dọn về ở chung với người bạn ở trường Luật, đường Lê Lợi, nhìn ra sông Hương. Năm 1966, Ấu Nhi thi đậu Trung Học và thi vào lớp 10 trường Đồng Khánh, mỗi ngày nàng chạy xe đạp đến bến Thương Bạc rồi qua đò là đến trường, học sinh khỏi trả tiền nên cũng không tốn kém gì. Một hôm, Hùng đang đi bộ lang thang qua cổng trường Đồng Khánh, tình cờ gặp Ấu Nhi từ trong trường đi ra... Hùng chận xe nàng lại:

- Ấu Nhi ! Anh ở bên trường Luật, gần đây, mời em qua thăm chỗ anh cho biết...

Ấu Nhi "dạ" một tiếng rất nhỏ rồi ngoan ngoãn đi theo Hùng. Vào tới cổng trường, Hùng dẫn Ấu Nhi đến khu nhà cổ kính phía sau, leo lên cầu thang bước vào một căn gác gỗ thấp nhưng cũng vừa cho nàng đứng thẳng người khỏi cần khom mình xuống. Khu vực bên dưới, trước đây dùng làm phòng học cho sinh viên, từ ngày trường xây thêm nhà mới thì khu này không sử dụng. Trong lúc chờ đợi thi tốt nghiệp, Hùng xin Thầy Khoa Trưởng cho về ở tạm trên gác gỗ này... Ngoài giờ học, Hùng xin dạy thêm một số giờ ở các trường tư để có tiền tự túc.

- Ấu Nhi vẫn còn ở chỗ cũ ?

- Dạ, em vẫn còn ở bên Hồ Tịnh Tâm, dịp cuối tuần mời anh qua chơi...

- Bà nội mất rồi, em ở một mình?

- Dạ, em vẫn ở một mình... , thỉnh thoảng cũng có bà con đến chơi...

- Ở một mình trong căn nhà hoang vắng, em không sợ à?

- Bà nội vẫn ở với em, bà linh lắm, không ai dám vào nhà quấy rầy em mô! Em vẫn chăm sóc vườn tược cho bà.

- Được, cuối tuần này anh sẽ đến thăm em.

Ấu Nhi xin phép từ giã, Hùng đưa nàng xuống cầu thang, ra tận ngoài đường Lê Lợi:

- Gần một năm rồi không gặp, Ấu Nhi chừ lớn quá rồi!

- Gái mười bảy mà anh! Trước đây anh nói em mới mười ba, mười bốn tuổi thôi đó !...

Ấu Nhi lên xe đi về hướng bến đò Thừa Phủ, Hùng còn lưu luyến nhìn theo. Chàng không trở lại căn gác nhỏ hẹp, tiếp tục đi bộ dọc theo đường Lê Lợi, qua cầu ga, vào quán cà phê Trang Điểm, nơi tụ tập của anh em sinh viên và các bạn trẻ, bàn tán chuyện thời sự... Tình hình ở Huế vào cuối mùa Xuân năm Bính Ngọ (1966) thật sôi động: tướng Nguyễn Chánh Thi, Tư Lệnh Vùng I bị mất chức, "Lực lượng công tư chức tranh đấu" do ông Nguyễn Đức Mai, Giáo Sư trường Quốc Học làm Chủ Tịch, tổ chức biểu tình trước Thương Bạc, sinh viên Phật tử xuống đường biểu tình phản đối chính quyền Trung Ương mà họ gọi là "bọn Thiệu – Kỳ". Các trường Đại Học, Trung Học, Tiểu Học, các chợ, tiệm buôn... đều được lệnh của Phong Trào Tranh Đấu đồng loạt bãi khóa, đình công, bãi thị... Lúc đầu chỉ có sinh viên và Phật tử biểu tình, dần dần về sau có cả công chức, cảnh sát, quân đội của Sư Đoàn 1 tham gia nữa.. Một nhóm quá khích trương biểu ngữ chống Mỹ, đốt phòng thông tin Hoa Kỳ, kéo nhau đi lùng bắt một vài người thuộc tổ chức Việt Nam Quốc Dân Đảng hay Đại Việt... mà họ cho là "bọn phản động" khiến cho một số người phải trốn ra miền quê hoặc đến tạm trú nhà bà con, không dám ngủ ở nhà... Bạn bè của Hùng đa số tham gia Phong Trào Tranh Đấu, số còn lại đứng ở ngoài theo dõi tình hình hoặc chống đối ngấm ngầm. Lúc đầu Hùng cũng ủng hộ Phong Trào vì chàng không thích chế độ quân nhân ở Sài Gòn nhưng đối với cá nhân Tướng Nguyễn Chánh Thi chàng cũng không ưa... Nói chung chàng không có cảm tình với mấy ông Tướng, trông các ông ấy có vẻ bốc đồng, bạt mạng, gặp thời loạn có được quyền hành trong tay, muốn làm gì thì làm. Nước không có Quốc Hội, không có Hiến Pháp, không có chế độ Dân Chủ, người học Luật, có

hiểu biết ít nhiều về các chế độ chính trị cảm thấy rất khó chịu trước hoàn cảnh xã hội bấy giờ.

Từ ngày gặp Ấu Nhi lần đầu, Hùng vẫn nhớ tới "người em nhỏ bé" nhưng gần một năm qua với biết bao biến cố xảy ra trên đất Huế khiến cho Hùng không có dịp gặp lại Ấu Nhi, mãi cho đến ngày hôm nay, tình cờ gặp lại nàng, mời nàng về gác trọ, rồi chia tay nhau trong lưu luyến thì Hùng mới nhận ra mình không thể thiếu Ấu Nhi được. Hùng quyết định cuối tuần này sẽ qua Hồ Tịnh Tâm thăm Ấu Nhi.

Trường Đồng Khánh cũng tham gia Phong Trào Tranh Đấu "chống Thiệu – Kỳ"... nên Ấu Nhi phải ở nhà, không đi học được. Hết đọc sách lại chăm sóc vườn tược rồi không biết làm gì nữa, Ấu Nhi cứ đi ra đi vào trước ngõ như trông chờ một điều gì? "Cuối tuần này Hùng sẽ qua thăm", nàng buột miệng nói lên chỉ đủ cho một mình nghe... Bỗng nhiên có tiếng xe gắn máy từ xa... . nàng liền nghĩ đến Hùng... nhưng không phải! Xe của ai đã chạy ngang qua và không dừng lại! Không phải âm thanh đặc biệt của chiếc xe Puch! Nàng lại thất vọng quay gót đi vào nhà nhưng chính lúc đó, Hùng lại xuất hiện trước cổng và Ấu Nhi đã nghe rõ tiếng quen thuộc của một loại âm thanh rất nhẹ nhàng, đều đặn:

- Ấu Nhi có ở nhà không?

- Mời anh vô chơi.

Ấu Nhi từ trong nhà chạy ra sân vừa trả lời Hùng. Nàng đã bộc lộ tất cả tình cảm của mình một cách tự nhiên. Hùng vội dựng xe trước thềm và không ngần ngại giang hai tay ra đón Ấu Nhi... Nàng cũng vừa tới và không còn kịp nữa, đã ở trong vòng tay của chàng rồi!

Gần một năm sau ngày gặp gỡ lần đầu, cả Hùng lẫn Ấu Nhi cũng không ngờ rằng tình cảm giữa hai người đã nảy nở nhanh chóng như vậy. Từ chỗ sống cô đơn một mình trong căn nhà tổ phụ, chưa bao giờ tiếp xúc với bạn trai, thế mà sau ngày gặp lại Hùng trước cổng trường Đồng Khánh mới cách nay một tuần, nỗi nhớ mong trong lòng Ấu Nhi lại càng sâu đậm thêm lên. Ấu Nhi bỗng nhiên đã trở thành một cô gái bạo dạn mà chính nàng cũng không bao giờ ngờ được. Tâm trạng của Hùng lúc này cũng không khác gì Ấu Nhi, chàng biết nàng còn quá trẻ và trước sau chàng vẫn xem nàng như em

gái, đúng hơn là em gái của người bạn thân. Tất nhiên chàng cũng có bổn phận bảo vệ cho nàng trước những đam mê tình cảm lãng mạn để không bị ảnh hưởng đến chuyện học hành nhưng tình yêu đã đến với nàng quá sớm, sự xuất hiện của Hùng trong hoàn cảnh này chẳng khác nào nàng công chúa ở trong lâu đài cấm cung mà được gặp một vị hoàng tử xa lạ... Cơ hội đã đến và không bên nào từ chối!

Hùng nhìn thấy trên đôi mắt của Ấu Nhi nét ngây thơ như nai vàng ngơ ngác, một nỗi xúc động bàng hoàng xen lẫn một chút lo sợ vẩn vơ. Hùng tự trấn tỉnh, cầm tay đưa Ấu Nhi vào trong nhà:

- Anh Phụng có thường liên lạc với em không?

- Anh chị Phụng vẫn khỏe, sắp có cháu bé rồi!

- Rứa à? Mừng cho anh chị Phụng. Lâu nay anh chị có về thăm em không?

- Anh chị bận đi làm, đi dạy, ba má ở Đà Nẵng có vào Tam Kỳ thăm. Sắp đến ngày giỗ bà nội, ba má sẽ về đi thăm mộ bà. Không biết anh chị Hùng có về được hay không?

- Bà mất như vậy cũng gần một năm rồi!

- Dạ! Mới đó mà... , mau quá hè!

Hùng cố giữ câu chuyện bình thường để tránh cho Ấu Nhi những giây phút xúc động... Ấu Nhi cũng hiểu được những gì vừa xảy ra cho hai người là đã "đi quá giới hạn" rồi nên nàng đề nghị:

- Bây giờ đang cuối mùa Xuân, sắp vào Hạ, trong vườn có nhiều hoa trái lắm... , để em đưa anh đi xem một vòng, đẹp lắm...

- Phải rồi, mình ra ngoài xem hoa đi...

Ấu Nhi dẫn Hùng ra bờ ao xem cá lội... rồi đi vòng ra phía nhà dưới nơi có nhiều bụi chuối xanh tốt với những quày sắp chín, cạnh đó có một bầy gà con đang chạy theo gà mẹ kiếm mồi. Hùng nghe tiếng heo kêu ủn ỉn đâu đây ở phía sau nhà bếp:

- Ủa, ở đây cũng có cả heo nữa sao?

- Trong vườn có cả rau lang, rau muống, cây chuối tươi... nên em mua heo giống cho chị hàng xóm nuôi, mỗi ngày chị ấy săn sóc, cho heo ăn, heo lớn bán lấy tiền chia đôi.

- Em tính toán giỏi đó...

- Hãy còn nhiều thì giờ, em mời anh ở lại ăn cơm để em khoe tài nội trợ với anh

- Em định cho anh ăn món chi đây?

- Ăn cơm rau thôi...

*

* *

Mùa Hè năm 1966, sau khi Tướng Nguyễn Chánh Thi ra đi, chính quyền Trung Ương ở Sài Gòn cử Tướng Nguyễn Văn Chuân, nguyên Tư Lệnh Sư Đoàn 1 ở Huế lên làm Tư Lệnh Quân Đoàn I ở Đà Nẵng với nhiệm vụ phải ổn định tình hình nhưng Tướng Chuân cũng bất lực. Sài Gòn lại đưa Tướng Huỳnh Văn Cao, đã mất chức Tư Lệnh Quân Đoàn IV sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ năm 1963, hiện đang ngồi chơi xơi nước, ra Đà Nẵng thay Tướng Chuân. Khi Tướng Cao đến Huế thì một Trung Úy ngành An Ninh Quân Đội thuộc Sư Đoàn 1 tên là Nguyễn Đại Thức đã rút súng bắn Tướng Cao tại sân bay Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn nhưng Trung Úy Thức đã bị xạ thủ người Mỹ từ trên trực thăng bắn trả một loạt đại liên, ngã gục tại chỗ. Tướng Huỳnh Văn Cao đã không hoàn thành được nhiệm vụ Trung Ương giao nên đã trở về Sài Gòn, xin từ chức và bị phạt kỷ luật. Tướng Tôn Thất Đính, người được nhiều cảm tình của Phật Giáo, sau vụ chỉnh lý 30/1/1964, bị mất chức, cũng đang ngồi chơi xơi nước ở Sài Gòn, lại được phục chức để ra Huế làm Tư Lệnh Quân Đoàn I với nhiệm vụ ổn định tình hình nhưng Tướng Đính cũng không thuyết phục được những ngươi đang lãnh đạo Phong Trào Tranh Đấu vì mục đích của Phong Trào lúc đầu là phản đối việc cách chức Tướng Nguyễn Chánh Thi nhưng sau đó lại chuyển hướng chống quân phiệt và đòi dân chủ... Sinh viên chiếm đài phát thanh, lên tiếng đòi hai Tướng Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ phải từ chức, đòi hòa bình chống chiến tranh, chống Mỹ, đòi bầu cử Quốc Hội, đòi chính phủ dân sự v.v... Trước đó một năm, khoảng tháng 5, tháng 6 năm 1965, đảng Đại Việt Cách Mạng cũng đã tổ chức các cuộc biểu tình tại Quảng Tín, Thừa Thiên, Quảng Trị, Sóc Trăng, Tây Ninh ủng hộ Tuyên Ngôn gồm 9 điểm của ông Hà Thúc Ký minh định lập trường chống Cộng, đòi có chính phủ dân sự, thực hiện đại đoàn kết quốc gia, bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, ban hành Hiến Pháp

Dân Chủ, cải cách kinh tế, văn hóa giáo dục, xã hội, chính trị, quân sự v.v... nhưng các cuộc biểu tình này có tính cách ôn hòa, không chủ trương bạo động như bây giờ. Những đơn vị ly khai chống lại sự lãnh đạo của Trung Ương như Đại Tá Đàm Quang Yêu (Tư Lệnh đặc khu Quảng Nam – Đà Nẵng), Chuẩn Tướng Phan Xuân Nhuận (Tư Lệnh Sư Đoàn 1 ở Huế), Thiếu Tá Trần Phước Thành (Giám Đốc Cảnh Sát vùng I), Bác Sĩ Nguyễn Văn Mẫn (Thị Trưởng Đà Nẵng), Trung Tá Phan Văn Khoa (Tỉnh Trưởng Thừa Thiên kiêm Thị Trưởng Huế)... đều lên tiếng chống Thiệu – Kỳ... Cảnh Sát Huế, quân nhân Sư Đoàn 1... đã xuống đường biểu tình... Ở Đà Nẵng, một số sĩ quan chỉ huy cấp Đại Đội, Tiểu Đoàn cũng ly khai theo phe Tranh Đấu như Tôn Thất Trực, Nguyễn Thừa Du... Sinh viên chiếm đài phát thanh Đà Nẵng, đài phát thanh Huế và cho phát đi những lời kêu gọi chống Thiệu – Kỳ, chống Mỹ, chống chiến tranh... Trước tình thế đó, Sài Gòn đã quyết định phải sử dụng biện pháp quân sự để tái lập trật tự: Ngày 31/5/1966, Thiếu Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Sư Đoàn 2 ở Quảng Ngãi được đưa ra Đà Nẵng làm Tư Lệnh Quân Đoàn I kiêm Tư Lệnh Vùng I Chiến Thuật, kiêm Đại Biểu Chính Phủ tại 5 tỉnh miền Trung (Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi) thay thế Trung Tướng Tôn Thất Đính... Đây là một chức vụ chỉ huy quân sự kiêm hành chánh.

Tin này vừa được loan báo trên đài phát thanh thì không khí chính trị ở Huế, Đà Nẵng bỗng nhiên trở nên sôi động, căng thẳng tột độ. Phe Tranh Đấu hô hào thành lập lực lượng tư vệ và cương quyết chống lại cuộc hành quân từ Đà Nẵng ra Huế của chính phủ Trung Ương bằng vũ lực, nghĩa là sẵn sàng đổ máu, sẵn sàng hy sinh tính mạng. Ông Nguyễn Khắc Từ lên đài phát thanh ra lệnh cho tổ chức mới thành lập gọi là "bách nhân đội" phải sẵn sàng chiến đấu... Bàn thờ Phật xuống đường như là một chướng ngại vật ngăn chân bước tiến của quân đội Sài Gòn. Mọi người đang chờ đợi một trận thư hùng giữa hai bên, chưa biết diễn tiến ngã ngũ như thế nào.

*

* *

Từ hôm Hùng đến thăm và ở lại ăn cơm với Ấu Nhi đến

nay đã gần hai tháng rồi, nàng không có dịp gặp và cũng không nhận được tin tức gì về chàng. Trong lúc tình hình sôi động như vậy, Ấu Nhi rất mong gặp Hùng. Nàng cũng muốn đi tìm Hùng nhưng rất ái ngại. Mấy tháng nay trường học bãi khóa, nàng ở nhà ít đi đâu. Đài phát thanh ra rả hô hào biểu tình, hội họp... , mỗi lần mở đài thì nghe toàn giọng đả kích, phê bình chính quyền. Các cơ quan hành chánh tê liệt, không ai muốn đi làm, nhân viên tự động bỏ nhiệm sở. Ấu Nhi cứ tưởng tượng giờ này chắc Hùng đang cùng bạn bè đi tranh đấu, biểu tình hay đang cầm súng trấn giữ ở một phòng tuyến xung yếu nào đó trong thành phố. Có một đêm, trời mưa nhẹ, lúc đó cũng đã khuya rồi, Ấu Nhi nghe tiếng xe Puch của Hùng đang đi qua nhà nàng. Lòng nàng rộn lên một niềm vui và hy vọng, thế nào Hùng cũng ghé vào thăm nàng. Mặc dù đang nằm trên giường nhưng không thể nhịn được, nàng đã vùng dậy, mở cửa chạy ra ngoài cổng. Không thấy bóng dáng của Hùng đâu! Trên đường đầy những mảnh giấy cỡ bằng bàn tay rải rác khắp nơi! Nàng tò mò cầm lấy một cái đem vào nhà xem. Nàng mở đèn thật sáng và đọc đi đọc lại nhiều lần nội dung "Lời kêu gọi" của Lực Lượng Thanh Niên Cảm Tử Diệt Cộng, người thủ lãnh ký tên Lê Chiến. Đây là một tờ truyền đơn tố cáo những tên Việt Cộng nằm vùng: Lê Hiếu Đằng, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Phan Duy Nhân, Lê Quang Long, Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Khắc Từ, Võ Đình Cường, Lê Hữu Tý... Có những tên quen quen, tuồng như là Giáo Sư hay sinh viên gì đó, đã từng lên tiếng trên đài phát thanh Huế thời gian gần đây. Những truyền đơn này của ai? Lực Lượng Thanh Niên Cảm Tử Diệt Cộng gồm những ai? Người thủ lĩnh ký tên Lê Chiến là ai? Tại sao khi nghe tiếng xe Puch chạy ngang qua thì sau đó lại xuất hiện các truyền đơn này? Không lẽ những truyền đơn này là của Hùng? Tại sao Hùng đã đi ngang qua nhà nàng mà không ghé vào thăm? Hay là Hùng đã quên Ấu Nhi rồi ? Mấy tháng nay Hùng đi đâu? Làm gì? Trong những lần gặp gỡ, Hùng không bao giờ nói đến chính trị, thời sự... Hùng chưa bao giờ tỏ rõ lập trường ủng hộ hay chống đối các Phong Trào Tranh Đấu đối lập với chính quyền Sài Gòn... Tự nhiên Ấu Nhi cảm thấy lo sợ cho Hùng: nếu Hùng tham gia một tổ chức chính trị đối

lập với Phong Trào Tranh Đấu hiện nay thì rất nguy hiểm cho Hùng. Cảnh Sát, Quân Đội... là những lực lượng bảo vệ an ninh trật tự cho thành phố cũng đã theo Tranh Đấu hết rồi, một mình Hùng làm sao chống lại họ được. Hùng sẽ bị hành hung, sẽ bị bắt giam thậm chí có thể sẽ bị thủ tiêu nếu làm trái ý họ...

Sáng hôm sau ra đường, Ấu Nhi nghe mọi người bàn tán với nhau về "cái truyền đơn" tối hôm qua. Rất nhiều người nhận được. Không phải ở vùng này mà bên khu Tây Lộc cũng có, khắp nơi trong Thành Nội đều thấy xuất hiện loại truyền đơn này. Ông xích lô ở đầu xóm nói:

- Chắc trong xóm mình có người tham gia tổ chức Diệt Cộng. Họ mới rải truyền đơn thôi, chưa thấy họ "diệt Cộng"!!!

Những gì Ấu Nhi thắc mắc rồi cũng được sáng tỏ: chỉ trong vòng mấy ngày sau vụ rải truyền đơn, một hôm Hùng đến thăm nàng và tâm sự:

- Ấu Nhi à, tình hình này rồi Cộng Sản sẽ thắng thôi... Bạn bè của anh nhiều người đã đi theo Việt Cộng rồi... Họ đã được móc nối đưa lên chiến khu huấn luyện và được kết nạp vào đảng Cộng Sản... Bên trường Luật cũng có... Gia đình anh là nạn nhân Cộng Sản, cha của anh bị Việt Minh (tức Việt Cộng hồi 1945) bắt giam và đã chết trong tù năm 1947 ở ngoài Bắc... Nếu Việt Cộng vào đây mình không sống nổi với họ đâu! Nếu không chống lại họ thì trước sau gì cũng bị họ trói tay bắt đem đi giết như cha của anh mà thôi...

Nói xong, Hùng ngồi trầm ngâm lo lắng... Ấu Nhi cũng nghe ba má và bà con trong gia đình kể lại một vài hành động dã man tàn bạo của Việt Cộng ở miền quê trước 1945 cũng như gần đây nên phần nào thông cảm với nỗi lo lắng của Hùng. Hơn nữa, nàng cũng biết Hùng là người có học, đã thi đậu Cử Nhân và đang xin tập sự Luật Sư, chắc chắn những điều Hùng nói ra là có cơ sở... Lâu ngày không gặp nhau, đáng lẽ Hùng phải nói với Ấu Nhi những câu chuyện vui, những tình cảm thương nhớ, những lời an ủi, niềm hy vọng vào tương lai tươi sáng... Chàng cảm thấy ân hận vì đã làm cho không khí gặp gỡ hôm nay trở nên trầm buồn... Ấu Nhi cũng hiểu điều đó, nàng an ủi:

- Không lẽ cứ bãi khóa dài dài như thế này sao? Tuổi trẻ

như em mà phải bỏ hết chuyện học hành! Thành phố Huế bấy giờ không có chính quyền nữa rồi, đình công, bãi thị, bãi khóa mãi... , dân chúng khổ quá... Tình hình bên ngoài quá căng thẳng, em không dám đi ra đường. Mấy lúc này trường bãi khóa, anh làm gì?

- Trường bãi khóa thì Giáo Sư tư thục không có tiền thù lao để sống... Anh đang theo dõi tình hình, bạn bè trong Đà Năng cho tin vài hôm nữa quân chính phủ Sài Gòn sẽ tái lập trật tự... Mình không thể nhắm mắt ngồi yên được... Anh đã quyết định phải dấn thân...

- Mấy hôm trước, em có lượm được truyền đơn...

- Lời kêu gọi của "Lực Lượng Thanh Niên Cảm Tử Diệt Cộng" ?

- Lê Chiến là ai vậy?

- Đó là bí danh của người "thủ lãnh"... Anh đã tham gia tổ chức này!

Nghe Hùng nói như vậy, Ấu Nhi im lặng không dám hỏi thêm. Từ trước tới nay nàng cứ nghĩ rằng một người như Hùng chỉ biết lo học, lo tìm hạnh phúc cá nhân, không ngờ Hùng cũng là một người quan tâm đến thời cuộc, một người dấn thân... vì thế Ấu Nhi không dám xem thường chàng. Bỗng Hùng nghiêm giọng:

- Ấu Nhi, em có thể giúp anh việc ni được không?

- Việc chi rứa?

- Anh cần một nơi kín đáo và yên tĩnh, ít người lui tới để gặp gỡ mấy người bạn. Em có thể cho anh mượn nhà này trong vòng hai giờ đồng hồ được không? Chỉ xin em giúp anh một lần thôi, anh hứa sẽ không làm phiền em lần thứ hai.

- Khi mô các bạn của anh đến?

- Khoảng 8 giờ tối nay...

*

* *

Hùng nhờ Ấu Nhi canh chừng ngoài cổng, chàng tự mình dẫn từng người một đi vào trong nhà. Hùng lấy trong túi xách ra một bộ lư, một bản đồ, một lá cờ và một ảnh chân dung với hai cây nến màu đỏ. Sau khi thiết lập xong bàn thờ tổ quốc ở chính giữa nhà, Hùng tuyên bố:

- Hôm nay, chúng ta sẽ làm lễ tuyên thệ cho một tân đồng

chí (thời gian trong vòng 10 phút) sau đó sẽ có cuộc họp chi bộ. Buổi lễ tuyên thệ bắt đầu... Tôi xin giới thiệu: Đây là đồng chí Lê Chiến, đại diện Trung Ương và đồng chí Hoàng Nguyên, đại diện Hội Đồng kỷ luật... và đây là anh Duy Việt, một cảm tình viên xin gia nhập Đảng...

- Trước bàn thờ tổ quốc, xin đồng chí hãy đọc lời tuyên thệ...

- Tôi xin tuyên thệ: tuyệt đối trung thành với Đảng... , với chủ nghĩa... Nếu sai phạm lời thề, tôi xin chịu kỷ luật của đảng... Xin thề!...

- Đại diện đồng chí Chủ Tịch Ban Chấp Hành Trung Ương, tôi xin chấp nhận lời tuyên thệ của đồng chí... Xin chúc đồng chí dồi dào sức khỏe...

- Đại diện hội đồng kỷ luật, tôi xin chúc đồng chí tích cực hoàn thành mọi công tác mà Đảng giao phó và hy vọng vũ khí này (tượng trưng cho tinh thần kỹ luật của Đảng) sẽ không bao giờ áp dụng đốâi với cá nhân đồng chí... Lễ tuyên thệ đã xong, các đồâng chí giải tán...

Hùng nhanh chóng thu dọn lư hương, bản đồ, đảng kỳ... , các vật vừa trưng bày trên bàn thờ tổ quốc... bỏ vào túi xách, đậy nắp lại cẩn thận.

- Bây giờ, chúng ta khai mạc buổi họp... Các đồng chí nghiêm chỉnh... chào đảng kỳ... đảng ca... "Nào vùng lên, toàn dân anh dũng chiến đấu... "... Phút mặc niệm các đồng chí đã hy sinh vì Tổ Quốc, vì Đảng... Phần khai mạc đã xong, xin mời đồng chí Lê Chiến...

Một người trẻ tuổi, gương mặt hơi gầy, lưỡng quyền cao, mắt sáng, giọng nói nhỏ nhẹ nhưng rõ ràng từng tiếng:

- Thưa các đồng chí, vì tình hình rất phức tạp hiện nay, bọn Việt Cộng nằm vùng đang có mặt khắp nơi và cũng có thể đã trà trộn vào cơ sở của ta... nên buộc lòng chúng tôi phải tìm một địa điểm mới... Chúng ta chỉ gặp nhau ở đây một lần mà thôi... , sau đó yêu cầu tất cả anh em đừng bao giờ trở lại nơi này nữa... đề phòng địch theo dõi...

Nghỉ một lát, anh ta nói tiếp:

- Theo tin tức chúng tôi nhận được, hiện nay tại thành phố Huế và Nam Thừa Thiên có tên Việt Cộng từ miền Bắc vào... , bí danh Thanh Bình, cấp bậc Thiếu Tá, đang điều khiển

bọn Việt Cộng nằm vùng trong các Phong Trào Tranh Đấu để lái cuộc tranh đấu của sinh viên và Phật tử hiện nay đi đúng kế hoạch của chúng là chống chính quyền Thiệu – Kỳ, chống Mỹ và chống chiến tranh... Chúng đang móc nối với những sinh viên, học sinh thành tâm yêu nước đi vào khuynh hướng đối lập, sẵn sàng gia nhập tổ chức của Cộng Sản và sẵn sàng thi hành mọi chỉ thị của chúng... Một số sinh viên, học sinh đã được đưa đến vùng Việt Cộng kiểm soát như Châu Chữ, Nguyệt Biều, Đình Môn, Kim Ngọc (thuộc vùng núi quận Nam Hòa) để dự lớp huấn luyện về đặc công và tuyên vận...

-Các đồng chí phải cẩn thận khi di chuyển, đi đâu phải có 2, 3 người trở lên để bảo vệ cho nhau. Ban đêm nhớ thay đổi chỗ ở, đừng lui tới những chỗ quen thuộc nhiều lần...

- Có tin từ Đà Nẵng cho biết trong vòng vài hôm nữa thì quân chính phủ sẽ đổ bộ ra Huế... Về công tác đặc biệt:... đồng chí... phải theo dõi tên... tại trường... v.v...

- Nhớ báo cáo tình hình cho chúng tôi mỗi ngày...

- Anh em có tin tức gì báo cáo không? Có đề nghị gì nữa không?

Hùng tiếp lời "thủ lãnh":

- Nếu không còn ai có ý kiến gì. Tôi xin tuyên bố giải tán.

- Xin các đồng chí đi ra từng người một, người bên trái, người bên phải, cách nhau mươi phút... , ra khỏi khu vực này mới đi chung.

Từ khi có khách vào nhà, cổng chính được khóa lại, Ấu Nhi đứng gác bên ngoài... Họp xong, thấy Hùng từ trong đi ra, nàng hiểu ý lánh mặt, tất cả 4 người đi rồi, Hùng còn ở lại. Ấu Nhi từ ngoài vườn chạy vào, gặp nàng, Hùng nói:

- Xong rồi, cám ơn em nhiều...

- Anh làm em lo quá! Có chuyện quan trọng lắm phải không?

- Tất nhiên, phải cẩn thận đề phòng vì lúc này tình hình rất căng thẳng. Có lẽ nội trong ngày mai sẽ có đánh nhau rồi! Quân Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân và Cảnh Sát Dã Chiến từ Sài Gòn ra, đã kiểm soát chùa Phổ Đà ở Đà Nẵng! Phe Tranh Đấu kháng cự rất yếu ớt! Biệt Động Quân của Tôn Thất Trực bảo vệ Đài Phát Thanh Đà Nẵng, giờ chót trở cờ theo Thiệu - Kỳ... Nguyễn Thừa Du cũng trở cờ rồi!

Trung Tá Phan Văn Khoa, tuần trước mới lên đài phát thanh Huế ủng hộ Nguyễn Chánh Thi, chống Thiệu – Kỳ nhưng bây giờ đã bỏ Huế, chạy về quận Hương Thủy! Ông ta tính về đó để đón hai Tướng Hoàng Xuân Lãm và Nguyễn Ngọc Loan từ Đà Nẵng ra... Ba vị Quận Trưởng Hương Trà, Hương Thủy và Quảng Điền công khai chống lại phe tranh đấu, chỉ có ông Đồng Sĩ Chương, Quận Trưởng quận Phú Vang còn trung thành với Tướng Nguyễn Chánh Thi... Một số sĩ quan quân đội, cảnh sát trước đây theo Tranh Đấu, bây giờ trở cờ hết rồi... Sinh viên và Phật tử... , kể cả nhóm Giáo Sư Đại Học Huế với nhiều tham vọng chính trị cũng chỉ là "vật tế thần" mà thôi! Thượng Tọa Thích Trí Quang, người ra lệnh đưa bàn thờ Phật xuống đường cũng không cản được bước tiến của quân đội từ Đà Nẵng tiến ra, giờ chót đã đến ngồi tuyệt thực trước sân Tòa Hành Chánh Thừa Thiên và Thị Xã Huế...

- Em chỉ muốn tình hình sớm ổn định để đi học lại thôi!

Hương sen ngào ngạt từ Hồ Tịnh Tâm theo gió tràn vào tận trong sân. Hùng khẽ ngâm:

"Đến mùa sen nở Tịnh Tâm,
Ta thời tới đó mà ngâm cảnh Hè!"

Rồi tiếp tục:

- Mấy tháng nay tình hình tranh đấu căng thẳng làm cho mình quên mất "Hè đã đến rồi!" mùa thi cử tới nơi! sinh viên, học sinh có học hành gì đâu mà thi cử!

- Anh tốt nghiệp rồi, khỏi lo chuyện thi cử. Còn em, mới đang học lớp 10, còn một năm nữa mới thi Tú Tài I nhưng cũng phải học và phải đủ điểm mới được lên lớp 11 chứ...

Hùng nhìn đồng hồ, đã mười giờ tối rồi, đêm nay trăng sáng quá, Hùng và Ấu Nhi ngồi bên hòn non bộ nhìn ra vườn ngập ánh trăng, hoa dạ lan vào buổi đầu Hè thơm nồng, làm cho hai người cảm thấy ngây ngất với mùi hương quyến rũ. Hùng cũng muốân chia tay với Ấu Nhi để ra về nhưng hãy còn quyến luyến. Ấu Nhi cảm thấy lo lắng:

- Em nghe bác xích lô trong xóm nói tình hình bên ngoài đang căng thẳng lắm, không biết lúc nào quân đội trong Đà Nẵng sẽ tiến ra. Họ có thể đến vào ban đêm... Các con đường đều có người canh gác ghê lắm. Mọi người đang chờ đợi... Để em đi làm món gì ăn, anh ở lại chơi, sáng mai hãy về... Ra về

lúc này lỡ hai bên đánh nhau, tên bay đạn lạc, em ngại lắm!

Hùng không biết trả lời cách nào, đành im lặng không có ý kiến... Thực ra, Ấu Nhi đã chuẩn bị nồi cháo gà từ chiều nay nhưng vì thấy đông người nên nàng không dám nói trước với Hùng... Nàng nở một nụ cười ý nhị:

- Khách đến nhà không gà thì vịt. Thôi, để em đi chuẩn bị bữa ăn khuya...

Hùng ngần ngại:

- Vì đã hẹn gặp anh em lúc 8 giờ tối nên mọi người đã ăn trước khi đến đây... , bây giờ anh chưa thấy đói...

- Anh đợi em vào bếp một chút, trong vòng mười lăm phút là xong ngay...

Ấu Nhi vào bếp hâm nóng nồi cháo gà rồi dọn lên bàn mời Hùng cùng ăn. Hai người ngồi tâm sự chờ tin quân đội từ Đà Nẵng tiến ra Huế... Tối hôm đó, trên đài phát thanh lên tiếng kêu gọi Đoàn sinh viên quyết tử sẵn sàng chiến đấu... Lệnh báo động được ban hành. Tiếng mõ, tiếng chuông trống, phèng la, tiếng gõ trên những miếng thiếc, miếng sắt, miếng tôn... làm vang động khắp nơi. Ấu Nhi và Hùng hồi hộp ngồi theo dõi tin tức phát thanh, được một lúc thì không còn nghe lời kêu gọi, thông báo hay mệnh lệnh như trước nữa... Cũng không còn nghe những âm thanh báo động nổi lên liên tục từ xa... Hai người ngồi bên nhau cho đến sáng.

Qua đài phát thanh, cô xướng ngôn viên quen thuộc thông báo lệnh giới nghiêm, đồng bào ai ở đâu thì ở đấy, không được đi lại, di chuyển ngoài đường, trường hợp có người bệnh hay bị tai nạn cần xin cấp cứu thì báo cho lính hoặc cảnh sát ở gần nhất... Lệnh giới nghiêm này cũng đã được in ra và dán khắp trong thành phố cho mọi người biết... Trong tình thế đó, Hùng không có cách gì liên lạc với bạn bè được, bắt buộc phải ở lại nhà Ấu Nhi. Mãi cho đến chiều hôm sau mới gặp được người bạn là sĩ quan Cảnh Sát từ Sài Gòn ra công tác cho biết: khi đoàn quân Đà Nẵng từ phi trường Phù Bài tiến lên Huế tái lập trật tự thì lực lượng tranh đấu đã bỏ chạy hết. Một số bị bắt, một số chạy ra vùng Việt Cộng kiểm soát... Thiếu Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Quân Đoàn I kiêm Vùng I Chiến Thuật, kiêm Đại Biểu Chính Phủ tại 5 tỉnh Miền Trung, người nắm trọn cả quyền quân sự, hành chánh, chính trị tại đây...

đã ra lệnh cho An Ninh Quân Đội đến bắt Thượng Tọa Thích Trí Quang đưa lên một chiếc máy bay trực thăng chở vào Đà Nẵng, sau đó đưa vào Sài Gòn trao cho Bác Sĩ Phạm Duy Tài săn sóc... Tình hình mấy tháng lộn xộn tại Huế đã kết thúc !

Viên sĩ quan Cảnh Sát khuyên Hùng tạm thời không được di chuyển, nếu ra đường mà không có giấy giới thiệu thì sẽ bị bắt vì sẽ bị nghi ngờ là thành phần sinh viên tranh đấu!

Hùng bị kẹt ở nhà Ấu Nhi mấy hôm, khi trở về trường Luật thì được tin một số sinh viên tranh đấu bị bắt, sau khi cảnh sát điều tra và lập phiếu lý lịch xong mới được về. Một số khác chạy theo bọn Việt Cộng nằm vùng, lên núi hoặc ra miền quê do chúng kiểm soát như Nguyễn Đắc Xuân, Phan Duy Nhân tức Phan Chánh Dinh, Lê Hiếu Đằng, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Trần Quang Long v.v... Trường hợp Bửu Tôn, một sinh viên con nhà danh gia vọng tộc ở Huế cũng đã chạy theo bọn chúng ra vùng xôi đậu, gặp gỡ bọn du kích và cán bộ địa phương, thấy rõ mình bị lừa nên đã tìm cách trở lại thành phố, ra trình diện với cơ quan an ninh. Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng tìm cách liên lạc với người học trò cũ là Nguyên Văn Kim (đảng viên Đại Việt), nhờ làm trung gian cho anh ta trở về nhưng giờ chót, Tường không thể đến điểm hẹn là khu rừng thông Dòng Thiên An, cách Huế chừng 7 cây số, vì bị bao vây quá chặt chẽ, đành phải dứt khoát đi theo Việt Cộng ra Bắc... Nghe nói Nguyễn Đắc Xuân cũng vậy, sau khi vào vùng Việt Cộng kiểm soát rồi, rất chán nản, thất vọng nhưng cũng không có cách gì trở lại Huế được.

Mặc dù đã hoàn toàn kiểm soát được trong phạm vi thành phố nhưng vùng ngoại ô thì đầy dẫy bộ đội Việt Cộng và chỉ một tuần sau khi hành quân ra Huế, Tiểu Đoàn mang danh hiệu "Trâu Điên" của Thủy Quân Lục Chiến do Thiếu Tá Lê Hằng Minh trên đường di chuyển từ Huế ra Quảng Trị đã bị phúc kích trên một ngọn đồi trọc cách Huế hơn 20 cây số về phía Bắc. Từ các hố cá nhân ở hai bên đường, Việt Cộng đã tấn công vào đoàn xe. Hai bên đánh cận chiến, phía Thủy Quân Lục Chiến thiệt hại rất nặng, Thiếu Tá Lê Hằng Minh và nhiều sĩ quan, binh sĩ khác tử trận. Người ta cho rằng chính bọn nội tuyến nằm vùng đã báo trước cho Việt Cộng biết để tổ chức phục kích đoàn xe chở lính từ Đà Nẵng ra Quảng Trị

ngay giữa ban ngày! Lê Hằng Minh là một chiến sĩ kiêm nhạc sĩ, đã từng làm cho biết bao em gái cảm kích trước lời ca tiếng hát của chàng. Bài "Người em gái bên dòng Đát La" chàng viết tặng cho người em gái học sinh nào đó ở Kontum đã từng được giới thiệu trên đài...

Sau khi ổn định tình hình, học sinh bắt đầu đi học lại, các kỳ thi Trung Học, Tú Tài tiếp tục vào mùa Hè 1966, một số Giáo Sư Đại Học bị bắt, bị mất chức, bị sa thải khỏi ngành giáo dục. Chính Phủ Quân Nhân tại Sài Gòn đã thực hiện lời hứa tổ chức bầu cử Quốc Hội vào tháng 9 cùng thời gian với các trường Đại Học khai giảng trở lại... Một số nhân sĩ, trí thức ở Huế ra tranh cử như Giáo Sư Trần Điền, Luật Sư Trần Tấn Việt, Bác Sĩ Nguyễn Đại Bảng... Hùng đã tham gia trong Ban Vận Động bầu cử ủng hộ Giáo Sư Trần Điền, một nhân sĩ đối lập dưới chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, bị mất chức Tỉnh Trưởng và bị tù. Thời gian Hùng đi dạy trường tư đã gặp gỡ, quen biết với ông và chàng rất ngưỡng mộ tư cách đạo đức và kiến thức văn hóa của ông nên đã tự nguyện tham gia vào Ban Vận Động để ủng hộ ông. Tháng 9 năm 1966, Giáo Sư Trần Điền đắc cử Dân Biểu Quốc Hội Lập Hiến, dẫn đầu phiếu tại tỉnh Thừa Thiên. Qua năm sau, cũng tháng 9 năm 1967, ông lại đắc cử Nghị Sĩ và Chủ Tịch Tịch Ủy Ban Canh Nông Thượng Nghị Viện.

Hùng rất bận rộn với các sinh hoạt chính trị nên ít khi đến thăm Ấu Nhi. Mùa Hè 1967, Ấu Nhi đã thi đậu Tú Tài I rồi mà Hùng cũng chưa có dịp đến chúc mừng nàng vì thời gian đó chàng rất bận rộ với ba cuộc bầu cử: Dân Biểu, Nghị Sĩ và Tổng Thống, Phó Tổng Thống... Hùng đã mất nhiều thì giờ để tham gia các cuộc vận động cho các ứng cử viên của Đảng, được Đảng ủng hộ. Giới trẻ không thích chế độ quân nhân của hai Tướng Thiệu-Kỳ nên trong số bạn bè của Hùng đa số ủng hộ các ứng cử viên của các đảng chính trị đối lập. Hùng thành tâm tranh đấu để thực hiện một chế độ tự do, dân chủ và tôn trọng quyền đối lập chính trị tại miền Nam Việt Nam, điều mà từ trước tới nay chưa hề có trong lịch sử của quốc gia này. Hùng rất thất vọng khi được biết Liên Danh Nguyễn Văn Thiệu-Nguyễn Cao Kỳ đắc cử với số phiếu quá thấp mặc dù họ có chính quyền trong tay và đã dùng đủ mọi thủ đoạn gian

lận để dành phần thắng cho mình.

Vào tháng 10 năm 1967, trong khi Ấu Nhi đang học lớp 12 trường Đồng Khánh thì cũng là lúc Hùng cảm thấy ê chề sau một mùa vận động bầu cử thất bại. Anh em quá mệt mỏi, không ai còn hăng hái để sinh hoạt chính trị như trước nữa... Một không khí chán nản, thất vọng bao trùm giới sinh viên Huế. Tình hình càng ngày càng leo thang, nhiều sinh viên được lệnh gọi nhập ngũ vào trường Bộ Binh Thủ Đức.

Huế đã vào mùa mưa bão, không khí ẩm ướt bao trùm vạn vật. Trời se lạnh đem đến cho tâm hồn Hùng một nỗi buồn man mác, một nỗi nhớ nhung với những hình ảnh tuổi thơ lãng mạn... Hùng cảm thấy hối hận vì suốt cả mùa Hè vừa qua chàng đã dành tất cả thì giờ cho sinh hoạt chính trị mà không một chút ân cần nào đối với Ấu Nhi. Lâu quá rồi chàng chưa qua Hồ Tịnh Tâm thăm nàng. Bỗng một tà áo tím nào đó vừa thoáng qua trên đường làm cho Hùng càng nhớ đến Ấu Nhi một cách quay quắt. Trời trở lạnh rồi, chắc Ấu Nhi cũng cần áo len mới, một chiếc áo len màu đậm thích hợp cho mùa này. Hùng vội qua phố Đông Ba, đường Phan Bội Châu tìm mua cho nàng một chiếc áo len mới. Chàng đã chọn được một chiếc áo len màu tím rất vừa ý để tặng cho nàng.

Hùng chạy thẳng tới cửa Đông Ba, qua đường Đinh Bộ Lĩnh, tới Hồ Tịnh Tâm... Trời vừa tối, trong nhà đã lên đèn, cổng ngoài đã khóa, Hùng gọi vọng vào:

- Ấu Nhi ơi! Ra mở cửa cho anh!

Không thấy tiếng trả lời, Hùng khóa xe, leo cổng vào. Ấu Nhi đang đắp chăn nằm trên giường.

- Mới 6 giờ chiều mà em đã đi ngủ rồi à?

- Em thấy lạnh trong người quá, có lẽ em bị cảm gió...

Hùng đến đỡ nàng dậy, lấy chiếc áo len mới mặc thêm cho nàng:

- Chiều nay, anh nhớ em quá nên vội qua phố mua cho em chiếc len này. Em mặc thêm vào cho ấm, đi học mặc cũng được. Lâu rồi anh chưa qua thăm em. Em có buồn, có giận anh không?

- Em nhớ anh lắm! Sao lâu rồi không thấy anh qua? Anh bận nhiều việc lắm phải không?

- Mấy tháng trước khá bận rộn, bữa nay thì thong thả rồi.

Anh sẽ qua thăm em thường hơn...

Hùng để tay lên trán Ấu Nhi:

- Em bị cảm lạnh rồi đó! Em đã có thuốc gì uống chưa? Thôi để anh đi kiếm thuốc cho.

Nói xong Hùng lên xe chạy ra tiệm thuốc Đông Ba. Lát sau trở lại, chàng đi tìm bình nước ấm, rót vào ly rồi đưa cho Ấu Nhi:

- Em uống đi, nhớ đắp chân và quấn khăn vào cổ cho ấm... , nên ăn thêm một miếng gừng tươi.

Tối hôm đó Hùng ở lại săn sóc Ấu Nhi. Hôm sau chàng đến trường xin cho nàng nghỉ học vài hôm...

*

* *

Như thường lệ, vào dịp cuối năm, các bạn của Hùng trước khi chia tay về quê ăn Tết với gia đình đã tổ chức sinh hoạt tổng kết thành tích hoạt động và ăn tất niên với nhau. Vào những ngày cuối tháng 1 năm 1968, tức tháng Chạp Đinh Mùi, trước Tết Mậu Thân, thời tiết rất lạnh. Sau khi từ giã bạn bè, Hùng đến thăm Ấu Nhi và hứa sẽ ở lại đón giao thừa, ăn Tết với nàng. Từ ngày Ấu Nhi bị cảm cúm vào đầu mùa mưa bão, Hùng thường đến săn sóc nàng vào những ngày cuối tuần, hoặc có khi chở nàng đi học và không cho nàng đi xe đạp như trước nữa. Hùng vẫn dạy trường tư và tập sự Luật Sư gần hai năm nay. Hùng cũng thường đến chỉ dẫn bài vở, dạy thêm cho Ấu Nhi về Sinh Ngữ và Toán để chuẩn bị thi Tú Tài II vào tháng 6 năm 1968 sắp đến. Nhờ sinh hoạt chính trị trong tổ chức chính đảng nên Hùng cũng biết ít nhiều tin tức tình hình chính trị, nhất là các hoạt động của Việt Cộng tại địa phương, đặc biệt là thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên.

Cuối năm 1967, tình hình an ninh tại tỉnh Thừa Thiên có vẻ sôi động, thỉnh thoảng Việt Cộng cũng pháo kích vào các đồn, các cơ sở quân sự của Việt Nam Cộng Hòa và tấn công vào các xã tại quận Phú Lộc. Các cuộc hành quân của Việt Nam Cộng Hòa không có đụng độ vì Việt Cộng khéo giấu quân. Tại quận Hương Trà thấy xuất hiện nhiều điện đài nhưng quân ta cũng không tìm gặp địch mà chỉ bắt được nhiều hầm chôn giấu vũ khí và dụng cụ giải phẫu y khoa có thể sử dụng cho cả Quân Đoàn. Sư Đoàn I Không Kỵ của Hoa Kỳ bắt được

một Chuẩn Úy Việt Cộng, y khai đang thực tập đánh Huế... Khoảng 20/12/1967, Việt Cộng tấn công vào làng Phủ Cam bên cạnh thành phố Huế. Theo tin của An Ninh Quân Đội và Phòng Nhì Sư Đoàn 1 thì Việt Cộng có thể đánh Huế. Trước Tết, ông Đoàn Công Lập, Trưởng Ty Cảnh Sát Thừa Thiên báo cáo có tin đặc công Việt Cộng đã xâm nhập thành phố Huế... Do mật báo viên đưa tin, Cảnh Sát cũng đã đến bao vây, lục xét nhà nhà Giáo Sư Lê Văn Hảo, bắt được máy in roneo và báo chí thân Cộng do cơ sở Việt Cộng nằm vùng thực hiện. Lê Văn Hảo đậu Tiến Sĩ Nhân Chủng Học tại Pháp, có vợ là con gái nhà tỷ phú Nguyễn Văn Bửu người làng Phủ Cam. Ông đã để vợ ở lại và chỉ về Huế một mình. Ông được cấp một căn nhà trong cư xá Đại Học tại đường Lê Lợi và đã biến nơi này thành cơ sở bí mật của Việt Cộng. Giáo Sư Lâm Ngọc Huỳnh, Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa cho rằng Giáo Sư Lê Văn Hảo chỉ là một người đối lập chính trị, không phải Cộng Sản nên đã chính thức xin với ông Đoàn Công Lập, Trưởng Ty Cảnh Sát Huế cho Giáo Sư Hảo được tự do. Tất nhiên Giáo Sư Hảo đã làm giấy cam kết sẽ tôn trọng luật pháp quốc gia và không tái phạm... Chiều 30 Tết, người ta thấy Giáo Sư Hảo đã có mặt tại cư xá Đại Học, đường Lê Lợi.

Năm nay, Hùng đã hứa ở lại Huế ăn Tết, cùng đón giao thừa với Ấu Nhi và sáng mùng một chàng sẽ về Sịa mừng tuổi mẹ và đi thăm bà con họ hàng ở quê. Hùng được phân công đi mua nếp, đậu xanh, mứt, trà... , còn Ấu Nhi ở nhà lo làm dưa món, chuẩn bị lá chuối gói bánh chưng. Chị hàng xóm sau khi bán heo nuôi chung đã dành lại cho nàng một phần thịt để ăn Tết... Nàng cũng có mua thêm mấy đòn chả và ít nem, tré ở cửa Thượng Tứ; rượu dâu, rượu chuối do nàng tự làm. Trong lúc chờ đợi, nàng đem các đồ đồng ra lau chùi lại cho bóng loáng hơn... Ngoài sân và trước thềm đã có sẵn mấy chậu hoa hồng, hoa lan, hoa cúc, hoa thược dược... Ấu Nhi ra vườn cắt một nhánh hoa mai thật đẹp cắm vào bình để trước bàn thờ... Mặc dù nhà ít người lui tới nhưng Ấu Nhi vẫn chuẩn bị như ngày bà còn sống, tất cả mọi trang hoàng không chỉ dành cho người sống mà còn để tưởng nhớ người đi xa, người đã khuất...

Chiều ba mươi có mưa lạnh, thời tiết ở Huế tuồng như

rét lạnh hơn mọi năm. Sau khi gói được một ít bánh tét, bánh chưng, Ấu Nhi nhóm lò giữa nhà bếp, bắc thùng bánh lên, hai người ngồi canh lửa chờ đợi giờ giao thừa. Hơi ấm từ bếp củi tỏa ra tạo nên một bầu không khí ấm áp cho cả nhà. Ánh lửa hồng làm gương mặt của Ấu Nhi và Hùng tươi sáng lên. Hùng mở radio nghe nhạc và theo dõi chương trình giao thừa từ đài Huế đang tiếp vận đài Sài Gòn. Lần lượt những giới chức địa phương, trung ương chúc Tết đồng bào. Đúng 12 giờ khuya, Hùng và Ấu Nhi cùng đến trước bàn thờ ông bà đốt ba nén nhang, thành tâm tưởng nhớ tổ tiên, cầu nguyện cho quê hương đất nước thái bình, sớm chấm dứt chiến tranh; cầu nguyện cho tương lai của bản thân, của mọi người trong gia đình được tươi sáng hơn, xin cho những ước nguyện chính đáng được thành tựu... Ngoài phố, các nhà buôn có thói quen đốt pháo chào mừng năm mới nhưng nhà dân thì ít hơn, chỉ nhà nào khá giả mới đốt pháo.

Hết chương trình giao thừa của Sài Gòn, Hùng mở đài Hà Nội, ở miền Bắc đón giao thừa sau miền Nam một giờ đồng hồ. Hùng nghe được giọng ông Hồ chúc Tết và sang sảng đọc một bài thơ bảy chữ, bốn câu:

Xuân này hơn hẳn mấy Xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp mọi nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!

Hai chữ "Tiến lên" được ông Hồ thét vang thật to như đang ra lệnh cho quân sĩ... Sau đó Hùng nghe nhiều tiếng nổ, từng loạt. Lúc đầu, Hùng cứ nghĩ là tiếng pháo giao thừa nhưng bà con đã đốt pháo mừng năm mới trước đây cả giờ đồng hồ rồi! Hùng có vẻ ngạc nhiên và lắng tai nghe thì khắp nơi trong thành nội đều phát ra những âm thanh dòn dã như vậy. Đúng rồi: tiếng súng! Có lẽ hai bên đang đánh nhau. Lính trong đồn Mang Cá, nơi đặt Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 đang bắn trả Việt Cộng từ ngoài tấn công vào. Mấy ngày trước anh em cho biết có tin Việt Cộng sẽ đánh Huế chắc chắn đã xảy ra rồi... Từ trước tới nay, vùng này được xem như là an toàn nhất, trước mặt, sau lưng đều là cơ quan quân sự... Nào là Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn, sân bay Thành Nội, bệnh viện Nguyễn Tri Phương, đồn quân cụ, lính Hắc Báo, Cảnh Sát v.v... các cửa

thành kiên cố, có lính gác làm sao Việt Cộng đột nhập vào được? Tiếng súng giao tranh càng lúc càng dữ dội, Hùng và Ấu Nhi lo sợ không biết phải chạy đi đâu ?

Sáng hôm sau, chị hàng xóm cho biết người ta thấy bóng dáng một vài anh bộ đội Việt Cộng ở trên đường Đinh Bộ Lĩnh, không ai dám di chuyển qua cống Mang Cá vì khu vực này đang xảy ra trận đánh giữa Việt Cộng và lính Việt Nam Cộng Hòa ở trong Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn... Hùng muốn tìm cách liên lạc với một vài anh em sinh viên trong tổ chức của chàng hiện đang ở trong khu vực này như anh Hồng, anh Thuận, anh Lương, chị Dung v.v... nhưng không biết nhờ ai thông tin cho họ. Làm cách nào để biết Việt Cộng hiện đang có mặt ở đâu? Những nơi nào địch kiểm soát, chỗ nào được xem là khu an toàn do quân đội ta trấn giữ... Khi biết được Việt Cộng đã kiểm soát con đường trước mặt đồn Mang Cá, Ấu Nhi nói với Hùng:

- Bọn Việt Cộng ở gần đây quá, anh nên tìm cách trốn ra khỏi vùng này!

- Anh không muốn trốn đi một mình. Nếu được thì chúng ta cùng đi với nhau.

- Em là con gái, nếu chúng có vào đây chắc sẽ không nguy hiểm gì đâu nhưng với anh thì khác, chúng có thể bắt anh vì nghĩ rằng anh là sĩ quan hay công chức, cán bộ Quốc Gia... Tạm thời anh nên trốn ra ngoài vườn, đừng ở trong nhà. Nếu chúng có vào nhà, một mình em đối phó dễ hơn...

- Không được! Sống chết có nhau! Anh không muốn trốn đi một mình!

Ngày hôm sau, đã thấy Việt Cộng bắt đầu đi qua từng nhà hỏi thăm tình hình, bắt người này, người khác đi trình diện... Khi nghe tiếng người gọi mở cửa ở ngoài sân, Hùng vội vàng thoát ra vườn bằng ngã chuồng heo... Chàng mang cả áo mưa chui vào lùm cây um tùm, trườn mình ra ao, núp dưới bụi tre.

- Có ai trong nhà không?

- Dạ có tôi đây.

- Sao chỉ có một mình cô? Những người khác trốn đi đâu cả rồi? Nếu không ra trình diện sẽ bị tội với Cách Mạng!

- Bà nội tôi mới qua đời, nhà này chỉ có một mình tôi. Bà

con trong xóm đều biết rõ...

- Được rồi, nếu chúng tôi phát hiện có người nào khác thì cô sẽ bị trừng trị...

Hai người đàn ông và một người đàn bà mang súng đi ra... , chưa thấy dấu hiệu gì chứng tỏ chỗ Hùng đang ẩn núp đã bị phát hiện. Suốt ngày hôm đó Ấu Nhi không ăn uống gì, nhịp tim rối loạn vì luôn lo sợ không biết số phận Hùng ra sao? Tiếng súng vẫn nổ bên đồn Mang Cá, đồn Quân Cụ... Đợi trời tối, nàng liền khóa cửa, tắt đèn, kéo chiếu vào một chỗ thấp nằm tránh đạn... Qua đêm thứ ba, nàng bò ra vườn nghe ngóng... , không thấy động tỉnh gì, lại trở vào nhà. Khoảng nửa đêm, nàng nghe có tiếng động nhỏ ở góc nhà:

- Ấu Nhi, anh đây! Im lặng! Đừng nói... , người ta nghe tiếng...

Tiếng Hùng thì thào bên tai, Ấu Nhi hiểu ý... , nói nho nhỏ:

- Anh chưa ra khỏi đây à? Mấy ngày ni anh ẩn núp ở mô?

- Anh đã dò được đường đi qua khu nhà thờ Công Giáo Tây Linh rồi. Bên đó chưa bị Việt Cộng chiếm. Anh em bên đó đã tổ chức được một phòng tuyến tự vệ... Một số anh em Cảnh Sát có mang theo máy liên lạc, nên đã hướng dẫn lộ trình cho anh em di chuyển an toàn... Em đi với anh qua bên đó... Đi ngay bây giờ... Lợi dụng trời tối... Mang theo ít bánh tét... , thức ăn khô...

- Anh nên trốn đi một mình... Em ở lại đây được...

- Đài phát thanh Huế... Tiểu Khu... Ty Cảnh Sát... Đồn Mang Cá... Quận Hương Trà, Hương Thủy, Phú Vang... Căn cứ Mỹ ở Phù Bài, đồn pháo binh Nam Giao, đồn Trường Bia ở chân núi Ngự Bình (khu vực An Cựu) v.v... chưa bị chiếm... Bên đó anh em nghe được tin tức qua đài phát thanh Sài Gòn, Huế, Hà Nội, BBC, VOA... Khắp các tỉnh, thành phố của Việt Nam Cộng Hòa đều bị tấn công... nhưng Quân đội Việt Nam Cộng Hòa đang làm chủ tình hình... , chỉ có Gia Hội, Thành Nội là trầm trọng nhất, Việt Cộng đang tràn ngập... Chúng cố thủ trong thành, quân đội Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ đang bao vây ở bên ngoài... Tình hình này còn lâu mới giải tỏa được... Chúng ta phải thoát ra khỏi vùng này ngay... Đừng chần chờ, bọn chúng sẽ trở lại bây giờ...

Hùng cầm tay Ấu Nhi, hai người theo lối cũ ra vườn, mỗi người mang theo một ít thức ăn tạm... Ban đêm nhưng Hùng đã quen đường, theo bờ ao, nhờ có những lũy tre bảo vệ, đi trước mở đường, Ấu Nhi theo sát Hùng, cách nhau chừng năm, mười thước... Chỉ trong vòng hai giờ đồng hồ sau họ đã tới được nhà thờ Tây Linh...

Hùng gặp lại anh em bên Tây Lộc gồm Cảnh Sát, Xây Dựng Nông Thôn, quân nhân về phép, công chức, sinh viên học sinh... chạy về đây. Dựa vào địa thế trước mặt có hồ nước, sau lưng có tường thành, bên cạnh có lực lượng bảo vệ đồn Mang Cá và Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1, bên ngoài có lực lượng võ trang của quận Hương Trà, Hải Quân của Mỹ kiểm soát đường sông từ Bao Vinh đến cầu An Hòa, từ Thuận An đến Vỹ Dạ, bắn hải pháo yểm trợ cho các đơn vị còn chiến đấu... nên anh em đã lập được phòng tuyến tự vệ tại khu vực nhà thờ Công Giáo Tây Linh. Nhờ đồng bào ở đây cũng có chuẩn bị gạo, thức ăn, củi lửa trong mấy ngày Tết... nên trong thời gian gần một tháng chiến đấu, anh em khỏi chết đói.

Việt Cộng đóng chốt trên thành, chân bị xiềng với súng phòng không, quyết tử thủ... Máy bay bắn rốc-két, đánh bom phá sập cửa thành, liên tiếp ba tuần rồi mà chưa giải tỏa được. Trong thời gian khu vực Thành Nội bị Việt Cộng kiểm soát, bọn nằm vùng đã chỉ điểm cho du kích đi bắt một số người đem về, lập tòa án xét xử...

Việt Cộng đã chiếm các cơ sở hành chánh ở phía Nam sông Hương là những nơi không có lực lượng bảo vệ như Tòa Hành Chánh Tỉnh, Thị Xã, Tòa Đại Biểu Chính Phủ (nơi dùng tiếp đón khách vãng lai), Tòa Án, văn phòng quận Ba, các trường học... Tại nhà giam Thừa Phủ, Việt Cộng đã bao vây và tấn công hai tiểu đội Cảnh Sát bảo vệ. Họ đã chiến đấu cho đến khi hết đạn và lựu đạn thì bỏ chạy. Việt Cộng vào mở cửa nhà giam, tất cả tù đều bị chúng lùa đi trong đó có cả tù hình sự... Chúng bắt được ông Nguyễn Văn Đãi, Phụ Tá Hành Chánh tại Tòa Đại Biểu Chính Phủ Vùng I Đà Nẵng về ăn Tết ở Huế; ông Bảo Lộc, Phó Tỉnh Trưởng Thừa Thiên đang ở nhà với vợ con; ông Trần Đình Thương, Phó Thị Trưởng Huế bị giết khi chạy ra khỏi nhà... Trung Tá Phan Văn Khoa, Tỉnh Trưởng Thừa Thiên lúc đó đang chơi bài tại nhà Kỹ Sư

Nẫm, Trưởng Ty Công Chánh, nghe có biến liền chạy vào ẩn núp trên trần nhà bệnh viện Trung Ương Huế và đã được giải thoát sau đó một tuần.

Sau một tuần ở bên Tây Linh, Hùng và Ấu Nhi nghe được tin tức qua máy liên lạc của anh em Cảnh Sát, cho biết quân đội Việt Nam Cộng Hòa và đồng minh đã chiếm lại được khu vực Tả Ngạn sông Hương, cầu Trường Tiền và cầu Bạch Hổ bị Việt Cộng phá sập, lính của Trung Đoàn 3 từ cây số 17 tiến vào, chiếm lại cầu An Hòa, kiểm soát đường Trần Hưng Đạo bên ngoài cửa Thượng Tứ. Lính Nhảy Dù đánh chiếm lại cửa Đông Ba bị tổn thất nặng nên phải rút lui để Thủy Quân Lục Chiến đến thay thế. Việt Cộng còn kiểm soát vùng Gia Hội, Phủ Cam, Vỹ Dạ và Thành Nội... Đài Giải Phóng và đài Hà Nội loan tin Liên Minh Dân Tộc, Dân Chủ, Hòa Bình ra đời, tại Sài Gòn do Luật Sư Trịnh Đình Thảo làm Chủ Tịch; tại Huế do Giáo Sư Lê Văn Hảo làm Chủ Tịch, Thượng Tọa Thích Đôn Hậu và Bà Nguyễn Đình Chi là đệ nhất và đệ nhị Phó Chủ Tịch, Hoàng Phủ Ngọc Tường là Tổng Thư Ký...

Mấy ngày đầu thời tiết rất xấu, máy bay không hoạt động hữu hiệu được, thỉnh thoảng có lúc trời tạnh, anh em vẫn thấy cờ Mặt Trận Giải Phóng trên kỳ đài trước lầu Ngọ Môn. Thỉnh thoảng có người ở ngoài chạy thoát vào được khu nhà thờ Tây Linh cho biết một số tin buồn: người này bị bắt đi mất tích, người kia bị giết chết rất dã man. Hùng có người học trò tên Trung, vừa là đồng chí, có nhà ở gần cột cờ Thành Nội, yêu một nữ sinh trường Đồng Khánh. Mấy tháng trước đây hai người đã làm đám cưới kiểu nhà nghèo, sau đó chàng vô Vũng Tàu xin việc làm để nuôi vợ... Mới đi làm được mấy hôm lại xin phép trở về Huế để tìm cách đưa vợ vào Nam... Bạn bè khuyên không nên vội vàng nhưng anh ta không nghe... Khi Việt Cộng đến, bọn nằm vùng chỉ điểm, tố cáo Trung là "đảng phái phản động" và anh ta đã bị bọn chúng bắt đem đi giết! Đại loại những tin tức như thế làm cho Hùng vừa buồn vừa căm thù bọn giặc dã man.

Hơn ba tuần rồi mà tình hình vẫn chưa sáng sủa, Việt Cộng vẫn cố thủ trong Thành Nội và khu vực Gia Hội, Phủ Cam v.v... nhưng khi trời tạnh mưa và bớt mây mù thì không quân đã hoạt động hữu hiệu và máy bay đã liên tục bắn phá

trong khu vực Thành Nội gây tổn thất lớn cho Việt Cộng đang cố thủ ở đây. Trải qua mấy tuần không họp chợ, không buôn bán, không trao đổi gì được; thực phẩm dự trữ trong ba ngày Tết cũng đã hết, nhiều gia đình đang đói và tất nhiên bộ đội Việt Cộng cũng không nhận được tiếp tế từ bên ngoài nên càng đói hơn dân. Vừa đói, vừa bị truy kích nên chúng càng thêm khủng hoảng. Trong khu vực Tây Linh cũng khủng hoảng không kém, số người chạy về đây càng ngày càng đông mà số gạo dự trữ của nhà thờ, trường học, nhà dân... không đủ để chia sẻ cho tất cả mọi người. Không ai dám ăn no, có người đã đổi một chiếc xe Honda 2 bánh để lấy một tạ gạo... Giá gạo đắt gấp mười lần! Có tiền cũng không mua được gạo, gia đình nào cũng phải lo dành dụm để sống qua ngày.

Tin tức cho biết quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã phản công chiếm lại nhiều nơi như cửa Đông Ba, sân bay Thành Nội, bệnh viện Nguyễn Tri Phương và đang đánh chiếm cửa Thượng Tứ, cột cờ v.v... Mặc dù đang đói nhưng Hùng cũng thấy hy vọng ngày tàn của Việt Cộng đã đến nơi rồi! Hùng bỗng nhìn lên phía kỳ đài, không còn cờ Mặt Trận Giải Phóng nữa... Một lát sau, thấy cờ vàng ba sọc đỏ được kéo lên... Ngay lúc đó, đài phát thanh Huế loan tin quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã tái chiếm cố đô Huế... , đang tiếp tục truy kích địch... Hùng và anh em bỗng reo lên "quân ta chiến thắng rồi! quân ta chiến thắng rồi!". Tất cả mọi người trong vùng Tây Linh chạy ùa ra khỏi chỗ ẩn núp... Vì không chịu nổi áp lực của bom đạn, hoặc mất liên lạc với đơn vị, nhiều tên Việt Cộng còn trốn dưới các cống nước, dưới ao, trong các bụi cây, quá đói, đã ra đầu hàng... Nếu nằm lâu trong các chỗ đó thì chúng cũng chết đói mà thôi. Đa số bọn chúng còn rất trẻ, nói giọng Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An hoặc nói giọng Bắc. Người gốc Huế không bao nhiêu.

Hình ảnh người lính Việt Nam Cộng Hòa xuất hiện với xe tăng đã đem lại niềm tin cho dân Huế. Hôm qua, trong đêm tối, Việt Cộng đã rút đi hết sau khi bị tổn thất nặng nề. Khi biết chắc tình hình đã ổn định, Hùng và Ấu Nhi trở về nhà cũ ở gần hồ Tịnh Tâm. Một cảnh hoang tàn đổ nát đã diễn ra trước mắt: ngôi nhà tranh của bà nội Ấu Nhi đã không còn, đồ đạc ngổn ngang, cây cối ngả nghiêng, bao nhiêu vật kỷ niệm

của nàng đã cháy ra tro... Ấu Nhi đứng đó, bàng hoàng, ngẩn ngơ... rồi ôm mặt khóc. Một người hàng xóm còn sống sót, tay cầm chiếc máy thu thanh stransitor hiệu National, chạy đến bên nàng:

- Tôi vừa nghe đài Huế, cha mẹ của cô ở Đà Nẵng nhắn tin cho cô...

Hùng nói mấy lời cám ơn người hàng xóm rồi ghé vào tai Ấu Nhi:

- Nhà cửa, đồ đạc... cháy hết rồi... Bây giờ em phải đi theo anh qua bên chỗ anh ở... rồi sẽ tính...

Cầu Trường Tiến bị giật sập nhưng Công Binh đã bắc cầu tạm để cho đồng bào qua lại... Hùng đưa Ấu Nhi ra bến đò Thừa Phủ, qua sông cho gần. Về đến chỗ trọ trong trường Luật, thấy sách vở, đồ đạc bị xáo tung, áo quần mất hết chẳng còn gì, Hùng liền đến nhà bà con hỏi mượn ít tiền sống đỡ vài hôm. Hùng cũng phải chạy kiếm ít quần áo cho Ấu Nhi vì từ Tết đến giờ, bốn tuần lễ rồi mà nàng chỉ mặc một bộ áo quần với chiếc áo len Hùng tặng mùa Đông năm ngoái và chiếc áo đi mưa hai lớp, trùm lên bên ngoài. Sau đó, chàng đến Bưu Điện, nhờ báo tin cho ba má của Ấu Nhi biết nàng còn sống và hứa sẽ lo cho nàng vào Đà Nẵng càng sớm càng tốt... Bà mẹ của Hùng vẫn buôn bán ngoài chợ Sịa nhưng chàng cũng ít khi về thăm, vì tình hình an ninh ở nông thôn Thừa Thiên không được tốt. Trước ngày bầu cử Tổng Thống vào tháng 9 năm 1967, Việt Cộng đã phục kích giết chết Đại Úy Nguyễn Quang Anh, quận trưởng Quảng Điền trên đường từ An Lỗ về Sịa... Hùng phải viết thư nhờ xe đò Huế-Sịa chuyển, báo tin cho mẹ chứ không dám trở về quê.

Con gái xứ Huế xưa nay luôn giữ nề nếp, ra khỏi nhà thì mặc áo dài, tiếp xúc với người lạ thì dè dặt, kín đáo, không dám ngồi bên đường ăn uống như dân Sài Gòn... nhưng trải qua những xáo trộn trong Tết Mậu Thân, bây giờ các cô đã trở nên bạo dạn, không còn giữ ý tứ như xưa nữa. Hoàn cảnh của Ấu Nhi cũng vậy, nàng cũng phải biết xông pha, tranh đấu để mà sống. Hùng tìm cách cho nàng nói chuyện với cha mẹ qua điện thoại. Ông bà hối thúc nàng phải vào Đà Nẵng gấp vì sợ ở Huế trong hoàn cảnh hiện tại rất khó sống.

Có thể nói không một gia đình nào tránh khỏi cảnh tang

tóc, mất mát. Khắp nơi trong thành phố Huế đều có người chết. Trong thời gian chiến sự, không thể tổ chức tang lễ được nên phải tìm cách tạm chôn các nạn nhân ở đâu đó, vì thế những chỗ đất trống, công viên trong thành phố đã trở thành nghĩa trang. Đó là chưa kể những mồ chôn tập thể các nạn nhân bị thảm sát dã man như trường Tiểu Học Gia Hội, chùa Therevada, Tiểu Chủng Viện, Bãi Dâu, Cồn Hến, Cửa Đông Ba v.v... do Việt Cộng thực hiện.

Hùng nghe kể lại: cụ Trần Điền, người mà Hùng và bạn bè đã ủng hộ trong hai cuộc bầu cử Dân Biểu Quốc Hội Lập Hiến 1966 và Nghị Sĩ 1967, đã bị Việt Cộng bắt đem đi chôn sống ở vùng Lang Xá Cồn phía sau chợ An Cựu thuộc quận Hương Thủy. Giáo Sư Phạm Đình Bách, đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, năm 1966, bị phe tranh đấu hành hung giữa đường, rồi đưa vào bệnh viện Huế. Nửa đêm, người con trai của ông là Phạm Đình Tần đã lén vào bệnh viện đưa ông cụ trốn ra quận Quảng Điền nhờ Đại Úy Nguyễn Quang Anh bảo vệ... Trong Tết Mậu Thân, ông chạy vào trường Đại Học Sư Phạm bị trúng đạn Việt Cộng, được máy bay trực thăng đưa vào Đà Nẵng và đã chết... Anh Trần Mậu Tý, sinh viên Luật Khoa, bạn của Hùng, đã bị bắt tại Gia Hội; anh Trần Hữu Cầm, sinh viên Sư Phạm ban Sử Địa, bị bắt tại trường Thiên Hựu; anh Trần Đình Trọng, học sinh trường Kỹ Thuật, bị bắt trong Thành Nội đều bị chúng giết... Thiếu Tá Từ Tôn Kháng, Tỉnh Đoàn Trưởng Xây Dựng Nông Thôn Thừa Thiên đang trốn ở trong nhà số 176 Bạch Đằng (gần cầu Đông Ba)... Việt Cộng vào nhà, bắt trói vợ con đem ra giữa sân và ra lệnh cho ông phải ra trình diện nếu không thì vợ con sẽ bị giết hết, vì thế buộc lòng ông phải ra trình diện. Chúng đã cắt tai, xẻo múi, hành hạ ông cho đến chết trước mặt vợ con. Việt Cộng đã bắt vợ chồng ông Trần Ngọc Lộ dạy võ Thần Quyền ở Phú Vang, đảng viên Đại Việt, đem giết chết tại Cồn Hến, xã Phú Lưu vì trước đây ông có nói với học trò: "Thầy truyền nghề cho anh em để tự vệ, anh em đừng theo Việt Cộng, giết hại bà con"... Việt Cộng đã vào nhà thờ Công Giáo Phủ Cam bắt hơn 300 người đàn ông, trong đó có anh em Lê Hữu Bôi, Lê Hữu Bá và những em học sinh 15, 16 tuổi như Phan Minh, Nguyễn Duyệt, Bùi Kha đem lên núi giết tập thể. Trước khi

đưa Giáo Sư Lê Văn Hảo lên làm Chủ Tịch Liên Minh Dân Tộc, Dân Chủ, Hòa Bình, ông Võ Thành Minh là một nhân vật của Phong Trào Hướng Đạo Quốc Tế, người đã dựng lều bên hồ Leman ở Thụy Sĩ năm 1954, tuyệt thực, thổi sáo chống chia cắt lãnh thổ Việt Nam... Việt Cộng đã đến tiếp xúc với ông, lúc đó đang ở trong từ đường cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự để đưa ông này ra làm Chủ Tịch của Liên Minh nói trên... nhưng ông đã từ chối, vì thế bọn chúng bắt ông đưa lên giam trên núi và sau đó đã xử tử ông. Thậm chí đến các nhà tu hành như Linh Mục Bửu Đồng, Linh Mục Hoàng Ngọc Bang, Linh Mục Lê Văn Hộ, Linh Mục Urbain Dòng Thiên An, dạy Đại Học Huế, các Sư Huynh dòng La San, Dòng Thánh Tâm, các Bác Sĩ người Đức (vợ chồng Bác Sĩ Horst Gunther Krainick, Bác Sĩ Raymund Disher và Bác Sĩ Alterkoster) đến giúp trường Đại Học Y Khoa và bệnh viện Huế... và những người dân vô tội cũng đã bị Việt Cộng giết.

Sống giữa không khí đầy tang tóc, đổ nát như thế, tinh thần của Hùng trở nên căng thẳng, đêm đêm cứ nhắm mắt thiếp đi một lát là Hùng gặp những cơn ác mộng, thấy Việt Cộng đuổi bắt, chém giết ở đằng sau... Hoàn cảnh của Ấu Nhi cũng vậy. Nàng đã trải qua những ngày kinh hoàng, tang tóc, nhà cháy, người chết, công lao xây dựng của ông bà, tổ tiên mấy đời phút chốc ra tay trắng, phải tìm cái sống trong cái chết... , vì thế Hùng đã quyết định phải rời bỏ Huế ngay, vào Sài Gòn hay lên Đà Lạt, mai danh ẩn tích một thời gian hoặc tìm cách liên lạc được với những người có trách nhiệm cấp Trung Ương để mưu đồ đại sự. Giải pháp tốt nhất cho Ấu Nhi lúc này là phải nhanh chóng đưa nàng ra khỏi thành phố Huế để vào Đà Nẵng ở với cha mẹ nàng. Phải giúp nàng thoát khỏi cảnh cô đơn, khủng hoảng hiện nay. Sau khi bàn bạc, phân tích lợi hại, Hùng khuyên Ấu Nhi phải ra đi, phải rời khỏi Huế một thời gian, đợi sau này, khi tình hình ổn định sẽ có ngày trở về, sẽ có ngày gặp lại nhau...

*

* *

Một buổi chiều, Hùng ngồi xích lô, đưa Ấu Nhi về Bao Vinh, nơi đó có những chuyến tàu chở hàng từ Sài Gòn hay Đà Nẵng ra Huế và trở về ngày hôm sau. Hùng nghĩ rằng đi

đường biển an toàn hơn, xuống tàu, ngủ một đêm, sáng hôm sau sẽ đến Đà Nẵng, gia đình sẽ ra đón nàng về nhà. Thành phố Đà Nẵng lúc bấy giờ là một nơi an ninh vào bậc nhất ở miền Trung, nơi đặt Bộ Chỉ Huy của Quân Đoàn I, nơi có phi trường quân sự lớn nhất vùng Đông Nam Á và cũng là nơi có cửa biển quan trọng, có lực lượng Mỹ và Đồng Minh hùng mạnh để bảo vệ các căn cứ quân sự... Cha mẹ của Ấu Nhi có cơ sở buôn bán rất thuận lợi nên đời sống và sự đoàn tụ của gia đình càng được bảo đảm hơn. Tinh thần của dân chúng ở đây không bị khủng hoảng như ở Huế vì ngay từ đầu, Việt Cộng đã thảm bại trong Tết Mậu Thân... Trường học cũng thuộc loại tốt nhất miền Trung, Ấu Nhi không cần phải lo lắng về vấn đề xin chuyển trường.

Bao Vinh trong thế kỷ 19, dưới thời nhà Nguyễn là một hải cảng quan trọng, thuyền bè buôn bán vào ra tấp nập. Ngày nay là căn cứ hải quân của Mỹ, nơi tiếp vận hàng hóa cho quân đội tại các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị... Hai nhánh sông Gia Hội và An Hòa gặp nhau ở ngã ba Bao Vinh nhập vào sông Hương chảy ra cửa biển Thuận An. Sinh hoạt đường thủy ở đây vẫn tấp nập như ngày nào.

Hùng và Ấu Nhi vừa dừng lại trên bờ, ánh nắng chiều đổ xuống mặt sông những làn sóng vàng lấp lánh, dòng nước cuồn cuộn chảy ra cửa biển, những cánh buồm trắng đang căng gió đuổi theo nhau từng cặp tấp vào bờ... Tàu sắp rời bến, khách tấp nập mang xách đồ đạc, bồng bế nhau bước lên cầu để vào trong khoang. Người gọi nhau trên bờ, dưới bến, dặn dò lần cuối... Hùng đưa Ấu Nhi bước lên boong tàu, tìm chỗ ngồi:

- Tàu chạy qua đêm, sáng sớm mới đến Đà Nẵng. Sẽ có người ra đón em về nhà... Hãy cẩn thận, coi chừng mất cắp đấy!

Ấu Nhi chỉ "dạ" một tiếng nhỏ rồi im lặng, không nói gì thêm. Hai dòng nước mắt từ từ lăn trên má. Trong những ngày chạy trốn Việt Cộng trong Tết Mậu Thân, mặc dù không có cha mẹ, anh em bên cạnh nhưng trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng có Hùng để bảo bọc, che chở cho nàng.

Tàu rời bến, Hùng đứng ở trên bờ đưa tay vẫy chào lần cuối. Ấu Nhi cúi mặt, không dám nhìn... Một nỗi cô đơn, trống

vắng đã ập đến với nàng... Bây giờ nàng mới cảm thấy bơ vơ thật sự! Đối với nàng, trên đời này không có Hùng là không có tất cả! Buổi chia tay hôm nay... , biết đâu ngày mai không còn gặp lại nhau nữa?

Tàu chạy mỗi lúc một xa, nàng thấy Hùng quay mặt đi, không dám nhìn về phía nàng! Có lẽ Hùng đang xúc động, có lẽ Hùng cũng đang khóc... Âu Nhi lấy nón che mặt, khóc tủi một mình...

Nguyễn Lý Tưởng

ÁNH ĐÈN BÊN SONG CỬA...

Trọng đã tính toán thật kỹ để từ khi bước ra khỏi nhà đến khi có mặt trước con hẻm đường Trần Hưng Đạo, chỗ đối diện với cầu Trường Tiền, đúng vào lúc Trang từ cuối hẻm cắp sách đi ra. Hai người sẽ cùng nhau qua chuyến đò ngang trên sông Hương về phía tả ngạn, nơi đó có trường Quốc Học Đồng Khánh, Nguyễn Tri Phương, Jeanne d'Arc, Thiên Hựu, Pellerin v.v... Cứ mỗi buổi sáng, hàng trăm, hàng ngàn nữ sinh áo trắng, tóc thề cắp sách đi học, lòng lâng lâng như những cánh bướm đầu Xuân.

Trọng quen biết Trang từ ngày hai người còn học ở trường Tiểu Học Thượng Tứ. Trọng học trên Trang một lớp, nhà Trọng ở phố Gia Hội, mỗi khi tan học, Trọng cùng Trang đi bộ trên đường Trần Hưng Đạo, ngang qua nhà thuốc Tây "Trường Tiền" thì hai người chia tay nhau. Đợi cho Trang đi vào cuối hẻm, gần bờ hồ dưới chân thành, Trọng mới cất bước đi về nhà.

Những lần hai người đi bên cạnh nhau, trò chuyện tâm tình như anh em ruột. Trọng thường tỏ ra mình là người anh trai luôn bênh vực cho em gái, có quà bánh gì, Trọng cũng để dành cho Trang. Hai người quen nhau đã mấy năm rồi nhưng chưa bao giờ Trang ngỏ ý mời Trọng vào nhà mình. Có lần Trọng đi lang thang ngoài phố, tình cờ thấy Trang ngồi trên xe xích lô với một người đàn bà trạc ba bốn chục tuổi, mang kính đen. Trang vẫy tay chào... Trọng cũng chào lại nhưng người đàn bà kia không tỏ thái độ gì. Có lẽ bà không trông thấy Trọng. Hôm sau đi học, Trọng hỏi Trang:

- Hôm trước, Trang đi chung xe với ai vậy ?

- Mẹ Trang đó. Mẹ bị đau mắt. Trang đưa mẹ đi khám

bệnh...

Nhân tiện, Trọng hỏi thêm:

- Trang ở với cha mẹ chứ ?
- Không, Ba Trang chết rồi. Trang chỉ còn mẹ.
- Trang có anh em không?
- Trang chỉ có một mình.

Từ đó, Trọng không dám hỏi Trang thêm điều gì nữa.

Cuối năm 1946, quân Pháp đánh chiếm Hà Nội, Hải Phòng. Hồ Chí Minh và Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa bỏ thành phố chạy về miền quê, lên tiếng kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống xâm lăng.

Đầu năm 1947, tàu thủy của Pháp từ Đà Nẵng đổ bộ lên bến Cầu Hai, phía Nam tỉnh Thừa Thiên và tiến thẳng vào Huế.

Việt Minh giật sập cầu Trường Tiền, hô hào toàn dân kháng chiến.

Thường dân Pháp cư ngụ tại Huế bị bao vây trong khách sạn Morin góc đường Duy Tân và Lê Lợi, phía hữu ngạn sông Hương. Họ đã được giải cứu khi quân Pháp đến.

Trước khi rút khỏi thành phố, Việt Minh chủ trương tiêu thổ kháng chiến, đốt phá đình chùa, dinh thự, ra lệnh cho đồng bào tản cư về miền quê.

Từ mùa Thu 1945 đến đầu 1947, Việt Minh đã bắt cóc, thủ tiêu, đày ải các thành phần đảng phái Quốc Gia không Cộng Sản và nhân sĩ trí thức trong nước, đặc biệt tín đồ đạo Công Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, đảng viên Việt Quốc và Đại Việt, v.v...

Chúng giết người vô tội một cách oan ức, bất chấp luật pháp. Cuộc khủng bố rất dã man này đã gieo kinh hoàng khắp các làng mạc do lực lượng dân quân tự vệ của Việt Minh gây ra.

Sau khi quân Việt Minh phân tán ra các vùng quê và chạy lên miền núi lập chiến khu, Pháp liền mời một số nhân sĩ trí thức còn lại ở Huế ra hợp tác, lập Hội Đồng Chấp Chánh Lâm Thời, trao cho cụ Trần văn Lý lãnh đạo. Một chính quyền "quốc gia" đã ra đời tại các tỉnh từ Bắc chí Nam nhằm mục đích hợp tác với Pháp, để ổn định tình hình, chống lại bọn khủng bố Cộng Sản.

Những người tản cư bắt đầu trở về thành phố và cuộc sống của dân Huế cũng dần dần ổn định. Niên học 1947-1948, các trường đã bắt đầu khai giảng trở lại. Ngày cuối tuần, trước khi chia tay, Trang nói nhỏ với Trọng:

- Sáng Chúa nhật, Trọng đến dẫn Trang đi dạo phố nghe !

Trọng gật đầu:

- Sáng mai Trang nhớ ra đây sớm, đừng để Trọng chờ đợi lâu.

Trang vừa ra đến phố Trần Hưng Đạo đã thấy Trọng từ hướng cầu Gia Hội đi lên, trong tay có cầm một gói gì nho nhỏ. Trao cho Trang cái bánh bao gói trong mảnh giấy trắng, Trọng nói:

- Trang ăn đi kẻo đói. Trọng ăn sáng rồi.

- Trang cũng ăn sáng rồi. Thôi chúng ta chia đôi, mỗi người một nửa.

Giữa phố đông người qua lại, Trọng đi bên trái của Trang, hai người nắm chặt tay nhau để khỏi bị thất lạc. Trang theo Trọng đi qua các tiệm buôn, say sưa nhìn những hàng hóa trưng bày trong tủ kính, thèm thuồng những đồ chơi mỹ thuật, những con búp bê rất xinh mà Trang hằng ao ước vào những dịp lễ Giáng Sinh hay Tết Nguyên Đán.

Trung Thu năm đó, Trọng mang đến tặng cho Trang một cái lồng đèn rất đẹp hình con cá chép, có sợi dây cột vào một cái cán tre, bên trong có cây đèn bạch lạp nhỏ xíu. Trang xin phép mẹ ra phố chơi, xem người ta rước đèn.

Trọng đến sớm, đón Trang từ đầu hẻm rồi dẫn Trang đi dọc bờ sông Hương xem trăng, xem múa lân. Trọng còn mua cho Trang một cái bánh Trung Thu nhân thập cẩm. Hai người dạo khắp phố phương, mỏi chân, lại ngồi trên bãi cỏ trò chuyện. Trọng nói với Trang:

- Trọng biết Trang ưa thích một món quà nhưng món quà đó không thể dành riêng cho Trang được.

Trang ngạc nhiên nhìn Trọng:

- Trọng đã mua cho Trang đèn con cá và bánh Trung Thu rồi. Nếu không có Trọng, làm gì Trang có các thứ này. Mẹ nói: "Nhà mình nghèo, chỉ lo cho Trang có cái ăn, cái mặc, và được đi học là quý rồi. Thời buổi khó khăn... nên phải tiết kiệm".

Bỗng Trọng nhìn thấy hai giọt nước mắt từ từ lăn trên má

Trang... Trang cúi mặt xuống. Trọng ôm Trang vào lòng:

- Trọng muốn cho Trang cái mặt trăng trên bầu trời kia kìa nhưng không được vì đó là quà của Thượng Đế dành cho tất cả nhi đồng chúng ta trong đêm nay.

Trang ngồi tựa đầu vào vai Trọng, cùng ngắm trăng cho đến khuya mới trở về nhà.

*

* *

Mùa Xuân lại đến.

Năm nay Trang đã vào tuổi 13.

Trang lớn lên trông thấy.

Từ khi cầu Trường Tiền bị sập, chính quyền quốc gia ra lệnh tập trung tất cả đò, thuyền trên sông Hương để giúp đồng bào qua lại buôn bán làm ăn. Học sinh khỏi trả tiền.

Mỗi ngày Trọng gặp Trang tại bến đò, cùng đi bộ đến trường Đồng Khánh. Hồi đó, trường Quốc Học bị Tây chiếm đóng nên hai trường Quốc Học-Đồng Khánh học chung. Trang đi vào hành lang dành cho Đồng Khánh, Trọng vào phía Quốc Học. Dù giờ giấc có khi khác nhau nhưng hai người vẫn đợi nhau trước đài Chiến Sĩ Trận Vong bên bờ sông Hương để cùng qua đò, về nhà. Bạn bè cứ tưởng Trang và Trọng là hai anh em ruột vì hai cái tên "Trang-Trọng" đi đôi với nhau.

Từ Gia Hội đến phố Trần Hưng Đạo, người ta nao nức chuẩn bị Tết. Nhà nào cũng sắm sửa mứt, bánh, rượu, trà, pháo, các thức ăn đặc biệt như nem, tré, chả. Ở Huế người ta thích chơi các loại hoa như mai, cúc, đào, thược dược... Các tiệm buôn đã đem trưng bày hoa, pháo, câu đối trước cửa rất sớm để đón chào khách hàng.

Trọng đến đón Trang vào sáng mồng một. Thường ngày, Trang vẫn mặc áo trắng học trò nhưng Tết năm đó, Trang mặc chiếc áo đỏ có viền những sợi kim tuyến nho nhỏ, màu vàng óng ánh trông rất xinh. Màu đỏ làm nổi bật gương mặt đầy đặn, nước da trắng mịn của một cô gái đang tuổi dậy thì đã làm cho Trọng rất xúc động khi đứng trước mặt Trang.

Trang khoe:

- Lần đầu tiên mẹ may cho Trang chiếc áo màu đỏ này. Từ nhỏ đến lớn Trang chỉ mặc áo trắng. Mẹ nói: "Con gái lớn rồi. Mẹ may áo đẹp cho mà đi chơi Tết".

Trọng hỏi Trang:

- Mẹ đau ốm, ngồi một chỗ không làm gì được. Tiền đâu mà may sắm cho Trang ?

Trang trả lời cách thật thà:

- Mẹ nói: "Mẹ dành tiền để khi Trang khôn lớn, lo cho Trang... "

Trọng buột miệng:

- Trang mau lớn quá ! Bây giờ đã là cô gái thật sự rồi.

Trọng hiểu được lời nói của mẹ Trang khi may áo Tết cho nàng. Người mẹ luôn nghĩ đến tương lai của con gái đang bước vào tuổi dậy thì. Rồi một ngày kia, sẽ có người tìm đến nhà cô để "xin thưa chuyện" với mẹ... Những nhà có con trai lớn, cha mẹ thường để ý đến những cô gái có nhan sắc và nết na như Trang... Tự nhiên, Trọng cảm thấy lo ngại và nghĩ đến một ngày kia sẽ mất Trang nếu có gia đình nào khá giả tìm đến với mẹ Trang sớm, nhất là khi hoa vừa hé nụ như tuổi của Trang bây giờ.

Hai người sánh bước bên nhau đi qua các phố. Xác pháo của đêm giao thừa còn ngập đầy trước cửa nhà giàu và các tiệm buôn. Họ vẫn trò chuyện với nhau cách hồn nhiên như ngày nào nhưng trong lòng Trọng đã hiểu Trang bây giờ không còn là một cô bé của trường Tiểu Học Thượng Tứ năm xưa nữa. Bây giờ Trang là một nữ sinh Đồng Khánh, một bông hoa đang khoe sắc giữa vườn thượng uyển, một cô gái đẹp mà nhiều chàng trai đang để ý đến. Điều chắc chắn là nhan sắc của nàng không thoát khỏi con mắt của các bậc cha mẹ khôn ngoan, các gia đình khá giả trong thành phố này được. Chuyện gì xảy ra nơi đây, chỉ trong vòng mấy tiếng đồng hồ sau, mọi người đều biết. Nếu có kẻ lạ mặt xuất hiện, chỉ trong khoảng khắc người ta đã bàn tán rồi. Cô gái mặc chiếc áo đỏ hôm nay, vừa dạo qua các phố, chắc chắn đã lọt vào mắt các bà mẹ của các chàng trai đang có ý định lập gia đình...

*

* *

Từ ngày Cựu Hoàng Bảo Đại trở về nước chấp chính vào năm 1949, cầu Trường Tiền đã được Công Ty EIFFEL của Pháp đứng ra nhận lãnh công tác tái thiết. Mỗi ngày, có hàng trăm công nhân làm việc, tiếng máy chạy xình xịch. Rồi những

cột bê-tông mọc lên và dần dần các vài cầu hình vòng cung được lắp đặt. Từng nhịp cầu được nối liền và mấy năm sau xe cộ đã qua lại trên cầu một cách bình thường.

Sau hiệp định đình chiến được ký kết tại Genève ngày 20-7-1954, quân đội Pháp rút về nước, trả trường Quốc Học lại cho Việt Nam, Trọng phải qua trường mới. Hai người không còn đi bộ như trước nữa vì Trọng đã có xe đạp. Thỉnh thoảng Trọng vẫn đến chở Trang đi học, đi chơi.

Trọng đã mười tám và Trang cũng đã bước vào tuổi mười sáu. Tình cảm giữa hai người càng ngày càng thắm thiết hơn. Hè năm đó, Trọng đã thi đậu Tú Tài Bán Phần, chuẩn bị vào lớp Đệ Nhất, sẽ thi Tú Tài Toàn Phần vào năm sau. Trang cũng sắp sửa vào lớp Đệ Nhị, nếu thi đậu thì năm tới nàng cũng sẽ học lớp Đệ Nhất như Trọng. Một hôm, Trọng ngỏ ý với Trang:

- Năm tới, nếu thi đậu, Trọng sẽ không còn đi học chung với Trang nữa. Trọng sẽ xin đi làm hoặc vào Sài Gòn học ngành chuyên môn. Nếu chẳng may thi hỏng, Trọng cũng sẽ xin đi làm và tự ôn tập bài vở để năm sau thi lại. Chúng mình đã lớn cả rồi, Trọng muốn được Trang giới thiệu với mẹ...

Mặc dầu Trọng chưa nói hết ý nhưng Trang cũng đã hiểu Trọng muốn nói gì với Trang. Từ trước tới nay, Trọng vẫn đối xử với Trang như một người bạn và hơn thế nữa, như anh trai đối với em gái. Tình bạn giữa hai người, chỉ hai người biết với nhau. Trang cũng chưa hề kể cho mẹ nghe và Trọng cũng không cho gia đình biết. Trọng thường lo lắng, săn sóc cho Trang thật chu đáo, có chuyện gì cũng kể cho nhau nghe, có tâm sự gì cũng cho nhau biết nhưng Trọng chưa bao giờ chính thức nói với Trang rằng: "Trọng đã yêu Trang và muốn cưới Trang làm vợ". Cùng lứa tuổi với Trang, có nhiều chàng trai rất muốn đến với Trang nhưng thấy Trang chơi thân với Trọng như một cặp tình nhân, luôn gắn bó keo sơn với nhau như thế, làm sao họ dám mở lời...

*

* *

Một buổi chiều mùa Hè lộng gió, trước khi bước vào mùa thi, Trọng đã đến nhà Trang... Vừa bước vào ngõ hẻm, Trọng đã thấy Trang đứng đợi trước cửa. Trang ăn mặc đơn sơ như

thường ngày ở nhà, không son phấn, không áo dài như khi đi học hay ra phố.

Trang đưa Trọng vào một căn phòng không rộng lắm, có một bức màn ngăn đôi, bên trong chỉ vừa đủ đặt hai cái giường ngủ, một dành cho Trang và một dành cho mẹ. Khoảng trống còn lại phía bên ngoài đặt bàn học và tủ sách. Bàn thờ có lư hương nhỏ và hai cây đèn bằng đồng trước bức chân dung người quá cố được đặt ở trên tủ. Quần áo và đồ đạc cần dùng đều để trong rương hoặc trong cái tủ nhỏ cạnh giường ngủ đàng sau bức màn. Nhà chỉ có hai cái ghế để cho mẹ và Trang ngồi khi ăn cơm hoặc học hành.

Trang vào trong thưa với mẹ:

- Thưa mẹ, hôm nay con dẫn anh Trọng, bạn thân của con từ hồi còn học ở trường Tiểu Học Thượng Tứ đến thăm mẹ. Đây là lần đầu tiên anh Trọng đến nhà mình và xin phép được hầu chuyện với mẹ. Anh Trọng năm nay đã 19 tuổi, học sinh trường Quốc Học, đang chuẩn bị thi Tú Tài Toàn Phần.

Trang nói xong, liền dẫn mẹ ra ngồi đối diện với Trọng. Trang đứng sau lưng mẹ để nghe hai người nói chuyện...

Trọng mở lời:

- Thưa bác, cháu tên là Trọng, bạn của cô Trang... Từ lâu, cháu vẫn ao ước được đến thăm bác một lần nhưng mãi đến hôm nay, Trang mới đồng ý cho cháu đến nhà...

Trọng chưa nói hết câu thì mẹ của Trang đã lên tiếng:

- Cám ơn cháu đã đến thăm bác và thăm Trang. Cháu là bạn của Trang thì cũng như chỗ bà con xóm giềng, thỉnh thoảng cháu cứ đến chơi, đừng ngại... Bác chỉ có một mình Trang là con độc nhất. Trang không có anh em nên xem bạn bè thân tình cũng như anh em vậy. Xin lỗi cháu, Bác bị bệnh, mắt không trông rõ...

Trọng cảm thấy như bà đã hiểu được tâm trạng của mình, nên mở đường cho mình được tự nhiên lui tới với Trang:

- Xin cám ơn bác đã cho phép cháu đến thăm... Cháu cũng có nguyện vọng muốn trình bày với bác...

Mẹ Trang vội hỏi:

- Cháu hiện đang ở đâu ?
- Cháu ở bên phố Gia Hội.
- Cháu ở với cha mẹ chứ ?

- Không, cháu trọ nhà bà con để đi học. Cha của cháu đã qua đời lâu rồi. Hiện cháu còn mẹ ở quê nhà...

- Cháu có đông anh em không ?

- Cháu là con út, anh cả đã qua đời, chỉ còn bà chị lấy chồng người cùng làng. Gia đình cháu làm nghề nông từ lâu đời. Cha của cháu bị Việt Minh bắt đi mất tích từ 1947, không biết chết sống ở đâu. Ở quê mất an ninh lại không có trường nên mẹ cho cháu lên Huế học...

Bỗng bà nhìn về phía bàn thờ:

- Ba của Trang cũng bị mất tích vào khoảng cuối 1946 đầu 1947 trước khi quân Pháp đổ bộ. Tôi gặp ông lần cuối cùng vào tháng Chạp, rồi ông về quê ăn Tết và từ đó không bao giờ gặp lại nữa. Chuyện xảy ra đã mười mấy năm rồi. Người ta đồn ông đã bị Việt Minh thủ tiêu, không tìm ra xác...

Trọng bỗng nhìn lên bàn thờ, chàng nhận thấy người trong ảnh có gương mặt rất quen, tuồng như chàng đã gặp người này ở đâu rồi. Đây là một bức chân dung được phác họa chứ không phải hình chụp. Dưới bức tranh ký tên Thanh Trang. Trọng biết Trang cũng có hoa tay và nét chữ của nàng rất đẹp. Trang vẽ chân dung rất giống nhưng chỉ vẽ cho vui vậy thôi chứ nàng không muốn đi vào hội họa để trở thành họa sĩ thật sự. Trang thường tâm sự với Trọng:

- Trang chỉ lo học để có bằng cấp, có việc làm nuôi mẹ và tương lai của mình có một cuộc sống ổn định.

Trọng buột miệng:

- Di ảnh của ba do Trang vẽ phải không ?

- Không, mẹ em đã vẽ hình của ba. Chữ ký dưới bức chân dung là tên của mẹ. Mẹ là Thanh Trang, còn em là Xuân Trang.

Trọng lại hướng về mẹ của Trang:

- Bức tranh rất linh động. Chắc bác cũng có học về hội họa ?

Nghe Trọng hỏi như thế, mẹ của Trang liền tâm sự:

- Lúc nhỏ tôi rất thích hội họa. Trời cho tôi có hoa tay, tôi tự nghiên cứu lấy. Ngoài ra, tôi đã thực tập tại phòng tranh có họa sĩ hướng dẫn trong một thời gian... Tôi rất thích nghệ thuật, trong đó có cả văn chương và âm nhạc nữa. Từ ngày bị bệnh, tôi bỏ hết mọi thứ...

*

* *

Mặt trời đã xuống bên kia dãy núi phía Tây. Sông Hương đã ngã màu đen thẩm. Trong nhà đã bắt đầu lên đèn. Mẹ của Trang vẫn ngồi trên ghế, người bà như bất động. Với một giọng đều đều, bà say sưa kể lại chuyện cũ:

Cách nay hơn hai mươi năm, trong thành phố Huế, nhất là trong thành nội, chưa có điện. Mỗi đêm, người lính hộ thành đi qua các nẻo đường, thắp sáng các ngọn đèn dầu trong các lồng kính treo trên các cột đèn đúc bằng sắt hay bằng đồng. Trong cung vua cũng vậy, từ khi Hoàng đế Khải Định băng hà (1926) đến khi vua Bảo Đại lên chấp chánh (1932), vẫn còn dùng những bó đuốc lớn có tẩm dầu và các loại đèn bằng chai, thắp dầu hỏa, gọi là đèn dầu Hoa Kỳ.

Lính hộ thành đi tuần ban đêm, thường mang một cái đèn lồng kính bốn mặt. Họ đi từng toán qua các ngã đường, nơi nào đèn hết dầu hoặc đèn bị tắt thì rót thêm dầu hoặc thắp đèn lại cho sáng. Dân buôn bán hoặc những người đi làm sớm thường tụ tập ở các của thành trước khi trời sáng, đợi gà gáy lần thứ ba thì lính mới đến mở của cho dân ra vào. Họ thường năn nỉ mấy ông "hộ thành" mở cửa sớm hơn thường lệ, có khi phải chung nhau mỗi người chút ít hối lộ cho lính mới được toại nguyện. Cứ mười người lính thì có một người chỉ huy gọi là "ông thập". Thời bấy giờ dầu đèn khan hiếm nên Ông Thập thường cắp dầu đem bán ra ngoài hoặc mang về cho gia đình dùng.

Gần cửa Thượng Tứ có một đội lính giữ ngựa, "ông thập" hay cưỡi ngựa chạy qua cửa thành và ghé vào quán trước cửa Hiển Nhơn để mua rượu và các thức nhắm. Ban đêm, Ông Thập cũng đến kiểm soát các bình đựng dầu trên các trụ đèn trong công viên và vùng lân cận. Ông Thập thường để ý đến cô gái xinh xinh, cháu bà chủ quán và hay tìm dịp trò chuyện với cô. Có một đêm, Ông Thập đi ngang qua, lúc đó trời đã khuya, hàng quán đã đóng cửa, mọi người đi ngủ cả rồi... nhưng từ cửa sổ phía sau bếp còn có ánh đèn. Tò mò, ông đến gần, đứng ở ngoài nhìn vào thì thấy một cô gái ăn mặc mỏng manh, ngồi xõa tóc bên một giá vẽ, đang làm việc. Tuồng như cô đang vẽ một bức truyền thần. Cô gái thức suốt đêm, không

chịu tắt đèn đi ngủ. Ông Thập cứ đứng nhìn trộm cô gái cho đến khi trời gần sáng mới chịu đi tắt đèn ngoài đường và mở cửa thành cho dân ra vào buôn bán làm ăn.

Ban ngày cô đứng bán quán, ban đêm cô ngồi vẽ tranh, tối nào cũng chong đèn đến khuya. Ông Thập vẫn đứng nhìn trộm cô mỗi đêm.

Ông Thập con nhà giàu, tính tình phóng khoáng, ăn tiêu rộng rãi. Cha mẹ ông ở nhà quê có đến mấy tòa nhà ngói, năm bảy bức vườn, mấy chục mẫu ruộng tư, trâu, bò, heo, gà, vịt cũng không thiếu... nhưng dù là nhà giàu đi nữa thì cũng chỉ là thằng dân đen, không có danh phận gì trong xã hội, rất dễ bị bọn Lý Trưởng, Chánh Tổng ức hiếp.

Khi làng có việc cúng tế, đình đám, chúng bắt con nhà giàu đi rót nước mời chức sắc, bô lão uống hay chia phiên cho họ phụ trách mổ trâu mổ heo... Đấng làm trai mà phải chịu cảnh nhục nhã như thế, Ông Thập cảm thấy bất nhã, nên phải khăn gói vào kinh đô, nhờ người chạy giúp cho một chân lính hộ thành ... Vài năm sau, khi mãn hạn lính trở về làng, cũng được gọi là Ông Binh, Ông Thập. Nếu có công trạng thì được hàm Cửu Phẩm, Bát Phẩm, sẽ được xóm giềng trọng nể. Nhà có tiền, chẳng bao lâu ông chạy được chức "Thập Binh", chỉ huy mười người lính, thế là có chút danh phận với đời rồi.

Năm đó, Ông Thập mới ngoài hai mươi tuổi, khôi ngô, tuấn tú lại có tiền nên hay giao du bạn bè, vào ra những nơi cao lâu, tửu điếm, phường chèo, hát bội, quen biết với hạng công tử nhà giàu... Tính tình vốn hào hoa, ông hay đi lại các quán rượu nên trong thành nhiều người biết ông.

Từ hôm nhìn trộm cô gái họa sĩ ban đêm, Ông Thập thường tơ tưởng đến hình bóng của cô và hay đến quán rượu tìm dịp trò chuyện với cô.

Vào một đêm khuya, Ông Thập đi kiểm soát đèn dầu trong khu vực trở về. Nhớ đến cô gái lẻ loi một mình ở phòng sau bếp quán ruợu, gần cửa Thượng Tứ, ông liền ghé lại, nhìn trộm cô cho thỏa tấm lòng nhớ nhung nhưng hôm đó, không có ánh đèn từ phòng cô gái chiếu ra như mọi khi... Ông Thập không nản lòng, cứ tìm đến đó, đứng ngoài nhìn vào. Ông ngạc nhiên vì mặc dầu không có đèn sáng nhưng cửa phòng vẫn mở như thường lệ. Ông mon men đến gần thì một giọng

nói nhỏ nhẹ, ngọt ngào, từ bên trong phát ra:

- Thập đó phải không ? Hôm nay hết dầu nên không đốt đèn... Thập có dầu cho em xin một bình.

Ông Thập giật thót một cái như kẻ gian bị bắt tại trận. Quả thật người trong tối nhìn rõ hơn người ở bên ngoài. Tình cảnh đã như thế, không còn giấu giếm được nữa, nên Ông Thập bạo dạn lên tiếng:

- Chào cô Thanh, tôi tưởng cô đã ngủ ngon giấc rồi, không ngờ cô còn thức. Thú thật với cô, Thập này nhớ cô lắm nên đi ngang qua đây ghé lại... Cô xin dầu chứ xin gì nữa Thập tôi cũng không tiếc, miễn là cô đừng chê Thập sỗ sàng...

Thanh cười khúc khích:

- Thập muốn nhìn thấy mặt Thanh thì mỗi đêm mang đến đây cho Thanh ít dầu...

Từ đó, mỗi đêm, Thập thường đến đứng bên cửa sổ nhìn Thanh vẽ tranh... Có khi Thanh tắt đèn để cho Thập đến gần tâm sự, khỏi bị người ngoài phát hiện. Hai người có thể nắm tay nhau, có thể kề sát vào tai nhau như đang thì thầm bên gối nhưng vẫn có sự ngăn cách bởi chấn song cửa sổ. Từ xa đến gần, tình cảm giữa hai người mỗi ngày một thêm đậm đà, thắm thiết. Thanh không cần biết tên thật của ông, mà chỉ thân mật gọi "Thập" là đủ rồi. Thập sắm cho Thanh gương lược, son phấm, đến cả giày dép, vải vóc, quần áo..., không thiếu thứ gì. Thanh cần tiền, Thập cũng cho.

Hai người y hẹn chỉ gặp nhau lúc đêm khuya, ban ngày Thập ít lui tới vì ngại chủ nhà để ý.

Cha mẹ Thanh ở xa, thấy Thanh thích nghề vẽ nên cũng chiều ý con, gởi gắm nàng cho một người quen ở Huế để ăn học. Thanh vừa học chữ, vừa học vẽ chân dung. Thời bấy giờ trong nữ giới ít có người theo học nghề này, ngoại trừ bà Maria Mộng Hoa. Lúc đầu, Thanh còn đứng bán quán rượu, về sau nàng lấy lý do bận đi học vẽ nên xin rút lui. Để tránh tiếng, Thanh nói với chủ quán rằng nàng cũng kiếm được chút tiền qua sự hợp tác với họa sĩ, vẽ chân dung cho khách, nên xin tự túc khoản tiền nhà, tiền cơm... Thanh cũng từ chối không nhận tiền của cha mẹ gửi giúp. Thực ra, Thập đã lo cho Thanh để khỏi lệ thuộc người khác.

Thấy Thanh ở quán rượu không tiện nên Thập đã đề nghị

Thanh thuê nhà bên ngoài thành để hai người lui tới khỏi bị người ta dòm ngó. Thập đã nhờ người bạn thân thu xếp cho Thanh một chỗ ở cạnh bờ hồ cuối con hẻm đường Trần Hưng Đạo ngay góc cầu Trường Tiền, là chỗ Trang ở hiện nay.

Hai người đi lại với nhau một thời gian thì Thanh có bầu và sinh được một bé gái. Từ đó, Thanh không liên lạc với gia đình vì sợ cha mẹ rầy la.

Một hôm, Thập thú thật, trước khi biết Thanh thì cha mẹ đã cưới cho Thập một người vợ cùng quê và đã có ba đứa con với nhau rồi. Xem như Thập có hai vợ, một người để lo việc ruộng vườn, săn sóc cha mẹ già trong thời gian Thập đi lính và một người mà Thập hết lòng yêu thương, chiều chuộng là Thanh ở Huế.

Thỉnh thoảng Thập cũng phải về nhà cha mẹ để lo việc kỵ giỗ, mồ mả tổ tiên, săn sóc cha mẹ lúc già yếu, gặp gỡ họ hàng trong ngày Tết... Thập vẫn lo tròn bổn phận đối với Thanh, cung cấp tiền bạc, thu xếp nơi ăn chốn ở cho mẹ con Thanh... Sau khi chạy được hàm Cửu Phẩm để về làng cho có chút danh giá với bà con, Thập xin giải ngũ trở về làm nghề buôn bán.

Với số vốn lớn trong tay, khi ở làng, lúc lên Huế, Thập mua các loại vải vóc, dầu đèn đem về chợ Sịa bán và thu mua ngũ cốc, gia súc cho bạn hàng chợ Đông Ba. Mỗi năm vào mùa Xuân, bạn hàng thuộc ngũ xã góp tiền tổ chức cúng đình chợ Sịa rất lớn, mời quan khách, thân hào nhân sĩ khắp vùng. Theo tục lệ từ xưa để lại, bạn hàng buôn bán thức gì thì mang thức đó ra đãi khách. Tất nhiên họ phải làm những món ăn thật ngon, thật đặc biệt để giới thiệu với khách... Mỗi lần Thập đi dự "cúng đình" chợ Sịa về, thường mang theo đủ thứ quà bánh, thức ăn cho mẹ con Thanh. Người ta thường nói "nhất Huế, nhì Sịa", quả thật không sai.

Thập vẫn ở với Thanh, lâu lâu về nhà thăm cha mẹ, vợ con. Bà vợ lớn ở quê cũng nghe người ta đồn Thập đã có vợ khác ở Huế nhưng không thấy Thập nói gì với cha mẹ. Trong gia đình vẫn trên thuận, dưới hòa. Thập đi buôn có tiền thì đem về trao cho vợ, nên bà cũng yên tâm.

Ngày Nhật đảo chánh Pháp tại Đông Dương, vua Bảo Đại tuyên bố độc lập, xé bỏ các hòa ước bất bình đẳng mà

nhà Nguyễn đã ký với Pháp. Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời, rồi đến Nhật đầu hàng Đồng Minh... Nạn đói năm 1945, có hàng triệu người chết, nhất là ở miền Bắc... Tiếp đến, Việt Minh cướp chính quyền, vua Bảo Đại thoái vị, quan lại mất chức, mất việc, trở về làng... Phong trào dân quân tự vệ và hành chánh kháng chiến nổi lên khắp nơi, người ta mượn tiếng cách mạng để thanh toán thù riêng... Các biến cố chính trị xảy ra dồn dập trên quê hương làm cho Thập rất lo lắng.

Thập quen thân với một người Nhật có vợ đầm, gốc Pháp. Hai vợ chồng ông này mở quán rượu và bánh kẹo ở đường Trần Hưng Đạo, ngay trước hẻm nhà Trang. Chủ quán vẫn giao du với quan chức người Pháp tại Huế mà không ai để ý. Cho đến ngày Nhật đảo chánh Pháp, ông này mới ra mặt đi tiếp xúc với vua Bảo Đại... Lúc đó người ta mới biết ông là một nhân vật cao cấp thuộc hoàng gia Nhật, đặc trách về tình báo chiến lược. Sau khi Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagazaki, vua Nhật đầu hàng thì ông này bị bắt, tài sản bị niêm phong nhưng một số lớn rượu ngoại quốc đã được chuyển qua nhà Thập, chất đầy cả một góc phòng.

Các năm 1945-1946, dưới thời Việt Minh không có hàng nhập cảng nên các thứ bánh kẹo và rượu Tây rất đắt tiền, chỉ dân buôn lậu mới có. Lúc đầu, Thập cứ nghĩ rằng số hàng đó là của vợ chồng người Nhật tạm gởi cho mình, chờ khi tình thế ổn định, họ sẽ cho người đến lấy nhưng họ không trở lại, nên tất cả các thứ đó đều thuộc quyền sở hữu của Thập. Chỉ trong vòng mấy tháng, Thập đã thu được một số tiền khá lớn.

Thanh vẫn sống ẩn mình trong nhà, ít khi xuất hiện trước đám đông bạn bè. Một hôm, Thập trao cho Thanh một gói nữ trang, vàng bạc và tiền rất nhiều... Ông nói với Thanh: "Giữ lấy mà phòng thân. Nếu rủi có chuyện gì xảy ra thì có để lo cho con".

Thập biết rõ tình thế, đồng tiền mất giá rất nhanh nên hễ kiếm được tiền, ông liền mua vàng để dành. Các năm 1945-1946, Việt Minh có phát hành giấy bạc có hình Hồ Chí Minh, tuy nhiên trong nước người ta vẫn còn tiêu xài tiền cũ của Ngân Hàng Đông Dương phát hành từ thời Pháp thuộc. Thập biết tiền Việt Minh không có giá trị, nên tìm cách thu giữ tiền Đông Dương và đem hết tiền Việt Minh ra tiêu xài. Khi quân

Pháp trở lại, chính quyền Quốc Gia ra lệnh tịch thu và hủy bỏ tiền Việt Minh. Dân thành phố chỉ xài tiền Đông Dương mà thôi. Người buôn bán bị thiệt thòi rất nhiều vì giữ tiền Việt Minh nhưng số tiền mẹ của Trang đang có trong tay toàn là tiền Đông Dương nên vẫn còn giá trị.

Căn nhà ở cuối hẻm hiện nay là của Thập mua cho Thanh để mẹ con có chỗ nương thân trong thời loạn. Bao nhiêu biến cố xảy ra, dân Huế đi tản cư, mẹ con Thanh vẫn ở đây, không một ai để ý đến. Trang đã đến tuổi đi học, ngày hai buổi cắp sách đến trường.

Trước Tết năm Đinh Hợi, 1947, Thập hẹn với Thanh sau khi về nhà lo việc ông bà tổ tiên xong, sẽ trở lại Huế ăn Tết với mẹ con. Không ngờ lần đó chia tay, không bao giờ gặp lại nhau nữa !

Với số vốn Thập để lại cho Thanh, bà đã mua hai chiếc xích lô cho người hàng xóm thuê, cũng đủ sống qua ngày. Khi cần đi đâu, bà gọi xích lô, xem như xe nhà vậy. Số nữ trang và số vàng Thập trao cho, Thanh vẫn để dành cho con gái sau này khi ra đời có vốn làm ăn.

Những ngày mới quen nhau, Thanh đã vẽ chân dung của Thập để kỷ niệm, không ngờ chân dung đó đã được thờ như hình ảnh của người quá cố. Trải qua hơn hai chục năm rồi, bây giờ Thập đã ra người thiên cổ. Từ khi xa Thập, Thanh ngày đêm buồn rầu tưởng nhớ, sinh bệnh, mắt cứ mờ dần cho đến nay thì không còn nhìn rõ nữa, nói chi đến chuyện đọc sách, vẽ tranh...

Bà Thanh vừa kể vừa nghẹn ngào xúc động, phải ngừng lại hồi lâu mới tiếp tục được. Trọng thấy hai dòng lệ chảy dài trên má của Trang, ướt cả khăn tay. Cuối cùng không chịu đựng được nữa, Trang đã ôm ghì lấy mẹ, nấc lên một cách thê thảm.

- Cháu họ gì, quê ở đâu ?

Bà Thanh hỏi một cách bất ngờ, không kịp chuẩn bị, Trọng vội trả lời:

- Cháu họ Lê, nhà ở gần chợ Sịa.

- Trang cũng người họ Lê, bên nội của cháu cũng ở chợ Sịa. Có lẽ sau này tôi phải cho cháu về Sịa hỏi thăm bà con họ hàng... Bây giờ hòa bình rồi, việc đi tìm nguồn gốc tổ tiên cũng

không khó lắm đâu.

Trọng nhìn kỹ mặt Trang, rồi nhìn lên bức chân dung ông Thập đặt trên bàn thờ... Trang có vầng trán rất giống cha và đôi mắt giống mẹ khi còn trẻ. Hình ảnh mẹ của Trang ngày xưa, vẫn còn lưu lại trong tập ảnh kỷ niệm của gia đình. Bức ảnh cha của Trọng đang được thờ tại từ đường họ Lê cũng rất giống hình cha của Trang. Người trong làng xưa nay vẫn gọi cha mình là "ông Thập", "ông Cửu"... Ngày cha bị Việt Minh bắt cũng trùng hợp với câu chuyện bà Thanh kể... Mặc dù bà không biết rõ về họ hàng của mình ở quê nhà nhưng những điều bà biết về cha mình đã đủ chứng minh "cái ông Thập" đó không ai khác hơn là cha của mình. Ông Thập đi buôn từ Sịa lên Huế, từ Huế về Sịa... Ông Thập khôi ngô, tuấn tú, con nhà giàu, tính tình hào hoa phong nhã... Cha mình là người như thế đó. Còn nghi ngờ gì nữa !

Đến đây Trọng mới hiểu được nỗi lòng của bà Thanh và hoàn cảnh của Trang. Xưa nay bạn bè vẫn nghĩ rằng Trọng và Trang là hai anh em. Cái tình thiêng liêng ruột thịt, dù không nhận ra nhau nhưng vẫn có sợi dây vô hình cột buộc làm cho mình tự nhiên gần gũi nhau.

Từ ngày gặp Trang tại trường Tiểu Học Thượng Tứ, Trọng vẫn xem Trang như em ruột. Có gì cũng để dành cho Trang, vẫn lo lắng cho Trang như anh lo cho em. Không biết Trang có nhận ra điều đó hay không ? Nếu quả thật Trang đã yêu thương Trọng bằng tình yêu trai gái thì đây là điều trái với luân lý đạo đức, xúc phạm đến vong linh của cha mình đã khuất.

Bà Thanh nói với Trọng:

- Nãy giờ bác đã tâm sự với cháu nhiều rồi. Câu chuyện này, từ trước tới nay bác chưa hề kể cho ai. Bác nghĩ rằng đây cũng là do trời xui đất khiến hay là chính vong hồn của ông Thập đã nhập vào bác, bắt bác phải nói sự thật đời mình cho Trang nghe. Bác không bao giờ nghĩ rằng ông Thập đã lừa dối bác hay đã hại đời con gái của bác. Bác thật lòng yêu ông và chấp nhận sống với ông vô điều kiện, dù sướng dù khổ cũng có nhau. Mặc dù trong hoàn cảnh không được cha mẹ, họ hàng bên chồng biết đến, dù phải sống cô đơn mười mấy năm trời nay..., bác vẫn một lòng trung thành với ông.

Hôm nay, bác mời cháu ở lại đây ăn cơm gia đình với bác. Trang sẽ ra chợ mua ít thức ăn đem về chế biến đôi chút, chúng ta cùng ăn với nhau. Lần đầu tiên trong đời, gia đình bác mời một người khách quý là cháu, ở lại ăn cơm với bác. Ngoài ông Thập ra, bác chưa bao giờ tiếp đón bất cứ một người khách nào tại căn nhà này.

Trang đã mua về một con gà luộc sẵn, ít rau sống, dưa chua, một nải chuối thật đẹp, và còn thêm một bó hoa sen thơm ngát người ta mới hái từ dưới hồ sau lưng nhà. Trong khi chờ đợi Trang nấu cơm, Trọng cung kính đặt con gà, nải chuối và bình hoa... lên bàn thờ ông Thập. Chàng xin phép thắp ba nén nhang, sụp lạy bàn thờ và khấn to lên trước mặt mọi người:

- Thưa Cha. Con là Trọng, con trai út của cha. Bấy lâu nay con đã gặp một người con gái tên là Trang mà không biết người đó là con riêng của Cha với bà Thanh. Hôm nay nhờ vong linh của Cha, nhờ phúc ấm của ông bà tổ tiên đã khuất, con mới biết được Trang là em của con. Lễ mọn, lòng thành, con xin tạ ơn ông bà tổ tiên và tạ ơn Cha đã cho con tìm được người em gái lưu lạc ... Xin cha phù hộ cho kế mẫu và em của con đây... được sức khỏe. Đặc biệt xin cho em Trang được học hành tiến tới, đỗ đạt, tương lai tốt đẹp, nở mặt nở mày cho cha mẹ, tổ tiên, dòng họ...

Một sự ngạc nhiên chưa từng có, bà Thanh và Trang không ngờ Trọng chính là con trai út của ông Thập. Trang đã tìm được dòng họ, anh em mình rồi. Nàng chạy đến ôm chầm lấy Trọng, sung sướng khóc nức nở. Bà Thanh cũng tỏ ra rất vui khi được biết tin tức về gia đình ông Thập qua Trọng. Từ nay, bà có thêm một người con, tuy không phải là con ruột đẻ ra nhưng cũng là anh em cùng dòng máu với Trang. Bao nhiêu năm sống ở Huế, xa gia đình, hôm nay Trọng lại có bà kế mẫu và em gái cùng cha khác mẹ. Thật là một niềm vui khôn tả.

Ba người đã ngồi vào bàn ăn cơm, chỉ có hai cái ghế dành cho mẹ và Trọng, còn Trang thì đứng một bên, vừa ăn vừa chạy lên chạy xuống bếp, lấy thêm các thứ cần dùng. Họ đã trở nên những người thân cùng chung một mái ấm gia đình.

Trọng phác họa qua về chương trình tương lai của mình,

sau khi đậu Tú Tài Toàn Phần, chàng sẽ vào Sài Gòn học Dược Sĩ sau này sẽ về Huế mở Tiệm Thuốc Tây hợp tác với Trang làm ăn. Trang sẽ tiếp tục học lên Đại Học và sẽ lo săn sóc mẹ trong tuổi già. Trọng tin rằng với niềm vui hiện tại, sẽ là điều kiện tốt để phục hồi sức khỏe của bà. Cuối cùng, Trang sẽ gặp được người chồng vừa ý, sống hạnh phúc bên nhau.

20 tháng 4, 2002

Nguyễn Lý Tưởng

TỪ MỘT DÒNG SÔNG

- Tài tới rồi!
- Tài tới rồi!
- Anh Tài tới rồi!!!

Bọn trẻ con bỗng reo lên khi một người đàn ông có tầm vóc trung bình, tuổi ngoài bốn mươi, nước da đen sạm, mặc bộ "vét" ka-ki màu vàng trông có vẻ cũ kỹ, đầu đội bê-rê đen, miệng ngậm một cái tẩu cán trúc thật dài, kiểu điếu hút thuốc của dân thiểu số miền núi Trường Sơn.

Tài ung dung đi vào giữa chợ, miệng nở một nụ cười rất tươi như để chào mọi người. Tài không bắt tay hoặc mở miệng nói lời chào hỏi với bất cứ ai, dù gặp bà con hay bạn bè. Tài chọn một chỗ khá rộng rãi, trải chiếu và đặt một miếng vải trắng có kẽ những ô vuông với hàng chữ số, màu đỏ là số lẻ, màu đen là số chẵn. Cạnh đó có một cái bát cổ, trang trí hình rồng phượng màu xanh trên nền sứ trắng, với một cái dĩa úp lên trên, ở bên trong có mấy cục đá hình lục giác. Chàng bắt đầu lắc mạnh mấy cái rồi đưa cả bát lẫn dĩa lên cao quá đầu... Tiếng con lúc lắc ở trong dĩa nghe rổn rảng...

- Đầu năm thử thời vận đi, bà con ơi!
- Chẵn bên này, lẻ bên kia!
- Xong rồi... Đặt tiền đi! Đặt tiền đi!...

Đây là ngày thứ hai Tài xuất hiện giữa chợ và khách có máu đen đỏ bắt đầu làm quen với trò chơi xóc dĩa... Trong khoảng khắc, mọi người đã đến bao vây sòng bài của Tài.

Bọn con nít cũng chen lấn nhau để xem và đặt ké theo người lớn, nhất là những người vừa thắng cuộc. Tài có mang theo một túi kẹo hình viên bi, làm bằng đường bọc bột, mỗi khi thắng một ván bài, kiếm được chút tiền, chàng mang kẹo

ra chia cho bọn trẻ con, khiến cho chúng thích chí, vỗ tay reo hò ầm ĩ.

Tài là người sinh trưởng trong làng này nhưng chàng biệt tích từ lâu, không một ai trong làng biết chàng làm nghề gì, ở đâu? Thỉnh thoảng chàng trở về thăm bà con, họ hàng, nhất là vào những ngày đầu năm mới, dịp Tết cổ truyền của dân tộc. Mỗi lần thấy Tài xuất hiện thì những người lớn tuổi trong làng bắt đầu kể cho nhau nghe về quá khứ của chàng với những tình tiết chứa đầy huyền thoại.

Câu chuyện bắt đầu với một dòng sông bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, Nam Lào chảy ra cửa Việt Yên thuộc phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Từ Khe Sanh đến Bản Phường, huyện Hướng Hóa, nước chảy về phía Tây, gọi là sông Tchépône. Từ Ba Lòng, Cùa trở xuống, nước xuôi về hướng Đông, ngang qua thành phố Quảng Trị, làng Thạch Hãn... đến miền đồng bằng thuộc phủ Triệu Phong rồi đổ ra Thái Bình Dương, gọi là sông Thạch Hãn. Đường phân thủy của sông này ở hướng Tây, trên đỉnh Trường Sơn là ranh giới của hai quốc gia Lào-Việt.

Sông Thạch Hãn có một quá trình xâm thực lùi, lấn về núi phía Tây và cướp nước của sông Tchépône. Các nhà địa lý học gọi đó là "hiện tượng xâm thực thoái hóa". Có lẽ đây là một trường hợp rất hiếm hoi trên thế giới. Sông chảy trong một vùng đá cứng và mang theo nhiều cát nên khi ngang qua làng Thạch Hãn, trước mặt thành phố Quảng Trị, nước rất trong. Người xưa gọi là Đá Hàn, dịch chữ Thạch Hãn là mồ hôi của đá (hãn là mồ hôi). Thượng nguồn của sông Thạch Hãn có rừng thông bạch đàn, tỏa mùi thơm ngát, nhất là vào mùa Hè, gió hướng Tây thổi đến làm cho hương thơm lan tỏa khắp miền. Vì thế mới có câu:

"Chẳng thơm cũng thể bạch đàn,
Chẳng trong cũng thể Đá Hàn chảy ra!"

Trên đường ra biển Đông, sông Thạch Hãn được tiếp nước bởi những con sông nhỏ như Ái Tử, Lai Phước, Đông Hà... Sông quanh co uốn khúc, qua vùng Trà Liên, Trà Bát đến ngã ba rào Vịnh (thuộc các làng Đại Lộc, Đại Áng) thì sông chia ra hai nhánh, nhánh lớn gọi là Rào Cái chảy qua làng Lập Thạch và nhánh nhỏ chảy qua các làng Dương Lệ, Dương

Lộc, An Lợi, Đồng Giám rồi cả hai nhập vào ngã ba Giã Độ để ra cửa Việt. Giữa hai nhánh sông là một cồn đất lẫn cát, rộng chừng vài cây số vuông. Bờ sông một bên lở, một bên bồi. Từ lâu đời, cồn đất này là một nguồn lợi phong phú về nông nghiệp cho cả hai làng Dương Lộc và Trung Yên.

Mùa Xuân, nước từ khắp nơi đổ ra sông cùng với thủy triều ở biển Đông tràn vào lênh láng. Dòng sông chảy hiền hòa, cây cỏ hai bên bờ tươi tốt mang màu xanh hy vọng của tháng Giêng, mùa Tết, ngày hội... Mùa Hè, mưa từ trên nguồn phía Tây Trường Sơn cùng với gió Lào (tức gió Tây Nam). Khi chuyển cơn mưa giông, trời oi bức do ảnh hưởng của cao áp nhiệt đới, dòng sông dậy sóng, đục ngầu, cuồn cuộn, mang theo những lá cây, gỗ mục và bọt bèo... Những chuyến đò ngang qua ngã ba Giã Độ, Sòng, Rào Vịnh thường bị sóng gió hiểm nghèo, thuyền hay bị lật... khiến cho dân chúng rất e ngại. Những cơn bão lụt vào cuối mùa Thu, có khi đầu mùa Đông, khoảng tháng 10, tháng 11 âm lịch, gây nên những tai nạn khủng khiếp...

Dương Lộc nằm bên bờ sông, trên một địa thế nước bao bọc chung quanh làng, xa xa là dãy Trường Sơn, phong cảnh hữu tình, trai thanh gái lịch. Trải mấy đời, dân chúng được hưởng cảnh thái bình cho đến năm 1885, khi kinh thành Huế thất thủ, ông Tôn Thất Thuyết đem vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị, ban hịch "Cần Vương", chủ trương "Bình Tây, Sát Tả" thì tang thương ập đến... Trên 2.500 giáo dân Dương Lộc và các làng lân cận bị tàn sát tập thể trong một ngày vì bị vua quan khép vào tội theo tà đạo, theo Tây...

Từ khi vua Đồng Khánh lên ngôi (8-1885), trật tự được vãn hồi, tình hình ổn định, những người sống sót đã tạo dựng lại cơ nghiệp. Trải qua sáu chục năm thanh bình (1885-1945) thì một biến cố thứ hai xảy đến. Hồ Chí Minh cướp được chính quyền tại Hà Nội (19-8-1945), Vua Bảo Đại thoái vị, chiến tranh Pháp-Việt bùng nổ (1946). Dân làng Dương Lộc đứng về phía những người chống Cộng Sản, ủng hộ chính quyền Quốc Gia do Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo. Dân tự động tổ chức lực lượng võ trang, xin súng của Pháp, rào làng chiến đấu tự vệ. Người lạ mặt qua lại đều bị kiểm soát... Nhờ vậy mà làng này không bị quân Pháp cướp bóc và Việt Minh

(Cộng Sản) khủng bố.

Ban ngày, quân Pháp thường vào các chợ trong vùng bố ráp, bắt người và tịch thu tiền bạc do Việt Minh phát hành. Dân các làng lân cận không có chỗ an toàn để họp nhau mua bán, trao đổi hàng hóa, vì thế họ đã chạy đến Dương Lộc. Cuối làng có một chỗ đất ngày xưa gọi là "phong thổ", cây cao bóng mát, dân chúng thường họp mặt khi có dịp hội hè, đình đám. Cạnh đó có một hồ nước ăn thông với con sông trước mặt. Một cái cống nhỏ xây bằng gạch và đá, từ lâu đời vốn là ranh giới giữa Dương Lộc và làng bên cạnh. Những đêm trăng, trai gái thường đến đây hóng mát, trò chuyện. Chỗ đó bây giờ đã trở thành nơi họp chợ dưới sự bảo vệ của lực lượng võ trang trong làng. Chỉ trong một thời gian ngắn, chợ có đủ mọi thứ hàng hóa, từ rau quả, cá thịt cho đến kẹo bánh, vải vóc, dầu mỡ..., không thiếu vật gì.

Trong hoàn cảnh chiến tranh, nếu một lúc nào đó con người được hít thở bầu không khí hòa bình, thì đó là cả một ước mơ to lớn và là niềm hạnh phúc tuyệt vời của dân chúng. Vì thế, Tết năm đó, anh em thanh niên trong làng đã đề nghị với các cụ bô lão, thân hào nhân sĩ và lực lượng võ trang tự vệ, tổ chức ba ngày hội Tết, vui Xuân thật linh đình. Mười mấy tay súng trong làng thay phiên nhau canh gác ngày đêm. Khu vực quanh chợ được rào dạo kiên cố, có cổng ra vào để kiểm soát an ninh. Người ta kết hoa, treo đèn cù, đèn sao, cờ quạt, câu đối, lập bàn thờ, hương án để bái vọng theo nghi lễ cổ truyền. Con buôn trong làng lên tỉnh mua hàng hóa, bánh trái, hoa đèn, đồ chơi về treo đầy các quán. Bến đò trước mặt làng tấp nập khách lui tới, chở hàng đến chợ. Khắp các nẻo đường, người đi chợ Tết mỗi ngày một đông. Họ ăn mặc lịch sự, các cụ già khăn đóng áo dài quốc phục, thanh niên quần tây áo sơ mi, đàn bà con gái áo vàng, áo đỏ, áo xanh, giày dép mới... Mọi người gặp nhau tay bắt mặt mừng, vui vẻ đón chào... Thật là một ngày hội Tết ở nhà quê.

Người ta tổ chức đánh bài chòi, cờ chòi, trình diễn tân nhạc do anh em thanh niên học sinh phụ trách và có cả ban cổ nhạc bát âm được thuê từ tỉnh về. Tài cũng đã có mặt tại quê hương trong ngày hội Tết năm đó... và câu chuyện thương tâm sau đây đã được mọi người nhắc lại:

Khoảng hai chục năm về trước, trong gia đình Tài có một người anh tên là Thuận, được Lý Trưởng và Hội Đồng Hương Lý trong làng cho phép độc quyền khai thác bến đò chở khách sang sông. Mỗi lần giúp Thuận chèo đò, Tài thường gặp một cô gái mắt lá răm, lông mày lá liễu, môi đỏ như son, da trắng như phấn... Là con gái nhà quê, suốt ngày lam lũ với công việc ruộng vườn nhưng cô có đôi bàn tay búp măng rất đẹp. Tuổi mười bảy, sinh lực dồi dào, đôi má luôn ửng hồng với bộ ngực căng tròn làm say mê biết bao chàng trai trong vùng. Ông bà Thái chỉ có một mình Phấn là con duy nhất, mà là con gái đẹp nhất vùng nên ông bà rất cưng chiều cô. Cô thường qua lại bến đò này mỗi ngày để trông coi những nông dân đến làm việc cho gia đình.

Tài si mê Phấn từ khi nàng mới mười hai, mười ba tuổi. Chàng thường đợi cô ở bến đò để chở cô sang sông. Tài chưa một lần tỏ tình với Phấn nhưng qua ánh mắt, qua lời chào hỏi, nàng cũng thừa biết chàng đã yêu nàng.

Năm đó, trời nắng hạn kéo dài suốt mấy tháng. Không một cơn mưa, nước mặn từ biển tràn vào ngập cả sông. Đêm trăng, trẻ con ra sông tắm, cùng nhau nô đùa, vẩy nước tung tóe, lấp lánh sáng như lân tinh. Khối khí từ biển dồn vào, gặp Trường Sơn chận lại và do sức nóng ở nội địa tạo nên một sự thăng lực, khi bốc lên cao gặp khí lạnh, làm cho mưa đổ xuống vùng núi phía Tây. Gió Tây Nam hay còn gọi là gió Lào, thổi ngày đêm rất oi bức. Các nhà địa lý học gọi đó là "hiện tượng Foehn". Có khi nhiệt độ trong nhà lên đến gần 39, 40 độ C, ngồi ở đâu cũng thấy mồ hôi nhễ nhại. Suốt ngày đứng trên thuyền, đầu đội nón lá, tay cầm chèo đưa khách qua sông, Tài phải chịu đựng sức nóng mặt trời như thiêu như đốt làm cho da mặt cháy đen... Cuối tháng Tám, nước nguồn dâng cao, rồi những trận mưa giông, gió chướng ập đến... Trông thấy cơn đằng Đông, những người nông dân cuối cùng làm việc trên cánh đồng đã vội vã xuống thuyền, ngồi chen chúc nhau đầy cả hai bên mạn.

Tài đã cho thuyền rời bến, bỗng thấp thoáng ở đằng xa, bóng dáng một cô gái vẫy nón kêu đò... Lòng chàng bỗng rung lên vì xúc động! Người đó chính là Phấn! Tài bẻ lái cho mũi thuyền quay trở lại... Phấn bước lên, ngồi đối diện với chàng

từ phía trước. Tay chèo nhưng mắt chàng vẫn đăm đăm nhìn nàng. Chưa bao giờ Tài thấy Phấn đẹp như hôm nay, đôi má ửng hồng, đôi bàn tay búp măng trắng trẻo, miệng như mỉm cười với chàng. Tài nghĩ bụng: Ước chi mình được nâng niu đôi bàn tay tuyệt đẹp của nàng!

Thuyền ra đến giữa sông thì sóng to, gió lớn nổi lên, một cơn mưa giông ập đến! Quá bất ngờ, không có gì che đỡ nên mọi người trên thuyền đành ngồi chịu trận, vừa ướt vừa lạnh... Áo quần trên người Phấn bị thấm nước, dính vào da làm nổi bật thân hình đầy đặn, nở nang của một cô gái đang độ xuân thì. Tài chăm chú nhìn Phấn một cách say mê đến nỗi quên cả nhiệm vụ rất quan trọng của người cầm lái, đang nắm cả sinh mạng của mọi người trong tay. Nước sông dâng lên quá nhanh, lênh láng ngập bờ. Một cơn gió xoáy ập đến, chiếc thuyền chòng chành, mọi người hoảng sợ, kẻ đứng, người ngồi làm mất trật tự. Tài không còn đứng vững được nữa, cánh tay bỗng rã rời, vuột khỏi mái chèo. Nước tràn vào đầy khoang, thuyền bỗng bị lật úp giữa dòng sông. Mọi người mạnh ai nấy nhảy, tìm đường sống!

Tài bỗng thấy Phấn lao người ra khỏi thuyền, ngã xuống nước rồi chìm nghỉm giữa dòng thác lũ đang cuồn cuộn trên sông. Phấn cố ngoi lên mấy lần nhưng cũng không thể nào bơi vào bờ được. Chàng nhoài người về phía Phấn, cố nắm tay nàng... nhưng dòng sông đang chảy xiết, Phấn mỗi lúc một xa. Nàng đang cố vùng vẫy chống lại với cơn nước lũ một cách vô vọng. Tài hít một hơi đầy buồng phổi rồi lặn xuống nước, hướng về Phấn. Chàng nắm được cánh tay của Phấn nhưng nàng đã kiệt sức rồi, không còn bơi theo chàng được nữa. Nước đã đầy bụng nàng tạo nên một sức nặng kéo theo nàng xuống tận đáy sông. Tài cố gượng lên, kéo Phấn lại với mình, dù có phải chết thì cùng chết với nhau.

Không biết Tài nắm lấy tay Phấn được bao lâu... và cuối cùng, chàng cũng đã kiệt sức rồi buông tay, để mặc cho dòng nước cuốn đi...

Phấn và Tài cùng trôi dạt vào bờ và được một chiếc thuyền chài đang thả neo trên sông cứu nhưng người Phấn lạnh ngắt, không còn hơi ấm, nàng đã chết hẳn rồi, không có cách gì làm cho nàng sống lại được nữa. Nhờ sức chịu đựng bền bỉ nên

khi được đưa lên thuyền, gần bếp lửa, Tài đã tỉnh lại...

Thi hài của Phấn được cuốn vào trong một chiếc chiếu và hai người đàn ông đã dùng võng mây đưa nàng về nhà ông bà Thái. Nghe tin con bị chết đuối, ông bà Thái khóc gào lên một cách thảm thiết. Không có nỗi thất vọng nào to lớn cho bằng người con duy nhất của mình nay không còn trên cõi đời này nữa! Từ đó ông Thái điên điên, khùng khùng, lang thang nơi này nơi nọ, nói năng bậy bạ, kêu khóc suốt ngày. Tài được đưa đến nhà một vị lương y, mấy ngày sau mới bình phục.

Tất cả những người đi chuyến đò ngang hôm đó đều may mắn thoát nạn, chỉ một mình Phấn chết mà thôi! Được tin báo của Lý Trưởng, quan huyện Triệu Phong liền phái người về điều tra, làm án... Ông Thuận, chủ thuyền và Tài, người cầm lái, phải chịu trách nhiệm về tai nạn xảy ra trên sông. Cả hai anh em đều phải ra hầu quan... Nhờ các nạn nhân khéo léo trình bày nên Thuận và Tài được nhẹ tội. Quan huyện chỉ bắt bồi thường cho gia đình nạn nhân chứ không bắt anh em Tài phải đi tù. Cha mẹ của Phấn cũng không tha thiết gì đến chuyện bồi thường vì một khi con đã chết rồi thì không thể sống lại được nữa, lấy tiền người ta làm gì? Sau khi quan huyện tuyên bố bản án, gia đình ông bà Thái mới được phép khâm liệm và tổ chức đám tang cho con.

Phấn được chôn bên cạnh bờ sông, gần nơi xảy ra tai nạn. Đó là một chỗ đất cao cạnh bãi bồi bên sông thường gọi là Soi. Dân quanh vùng kéo nhau đi đến phân ưu với gia đình và đưa Phấn đến tận nghĩa trang. Mọi người đều không cầm được nước mắt trước cái tang quá đột ngột của Phấn. Ai cũng thương Phấn là người hiền lành, duyên dáng, xinh đẹp như một bông hoa mới nở buổi sáng mà phải kiếp hồng nhan bạc mệnh. Ngoài cha mẹ của Phấn ra, người đau khổ nhất đi theo đám tang của nàng là Tài. Sau bao năm thầm yêu trộm nhớ, lần đầu tiên chàng được nắm tay nàng lại là lần cuối cùng vĩnh biệt nhau. Tài không nghĩ đến trách nhiệm của mình, vì chàng đã lơ đãng khi cầm lái nên đã để cho thuyền bị lật ở giữa sông... nhưng chàng vẫn tin đó là do mưa sa bão táp, do tai trời ách nước, do tai nạn bất ngờ, do số phận không được sánh duyên cùng nhau sống hạnh phúc trọn đời.

Sau khi quan tài của Phấn được đặt xuống huyệt, lấp đất

lại. Tài vẫn ngồi bên mộ của nàng với ông bà Thái. Chàng ngỏ ý xin được làm con của ông bà thay cho Phấn. Từ đó, Tài thường đến thăm, an ủi ông bà, có khi ở lại trong nhà một vài hôm như con cháu. Nhà Tài ở tận xóm Soi, cách nhà cha mẹ Phấn một cánh đồng và phải đi qua một bãi tha ma đã có từ lâu đời mới đến nơi.

Mỗi lần đi thăm ông bà Thái, chàng thường ngang qua mộ của Phấn cạnh bờ sông. Chàng đến vào ban ngày, ở lại chơi cho đến khi gia đình ăn cơm tối xong mới từ giã ông bà để trở về. Chàng cũng không quên ghé lại thăm mộ của Phấn để đọc kinh cầu nguyện cho nàng. Những lúc tối trời, khung cảnh bãi tha ma thật lạnh lùng, hoang vắng. Có lẽ ngoài chàng ra, không một ai đến đây vào giờ này. Trong bóng đêm, Tài cảm thấy gần gũi Phấn hơn bao giờ hết. Chàng ngồi bên mộ mà cứ tưởng tượng ra hình ảnh của Phấn, hình ảnh đẹp nhất khi nàng ngồi đầu mũi thuyền đối diện với chàng đang đứng ở đằng lái. Tài không thể nào quên được mái tóc thật đen, thật dày như những lớp mây trên bầu trời. Vầng trán của nàng thông minh, đôi mắt lá răm tròn và đen nhánh, sáng ngời khi nhìn chàng. Đôi má ửng hồng, làn môi tươi thắm như son luôn nở nụ cười đầy ý nhị. Chàng tin rằng Phấn cũng đã dành cho chàng nhiều cảm tình, nhất là khi đáp lại cái nhìn say đắm của chàng bằng ánh mắt tha thiết, bao dung của nàng. Có những đêm trăng, Tài đến ngồi bên mộ của Phấn và cảm thấy hình ảnh quen thuộc của Phấn đang hiện về bên cạnh mình. Thương quá, nhớ quá, chàng khẽ gọi: "Phấn ơi!", rồi hai dòng nước mắt tự nhiên đổ xuống ướt cả hai gò má.

Nỗi đau mất người yêu đã dằn vặt, xé nát con tim của Tài và chỉ có những phút tâm tình với Phấn bên mộ của nàng, mới có thể làm cho chàng vơi đi được phần nào. Mấy tháng sau, ông Thái bỗng nhiên ngã bệnh mất. Rồi chẳng bao lâu, bà Thái cũng đi theo ông, gia tài để lại cho người cháu trong gia tộc để lo cúng giỗ, xin lễ cầu nguyện cho ông bà sau này. Ông bà mất rồi, cảnh nhà hoang vắng, từ đó Tài cũng cảm thấy xa cách với ngôi nhà xưa, nơi Phấn đã ra đời và lớn lên ở đó bên cạnh cha mẹ nàng.

Ít lâu nay, Tài nghe những người làm nghề đánh cá trên sông cũng như dân quanh vùng nói về một cô gái mặc áo

trắng, thường ngồi xõa tóc thật dài bên bờ sông, chỗ xảy ra tai nạn chìm đò mấy năm trước. Người ta tin rằng Phấn đã hiện hồn về... Lúc đầu Tài không tin có chuyện đó nhưng hết người này đến người khác cứ truyền tai nhau, đồn đại mãi, làm cho chàng bán tín bán nghi. Thế rồi, thay vì đến bên mộ Phấn như thường lệ, Tài lại ra bờ sông...

Đêm trăng, nước dâng ngập bờ, lênh láng một dòng sáng bạc. Nhánh sông chảy dài từ Rào Cái vào thôn Dương như mái tóc người đàn bà để mặc cho gió tung bay. Có khi, dòng sông như một giải lụa mượt mà, tha thướt đến vô tận. Tiếng rì rào của gió lướt trên mặt nước như tiếng nỉ non, tâm sự của người xa cách trở về. Tài cứ nhìn mãi về chân trời mờ mịt mà nuối tiếc hình ảnh người yêu ngày xưa đã từng qua lại trên chuyến đò ngang, nơi bến sông này. Trước mặt chàng là một bãi đất bồi, càng ngày càng lan rộng ra xa. Chỗ chàng đang đứng là một vực sâu, mỗi năm đất lở trôi đi do nước xói mòn, làm cho khoảnh đất càng ngày càng bị thu hẹp lại. Mười năm trước, nơi đây là những lò vôi, vườn bắp, vườn đậu hay có lúc người ta bỏ cả hoa màu để trồng bông vải, mong bán được nhiều tiền hơn.

Người ta đồn rằng chỗ nước xoáy dưới chân chàng là thủy cung của một cặp cá vược lớn, rất linh thiêng. Cặp cá này đã nhận chìm không biết bao nhiêu con vịt của xóm chài cạnh đó. Có lần chúng đã bắt cả một con chó đang bơi qua sông để ăn thịt. Vì thế trẻ con trong làng không dám xuống tắm ở chỗ đó. Cặp cá vược thường quay đầu về lăng các Vị Anh Hùng Tử Đạo để chầu các đấng Thánh đã bị quân Văn Thân thiêu sát vào ngày 8-9-1885, thời vua Hàm Nghi. Đây là chốn linh thiêng mà dân trong vùng rất tôn kính. Mỗi khi ngang qua cổng đền, mọi người đều phải cất nón, cúi đầu. Bất cứ ai gặp cảnh khó khăn, tai nạn, đau ốm đều chạy đến cầu khẩn với các vị tử đạo tại ngôi đền này. Danh tiếng đền này có thể sánh với linh địa La Vang ở Quảng Trị, là nơi tương truyền Đức Mẹ Maria đã hiện ra vào năm 1798 để an ủi giáo dân trong thời bắt đạo.

Đang suy nghĩ miên man với dòng tư tưởng hoài niệm thời quá khứ, bỗng nhiên trong màn khói sương mờ mịt, Tài thấy hình bóng một cô gái mặc áo trắng, tóc xõa dài ra sau

lưng, đang ngồi bên bờ sông, trầm tư mặc tưởng, mặt quay về hướng Trường Sơn xa xăm. Chàng nhận ra vóc dáng rất quen thuộc:

- Phấn ơi! Phấn đang ngồi đó phải không?

Bốn bề vắng lặng... Phấn vẫn ngồi đó bất động, không một lời đáp trả!

Tài vụt chạy đến ôm chầm lấy Phấn và gọi "Phấn ơi!" nhưng không có Phấn nào ở đây hết. Tiếng sóng vẫn dạt dào, một loài chim đi ăn đêm bỗng vỗ cánh bay lên không trung! Người yêu biến mất, Tài như hụt hẫng, nuối tiếc và đau khổ vô cùng! Chàng không phân biệt được lúc đó mình đang mê hay đang tỉnh!

Thế rồi mỗi đêm, Tài vẫn âm thầm đến bờ sông ngồi đợi Phấn nhưng chẳng thấy nàng xuất hiện. Trong khi đó, hết người này đến người khác xác quyết rằng họ đã nhiều lần thấy Phấn ngồi một mình... Câu chuyện được thêu dệt, rỉ tai, truyền miệng cho nhau khắp trong vùng đến nỗi không ai dám ra sông tắm ban đêm!

Từ ngày Thuận bán đò, trả bến lại cho làng, anh em Tài cũng bỏ luôn nghề đưa đò ngang, mỗi người một phương tìm kế sinh nhai. Tài bỏ làng ra đi, nghe đâu chàng đã vào rừng Trường Sơn, sống với người thiểu số và được họ tôn lên bậc thần thánh nhờ có một vật mà người miền núi rất quý... Ai có vật đó thì được xem như là người của nhà trời, có quyền phân xử định đoạt mọi chuyện phải trái và được dân chúng đem gà vịt, heo, dê, trâu, bò và cả con gái nữa đến dâng cho người đó...

Khi trời chuyển cơn mưa giông vào mùa Hè, thường hay có sấm sét. Sức điện rất nóng từ không trung đã xẹt xuống chỗ đất có chất silicat, làm cho chất đó chảy ra và tạo thành một hợp chất rất cứng. Người ta gọi đó là "lưỡi tầm sét" hay là "búa Thiên Lôi" (lôi: có nghĩa là điện hay sấm sét). Ai có vật đó trong tay thì có thể sai khiến được người khác, nhất là dân thiểu số vốn rất ít hiểu biết về khoa học. Nghe nói Tài đã tìm được cái "búa Thiên Lôi" ấy và đã phiêu lưu lên miền núi, sống với người Thượng và đã trở thành "người của nhà trời" đối với họ nhưng sống mãi với người thiểu số, được tôn thờ, Tài vẫn nhớ làng nhớ xóm, nhớ bà con, bạn bè và nhất là nhớ

những kỷ niệm thời thơ ấu với Phấn..., vì thế thỉnh thoảng Tài trở về thăm quê hương.

Năm đó, sau ba ngày hội Tết, Tài lại ra đi... và núi rừng Trường Sơn bây giờ không còn là nơi bất khả xâm phạm, nơi xưng hùng xưng bá, nơi chàng được sùng kính như các bậc thần thánh nữa. Cuối năm 1946, quân Pháp đã chia làm hai cánh, một từ Lào qua Khe Sanh, Đông Hà và một từ Đà Nẵng ra Huế... tiến vào tỉnh lỵ Quảng Trị... Việt Minh phải bỏ thành phố, bỏ cả đồng bằng để chạy lên núi... Giang sơn đổi chủ, từ đó, trẻ em thôn Dương không còn được thấy Tài xuất hiện vào dịp Tết nữa. Có lẽ Tài đã bị Việt Minh giết ở vùng Cùa, Ba Lòng thuộc huyện Hướng Hóa, phía Tây Quảng Trị, sau khi từ giã bà con để trở lại vùng này.

7 tháng 7, 2000

Nguyễn Lý Tưởng

THUYỀN VỀ BẾN CŨ

Làng tôi ở, có nguồn nước ăn thông với một nhánh của con sông lớn. Trước mặt làng là một hồ rau muống, nối với hai cái túi chứa nước làm thành hai cái hồ ở đầu và cuối làng. Phía sau làng có hào sâu bề ngang chừng năm mét, từ tháng Mười cho đến Tết, luôn có nước bao bọc chung quanh. Đồng ruộng xanh tươi, cây lúa đang trổ bông đợi mùa gặt vào tháng Ba âm lịch. Tháng Chạp gần Tết là tháng nghỉ ngơi, ăn Tết xong mới vào mùa gieo trồng. Đêm mùa Hè, trai gái trong làng thường rủ nhau ra trước mặt làng ngắm trăng, xem nước lên. Dân trong làng tin rằng, nhờ phong cảnh hữu tình nên có nhiều cô gái đẹp, lấy chồng sang, không Bác Sĩ, Luật Sư thì cũng Giáo Sư, sĩ quan v.v... Các nhà giàu, con cháu làm nên danh giá, tên tuổi để đời phần nhiều tập trung ở hai đầu làng, nhất là cạnh hai hồ nước lớn. Riêng cha mẹ tôi cũng làm nhà ở cuối hồ nước cuối làng nhưng chúng tôi vẫn nghèo, không được giàu có danh giá như người ta.

Năm tôi mới lên năm sáu tuổi, bắt đầu cắp sách đi học ở trường làng thì bỗng một hôm cha tôi bỏ nhà ra đi suốt năm không trở về. Mẹ tôi vẫn giữ thái độ im lặng, không nói năng gì. Hai chị em tôi rất buồn nhưng cũng không dám hở môi hỏi mẹ "cha đi đâu?" Ba mẹ con vẫn lam lũ tối ngày lo trồng trọt chăn nuôi, đắp đổi qua ngày. Một hôm, nhân lúc giáp hạt, trong nhà hết gạo ăn, mẹ tôi phải chạy đến nhà giàu trong làng năn nỉ vay vài thúng lúa ăn đỡ một thời gian chờ mùa gặt mới. Có một ông già trong làng, cũng thuộc hàng trí thức ở nhà quê đến chơi, thấy mẹ tôi gánh lúa từ trong nhà đi ra, liền buột miệng nói:

- Người đàn bà này gánh một gánh lúa nặng như thế mà

dáng đi trông có vẻ thong dong. Tương lai sẽ khá hơn chứ không vất vả như thế này đâu!

Khi về nhà mẹ tôi kể lại câu chuyện giữa đường cho chúng tôi nghe và khuyến khích chúng tôi cố gắng làm lụng và phải tin tưởng vào tương lai sẽ có ngày vươn lên được như những gia đình khá giả trong làng. Năm tôi lên 12 tuổi, mới thi đậu Tiểu Học thì trong làng có một nhóm sinh viên vận động mở trường Trung Học tư thục, lúc đầu chỉ có hai lớp Đệ Thất, Đệ Lục (tức lớp 6, lớp 7 bây giờ). Học xong Tiểu Học, mẹ tôi định bắt tôi ở nhà phụ với mẹ chăn nuôi, trồng trọt để kiếm sống qua ngày. Nhà ở trước mặt hồ, mẹ tôi thả một bầy vịt, mỗi ngày tôi phải lùa vịt ra hồ, chiều tối lùa vịt vào chuồng. Bạn bè cùng lớp ngày xưa ở trường Tiểu Học thỉnh thoảng ghé thăm tôi và cho biết trong làng mình bây giờ đã có Trường trung Học và đề nghị tôi xin với mẹ cho tiếp tục đi học... Tôi không dám nói chuyện đó với mẹ nhưng chị tôi biết tôi cũng ước mơ được như chúng bạn... Rồi một hôm, nhân lúc mẹ tôi vui vẻ, chị tôi liền nói với mẹ:

- Mẹ à! Cái con bé Xuân... mỗi ngày một lớn, mặt mày lại khôi ngô xinh đẹp chẳng khác gì con nhà giàu. Mẹ còn nhớ năm xưa cái ông gì đó nói "số của mẹ sau này sẽ khá giả!" hay là mẹ cho con Xuân đi học thêm bậc Trung Học, may ra có anh chàng nào con nhà giàu để mắt đến... thì cũng "có đường" vươn lên chứ!

Mẹ tôi suy nghĩ một lát rồi nói với chị tôi:

- Ừ! Mi nói cũng có lý đó! Phải tìm cách cho con Xuân tiếp tục học mới được!...

Ngày khai giảng niên học mới của trường tư thục thôn Dương được tổ chức long trọng, có sự hiện diện của thân hào nhân sĩ trong làng và trong vùng. Ông Hiệu Trưởng là một trí thức trẻ mới hai mươi mấy tuổi, con một nhà giàu trong làng, đứng ra giới thiệu hai Giáo Sư, cũng là sinh viên trẻ, tình nguyện giúp trường. Anh em sinh viên sẽ thay nhau mỗi tuần vài ba buổi để hướng dẫn các em học sinh. Tôi xuất hiện trong đám học sinh mới và được mọi người chú ý. Nhiều người lớn nói với nhau: Trong đám học sinh nhà quê này mà cũng có đứa có nhan sắc đậm đà thế kia! Đúng là mạch đất làng này thời nào cũng sản sinh ra người đẹp. Trong bà con họ hàng,

có người biết được hoàn cảnh của tôi... đã đến nhà gặp mẹ tôi và đề nghị tiếp tay với gia đình giúp tôi có điều kiện theo học bậc Trung Học.

Thấm thoát đã qua mấy mùa học, tôi cảm thấy mình khôn lớn hẳn lên. Một hôm, đi học về, mẹ nhìn tôi:

- Con này bây giờ đã trổ mã rồi! Không còn thơ bé nữa đâu! Chẳng mấy chốc lại có người để mắt tới rồi đó.

Tôi bắt đầu cảm thấy e thẹn mỗi khi có người ngắm nhìn mình. Thế rồi, vào dịp trước Tết Mậu Thân (1968), trường tổ chức tất niên cho học trò vui chơi. Tôi loay hay thế nào mà khi vào lớp thì thấy mọi người đã có mặt đông đủ, thầy giáo đã ngồi trên bàn dạy học. Đặc biệt hôm đó, bên cạnh thầy chúng tôi còn có một thầy khác rất trẻ, ăn mặc chỉnh tề, tay xách cây đàn ghi-ta như đang sẵn sàng trình bày một bản nhạc. Tôi cúi đầu chào thầy và bạn của thầy thật nhanh, rồi chạy chẳng về chỗ ngồi ở cuối lớp.

Thầy của chúng tôi mở lời:

- Hôm nay, trường cho các em vui chơi tất niên, nhân dịp có bạn của thầy, một sinh viên ở Saigon về thăm gia đình. Thầy mời đến thăm trường và thăm lớp chúng ta. Anh có mang theo kẹo bánh để tặng các em "cùng nhau liên hoan cho vui". Anh cũng mang theo cây đàn để đệm nhạc cho các em hát.

Cả lớp vỗ tay…Thầy của chúng tôi nói tiếp:

- À tôi quên chưa giới thiệu tên của anh: anh tên là Xuân…

Thầy chưa nói hết câu thì cả lớp lại vỗ tay vang dội. Lần này tiếng vỗ tay còn rập ràng hơn lần trước nữa và mọi người bỗng nhìn về phía tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy e thẹn, hai má đỏ bừng, không dám nhìn về phía trước, vì tên của anh ấy trùng với tên của tôi: Xuân…

Buổi tất niên thật vui nhộn, anh Xuân trao cho người trưởng lớp hai gói bánh kẹo thật lớn để chia cho học sinh rồi anh vừa đàn, vừa hát rất hay. Bạn bè trong lớp, người thì hát, người thì kể chuyện và họ yêu cầu tôi hát một bài giúp vui. Hàng ngày, tôi vẫn nghe tin tức và ca sĩ hát qua đài phát thanh và hát theo nên cũng thuộc ít bài. Tôi mạnh dạn bước lên trước mặt mọi người và trình bày bản "Xuân đã về…". Anh Xuân đệm đàn cho tôi rất ăn nhịp. Hát xong, mọi người vỗ tay, có

bạn đập bàn, đập ghế khiến cho lớp học thêm ồn ào.

Sau khi hát xong, tôi trở về chỗ ngồi, cảm thấy bạo dạn hơn, liền nhìn thẳng về phía trước, nơi đó anh Xuân đang đánh đàn. Tôi chú ý đến mái tóc đặc biệt của anh, nhất là mái tóc rất dài xuống tận cằm như người có râu quai nón. Anh Xuân mặc một bộ áo quần màu trắng, giày trắng, không mang cà vạt, tay đeo đồng hồ, không mang nhẫn, chứng tỏ anh còn độc thân, chưa đính hôn, chưa có ý trung nhân.

Giờ tan học, chúng tôi chia tay ra về. Anh Xuân hỏi tôi:

- Nhà em ở đâu?

- Dạ em ở cuối làng, bên cạnh hồ nước. Nhà em nghèo lắm…

- Em tên gì ?

Tôi im lặng không trả lời. Hồi lâu, mới nói:

- Tên em giống như tên anh đó…

- Hay quá hè…Mai mốt Tết, anh sẽ đến thăm.

- Cám ơn anh.

Chúng tôi chia tay, ai về nhà nấy, chuẩn bị ăn Tết.

Sáng mùng Một Tết, tôi gặp anh ở nhà thờ, cùng tham dự Lễ Minh Niên với mọi người. Anh vẫn mặc bộ đồ màu trắng như mấy hôm trước. Sau lễ, anh đi theo tôi về đến nhà, chúc Tết mẹ tôi, chị tôi. Tôi pha trà mời anh uống. Vừa xong một chén trà, anh xin phép về để đi thăm bà con họ hàng như phong tục của miền quê, nhất là làng tôi. Ngày đầu năm, sau khi đến nhà thờ dâng lễ Tạ Ơn, mọi người trở về nhà chúc Tết cha mẹ, ông bà và đi thăm bà con họ hàng. Trẻ con được mặc áo mới, màu sắc rực rỡ, kéo nhau từng đoàn theo chân người lớn đến nhà này, nhà khác để chúc Tết và được lì xì.

Lúc chia tay, mẹ tôi mời anh tối trở lại ăn cơm với gia đình chúng tôi cho vui. Nhà tôi có nuôi một bầy vịt nhưng khi vịt lớn thì đem bán lấy tiền mua gạo hay tiêu dùng việc cần thiết khác, thường ngày chỉ ăn trứng, ít khi bắt vịt làm thịt, ngoại trừ có khách ở xa đến thăm. Mẹ tôi nói:

- Gia đình chúng tôi chẳng mấy khi có khách đến thăm, hôm nay Tết, nếu anh bận đi thăm bà con thì tối nay mời anh trở lại ăn cơm với gia đình chúng tôi cho vui. Xin anh đừng ngại, chúng ta đều là người cùng một làng với nhau cả mà.

Anh vui vẻ nhận lời.

Khỏang năm, sáu giờ chiều, anh trở lại với bộ áo quần màu đen, đi giày ống cao vì trời đang trở lạnh và lất phất mưa, kiểu mưa phùn vào mùa Xuân ở miền Trung và miền Bắc Việt Nam, đường đi trơn trượt, bùn lầy. Mẹ tôi đã chuẩn bị sẵn một bữa cơm nhà quê, có thịt vịt luộc, canh miến nấu với nước xúp, lòng, rau sống, cá kho, tôm rim thịt ba chỉ…, bánh chưng, bánh tét, bánh ít đen, trắng và một nải chuối chín hái từ trong vườn. Ba mẹ con chúng tôi cùng ngồi chung bàn với anh Xuân, chúng tôi vừa ăn cơm, vừa nói chuyện về cuộc sống ở nhà quê…

Anh Xuân có mang theo cái radio nho nhỏ để nghe nhạc và theo dõi tin tức trong ba ngày Tết. Đài Hà Nội loan tin quân Giải Phóng đã chiếm thành phố Huế, thiết lập chính quyền và cho ra đời Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ Hòa Bình do Giáo Sư Lê Văn Hảo làm Chủ Tịch. Tin tức đó cũng được xác nhận qua các đài ngoại quốc như BBC và VOA. Tôi thấy gương mặt anh Xuân rất hoang mang, lo lắng. Chúng tôi cũng vậy. Bên ngoài, trời đã tối hẳn, ở nhà quê không có điện, gia đình chúng tôi lại ở riêng biệt, không có xóm giềng gần, chung quanh là cánh đồng lúa, chỉ có một con đường nhỏ ngang qua ruộng để vào làng. Mẹ tôi đề nghị anh Xuân ở lại với chúng tôi qua đêm, sáng mai sẽ về, không nên ra đi bây giờ, nguy hiểm.

Chúng tôi tiếp tục trò chuyện cho đến khuya thì nghe tiếng chó sủa từ đầu làng đến cuối làng. Con Mực nhà chúng tôi cũng bắt đầu sủa theo. Mẹ tôi bảo nhốt chó vào trong nhà, không cho nó chạy ra ngoài, rồi tắt đèn, ai ngồi đâu thì cứ yên chỗ đó và giữ im lặng không nói chuyện, để theo dõi động tĩnh ra sao.

Đêm đó, có khoảng 20 tay súng do anh Phụ Tá An Ninh thôn chỉ huy và một số quân nhân nghỉ phép về làng vào dịp Tết tăng cường. Anh em thường tập họp trước sân nhà thờ rồi mới phân tán từng nhóm đi tuần phòng. Trước Tết, thanh niên trong làng chặt tre, rào làng, tăng cường kẽm gai làm chướng ngại vật, đào hố cá nhân và lập lại các đường liên lạc bí mật từ vườn nhà này qua vườn nhà khác, chỉ định những nơi cất giấu đạn dược và lựu đạn. Anh em nghĩ ra cách gài mìn claymore tự động, dùng pin có nối dây điện ở xa, khi địch chạm vào dây thì mìn phát nổ…Những mật khẩu, mật hiệu đã được thông

báo cho mọi người thi hành vào ban đêm khi hữu sự. Anh em trong làng cũng có những loại vũ khí đặc biệt như trung liên, tiểu liên, súng phóng lựu đạn, hỏa tiễn M.72 chống chiến xa do người làng là sĩ quan, hay cấp chỉ huy ở Tiểu Khu mang về. Làng có cổng ra vào, ban đêm đóng kín lại, có người canh gác, dân không được đi lại ban đêm ở ngoài đường, ngoại trừ những người có trách nhiệm. Cách làng chừng một cây số, có một trung đội lính Nghĩa Quân xã, trang bị khá chính quy và các làng lân cận đều có lực lượng võ trang tự vệ của thôn. Địch muốn tiến vào làng, trước tiên phải vượt qua hồ nước rồi đến lũy tre làng. Cổng vào làng và các đường cấm, ban đêm cũng có gài mìn và lựu đạn, có cửa khóa lại chắc chắn…Bất cứ một nơi nào trong xã bị Việt Cộng tấn công thì các lực lượng vũ trang của xã và của các thôn lận cận sẽ tiếp viện. Sau đó, lính ở Quận (Chi Khu) và Tỉnh (Tiểu Khu) sẽ hành quân giải tỏa địch.

Từ nửa đêm, tiếng chó sủa mỗi lúc một nhiều và khoảng một, hai giờ sáng, bắt đầu có tiếng súng nổ. Mẹ tôi là người có kinh nghiệm trải qua nhiều lần kẹt giữa bom đạn của cuộc chiến từ 1945 đến 1954, khi nghe tiếng súng của hai bên, bà đoán tất cả lực lượng của địch đều đang tập trung đánh vào làng, hy vọng chung quanh nhà chúng tôi không có ai…liền nói nhỏ với anh Xuân:

- Anh chạy ra phía sau vườn, lẩn vào ruộng lúa và tìm cách di chuyển qua cánh đồng làng bên cạnh, càng xa bao nhiêu, tốt bấy nhiêu.

Anh Xuân liền chạy xuống bếp…Tôi làm dấu Thánh Giá, xin Chúa và Đức Mẹ che chở cho anh khỏi tay kẻ thù.

Gần sáng, tiếng súng im bặt, anh em tự vệ đã rút ra khỏi làng. Việt Cộng bắt đầu đi kiểm soát từng nhà, tập trung dân để tuyên truyền. Một "chiến sĩ gái" vào nhà hỏi:

- Có ai ở trong nhà không?

- Có ba người đàn bà! Mẹ tôi trả lời và mở cửa.

Một tên bộ đội cầm súng đứng trước sân canh chừng, còn tên "chiến sĩ gái" thì vào nhà lục xét. Hắn nhìn trước nhìn sau, thấy trên bàn còn hai, ba lát bánh tét, bèn bốc bỏ vào mồm. Hắn chạy vào buồng riêng của hai chị em chúng tôi lục xét một hồi, rồi tìm xuống nhà bếp. Ba mẹ con chúng tôi đứng nép

vào góc tường, run cầm cập, không còn biết phải ứng phó làm sao nữa. Hai tên "giải phóng" ra khỏi nhà, chị tôi liền chạy vào buồng xem lại đồ đạc mới khám phá ra cái quần lĩnh mới sắm vào dịp Tết không còn. Chiến sĩ gái nhanh như chớp đã tuột cái quần cũ của hắn để lại và mang quần mới của chị tôi đi mất rồi. Mẹ tôi chạy xuống bếp, nồi thịt kho chiều hôm qua cũng không còn! Bọn chúng vào làng, chỉ hy vọng sẽ tìm được cái ăn của đồng bào chuẩn bị cho ba ngày Tết vì chúng đang hành quân gấp, không có gì để làm lương thực chống đói.

Bốn bề vắng lặng, Việt Cộng đã rút đi. Mẹ tôi liền nói với tôi:

- Đi đi…Lên tỉnh tìm anh chị của con…Ở đây lúc này nguy hiểm quá... Mẹ và chị con ở lại giữ nhà…Đi mau đi…

Tôi hiểu ý mẹ. Mẹ muốn tôi lên tỉnh tìm người chị có chồng là lính Việt Nam Cộng Hòa, tạm ở đó một thời gian… Tôi bỏ một vài thứ cần thiết vào túi xách, từ giã mẹ và chị, rồi chạy thẳng ra bờ sông. Một chiếc thuyền đang đợi, anh Xuân cũng có mặt ở đó, áo quần lem lấm, trên tay không mang theo một thứ gì. Anh đã bỏ của chạy lấy thân! Mọi người đều hoảng hốt lo sợ, cố tìm cách thoát ra khỏi vùng quê này. Thuyền đưa chúng tôi qua bên kia sông, đi hết một cánh đồng, đến Quốc Lộ 1, chúng tôi đón xe vào thành phố.

Thị xã Quảng Trị cũng bị Việt Cộng tấn công vào đêm giao thừa Tết Mậu Thân nhưng nhờ có cảnh giác đề phòng nên đã đẩy lui được dịch, bên ta không thiệt hại gì mấy, bên địch tổn thất nặng. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa truy kịch địch ra tới vùng ngoại ô vì thế Việt Cộng đã kéo về vùng quê, gia tăng áp lực, uy hiếp các xã ấp của ta. Lên tỉnh, tôi đã gặp những anh em chiến đấu trong làng đêm hôm đó, kể lại diễn tiến trận đánh:

Tiểu đoàn K.8 của Việt Cộng đã chia làm ba cánh quân tiến vào làng. Chúng không đi theo đường cái trước mặt nhưng đã đánh vào phía sau và hai bên hông. Cánh quân từ hướng Đông của địch đã dùng dao, rựa chặt tre, mở đường nhưng chúng đã gặp sức kháng cự rất mạnh của lực lượng tự vệ đóng chốt bên trong. Việt Cộng đã sử dụng B.40, B.41 có sức công phá rất mạnh để bắn vào những nhà xây gạch, nơi anh em tự vệ trong làng đang ẩn núp. Có người bị thương

nên anh em phải rút lui. Khi thấy Việt Cộng áp sát vào vị trí phòng thủ bên ta, ông Liêm, một người đã từng chiến đấu bảo vệ làng từ những năm 1948, 1949 thời Việt Minh trước 1954 liền bắn một trái đạn M.72, loại hỏa tiễn chống chiến xa. Tiếng nổ lớn và một cột khói bốc lên ngút trời khiến cho họng súng của chúng ở bên ngoài câm ngay. Chúng biết bên trong có hỏa lực mạnh và có lẽ đã bị tổn thương nặng nên phải rút lui, tìm đường xâm nhập khác.

Hướng Bắc, từ cánh đồng phía sau làng, Việt Cộng đã xâm nhập vào xóm giữa, gặp ngay ổ trung liên của anh Hoàng và nhóm thanh niên phòng thủ ở đó. Chúng phải chuyển hướng qua vườn khác nhưng đến đâu đều bị lựu đạn ném ra hoặc những loạt đạn từ gốc tre, bụi cây bắn ra. Anh em thanh niên di chuyển từ vườn này qua vườn khác theo các đường liên lạc bí mật khi hữu sự, họ ẩn núp dưới các hào tre trong vườn, đã gây thiệt hại cho Việt Cộng rất nhiều. Sáng hôm sau, Việt Cộng đã vào nhà ông Hóa, con trai của ông mới 17 tuổi, xách súng chạy trốn ngoài vườn, chúng không thấy. Trong khi đó, ông Hiên, em ông Hóa, không biết Việt Cộng đã vào nhà mình nên từ ngoài vườn, xách súng chạy dọc theo bờ ao và bị địch hạ sát. Cung, con ông Hóa, chạy qua một bức vườn khác, thấy Việt Cộng đang tụ tập đồng bào để tuyên truyền. Vì muốn trả thù cho chú, Cung ôm lựu đạn bò theo hồ cá trong vườn để tấn công chúng. Chẳng may anh bị hai tên Việt Cộng ẩn núp ở bên ngoài phát hiện. Ngay khi anh vừa tung lựu đạn thì một loạt AK đã bắn xối xả vào người anh. Anh ngã gục bên bờ hồ và quả lựu đạn rơi xuống nước.

Hướng Tây, lực lượng phòng thủ của ta hơi yếu nên Việt Cộng đã vào làng một cách dễ dàng. Chúng đột nhập vào nhà ông Nguyễn, con trai ông, mới 17 tuổi tay cầm hai trái lựu đạn nằm trên trần nhà. Em dự tính, nếu bị Việt Cộng phát hiện thì em sẽ tung lựu đạn. Mấy tên Việt Cộng vào kêu gọi nhưng không có ai trả lời. Một "chiến sĩ gái" mang AK chạy xuống bếp lục lạo. Hắn mở chạn thức ăn, bốc bỏ vào mồm lia lịa. Ăn xong, hắn đi ra cổng. Vọng thấy chúng đi rồi liền từ trần nhà trụt xuống, chạy ra đến giữa sân thì gặp một toán Việt Cộng đi ngang qua, chúng hô: "Đứng lại! Đưa tay lên!" nhưng Vọng đã vội giấu hai quả lựu đạn sau lưng và lùi dần vào sau đống

rơm. Bọn Việt Cộng không ngần ngại, chạy thẳng vào cổng. Từ sau đống rơm, Vọng tung một lượt cả hai quả lựu đạn đã mở chốt. Hai tiếng nổ cách nhau chỉ một vài giây, tất cả bọn Việt Cộng đó đều ngã gục tại chỗ. Vọng bèn chạy vào nhà, mở cửa sau, chui qua vườn nhà khác trốn mất.

Phong, một thanh niên rất trẻ và rất can đảm, đã gài sẵn bên bờ ao một quả mìn claymore. Khi thấy một toán VC đang di chuyển vào đường hẻm, anh tìm cục pin để châm ngòi nhưng pin không có trong túi. Anh bèn theo đường liên lạc chạy vào nhà Cố Đoàn hỏi mượn cục pin. Sau đó, anh chạy ngược trở lại vừa lúc bọn Việt Cộng đang đi tới, theo hàng một. Phong liền nối dây vào cục pin và cho mìn nổ. Toán Việt Cộng nằm lăn lóc trên đường hẻm gần nhà ông Hoành, ông Đại, chết không sót một tên. Người ta kể lại rằng, sau đó, mỗi đêm ma quỷ thường xuất hiện ở ngoài bờ ao kêu rên thảm thiết.

Khi Việt Cộng vào, anh em thanh niên võ trang rút ra ngoài, chiếm lấy khu nghĩa địa trước mặt làng để chiến đấu. Thanh niên các làng chung quanh và lính nghĩa quân xã họp lại lên đến cả trăm cây súng, lập thành một phòng tuyến, hai bên đánh nhau giữa ban ngày. Việt Cộng không dám vượt qua hồ nước trước mặt làng, chỉ dùng súng cối bắn vào bên ta mà thôi. Việt Cộng vào nhà thờ bắt cha xứ và hai em học sinh giúp lễ cho cha đem đi thủ tiêu mất tích.

Tối hôm đó, anh em nghĩa quân và thanh niên không dám vào làng, họ trốn qua làng khác. Trong một đêm mà phải thay đổi chỗ ngủ mấy lần, khi ở nhà này, khi ở nhà khác. Cuối cùng, mọi người bỏ làng chạy lên tỉnh. Theo lời một tên Việt Cộng về chiêu hồi (đầu hàng) thì trận đánh vào làng chúng tôi hôm đó, chúng đã bị tổn thất nặng, 104 tên tử trận. Chúng rất ngán lực lượng võ trang của làng này. Chúng vào làng như vào một "bát quái trận đồ", trẻ già, trai gái đều biết chiến đấu, vườn nào, ngõ ngách nào cũng có người núp để bắn lén, để tấn công chúng.

Trời mưa và lạnh suốt cả tháng trời, tôi chỉ quanh quẩn trong nhà. Những kỷ niệm chóng qua với anh Xuân trong mấy ngày Tết đã dần dần phai nhạt. Sau Tết Mậu Thân, anh ấy vào Sài Gòn tiếp tục học rồi do tình hình chiến sự, anh phải lên

đường nhập ngũ theo lệnh tổng động viên. Một hôm, chị Thu cho tôi biết, chồng chị phải theo đơn vị vào Đà Nẵng và chị sẽ đem tôi đi theo để giúp chị. Đà Nẵng là một thành phố lớn của miền Trung, có phi trường quân sự quan trọng hàng đầu của Miền Nam Việt Nam, nơi đó có nhiều lính Mỹ và người Mỹ dân sự làm việc. Do hoàn cảnh chiến tranh, vùng quê bất an nên người ta chạy về đây tránh chiến tranh bom đạn và tìm kiếm việc làm để sống. Theo chị vào Đà Nẵng, tôi không còn tiếp tục việc học hành được nữa mà phải ở nhà giữ cháu, nấu ăn, làm việc lặt vặt thay cho chị để chạy ra ngoài xoay xở buôn bán, kiếm tiền giúp gia đình. Trong nhà có cái radio transitor, tôi mở đài suốt ngày để nghe tin tức, nghe nhạc, nhất là đài Tiếng Nói Tự Do, có nhiều chương trình rất hay, cứ mỗi giờ, sau phần tin tức lại có chương trình ca nhạc. Thỉnh thoảng chị mang về cho tôi mấy tờ báo, vài ba cuốn sách cũ: truyện tiểu thuyết, truyện kiếm hiệp v.v... cho tôi đọc để giải trí.

Mấy bà vợ lính trong trại gia binh, chạy theo phong trào buôn lậu hàng hóa, máy móc của Mỹ. Họ nhờ mấy ông chồng móc nối với lính Mỹ, mua hàng trong P.X như máy ảnh, radio, cassette,T.V, tủ lạnh v.v…đem ra ngoài bán kiếm lời. Chị Thu suốt ngày chạy ngoài đường, để nhà cửa, con cái cho tôi chăm sóc. Một hôm, chị ở nhà để chuẩn bị bữa cơm đãi khách. Chị dặn dò:

- Hôm nay, anh chị có mời ông xếp trong đơn vị đến nhà mình. Em phải trang điểm một chút cho lịch sự, phải khéo ăn, khéo nói, cố gắng giúp chị…, đừng có điều gì vụng về, mất lòng người ta.

Tôi không biết nói gì hơn, chỉ "vâng dạ" mà thôi.

Buổi chiều, sau giờ bãi sở, anh tôi theo xe của ông sĩ quan trẻ về nhà. Anh chị tôi đón tiếp ông ấy rất niềm nở. Chị Thu bảo tôi mang trà lên mời và chào ông ấy. Xong, tôi trở xuống bếp, phụ với chị bưng thức ăn dọn lên bàn. Ông Đại Úy ngồi nhậu với anh tôi. Chị tôi và tôi lo hầu bàn, tiếp tế thức ăn. Ông khách ăn nói rất lịch sự và tỏ ra có cảm tình với gia đình anh chị tôi. Có lúc ông nhìn tôi rất chăm chú khiến cho tôi phải cúi mặt vì e thẹn.

Đến khuya, ông khách mới ra về. Anh chị tôi rất vui vẻ vì đã mời được cấp chỉ huy đơn vị về nhà ăn cơm. Suốt ngày vất

vả và lo lắng nên sau khi khách ra về, dọn dẹp nồi niêu, lau chùi chén bát xong, tôi liền đi ngủ và đã ngủ một giấc ngon lành cho đến quá nửa đêm mới thức dậy. Tôi để ý lắng nghe tiếng ai đang thì thầm, mỗi lúc một rõ hơn:

- Không biết con nhỏ đã ngủ chưa?

- Chắc đã ngon giấc lâu rồi.

- Con nhỏ cũng được việc đó, cũng biết vâng lời và làm nhiệm vụ rất giỏi.

- Con gái vào thời buổi này, học được vài năm Trung Học cũng không làm nên được chuyện gì, rồi cũng phải tính chuyện kiếm chồng cho nó mà thôi.

- Nếu ông Đại Úy thích nó… thì mình giới thiệu cho ông…

- May ra ông giúp cho khỏi phải đi tác chiến… Lúc này, anh em ra trận chết nhiều lắm…

- Ông cho tiếp tục ở hậu cứ, phụ trách nhà kho thì quá tốt.

- Mình giúp nó thì nó giúp mình…, cũng là có qua có lại…

- Trời cho nó có nhan sắc…, lấy chồng là sĩ quan thì còn gì tốt đẹp hơn nữa.

- Bản thân được nhờ, cha mẹ, anh chị em cũng được nhờ…

Trong đêm khuya thanh vắng, tôi nhận ra tiếng anh chị tôi đang tâm sự với nhau… Thì ra chuyện mời khách tối hôm nay là có liên quan đến việc tương lai của tôi. Anh chị tôi muốn đem tôi ra để trao đổi với ông Đại Úy…, để ông giúp anh tôi được tiếp tục ở hậu cứ thay vì phải đi tác chiến như những quân nhân khác…Tôi bỗng nghĩ đến anh Xuân với những kỷ niệm của một mùa Xuân thời chinh chiến. Tôi biết anh Xuân đã có cảm tình với tôi và tôi cũng rất thương anh. Mối tình đầu, tuy hai bên chưa nói lời gì với nhau nhưng anh đã đến thăm gia đình tôi, ra mắt mẹ tôi. Những hình ảnh rất đẹp của buổi gặp gỡ lần đầu vào mùa Xuân, của hai người cùng có tên là Xuân, đang lúc tuổi Xuân…, mơ ước mộng lành. Có gì đẹp hơn mối tình ngây thơ trong trắng đó của chúng tôi. Chia tay nhau ở Quảng Trị, anh về Sài Gòn, tôi vô Đà Nẵng…Cuộc đời của tôi đến đây là một ngã rẽ. Mộng ước không thành… Bao giờ mới gặp lại anh: anh Xuân ơi!

Tôi thao thức suốt đêm và không thể nào ngủ lại được. Sáng hôm sau, tôi dậy sớm, vẫn làm công việc thường ngày, giữ cháu, nấu ăn, quét nhà, lau chùi bàn ghế, coi nhà cho chị

ra ngoài xoay xở kiếm tiền… Tôi mở radio, vẫn tin tức đầu giờ, vẫn chương trình tân nhạc… nhưng tất cả đều không thể lọt vào tai tôi được. Đầu óc tôi luôn nghĩ đến Xuân, tôi luôn nhớ đến anh. Hình ảnh của anh đã ngự trị trong tim tôi, ngay từ buổi ban đầu mới gặp nhau, làm sao tôi quên anh ấy được!

Cứ vài ba hôm, ông Đại Úy lại ghé thăm, trao đổi với tôi vài câu chào hỏi, ngồi nhậu với anh tôi mấy chai bia… Một thời gian sau đó, không biết bao lâu, tôi đã trở thành thiếu phụ mặc dù lúc đó tôi còn rất trẻ, chưa đến tuổi để làm giấy căn cước bọc nhựa của Việt Nam Cộng Hòa. Tôi lấy chồng mà không có đám cưới, không có cha mẹ họ hàng hai bên tham dự, không có bạn bè đến chung vui, chúc mừng. Từ Đà Nẵng, ông đã đem tôi vô Sài Gòn, nơi gọi là "Hòn Ngọc Viễn Đông" mà biết bao cô gái nhà quê như tôi hằng mơ ước… Rồi tôi cũng có đủ cả con trai, con gái như gia đình người ta. Quả thật ông là người có tài, đi đến đâu, ông cũng đem anh chị tôi theo đến đó. Một hôm ra chợ, tôi nghe những người vợ lính nói với nhau:

- Vợ ông Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng kìa.
- Mới 18 tuổi thôi đó…
- Chưa bằng một nửa số tuổi của chồng…
- Lần đầu tiên thấy bà đi chợ…
- Ông chồng cưng lắm, không cho vợ ra khỏi nhà…
- Đẹp như tiên… có đúng vậy không?
- Vợ có nhan sắc thì khổ cho người chồng…, không thế này thì cũng thế khác…

Tôi không dám nhìn lại đằng sau, mua vội mấy món cần thiết rồi trở về nhà ngay.

Tình hình chiến sự mỗi lúc mỗi trầm trọng, mất Ban Mê Thuột, rút lui khỏi Pleiku, Đà Nẵng di tản, tái phối trí lực lượng. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, mất Sài Gòn, mất toàn Miền Nam… Tôi hai tay ôm hai đứa con, không thấy chồng trở về. Ông Đại Úy đã mất tích ngoài mặt trận. Tôi tìm đường vượt biên, thuyền nan lênh đênh trên biển, trôi dạt giữa sóng to gió lớn. Tôi ngước mắt lên trời, xin phó linh hồn và xác của ba mẹ con cho Chúa, cho Đức Mẹ… Gia đình chúng tôi đi chung chuyến tàu với bạn bè, đa số là dân Bắc di cư ở Ngã Tư Bảy Hiền, đã đến nước Mỹ rất sớm. Lúc đó, tôi mới ngoài 20 tuổi,

còn quá trẻ, vẫn còn chút nhan sắc… Đã có biết bao người yêu tôi… nhưng đúng là "hồng nhan bạc mệnh" tôi vẫn cô đơn, vẫn đợi chờ.

Ba chục năm sau, tôi được tin cha mẹ vẫn còn sống. Cha tôi đã trở về với gia đình, gặp lại mẹ tôi lúc tuổi già. Tôi quyết định trở về thăm cha mẹ, họ hàng ở Việt Nam. Từ Sài Gòn, tôi đi tàu Thống Nhất ra Quảng Trị, xuống ga Vĩnh Lại (gần Ái Tử)… Tôi đi dọc theo bờ sông, đến bến đò ngày xưa… Bên kia sông là làng của tôi. Từ xa, tôi có thể thấy tháp chuông nhà thờ, có cây đa cao đã trải qua tuổi thọ hàng trăm năm. Tôi sẽ về đó thăm cha mẹ, thăm ngôi nhà xưa, thăm cánh đồng bên cạnh hồ nước cuối làng. Một chiếc thuyền câu nhỏ bé đang đậu ở đàng xa. Tôi gọi đò. Không có ai trả lời! Tôi vẫn gọi, gọi mãi đến cả chục lần… Bỗng một chiếc đò dọc từ phía trên đi xuống, xuôi theo dòng nước… Tôi vẫy gọi. Mấy người trên thuyền lên tiếng:

- Khách muốn về đâu?
- Cho tôi qua sông có được không?
- Chúng tôi là đò đọc, không phải đò ngang…
- Đò dọc cũng được, cho tôi quá giang về thôn Dương.
- Khách là người thôn Dương sao?
- Phải, tôi là người thôn Dương đây.
- Ừ thì được.

Thuyền liền ghé vào và tôi bước lên khoang. Trong thuyền có năm, bảy người đang trò chuyện với nhau. Có một ông già, râu tóc đã bạc, nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Người thôn Dương thật không?
- Thật chứ sao không? Tôi là người thôn Dương đây?
- Có ai bà con còn lại ở thôn Dương không?
- Cha mẹ tôi còn sống ở thôn Dương…
- Là ai vậy?
- Là ông bà H…
- Vậy cô là cô Xuân đây sao?
- Đúng rồi! Tôi là Xuân đây!
- Tôi cũng là Xuân đây! Có nhận ra tôi không?
- Trời ơi! Anh Xuân đây sao?
- Quả đất tròn, không ngờ gặp lại!

Thuyền dừng lại bên bờ sông… Thôn Dương, nơi ngày

xưa có tháp chuông nhà thờ, có cây đa tuổi thọ cả trăm năm cao ngất từng mây, có con đường làng dọc theo hồ nước, có hàng tre xanh… Giờ đây tháp nhà thờ đổ nát, cây đa cũng không còn, hồ nước đã cạn, nay đã biến thành ruộng lúa, hàng tre xanh ngày xưa làm chiến lũy, ngăn bước quân thù, nay không còn dấu vết… Nhan sắc người xưa nay cũng đã tàn tạ…

Tôi bước đi bên cạnh Xuân…, nhớ về một mùa Xuân xa xưa đã mất… nhưng hình ảnh người xưa vẫn còn sống mãi trong lòng người.

12 tháng 12, 2012

Nguyễn Lý Tưởng

XÓM GIÀNG

Xóm Giàng nằm trên một cồn đất bồi, sông nước bao bọc chung quanh, bên kia là một xứ đạo lâu đời, có nhà thờ xây gạch lợp ngói đồ sộ, có trường Tiểu Học do các nữ tu dòng Mến Thánh Giá phụ trách, giáo dân cũng trên ngàn người. Cha Chánh Xứ là một Linh Mục Âu Châu thuộc Hội Thừa Sai Paris, qua Việt Nam từ mấy chục năm trước, khi ngài mới ngoài ba mươi tuổi. Dân trong vùng gọi ngài là "Cố Phương". Tuy là người Tây nhưng ngài sống khổ hạnh, ăn uống bình dân như người trong vùng: cá kho, rau luộc, canh cải, đôi khi có chút thịt, trứng... Ngài giữ luật rất nghiêm, tiếp xúc với giáo dân tại phòng khách. Nếu là nữ giới khi có việc thưa trình thì phải có một vị trong hội đồng giáo xứ hoặc một người đàn ông hiện diện. Ngài thường đi thăm các họ nhánh bằng xe đạp, nơi gần thì ngài đi bộ. Có lần trời mưa, đường bị hư hại nặng, ngài có việc cần gấp phải đi ra khỏi nhà ban đêm, rủi ro bị té xuống hố, không đứng dậy được. Có người đi qua, nghe tiếng ngài gọi:

- Ai đó ? Cứu Cha với!

Nhưng khi bàn tay của người ấy vừa đụng tới thì ngài lại nói:

- Khoan đã! Xin cho biết là đàn ông hay đàn bà ?

Những câu chuyện như thế đã được dân quanh vùng kể lại với sự khâm phục tính cẩn thận giữ luật của ngài.

Cố Phương thường qua thăm các gia đình tân tòng ở Xóm Giàng, ngài đi bộ ra bến đò, lên thuyền, tới bờ bên kia, lại tiếp tục đi bộ thêm một đoạn khá xa nữa mới đến nơi. Giáo dân ở đây rất nghèo, đa số làm nghề đánh cá, sáng dậy sớm lên ghe ra biển, chiều mới về. Có người phải làm việc cả ngày Chúa

Nhật mới đủ ăn nên chẳng những ngày thường họ không đi lễ được mà ngay đến ngày lễ buộc họ cũng bỏ luôn. Có người nghèo đến nỗi không có áo quần mặc, vợ chồng con cái sống trên một chiếc thuyền, quanh năm đóng khố. Trong nhà chỉ có một cái quần dài vải đen, mỗi lần đi lễ Chúa Nhật thì chồng nhường cho vợ hoặc vợ nhường cho chồng, người này đi thì người kia ở nhà.

Thấy tình cảnh dân chúng như vậy, ngài thường viết thư về gia đình ở thành phố Bruxelles, nước Bỉ, để xin bà con và những vị ân nhân bên đó giúp đỡ. Mỗi lần qua thăm xóm, ngài thường mang theo nào quần áo cũ, nào thuốc men, thức ăn... Bọn trẻ con trong xóm hễ thấy một cụ già cao lớn, vai mang cả một bao vải to tướng từ bến đò xuất hiện là bọn chúng vui mừng chạy ra tiếp tay với Cha... và tất nhiên mọi người trong xóm cũng được báo tin một cách nhanh chóng và cùng kéo ùa ra đón ngài. Cha thường khuyên mọi người cố gắng đọc kinh lần hạt và đi lễ ngày Chúa Nhật. Để khuyến khích người nghèo nghỉ ngơi vào ngày Chúa Nhật, ngài thường cho họ ăn trưa sau khi tham dự Thánh Lễ. Ngài cũng xin tiền để xây cho Xóm Giàng một nhà nguyện nhỏ có thể chứa khoảng một trăm người. Mỗi lần Cha đến dâng lễ thì giáo dân quanh vùng cũng đi theo ngài để thăm anh chị em tân tòng nên nhà nguyện không đủ chỗ, phải đứng ra ngoài sân. Người ta trải chiếu giữa nền nhà nguyện cho mọi người quỳ hay ngồi vì không có bàn ghế.

Qua lại Xóm Giàng nhiều lần trên chuyến đò ngang, mùa nước lũ hay mùa mưa gió có khi thuyền bị lật giữa sông rất nguy hiểm nên Cha nghĩ cách thực hiện một cây cầu gỗ để giúp dân qua lại chuyên chở nông hải sản cho tiện. Trước hết, ngài cho người lên thị xã tiếp xúc với Ty Nông Nghiệp, đặt mua nhiều cây giống đem về trồng trên bãi sông, vừa có bóng mát cho dân chúng nghỉ chân vào mùa nắng, vừa có gỗ dùng. Ngài khuyến khích mỗi gia đình trồng cây và săn sóc cây. Loại cây dương liễu mọc rất nhanh, mấy năm sau đã có thể lấy gỗ làm cầu. Ngài đã nhờ một chuyên viên thiết kế một cây cầu gỗ rồi vận động tiền bạc, nhân lực, trong vòng chưa đầy một năm đã làm xong. Các loại xe chuyên chở nhẹ hai bánh, ba bánh hay bốn bánh đều có thể qua lại được. Mỗi tuần, ngài thường

đi xe đạp đến Xóm Giàng sinh hoạt với trẻ em và dân chúng... Ngài cũng vay vốn mua một chiếc tàu máy chạy đường sông để đưa khách và chuyên chở sản phẩm địa phương như rau, quả, tôm, cá, gà, vịt, heo, bắp, đậu, lúa, gạo v.v... lên chợ tỉnh để bán, do đó thu nhập của người dân Xóm Giàng cũng như trong vùng đã gia tăng rất nhiều.

Thỉnh thoảng bà Bề Trên Dòng Mến Thánh Giá ở tỉnh đi xe kéo về thăm các nữ tu và trường Tiểu Học của giáo xứ... Theo luật xưa, nữ tu không được đi một mình khi ra ngoài nên mỗi lần bà đi đâu thì có hai chị nhỏ đi theo. Bà đã lớn tuổi, răng đen và thích ăn trầu. Bà ngồi trên xe hai bánh do một anh phu xe lực lưỡng cầm càng kéo đi, hai nữ tu chạy bộ theo, một chị mang cau trầu, một chị mang thuốc lá. Anh phu xe chạy nhanh, hai chị chạy theo không kịp. Bà có thói quen ăn trầu phải thêm một miếng thuốc lá bỏ vào miệng. Bà ngồi trên xe kéo, mắt nhìn thẳng về phía trước, đưa tay phải ra để nhận miếng trầu rồi lại đưa tay trái để nhận miếng thuốc lá. Hai nữ tu trẻ tuổi phải cố chạy cho kịp để trao tận tay bà mà không bị rớt xuống đường.

Anh phu xe thì không để ý gì đến công việc của hai chị, cứ xả hết tốc lực mà chạy làm cho hai chị toát mồ hôi trán. Hai chị được trao công tác đi hộ tống bà cũng là người có khả năng và có kinh nghiệm. Cái danh dự là được ở bên cạnh "Bề Trên" nên các chị trong Dòng nhiều người cũng mơ ước được chọn vào địa vị ấy. Chạy theo bà lâu ngày nên cặp giò của hai chị cũng được luyện tập dẻo dai, nếu có cuộc thi chạy bộ thì chắc hai chị cũng đã đoạt giải vô địch rồi.

Mỗi năm bà về thăm một lần. Các nữ tu tập họp học sinh toàn trường, khoảng trên một trăm em, cũng có văn nghệ hát hò, diễn kịch để chào mừng. Tất nhiên trường cũng mời Cha Xứ và các vị chức sắc trong hội đồng giáo xứ đến dự và sau đó có một bữa tiệc nhẹ để mời bà và quan khách. Bà cũng không quên mang theo kẹo để làm quà cho các em học sinh, mỗi đứa được một hai cái kẹo bi hay kẹo cau là loại kẹo đường có hình viên bi hay miếng cau.

Đời sống của giáo dân bên giáo xứ vui vẻ, no đủ hơn bên Xóm Giàng nên Cha Xứ thường để tâm lo lắng cho dân xóm ấy nhiều hơn. Thời tiết từ tháng Mười trở đi đến lễ Giáng Sinh

ở miền Trung thường hay có mưa bão, đường sá lầy lội nên một tuần trước ngày lễ, Cha Xứ thường hô hào dân chúng qua bên kia sông chở cát về rải trên các lối đi quanh nhà thờ và trong làng để mọi người đi lễ được sạch sẽ. Ngoài ra ngài cũng nhắc nhở các gia đình phát quang, chặt bớt nhánh cây tre đổ xuống đường, dọn dẹp sạch sẽ, chuẩn bị làm lồng đèn, treo cờ, trang trí máng cỏ. Đặc biệt vùng này người ta thích làm đèn sao với hình chạm nổi hoa văn, hình Chúa, Mẹ, máng cỏ, thiên thần và loại đèn cù khi thắp nến bên trong thì đèn xoay quanh, hình ảnh dần hiện lên trông rất đẹp.

Trước lễ Giáng Sinh một tuần, trời tạnh ráo, cả giáo xứ hân hoan chuẩn bị mừng lễ thật long trọng: nào làm máng cỏ, làm đèn chạm, sửa sang đường sá, nhốt gà vịt vào lồng để dành sẵn làm thịt nhưng trước lễ một hôm, trời trở rét, mưa dầm rất trở ngại cho việc tổ chức ngày lễ... Cha Xứ rất lo lắng, ngài đi ra đi vào nhắc nhở anh em. Mặc dù thời tiết trở ngại nhưng anh em vẫn tiếp tục làm máng cỏ, làm đèn, đi xưng tội, dọn mình... Vào khoảng 5 giờ chiều, có người ghé qua nhà Cha, đứng ở ngoài nói vọng vào:

- Thưa Cha, có ông Bính ở Xóm Giàng đau nặng, xin Cha đến cho ông ấy xưng tội và chịu Mình Thánh Chúa...

Nói xong, người đó đi ngay. Cha không kịp hỏi thêm được điều gì.

Cha mặc áo mưa, mang Mình Thánh Chúa trong người, lên xe đạp ra đi khi trời tối. Mùa lũ, nước sông lênh láng ngập bờ, ngài lầm lũi đi qua con đường làng ra tới cầu gỗ, thẳng đến xóm nhà dân chài. Mọi người đều đã đi đánh cá ngoài khơi cả rồi, không còn một ai ở nhà để đón tiếp nên Cha tự đi tìm nhà người bệnh. Ngài đi qua nhiều ngõ ngách dẫn vào một con đường hẻm lối đi chập hẹp, nhà cửa lụp xụp, nghèo nàn. Ngài dừng lại trước một căn nhà tranh nhỏ bé bên trong có ánh đèn leo lét và cất tiếng gọi:

- Có phải nhà ông Bính đây không?

Nhưng không có tiếng trả lời. Cha Xứ đứng trước cổng nhà một lúc như để nhận định cho đúng mục tiêu: Phải rồi, đây chính là nhà có người đang đau nặng...

Cha liền để xe đạp bên thềm rồi đẩy cửa bước vào nhà, chưa kịp cởi áo đi mưa. Qua ánh đèn dầu leo lét, ngài thấy có

một người ốm o, gầy còm đang nằm trên chiếc giường tre ọp ẹp. Cha đưa tay vặn to ngọn đèn lên cho sáng rồi đi đến gần người bệnh. Khi Cha vừa đến nơi thì bỗng người đàn ông đang nằm trên giường nhảy chồm lên ôm chầm lấy ngài rồi thè lưỡi ra thật dài liếm áo Cha từ trên cổ xuống tận ngực nghe sột soạt như tiếng mài dao nhưng Cha vẫn bình tĩnh đứng yên không có một phản ứng nào. Một phút sau, người đó buông tay ra và nói:

- Cha đi xuống bếp múc cho con một gáo nước. Con bị lên cơn sốt mấy hôm rồi...

Cha liền hiểu ra cử chỉ vừa rồi của người bệnh là vì khát quá nên đã ôm choàng lấy Cha và liếm những hạt nước còn đọng trên áo đi mưa của ngài.

Sau khi cho người bệnh uống hết một gáo nước, Cha thấy anh ta tỉnh táo trở lại và bắt đầu cho anh xưng tội, chịu Mình Thánh Chúa. Cha an ủi, hỏi thăm bệnh tình và trao cho anh mấy viên thuốc sốt rét và thuốc cảm cúm mà Cha thường mang theo khi đi thăm bệnh nhân.

Hôm sau là ngày lễ Giáng Sinh, cả giáo xứ hân hoan tổ chức lê thật long trọng. Đặc biệt năm nay anh em có làm một hang đá thật vĩ đại với cảnh trí của thành Bê Lem, những lâu đài, nhà cửa, núi non, suối nước chảy, tuyết đọng trên những tàn cây. Ngôi sao lạ chiếu xuống tượng Chúa Giêsu Hài Đồng đặt trong máng cỏ bên cạnh tượng Đức Mẹ, Ông Thánh Giuse còn có các mục đồng và chiên, lừa v.v... Ban đêm, khi thắp đèn lên thấy ánh sáng từ cửa sổ các lâu đài giống như nơi đó đang có người ở vậy. Trước khi cử hành Thánh Lễ nửa đêm, ca đoàn đã trình bày những bài hát về lễ Giáng Sinh và các em nhỏ trong giáo xứ đã diễn lại sự tích ngày Thiên Chúa Ngôi Hai ra đời. Có hai em bé được hóa trang làm thiên thần xuất hiện trong màn "bảo mục đồng" hát câu: "Vinh danh Thiên Chúa trên trời; bằng an dưới thế cho người thiện tâm" để báo tin cho các mục đồng đang chăn chiên, bò lừa ngoài đồng vắng được biết tin Con Thiên Chúa ra đời. Tiếp đến là các mục đồng nghèo khó, rách rưới, trong đêm Đông lạnh giá, nhìn thấy sao lạ và nghe tiếng hát thiên thần... đã vội vàng bảo nhau hãy nhanh chân đến hang đá để thờ lạy Chúa Hài Đồng. Hoạt cảnh rất linh động làm cho mọi người không phân biệt

lương giáo đang có mặt trong nhà thờ đều sốt sắng hướng lòng về Thiên Chúa trên trời mà cầu nguyện. Cha Xứ nói tiếng Việt rất giỏi, đã thuyết giảng về ý nghĩa ngày lễ Giáng Sinh. Bài giảng của ngài không chỉ dành riêng cho người Công Giáo mà còn hướng về quan khách và đồng bào bên lương ở trong xã đã đến dự lễ với giáo dân. Cha đã nêu cao tình đoàn kết lương giáo, ngài thường giúp đỡ dân trong vùng những lúc thiên tai bão lụt, cho họ thực phẩm, quần áo, thuốc men. Cha thường khuyến khích giáo dân tham gia mọi sinh hoạt trong xã thôn cùng với mọi người, không phân biệt tôn giáo, nhất là trong các công tác văn hóa, xã hội, từ thiện. Người bên lương cũng cho con cháu đi học trường Công Giáo nên họ rất có cảm tình với Cha và các giáo viên, đặc biệt là các nữ tu.

Sau Thánh Lễ nửa đêm, Cha Xứ trở về nhà riêng để tiếp ban đại diện Hội Đồng Giáo Xứ, ca đoàn và anh chị em giáo hữu đến chúc mừng. Sau đó mọi người trở về nhà cùng gia đình ăn tiệc Réveillon. Qua ngày 25 tháng 12, sau khi cử hành Thánh Lễ tại giáo xứ, cha đi dâng Thánh Lễ riêng cho anh chị em giáo hữu ở Xóm Giàng. Vì là ngày lễ trọng nên tất cả mọi người đều nghỉ làm việc để họp nhau tại nhà nguyện tham dự Thánh Lễ. Ca đoàn của giáo xứ đã đến tăng cường hát lễ và một số người trong vùng cũng đã đến chung vui với Xóm Giàng. Trên đường về, Cha Xứ đã ghé lại thăm và cho ông Bính chịu Mình Thánh Chúa. Ngài cũng không quên mang thuốc men, thức ăn cho ông và cũng đã nhắc nhở mọi người cầu nguyện cho ông.

Một buổi chiều mùa Đông, Cha nhận được thư nhà từ Bruxelles - Bỉ quốc gởi đến kể chuyện người dân xứ Congo thuộc Bỉ ở Phi Châu đã nổi dậy đánh đuổi người da trắng... Trong thư có câu "Les nègres ont vidé de nos blancs" (người "mọi" da đen đã đuổi người da trắng chúng ta ra khỏi nước họ). Ngài đứng lặng người nhìn về chân trời xa xăm, tưởng nhớ đến cha mẹ anh em và thân thuộc bạn bè đã mấy chục năm rồi chưa gặp mặt; nhớ đến quê hương ở bên kia nửa địa cầu với núi cao, tuyết phủ, với đàn bò sữa trên những đồng cỏ, với rừng hoa tulipe trải dài hai bên đường xa lộ như những tấm thảm đủ màu... Cuộc đời của nhà truyền giáo theo tiếng gọi của Tin Mừng đi giảng dạy cho muôn dân, muôn nước,

biết giáo lý của Đức Kitô: "Chúng con hãy thương yêu nhau như Cha Trên Trời đã yêu thương chúng con". Cha đã chọn Việt Nam là quê hương, đã yêu thương những người Việt Nam tin Chúa hay chưa biết Chúa và đã phục vụ họ cho đến cuối đời của ngài với niềm mơ ước được chết và chôn trên đất nước Việt Nam, cạnh những con chiên của ngài, thế nhưng sau ngày 30-4-1975, khi Cộng Sản chiếm được miền Nam, chúng đã trục xuất các Linh Mục ngoại quốc và Cố Phương đã phải từ giã giáo xứ, từ giã Xóm Giàng, từ giã con chiên với những kỷ niệm của cuộc đời truyền giáo trên bốn mươi năm để ra đi, trở về quê hương nơi ngài sinh trưởng để lại biết bao thương nhớ cho giáo dân Việt Nam đã từng được ngài dạy dỗ, săn sóc, giúp đỡ cả tinh thần lẫn vật chất!

Giáng Sinh 2001

Nguyễn Lý Tưởng

MÙA XUÂN CHO EM

Cao Triệu người thôn Dương, có tiếng hay cờ mà lại kén địch thủ. Cao Triệu thường chơi cờ một mình. Một hôm vào mùa trăng tròn tháng tám, Cao Triệu bày bàn cờ ngồi đợi, bỗng nghe tiếng chó sủa rồi có một người đàn ông vào trạc ngũ tuần, trán cao, râu dài, mày rậm, bận một bộ đồ lụa trắng, đi giày đen từ ngoài cổng bước vào:

- Đại nhân cho đệ hầu một ván.

Cao Triệu bỗng ngẩng mặt lên nhìn người khách một thoáng rồi vui vẻ:

- Tôi đợi ngài đã lâu. Hôm nay thật là hân hạnh.

Nói xong, kéo ghế mời khách ngồi và sai người nhà mang trà bánh lên tiếp đãi. Hai người vừa chơi cờ vừa bàn luận kim cổ xem như chẳng chú ý gì đến nước cờ cao thấp ra sao. Cao Triệu nói với khách:

- Thế nước như thế cờ. Vận nước suy thì lòng dân cũng ly tán. Đại nhân vào Nam ra Bắc, cuộc vận động nay đã đi đến đâu rồi?

Ông khách nhìn lên bầu trời trăng sáng, không một gợn mây, như đang hướng lòng về chốn xa xăm, rồi chậm rãi nói:

- Tôi đi khắp nơi tìm người, tính chuyện "bách niên chi kế". Hiện nay tình hình thế giới thay đổi, hy vọng sẽ tạo được biến cố thuận lợi cho đại cuộc. Tôi tính mời đại nhân cùng đi với tôi một chuyến...

- Tôi từ nhỏ vẫn quanh quẩn nơi đồng ruộng, ít đi đâu xa. Lâu nay trong vùng gặp cảnh mất mùa đói kém, dân hoạn nạn thường đến nhờ cậy giúp đỡ, sợ di xa không người trông coi việc nhà, tuy nhiên chí cũng muốn theo đại nhân đi đây đó một phen để gặp gỡ anh em. Xin hẹn đại nhân mùa Thu

năm sau, tôi sẽ thu xếp... Hiện nay, anh em khắp nơi đều cần phương tiện để hoạt động. Công việc của tôi là lo cung cấp lương thực và tài chánh cho tổ chức... Tất cả anh em đều thông suốt đường lối, chỉ đợi ngày khởi sự...

Hai người đang say sưa câu chuyện thì một cô gái chừng mười ba, mười bốn tuổi mang một mâm rượu thịt ra. Khách nhìn cô gái hỏi Cao Triệu:

- Cháu gái... ?

- Không, đây chỉ là một đứa trẻ hoạn nạn... Gia đình chúng tôi nhận làm con nuôi.

- Cháu gái xinh quá! Sau này...

Khách nói rất nhỏ, chỉ để cho Cao Triệu nghe rồi khách bỗng quay lại hỏi cô gái:

- Cháu tên gì?

- Dạ thưa cháu tên Mẫn.

Khách bỗng gật gù:

- Mẫn là siêng năng. Tên có ý nghĩa lắm.

Từ trong nhà, có tiếng người đàn bà nói vọng ra:

- Thôi, khuya rồi. Con đi nghỉ đi.

Mẫn dạ một tiếng rồi cáo lui.

Vợ Cao Triệu đưa Mẫn vào một buồng kín có sẵn cái giường gỗ với chiếc chiếu cũ kỹ. Bà nói với Mẫn:

- Con ngủ ở đây. Nhớ gài cửa cẩn thận. Hôm nay con đi đường mệt nhọc. Sáng mai bà sẽ chỉ công việc cho con...

Bà chủ đi rồi, Mẫn bàng hoàng như vừa trải qua một giấc mơ hãi hùng. Trong phòng không có đèn dầu, Mẫn mở cửa sổ cho ánh trăng chiếu vào. Đây là một cái buồng kín chứa đồ đạc: nào lu, hũ, nồi đồng, mâm thau, chén bát... đủ mọi thứ. Mẫn rủ chiếu, quét giường cho sạch bụi rồi mới nằm nghỉ.

*

* *

Mẫn thấy trong người nôn nao, không thể ngủ được... Mới sáng hôm nay, Mẫn cùng mẹ dậy thật sớm, không có gì ăn lót lòng, hai mẹ con bụng đói ra đi. Mẹ nói với Mẫn:

- Cảnh nhà chúng ta quá túng quẫn, chẳng còn gì để ăn cho qua cơn đói. Tìm cái ăn cho một người lúc này còn khó, huống chi là hai mẹ con. Chỉ có một con đường: mẹ sẽ dẫn con đến nhà Cao Triệu xin làm con nuôi... Xin vong hồn cha con

phù hộ cho mẹ con chúng ta.

Nói đến đó, mẹ không cầm được nước mắt. Mẫn cũng khóc theo.

Gà vừa gáy sáng, mẹ con Mẫn đã lên đường. Mẫn theo mẹ đi qua hết một cánh đồng thì mặt trời đã lên cao. Mẫn thường nghe người ta nói: "Nắng tháng Tám, nám trái bưởi". Mẫn cảm thấy vừa mệt vừa đói, mồ hôi nhễ nhoại. Trên cánh đồng khô cháy, không một ngọn cỏ. Thiếu nước, lúa không mọc được. Một cơn gió thổi đến, bụi mờ tung bay, cuộn tròn, lăn như bánh xe. Đó là "ma trút", ai chạy nhanh lấy nón úp được thì sẽ thấy một bã trầu và một cục máu. Mẫn thường nghe dân quê nói với nhau như vậy nhưng thật sự chưa có ai đuổi kịp "cơn trút" đó để bắt cho được "ma trút" và bã trầu có cục máu... Giữa cánh đồng có ba cây cổ thụ cao lớn mọc gần nhau, tàn lá xòe ra như cái lọng. Mẹ con Mẫn đến dưới gốc cây ngồi nghỉ.

Mấy năm liền thời tiết trái mùa, thiên tai bão lụt, lúa chưa kịp chín thì trời mưa tầm tã suốt ngày đêm. Nước nguồn đổ xuống đục ngàu, tràn lênh láng khắp cánh đồng. Lụt ngâm đến cả tuần làm thối lúa hết. Có người chèo thuyền ra gặt nhưng lúa hãy còn sữa, chưa thành thóc nên không thể có gạo để ăn. Trong nhà dành dụm được chút ít để sống, đợi mùa mới, cũng phải đem ra ăn hết. Cái lúc giáp hạt thật là nguy khốn, gạo cũ đã hết rồi mà lúa mới chưa có...

Nhà nhà thiếu ăn, bệnh phù thủng, vàng da, rồi cơn đói ập đến, người ta kéo nhau đi đào bới, tìm kiếm bất cứ thức gì có thể ăn được. Rau cỏ, củ mài, khoai, sắn, giong, riềng... cũng không còn.

Cha của Mẫn lăn lộn ngày đêm ngoài cánh đồng, dãi nắng dầm sương cũng không đủ nuôi gia đình, cuối cùng sinh bệnh, người phù lên vì thiếu ăn rồi chết. Không có hòm để chôn, đành phải cuốn xác vào một mảnh chiếu nhờ hai người bà con gánh ra ngoài đồng. Trời mưa, nước lênh láng, tìm mãi không có chỗ để chôn, người ta phải chèo ghe đến một mô đất cao giữa đồng rồi chôn xác cha Mẫn ở đó. Xong việc, mẹ của Mẫn chạy xuôi chạy ngược cũng không kiếm ra chỗ làm để có bát cơm sống qua ngày.

Bao nhiêu nhà giàu trong vùng đều đóng cửa, ai lo thân

nấy, không còn nhận người làm công hằng ngày nữa. Những việc như chăn trâu, giữ em, cày bừa, gieo vãi... chỉ dành cho con cháu trong nhà, ít ai chịu đi thuê người ngoài. Nhà có thóc gạo thì cửa đóng then cài đề phòng kẻ cướp. Người dân hiền lành cam chịu chết đói chứ không dám làm điều xằng bậy. Gia đình Mẫn cũng lâm vào cảnh đói như những nhà nghèo khác. Bà con họ hàng chẳng còn ai để nhờ cậy, vì thế mẹ của Mẫn quyết định đem con đến nhà Cao Triệu.

*

* *

Quá trưa, mẹ con Mẫn mới đi qua hết cánh đồng để đến thôn Dương. Mẫn đi chân không chạy theo mẹ qua một sân gạch nóng, bỏng cả da. Mấy con chó nhà Cao Triệu thấy người lạ, vừa sủa vừa đuổi cắn... Lúc đó, Cao Triệu đang ngồi một mình ở trước thềm, nghe tiếng chó sủa, nhìn ra thấy một người đàn bà đầu chít khăn tang, tay dắt một đứa bé xanh xao, gầy gò, áo quần tơi tả đi vào. Cao Triệu vừa mắng chó thì mẹ con Mẫn đã đến gần, cúi đầu sụp lạy:

- Chồng tôi vừa mới chết vì đói. Mẹ con chúng tôi quá túng quẫn, không còn gì để ăn cho qua ngày. Nghe tiếng ông bà là người nhân đức, xin ông bà làm phước cho con tôi được nương nhờ... Tôi xin ông bà nhận con tôi làm con nuôi... Tôi có chết cũng an lòng... Trăm lạy ông bà...

Vợ Cao Triệu nghe tiếng chó sủa, thấy có người lạ vào nhà... cũng chạy ra xem... Cao Triệu hỏi:

- Mẹ con bà ở đâu đến?

- Chúng tôi người họ Phan..., ở làng Phan Xá..., cũng không xa làng này bao nhiêu...

- Người họ Phan. Vậy có bà con gì với Chân Phước Trung... ?

- Dạ có, Chân Phước Trung là tổ tiên của cháu...

- Con cháu bậc anh hùng đấy... Chơn Phước Trung "tử đạo" đời vua Tự Đức?

- Dạ, chúng tôi không rõ lắm...

- Cháu mấy tuổi rồi?

- Dạ, cháu hơn mười ba tuổi nhưng vì nhà nghèo nên trông ốm yếu thế đấy!

Vợ Cao Triệu đứng gần đó, ghé tai nói nhỏ với chồng:

- Trông con nhỏ xinh đẹp, dễ thương đấy. "No nên bụt, đói ra ma", mình nuôi nó sau này nó sẽ khá hơn.

Cao Triệu hiểu ý, hướng về mẹ con Mẫn:

- Cho họ ăn uống kẻo đi đường xa chắc đói lắm.

Mẫn nghe câu nói đó bỗng sáng mắt ra, biết rằng mình đã được cứu sống.

Bà chủ liền dẫn mẹ con Mẫn xuống nhà dưới, chỉ nồi cơm nguội ở trên bếp rồi nói:

- Lẽ ra hôm nay ăn cháo trước rồi bữa sau mới được ăn cơm. Cơm với dưa cải, ăn đi. Nhớ ăn vừa thôi, đừng ăn nhiều lắm, đợi tối ăn thêm. Bụng đói lâu ngày mà ăn nhiều thì không tốt đâu.

Nói xong, bà lấy cho mỗi người một phần cơm, chỉ vừa bụng thôi, rồi dặn mẹ con Mẫn:

- Ăn hết, phải nghỉ ngơi, uống thêm nước vào.

Mẹ của Mẫn ăn xong, xin phép về ngay kẻo không kịp. Trời đã về chiều rồi, từ đây về đến nhà thì trăng đã lên... Đàn bà một mình đi ban đêm bất tiện. Mẫn ôm lấy mẹ:

- Có dịp, mẹ sẽ đến thăm.

Mẹ con Mẫn ngậm ngùi chia tay. Mẫn trở vào nhà, thấy việc chi làm được thì làm. Mặc dù nhỏ tuổi nhưng con nhà nghèo vốn siêng năng. Mẫn cố gắng làm sao cho vừa lòng chủ để có chỗ mà nương tựa.

Mẫn nhắm mắt lại, nhớ đến cha mẹ, bà con họ hàng, bạn bè cùng lứa tuổi, ngôi nhà tranh nhỏ bé nơi Mẫn sinh ra, lớn lên. Con đường làng, cánh đồng lúa, mảnh vườn xinh xắn với những khóm tre xanh bao bọc chung quanh... Mùa Xuân đến, Mẫn thường đuổi theo những con bướm vàng bay lượn trong vườn hay đi hái những bông hoa dại đem cắm vào trong cái lọ nhỏ đem trưng bày trên bàn thờ... Câu chuyện diễn tiến từ sáng sớm cho đến bây giờ... lại hiện ra trong ký ức. Lần đầu tiên Mẫn xa nhà và cũng là lần đâu tiên Mẫn đi đến một làng khác, ngủ lại tại một nơi khác không phải là nhà của mình. Lần đầu tiên, Mẫn bước vào một nhà giàu, sân gạch rộng rãi, nhà ngói ba gian, hai chái đồ sộ. Bàn ghế, tủ giường toàn bằng gỗ quý, bàn thờ chạm trỗ, khảm xà cừ... Nhà trên, nhà giữa, nhà dưới, sân trước, vườn sau, hồ cá, thóc lúa đầy lẫm, trâu bò, gà vịt từng đàn, giếng nước xây bằng gạch, cửa ngõ

kiên cố... Mẫn lại được nhận làm con nuôi trong gia đình này, không còn sợ đói, rét...

*

* *

Suy nghĩ miên man, Mẫn đã ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Bỗng Mẫn nghe tiếng gà gáy rộn ràng, lúc đầu là tiếng gà đập cánh rồi con gà trống đầu đàn cất cao giọng nghe thánh thót, âm vang... Hàng trăm con gà khác gáy cùng một lúc lan xa tới khắp miền, tiếng gà mẹ gọi con... Tuồng như có người ra mở cửa chuồng cho gà ra sân... Theo thói quen, Mẫn vùng dậy, mở cửa chạy ra ngoài, sợ người ta thức dậy rồi mà mình còn ngủ mê sẽ bị chủ nhà chê cười...

Thấy Cao Triệu và ông khách vẫn còn ngôi chơi cờ ở bên thềm, Mẫn vội đi đun nước sôi mang lên. Trên bàn đã có sẵn mọi thứ rượu, trà, mứt, bánh... Có người đã chuẩn bị trước rồi. Cao Triệu bỗng đứng dậy, chuẩn bị tiễn khách.

Con chim ở trong lồng treo bên thềm bỗng cất tiếng hót trong trẻo. Lần đầu tiên Mẫn được nghe tiếng chim lạ. Cô nhìn lên, thấy con chim nhỏ bé, có bộ lông màu xám, trên đôi mắt có một viền trắng bao quanh. Người ta gọi đó là chim họa mi, loài chim quý hiếm mà một người bạn thân của Cao Triệu đã đem từ vùng núi Hà Tĩnh, Quảng Bình vào tặng cho ông nhân dịp Ngũ Tuần Khánh Thọ. Mẫn say sưa nghe tiếng chim hót mà quên để ý rạng đông đã bắt đầu. Khách cũng đứng dậy thi lễ:

- Xin từ giã đại nhân. Hẹn năm sau chúng ta sẽ gặp lai.

Cao Triệu cầm tay khách, nói:

- Để tôi đưa bác đi một đoạn đường.

Rồi Cao Triệu gọi Mẫn:

- Con mang các thứ này đi theo ta.

Mẫn thấy trên bàn còn trà, rượu và thuốc lá..., cô liền thu dọn tất cả vào khay và mang theo hai người.

Cao Triệu và ông khách đi ra tới bến đò. Nơi đó đã có sẵn một chiếc thuyền con thường ngày Cao Triệu dùng để đi câu cá trên sông. Cao Triệu mời khách xuống thuyền rồi bảo Mẫn cùng xuống luôn. Mái chèo bắt đầu khua nước, con thuyền chòng chành làm cho Mẫn lo sợ nhưng thấy Cao Triệu và ông khách vẫn bình tĩnh, ngồi vững như cột đình nên Mẫn cũng

yên tâm. Cao Triệu vừa chèo vừa nói chuyện với khách, tuồng như câu chuyện từ hôm qua chưa kết thúc... Mẫn không để ý gì đến hai người, cô cứ thả hồn theo cảnh sắc trên sông.

Trời vừa rạng sáng, ánh bình minh biến đổi mặt nước thành từng đợt sóng màu vàng lấp lánh. Gió nhẹ trên sông vào buổi sớm mùa Thu hơi lành lạnh, bếp lửa nhà ai bên sông đang bập bùng. Dân quê đã bắt đầu thức dậy, chuẩn bị công việc đồng áng. Những mái tranh nghèo nàn khuất bên trong lũy tre. Cao Triệu cao hứng ngâm lên mấy câu thơ:

Thanh thanh phương thảo mãn châu hà,
Vũ đả ba tiêu, từ cố gia.
Xuân phố yên quan tương tống biệt,
Giang đầu đối diện khởi phong ba.

Ông khách liền ngâm tiếp theo:

Xanh xanh cỏ mướt bờ sông,
Mưa trên ngọn chuối, một lòng ra đi.
Bến Xuân sương khói, phân kỳ,
Đầu sông nổi sóng, ngại khi xa nhà.

Cao Triệu lại ngâm:

Cỏ xanh mơn mởn ngập đôi bờ,
Lộp độp mưa rơi, lìa cố gia.
Sương khói giăng mờ, sầu biệt xứ,
Đầu sông nhìn lại, trận phong ba.

Khách cất tiếng cười:

- Hay! Hay lắm nhưng bài thơ này nói về cảnh mùa Xuân mà chúng ta lại đang vào mùa Thu.

- Đúng thế, bài thơ này nói cảnh mùa Xuân nhưng phong cảnh vào sáng hôm nay tuy là mùa Thu nhưng trông giống mùa Xuân, nên tôi ngâm bài thơ này... Cũng là bài thơ tiễn bạn mà thôi. Nội dung vẫn là một cuộc đưa tiễn.

Chẳng bao lâu, thuyền đã đến bến, cạnh đường quốc lộ và đường hỏa xa nhưng khách không đi xe mà cũng không đi tàu. Hai người đợi ở bến sông một lúc thì có tiếng vó ngựa chạy đến, người liên lạc trao ngựa cho khách... Hai người chung một ngựa, băng qua đồi sim rồi theo hướng núi mà đi. Đợi cho khách đi xa rồi, Cao Triệu mới lên đường trở về.

*

* *

Mẫn đến nhà này từ hôm qua nhưng bây giờ cô mới thấy được toàn bộ sinh hoạt trong nhà. Buổi sáng rất đông người: hai anh chăn trâu, cắt cỏ, một chị lo bếp núc, dọn dẹp trong nhà, nuôi heo, gà, vịt, ngỗng, chó..., cứ đến bữa thì cho súc vật ăn. Hai anh lớn lo đi cày ruộng, gặt lúa, tát nước, làm công việc nặng nhọc... Đó là những người ở luôn trong nhà năm này đến năm khác. Họ ngủ ở nhà dưới và tuồng như không được phép lên nhà trên, nơi vợ chồng Cao Triệu ở. Mẫn mới đến lại được ngủ ở nhà trên nên không thấy mặt những người này.

Cao Triệu tiếp bà con hoặc khách bạn đến thăm ở ngôi nhà lớn, tức ngôi nhà chính, như trường hợp ông khách quý hôm qua. Ngoài ra mỗi ngày còn có cả chục người đến làm việc, sáng đi, tối về. Họ được chủ cho hai bữa, cấp thuốc lá cho hút, có nước chè xanh mang theo ra đồng để uống và có cả cau trầu, ai thích thì lấy bỏ vào miệng nhai cho vui. Cuối ngày họ được trả công bằng mấy bát gạo. Đây là sinh hoạt truyền thống đã có từ mấy đời nay.

Mẫn vừa về đến nhà thì bà chủ cũng vừa thức dậy. Bà gọi Mẫn vào dăn dò:

- Người làm đều ở nhà dưới, chỉ riêng con được ở nhà trên. Con phải luôn tắm rửa sạch sẽ, áo quần tươm tất. Bà sẽ cho con quần áo mới và những thứ cần dùng. Mỗi ngày con lo đun nước pha trà, mùa lạnh thì mang nước ấm cho ông bà rửa mặt. Đến bữa, con bưng mâm cơm từ nhà dưới lên cho ông bà ăn. Con phải lo lau chùi tủ bàn, chén bát, tủ thờ, cửa kính cho sạch bụi, quét nhà từ trong ra tới ngoài thềm, chung quanh nhà lớn, quét lá rụng bên ngoài, cho chim ăn và rửa lồng chim cho sạch... và nhất là chăm sóc cho em bé trai mới bốn tuổi.

Mẫn cúi dầu vâng dạ... Bà lại nói tiếp:

- Với bé trai này, con phải đặc biệt cẩn thận, vì đó là con út và là con cưng của ông bà. Mỗi ngày ba lần sáng, trưa, tối cho em ăn, dẫn em đi chơi, giặt áo quần, giày, dép cho em... Bà sẽ đích thân dạy cho con cách nấu các món ăn cho em với nồi riêng loại đặc biệt bằng đồng và rất nhỏ... Bà sẽ dạy cho con cách làm các món ăn đặc biệt để khi có khách, con sẽ phụ giúp bà. Ông bà đã nhận con làm "con nuôi" nên có bổn phận lo cho con như con, không xem con như đầy tớ, đứa ở. Mai

sau con khôn lớn, thành người, ông bà sẽ kiếm chồng cho con. Con sẽ là một người nội trợ giỏi, một người vợ, người mẹ tốt. Những điều đó sẽ ích lợi cho cuộc đời của con sau này. Con sẽ có hạnh phúc nhờ những đức tính và tài năng của con. Bà nêu gương cho con bắt chước. Bà không đánh đập la mắng con nặng lời khi con có điều gì sai trái nhưng bà sẽ chỉ cho con biết điều đúng, điều sai, điều hay, điều dở để con noi theo, điều lành, điều tốt và xa lánh điều dở, điều xấu. Con phải biết ơn và trung thành. Được ông bà yêu thương, con đừng kiêu căng, lên mặt với người lớn, người làm việc trong nhà. Con phải vâng lời người trên và ít nói, đừng nhiều chuyện với họ. Con sẽ được học chữ, học kinh như các trẻ em trong làng. Hiện nay con còn ốm yếu, bà cho con làm việc nhẹ. Ai đến nhà này một thời gian cũng sẽ béo tốt, xinh đẹp. Một thời gian sau, con cũng sẽ được như thế.

Lời bà nói nhẹ nhàng, từ tốn, đi đứng khoan thai, dáng dấp quý phái, gương mặt xinh đẹp nhưng nghiêm nghị... Mẫn đứng vòng tay nghe bà nói, cảm động, nước mắt chảy xuống hai hàng. Rồi Mẫn quỳ xuống ôm chân bà mà khóc. Mẫn nói với bà:

- Con lạy cám ơn bà, cám ơn mẹ.

Bà đi mở tủ trao cho Mẫn một bộ áo quần còn tốt, vừa với vóc dáng của cô. Bà nói:

- Con đi tắm và thay áo quần sạch. Đến Tết bà sẽ may áo quần mới cho con. Đừng quên những điều bà nói với con vừa rồi. Sau này, khi có dịp, bà sẽ nhắc lại. Dần dần rồi con sẽ hiểu thêm.

Mẫn dạ cám ơn rồi đi múc nước tắm. Sau đó, bà đưa Mẫn đến phòng của bà để giới thiệu em bé. Bé Minh nằm ngủ một mình trên giường, tay ôm gối và đắp một tấm chăn len màu trắng. Nghe tiếng người nói, bé thức dậy. Bà ẵm bé lên và nói:

- Minh thức dậy đi, trời sáng rồi. Hôm nay có chị Mẫn lo cho Minh ăn, tắm rửa cho Minh và dẫn Minh đi chơi...

Bà nói xong, Mẫn liền đến bên Minh. Lúc đầu Minh còn bỡ ngỡ, lạ lùng nhưng dần dần rồi cũng quen và khắng khít với Mẫn. Mẫn đem Minh ra sân, ra vườn chơi. Khi trời tạnh ráo, ấm áp, Mẫn lại dẫn Minh ra tới ngoài đường, đến sân trường học, nhà thờ hay đến nhà bà ngoại, nhà bác bên cạnh

chơi. Nhà có hàng trăm con gà, hai chuồng bồ câu hàng mấy trăm con, lúc nào cũng có bồ câu con mới ra ràng. Tuần nào bà cũng cho Minh ăn bồ câu hầm, gà hầm với đậu xanh. Thường ngày Minh ăn cơm với cá bống kho hoặc cá hanh, cá chép hấp. Trong vườn có chuối, mít, thơm, mãng cầu, đu đủ, ổi... đủ thứ. Trái chín luôn có sẵn để cho ông bà và khách dùng. Minh thích chơi đùa và ăn rất ít. Bà dặn Mẫn làm sao giỗ Minh ăn cho được nhiều. Minh ăn không hết thì Mẫn được ăn phần còn lại, chừng một tháng sau trông Mẫn mập lên, da mặt trắng trẻo hồng hào, càng ngày cành xinh đẹp. Một hôm, mẹ của Mẫn đến thăm, trông thấy Mẫn, bà không nhận ra đó là con của mình. Bà nói:

- Con bây giờ như là tiểu thư nhà họ Cao rồi. Đâu còn là con nhà họ Phan nghèo đói như ngày xưa nữa.

Rồi bà ghé sát bên tai Mẫn:

- Người ta nói năm đó trời lụt, cha con chết không có chỗ chôn, bà con phải chèo ghe chở xác ông đến một chỗ đất cao. Nhờ ngôi mộ kết phát nên bây giờ con mới được sung sướng như vậy đó.

Mẫn còn nhỏ, không hiểu gì chuyện mồ mả nhưng vẫn tin rằng vong hồn của cha phù hộ nên cô mới được may mắn như thế này.

*

* *

Qua mấy tháng mùa Đông, Mẫn không cho Minh đi ra khỏi nhà, cứ quanh quẩn trong phòng khách, hết xuống nhà dưới lại lên nhà trên. Cách kiến trúc nhà kiểu Việt Nam thời xưa thấp, kín, tối tăm, chật hẹp nhưng nhà Cao Triệu nền cao với sáu cánh cửa ở mặt tiền, mở ra, khép vào, có khung gỗ lồng kính như kiểu nhà Tây trông rất sáng sủa, đẹp mắt. Đó là lối nhà cải cách do sáng kiến của Cao Triệu, khắp vùng này chưa ai có kiểu nhà như thế. Nhà rộng rãi, tha hồ cho bé Minh và Mẫn vui đùa. Hai chị em thường bày trò trốn tìm, không xó xỉnh nào trong nhà mà Minh không chui vào đó để núp. Có lần Minh vào trong lu gạo, đậy nắp lại làm cho Mẫn tìm khắp nơi không có, chỉ sợ Minh rơi xuống giếng... Mẫn phải báo với bà chủ. Cả nhà đi tìm không ra, định cho người xuống giếng thì Minh bỗng xuất hiện... Từ đó, Mẫn không dám rời Minh

nửa bước.

Ngày tháng trôi qua, Xuân về Tết đến. Một hôm, Mẫn thấy mọi người trong nhà chuẩn bị sắm sửa lau chùi đồ đồng, lư hương, chân đèn, may màn mới, cửa sơn lại màu xanh, tường quét vôi trắng... Bà chủ cho lấy lúa nếp ra xay, giã thành bột để làm bánh ít, bánh chà lam, ngâm nếp làm bánh chưng, bánh tét. Mẫn thấy người ta xẻ trái bí đao, cắt gừng thành từng lát để làm mứt... Nào đường, nào mật, nào bột thơm, nào quế... đem ra trộn... Họ còn giết heo mổ thịt để làm chả, làm nem. Năm nào trong nhà cũng nuôi mấy con gà trống thiến để ngày giỗ, ngày Tết làm thịt... Người làm công chỉ mong ngày Tết để được ăn cỗ, ăn bánh... Thấy nhà Cao Triệu đầy đủ sung túc, Mẫn liền nhớ đến cảnh nhà cha mẹ ngày xưa đói rách đến nỗi không có miếng cơm ăn nên tự nhiên nhớ nhà, đứng lặng người hồi lâu, không cầm được nước mắt...

Bà chủ còn thuê một chiếc thuyền nhỏ đi chợ tỉnh mua sắm hàng Tết, chuyến đi mang theo gà, vịt, ngỗng, heo, các sản vật nhà quê để bán, chuyến về mua vải vóc, đường mật, chén bát, trà, rượu, giấy màu, dầu đốt đèn..., vừa làm quà biếu bà con, bạn bè, vừa dành cho con cháu trong nhà ăn Tết. Chỉ trừ những thứ gì trong nhà làm ra được như dầu mỡ, nước mắm, nếp, đậu, bánh trái, thịt, cá... là không mang về. Một hôm, bà gọi ông thợ may gần nhà đến để đo kích thước may quần áo cho những người ăn ở trong nhà.

Bà đưa cho thợ mấy xấp vải đủ màu và gọi Mẫn vào:

- Con thích màu gì?

Mẫn chỉ hai xấp vải đen, vải trắng. Bà ngạc nhiên:

- Sao con không chọn màu xanh, màu hồng mà lại chọn hai màu này ?

- Thưa bà, con không dám. Bà cho con ăn mặc đầy đủ rồi, con chỉ xin màu đen, màu trắng để mặc khi đi lễ mà thôi...

Bà suy nghĩ một hồi rồi gật đầu:

- Thôi được, tùy ý con. Bà thấy con mặc thứ gì trông cũng dễ thương cả.

Rồi bà nói với bác thợ may:

- Cố gắng may cho cháu thật vừa, thật đẹp nghe. Con nhà này ăn mặc phải khác con người ta.

Thợ may nghe bà nói như thế và trông mặt mày xinh đẹp,

duyên dáng của Mẫn cứ tưởng Mẫn là con cháu nhà họ Cao thật. Ông không dám nghĩ rằng Mẫn chỉ là đứa ở, là con nuôi. Sau khi bác thợ may ra về, bà nói riêng với Mẫn:

- Bà trông con chóng lớn quá, chẳng mấy chốc mà nay đã thành cô gái xinh đẹp rồi. Trời cho có nhan sắc thì phải biết giữ gìn. Sau này số may lấy được chồng sang thì đừng để cho người ta khinh mình. Con gái phải giữ trinh tiết là vì lý do đó.

Rồi bà dặn Mẫn phải giữ gìn ý tứ, ăn mặc kín đáo, tránh xa đàn ông, con trai, đêm đi ngủ phải khóa cửa buồng cẩn thận đừng tạo cơ hội cho kẻ khác dòm ngó, ước muốn điều bất chính.

*

* *

Nhà họ Cao trước đây có một người đậu Cử Nhân, không ra làm quan và ở nhà làm ruộng, chăn nuôi trồng trọt, nghiên cứu Đông y, chữa bệnh cho đồng bào. Cụ cử Cao cũng có thâu nhận một số học trò đến học chữ Nho, sau này cũng có người thành đạt, ra làm việc cho nhà nước. Vì có dính líu đến chuyện quốc sự, tham gia tổ chức bí mật hoạt động chống Pháp, sai học trò phổ biến các tài liệu cách mạng nên cụ đã rủi ro bị bắt..., may nhờ có một vị quan lớn trong triều đứng ra bảo đảm cho cụ với Công Sứ Pháp ở tỉnh nên cụ chỉ bị giam giữ một thời gian rồi cho về nhà, cấm không được đi ra khỏi xã. Trong vụ này nhà họ Cao cũng mất hết nửa gia tài để lo lót quan trên. Từ đó cụ cử Cao chỉ quanh quẩn trong làng xóm, dạy học, lo việc tôn giáo và trông coi ruộng vườn. Sau mấy chục năm chăm lo làm ăn, tình hình kinh tế trong gia đình càng ngày càng tiến bộ, cụ đã trở nên một người giàu có và nổi tiếng về công tác từ thiện, bác ái. Mỗi năm đến ngày Tết, con cháu, học trò, khách bạn tụ họp tại nhà cụ rất đông.

Ngày ba mươi Tết, người học trò lớn tuổi ở gần nhà được anh em bầu làm trưởng tràng, thường mang theo một danh sách môn sinh và những lễ vật của anh em gần xa đến Tết cụ. Trong số học trò thành đạt có viên Tri Huyện ở xa đã cho một tên lính lệ mang đến tặng cụ một bức hoành phi với bốn chữ đại tự: "Cao Đường Minh Cảnh" (nhà họ Cao là một tấm gương sáng). Các môn sinh cũng giúp trang trí nhà cửa, chưng bày hoa quả trên bàn thờ, mang các chậu hoa mai, hoa thược

dược, thủy tiên v.v... để trước thềm nhà và phòng khách, kết một tràng pháo dài để đốt vào giờ giao thừa. Chuẩn bị xong mọi thứ, đến chiều tối họ mới ra về.

Con cháu và người làm trong nhà được ăn Tết từ chiều ba mươi. Sáng Mồng Một, cụ cử ăn mặc chỉnh tề để tiếp đón bà con, họ hàng đến chúc Tết, sau đó có một bữa cỗ thịnh soạn để đãi con cháu nội ngoại và bà con xa gần. Trẻ con thì được lì xì mỗi đứa mấy hào...

Chiều mồng một, học trò đến chúc Tết cụ và ở lại cho đến Mồng Hai, vui chơi, tiệc tùng, bài bạc suốt đêm... Năm nào cụ cũng dành riêng một con heo thật tốt để đãi học trò. Tất cả môn sinh của cụ, mỗi người một việc như mổ thịt, nhặt rau, làm các món ăn... Họ cùng với người nhà làm việc một cách vui vẻ. Sáng Mồng Ba, sau khi học trò và quan khách ra về, cụ liền khăn áo chỉnh tề đi thăm bà con trong làng. Cụ đến nhà họ hàng gần trước, sau đó mới đi thăm bạn bè, chức sắc trong làng.

Những người làm việc quanh năm trong nhà được về cúng ông bà đêm ba mươi, sáng Mồng Một trở lại. Bất cứ ai đến thăm cũng được mời đủ rượu, thịt, bánh chưng, bánh tét; cứ vài ba người ngồi chung một mân. Tục nhà quê gọi là "đi ăn Tết". Người nghèo hay tá điền chỉ mong đến ngày Tết để được cụ cử đãi một bữa thật no như thế. Khách sang thì mời lên nhà trên có sẵn trà, rượu, mứt, bánh. Từ ngày cụ cử qua đời, Cao Triệu vẫn giữ tục đó đối với bà con, làng xóm, bạn bè.

Lần đầu tiên, Mẫn được hưởng một cái Tết sung túc, vui vẻ và có đông người đến như thế. Mẫn nghĩ đến cha mẹ, cho dù ngày Tết cũng chỉ cơm rau như ngày thường mà thôi, quanh năm chạy kiếm cho đủ ngày hai bữa cũng đã vất vả khó nhọc rồi, đó là chưa kể những năm đói, phải ăn cháo thay cơm. Chiều ba mươi Tết, sau khi đi thăm mộ của chồng, mẹ Mẫn đã đến nhà Cao Triệu ở lại giúp việc trong ba ngày Tết rồi mới từ giã ra về.

*

* *

Sau mấy ngày Tết, trời nắng đẹp, mọi người ra về hết, cảnh nhà vắng vẻ, Mẫn dẫn Minh ra vườn chơi. Ánh nắng mùa Xuân dịu dàng, ấm áp đã về lại trên mảnh vườn xinh

xắn cũ, từng đàn bướm nhởn nhơ trên hoa cải vàng, khoai muộn trong vườn đã mãn mùa, nhường chỗ cho hoa mới mùa Xuân ra đời. Cách nhà Cao Triệu một hào tre là nhà ông bác, anh cùng cha khác mẹ với Cao Triệu. Nguyên cụ cử có đời vợ trước, sinh được một người con trai thì bà qua đời. Ông Cả lớn lên, được ra ở riêng, còn Cao Triệu là con bà kế thì ở chung với cụ.

Con út thì trút gia tài. Sau khi ông bà qua đời, tất cả cơ nghiệp đều để lại cho Cao Triệu. Hai anh em tính tình khác nhau, người anh thì lo làm giàu, ngày đêm gom góp tiền bạc, lúa gạo, súc vật cho thật nhiều nhưng ít giao thiệp bạn bè. Cao Triệu thì bỏ của ra để mua lấy lòng người, thường tiếp đón khách từ xa đến chơi hoặc thân hào, nhân sĩ và thanh niên trong làng ăn uống, hội họp.

Mới đây, Cao Triệu có tiếp một ông quan lãnh binh về hưu, đã từng chỉ huy lính khố xanh một tỉnh. Từ khi ông Quản về làng, một số thanh niên đã đến xin thụ giáo với ông, nhân đó Cao Triệu đề nghị ông mở trường dạy võ tại nhà Cao Triệu vì nơi đây có sân gạch rộng rãi. Cao Triệu sẵn sàng bỏ tiền ra để trả thù lao cho thầy và giới thiệu thêm hai người bạn đến phụ tá ông Quản. Mỗi lần thanh niên đến tập võ thì Mẫn dẫn Minh đi chơi, có khi qua thăm nhà ông bác.

Bên đó vào năm đói cũng nhận nuôi hai cô bé gái: Hồng, con lai, tóc quăn màu vàng và Hoa, tóc đen, có đôi mắt bồ câu rất đẹp. Cả hai đều ở trong viện mồ côi được đưa về đây. Hồng và Hoa đều lớn hơn Mẫn một vài tuổi. Chúng chỉ là đứa ở nên phải làm lụng vất vả như đi gánh nước, giã gạo, nấu ăn, giữ em, nuôi heo, cuốc đất, làm vườn... Mặc dù đã mười lăm, mười sáu tuổi, mặt mày xinh đẹp, da trắng nhưng chúng không có quần áo tươm tất như Mẫn và ăn uống thì không được đầy đủ nên không thể so sánh so sánh với nhan sắc của Mẫn được.

Mỗi lần Mẫn đem Minh qua nhà bác chơi, bọn chúng thường tìm cách lân la trò chuyện. Mẫn đã được bà chủ dặn trước nên mỗi lần chúng hỏi đến chuyện bên nhà Cao Triệu, Mẫn đều trả lời không biết hoặc giữ im lặng chỉ ừ à cho qua chuyện. Chúng thừa biết Mẫn chỉ là đứa ở như chúng mà thôi nhưng trông bề ngoài Mẫn chẳng khác nào con ruột của vợ

chồng Cao Triệu, tự nhiên chúng đâm ra ganh tức với Mẫn.

Trong số thanh niên đến học võ tại nhà Cao Triệu có Kính thường tìm dịp hỏi thăm Mẫn nhưng Mẫn biết ý nên tránh không dám nói chuyện với anh. Năm đó Kính chừng mười bảy, mười tám tuổi, khôi ngô, thông minh, học võ rất tiến bộ nên Cao Triệu rất thương, thỉnh thoảng khi có việc cần, vẫn gọi anh đến giúp việc trong nhà. Mẫn cũng thường thấy Kính có mặt tại nhà Cao Triệu ban đêm và làm làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ an ninh cho những cuộc hội họp đông người trong đó có ông Quản, sư phụ của Kính.

Một hôm, Cao Triệu đi xa về, nói với những người trong làng:

- Mỹ ném bom nguyên tử xuống hai quần đảo của Nhật và Thiên Hoàng Hiro Hito đã tuyên bố đầu hàng. Chúng ta chuẩn bị đón "Anh Cả" trở về.

Lúc bưng nước lên mời khách uống, Mẫn thấy Cao Triệu đang cho mọi người xem bức chân dung của "Anh Cả"..., đó là một người trán cao, râu dài, mày rậm với đôi mắt rất sáng. Mọi người đều trầm trồ khen ngợi gương mặt quắc thước, thông minh, xứng đáng là bậc lãnh tụ... Tuồng như mình đã gặp người này ở đâu rồi... Phải rồi, người trong bức tranh chính là ông khách năm trước đã ngồi chơi cờ với Cao Triệu...

Mùa Thu năm đó, Cao Triệu ngồi đợi ở bến đò năm xưa, mãi đến khi trăng lên mà khách vẫn chưa tới. Gần sáng, người liên lạc mới đến báo tin:

- Việt Minh cướp chính quyền tại Hà Nội ngày 19 tháng 8 năm 1945, sau đó là một cuộc tranh chấp giữa phe Quốc Gia và phe Cộng Sản đã diễn ra rất quyết liệt, một mất một còn. "Anh Cả" đã bị đã mất tích rồi !

Tin "Anh Cả" mất tích làm cho Cao Triệu bàng hoàng, lo lắng. Đại cuộc đã đến hồi thành công thì lãnh tụ mất tích. Bao nhiêu năm tranh đấu, đánh đuổi ngoại xâm, nay ngoại xâm đã bị lật đổ thì nội bộ lại xâu xé nhau!

*

* *

Cao Triệu bỏ nhà ra đi mấy tháng liền, thỉnh thoảng ban đêm mới trở về. Bà chủ lo lắng đi ra đi vào rồi đốt nến, quỳ trước bàn thờ cầu nguyện rất lâu. Bé Minh đã gần sáu tuổi rồi,

mỗi ngày Mẫn dẫn em đi học lớp mẫu giáo và ngồi đợi đến khi tan trường mới đưa em về. Mấy tháng sau, Minh đã đọc được chữ in và tập viết chữ cái. Những ngày mưa gió, đường bùn lầy, Mẫn phải mang tơi, đội nón, cõng Minh đi học.

Một đêm mùa Đông, trời mưa gió, rét lạnh, Cao Triệu bỗng từ xa trở về. Ông bị cảm lạnh phải nằm ở nhà điều trị. Bà chủ gọi Mẫn đến và dặn:

- Ông đang bị kẻ thù tìm cách hãm hại. Bấy lâu ông trốn tránh nay vì đau nặng phải trở về nhà. Con dọn một chỗ trong buồng kín, nơi con ngủ, để cho ông ở đó. Phải tuyệt đối giữ bí mật, đừng cho ai biết.

Tối hôm đó, Mẫn qua ngủ chung phòng với Minh.

*

* *

Cao Triệu bị cảm sốt, thương hàn. Mỗi ngày Mẫn nấu cháo và đích thân bà chủ săn sóc cho ông. Từ khi Cao Triệu đi xa, nhà trên đóng cửa kín suốt mùa Đông, khách bạn không còn ai lui tới. Trong nhà chỉ có bà chủ, Minh và Mẫn được lên xuống mà thôi. Thỉnh thoảng Mẫn đang ngủ bỗng giật mình thức dậy vì những cơn ho sặc sụa kéo dài như người đang lên cơn suyễn từ chỗ Cao Triệu phát ra. Thế rồi một đêm, Mẫn cảm thấy lòng dạ bồn chồn, như có chuyện gì sắp xảy ra. Mẫn cứ ngồi trong bóng tối, im lặng không ngủ được. Tuồng như có kẻ nào đó đang rình rập ở bên ngoài...

Tiếng chó sủa từ xa vọng lại, rồi chó trong xóm lại thi nhau sủa lớn, có những tiếng tru ghê rợn. Tiếng chó mỗi lúc một gần và mấy con chó trong nhà Cao Triệu bỗng sủa vang lên như đang rượt đuổi kẻ trộm... Một nỗi kinh sợ ập đến, Mẫn run lên bần bật. Nàng vùng dậy chạy đến phòng bà chủ, tự động mở cửa bước vào:

- Bà ơi!

Bà chủ đã ngồi sẵn ở trên giường từ lâu, trong bóng tối... Bà nói rất khẽ:

- Kẻ thù đang đến đó ...

Nghe bước chân người chạy ở ngoài vườn. Một vài người..., rồi vài chục người... Tiếng đập cửa đùng đùng:

- Mở cửa mau. Chúng tôi là Ủy Ban Hành Chánh... Có lệnh khám nhà. Mở cửa mau...

Bà chủ mặt mày tái mét, chân tay run lẩy bẩy. Bà không còn đứng vững được nữa. Bà ngã xuống đất, ngất xỉu... Mẫn đến xốc bà dậy và gọi người làm từ nhà dưới lên... Mọi người lấy dầu xoa cho bà, đốt đèn, đốt lò than cho ấm...

Bọn người bên ngoài vẫn đập cửa, lay gọi như muốn phá nhà để vào... Mẫn nói vọng ra:

- Có việc gì xin đợi sáng đã. Bây giờ đang giữa khuya. Bà chủ nhà đang đau nặng...

- Lệnh của chính quyền: mở cửa mau lên.

Mẫn nhìn qua cửa kính thấy hàng trăm người, gươm giáo, súng ống đang bao vây ngôi nhà... Vườn trước, vườn sau đều có người... Mẫn chạy vào buồng, Cao Triệu đã biến mất, không còn ở đó nữa. Ông trốn đi đâu rồi !

Một lát sau, ông lại xuất hiện và chạy đến bên bà. Lúc bấy giờ bà đã tỉnh lại rồi. Ông cầm lấy tay bà:

- Tình thế này tôi phải nộp mình cho kẻ thù. Phen này chắc không hy vọng gì sống sót để trở về. Bà hãy can đảm gánh vác giang sơn nhà họ Cao. Hãy lo cho bé Minh nên người.

Rồi ông quay qua Mẫn:

- Dù thế nào đi nữa con cũng phải ở lại với bà, với bé Minh. Đợi trời sáng, con sẽ mở cửa cho họ vào.

Mẫn chấp tay "dạ" một tiếng rồi bỗng òa lên khóc:

- Trời ơi! Ông ơi! Bà ơi! Minh ơi!...

Những người ở ngoài tiếp tục quát tháo và đập cửa. Tiếng gà bỗng gáy lên rộn rã và trời đã hừng đông. Cao Triệu đứng giữa nhà:

- Mẫn, mở cửa đi.

Bọn người bên ngoài ùa vào, chụp hai tay Cao Triệu bẻ quặt ra sau lưng, trói lại. Cao Triệu bình tĩnh nói:

- Tôi chẳng có tội gì mà các ông bắt tôi. Tôi đang đau nặng. Tôi chỉ có một mình làm sao chống cự được với hàng trăm người... Các ông muốn đưa tôi đi đâu, tôi sẽ đến đó. Các ông khỏe mạnh, đi nhanh, tôi đau yếu không chạy theo kịp. Xin cho người nhà của tôi dùng võng cáng tôi đi theo các ông...

Thấy Cao Triệu xanh xao, gầy ốm như sắp chết nên tên chỉ huy, sau khi đã hội ý với đồng bọn, liền gật đầu...

... .

Ngay sau khi Việt Minh vừa dẫn Cao Triệu ra khỏi nhà thì

Kính là người đầu tiên chạy đến thăm và an ủi bà. Lợi dụng trong lúc vắng người, đứng trước mặt Mẫn, Kính nói với bà:

- Cháu sẽ trả thù cho ông.

Bà nhìn chung quanh không có ai, bèn nói:

- Ở đây tai vách, mạch rừng, cháu phải cẩn thận. Bọn phản bội đã theo dõi ông, đêm nào chúng cũng rình sau vườn, nghe tiếng ho, chúng biết là có ông ở nhà nên đi báo cho Việt Minh đến bắt ông.

Cao Triệu bị bắt đi được mấy hôm thì quân Pháp đổ bộ và kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Tiếng súng mỗi lúc một gần, những tràng đạn đại bác từ chiến hạm của Pháp đậu ngoài cửa biển bắn vào các cơ quan, vị trí chiến lược quan trọng của Việt Minh. Quân kháng chiến đã ra khỏi thành phố, chạy vào rừng và ra lệnh phá hoại các dinh thự, đền chùa, miếu vũ, thực hiện kế hoạch vườn không nhà trống, tiêu thổ kháng chiến. Mượn danh nghĩa chống Pháp và tiêu diệt Việt gian, chúng đã bắt cóc, thủ tiêu, ám sát những người "quốc gia" không theo Cộng Sản. Một số người trí thức, thân hào nhân sĩ trong vùng cũng bị bắt cùng một lần với Cao Triệu. Nạn khủng bố lan tràn từ thành thị đến thôn quê. Ban đêm, đàn ông, trai tráng không dám ngủ ở nhà, phải trốn tránh đi nơi khác.

Nghe tin có Hội Đồng Chấp Chánh Lâm Thời được thành lập tại Huế, Hà Nội, Sài Gòn và riêng tại tỉnh nhà, một nhà cách mạng trẻ tuổi đã từng có thành tích chống Việt Minh đã được đưa lên làm Tỉnh Trưởng. Kính nghe tin một lực lượng quân đội Quốc Gia đã được thành lập tại tỉnh lỵ để giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ đồng bào. Chính quyền mới kêu gọi các cựu quân nhân đã phục vụ trong quân đội trước 1945 đến trình diện nhập ngũ, Kính nóng lòng lên tỉnh để tìm cách gia nhập quân đội, đi đánh Việt Minh để trả thù cho Cao Triệu.

Từ khi ông bị bắt, bệnh tình của bà trở nên trầm trọng, thường bị những cơn đau tim hành hạ, nhịp mạch rối loạn, lạnh tay lạnh chân và ngất xỉu. Bà con họ hàng bàn với nhau phải đưa bà lên tỉnh tìm vị Bác Sĩ danh tiếng hiện đang làm việc tại bệnh viện quân đội Pháp nhờ giúp đỡ. Kính nghe tin bà và Mẫn đã thuê thuyền đi đến quốc lộ số 1, từ đó sẽ xin quá giang xe của quân đội Pháp về thành phố. Vì đường sông cũng như đường bộ từ quê lên tỉnh có nhiều nơi do bọn du

kích Việt Minh kiểm soát, không thể đi được nên chỉ có đường quốc lộ là tương đối an ninh nhất. Quân Pháp thường đi hành quân trên quốc lộ để bảo vệ cho các đoàn xe tiếp tế cũng như chuyển quân của họ.

Kính chạy ra bờ sông vừa lúc thuyền sắp nhổ neo, thấy bà và Mẫn đã có mặt trên thuyền, Kính xin đi theo lên tỉnh. Đây là chiếc thuyền mà gần hai năm trước Mẫn đã được đi theo Cao Triệu tiễn khách. Một người bà con cầm lái, Kính chèo phụ để đưa bà và Mẫn lên thành phố. Khi thuyền đến bờ sông gần quốc lộ, mọi người lên bờ đợi xe. Người bà con trở về.

Lần đầu tiên Kính được đi chung với Mẫn, chàng rất sung sướng. Dọc đường, hai người nói chuyện với nhau, kể cho nhau nghe về gia cảnh và những nỗi vui buồn dưới mái nhà của Cao Triệu mà cả hai đã được nương nhờ. Năm đó, Kính đã trên mười tám và Mẫn bước vào tuổi mười sáu. Mối tình ngây thơ trong trắng cũng đang chớm nở giữa hai người. Mẫn theo bà vào bệnh viện, Kính đi tìm người quen nhờ giới thiệu gia nhập lính "Việt Binh Đoàn". Sau khi khám Bác Sĩ, bà và Mẫn về ở nhà bà con tại đường Phan Đình Phùng, thỉnh thoảng Kính đến đây thăm bà và thăm Mẫn.

Tết năm đó, nhà Cao Triệu vắng vẻ, ông bị bắt đi biệt tích không biết sống chết nơi nào; bà đau nặng đi bệnh viện, không ai còn lòng dạ nào mà ăn Tết. Minh ở nhà, mỗi ngày có người đưa đi học tại trường các Sơ trong giáo xứ. Việc ruộng vườn trao lại cho người quản gia với sự giám sát của ông bác, anh của Cao Triệu ở cạnh nhà.

Lên tỉnh được mấy tháng, nhớ Minh, bà liền cho Mẫn về dẫn Minh lên thăm. Mẫn đi lẫn vào đoàn người trên quốc lộ, cố ý không cho người ta thấy mặt để tránh sự chọc ghẹo của lính Pháp hoặc bọn đàn ông hiếu sắc. Đến bến đò hôm nọ, nàng tách riêng ra, đi dọc theo bờ sông về nhà. Từ ngày lên tỉnh, nàng thường tìm những người quen ở quê đi chợ để nhắn tin về cho gia đình Cao Triệu. Thỉnh thoảng, người nhà cũng lên tỉnh tiếp tế tiền bạc, thức ăn và các thứ cần dùng mục đích để biết bệnh tình của bà thuyên giảm như thế nào. Bà có viết mấy chữ báo tin cho người nhà biết Mẫn về để cho thuyền đón.

Mẫn vừa về đến nhà vội lên nhà trên mở các cửa phòng

ra cho thoáng vì từ khi bà chủ đi bệnh viện, ít ai vô ra ngôi nhà lớn này, cửa ngõ thường đóng kín. Mẫn đi từ chỗ này qua chỗ khác, kiểm soát lại đồ đạc, vật dụng thấy vẫn như trước, không có gì thay đổi. Nàng bước ra vườn, bây giờ là cuối mùa Xuân, bông hoa nở rộ, rau cỏ tốt tươi. Chim chóc kéo về làm tổ, ríu rít trên cành nhắc nhở chuyện yêu đương. Mùa lúa tháng ba sắp chín. Mỗi năm vào mùa gặt, đàn chim tu hú từ đâu kéo về gọi nhau nghe rộn rã. Buổi trưa im vắng, tiếng cu gáy cất lên nghe tha thiết làm cho lòng Mẫn cảm thấy buồn nhớ vô cùng.

Mẫn vội đến trường đón Minh về. Nàng ẵm Minh vào lòng:

- Minh ơi! Mẫn nhớ Minh lắm, Mẫn thương Minh lắm. Mẹ cho Mẫn về đón Minh đi thăm mẹ đây. Ít hôm nữa, chị em mình sẽ đi thăm mẹ...

Minh vừa mừng vừa tủi, ôm lấy Mẫn. Hai chị em cùng khóc, nước mắt chảy xuống ướt đẫm má của cả hai người.

Sau khi Cao Triệu, ông Quản và một số nhân sĩ trí thức trong làng bị Việt Minh bắt đi mất tích, một đơn vị lính "Việt Binh Đoàn" được chính quyền Quốc Gia phái đến đóng đồn ở thôn Dương để bảo vệ an ninh cho dân quanh vùng. Việt Minh kéo đến đánh đồn mấy lần nhưng đều thất bại, bỏ lại nhiều xác chết sau khi rút chạy.

Nghe tin Cao Triệu bị bắt, mẹ Mẫn liền tìm đến hỏi thăm thì bà chủ và Mẫn đã lên thành phố rồi nên không gặp được, đành trở về. Ngay khi vừa về đến nhà, Mẫn liền nhắn tin cho mẹ... Hôm sau mẹ Mẫn đến thăm và ở lại với Mẫn một đêm... Từ nhà Cao Triệu trở về, ngang qua cánh đồng bà ngồi nghỉ dưới gốc ba cây cổ thụ hôm nọ... Bỗng thấp thoáng từ xa có hai người đàn ông vác cuốc đi tới. Bà nghĩ rằng đó là những nông dân quen biết trong làng đi xem ruộng ngang qua đây, chắc chắn họ là những người lương thiện nên bà cũng yên tâm. Khi đến gần, bà nhận ra họ là người quen trong vùng. Bà liền cất tiếng chào... Bất thình lình cả hai người cùng xông tới nắm chặt hai cánh tay của bà:

- Con mẹ kia, mấy hôm nay mi đi đâu? Liên lạc với địch phải không ?

- Tôi đi thăm con gái đang ở giúp việc cho người ta trên

thôn Dương...

- Bọn Việt gian, hãy treo cổ nó lên...

Nói xong, hai người đàn ông liền trói tay bà lại, thòng dây vào cổ, treo lên cành cây... rồi bỏ đi. Hôm sau, có người đi ngang qua thấy, chạy về báo tin, bà con trong làng đem xác bà về chôn.

Cũng ngày hôm đó, Mẫn và Minh xuống thuyền lên tỉnh... Nàng bỗng thấy trong lòng nóng như thiêu như đốt, không biết có chuyện gì xảy ra. Từ bờ sông, Mẫn nghe tiếng chuông báo giờ kinh, nàng bỗng hướng lòng về ngôi thánh đường xứ đạo, cầu nguyện xin cho hai chị em đi đường được bằng an, cho bà chủ được lành bệnh, cho mẹ về đến nơi khỏi mọi tai nạn... Ngồi trên thuyền, nàng vẫn im lặng đọc kinh, không nói chuyện với Minh như mọi khi. Tối hôm đó, Minh vui mừng được gặp mẹ thì Mẫn nằm trằn trọc thao thức cho đến sáng.

Mấy hôm sau, có người quen trốn lên tỉnh cho Kính biết mẹ của Mẫn đã bị bọn dân quân tự vệ Việt Minh giết rồi... Sau khi đã hỏi lại cặn kẻ mọi chi tiết, Kính liền đến gặp riêng Mẫn... Quá đau khổ, Mẫn gục đầu vào ngực Kính khóc nức nở:

- Kính ơi, bây giờ, Mẫn không còn cha còn mẹ, anh em cũng không...

Kính tìm lời an ủi và hứa hẹn sẽ trung hành với Mẫn, sẽ yêu thương Mẫn suốt đời. Mẫn liền đưa Kính đến gặp bà chủ, kể lại cho bà nghe về cái chết quá dã man của mẹ Mẫn. Mọi người cùng nhau đọc kinh, cầu nguyện cho vong hồn người quá cố...

*

* *

Năm sau, nghe tin Cao Triệu đã chết trong tù ở chiến khu vùng núi Quảng Bình, Hà Tĩnh, bà chủ liền trở về nhà tổ chức tang lễ, cho con cháu họ hàng phục khăn áo, sau đó bà đem Minh và Mẫn lên tỉnh ở, trao hết ruộng vườn cho người quản gia. Năm 1949, Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam, Cựu Hoàng Bảo Đại về nước lập chính phủ, tổ chức quân đội Quốc Gia. Kính được tuyển vào Ngụ Lâm Quân, đi theo Đức Quốc Trưởng lên Đà Lạt...

Một buổi sáng mùa Xuân, Mẫn đứng trước thềm nhà nhìn

ra cây đào mận đã mấy chục tuổi, cao lớn, nở hoa trắng xóa cả một góc vườn. Chim chúc miều kéo đến ăn trái chín, xả hột xuống đầy gốc. Màu nắng thật tươi ngập tràn trên sân gạch, có tiếng bước chân ai từ ngoài ngõ đi vào... Một chàng thanh niên, quân phục gọn gàng, đến gõ cửa. Mẫn đứng ở trong hỏi vọng ra:

- Thưa, ông muốn gặp ai ?
- Có phải nhà cô Mẫn ở đây không?
- Vâng, ông cần gì?
- Tôi muốn trao một bức thư tận tay cô Mẫn.
- Chính tôi đây.

Chàng thanh niên trao thư và quà rồi đưa tay chào theo kiểu nhà binh. Chàng thanh niên đi rồi, Mẫn vào nhà trình thư cho bà chủ:

"Kính thăm bà,

Con là Kính, người mang ơn ông bà từ thuở thiếu thời, con luôn nhớ đến ông bà không bao giờ quên. Hiện nay, con là lính "Ngự Lâm Quân" tại Đà Lạt. Con rất muốn về thăm bà nhưng chưa được phép của thượng cấp.

Con xin có chút lễ mọn để mừng tuổi bà năm mới. Xin ơn trên ban cho bà được sức khỏe dồi dào, mọi sự may mắn tốt đẹp... Con cũng xin gởi lời thăm hai em Minh và Mẫn, chúc hai em được sức khỏe, học hành tiến bộ, thành công.

Sau đây, con xin trình bày nguyện vọng của con... xin bà thương giúp đỡ..."

Kèm theo thư là hình của Kính mặc lễ phục màu trắng, mang giãi biểu chương Ngự Lâm Quân... Trông kính cao lớn, khôi ngô, trắng trẻo như Tây. Bà đọc thư xong, liền gọi Mẫn:

- Anh Kính gởi thư về, xin phép mẹ cưới con làm vợ. Đợi vài tháng nữa anh ấy sẽ xin được phép..., mẹ sẽ lo đám cưới cho con.

Mẫn cầm thư của Kính trong tay, rưng rưng nước mắt. Cha mẹ nàng đã chết, anh em không có, trên đời này chỉ còn mẹ nuôi và em Minh là hai người thân yêu nhất mà nàng không thể sống xa họ được. Công ơn ông bà thật to lớn bằng trời, bằng bể. Nàng vẫn thương ông bà như cha mẹ ruột. Mặc dù chưa đọc thư Kính nhưng nàng đã đoán biết hết những gì chàng nói trong thư rồi. Kính là người yêu, là chồng tương

lai của nàng. Mẹ nuôi đã xem Kính là con rể từ lâu rồi... Lấy chồng thì phải theo chồng... Mẹ đã già và hay đau ốm, em Minh còn nhỏ, chưa đến mười tuổi... Nàng thật bối rối, không biết sẽ trả lời Kính sao đây.

- Con đã đọc thư xong chưa? Con gái lớn thì phải có chồng, có con. Làm người ai cũng như thế cả chỉ trừ các bậc tu hành. Con đừng lo đi lấy chồng xa mẹ. Con ở đâu thì mẹ ở đó. Anh Kính không còn cha mẹ, anh em..., cũng như con vậy. Mình sẽ bán nhà, lên Đà Lạt ở với Kính. Thay đổi khí hậu, biết đâu sức khỏe mẹ sẽ khá hơn... Em Minh sẽ có chỗ học hành tốt hơn. Gia đình chúng ta sẽ hạnh phúc hơn...

Mẫn đánh rơi bức thư và quà xuống nền nhà, chạy đến ôm chầm lấy mẹ nuôi khóc nức nở...

Nguyễn Lý Tưởng

NGÀY TRỞ VỀ

** Tác giả xin tưởng nhớ vong hồn các anh Nguyễn Văn Chương, Dương Minh Khai và những người đã hy sinh tại chiến khu Ba Lòng, Quảng Trị năm 1955...*

Minh cầm "giấy phóng thích" bước ra khỏi nhà giam của Trung Tâm Cải Huấn Quảng Trị, sau khi nhìn lại một lần cuối cùng căn phòng mà anh và các bạn đã bị giam cầm hơn một năm qua. Tất cả đồ đạc, chiếu mền, anh đều để lại cho anh em, chỉ mang theo một bộ quần áo trên người và một cây đàn ghi-ta anh tự tay làm trong thời gian ở tù để giải trí cho qua ngày tháng...

Từ cửa Hữu thành Quảng Trị, Minh đi qua một cái cầu nhỏ bắc ngang mặt hồ. Hồ này bao bọc bên ngoài bốn bức tường thành kiên cố xây bằng gạch, chu vi chừng hai cây số, trước mỗi cổng thành đều có cống nhỏ dẫn đến một con đường rải đá. Theo sách Đại Nam Nhất Thống Chí tập 1, thành có chu vi 481 trượng 6 thước, cao hơn 1 trượng, dày 3 trượng, hào rộng 4 trượng 6 thước, sâu 8 thước. Thời Gia Long (1802-1819), thành thuộc phường Tiền Kiên, huyện Đăng Xương (phủ Triệu Phong), đến năm Minh Mạng thứ tư (1823), được dời về làng Thạch Hãn, phủ Hải Lăng. Lúc đầu, thành đắp bằng đất, đến năm 1827, Minh Mạng thứ 8 mới được xây bằng gạch như hiện nay. Lao xá hay Trại Cải Huấn nằm bên trong Cửa Hữu, thành Quảng Trị. Minh theo hướng Tây đi thẳng đến bờ sông Thạch Hãn, rẽ về phía tay phải, ngang qua cổng chùa Phật học (chùa Tỉnh Hội) và cứ đi tiếp cho đến cầu chợ Sãi... Bên kia cầu là làng Cổ Thành, quận lỵ Triệu Phong. Nếu cứ thế đi mãi, đi hoài sẽ đến Cửa Việt trên quãng đường dài 15 cây số ngàn. Minh ước tính, nếu đi bộ, vừa đi vừa nghỉ cũng mất nửa ngày

trời nhưng đi xe đạp thì chỉ trong vòng hai giờ mà thôi.

Một chiếc xe đò từ hướng thị xã Quảng Trị chạy ngang qua, tung bụi bay lên mịt mù. Minh cũng muốn đón xe đi đỡ một đoạn đường cho chóng nhưng anh mãi suy nghĩ miên man nên không kịp đưa tay ra hiệu cho xe ngừng lại thì xe đã chạy xa rồi.

Minh tiếp tục đi. Cây đàn trên vai tuy không lấy gì làm nặng nề cho lắm nhưng càng đi anh càng thấy vướng và đã trở thành một vật kềnh càng, xộc xệch làm cho anh cảm thấy khó chịu ở phía sau lưng. Lịch sử cây đàn này cũng ly kỳ lắm. Nguyên trong thời gian ở tù, anh học nhạc, học đàn với mấy người bạn tù có trình độ và năng khiếu về âm nhạc. Anh ước mơ có được một cây đàn nhưng không có tiền để mua. Thỉnh thoảng anh cũng được ra làm việc ở ngoài như đi thu dọn vệ sinh cống rãnh hay sửa sang nhà cửa các công sở, cơ quan nhà nước ở khu vực gần chợ tỉnh.

Sau ngày ký kết Hiệp Định Genève (20/7/1954), lính Pháp rút về nước đồng thời cải táng, đưa tất cả hài cốt của quân viễn chinh về quê quán theo yêu cầu của gia đình họ. Tại Quảng Trị có hai nghĩa địa của Tây, một ở trong khuôn viên nhà thờ Công Giáo Thạch Hãn và một ở gần sân vận động, sau này là bến xe. Minh thường rủ bạn bè đi xem đám tang của lính Tây. Một đoàn xe chở quan tài đến để trước sân, hai hàng lính bồng súng chào, đội nghi lễ đưa quan tài vào nhà thờ. Sau khi Linh Mục cầu nguyện xong, sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, tùy theo cấp bậc đứng hai bên quan tài. Người chết mang cấp bậc gì thì quan tài được các người bạn cùng cấp bậc khiêng. Ban quân nhạc kèn đồng cử bài truy điệu trước khi hạ huyệt. Tiếng kèn được trổi lên trong khung cảnh vô cùng tuyệt vọng, nghe rất áo não, lạnh lùng khiến cho những người tham dự không cầm được nước mắt. Bọn Minh thường gọi đó là điệu kèn "tọ, ti, tè... " hay "tội chưa tề"... Từ xa nghe tiếng kèn ai cũng biết là có đám ma. Những người lính viễn chinh chết trận, họ chỉ là lính đánh thuê, hy sinh tánh mạng nơi xứ người, chết không được gặp mặt vợ con, gia đình, họ hàng, thân thuộc, bạn bè; chết một cách vô nghĩa.

Một hôm, Minh được đến thu dọn khu nghĩa địa lính Tây, thấy những miếng ván hòm còn tốt, anh rửa sạch, mang về...

Sẵn dụng cụ học nghề ở trong tù, anh mượn để đóng một cây đàn ghi-ta, sơn véc-ni bóng loáng và mua một bộ dây tốt, hàng ngoại để tra vào... Anh em trong tù đều khen anh khéo tay, cây đàn anh làm không thua gì mua ở tiệm ngoài chợ. Đàn làm xong, anh chưa kịp đánh thử vài bản nhạc thì được lệnh phóng thích..., vì thế anh mang nó về nhà luôn.

Nhớ lại những gì đã xảy ra vào mùa Xuân năm trước, cách nay hơn một năm, Minh vẫn còn cảm thấy bàng hoàng. Hôm đó là ngày 19 tháng 2 năm 1955, nhằm ngày 27 tháng Giêng năm Ất Mùi, vừa mãn khoá tại Trung Tâm Huấn Luyện Quân Chính An Đôn thì đơn vị anh được lệnh xuất phát lên tiếp thu chiến khu Ba Lòng của Việt Minh để lại. Biến cố này là một ngã rẽ làm thay đổi cuộc đời anh và nhiều người khác.

Ba Lòng cách thị xã Quảng Trị khoảng trên 40 cây số, hướng Tây Nam, phía thượng nguồn của sông Thạch Hãn, bên kia dãy Trường Sơn là nước Lào. Từ cầu xe lửa đi lên 6 cây số, dọc theo bờ Bắc của sông Thạch Hãn là An Đôn, nơi đó có một Trung Tâm Huấn Luyện với quân số cấp Tiểu Đoàn, đó là tiền trạm của Ba Lòng. Đoạn đường này có thể di chuyển bằng xe hơi. Muốn đi đến Ba Lòng còn phải qua thung lũng Cùa, diện tích chừng 50 cây số vuông, đất đỏ ba-dan rất tốt. Vùng đất đỏ này chạy dài đến Khe Sanh và Cồn Tiên cho tới lãnh thổ các huyện Gio Linh, Vĩnh Linh phía Bắc vĩ tuyến 17 thuộc tỉnh Quảng Trị. Năm 1885, Tôn Thất Thuyết xây dựng chiến khu ở đây gọi là Tân Sở để chống Pháp. Sau khi kinh thành thất thủ (đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm1885), Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi đến Cùa nhưng cuối cùng phải bỏ đi nơi khác... Đa số dân ở đây là người thiểu số miền núi Trường Sơn, quen gọi là người "Mọi" hay "Cà Lơ"... Trước 1945, một số người Việt đã đến lập đồn điền trồng tiêu, chè, cà phê và cây ăn trái. Ba Lòng là nơi hợp lưu của ba dòng nước từ trên núi đổ xuống, có thể kiểm soát được toàn vùng từ hai đỉnh núi cao. Thời gian kháng chiến chống Pháp từ 1946 đến 1954, Ba Lòng là chiến khu bất khả xâm phạm của Việt Minh. Từ Ba Lòng có thể liên lạc đường núi vào Thừa Thiên (vùng Nam Đông) và Quảng Nam; cũng có thể liên lạc qua Lào, ra Bắc. Vào thời điểm 1955, xe hơi chỉ chạy đến An Đôn. Từ An Đôn đến Cùa, bộ đội Việt Minh thường di chuyển trên con

đường mòn nhỏ hẹp, đầy lau lách, cây lá che khuất, máy bay do thám của Pháp khó phát hiện. Có thể dùng thuyền bè dọc theo sông đến Trấm, sau đó phải dùng sào chống hoặc dây do người hai bên bờ phụ lực kéo, vì lòng sông đầy sỏi đá, nước chảy ngược rất khó đi. Việc vận chuyển súng đạn, lương thực, vật liệu xây dựng v.v... phải dùng thuyền ngược dòng sông Thạch Hãn mới đến Ba Lòng được. Bộ Chỉ huy "Mặt Trận Bộ" Bình Trị Thiên và Trung Lào của Việt Minh do Đại Tá Hà Văn Lâu làm Tư Lệnh, đóng cơ quan ở bờ phía Bắc và Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Quảng Trị đóng ở bờ Nam sông Ba Lòng (Đá Nổi) tức thượng nguồn của sông Thạch Hãn. Nơi đây Việt Minh đã thiết lập trại giam để đày ải những người Quốc Gia bị chúng bắt. Các cơ quan của Việt Minh trước 1954 chỉ có nhà sàn làm bằng gỗ hoặc bằng tre nứa lợp tranh hay lá mây..., không có nhà cửa kiên cố.

Năm 1954, sau Hiệp Định Genève, ông Trần Điền, Tỉnh Trưởng Quảng Trị đã đưa ra "kế hoạch tái thiết nền hành chánh quốc gia tại Ba Lòng". Kế hoạch này đã được ông Nguyễn Đôn Duyến, Đại Biểu Chính Phủ tại Trung Nguyên Trung Phần và Đại Tá Nguyễn Quang Hoành, Tư Lệnh Đệ II Quân Khu tại Huế trình lên Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và đã được chấp thuận. Trấn đóng Ba Lòng là chấp nhận hy sinh xương máu ở tuyến đầu một khi Cộng Sản tìm đường xâm nhập từ Bắc vào Nam. Ba Lòng là chiến khu của Việt Minh nên có thể họ đã để lại những kho vũ khí chôn giấu trong vùng và một số cán bộ còn trà trộn trong dân thiểu số để thực hiện kế hoạch phá hoại chính quyền miền Nam. Sau khi hòa bình trở lại, không có một đơn vị nào trong quân đội quốc gia Việt Nam muốn dấn thân vào chốn rừng núi, điều kiện sinh hoạt thiếu thốn, đa số chỉ muốn đóng quân ở thành phố hay vùng đồng bằng vì thế khi Tiểu Đoàn của Đại Úy Nguyễn Ngọc Cứ được chỉ định lên Ba Lòng tiếp thu chiến khu của Việt Minh để lại và thiết lập một quận hành chánh đặc biệt thì các đơn vị khác đều ủng hộ.

Đại Úy Nguyễn Ngọc Cứ, nguyên là Phó Giám Đốc Trung Tâm Huấn Luyện Quân Chính tại An Đôn được bổ nhiệm làm Tiểu Đoàn Trưởng kiêm Quận Trưởng "Quận Hành Chánh Đặc Biệt" Ba Lòng. Ông có nhiệm vụ chận đứng sự xâm nhập

trở lại quấy phá miền Nam của Cộng Sản Bắc Việt. Người lính đi tiếp thu Ba Lòng có hai nhiệm vụ quân sự và chính trị nên chương trình huấn luyện tại An Đôn gồm căn bản quân sự và chính trị khác với các trường hạ sĩ quan và sĩ quan của quân đội quốc gia trước 7 năm 1954 thời Bảo Đại. Các sĩ quan huấn luyện viên của An Đôn đã từng tham gia đảng Đại Việt hoặc là thành phần không Cộng Sản, từ hàng ngũ kháng chiến chống Pháp trở về nên họ có nhiều kinh nghiệm chống Cộng.

Sau khi Tổng Thống Pháp và Quốc Trưởng Bảo Đại ký kết Hiệp Định ngày 8 tháng 3 năm 1949 tại điện Elyssée, trao trả độc lập và thống nhất cho Việt Nam, Tân Chính Phủ ra đời tại Sài Gòn, có trọn quyền về hành chánh, tài chánh, ngoại giao và có quân đội riêng, được các nước tự do trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với cấp bậc đại sứ thì những thành phần không Cộng Sản trong hàng ngũ kháng chiến đã hưởng ứng lời kêu gọi của Quốc Trưởng, rời bỏ Việt Minh để trở về hợp tác với chính quyền quốc gia. Tháng 3 năm 1952, ông Phan Văn Giáo, Thủ Hiến Trung Việt và Trung Tướng Le Blanc, Tư Lệnh Quân Đội Liên Hiệp Pháp tại miền Trung đã gặp gỡ một số những người từ hàng ngũ Việt Minh trở về để thành lập một Bộ Chỉ Huy Lực Lượng Nghĩa Dũng Đoàn (tiếng Pháp gọi là Les commandos de police) lúc đầu quy tụ khoảng hơn 200 người thành một Ban Chỉ Huy lấy tên là Chi Đoàn (tương đương với một Trung Đoàn) và trao cho ông Nguyễn Văn Đạt, người Quảng Bình làm Chi Đoàn Trưởng và Phạm Văn Đồng làm Chi Đoàn Phó.

Đạt có trình độ Trung Học Pháp trước 1945, theo kháng chiến lên tới Tiểu Đoàn Trưởng thuộc Trung Đoàn 25 của Việt Minh. Lúc đầu mới trở về được mang cấp bậc Thiếu Tá, chỉ huy lính Nghĩa Dũng Đoàn tại Huế (thường gọi là "Đạt Tây lai" vì dáng người cao lớn, da trắng, tóc vàng hoe như Tây). Khoảng cuối 1953 đầu 1954, trong chiến dịch Atlande tái chiếm vùng Bình Định, Phú Yên, Đạt mang cấp Trung Tá và được bổ nhiệm làm Tỉnh Trưởng Phú Yên (sau đổi lên làm Tỉnh Trưởng Pleiku). Phạm Văn Đồng là người Quảng Bình, thường gọi là "Đồng đen", trước là Đại Đội Trưởng của Việt Minh, trở về Quốc Gia mang cấp bậc Đại Úy, làm Chỉ Huy Phó, dưới quyền chỉ huy của Đạt. Từ đó Lực Lượng Nghĩa

Dũng Đoàn được mở rộng, lôi kéo nhiều người từ hàng ngũ Việt Minh trở về như Hoàng Văn Hiền, Nguyễn Văn Lý, Phạm Văn Bôn, Phan Ngũ, Lê Quang Truật, Hoàng Thanh Liêm, Trương Xuân Phong, Nguyễn Công Nghệ, Trần Hữu Khuê, Lâm Bính, Trần Hữu Luyến, Đỗ Tấn Xuân, Hồ Ánh, Trần Thích, Tôn Thất Diên, Phan Văn Phú, Trần Đông Hoài, Thân Bưởi, Phan Văn Thọ, Hồ Châu Tuấn, Lê Bá Thảo, Hà Thúc Bồng, Trần Hữu Chỉnh, Lê Thám...

Khoảng 1953-1954, Lực Lượng Nghĩa Dũng Đoàn được mở rộng thành Lực Lượng Nghĩa Dũng Đoàn Trung Việt. Hoàng Văn Hiền được đưa ra Quảng Trị, Trương Xuân Phong và Hồ Ánh vào Quảng Nam. Năm 1954, Nghĩa Dũng Đoàn Trung Việt đã thành lập được hai Trung Đoàn: Trung Đoàn Nguyễn Huệ do Thiếu Tá Phạm Văn Bôn chỉ huy (Phụ Tá là Đại Uý Nguyễn Công Nghệ và Đại Úy Hoàng Thanh Liêm) và Trung Đoàn Lê Lợi do Thiếu Tá Phan Ngũ chỉ huy (Phụ Tá là Đại Úy Hà Thúc Bồng). Cũng trong thời gian này có Phan Xuân, người "Chợ Sịa", Quảng Điền, Thừa Thiên đã đưa một tiểu đoàn Việt Minh về hợp tác với Quốc Gia.

Trước 1952, tại Quảng Trị đã có Lực Lượng Cảnh Bị. Thiếu Tá Hoàng Văn Hiền thuộc Nghĩa Dũng Đoàn Thừa Thiên được đưa ra Quảng Trị. Ông đã có công thống nhất Cảnh Bị với Nghĩa Dũng Đoàn thành Lực Lượng Nghĩa Dũng Đoàn Quảng Trị, đa số cấp chỉ huy là sĩ quan Nghĩa Dũng Đoàn như Hoàng Hồng Sơn tức Giá (Đại Úy), Trần Đông Hoài (Trung Úy), Nguyễn Văn Nhuận (Trung Úy), Lê Bá Thứ (Trung Úy), Nguyễn Xuân Lâm (Trung Úy), Nguyễn Văn Khuyên (Thiếu Úy), Đặng Ngọc Từ v.v... Sau 1954, lực lượng này phát triển rất nhanh, quy tụ cả ngàn người do Hiền chỉ huy và Tham Mưu Trưởng là Thiếu Tá Nguyễn Văn Lý.

Hoàng Văn Hiền, người làng Vạn Xuân, Hương Trà, Thừa Thiên, trình độ văn hóa Trung Học Pháp trước 1945, từ hàng ngũ Việt Minh trở về Huế năm 1952. Nguyễn Văn Lý, người làng Cổ Thành, Triệu Phong, Quảng Trị, có trình độ Trung Học Pháp trước 1945, cũng từ hàng ngũ kháng chiến trở về Quảng Trị, năm 1952.

Mùa Hè năm 1954, sau khi lệnh ngưng bắn được ban hành, Minh thấy xuất hiện nhiều tên cán bộ Việt Minh chạy

xe đạp qua làng anh. Đó là những người trốn tránh ở trong những hầm bí mật hoặc thoát ly gia đình lên núi theo kháng chiến, nay mới dám trở về thăm. Sau đó mấy tháng, anh được biết có một đoàn bộ đội Việt Minh tập trung trên quốc lộ số 1 đoạn đường từ ga xe lửa Quảng Trị đến Đông Hà để "tập kết" ra Bắc, nghe đâu trong đám đó có thằng Lập, cháu Thầy Bân, người làng Bồ Bản và thằng Đức, con ông Sơn thợ mộc, người làng Phú Tài, bạn học của Minh ở Quảng Trị hồi còn bậc Tiểu Học cũng bỏ nhà chạy theo người bà con ra Bắc. Nhiều người nghe tin cũng tìm đến để hỏi thăm tin tức thân nhân còn sống hay chết, có đi theo bộ đội Việt Minh ra Bắc lần này hay không?

Dương Lộc, quê hương của Minh là một làng chống Cộng, trong làng có "hội tề", đứng đầu là Lý Trưởng, để hợp tác với quân đội Quốc Gia thời Quốc Trưởng Bảo Đại. Ngoài ra còn có một lực lượng võ trang để bảo vệ an ninh cho dân trong làng gọi là "hương vệ". Họ lên tỉnh xin súng giữ làng. Ban ngày thay phiên nhau canh gác, làm việc nhà, làm ruộng, chăn nuôi trồng trọt, tự túc; ban đêm tập trung lực lượng đi tuần phòng trong làng. Anh em không nhận trợ cấp lương tiền hàng tháng như quân đội. Từ cuối năm 1946, khi bùng nổ cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều người trong làng bị Việt Minh bắt, bị giết, nhiều nhà dân bị đốt cháy khi chúng tấn công vào làng nên dân rất ghét bọn Việt Minh, trong làng không có ai tập kết ra Bắc. Các làng khác trong tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên, Quảng Bình... cũng có tổ chức "hương vệ" như làng của Minh. Sau hiệp định Genève, tổ chức Hương Vệ bị giải tán, một số gia nhập lính Nghĩa Dũng Đoàn gọi là "Quân Chính"... Hồi đó mới 18 tuổi Minh cũng gia nhập Nghĩa Dũng Đoàn.

Sau ngày đình chiến, những người trong làng bị Việt Minh bắt hồi cuối năm 1946, đầu năm 1947 không ai sống sót, chỉ có chú Khai từ Hà Tĩnh trốn về được mà thôi. Chú Khai tuổi Giáp Dần, sinh năm 1914, lớn hơn Minh 22 tuổi, trước 1945, làm giáo viên Tiểu Học và hoạt động cho đảng Đại Việt. Ngày chú Khai bị Việt Minh bắt, lúc đó Minh mới hơn mười tuổi. Minh còn nhớ rất rõ, khi chú Khai bị dẫn đi ngang qua trước ngõ, vốn là chỗ bà con nên vừa nghe tin, mẹ Minh liền

chạy ra đón gặp chú. Thấy mẹ khóc, Minh cũng mủi lòng khóc theo. Chú Khai vừa đi vừa huýt gió, thái độ hiên ngang của người cán bộ cách mạng khi sa cơ thất thế. Minh nghe kể lại: khi bọn Việt Minh vào nhà bắt chú thì chú trốn trên cây mít sau nhà, chúng tìm không ra. Chúng rút đi nhưng để lại một tên núp trong vườn để theo dõi tình hình. Khi thấy bà mẹ của chú ở trong nhà đi ra ngoài vườn, chú tưởng bọn chúng đã đi hết nên hỏi mẹ "Mẹ ơi bọn chúng đã đi hết chưa?" liền bị bọn chúng phát giác và vây bắt.

Trong đoàn người bị bắt có cụ Khánh đang đau nặng nhưng chúng không muốn cho cụ chết ở nhà nên đã bắt gia nhân khiêng cụ đi theo chúng. Khi đến Trại Đưng, Hà Tĩnh, cụ đã chết trong tù. Chú Niệm, con trai của cụ Khánh, bị bắt trước đó, cũng bị đưa ra vùng núi Hà Tĩnh. Dịp Tết năm Kỷ Sửu, 1949, chú vượt ngục về nhà nhưng mấy tháng sau cũng bị Việt Minh phục kích giết chết. Vợ chú đang mang thai trong bụng, 7 tháng sau cái tang của chồng, thím Niệm sinh được một cháu trai đặt tên là Nguyễn Văn Xuân... Những người trong làng và các làng lân cận bị bắt trong đợt đó như cụ Dương Văn Long (tức Quản Long), cụ Hoàng Văn Sinh (Đốc Học), cụ Lê Nguyên Lượng (Phó Bảng, cựu Tri Huyện), các anh Nguyễn Văn Du, Đoàn Quang Du, Nguyễn Cao Đài, Nguyễn Cao Nhàn, Nguyễn Văn Diệp... không ai còn sống trở về... Riêng cụ Hoàng Trọng Thuần, người làng Phúc Lộc cũng bị bắt nhưng may mắn còn sống trở về vào mùa Hè 1955 và tiếp tục làm thầy thuốc Bắc tại Quảng Trị.

Do việc thi hành hiệp định đình chiến, Việt Minh đã mở cửa nhà tù, chú Khai vừa được tự do liền tìm cách trốn từ Hà Tĩnh về Quảng Trị. Sau khi gặp lại bạn bè đồng chí cùng hoạt động với nhau trước 1945, chú Khai lên tỉnh gia nhập "Nghĩa Dũng Đoàn" và được mang cấp bậc Thiếu Úy đồng hóa, làm việc tại phòng Chiến Tranh Tâm Lý tỉnh... Thời gian đó Minh cũng gia nhập "Nghĩa Dũng Đoàn" và đang thụ huấn tại An Đôn dưới quyền của Đại Úy Nguyễn Ngọc Cứ.

An Đôn là một ngọn đồi về phía Bắc của sông Thạch Hãn, gần cầu ga xe lửa và cách thị xã Quảng Trị chừng 6 cây số. Nơi đây có một nhà thờ Công Giáo lâu đời. Sau tháng 7 năm 1954, dân Công Giáo phía Bắc vĩ tuyến 17, đặc biệt là dân làng

Di Luân, quê hương của Giám Mục Lê Hữu Từ (lãnh tụ của Công Giáo thuộc khu tự trị Bùi Chu, Phát Diệm nổi tiếng ở miền Bắc), đã vào và định cư lập làng mới trên ngọn đồi An Đôn gần căn cứ Huấn Luyện của Nghĩa Dũng Đoàn. Đại Úy Nguyễn Ngọc Cứ và các sĩ quan thường đến thăm Linh Mục Trần Công Khôi và dân di cư tại đây. Đa số thanh niên Công Giáo và anh em "Hương Vệ" các làng từ miền Bắc vĩ tuyến 17 di cư vào đây đã gia nhập lính Nghĩa Dũng Đoàn, một số đang thụ huấn lớp Quân Chính tại An Đôn. Ngày Chúa Nhật, anh em binh sĩ Công Giáo đi lễ tại nhà thờ Cha Khôi rất đông. Có người nói "Linh Mục Trần Công Khôi là Tuyên Úy của Đại Việt" vì ngài rất thân tình với mấy ông sĩ quan Đại Việt như Nguyễn Ngọc Cứ, Hoàng Văn Hiền, Nguyễn Văn Lý hoặc cán bộ Đại Việt như Nguyễn Văn Mân, Hoàng Xuân Tửu, Dương Minh Khai v.v...

Một hôm chú Khai đến nói chuyện với anh em tại Trung Tâm Huấn Luyện về "chủ nghĩa Cộng Sản và sự lừa dối của Việt Minh đối với những thanh niên yêu nước thế hệ 1945"... Lần đầu tiên Minh gặp lại chú, lúc đó chú mới 40 tuổi mà tóc đã bạc hết. Minh thấy các sĩ quan chỉ huy đón tiếp chú rất trân trọng và thân tình. Từ Đại Úy Cứ trở xuống đều gọi chú là "Anh Giáo" và xưng "em" mặc dù cấp bậc của chú chỉ mới Thiếu Úy. Sau khi các học viên tập họp đông đủ tại hội trường, Đại Úy Nguyễn Ngọc Cứ đứng lên giới thiệu chú Khai:

- Hôm nay chúng ta đón tiếp phái đoàn chỉ huy của tỉnh đến thăm gồm có: Thiếu Tá Hoàng Văn Hiền-Chỉ Huy Trưởng, Thiếu Tá Nguyễn Văn Lý-Tham Mưu Trưởng... Hai bậc đàn anh này anh em đã biết rồi. Đặc biệt, tôi xin giới thiệu "Anh Giáo" tên thật là Dương Minh Khai, trước 1945 anh là nhà giáo, dạy học nên chúng tôi quen gọi anh là "Anh Giáo". Anh mới gia nhập "Nghĩa Dũng Đoàn" mang cấp bậc Thiếu Úy nhưng quá trình hoạt động cách mạng, chống thực dân Pháp, chống Cộng Sản thì anh là bậc đàn anh của chúng tôi. Anh bị Việt Minh bắt giam từ cuối năm 1946 đến tháng 7 năm 1954 tại Trại Dưng (Hà Tĩnh). Do việc thi hành hiệp định đình chiến 20/7/1954, Việt Minh bắt buộc phải cho anh ra khỏi nhà tù nhưng vẫn bị giam lỏng tại Hà Tĩnh, phía Bắc vĩ tuyến 17. Mới đây anh đã trốn được về quê ở Triệu Phong, Quảng Trị. Vì

nhu cầu công vụ, chúng tôi đã mời anh về đây giúp trong ban giảng huấn của Trung Tâm. Trong tinh thần anh em một nhà, chúng ta vẫn gọi "Anh Giáo" vì hiện nay anh là cán bộ giảng huấn của Trung Tâm chúng ta... .Trong quá khứ, anh đã từng lãnh đạo nhiều cuộc tranh đấu chống Việt Minh trong vùng kháng chiến, là người có nhiều kinh nghiệm đấu tranh cũng như kiến thức chính trị sâu sắc. Một người như "Anh Giáo" rất cần cho Trung Tâm chúng ta... Sau đây, tôi xin nhường lời lại cho "Anh Giáo" nói chuyện với anh em...

Đại Úy Cứ nói xong, hội trường vang dậy tiếng vỗ tay chào mừng...

Chú Khai bước lên bục thuyết trình, không mang theo giấy tờ, sách vở gì hết. Chú nói chậm rãi, rõ ràng, truyền cảm và rất thuyết phục, như đang kể chuyện cho anh em nghe. Mọi người lắng nghe và ghi chép, không ai dám lơ đãng hoặc gây tiếng động hay nói chuyện riêng làm mất trật tự. Chú Khai nói:

- Cộng Sản đưa ra một lý thuyết, một chủ nghĩa để lừa bịp nhân dân. Chúng đã lợi dụng tinh thần yêu nước, chống xâm lăng của thanh niên, của tuổi trẻ để đẩy hàng triệu thanh niên Việt Nam ra chiến trường hy sinh cho chúng. Căn bản của chủ nghĩa Cộng Sản là lừa dối. Chúng lừa dối nhân dân và lừa dối cả những đảng viên của chúng. Chúng ta phải biết rõ mặt trái của chúng, phải biết rõ kế hoạch của chúng, phải biết rõ thủ đoạn của chúng. Cuộc chiến đấu hiện nay để bảo vệ miền Nam, bảo vệ "quốc gia" của chúng ta không chỉ thuần túy về mặt quân sự mà phải chú trọng đến mặt chính trị. Chúng ta phải có một chủ nghĩa "quốc gia" để chống lại "chủ nghĩa Cộng Sản"... Nói tóm lại, tất cả các bài huấn luyện mục đích trang bị cho người cán bộ lập trường chống Cộng và mọi kiến thức về lịch sử cách mạng của người "quốc gia" đối lập với "Cộng Sản".

Những điều này Minh chưa hề được nghe giảng dạy tại các trường dưới thời Pháp và Bảo Đại. Giờ nghỉ giải lao, Minh đến gặp riêng chú Khai và tự giới thiệu:

- Thưa chú, cháu là Minh, con ông... và bà..., người cùng làng và có bà con với chú... Cháu mới gia nhập "Nghĩa Dũng Đoàn" và đang thụ huấn lớp Quân Chính...

Chú Khai vui vẻ vỗ vai Minh:

- Tốt lắm, chúc cháu cố gắng học tập tiến bộ...

Trong thời gian tham gia lớp huấn luyện, Minh nhận được một tài liệu do người bạn kín đáo trao tận tay. Anh ta nói:

- Anh Minh, hãy đọc kỹ tài liệu này trước, có gì không hiểu thì đến gặp riêng "Anh Giáo". Anh ấy sẽ giải thích và hướng dẫn cho...

Đó là hai tập tài liệu đánh máy, in ronéo... có tựa đề "Đạo Sống" hay "Chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn" và "Lớp Huấn Luyện Đảng Viên Sơ Cấp"... dưới hình thức câu hỏi và trả lời, với lối văn gọn gàng, dễ hiểu...

Minh vừa đọc xong hai tài liệu đó thì có tên trong số một trăm người được chọn để bổ sung vào một đơn vị đặc biệt kịp tham dự lớp huấn luyện cấp tốc về quân sự và chính trị. Tối hôm đó, tất cả anh em được lệnh tập họp riêng để nghe trình bày kế hoạch huấn luyện mới. Những người được chọn, tuổi từ 18 đến 20 hoặc ngoài 20, sức khỏe tốt, nhanh nhẹn, thông minh, can đảm và có tinh thần kỷ luật cao... nhất là phải trải qua sự điều tra của ban an ninh, có lý lịch tốt và có người đứng ra bảo đảm cho mình...

Minh và anh em được đưa đi huấn luyện tác xạ với cán bộ từ Sài Gòn ra, nói giọng Nam, đó là hai tay súng thiện xạ. Về sau Minh được biết hai người đó là Nguyễn Văn Thạch bí danh Lâm Trường Sơn và Đặng Ngọc Xuân. Cả hai người này đều là cán bộ đảng Đại Việt. Chương trình học gồm hai phần: chính trị và quân sự. Trước hết, phê bình "các chủ nghĩa chính trị trên thế giới" trong đó có chủ nghĩa Cộng Sản (tức chủ nghĩa duy vật) và sau đó học về "Đạo Sống" hay "chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn" là chủ nghĩa quốc gia chống Cộng, ngoài ra còn học về lịch sử tranh đấu của cách mạng Việt Nam... Ngoài giờ học chính trị, Minh được học võ thuật và tác xạ... Có lần anh Lâm Trường Sơn đưa anh em học viên đi tập bắn. Anh đặt một hàng vỏ chai trên tường và rút súng colt bắn từng cái một, không trật một phát nào. Xong, anh hỏi anh em, ai tình nguyện để vỏ chai trên đầu, đứng dưới bức tường để cho anh biểu diễn tài thiện xạ của mình? ... Mọi người im lặng, không ai dám bước ra khỏi hàng... Minh đưa tay lên xin tình

nguyện... Anh Sơn rút súng, bắn bể vỏ chai trên đầu Minh. Mọi người vỗ tay khen Minh là người can đảm, tự tin. Mấy tuần sau đó, Minh được gặp riêng chú Khai và được chú Khai giới thiệu "tuyên thệ" vào đảng Đại Việt.

Mấy tuần trước ngày tổ chức lễ xuất phát tại thị xã Quảng Trị, Minh và số anh em trong nhóm 100 người được chọn dự khóa huấn luyện đặc biệt về chính trị, đã được điều động làm công tác vận chuyển hàng hóa, quân trang, quân dụng, khí giới, đạn dược lên Ba Lòng. Từ An Đôn lên Ba Lòng không có đường xe hơi, lính đi bộ theo lối mòn thời kháng chiến của Việt Minh. Hàng hóa phải chở bằng đường thủy, có những đoạn sông nhiều ghềnh đá, ngược dòng nước nên phải buộc dây vào thuyền cho người đi hai bên bờ kéo. Chú Khai mặc đồ lính trận, lưng đeo súng ngắn, đội mũ sắt, đứng trước mui, hô hào anh em gắng sức kéo thuyền đi lên. Anh em phải làm việc ngày đêm suốt một tuần rất vất vả.

Sáng ngày 23 tháng 1 năm 1955, ngày cuối năm Giáp Ngọ, Minh được về thăm nhà. Minh đi ra cầu ga trên quốc lộ số 1, đón xe đò Quảng Trị – Đông Hà; đến cầu Lai Phước, xuống xe, tiếp tục đi bộ dọc bờ sông đến ngã ba Rào Vịnh, qua đò Đại Lộc về làng, ở lại đêm ba mươi, đón giao thừa, trưa mồng một Tết Ất Mùi phải trở về đơn vị tại An Đôn. Buổi sáng đầu năm mới, Minh thức dậy thật sớm, đến nhà thờ Công Giáo trong làng dự Thánh lễ, sau đó đi thăm Tết bà con. Nắng ấm chan hòa vạn vật, mấy khóm hoa thược dược màu hồng đậm, rất tươi ở trước sân nhà. Nước sông đang dâng cao, tràn vào hồ bao bọc quanh làng làm cho tầm hồn Minh rộn lên với những hình ảnh quê hương, ôm ấp bao kỷ niệm thời thơ ấu. Kể từ 1945, suốt mười năm chiến tranh, đây là lần đầu tiên quê Minh mới có một cái Tết thanh bình. Minh gặp chú Khai trong nhà người trưởng tộc, có mấy người bà con từ Đồng Hới đi cư vào, kéo nhau về làng ăn Tết, cũng có mặt ở đây trong không khí đoàn tụ tưng bừng rộn rã.

Chú Khai kể: sau Hiệp Định Genève, gia đình chú đã bỏ tiền ra thuê ông "Xã Kháng" người làng Lập Thạch, bên kia sông, lấy cớ ra Bắc thăm con, đã đưa vợ chú là Đỗ Thị Giao đi theo ra tới Hà Tĩnh thăm chồng. Để mưu sinh trong vùng kháng chiến của Việt Minh, sau khi ra khỏi tù, chú đã móc nối

với nhóm người buôn lậu, họ trao cho chú một cái ná cao su và một bịch đạn bằng đất sét viên tròn, ở trong ruột cất giấu thuốc phiện. Chú đã đi từ làng này qua làng khác để giao hàng... Khi vợ chú ra thăm, chú cũng mang các thứ đó đi theo vợ và nói với mọi người "tiễn đưa vợ một đoạn đường" nhưng cá nhân chú sẽ trở lại đây sinh sống đợi ngày hiệp thương thống nhất, sẽ đem vợ con ra ở lại lập nghiệp luôn. Có người giúp chú một giấy chứng nhận "học sinh lớp bổ túc văn hóa" với tên tuổi khác mà chú cố ý làm cho nhòe đi, rồi tìm cách biện bạch, giải thích mỗi khi qua trạm kiểm soát. Chú cũng đã ở trong vùng này hơn sáu năm rồi nên quen thuộc đường đi, nước bước... Chú để cho vợ đi trước dò đường, chú đi theo sau xa xa, gặp nơi nào kiểm soát nghiêm ngặt thì chú rẽ lên núi, ẩn núp trong bụi rậm hoặc leo lên cành cao quan sát, đợi ban đêm mới tiếp tục đi. Sau ngày đình chiến, kẻ qua người lại rất nhiều, bọn địa phương bận lo củng cố cơ sở nên nhờ đó mà chú đã qua mặt được bọn chúng một cách dễ dàng...

Vào tới sông Bến Hải, vĩ tuyến 17, nơi phân chia ranh giới của hai miền Nam Bắc Việt Nam, chú đi về phía thượng nguồn, cố ý tránh các trạm kiểm soát, để vượt qua sông. Chú hẹn gặp vợ ở Chợ Cầu, huyện Gio Linh rồi cùng nhau vào đồn "công an Quốc Gia" trình bày hoàn cảnh. Nhân viên văn phòng tiếp đón chú rất niềm nở và sẵn sàng giúp đỡ chú tìm người quen. Được vợ cho biết ông Trần Điền hiện là Tỉnh Trưởng Quảng Trị, chú liền xin nói chuyện với ông qua điện thoại. Vốn đã từng hoạt động với nhau trong tổ chức Liên Đoàn Thanh Niên Công Giáo Việt Nam thời kỳ 1945-1946 do Linh Mục Trần Hữu Thanh Dòng Chúa Cứu Thế Huế làm Tuyên Úy... nên khi nghe tin chú còn sống sót trở về, ông Trần Điền và ông Nguyễn Văn Mân (cựu Tỉnh Trưởng Quảng Trị năm 1947) cùng nhau ra Bến Hải đón chú...

Đám thanh niên trong làng vây quanh chú, nghe kể chuyện Tết trong vùng kháng chiến Việt Minh, ai cũng tỏ ra say mê và khâm phục tài hùng biện của chú.

Thời tiết hay có mưa vào cuối tháng Chạp, đường làng lầy lội nên chiều mồng một Tết, Minh ra bờ sông, theo chuyến đò dọc của bà con về quê ăn Tết, trở lại thành phố. Tình cờ Minh lại gặp chú Khai cùng đi chung chuyến đò và đang nói

chuyện với một người quen ở làng bên cạnh về đây thăm Tết quê vợ, đó là ông "Cửu", tên thật là Nguyễn Văn Chương, cùng lứa tuổi với chú Khai. Trong thế giới chiến tranh lần thứ hai (1939-1945), lúc đó ông là lính hải quân của Pháp, tàu đang hoạt động trên biển Địa Trung Hải thì bị thủy lôi bắn chìm... Sau ba ngày lênh đênh trên biển Manche giữa Pháp và Anh, ông may mắn được cứu sống và được đón tiếp như một người anh hùng... Năm 1945, sau khi Nhật đảo chánh Pháp, ông từ Sài Gòn trở về làng và tham gia đảng Đại Việt, hoạt động cách mạng, tranh đấu cho tự do và độc lập của dân tộc. Sau khi cụ "Nguyễn Văn Khánh", bố vợ ông, bị Việt Minh bắt vào cuối năm 1946, ông đem gia đình về quê vợ sinh sống... Năm 1948, có một lần Việt Minh đến tấn công làng này với một lực lượng khá hùng hậu, có cả súng trung liên bắn thẳng vào cửa nhà thờ, khống chế anh em hương vệ đang cố thủ trong đó... Ông và người cậu vợ tên là Dương Liêm đã bò dọc theo bờ ao khuất sau rặng tre, đến ngã ba đường, gần chỗ đặt súng máy, ném hai quả lựu đạn trúng ngay vị trí... Trận đánh kết thúc, tiếng súng im bặt, địch phải bỏ chạy để lại nhiều xác chết. Sau đó ông đem vợ con lên tỉnh sinh sống và tiếp tục hoạt động cách mạng. Ông thường vô ra Huế để liên lạc với Xứ Bộ và ông cũng thường tiếp xúc với anh em trong các đồn Hương Vệ để sinh hoạt với cơ sở địa phương.

Hai người đang nói chuyện với nhau mà Minh nghe điều được điều mất. Anh đoán họ đang bàn luận về tình hình chính trị, chuyện thời sự. Minh đánh bạo đến chào và nói vài lời chúc Tết vì dù sao cũng là chỗ bà con quen biết trong làng với nhau. Chú Khai nói với ông Chương:

- Cháu Minh đây "cũng là chỗ anh em cả đấy"..., hết phép Tết, đang trở lại Trung Tâm Huấn Luyện An Đôn!

Ông Chương bắt tay Minh:

- Chúc mừng cháu! Tương lai sáng sửa lắm đó!...

Minh cảm thấy rất hãnh diện trước hai bậc đàn anh này!

Thuyền lướt đi trên mặt nước đang dâng cao, lênh láng ngập bờ. Xa xa bãi sông trải dài như một tấm thảm màu xanh, cây cối hai bên bờ đang vươn lên trong sức sống, dân làng đang tụ họp nhau vui Xuân, thấp thoáng áo mới đủ màu xanh, đỏ, tím, vàng... Minh thấy lòng mình rộn rã, hòa niềm vui với

đồng bào trong cảnh thái bình.

Lúc 8 giờ sáng ngày 19/2/1955 tức 27 tháng Giêng Ất Mùi, gần bốn tuần sau Tết, lễ xuất phát được tổ chức tại sân tòa hành chành tỉnh. Đội quân danh dự ăn mặc chỉnh tề với quốc kỳ, quân kỳ, cờ đơn vị, bồng súng đứng hai hàng dàn chào. Sau nghi thức chào cờ, phút mặc niệm, ông Trần Điền, tỉnh trưởng Quảng Trị đã đọc một bài diễn văn quan trọng nói lên ý nghĩa việc thành lập quận hành chánh đặc biệt Ba Lòng và trao sự vụ lệnh bổ nhiệm Đại Úy Nguyễn Ngọc Cứ, Tiểu Đoàn Trưởng kiêm Quận Trưởng, có nhiệm vụ tiếp thu "chiến khu Ba Lòng của Việt Minh", tái lập an ninh trật tự, xây dựng làng, xã, tổ chức đời sống, đem lại an cư lạc nghiệp cho dân, đồng thời Ba Lòng cũng là tiền đồn ngăn chận sự xâm nhập của Cộng Sản miền Bắc trở lại quấy phá miền Nam trong tương lai.

Minh đứng hàng đầu trong đoàn quân danh dự. Theo lệnh cấp chỉ huy, đoàn quân hăng hái lên đường. Xe quân sự chở anh em qua cầu ga, lên An Đôn thì dừng lại. Sau đó, anh em phải đi đường bộ hàng chục cây số mới đến Ba Lòng. Khi về đến Trung Tâm Huấn Luyện cũ, Minh thấy các cấp chỉ huy xầm xì to nhỏ, không khí có vẻ khác thường. Đại Úy Cứ đem vợ con đi theo, một bé gái tên Lân chưa được 3 tuổi và một bé trai tên Lương chưa được một tuổi. Riêng Thiếu Tá Nguyễn Văn Lý và bà vợ ngồi trên xe Dodge 4x4, hai hàng lính súng cầm tay, chĩa ra ngoài trong tư thế phòng thủ, từ An Đôn trở về thị xã Quảng Trị. Sau khi gửi vợ con lên xe đò vào Đà Nẵng nương nhờ bên nội, Thiếu Tá Lý đã có mặt tại Ba Lòng. Minh thấy một người lạ mặt, nói giọng miền Nam Trung Bộ, có dáng dấp văn nhân hơn là nhà quân sự, anh em rỉ tai nhau "đó là Tướng Trần Bình, Tư Lệnh Quân Đội Quốc Gia Đại Việt" tại chiến khu Ba Lòng. Trần Bình là bí danh, tên thật của ông là Nguyên Trung Thành, đã từng làm Tham Mưu Trưởng Trung Đoàn 84 trong bộ đội của Tướng Nguyễn Sơn, liên khu IV thời kháng chiến chống Pháp và đã bỏ hàng ngũ Việt Minh trở về với Quốc Gia cách nay mấy năm. Nghe đâu Tướng Le Blanc, Tư Lệnh quân viễn chinh Pháp tại Trung Việt đã từng mời ông ta hợp tác với cấp bậc Đại Tá nhưng ông từ chối.

Minh cũng thấy xuất hiện nhiều người lạ mặt khác như

Thiếu Tá Phạm Văn Bôn, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn Nguyễn Huệ và Đại Úy Phạm Văn Đồng, thường gọi là "Đồng đen" lúc bấy giờ đang là Chủ Sự Phòng 6 Đệ II Quân Khu ở Huế... Hai người này đã từng tham gia chiến dịch Atlande tái chiếm Bình Định, Phú Yên, 1953-1954. Sau Hiệp Định Genève, từ Trung Nam Trấn (Quy Nhơn) mới trở về Huế. "Đồng đen" đã tự động đưa một bộ phận thuộc Đệ Nhị Quân Khu ly khai kéo lên Ba Lòng đúng vào ngày 19 tháng 2 năm 1955 cùng với ngày xuất phát của Đại Úy Cứ tại Quảng Trị. Như vậy là toàn bộ Lực Lượng Nghĩa Dũng Đoàn Thừa Thiên và Quảng Trị đã tập hợp tại Ba Lòng vào khoảng 4 Tiểu Đoàn. Nghe nói Thiếu Tá Hoàng Văn Hiền, Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Nghĩa Dũng Đoàn Quảng Trị cũng có đến họp với các sĩ quan khác tại An Đôn nhưng sau đó ông không đi theo anh em lên Ba Lòng. Có người nói rằng Thiếu Tá Hiền mới cưới vợ nên tìm cách ở lại thị xã, cũng có dư luận cho rằng ông nhận được chỉ thị phải ở lại An Đôn để lo về vấn đề tiếp vận cho anh em đi Ba Lòng. Minh cũng gặp một số người quen trong đảng Đại Việt thuộc thành phần dân sự như các ông Hoàng Xuân Tửu, Hồ Sĩ Minh, Đoàn Minh Đoái, Nguyễn Văn Đậu, Thầy giáo Ngọc người làng Trà Liên v.v... Những người bà con, bạn bè, người làng như Dương Đại, Đoàn Minh Thiện, Đoàn Quang Giáo, Dương Thu lứa tuổi trên dưới 30..., có những người rất trẻ như Dương Du, Nguyễn Chánh... chừng 17, 18 tuổi... cũng có mặt trong đoàn quân.

Tại Bộ Chỉ Huy của Tướng Trần Bình, ngoài cờ quốc gia nền vàng ba sọc đỏ còn có cờ của đảng Đại Việt nền đỏ, giữa có sọc vàng song song với chiều dài, thêm vòng tròn xanh, ngôi sao trắng năm cánh, đầu ngôi sao chiếu thượng. Bàn thờ tổ quốc với bản đồ Việt Nam, đảng kỳ và di ảnh Đảng Trưởng đã được trang trí trong buổi lễ tuyên thệ nên Minh đã có dịp thấy lá cờ này rồi.

Những anh em đến sau Minh cho biết tại Quảng Trị, nhiều người nhận được truyền đơn lên án Thủ Tướng Ngô Đình Diệm "chủ trương độc tài, gia đình trị" và kêu gọi đồng bào ủng hộ đảng Đại Việt "chủ trương chống Cộng, xây dựng đại đoàn kết quốc gia". Truyền đơn ký tên Thiếu Tướng Trần Bình, Tư Lệnh Quân Đội Quốc Gia Đại Việt tại chiến khu Ba

Lòng.

Minh còn nhớ ngày mùng hai Tết, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ra thăm Quảng Trị, đã gắn Bảo Quốc Huân Chương cho ông Trần Điền, Tỉnh Trưởng và có tin đồn Thủ Tướng sẽ bổ nhiệm ông vào một chức vụ khác quan trọng hơn nhưng hôm nay tình hình đã thay đổi và một số lớn các cấp chỉ huy quân sự, hành chánh trong tỉnh đã trở thành đối lập với Trung Ương. Rồi Minh lại được tin sắp có đánh nhau vì những người lên Ba Lòng đã công khai chống lại Thủ Tướng Ngô Đình Diệm rồi! Như vậy là kế hoạch thiết lập quận hành chánh đặc biệt Ba Lòng để ngăn chận sự xâm nhập của Cộng Sản miền Bắc trở lại phá rối miền Nam đã biến thành kế hoạch lập chiến khu tự vệ của các lực lượng võ trang Đại Việt. Không phải tất cả lính Nghĩa Dũng Đoàn đều là đảng viên Đại Việt nhưng đa số sĩ quan là đảng viên Đại Việt. Có người không phải Đại Việt như Đại Úy Nguyễn Văn Đông và ông ta đã tỏ thái độ bất hợp tác, chống đối lại Ban Chỉ Huy, cụ thể là đã chống lại Thiếu Tá Nguyễn Văn Lý, Tham Mưu Trưởng Lực Lượng Nghĩa Dũng Đoàn Tỉnh Quảng Trị và cũng là Phụ Tá của Thiếu Tướng Trần Bình tại chiến khu Ba Lòng hiện nay. Ông Lý luôn có mặt bên cạnh ông Tướng Trần Bình. Người cận vệ của ông Tướng cũng là tay thiện xạ số một của Ba Lòng, anh Nguyễn Văn Thạch bí danh Lâm Trường Sơn mà Minh đã gặp trong thời gian tham gia lớp huấn luyện đặc biệt... Khi lên chiến khu Ba Lòng, chú Khai mới từ Thiếu Úy lên Trung Úy nhưng đối với anh em chú là bậc đàn anh. Chú thường tập họp anh em để nói chuyện (thời đó gọi là "tuyên truyền") và có Thiếu Úy Lê Thám luôn đi theo bên cạnh để lo cho chú, sẵn sàng theo lệnh của chú. Thiếu Uý Thám được xem là người trung thành, có đảng tính cao và luôn sẵn sàng thi hành mệnh lệnh cấp trên.

Cuối tháng 2 năm 1955, thời tiết tại Ba Lòng rất lạnh, anh em phải đốt lửa để sưởi ấm nhưng lệnh hành quân cấm đốt lửa, sợ máy bay do thám phát hiện gọi trọng pháo bắn phá. Bắt đầu chạm súng phía dưới sông... Nghe nói đã có lệnh hành quân của lính Quốc Gia ở Huế tấn công lên Ba Lòng, như thế là người Quốc Gia đánh nhau với người Quốc Gia, không phải "Quốc Gia" đánh nhau với Việt Minh (Cộng Sản)!... Minh thuộc thành phần được tín nhiệm nên được bổ

sung vào "đại đội tiền phong" có nhiệm vụ bảo vệ các lãnh tụ... Một hôm, Minh được trao nhiệm vụ đi bảo vệ "Anh Cả" từ Sài Gòn mới đến. Minh nghe anh em rỉ tai nhau "Anh Cả là lãnh tụ của đảng Đại Việt". Trông anh còn trẻ trung và dồi dào sức khỏe, dáng người rắn chắc, cương quyết. Anh đến Ba Lòng bằng thuyền từ thị xã Quảng Trị. Một cuộc họp Bộ Tham Mưu do Anh Cả chủ tọa có Thiếu Tướng Trần Bình và các sĩ quan chỉ huy.

Chiến khu Ba Lòng với nhiều căn cứ dọc theo Trường Sơn từ Quảng Trị vào đến Quảng Nam do Thiếu Tướng Trần Bình (cấp bậc này do Đại Việt tấn phong) làm Tổng Tư Lệnh. Bộ phận Quân Sự gồm có: Thiếu Tá Nguyễn Văn Lý, Phó Tổng Tư Lệnh kiêm Tư Lệnh chiến khu Ba Lòng (Quảng Trị). Thiếu Tá Phạm Văn Bôn (Trung Đoàn Nguyễn Huệ) là Phó Tổng Tư Lệnh đặc trách tác chiến. Đại Úy Phạm Văn Đồng là Tổng Tham Mưu Trưởng. Bộ phận Chính Trị gồm có:

- Ông Hà Thúc Ký, Xứ Bộ Trưởng Trung Việt, Thành Viên Hội Đồng Chủ Tịch Trung Ương Đảng Bộ là Tổng Chính Uỷ đặc trách tư tưởng.
- Ông Hoàng Xuân Tửu, Bí Thư Tỉnh Bộ Quảng Trị: Phụ Tá.
- Ông Nguyễn Văn Mân, Uỷ Viên Tuyên Huấn Xứ Bộ.

Ngoài ra còn có ông Hoàng Văn Hiền, nguyên Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Cảnh Bị Quảng Trị (Nghĩa Dũng Đoàn) và ông Nguyễn Ngọc Cứ, nguyên Phó Giám Đốc Trung Tâm Huấn Luyện An Đôn cũng ở trong bộ phận chính trị. Hệ thống tổ chức này là do Thiếu Tướng Trần Bình đề nghị với Bộ Tham Mưu Đại Việt tại Ba Lòng.

Trong vòng hai tháng kể từ khi chiếm đóng Ba Lòng, Đại Việt đã tổ chức một số chiến khu nhỏ như:

- Tại Quảng Trị có: chiến khu Hòn Linh, Bậc Lở và Hải Đạo do Trung Úy Bùi Thuyết chỉ huy; chiến khu Khe Mương do Đại Úy Nguyễn Công Nghệ chỉ huy.
- Tại Thừa Thiên có chiến khu Hòa Mỹ do một bộ phận của Đại Úy Nguyễn Công Nghệ phụ trách; chiến khu Dương Hòa và chiến khu Nam Đông do Trung Úy Nguyễn Lâm phụ trách.
- Tại Quảng Nam ngược dòng sông Thu Bồn đi quá Đèo

Le và Trung Phước, về phía phải sẽ gặp chiến khu Đại Mỹ (Bến Hiên) do Trung Uý Nguyễn Lâm của Đại Việt chỉ huy. Ngoài ra còn có chiến khu Nam Ngải do Thiếu Tá Trương Xuân Phong chỉ huy.

- Tại Phú Yên có chiến khu "Núi Hứa" do Trương Tử An (em ruột Đảng Trưởng Trương Tử Anh) chỉ huy.

Theo tin tức anh em cho biết, Đại Tá Nguyễn Quang Hoành vừa được đưa ra Huế thay thế Đại Tá Trương Văn Xương làm Tư Lệnh Đệ II Quân Khu, chỉ huy lực lượng Việt Binh Đoàn Trung Việt tức quân đội quốc gia đã có từ thời Quốc Trưởng Bảo Đại 1949 đến nay. Đại Tá Trương Văn Xương thuộc thành phần thân Tây nên không được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, người có thành tích chống Pháp, thân Mỹ tin cậy.

Đại Tá Nguyễn Quang Hoành, người Quảng Trị, cháu ông Bộ Sô làng Chợ Chùa gần Cửa Việt thuộc phủ Triệu Phong. Ông xuất thân từ quân đội Pháp, được chuyển qua chỉ huy quân đội Việt Nam, đã thắng nhiều trận ở ngoài Bắc trước 1954, lên tới cấp bậc Đại Tá. Ông vừa đến Huế được một thời gian ngắn thì được lệnh tấn công Đại Việt tại Ba Lòng nhưng ông không muốn gây ra cảnh "nồi da xáo thịt", "người Quốc Gia đánh nhau với người Quốc Gia" do đó ông đã xin từ chức (hay bị cách chức) và Trung Tá Lê Văn Nghiêm thay thế.

Nhắc lại, vào sáng 19 tháng 2 năm 1955, ngày xuất phát lên tiếp thu Ba Lòng, trong khi ông Trần Điền đang đọc diễn văn thì có một công điện từ Huế gửi đến nguyên văn như sau: "Sursoir occupation Ba Lòng" (hoãn chiếm đóng Ba Lòng). Sau khi lễ xuất phát đã được tổ chức xong, ông Trần Điền mới trở về văn phòng, lúc đó mới biết có công điện nói trên thì đoàn quân đã lên đường rồi. Đệ Nhị Quân Khu ở Huế ra lệnh tất cả sĩ quan binh sĩ phải về trình diện tại Huế trong vòng 24 giờ. Một ngày sau khi có lệnh ban ra thì lại có lệnh "hành quân giải giới Ba Lòng". Trước hết, "lệnh này không kịp thi hành và cũng không thể thi hành được trong vòng 24 giờ đồng hồ". Làm như vậy chẳng khác nào dồn người ta vào con đường cùng, bắt buộc họ phải kháng lệnh.

Theo mật báo của ông Nguyễn Đôn Duyến, Đại Biểu Chính Phủ tại Huế gửi cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Cẩn thì việc tiếp thu chiến khu Ba Lòng của

Việt Minh là nằm trong âm mưu của đảng Đại Việt do ông Hà Thúc Ký lãnh đạo, muốn xây dựng một lực lượng quân sự cho đảng Đại Việt. Ông Ngô Đình Cẩn đã nhờ ông Nguyễn Văn Mân, quyền Xứ Uỷ miền Trung của Đại Việt đích thân đến Ba Lòng để kêu gọi anh em trở về nhưng anh em không chịu. Sau đó có một công điện của Sài Gòn ra lệnh cho Đệ II Quân Khu (Huế) đem quân lên giải giới lực lượng ly khai Ba Lòng. Trung Úy Đặng Văn An làm việc ở phòng V và Trung Tá Trần Thiên Khiêm, Phòng IV thuộc Đệ II Quân Khu là người của đảng Đại Việt, biết được tin này nên đã đến nhà riêng của ông Hà Thúc Ký bên cạnh Tòa Thượng Thẩm, Thành Nội Huế để báo tin... Vừa lúc đó ông Ký từ phi trường Phù Bài về đến nhà. Thấy tình hình căng thẳng quá nên ông Ký lên xe hơi chạy thẳng ra Quảng Trị và dùng thuyền lên Ba Lòng ngay.

Minh là người canh gác bên ngoài phòng họp nên nghe được ít nhiều câu chuyện nói trên. Sau khi bàn bạc, suy tính hơn thiệt, Anh Cả (Hà Thúc Ký) cho biết hiện nay các đảng phái và giáo phái tại Sài Gòn đều chống Thủ Tướng Ngô Đình Điệm... Sở dĩ chống vì từ tháng 9 năm 1953, trước tình hình đất nước, để hậu thuẫn cho phái đoàn quốc gia Việt Nam tham dự hội nghị Genève 1954, có 65 đại biểu của các tôn giáo, đoàn thể, trí thức, nhân sĩ Trung, Nam, Bắc trong đó có ông Ngô Đình Nhu, Nguyễn Tôn Hoàn, Hà Thúc Ký, Lê Phùng Thời, Trần Văn Lý, Nguyễn Xuân Chữ, Lê Toàn, Trần Văn Ân, Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Giác Ngộ v.v... thành lập Phong Trào Đại Đoàn Kết và Hòa Bình chủ trương toàn vẹn lãnh thổ, cai trị bằng Hiến Pháp, lập một chính phủ "đại đoàn kết quốc gia"... Cương lĩnh đã gửi cho Quốc Trưởng Bảo Đại và ngài hứa sẽ thi hành. Ông Ngô Đình Nhu xin ủng hộ cho ông Ngô Đình Diệm là người không đảng phái, đứng ra lập một chính phủ "đại đoàn kết quốc gia" và hứa sẽ thi hành cương lĩnh do Phong Trào đưa ra... Ngoài ra ông cũng hứa sẽ để cho các đảng phái quốc gia (Đại Việt, Việt Quốc) và các giáo phái như Cao Đài, Hòa Hảo... được duy trì lực lượng võ trang của họ tại vùng đất mà họ đang hoạt động và có ảnh hưởng để thực hiện chương trình bình định sau khi Việt Minh rút đi... Vùng ảnh hưởng của Đại Việt là Quảng Trị, Thừa Thiên, Phú Yên... Khắp miền Trung, Đại Việt có trong tay khoảng 5.000

quân, tương đương một Sư Đoàn. Việt Quốc có ảnh hưởng tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định; Cao Đài, Hòa Hảo tại miền Tây Nam Bộ... nhưng khi ông Diệm về nước rồi thì chẳng những "không thực hiện lời hứa mà còn chủ trương tiêu diệt đảng phái, giáo phái" vì thế họ mới ở vào thế đối lập với chính phủ Sài Gòn... Đại Việt đi tiên phong trong phong trào chống ông Diệm nhưng không chủ trương đánh nhau, chỉ làm áp lực đòi hỏi ông Diệm cải cách mà thôi. Ông Ký cũng cho biết, sau khi nghe tin Đại Việt lập chiến khu Ba Lòng chống ông Diệm thì Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên cũng đã "ly khai" chống ông Diệm...

Cuộc họp đi đến quyết định "cho quân đội giải tán, anh em binh sĩ về trình diện tại tỉnh... Những anh em nào muốn ở lại thì cứ ở lại"...

Sau khi có công điện của Sài Gòn ra lệnh hành quân lên giải giới Ba Lòng, tại Huế có một cuộc họp của Đệ II Quân Khu. Một số sĩ quan trong đó có Trung Tá Nguyễn Văn Thiệu phát biểu "không đồng ý hành quân lên Ba Lòng" và đề nghị "cố gắng thương lượng, kêu gọi anh em trở về"... nhưng sau khi Đại Tá Nguyên Quang Hoành từ chức thì Trung Tá Lê Văn Nghiêm đã làm theo ý của ông Ngô Đình Điệm là hành quân lên Ba Lòng. Với quân số tương đương một trung đoàn (tổ chức thời đó gọi là GM: Groupement Mobile có nghĩa là đơn vị lưu động), Trung Tá Lê Văn Nghiêm nghĩ rằng có thể san bằng chiến khu Ba Lòng nhưng cuộc hành quân thất bại, không thể chiếm Ba Lòng được. Trước hết, dùng máy bay quan sát và gọi trọng pháo bắn phá; sau đó mới hành quân lên Ba Lòng. Như đã nói trên, Ba Lòng có một địa thế phòng thủ rất vững chắc, tất cả những toán quân xuất hiện bên dưới sông đều bị bắn hạ từng người một. Người đầu tiên đem quân lên đánh Ba Lòng là Đại Úy Em đã bị thương và bị bắt; đoàn quân của ông ta rút lui và tháo chạy. Nghe tin Đại Úy Em bị thương, Đại Úy Bé chỉ huy đoàn quân đi sau Đại Úy Em cũng rút lui. Hôm đó chính ông Hà Thúc Ký đóng vai Bác Sĩ, đã băng bó cho Đại Úy Em và cho ông ta nằm trên một cái bè tre nứa, thả xuôi theo sông Thạch Hãn trở về thành phố Quảng Trị. Từ đó không thấy quân đội Quốc Gia từ Quảng Trị hành quân lên Ba Lòng nữa nhưng đã có hàng loạt trọng pháo (canon) bắn

lên Ba Lòng.

Minh thấy chú Khai ngồi trên một cái võng, bên cạnh một cái hầm, tay cầm tràng hạt vừa đọc kinh..., mỗi lần có tiếng nổ của đạn trọng pháo từ xa bắn tới thì chú nhảy xuống hầm núp.

Bộ Chỉ Huy đưa ra một kế hoạch phân tán anh em làm nhiều nhóm đi sâu vào các buôn làng người thiểu số, sống chung với họ... Một số cán bộ sẽ trở về hoạt động trong dân chúng ở vùng cận sơn hay vùng đồng bằng, kiểm soát các chiến khu cũ của Việt Minh để lại dọc theo Trường Sơn từ Quảng Trị vào đến Quảng Nam... Có một đêm trời sáng trăng, Thiếu Tá Nguyễn Văn Lý ra lệnh cho Minh và một số anh em súng đạn đầy đủ đi theo ông để hộ tống "Anh Cả" tức lãnh tụ Hà Thúc Ký đi về hướng Nam vào lãnh thổ của tỉnh Thừa Thiên. Phải đi ban đêm vì ban ngày sợ máy bay "bà già" tức máy bay do thám phát hiện. Khi đi đến thượng nguồn một con sông thì họ chia tay nhau, Anh Cả đi một mình. Thiếu Tá Lý và nhóm của Minh trở lại căn cứ cũ. Về sau Minh mới biết nơi chia tay là thượng nguồn sông Bồ xuôi về cầu An Lỗ tức cây số 17 thuộc huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên. Anh Cả về nhà người bà con ở làng Vân Trình, sẽ có người đưa vào Đà Nẵng. Tại đây, có người bạn là ông Bảo Trọng, cũng là đảng viên Đại Việt đang làm Trưởng Ty Công An Quảng Nam, sẽ lấy xe hơi đưa ông Hà Thúc Ký vào Quy Nhơn. Anh Cả sẽ lên máy bay đi Sài Gòn với tên và giấy tờ của một nhân viên Công An nào đó... Người nào trốn ra khỏi Huế, vào được Sài Gòn kể như đã đến chiến khu an toàn.

Lúc đầu Đại Việt đã lập một đài phát thanh tại Ba Lòng nhưng không hoạt động được lâu vì phải thay đổi địa điểm nhiều lần. Khi Anh Cả (Hà Thúc Ký) vào đến Sài Gòn, ông đã lập một đài phát thanh bí mật tại một địa điểm gần đình xã Phú Nhuận, mỗi ngày có bản tin thời sự và bình luận, mở đầu bằng tiếng cồng chiêng và "Đây tiếng nói của Quân Đội Quốc Gia Đại Việt, phát thanh từ Trường Sơn...". Xướng ngôn viên nói giọng Nam và Bắc... Ở Sài Gòn nhiều người nghe được đài này rất rõ. Đài phát thanh bí mật này hoạt động từ mùa Hè 1955 đến mùa Thu 1958 thì không hoạt động được nữa vì làn sóng của đài bị phá, sau đó ông Hà Thúc Ký bị bắt.

Trong những ngày đầu của Ba Lòng, Minh không gặp

ông Nguyễn Văn Chương nhưng một thời gian sau thì Minh được biết có hai người từ Huế mới đến. Họ đi xe đò ra Hải Lăng và sau đó có người hướng dẫn theo đường núi lên Ba Lòng... Minh đã nhận ra ông "Cửu", người mà anh đã gặp trên chuyến đò từ làng lên tỉnh hôm mồng một Tết Ất Mùi (24/1/1955) và người kia là Nguyễn Văn Chữ, người làng An Cư, con ông Nguyễn Văn Tương, cựu Tri Phủ. Hai người này đến Ba Lòng vào giai đoạn chót trước khi chiến khu này tan rã. Minh biết rõ hoàn cảnh ông Nguyễn Văn Chương tức ông Cửu, là con trai duy nhất, không có chị em. Ông còn mẹ già, vợ và 4 đứa con nhỏ, 3 trai, một gái, nhà nghèo, có ít ruộng vườn tạm sống qua ngày. Nghe nói ông là Xứ Ủy Viên. Ông không giữ bất cứ chức vụ gì trong chính quyền tại địa phương, chỉ dành thì giờ hoạt động cho đảng Đại Việt từ 1945 đến nay. Có thời gian trước 1954, ông chỉ huy đồn hương vệ An Lộng... Việt Minh đã tấn công vào làng, đốt nhà ông nên ông bỏ làng ra đi luôn. Sau khi xảy ra vụ Ba Lòng, ông trốn tránh ở Huế.. Ông là người bất khuất nên quyết định lên chiến khu để được sống cuộc đời tự do, hào hùng cho thỏa cái chí của mình, không muốn bị bắt vào tù... Ông Nguyễn Văn Chữ, tuy là con nhà quan nhưng cũng là người bất khuất, đành bỏ vợ con lại, ra đi theo anh em... Đó là sự lựa chọn của mỗi người, không ai bắt buộc họ phải làm như vậy.

Sau cuộc họp với sự có mặt của lãnh tụ Hà Thúc Ký tức Anh Cả trong đảng Đại Việt, Bộ Chỉ Huy tại Ba Lòng đã quyết định cho toàn bộ binh sĩ giải tán, về trình diện tại Quảng Trị hoặc tại Huế. Lý do: lương thực chuẩn bị để nuôi khoảng ba ngàn quân dự trù trong ba tháng nên khi tình hình đột biến như thế này không thể xoay xở cách nào khác được, đó là điều mà tất cả mọi người đều thấy rõ.

Minh được ở bên cạnh các cấp chỉ huy trong Bộ Tham Mưu nên cảm thấy khó xử khi từ bỏ anh em để trở về với gia đình. Sau khi đa số anh em binh sĩ tự động rời bỏ hàng ngũ, Minh vẫn đi theo ông Tướng Trần Bình vào sâu trong các làng người thiểu số, sống chung với họ. Một hôm chú Khai nói riêng với Minh:

- Cá nhân chú đã theo cách mạng, theo đảng lâu rồi, mình đã chọn một con đường thì chấp nhận mọi hậu quả do mình

gây nên nhưng cháu thì qúa trẻ và quá mới mẻ. Cháu nên tìm cách trở về, cũng chưa muộn đâu!

Ông "Cửu" cũng khuyên Minh nên trở về... Ông nói:

- Trường hợp của cháu còn quá trẻ và quá mới, chưa ai biết gì về cháu, cháu nên về..., còn có cơ hội làm lại cuộc đời... Phần chúng tôi, phải ở đây để chờ cơ hội..., không thể ra mặt đầu hàng lúc này được... Làm cách mạng thì phải chấp nhận thành, bại...

Chú Khai đưa Minh đi một đoạn đường, khi đã ra khỏi trung tâm, nơi ông Tướng và anh em còn lại sinh sống bên cạnh người thiểu số, chú trao cho Minh hai quả lựu đạn và một khẩu súng ngắn. Chú nói:

- Đây là vũ khí tự vệ khi gặp thú dữ hay bọn Cộng Sản nằm vùng... Cháu phải đi ngay bây giờ, đang lúc đêm khuya, đừng đợi sáng sẽ bị phát hiện... Về đến thành phố vứt hết vũ khí, tay không đi trình diện... Nhớ cầu nguyện cho nhau!

Minh quỳ xuống, lạy chú ba lạy... rồi đứng lên quay mặt đi thẳng vào rừng... Hai hàng nước mắt tuôn rơi... Theo lời chú, Minh chạy thật nhanh trong bóng đêm, dưới ánh trăng mờ của một đêm đầu Hè oi bức.

Về Quảng Trị, Minh nhờ một người quen dẫn đến trình diện An Ninh Quân Đội. Sau khi làm thủ tục khai báo lý lịch, nói rõ thời gian qua làm gì, ở đâu, đồng bọn gồm những ai, tên người chỉ huy, kế hoạch hoạt động v.v... Minh đã khai như sau: sinh năm 1936, gia đình theo đạo Công Giáo, nhà nghèo, cha mẹ làm ruộng, nhập ngũ năm 1954 lúc 18 tuổi, làm theo lệnh cấp trên, khi biết rõ là lầm đường thì tìm cách trốn về, xin chính phủ Quốc Gia khoan hồng...

Mùa Hè năm 1955, Minh bị đưa vào giam tại Trung Tâm Cải Huấn tức lao xá Quảng Trị, bên trong Cửa Hữu, thành Đinh Công Tráng, vừa đúng 19 tuổi. Bạn bè cùng lứa tuổi với Minh có người đang cắp sách đi học, đang chuẩn bị thi Trung Học hay Tú Tài hoặc đang ở trong quân đội, cũng có người sống ở làng, làm ruộng và đã có vợ con. Ngày đầu tiên mới bước chân vào nhà tù, Minh gặp một số người quen, một số là sĩ quan trong Lực Lượng Nghĩa Dũng Đoàn Quảng Trị, một số là viên chức Hành Chánh hay Cảnh Sát v.v..., vì có liên quan đến đảng Đại Việt nên bị giam giữ ở đây như

ông Hoàng Phụng đã từng làm Chánh Văn Phòng Tòa Hành Chánh tỉnh rồi Trưởng Ty Ngân Khố..., ông Lê Đình Thất, Chỉ Huy Cảnh Sát quận Hải Lăng... Một số khác như Đoàn Minh Đoái, Nguyễn Hữu Nhuận, Hồ Sĩ Minh, Nguyễn Văn Đậu v.v... đều là đảng viên Đại Việt... Sau một thời gian thì một trong số những người đó được đưa vào giam giữ ở Huế cùng với những người khác như các ông Nguyễn Văn Mân, Hoàng Xuân Tửu, Hoàng Văn Hiền...

Sau khi Minh vào tù rồi thì số anh em còn lại chia nhau đi về vùng đồng bằng hoạt động và đã lần lượt bị bắt. Thiếu Tá Nguyễn Văn Lý bị bắt trên một chiếc thuyền giữa sông Hương, Trung Úy Lê Bá Thứ bị bắt tại Hải Lăng khi đang trà trộn hoạt động trong dân... Đại Úy Nguyễn Ngọc Cứ, Thiếu Tá Phạm Văn Bôn, Thiếu Tá Phan Ngũ, Đại Úy Phạm Văn Đồng... cũng bị bắt. Những người không tham gia chiến khu Ba Lòng nhưng thuộc thành phần lãnh đạo đảng Đại Việt ở miền Trung, miền Nam, Bắc di cư 1954 v.v... đều bị bắt. Số đảng viên từ Huế trốn vào Sài Gòn, một thời gian sau lần lượt cũng bị bắt hết như các ông Đoàn Văn Thái, Lê Phùng Thời, Hà Thúc Kỷ... Vì thế mạnh ai nấy chạy, tìm đường trốn qua Miên, Lào hay qua Pháp. Một số khác đang trốn tránh, sống ngoài vòng pháp luật... Nghe nói Lâm Trường Sơn và Đặng Ngọc Xuân, hai người thiện xạ của Sài Gòn gửi ra Ba Lòng cũng đã rời khỏi chiến khu và hiện đang có mặt tại Sài Gòn. Những người trốn được ra ngoại quốc đa số gốc miền Nam, như Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn, Kỹ Sư Phan Thông Thảo, nhà báo Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Ngọc Tân, các ông Dương Văn Liệng, Ung Ngọc Nghĩa v.v... Trong số cán bộ hiện đang sống lưu vong ở nước ngoài chỉ có Nguyễn Văn Đạt, Chỉ Huy Trưởng Nghĩa Dũng Đoàn Trung Việt 1954 là người miền Trung. Những người từ Ba Lòng trở về bị bắt cũng được xem như là một hình thức đầu hàng... Một số anh em khác mai danh ẩn tích trong quân đội hay các ngành hành chánh, công an, cảnh sát v.v... chưa bị phát hiện...

Hàng ngày Minh nghe được những tin tức như "quân đội quốc gia hành quân dẹp loạn Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên... tại miền Nam"... Tháng 10 năm 1955 có cuộc trưng cầu dân ý, toàn dân truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại, suy tôn

Thủ Tướng Ngô Đình Diệm lên làm Tổng Thống, bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, soạn thảo Hiến Pháp mới, xây dựng một chế độ dân chủ... Đài phát thanh và báo chí đề cao công cuộc chống Cộng, xem Tổng Thống Ngô Đình Diệm là người chống Cộng số một của Việt Nam. Những người chống Cộng từ 1945, hy sinh xương máu, bị tù tội dưới chế độ Cộng Sản, ruộng vườn bị Cộng Sản cướp, tài sản bị tịch thu, nhà cửa bị đốt cháy (như những người trong làng của Minh) bây giờ trở thành đối lập với chế độ. Những người chống Cộng lại bị tù tội dưới chế độ chống Cộng... Thật là oái oăm! Thật vô lý hết sức!

Những người ra đầu hàng, những người trở về hay những người bị bắt giam cũng là "may" cho họ... vì dù cho bị tù tội đi nữa thì họ vẫn còn sống, vẫn còn có cơ hội gặp lại vợ con, vẫn còn nuôi hy vọng "ngày mai trời lại sáng", có ngày sẽ được tự do... Những người bất khuất như Thiếu Tướng Trần Bình (Nguyễn Trung Thành), Dương Minh Khai, Nguyễn Văn Chương, Nguyễn Xuân Lâm v.v... nghe nói đã chết vì đụng độ với Cộng Sản từ miền Bắc xâm nhập vào hoặc bọn nằm vùng trở lại hoạt động. Tại Bến Hiên (tức chiến khu Đại Mỹ) ở Quảng Nam, bọn Huyện Đội của Cộng Sản đã dụng độ với Đại Việt do Trung Úy Nguyễn Lâm chỉ huy, kết quả Nguyễn Lâm và 12 đồng chí đã hy sinh. Nghe đâu những người cuối cùng đi theo Thiếu Tướng Trần Bình đã tấn công một căn cứ bí mật của Việt Cộng trên Trường Sơn và bị bọn chúng trả thù. Kết quả toàn bộ lực lượng của Tướng Trần Bình bị tiêu diệt, không một người nào sống sót trong đó có Nguyễn Văn Chương, Dương Minh Khai và Nguyễn Xuân Lâm là những người Minh quen biết. Ngoài ra, trong số đảng viên Đại Việt ly khai lên Ba Lòng còn có hai nữ đồng chí là chị em cô Tần, cô Tạo ở bến đò Đại Lộc cũng mất tích luôn, không biết bây giờ sống chết ở đâu!

Minh về đến đầu làng thấy cảnh quê hương vào mùa gặt, nông dân đang gánh lúa về nhà... Cha mẹ Minh đang làm việc ở ngoài đồng, nghe tin, vội trở về nhà gặp con, mừng mừng tủi tủi... Minh thấy vợ chú Khai ẵm đứa con trai chưa được một tuổi, bên cạnh còn có một cậu chừng 10 tuổi; ba người đang chạy đến nhà Minh... Thím nôn nóng muốn biết tin tức chú Khai, còn sống hay chết, hiện ở đâu? Thím tâm sự:

- Năm 1946, chú Khai bị Việt Minh bắt thì cháu Hải lúc đó đang ở trong bụng mẹ, cháu ra đời không thấy mặt cha! Năm 1955, khi chú Khai lên Ba Lòng thì cháu Nam cũng đang ở trong bụng mẹ, cháu cũng ra đời không thấy mặt cha!

Minh lặng người đi trước cảnh gia đình tan nát của chú thím Khai. Từ 1946 đến nay, đã 10 năm qua thím Khai vẫn ở với ông bà nội, đợi chồng nuôi con. Minh kể lại cho thím giờ phút chia tay với chú Khai ban đêm trong khu vực người thiểu số sinh sống. Từ đó Minh không còn biết tin tức gì về những anh em còn ở lại trên đó. Minh hy vọng họ vẫn còn sống ở vùng biên giới Lào-Việt...

Mấy hôm sau Minh tìm cách đến thăm gia đình ông "Cửu", thấy vợ con ông nheo nhóc trong một mái nhà tranh. Bà nội các cháu thường bỏ nhà đi lang thang chỗ này chỗ nọ, ở lại nhà bà con chơi vài hôm, có khi hàng tháng chưa trở về. Đứa con trai lớn gửi cho bà ngoại nuôi, đứa con gái út cứ đau ốm còi cọt, bụng ỏng eo, cuối cùng vì không có thuốc men, thiếu dinh dưỡng nên đã chết cách nay ít lâu. Bà vợ ông "Cửu" trước đây là con nhà giàu, nay phải đi làm thuê, làm mướn cho người ta, cúi đầu chịu nhục để kiếm bát gạo nuôi con... Gia đình ông "Cửu" còn khổ hơn gia đình chú Khai nữa! Bên chú Khai còn có đông anh em, còn ông bà nội, còn có nhà cửa ruộng vườn, họ hàng đùm bọc nhau. Còn bên ông "Cửu" quá đơn chiếc, vợ ông là "con gái đi lấy chồng xa", khi tối lửa tắt đèn, sa cơ thất thế không biết nhờ cậy vào đâu!

Trên đường trở về nhà, Minh gặp chú Thu, em chú Khai. Trước đây chú cũng là lính cùng đơn vị với Minh. Ngày xuất phát lên Ba Lòng, chú nhận được tin tức gì đó nên đã bỏ đơn vị trốn đi, nhờ một vị Linh Mục che chở. Sau khi tình hình lắng dịu, chú đi trình diện cơ quan an ninh và khỏi bị tù... Gặp lại nhau, chú cho Minh biết, "theo sự thỏa thuận giữa chú và chú Khai, trong hai anh em, một người đi, một người ở nhà để lo cho cha mẹ". Minh nói với chú:

- Thật may cho chú, nếu chú cũng đi theo chú Khai thì bây giờ không biết số phận của chú ra sao?.

Bạn bè cùng lứa tuổi ở trong làng, nghe tin Minh vừa được ra khỏi tù trở về... đã đến thăm, thấy Minh có mang về một cây đàn ghi-ta, có người mượn xem rồi dạo bài "Ngày

trở về" của Phạm Duy: "Ngày trở về, anh bước lê, trên quãng đường đê đến bên lũy tre, nắng vàng hoe, vườn rau trước hè chào đón người về... "

Một, hai, ba... Mọi người cùng cất tiếng hát, có người vỗ tay phụ họa theo.

Tối hôm đó, sau khi mọi người ra về hết, cảnh nhà trở lại yên tĩnh, Minh nằm gác tay lên trán không sao ngủ được. Những hình ảnh bạn bè đồng đội, những bạn tù còn đang bị giam giữ, hình ảnh con sông Ba Lòng với ghềnh đá cheo leo, những con đường mòn xuyên qua rừng núi, những cuộc hội họp, sinh hoạt..., nhất là hình ảnh giờ phút cuối cùng khi chia tay chú Khai để ra đi mà Minh có cảm giác đây là lần vĩnh biệt, sẽ không bao giờ còn gặp lại chú nữa. Minh thèm một giấc ngủ yên lành sau những ngày đầy lo âu, căng thẳng nhưng mấy đêm liền Minh không sao nhắm mắt được. Quá nửa đêm, thấy rạo rực trong lòng, nghe như có tiếng ai gọi ở phía bên kia hồ rau muống trước mặt làng, Minh bèn xách cây đàn ra đi về phía "cồn mả" nơi an táng kẻ chết trong làng. Đây là một di tích lâu đời, có những nấm mồ vô chủ kể hàng trăm năm rồi, cỏ hoang mọc đầy... Hồi nhỏ Minh và bạn bè, thường tụ tập chơi đá banh. Bọn trong làng chia ra hai phe: "phe học trò, phe giữ bò" đấu với nhau rất hào hứng, đến nỗi người lớn trong làng cũng kéo nhau ra xem để cổ vũ cho con em của mình.

Minh chọn một nơi cao nhất và bắt đầu dạo đàn. Nhạc cử bài "Hồn tử sĩ"... Minh vừa đàn vừa hát: "Đêm khuya âm u, ai khóc than, trong gió ngàn...". Tiếng đàn vừa trổi lên, Minh nghe như có tiếng than khóc, năn nỉ ỉ ôi..., như tiếng người quen từ xa gọi về. Minh nhận rõ tiếng chú Khai, rồi tiếng ông "Cửu". Không lẽ hai người này đã chết, nay hiện hồn về báo tin cho mình? Tay vẫn đàn nhưng tâm thần Minh đi vào trạng thái hôn mê. Minh không biết mình đang ngủ hay thức? Minh thấy những người quen trong nhóm còn lại ở chiến khu Ba Lòng xuất hiện trong đó có ông Tướng, chú Khai, ông "Cửu" và những đồng đội của Minh ngày xưa... Lần lượt những người bà con trong làng, trong họ đã chết cũng xuất hiện, cả đến những quan tài, những đám tang của lính Tây ngày xưa tại nhà thờ Công Giáo Thạch Hãn, thị xã Quảng Trị, những người ngực mang đầy huy chương... cũng xuất hiện. Minh

muốn chấm dứt ở dây, không đàn nữa nhưng tay anh vẫn hoạt động tưởng chừng như do ai đó điều khiển chứ không phải chính người chủ cây đàn này. Từ nửa đêm cho đến khi tiếng chim họa mi cất lên một hồi thánh thót, trong trẻo sau rặng cây và vừng hồng bắt đầu xuất hiện ở phía chân trời thì tiếng đàn của Minh mới ngừng lại.

Tình trạng đó kéo dài suốt một tháng khiến cho sức khỏe của Minh sa sút trầm trọng. Minh đến gặp Linh Mục ở nhà thờ, xin một Thánh Lễ cầu nguyện cho bạn bè và những người đã chết. Minh trình bày với Linh Mục tất cả những gì đã xảy ra với anh trong vòng một tháng nay. Ông Cha xứ cũng không giải thích được. Ông chỉ khuyên Minh nên tìm gặp Bác Sĩ ở bệnh viện tỉnh, xem họ có thuốc gì giúp anh để "an thần" hay không? Ông cũng khuyên anh hãy cầu nguyện và đặt niềm tin vào Chúa và Đức Mẹ. Ông cũng hứa sẽ cầu nguyện cho anh được bình an sức khỏe.

Năm 1956, Minh vừa đúng 20 tuổi nhưng trông cao lớn, khỏe mạnh, thân hình vạm vỡ. Minh thường nói với bạn bè "nhờ cơm tù" mà mau lớn vậy đó! Cha mẹ Minh quyết định chọn vợ cho anh, cô gái của một gia đình ngoan đạo ở làng bên cạnh. Minh theo nghiệp nhà nông, làm ruộng, chăm sóc vườn rau, nuôi heo, nuôi gà như mọi người trong làng. Mỗi buổi sáng vào mùa Hè Minh thấy một đoàn người, toàn đàn bà con gái, vai mang những dụng cụ đánh cá đi ngang qua trước mặt nhà anh để ra ngoài sông... Đó là những người từ làng Đại Hào, cách làng Minh khoảng 4, 5 cây số, nơi đó không có sông nên họ phải đến làm ăn trên sông Dương. Minh tự nghĩ tại sao, ngoài công việc ruộng vườn, dân làng mình không ra sông để kiếm thêm chút tôm cá cho bữa ăn hằng ngày? Thế là từ đó, ngoài việc thường ngày ở nhà, Minh cũng sắm lưới, sắm câu, ra sông. Minh làm việc rất siêng năng, ngày nào cũng kiếm được ít nhiều tôm, cua, cá đem về.

Tối 23 tháng 10 năm 1956, trước lễ Quốc Khánh của nền Đệ I Cộng Hòa ba hôm, Minh nghe đài phát thanh Huế loan tin Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt do ông Nguyễn Tri Chỉ, Tòa Thượng Thẩm ngồi ghế Chánh Án; Thiếu Tá Nguyễn Văn Chuân ngồi ghế Công Tố, xét xử "nhóm phản loạn, ly khai Ba Lòng": Các ông Hà Thúc Ký, Trần Bình (tức Nguyễn Trung

Thành), Phạm Văn Bôn và Phạm Văn Đồng: án khổ sai chung thân (vắng mặt). Phạm Văn Đồng trốn vào Sài Gòn bị bắt và bị đày ra Côn Đảo...

Những người khác hiện đang bị giam giữ gồm có: Thiếu Tá Nguyễn Văn Lý (15 năm khổ sai); Thiếu Tá Hoàng Văn Hiền (10 năm khổ sai), Đại Úy Nguyễn Ngọc Cứ (10 năm khổ sai). Thành phần dân sự: Hoàng Xuân Tửu (6 năm tù ở); Nguyễn Văn Mân (5 năm tù ở). Ông Trần Điền, cựu Tỉnh Trưởng Quảng Trị bị án 6 năm tù (nhờ có bảo Quốc Huân Chương và nhờ Linh Mục Cao Văn Luận, Viện Trưởng Đại học Huế xin với Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên được miễn thọ hình, nghĩa là có án nhưng không bị ở tù).

Thiếu Tá Phan Ngũ, Trung Đoàn Trưởng Lê Lợi bị giam 5 năm thì bị bệnh chết.

Thiếu Tá Trương Xuân Phong, Đại Úy Hà Thúc Bồng, Đại Úy Nguyễn Công Nghệ, Đại Úy Hoàng Thanh Liêm mỗi người 5 năm tù. Những người khác từ 3 năm đến 1 năm như Hoàng Phụng (Trưởng Ty Ngân Khố), Nguyễn Văn Nhuận (Trung Uý), Lê Bá Thứ (Trung Úy), Lê Đình Thất (Trưởng Ty Công An Hải Lăng), Đoàn Minh Đoái, Hồ Sĩ Minh (Hành Chánh), Đặng Ngọc Từ, Nguyễn Văn Nhu (Trung Úy), Nguyễn Văn Khuyên (Thiếu Úy), Hoàng Văn Năm, Nguyễn Dũng (Thượng sĩ) v.v...

Trước đó, Tòa Án Sài Gòn và Nha Trang cũng đã xét xử một số đảng viên Đại Việt bị bắt giam từ 1955 ...

Cuối năm 1958, Minh nghe tin "Anh Cả" tức lãnh tụ Hà Thúc Ký đã bị bắt tại Sài Gòn. Như thế là không còn ai lãnh đạo anh em trong nước nữa rồi! Anh em ở tù ra, ai lo thân nấy, lo tìm kế sinh nhai. Trong số những người bị tù từ 1 năm trở lên, đa số là sĩ quan, chỉ có Minh là cấp bậc nhỏ nhất: lính!

Minh ở nhà làm ruộng được mấy năm, vợ sinh được ba đứa con, một gái hai trai thì Chủ Tịch xã Triệu Thuận mời anh đến và trao cho anh chỉ huy Trung Đội Dân Vệ (sau này đổi tên là Nghĩa Quân) của xã. Anh có nhiệm vụ gìn giữ an ninh cơ quan hành chánh xã và bảo vệ cho đồng bào chống bọn du kích Việt Cộng phá rối tại địa phương. Chủ Tịch xã nói với anh:

- Tôi biết anh là người có lập trường chống Cộng, có khả

năng chỉ huy về quân sự, trẻ tuổi, đầy đủ sức khỏe, được đồng bào trong xã quý mến nên đề nghị với ông Quận Trưởng tuyển dụng anh...

Minh sống với gia đình, bà con làng xóm đã sáu năm nay nên cũng không muốn đi đâu xa nên anh nhận lời. Từ 1962 trở đi, Việt Cộng gia tăng khủng bố ở nông thôn nên Trung Đội của Minh phải xây lô cốt, rào kẽm gai, đào giao thông hào để phòng thủ xã. Mỗi đêm Minh phải dẫn anh em đi tuần phòng những trục giao thông trọng yếu trong xã. Minh truyền thụ cho anh em những điều anh học được trong đơn vị ngày xưa, đặc biệt về tác xạ và võ thuật. Vì nhà ở gần trụ sở xã nên ban ngày Minh về nhà ăn cơm, ban đêm ở lại với anh em trong đồn. Minh làm việc siêng năng, đem lại tình hình an ninh rất khả quan cho đồng bào. Mọi người đều dành cho Minh nhiều cảm tình.

Tháng 5 năm 1963, phong trào Phật Giáo tranh đấu chống chế độ nhà Ngô bùng nổ ở Huế và lan ra các tỉnh miền Trung, Minh thường nghe tin tức qua đài BBC, VOA và các đài trong nước. Minh biết Việt Cộng sẽ lợi dụng tình thế đó để gia tăng hoạt động xâm nhập vào các phong trào quần chúng. Một hôm có việc đi lên tỉnh, ngang qua nhà Trung Úy Lê Bá Thứ, bạn tù với Minh trong vụ Ba Lòng năm xưa, Minh ghé vào thăm gặp lúc anh Thứ đang xay lúa giã gạo. Từ ngày ra khỏi tù, Trung Úy Thứ chỉ quanh quẩn ở làng Hà My, gần quận lỵ Triệu Phong, không dám đi đâu xa. Thăm hỏi, trao đổi một vài tin tức xong, Minh lên đường ngay vì sợ có kẻ theo dõi. Có lần đi qua làng Đâu Kênh, Minh ghé vào nhà thăm anh Đoàn Minh Thiện cũng là "dân Ba Lòng với nhau". Từ ngày ở chiến khu trở về, anh Thiện bị bệnh phổi nặng, thường thổ huyết, anh có nghề y tá, ở nhà chích thuốc, chữa bệnh cho bà con. Anh Thiện thường nghe tin tức các đài BBC, VOA nên rất am hiểu tình hình. Theo nhận định của anh Thiện thì Mỹ không còn ủng hộ ông Ngô Đình Diệm nữa. Mâu thuẫn giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn, chưa chắc ông Diệm còn ngồi lâu được. Thế nào cũng có biến cố chính trị... Nghe những tin tức đó, Minh rất hoang mang, lo lắng cho tình hình chung và nghĩ rằng Cộng Sản có thể lợi dụng lúc này để chiến thắng phe Quốc Gia!

Ngày 1 tháng 11 năm 1963, phe quân nhân do Trung Tướng Dương Văn Minh lãnh đạo đã làm đảo chánh, lật đổ chế độ. Hai anh em ông Diệm, ông Nhu bị thảm sát. Nghe tin đó, tự nhiên Minh cảm thấy không vui mặc dù Minh đã từng là nạn nhân của chế độ. Những ngày sau đó, Việt Cộng gia tăng ám sát, khủng bố, gây kinh hoàng cho đồng bào ở nông thôn. Tình trạng chia rẽ tôn giáo làm cho Minh rất chán nản, thất vọng. Các anh Lê Đình Thất, Lê Bá Thứ, Đoàn Minh Đoái ở Triệu Phong bắt đầu hoạt động trở lại, đi liên lạc móc nối anh em, họ mời Minh đi họp... Vì tình cũ nghĩa xưa, Minh cũng đến với anh em, hỏi thăm tin tức ai còn, ai mất... Anh em cho biết "Anh Cả" còn sống, ra khỏi tù và được mời vào Hội Đồng Nhân Sĩ tại Sài Gòn..., tuy nhiên đường lối của Tướng Dương Văn Minh không rõ ràng, có vẻ thiên về "giải pháp trung lập" có lợi cho Cộng Sản. Nghe tin đó Minh càng buồn hơn! Thay thế ông Diệm bằng một người như Dương Văn Minh thì thật là một lựa chọn xấu cho miền Nam Việt Nam!

Ngày 30/1/1964, sau 3 tháng cầm quyền, Thủ Tướng Nguyễn Ngọc Thơ đã bị bắt và chính phủ của ông bị giải tán. Dương Văn Minh còn đó nhưng quyền hành về tay Nguyễn Khánh và Trần Thiện Khiêm. Nghe nói trong vụ "chỉnh lý" này, các sĩ quan gốc Đại Việt như Huỳnh Văn Tồn, Nhan Minh Trang, Dương Quang Tiếp, Dương Hiếu Nghĩa, Cổ Tấn Tinh Châu, Lê Quang Lưỡng... nắm vai chủ động. Đằng sau nhóm sĩ quan này là "Anh Cả" (Hà Thúc Ký) và Nguyễn Ngọc Huy, tức Hùng Nguyên, một lý thuyết gia của Đại Việt mới từ bên Pháp về. Minh cảm thấy tràn trề hy vọng!

Một tuần sau, 8/2/1964, Trung Tướng Nguyễn Khánh trình diện tân nội các với tất cả 19 người từ Thủ Tướng, Phó Thủ Tướng, Quốc Vụ Khanh, Tổng Trưởng..., trong đó những nhân vật có liên hệ hoặc cảm tình với Đại Việt như Bác Sĩ Nguyên Tôn Hoàn (Phó Thủ Tướng đặc trách Bình Định), Kỹ Sư Hà Thúc Ký (Tổng Trưởng Nội Vụ), Bác Sĩ Phan Huy Quát (Tổng Trưởng Ngoại Giao), Trung Tướng Trần Thiện Khiêm (Tổng Trưởng Quốc Phòng), Giáo Sư Tiến Sĩ Bùi Tường Huân (Tổng Trưởng Giáo Dục), ngoài ra còn có Giáo Sư Nguyễn Văn Kiểu (Tổng Uỷ Trưởng Thanh Niên)... là một tin phấn khởi đối với Minh. Ông Hà Thúc Ký là người mà anh em gọi bằng

"Anh Cả" vốn không xa lạ đối với Minh. Tết Nguyên Đán năm Giáp Thìn đúng vào ngày 13/2/1964, anh em vui mừng và hy vọng vào tương lai đất nước sẽ tươi sáng hơn. Trong những ngày Tết, Minh lại được chứng kiến lễ bàn giao giữa Tân Tỉnh Trưởng Quảng Trị, ông Hoàng Xuân Tửu và ông Lê Tá, Cựu Tỉnh Trưởng. Ông Hoàng Xuân Tửu nguyên là Bí Thư Tỉnh Bộ Quảng Trị, là người đã bị 6 năm tù dưới chế độ nhà Ngô, là người cùng chung hoạn nạn với anh em trong đó có Minh.

Mấy tuần sau đó, Anh Cả Hà Thúc Ký đến thăm anh em Quảng Trị, khai mạc khóa cán bộ Bình Định Nông Thôn tại Triệu Phong. Minh cũng có mặt để chào đón người của chiến khu Ba Lòng năm xưa! Tiếng vang của chiến khu Ba Lòng đã làm cho bao nhiêu thanh niên thế hệ của Minh cũng như bây giờ nức lòng vì thế chỉ trong một thời gian rất ngắn, từ sau ngày 01/11/1963 đến tháng 2 năm 1964, hàng ngàn bạn trẻ đã gia nhập Đại Việt tại Quảng Trị.

Tháng 4 năm 1964, Minh được lệnh rời xã để đi nhận nhiệm vụ mới, được chuyển qua Địa Phương Quân và đi làm Đồn Trưởng một đồn ở Ba Bến thuộc quận Hải Lăng. Minh đến trình diện tỉnh hôm 4/4/1964. Cũng trong ngày hôm đó, Minh được tin Anh Cả tức ông Hà Thúc Ký đã từ chức Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ vì bất đồng quan điểm với Thủ Tướng Nguyễn Khánh. Từ đó tình hình chính trị tại Sài Gòn càng ngày càng thêm lộn xộn, sinh viên tiếp tục biểu tình chống Nguyễn Khánh. Sau khi ông Hà Thúc Ký từ chức thì đến lượt Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn "lưu vong", rồi Đại Tướng Trần Thiện Khiêm mất chức Tổng Trưởng Quốc Phòng, đi làm Đại Sứ... Thấy nội bộ quốc gia chia rẽ, tranh giành quyền lực, Minh vô cùng chán nản, thất vọng.

Từ lâu Minh không đụng đến cây đàn... nhưng vào một đêm mùa Thu, gió heo may lạnh thổi đến, bóng tối bao trùm vạn vật, đang nằm ngủ trong đồn bỗng nhiên Minh thấy trong người mình nóng như lửa đốt, không biết có chuyện gì sắp xảy đến đây? Anh nhìn cây đàn treo trên tường thấy rung lên như chao đảo, có lẽ vì gió tạt qua mành làm cho nó lung lay chăng? Minh cầm cây đàn lên, nghe như có tiếng người đang nói chuyện với mình. Minh thường đọc kinh cầu nguyện cho anh em đã chết vào buổi tối trước khi đi ngủ và chàng cũng

vẫn nhờ vị Linh Mục ở làng dâng Thánh Lễ cầu nguyện cho mình được bình an. Mấy năm rồi ma quỷ không còn phá phách Minh như ngày xưa khi mới ra tù nữa nhưng không hiểu sao hôm nay lại nghe những tiếng khóc than áo não lạnh lùng phát ra từ cây đàn. Ban đêm, sợ kinh động anh em đang làm nhiệm vụ canh gác nên Minh ôm cây đàn, ngồi trong bóng tối đọc kinh cầu nguyện một mình. Bao nhiêu lần anh định đập nát cây đàn này đi nhưng vì đó là vật kỷ niệm của thời tù tội nên anh vẫn giữ nó để nhớ đến bạn bè đã khuất. Bỗng anh nghe rất rõ tiếng chú Khai gọi tên anh: "Minh! Minh! Chúng nó đang đến đó!". Minh quá xúc động, luýnh quýnh để rơi cây đàn từ trên cao xuống nền đá vỡ làm ba bốn mảnh. Ngay trong lúc đó Việt Cộng pháo kích vào đồn! Minh liền nhảy ra khỏi chỗ nằm, đánh kẻng báo động và kêu gọi anh em vào vị trí chiến đấu.

Việt Cộng bắn B.40 phá hàng rào kẽm gai và hô "xung phong! xung phong!". Minh nhảy lên bên trên pháo đài, tung hai trái lựu đạn ra phía có tiếng hô rồi bắn một loạt trung liên M.16 về phía chúng. Minh ra lệnh cho anh em cố thủ, đừng bỏ vị trí chiến đấu. Trọng pháo từ tiểu khu Quảng Trị bắn yểm trợ chung quanh đồn để giữ cho khỏi bị địch tràn ngập. "Anh em phải bình tĩnh và vững tâm chiến đấu cho đến khi trời sáng mới có tiếp viện". Tiếng của Minh nhắc nhở qua máy liên lạc. Sau mấy đợt tấn công, có tên đã vào gần chân tường nhưng bị quân ta ở bên trong bắn gục. Trời dần sáng, nghe rõ tiếng thiết vận xa M.113 đang băng qua cánh đồng và tiếng súng bộ binh giao tranh phía ngoài bờ sông. Anh em trong đồn càng vững tâm chiến đấu.

Việt Cộng lại hô "tiến lên! tiến lên! xung phong!...", tiếp theo đó là tiếng kèn đồng... rồi im bặt tiếng súng! Chúng đã có lệnh rút lui khi nghe tiếng xe tiếp viện của ta đến! Trời sáng hẳn, anh em trong đồn hỏi nhau:

- Có ai chết? có ai bị thương không?

Có tiếng trả lời:

- Có, có người bị thương! Không có ai chết!

Nhưng mọi người nhìn lại không thấy Minh đâu?

- Đồn trưởng đâu?

- Anh Minh đâu? Anh Minh đâu?

Đoàn quân tiếp viện đã có mặt tước cửa đồn. Anh em trong đồn cùng nhau chạy ra ngoài vị trí chiến đấu. Không thấy Minh, mọi người đi tìm... Minh ngã xuống trên nóc pháo đài, một tay cầm cây tiểu liên M.16, một tay chỉ xuống dưới, nơi đó hai tên Việt Cộng nằm chết cạnh khẩu B.40!

Năm 1964, Minh vừa đúng 28 tuổi!

Nguyễn Lý Tưởng

* Từ 1955, cách nay 54 năm, Nguyễn Lý-Tưởng đã gặp gỡ các nhân chứng vụ Ba Lòng như Nguyễn Ngọc Cứ, Nguyễn Văn Lý, Dương Anh Minh..., đặc biệt chính Thiếu Tá Nguyễn Văn Lý, người trực tiếp tổ chức chiến khu Ba Lòng đã bị kêu án 15 năm tù đã để lại bút tích cho tác gia để hoàn tất tài liệu này dưới dạng truyện ngắn vào ngày 4/2/2009 (10 tháng Giêng Kỷ Sửu).

THU CÒN VƯƠNG NẮNG

Cụ Vũ, người miền Bắc, vào học trường Quốc Tử Giám, thi đỗ Cử Nhân Hán Học, xin được một chức quan nhỏ thuộc bộ Hình ở Huế. Mùa Thu năm 1945, sau khi Việt Minh cướp chính quyền, vua Bảo Đại thoái vị, cụ về xóm Nam Giao mua một căn nhà nhỏ với mấy sào đất, tự tay xây dựng nên một cái vườn cây cảnh rất đẹp, đặc biệt chuyên trồng hoa thược dược.

Trước khi vào Huế, Cụ đã có vợ ở quê nhà do cha mẹ chọn từ khi cụ còn cắp sách đi học. Bà này nhan sắc tầm thường, không có học hành gì nhưng lại chịu khó làm ăn, biết chăn nuôi trồng trọt, lo phụng dưỡng mẹ chồng và đã sinh cho cụ một đứa con trai nối dõi tông đường. Từ ngày cụ vào kinh đô, bà chưa một lần đi thăm chồng, suốt đời cam phận, lo giữ gìn nhà cửa kẻo sợ người khác tranh mất phần hương hỏa của con. Trải mấy năm chiến tranh từ 1945 đến 1954, rồi Hiệp Định Génève chia đôi đất nước, cụ hoàn toàn mất liên lạc với gia đình ở quê nhà thuộc vùng kháng chiến do Việt Minh kiểm soát. Bây giờ cụ chỉ biết an vui tuổi già ở xóm Nam Giao với bà người Huế, vừa duyên dáng, vừa trí thức lại thêm cô con gái xinh đẹp, mang tên một loài hoa trong vườn: Thược Dược, rất được cụ cưng chiều. Dân trong xóm không đông lắm nhưng họ sống với nhau rất có tình nên cụ cũng muốn ở đây luôn mà không nghĩ đến chuyện dời nhà đi nơi khác.

Mỗi năm vào cuối tháng Chạp, trời lành lạnh có điểm thêm mưa phùn, hoa nở đủ màu, cụ bứng hoa vào chậu, đem bày ở trước sân nhà cho khách qua lại thưởng thức. Danh

tiếng vườn hoa Nam Giao của cụ đã khiến cho nhiều người ở xa phải lặn lội vượt qua ba con dốc cao để đến tận nơi, chọn cho được chậu hoa vừa ý đem về chưng ở nhà trong ba ngày Tết. Các nhà giàu, các tiệm buôn ở Huế thường khoe với bạn bè những chậu hoa xinh tươi này.

Cạnh nhà cụ có một đồn lính. Khoảng 1960, sau hòa bình được mấy năm, quân đội rút đi hết, khu nhà đó đã được sửa sang thành "Cư Xá Nam Giao" để sinh viên nghèo ở tỉnh xa về Huế học có chỗ tạm trú.

Mỗi ngày tiếng nhạc từ các quán bún, phở, cà phê, chè, nước mía... ầm ầm vang lên. Tiếng xe gắn máy đi về nườm nượp. Tiếng đàn, tiếng ca hát, tiếng người nói, tiếng cãi nhau ồn ào như vỡ chợ, nhất là vào giờ cơm. Buổi sáng, buổi tối còn có người chạy thể thao ngoài đường; ngày nghỉ thì có những cuộc chơi bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, tiếng vỗ tay vang dậy cả một góc sân.

Những cô gái duyên dáng cũng thấy xuất hiện bên cạnh các quán tạp hóa, quán sách báo để câu khách. Nữ sinh trong xóm đi học thường có một vài chàng sinh viên chạy xe theo, kềm sát bên cạnh, tìm cách làm quen, hỏi tên, hỏi địa chỉ. Có chàng đã bạo dạn theo các em đến tận trường, đến tận nhà. Con gái trong xóm cũng thay đổi nếp sống, đua đòi ăn mặc, cắt tóc kiểu mới, trang điểm son phấn mỗi khi ra đường... Quả thật đại học xá Nam Giao đã làm cho cuộc sống của dân chúng ở đây bị xáo trộn.

Thược Dược vào tuổi dậy thì càng thấy lòng mình rộn ràng hẳn lên. Cô thường tìm dịp ra vườn săn sóc hoa hay thay cha mẹ tiếp đón khách vào xem vườn... Những lần thấy cô xuất hiện, mấy chàng sinh viên thường lân la đến hỏi chuyện. Cụ Vũ tuổi đã ngoài sáu mươi lăm, thích làm thơ ngâm vịnh, lúc "xem hoa nở, khi chờ trăng lên". Bầu không khí nhẹ nhàng thanh thoát bên cạnh những khóm hoa tươi đã bao năm rồi rất thích hợp với cụ nhưng bây giờ bỗng nhiên cụ cảm thấy bị thương tổn bởi cuộc sống của đám sinh viên bên cạnh. Điều đáng lo ngại hơn hết đối với cụ là cô Thược Dược mỗi ngày một lớn, nhan sắc càng thêm duyên dáng, quyến rũ, không biết rồi tương lai sẽ ra sao?

Trong xóm có một chàng thanh niên con nhà nghèo, chăm

học, thường qua lại và đã trở thành bạn vong niên, chơi cờ tướng với cụ rất tương đắc. Nghe nói người cha của chàng ngày xưa làm nghề kim hoàn ở phố Gia Hội, về sau không hiểu vì lý do gì lại đem gia đình đến ở đây. Cha chết sớm, mẹ đổi nghề, mở lò làm bún, bánh bèo, bánh ướt, cung cấp cho bạn hàng ở chợ. Gia đình cũng tạm sống qua ngày.

Cha mẹ đặt tên cho chàng: Hoàng Hữu Bạc và cô em gái: Hoàng Kim. Có lẽ cha mẹ làm nghề vàng bạc nên đã chọn loài kim khí quý để đặt tên cho con nhưng đi đâu bạn bè cũng gọi chàng là thằng "bạc phước", "thằng tệ bạc"..., vì thế Bạc thường nói với mọi người:

- Tôi tên Bạc nhưng lòng tôi không bạc!

Sau khi thi đỗ Tú Tài II, Bạc thi vào trường Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang, quyết chọn cho mình một tương lai bềnh bồng trên sông biển. Bạc lớn hơn Thược Dược mấy tuổi. Chàng đã thầm yêu nàng từ lâu nhưng chưa dám viết thư hay trực tiếp ngỏ ý với nàng. Chàng dự định sau khi ra trường với cấp bậc Thiếu Úy sẽ nhờ người đến thưa chuyện với cụ Vũ cũng chưa muộn.

Bạc đi Nha Trang rồi, Thược Dược mỗi ngày một xinh và đã đến tuổi mười tám, đôi mươi lúc nào không hay. Những năm Bạc lăn lóc tại quân trường thì Thược Dược cũng đã học đến lớp Mười Hai, chuẩn bị thi Tú Tài Toàn Phần. Có biết bao chàng thanh niên ngắm nghé, tìm cách làm quen với nàng nhưng chưa có người nào được lọt vào mắt xanh của nàng. Ba năm qua, hình ảnh anh bạn hàng xóm tên Hoàng Hữu Bạc cũng đã phai mờ trong trí nhớ của nàng.

Một hôm vào mùa Tết, Thược Dược đang đứng trước sân tiếp đón khách thì bỗng một chàng sinh viên trông có vẻ hào hoa phong nhã bước vào... Thược Dược nhớ rõ, trước đây nàng chưa hề gặp chàng này bao giờ và cũng không biết tên, biết tuổi anh ta. Thế rồi, thỉnh thoảng chàng lại đến và tìm cách lân la trò chuyện, làm như hai người đã từng quen biết nhau lâu rồi. Chàng gọi đúng tên của nàng và chưa một lần cho nàng biết tên của mình.

Trong số bà con bên ngoại của nàng có Trung ở Bến Ngự, mỗi lần đến cư xá sinh viên tìm bạn bè trao đổi chuyện học hành, thường ghé vào nhà thăm cha mẹ nàng. Có lần đi học

về, nàng thấy Trung ngồi nói chuyện với chàng nọ trong quán cà phê trước mặt nhà. Thấy nàng, Trung cất tiếng chào nhưng nàng chỉ gật đầu rồi đi thẳng vào nhà ngay, không dừng lại. Sau đó, Trung tìm dịp gặp riêng nàng:

- Thược Dược, em thấy ông bạn của anh thế nào?

- Em có biết bạn của anh là ai đâu!

- Trần Minh Chung, chàng sinh viên ở bên cư xá Nam Giao thường đến thăm em tại vườn hoa đó. Chàng rất ái mộ em.

- Em có biết gì đâu!

- Thế anh ta không nói gì với em sao?

- Nhiều người đến xem hoa, mua hoa, làm sao em biết hết được! Ai hỏi thì em trả lời. Em đâu có hỏi tên tuổi, họ hàng người ta làm gì!

- Em không biết tên anh ta thật sao?

- Em không biết! Em không để ý!

- Chàng tâm sự với anh rằng chàng đã yêu Thược Dược...

- Em còn đi học, đang chuẩn bị thi cử, cha mẹ em đang đặt nhiều hy vọng nơi em... Anh đặt vấn đề đó với em làm gì?

- Trần Minh Chung sắp đi du học bên Tây Đức, tương lai sẽ là Kỹ Sư hay Tiến Sĩ, sẽ trở về làm việc cho quê hương, có thể là Giáo Sư Đại Học Huế sau này. Anh muốn giới thiệu Trần Minh Chung cho em. Chàng đã để ý đến em lâu rồi. Em có đồng ý cho Chung gặp không?

- Em sợ cha mẹ em không đồng ý!

- Để anh trình bày chuyện đó với ông bà cho.

- Nhưng em còn phải suy nghĩ kỹ đã. Hiện giờ em đang chuẩn bị thi cử...

- Trần Minh Chung sẽ vào Sài Gòn lo thủ tục giấy tờ xuất ngoại trước ngày em thi Tú Tài. Anh ta muốn em hứa một lời... để yên tâm trước khi đi xa.

- Em không dám đâu!

- Em hãy suy nghĩ kỹ đi rồi sẽ trả lời cho anh sau.

Nói xong, Trung từ giã Thược Dược lên xe Honda phóng đi.

Tối hôm đó Thược Dược trằn trọc mãi không ngủ được. Hình ảnh Trần Minh Chung cứ hiện ra trong trí tưởng tượng của nàng:

- Chàng có yêu mình thật không?

- Nếu mình nhận lời, biết đâu sau này ở ngoại quốc, chàng sẽ gặp người khác hơn mình, rồi sẽ bỏ rơi mình thì sao?

- Người ta thường nói "xa mặt thì cách lòng", điều đó có đúng không?

Những thắc mắc đó nàng không làm sao trả lời được!

*

* *

Thược Dược vừa đạp xe ra khỏi cổng nhà được chừng một đoạn đường thì nghe tiếng xe gắn máy của Trần Minh Chung theo đằng sau. Qua hết mấy con dốc, đến cầu Nam Giao, Chung liền cho xe kềm sát bên cạnh nàng

- Thược Dược! Anh muốn trình bày với em một chuyện quan trọng. Em vui lòng cho anh gặp riêng, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, tùy em quyết định.

- Anh là ai tôi chưa hề quen biết! Tôi bận đi học! Anh đừng đi theo tôi. Tôi sợ người ta dị nghị...

Chung không biết nói sao, đành phải chào nàng rồi phóng xe đi trước. Chàng suy nghĩ mãi mà không tìm ra cách gì để có thể gặp được nàng. Thế rồi chàng lại đi tìm Trung và kể cho Trung nghe câu chuyện giữa đường hôm trước với Thược Dược:

- Trăm sự nhờ anh đấy! Chỉ có anh mới có thể liên lạc được với nàng. Hay là tôi viết thư, nhờ anh trao cho nàng...

- Con gái khi mô cũng rứa... Đừng nản lòng... Để tôi cố gắng lần nữa xem sao? Tôi có ý định trình bày chuyện này với cha mẹ của nàng nhưng không nên thúc ép nàng quá. Phải để cho nàng suy nghĩ chín chắn mới được vì chuyện này rất quan trọng...

Thược Dược đã nhận được một món quà nho nhỏ nhân ngày sinh nhật của nàng do Trung mang đến. Đó là một lọ nước hoa đắt tiền mà nàng hằng mơ ước nhưng chưa bao giờ dám bỏ tiền ra mua để xài: "Thược Dược ơi! Anh yêu em lắm! Xin cho anh được gặp em một lần trong tháng Năm này trước khi đi xa... Anh sẽ đợi em ở đàn Nam Giao từ 5 đến 7 giờ chiều Thứ Bảy... . Trần Minh Chung".

Thược Dược đọc vội mấy dòng chữ của Trần Minh Chung viết trên một mảnh giấy nhỏ kèm theo gói quà... Nàng trao tất

cả cho Trung:

- Không được đâu! Nhờ anh trả lại cho "người ta" đi! Em sợ cha mẹ em... .

Trung năn nỉ:

- Em đừng làm thế... Trần Minh Chung là bạn cùng lớp với anh... Anh ta yêu em thật lòng và muốn xây dựng với em... Anh nhìn thấy tương lai của Chung rất sáng sủa... Sau khi học thành tài, Chung sẽ cưới em. Chung là thanh niên vừa học giỏi, vừa khôi ngô tuấn tú, con nhà danh giá, cha mẹ họ hàng đều tốt... Anh không bắt ép em... nhưng đây chỉ là giai đoạn tìm hiểu thôi, nếu hai người tâm đầu ý hợp thì sẽ tiến tới... Em không nên để mất một cơ hội...

Thược Dược vẫn im lặng không trả lời. Trung trao hết thư và quà vào tay nàng rồi bỏ đi.

*

* *

Dưới chế độ phong kiến, vua thay Trời để cai trị muôn dân nên gọi là thiên tử, con của ông Trời. Trên nguyên tắc, địa vị đó chỉ dành cho vua Trung Quốc là nước lớn trong thiên hạ, tất cả các chư hầu, nước nhỏ đều phải thần phục thiên tử. Dòng họ nào được thiên tử thừa nhận và phong vương thì có quyền cha truyền con nối cai trị dân trong nước của mình. Nếu có ai chống lại hay gặp trường hợp nước khác đem quân gây hấn thì thiên tử sẽ can thiệp hoặc các chư hầu cũng có thể nhân danh thiên tử đem quân đội đến giúp tái lập trật tự. Dân có bổn phận trung thành tuyệt đối với vua, còn vua thì chịu trách nhiệm với Trời. Vì thế, cứ ba năm một lần vua đi đến một chỗ đất nằm về phía Nam kinh thành gọi là Nam Giao để tế Trời.

Trải qua gần một ngàn năm dưới chế độ cai trị của Trung Quốc, từ năm 938, Ngô Quyền thắng được quân Nam Hán, đến đời Đinh Bộ Lĩnh, nhà Lương mới chính thức thừa nhận nền độc lập của nước ta và phong cho Đinh Bộ Lĩnh làm An Nam Quốc Vương. Dưới các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê và Nguyễn, các vua Việt Nam bên ngoài vẫn theo lệ triều cống, thừa nhận vua Trung Quốc là thiên tử nhưng bên trong vẫn là vua một quốc gia độc lập. Cứ ba năm một lần, vua nước ta vẫn tổ chức tế Nam Giao, tự xưng mình là thiên tử đối với

con dân trong nước. Bảo Đại là vị vua cuối cùng của Việt Nam đã tổ chức lễ tế Nam Giao.

Trời vừa hừng sáng, đoàn rước đã từ điện Thái Hòa ra cửa Ngọ Môn, đi thuyền qua sông Hương, thẳng tới Nam Giao, gồm có lính tráng, kỵ binh, tượng binh, ban nhạc của hoàng gia, các quan văn võ, các vị vương tôn công tử trong hoàng tộc. Sau hết là nhà vua và hoàng hậu ngồi trên mình voi che lọng vàng và có các nghi trượng cờ quạt theo hầu. Dọc đường vua đi qua, dân chúng lập bàn thờ hương án để chào đón. Trên bến dưới thuyền người người tấp nập kéo nhau đi xem.

Bên cạnh Nam Giao có một cái nhà gọi là Thanh Ốc để cho vua đến đó, ăn chay, nằm lạnh, tự kiểm điểm bản thân xem có làm tròn nhiệm vụ người lãnh đạo quốc gia, dân tộc mà trời đã trao phó hay không?

Theo quan niệm "trời tròn, đất vuông", bàn thờ tế Trời được đặt trên nền tròn, bao bọc bởi một nền vuông, nơi đó có bàn thờ các thần sông, núi, xã tắc. Vua là chánh tế, bước lên đứng ở trên đài hình tròn để tế Trời và tổ tiên, còn các quan thì đứng ở nền vuông để tế các thần thuộc về đất.

Từ ngày chế độ phong kiến sụp đổ, dân không còn được xem đám rước của vua đi tế Nam Giao nữa. Nơi đây đã trở thành một vùng trồng thông, nền hoang, cỏ mọc. Bọn mục đồng tha hồ thả trâu bò để cùng nhau tụ tập vui đùa hay các em học sinh trong xóm đến đá banh. Thỉnh thoảng có một vài du khách với tinh thần hoài cổ, đến đây ngồi nhìn lên núi Ngự Bình hay ngắm cảnh chiều tà bên kia dãy Trường Sơn.

Thược Dược ở xóm Nam Giao nhưng chẳng mấy khi đến đây chơi vì cuộc sống luôn bận rộn, nào học hành, nào chăm sóc vườn tược giúp cha mẹ. Sau khi nhận thư của Trần Minh Chung, nàng đã trải qua mấy đêm không ngủ, suy nghĩ mãi mà không biết phải trả lời chàng như thế nào. Mặc dù nàng đã tỏ ý từ chối, trả lại thư và quà nhưng Trung vẫn dúi vào tay nàng tất cả những gì của Trần Minh Chung gởi đến... Cuối cùng, trong âm thầm, nàng vẫn một mình đến điểm hẹn.

Trung không nói cho Trần Minh Chung biết chuyện Thược Dược trả lại thư và quà và chuyện chàng đã bắt ép nàng phải nhận..., do đó đúng ngày hẹn, Chung đã đến đàn

Nam Giao rất sớm để hy vọng được gặp nàng. Lần đầu tiên trong đời, Thược Dược đã nghe những lời tỏ tình của một chàng trai. Nàng chỉ im lặng không nói một lời nào để mặc cho chàng thao thao bất tuyệt, đem hết ruột gan ra trình bày với người yêu. Chung đã cho nàng biết những dự tính trong tương lai: chàng sẽ vào Sài Gòn làm thủ tục giấy tờ, sẽ xuất ngoại du học, sẽ học ngành gì, sẽ ở thành phố nào, quốc gia nào. Chung hứa sẽ viết thư, sẽ gởi quà, sẽ về thăm nếu có điều kiện...

Sự hiện diện của Thược Dược là bằng chứng trả lời cho Trần Minh Chung rằng nàng đã không từ chối lời đề nghị của chàng. Trước mắt, nàng phải thi đậu, phải vươn lên, phải đi làm để giúp cha mẹ già. Hai cụ Vũ không thể tiếp tục sống nghề làm vườn được nữa. Ông bà càng ngày càng lớn tuổi, sức khỏe kém nên phải thuê người đến cuốc đất, làm cỏ, tưới nước thay cho mình. Thu nhập cũng kém đi so với những năm trước.

Những ngày cuối tháng Năm, trước khi Trần Minh Chung lên đường đi xa, Thược Dược luôn luôn ở trong tâm trạng bâng khuâng, lo lắng... Một lần đã lỡ nhận lời đi chơi với chàng thì nàng cũng không thể từ chối lần thứ hai, thứ ba... Chàng đã đưa nàng đi xem chiếu phim, vào quán giải khát ăn kem và cũng có lúc đi xem danh lam thắng cảnh của miền sông Hương, núi Ngự... Những lần hò hẹn như thế, hai người đều không cho ai biết, kể cả Trung.

Lần cuối cùng trước khi từ giã nhau, Thược Dược đã quyết định để cho Trần Minh Chung chính thức đến thăm cha mẹ nàng. Trung đã thực hiện kế hoạch đó một cách hoàn hảo và đã khéo léo trình bày hoàn cảnh của bạn mình với hai cụ Vũ.

Cụ Vũ đã vui vẻ tiếp đón Trần Minh Chung; trong khi đó, Thược Dược lấy cớ bận học thi nên tránh mặt. Ông bà chỉ có một cô con gái nên chỉ muốn con ở với mình suốt đời nhưng chuyện đó chưa thể nói ra bây giờ được.

Chung vào Sàigòn, tuần nào cũng viết thư cho Thược Dược. Bao nhiêu điều chưa nói hết, chàng đã viết ra trong thư gởi cho nàng. Thỉnh thoảng cụ Vũ cũng nhận được thư của Chung thăm hỏi và gia đình cụ đã xem chàng như là một

người con tương lai rồi.

*

* *

Bạc nhận được giấy phép về thăm gia đình trong thời hạn mười hôm cùng với sự vụ lệnh đến trình diện đơn vị mới sau khi mãn khóa huấn luyện với cấp bậc Thiếu Úy Hải Quân. Chàng đã về Huế thăm mẹ vào những ngày cuối năm, trước Tết Mậu Thân 1968 chừng vài hôm. Ngay chiều hôm sau, chàng đã mang quà đến biếu cụ Vũ và đã nhờ Kim, em gái của chàng gặp riêng Thược Dược, trao cho nàng quà Tết và một bức thư. Chàng đã mang lễ phục sĩ quan màu trắng với huy hiệu của binh chủng qua trình diện cụ. Món quà Bạc mang biếu cụ là một bộ cờ tướng bằng sừng rất đẹp, còn thêm các thứ trà, bánh, mứt, rượu Tết.

Đối với cụ Vũ, Bạc cũng như con cháu trong nhà nên cụ luôn luôn tỏ ra thân tình với chàng. Bạc bây giờ là một thanh niên khôi ngô, tuấn tú, một sĩ quan mới ra trường, một quân nhân với trách nhiệm bảo vệ tổ quốc. Chàng rất tự hào với binh nghiệp của mình và cũng rất tin tưởng sẽ thực hiện được mộng ước của mình, nhất là vấn đề tình cảm, tình yêu đối với Thược Dược. Quà biếu cụ Vũ, Bạc đã đích thân, đường đường chính chính mang đến nhà nhưng quà riêng cho Thược Dược thì Bạc đã nhờ em gái kín đáo gởi đến cho nàng mà không cho mọi người biết.

Vừa thấy Bạc đi vào sân trước, cụ Vũ đã vội chào đón:

- Bạc đấy à ? Lâu ngày quá hè! Trông cậu bây giờ khác xưa quá.

- Mấy năm rồi cháu bận ở trong quân trường, nay đã mãn khóa, được về nghỉ phép thăm gia đình, nên mới có dịp ghé thăm hai cụ. Hai cụ vẫn khỏe chứ?

- Chúng tôi vẫn được bình yên cả. Cậu về thăm, bà cụ thân sinh có vui không?

- Dạ, mẹ cháu mừng lắm. Thược Dược có ở nhà không?

Cụ Vũ cất tiếng gọi nhưng không thấy Thược Dược trả lời, cụ bèn giải thích:

- Chắc em nó đi ra ngoài rồi.

Thật ra Thược Dược đã biết tin Bạc trở về từ chiều hôm qua và nàng cũng đã nhận được thư và quà của Bạc do Kim

mang đến tận phòng riêng của nàng. Món quà đó gồm một cái kẹp tóc bằng đồi mồi và một cây đèn đọc sách làm bằng vỏ ốc thật lớn, quà đặc biệt của miền biển Nha Trang và một cái vòng bằng bạc chạm trổ tinh vi do chính tay chàng làm ra. Bạc vốn là con của một người thợ kim hoàn nên chàng rất khéo tay. Sở dĩ món quà bằng bạc là vì chàng muốn nhắc cho nàng "Bạc" chính là tên của chàng. Khi nàng mang chiếc vòng đó vào tay có nghĩa là tên của chàng luôn gắn bó với cuộc đời tương lai của nàng.

Vốn quen thân với Thược Dược từ nhỏ nên Kim có thể vào phòng riêng của nàng mà không chút ngại ngùng gì. Kim đã tự động mang quà đến để trên bàn cho Thược Dược mà không nói năng gì thêm vì trong gói quà đó đã có thư riêng của Bạc. Chàng đã gởi cho nàng một bức ảnh chụp ngày được mang cấp bậc Thiếu Úy Hải Quân với lễ phục màu trắng, nét mặt rất tươi vui.

Thược Dược đọc dòng chữ chàng viết sau bức hình: "Nếu có ai trên đời này nói rằng đã yêu em chân thành và thề hứa trọn đời chung thủy với em thì người đó chính là anh đây: Hoàng Hữu Bạc".

Nàng đã nhận thư và quà nhưng im lặng không trả lời. Chàng không hiểu tại sao nàng đã cố ý tránh, không cho chàng gặp mặt? Thái độ đó làm cho Bạc suy nghĩ rất nhiều. Dù sao thì chàng vẫn luôn luôn nuôi hy vọng. Vì Thược Dược chưa chính thức nhận lời nên mẹ của Bạc không thể qua thưa chuyện với cụ Vũ được. Mối tình giữa Thược Dược và Trần Minh Chung chỉ có Trung và hai cụ Vũ biết mà thôi. Bên gia đình của Bạc, dù là lối xóm với nhau vẫn không hay biết gì.

Sau ngày Trần Minh Chung đi du học Tây Đức, sức khỏe của Thược Dược sa sút hẳn, điều đó rất trở ngại cho việc học hành. Nàng đã thi trượt cả hai kỳ thi Tú Tài và đã xin đi làm tạm để có tiền giúp cha mẹ và tự ôn lại bài vở đợi kỳ thi năm sau. Sự liên lạc giữa Trần Minh Chung và nàng trong năm đầu rất đều đặn, với những lời hứa hẹn đầy tin tưởng nhưng sau đó càng ngày chàng càng tỏ ra lạnh nhạt với nàng. Một hôm, tình cờ nàng nghe được từ một người bạn gái có anh ruột đi du học mới về thăm, kể lại đời sống phức tạp của những thanh niên Việt Nam ở nước ngoài làm cho nàng đâm

ra hoang mang, lo lắng. Thược Dược vẫn tin rằng chuyện tình cảm của mình và Trần Minh Chung, ngoài gia đình nàng ra, chắc không có ai biết.

Có lần, nàng đi vào thư viện thì nghe mấy chàng sinh viên nói với nhau:

- Con bé xinh thế mà để cho tên kia lừa dối. Bây giờ hắn bỏ rơi người ta mà đi theo đám khác!

- Con bé đã hiến dâng tất cả cho người yêu rồi!

- Chuyện đó là lẽ đương nhiên thôi!

- Con bé cũng được nhiều người cảm tình nhưng không một ai bắt liên lạc với nàng được...

- Tội nghiệp! Con bé đã đặt nhiều hy vọng vào tên đó và quá trung thành với hắn...

Những tiếng xì xầm, nhỏ to của bọn sinh viên cùng trường, cùng lớp với Trần Minh Chung, những lời kể lại của Hoàng, người nữ sinh Đồng Khánh có anh ruột mới ở ngoại quốc về... đã làm cho nàng rất đau khổ. Phải chăng mọi người muốn cho nàng biết về tình trạng của Trần Minh Chung hiện nay? Thời gian gần đây nàng lại nhận được thư của Trần Minh Chung thắc mắc chuyện này, chuyện nọ. Nàng cũng thường nghe những câu ví von:

"Ví đâu tình bạn muốn thôi,
Bạn gieo tiếng ác để rồi bạn xa!"

Giữa hai người dần dần đi đến tuyệt giao với nhau, không còn thư từ tin tức qua lại như trước nữa...

*

* *

Bạc chờ đợi đến ngày Tết để qua nhà cụ Vũ thăm Thược Dược nhưng tình hình chiến sự đã trở nên sôi động và tang tóc đã đến với Huế rất thê thảm. Đúng giờ giao thừa Tết Mậu Thân, sau lời chúc Tết của Hồ Chí Minh:

"Xuân nay khác hẳn mấy Xuân qua,
Chiến thắng tin vui khắp nước nhà.
Cương quyết đánh tan xâm lược Mỹ,
TIẾN LÊN... thắng lợi ắt về ta"

thì tiếng súng tấn công bắt đầu. Chàng nhớ rõ, khi đọc bài thơ đến hai chữ "TIẾN LÊN", giọng Hồ Chí Minh như gào thét. Lúc đầu nhiều người còn ngỡ là tiếng pháo mừng Xuân

nhưng sau mới phân biệt được rằng hai bên đang đánh nhau.

Gần nhà Bạc có đồn "Nam Giao" đã bị Việt Cộng bao vây. Các toán quân tiếp viện đều bị chận lại, chỉ còn tiếng đại bác của Tiểu Đoàn 12 Pháo Binh ở gần phi trường Phù Bài bắn yểm trợ bảo vệ chung quanh đồn mà thôi. Anh em quân nhân không thể thoát ra ngoài được nên phải tử thủ suốt gần một tháng.

Sau khi kiểm soát được toàn vùng, Việt Cộng bắt đầu vào nhà dân để bắt người... Bọn nằm vùng xuất đầu lộ diện, chỉ điểm cho bộ đội miền Bắc mệnh danh là "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam" vào bắt những thành phần công chức, cán bộ, quân nhân Việt Nam Cộng Hòa đang ăn Tết với gia đình. Bọn chúng cũng tập họp dân chúng lại để tuyên truyền "phổ biến chính sách 12 điểm của Mặt Trận... ".

Bạc đang mặc áo len trong người, vội vàng khoác thêm cái áo đi mưa rồi chạy thoát ra vườn. Một toán Việt Cộng vào nhà hỏi:

- Thằng sĩ quan "Ngụy" đâu rồi ? Mau mau ra trình diện!

Bạc nghe tiếng Kim trả lời:

- Anh tôi vừa qua Gia Hội thăm bạn bè... , không có ở nhà.

Kim nói thật lớn cố ý để cho Bạc đang núp ngoài vườn nghe biết hầu tìm cách trốn đi nơi khác. Một cô gái và mấy anh du kích vào nhà:

- Bộ áo quần sĩ quan "Ngụy" của hắn còn để đây! Nếu không ra trình diện thì "Cách Mạng" sẽ không khoan hồng đâu!

Vừa nói, bọn chúng đi lục soát trong nhà và tịch thu một số giấy tờ, sách báo, hình ảnh, đồng thời cũng vơ vét luôn cả bánh, trái, thức ăn mà mẹ con Bạc đã chuẩn bị cho ba ngày Tết... Mấy "chiến sĩ gái" trong bộ đội giải phóng, bọn du kích địa phương đang lúc đói rét nên đã "chiếu cố" tận tình, đến cả nồi thịt dưới bếp chúng cũng không chừa... Mọi người trong nhà phải làm ngơ, không dám để ý đến hành động bất nhã của bọn chúng và chỉ mong làm sao cho chúng đừng phát hiện ra chỗ Bạc đang ẩn núp.

Lợi dụng lúc Việt Cộng đang bao vây đồn Nam Giao và chia nhau đi kiểm soát nhà dân trong xóm, nhất là thời tiết đang mưa lạnh, mọi người đều ở trong nhà nên Bạc đã men

theo các gò mả, di chuyển thật nhanh mà không bị một ai phát hiện. Chỉ trong một thoáng, chàng đã đi được một quãng xa. Ngày xưa, có lần vào lúc nửa đêm, chàng đã ra nghĩa địa để tìm cảm giác lạ trong lúc cô đơn nên chàng rất thông thuộc địa thế vùng này. Bạc cũng có mấy người bạn ở làng Công Giáo Phủ Cam và biết rõ ở đó không có một gia đình nào đi theo Cộng Sản từ 1945 đến nay. Vấn đề phòng thủ, chiến đấu của dân ở đây rất chặt chẽ, trên dưới đoàn kết một lòng nên chàng hy vọng sẽ được an toàn khi đến đó.

Vào làng Phủ Cam rồi, Bạc đi tìm Thông, một bạn sĩ quan cùng khóa để nhờ tá túc và tham gia chiến đấu với anh em. Qua tin tức của đài phát thanh Quốc Gia cũng như Việt Cộng, Bạc biết toàn thị xã Huế, nhất là khu vực thành nội đã bị địch kiểm soát, chỉ còn Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 đóng ở Mang Cá vẫn còn chiến đấu. Ngày Mồng Năm Tết, tuyến phòng thủ Phủ Cam đã bị phá vỡ, một đơn vị cấp Tiểu Đoàn của giặc đã vào kiểm soát vùng này. Máy bay Mỹ đến bắn phá, nhiều nhà bị cháy, nhiều người bị thương, bị chết. Bạc bèn vào bên trong ngôi thánh đường kiên cố để ẩn núp.

Tối hôm đó bọn Việt Cộng đã vào kiểm kê danh sách những người đàn ông đang trú ẩn trong nhà thờ và chúng đã bắt đi khoảng hơn 300 người từ mười sáu, mười bảy tuổi cho đến năm, sáu mươi tuổi. Trong số đó có anh em Lê Hữu Bôi, Lê Hữu Bá từ Bến Ngự chạy qua và Bạc từ Nam Giao về.

Bạc được đưa đến chùa Từ Đàm ở lại hai hôm. Rồi khoảng nửa đêm, tất cả mọi người đều bị trói tay, nối đuôi nhau kẻ trước người sau, đi hàng một về hướng núi Đình Môn, Kim Ngọc. Hai bên đường là lau sậy rậm rạp, có lẽ là khu vực gần bờ sông. Bạc đoán chừng phía dưới chân mình là một bờ dốc rất sâu, chàng nghĩ bụng phen này phải liều, một sống hai chết... Bạc kéo áo len lên khỏi cổ, quấn chặt trên đầu và tìm cách mở dây trói cho vuột khỏi tay. Đến một khúc quẹo, Bạc liền tách ra khỏi đoàn người và lao mình vào bóng tối.

Bạc nằm bất tỉnh trên đám cỏ ướt đẫm nước mưa. Lát sau chàng thấy đau buốt và ê ẩm cả người. Từ xa có tiếng quát tháo, tiếng bước chân chạy nhanh, tiếng người hối thúc nhau "khẩn trương lên! khẩn trương lên!". Lực lượng bộ đội đi áp tải tù không dám dừng lại để đi tìm vì chúng sợ sẽ có sự xáo

trộn, mất trật tự và sẽ có nhiều người lợi dụng cơ hội để trốn thoát.

Chừng hai giờ đồng hồ sau, Bạc không còn nghe tiếng động tĩnh nữa nên chàng vội núp vào bụi rậm và cố lết đi càng xa bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Ban ngày chàng leo lên cây quan sát chung quanh, định phương hướng, nếu không thấy bóng người thì chàng cứ theo hướng Nam mà đi. Ban đêm chàng cố làm sao để nhận ra được ánh sáng của đèn điện tại khu vực căn cứ Mỹ và phi trường Phù Bài, hy vọng sẽ tìm ra đơn vị bạn. Mặc dù trong cơn đói nhưng bản năng sinh tồn bắt buộc chàng phải cố di chuyển thật nhanh. Bóng tối giúp cho chàng cảm thấy an toàn không bị phát hiện.

Qua hai ngày hai đêm, Bạc nhận ra rằng mình đã về đến khu vực gần núi Ngự Bình, bên ngoài của xóm An Cựu, Tứ Tây. Chàng chú ý đến ánh sáng của một ngọn đèn leo lét chiếu ra từ cái am nằm trơ trọi giữa một vùng hẻo lánh. Chàng bèn lần mò đến đó. Nhìn qua song cửa, Bạc thấy có một nải chuối để trên bàn thờ. Chàng mừng quá bèn xô cửa định bước vào nhưng cửa đóng chặt, không làm sao mở ra được. Chàng lấy một nhánh cây để móc nải chuối ra. Chàng đã mất cả mấy tiếng đồng hồ mới thực hiện được kế hoạch đó nhưng thật uổng công vì không phải là chuối thật mà chỉ là cục đất sét sơn màu vàng ! Vừa thất vọng vừa bị cơn đói hoành hành, Bạc bỗng run lên vì lạnh và sùi cả bọt mép ra! Nhìn trước nhìn sau không có người theo dõi, chàng lại tiếp tục lết đi.

Chẳng bao lâu Bạc đã ra đến quốc lộ số 1 và gặp một xóm nhà gần quận Hương Thủy. Nơi đây có quán xá buôn bán, người đi lại thong dong, xe quân đội di chuyển trên đường nhựa. Một vài người lính Quốc Gia với đồng phục tác chiến xuất hiện. Bạc mừng quá liền chạy đến trình diện với người chỉ huy và kể rõ tình trạng của mình cho họ biết. Anh em quân nhân đưa Bạc vào đồn, cho ăn uống. Chàng liền đến ngồi gần bếp lửa cho ấm và hong khô quần áo. Sau đó, chàng đã được cấp giấy giới thiệu vào trình diện đơn vị hải quân Đà Nẵng...

Qua tin tức và hình ảnh được phổ biến trên báo chí, truyền thanh, truyền hình, Bạc thấy những cảnh tàn sát dã man, những hầm chôn tập thể, những đoàn người đi tìm xác thân nhân, những buổi lễ truy điệu "nạn nhân biến cố Mậu

Thân 1968"...

Tháng Mười năm 1969, gần hai năm sau biến cố này người ta mới phát hiện tại Khe Đá Mài thuộc vùng núi Đình Môn, Kim Ngọc cách Huế chừng hai chục cây số về phía Tây, một số quần áo, giày dép, giấy căn cước bọc nhựa, tượng ảnh bằng kim khí mang theo trong người... Tất cả nạn nhân đã bị tàn sát tập thể, vứt xác xuống dưới khe, lâu ngày thịt thối rữa, bị nước cuốn trôi đi còn lại một đống xương và 428 cái sọ người... Căn cứ vào tang vật, giấy tờ... người ta biết được các nạn nhân đa số là những người đã bị bắt tại nhà thờ Phủ Cam hôm Mồng Năm Tết Mậu Thân, trong đó có Bạc và anh em Lê Hữu Bôi, Lê Hữu Bá!

Ngoài 428 cái sọ người ở Khe Đá Mài, người ta còn tìm được gần 2.000 nạn nhân khác bị thảm sát, chôn chung tại Trường Gia Hội, Chùa Therevada, Bãi Dâu, Cồn Hến, Tiểu Chủng Viện, Quận Tả Ngạn, Lăng Tự Đức, Đồng Khánh, Cầu An Ninh Thượng, Cửa Đông Ba, Trường An Ninh Hạ, Trường Văn Chí, Chợ Thông, Lăng Gia Long, Chùa Từ Quang, Đông Ghi, Vinh Thái, Phù Lương, Phú Xuân, Thượng Hòa, Thủy Thanh, Vinh Hưng... Tất cả các nơi cộng lại là 2.326 vừa sọ vừa xác người đã được phát hiện, đó là chưa kể những người mất tích hoặc bị thủ tiêu tìm không ra xác. Con số nạn nhân của Huế và Thừa Thiên ước khoảng 6.000 người. Không kể thành phần quân nhân, cán bộ, cảnh sát có vũ trang chiến đấu tử trận, đa số các nạn nhân đều bị bắt khi đang ở nhà, trong tay không có một tấc sắt để tự vệ. Có người là nhà tu hành, sinh viên học sinh, giáo viên, công chức, thành phần lao động buôn bán kiếm sống qua ngày... Đài phát thanh của Cộng Sản xem đó là một chiến thắng vĩ đại của họ: những người có súng, có đạn đã chiến thắng vẻ vang những người tay không vô tội!

Có lẽ Bạc là một trong số rất ít người đã may mắn trốn thoát được. Chàng thầm tạ ơn Thượng Đế đã che chở cho mình tai qua nạn khỏi... Sau khi biết được tin này, Bạc đã đến gặp Đại Tá Chỉ Huy Trưởng lực lượng hải quân tại Vùng I Chiến Thuật để xin phép về Huế tham dự đám tang tập thể các nạn nhân nói trên.

Chính quyền Huế và tỉnh Thừa Thiên đã cùng với gia đình các nạn nhân quyết định chọn một chỗ gần Nam Giao,

cạnh núi Ngự Bình để chôn cất họ. Đống xương cốt lẫn lộn tìm được tại khe Đá Mài đem về chôn chung trong một cái hố, riêng mỗi sọ người thì cho vào trong một cái hộp gỗ hình vuông có vẽ quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa do thân nhân mang đi an táng. Các nạn nhân đó đã chiến đấu chống lại quân Cộng Sản cho đến khi thế cùng lực tận, đã bị bắt và bị tàn sát tập thể một cách dã man nên chính quyền xem họ như những chiến sĩ "vị quốc vong thân" và đã tổ chức đám tang theo lễ nghi quân cách, có ban quân nhạc và đội quân danh dự đi hộ tống.

Bạc đã tiễn đưa các nạn nhân, trong đó có bạn bè của chàng đến nghĩa trang. Chàng đã tự động chít khăn tang để chia sẻ với gia đình họ nỗi đau thương bi đát này. Khi nghe ban tổ chức đọc điếu văn và ban nhạc cử ba hồi chiêng trống, mọi người đã không cầm được nước mắt.

Sau đám tang, Bạc ghé qua nhà thăm hai cụ Vũ và cũng muốn trình bày ý nguyện của mình cho hai ông bà biết nhưng khi chàng bước vào nhà thì thấy cụ Vũ đang nằm trên giường bệnh, thân hình quá tiều tụy. Bà cụ mắt rưng rưng, nói với chàng:

- Ông cụ nhà tôi đau nặng đã mấy tháng nay. Thược Dược cũng đã đi làm xa, cả năm rồi chưa về.

Bạc ngồi xuống bên cụ Vũ, cầm tay xem mạch, thấy rất yếu, đàm kéo lên chận họng, hơi thở khò khè như người bị bệnh suyễn. Chàng bèn hỏi riêng bà cụ:

- Bà đã đưa cụ ông đi Bác Sĩ chưa?

- Có một vài lần nhưng bệnh cứ kéo dài mãi không lành.

- Bác Sĩ có cho biết tình trạng của cụ ông ra sao không?

- Bác Sĩ nói cụ lo nghĩ nhiều quá nên khó chữa trị. Tim và phổi đều kém, thần kinh suy nhược...

- Thược Dược có biết tin cụ đang bệnh nặng hay không?

Thấy bà cụ có vẻ ái ngại, không trả lời. Bạc bèn nói:

- Xưa nay cháu vân xem hai cụ như cha mẹ, chú bác trong gia đình. Cháu cũng có ý định, sau khi mãn khóa sẽ xin được làm bà con với gia đình cụ. Từ ngày còn thơ ấu cho đến bây giờ, gia đình cháu vẫn gần gũi với gia đình hai cụ. Tình cảm của cháu đối với Thược Dược, chắc hai cụ và cô ấy cũng biết rồi. Vì nhà nghèo nên cháu quyết học hành để mong ra đời có chút công danh hầu xứng đáng với gia đình cụ, xứng đáng là

người chồng tương lai của Thược Dược. Mẹ cháu cũng định qua thưa chuyện với hai cụ nhưng trong lúc Thược Dược không có ở nhà mà cụ ông lại đang bệnh nặng nên chưa dám trình bày...

- Hoàn cảnh của chúng tôi bây giờ thật khó nói. Việc này chúng tôi cần hỏi ý kiến của Thược Dược vì chuyện hôn nhân, cha mẹ không thể bắt ép con cái được.

Bà cụ không dám nói sự thật về chuyện tình cảm của con mình với Trần Minh Chung trước đây cho Bạc biết. Ông bà cũng cảm thấy có chuyện gì không hay đã xảy đến cho nàng nhưng vì nàng vẫn giữ im lặng không tỏ bày với ai nên cha mẹ nàng bắt buộc phải có thái độ dè dặt đối với Bạc.

Bạc từ giã cụ Vũ ra về, kể lại cho mẹ và Kim biết tình trạng sức khỏe của cụ Vũ cũng như câu chuyện đối đáp giữa chàng và bà cụ vừa rồi. Gia đình chàng rất thông cảm với bên cụ Vũ và cũng thường xuyên qua lại, giúp đỡ để tăng cường mối dây liên lạc thân tình với nhau.

Qua một đêm trằn trọc không ngủ được, sáng hôm sau Bạc dậy sớm, định qua chào cụ Vũ để ra đi. Vừa lúc đó, bà cụ từ bên nhà chạy qua, có vẻ lo lắng:

- Cậu Bạc ơi, hôm qua tôi có nói lại cho ông cụ nhà tôi biết ý định của cậu, ông muốn gặp cậu sớm, ngay bây giờ... Xem ra sức khỏe của ông càng ngày càng kém... Vậy mời cậu qua gặp cụ gấp...

Bạc liền chạy qua nhà cụ Vũ, đi thẳng tới bên giường người bệnh. Chàng trông sắc diện của cụ, chỉ mới một hôm mà đã sa sút quá nhanh, sợ không còn sống được bao lâu nữa! Thấy bóng chàng, cụ vội gượng dậy nhưng không đủ sức nên đã gục đầu vào bên gối. Bạc đỡ cụ nằm xuống... Cụ thều thào:

- Bạc ơi, xưa nay tôi vẫn xem cậu như con cháu trong nhà, hơn nữa như một người bạn vong niên. Những điều cậu nói với bà cụ nhà tôi hôm qua, tôi rất thông cảm nhưng hiện giờ con gái tôi ở xa, không biết ý kiến của nó thế nào. Trong lúc sức khỏe của tôi mỗi ngày một kém, tuổi đã ngoài bảy mươi rồi, thất thập cổ lai hy, nếu số Trời đến đây là hết thì tôi cũng sẵn sàng để ra đi, về với ông bà tổ tiên. Sinh ký, tử quy, đó là luật của Tạo Hóa, làm người ai mà tránh khỏi được. Nếu trong giờ phút cuối cùng của đời mình mà tôi không gặp được con

gái của tôi thì xin cậu hãy nói lại cho nó biết rằng tôi không có trở ngại gì đối với việc hôn nhân của nó. Nó chọn người nào thì tôi đồng ý người đó. Nếu nó thương cậu như cậu đã thương nó từ bao năm nay... thì tôi rất yên tâm mà nhắm mắt lìa đời. Tôi cầu mong cho Thược Dược với cậu được sớm nên vợ nên chồng, sống trung thành thương yêu nhau trọn đời. Hết đời chúng tôi thì tất cả tài sản, nhà cửa, vườn tược này là của nó... Nếu nó là vợ của cậu trong tương lai đương nhiên tài sản đó là của chung. Hai gia đình chúng ta là một...

Giọng nói của cụ Vũ càng nhỏ dần, Bạc phải cố lắng tai mới nghe được. Bà cụ cũng có mặt ở đó và đã nghe tất cả những gì chồng mình nói với Bạc.

Đang tiết tháng Mười, xứ Huế mưa dầm ngày này qua ngày khác, khí hậu ẩm ướt rất khó chịu, người già yếu, bệnh hoạn không chịu nổi với cơn rét mướt này. Bỗng cụ Vũ ho lên một tràng thật dài và bắt đầu cơn suyễn... Bà cụ liền lấy thuốc bơm vào miệng cho cụ nhưng đàm vẫn kéo lên, không thể nào hạ xuống được!

Bạc thấy hai mắt cụ Vũ nhìn chòng chòng vào hướng bàn thờ ông bà, gần đó có bức hình chụp bán thân của Thược Dược treo trên tường... Chàng không còn thấy con mắt của cụ cử động nữa. Sau đó, Cụ đã gục đầu xuống bên gối và ra đi một cách nhẹ nhàng!

Bạc nghe tiếng bà cụ la lên một cách thảm thiết rồi chạy đến ôm lấy người ông cụ lay gọi... Chàng bèn nói:

- Cụ đã tắt thở rồi!

Nghe tiếng bà cụ Vũ khóc một cách khác thường, mẹ của chàng và Kim liền chạy qua chia buồn với gia đình cụ. Bạc liền hỏi địa chỉ của Thược Dược để báo tin nhưng bà cụ trả lời:

- Tôi không biết!

- Bấy lâu nay Thược Dược không hề liên lạc với gia đình sao?

- Nó đi cả năm nay rồi, nghe nói ở Nha Trang hay Sài Gòn gì đó. Nó có gởi tiền về nhưng không thư từ gì hết! Tuồng như nó làm việc cho ...

Bạc không dám hỏi han gì thêm nữa, chàng vội viết cáo phó và phân ưu gởi đăng báo và đọc trên đài phát thanh trong một tuần. Chàng cũng nhờ nhắn tin qua các phương tiện

truyền thông, hy vọng Thược Dược hoặc bạn bè của nàng sẽ biết... Theo phong tục, sau khi cụ Vũ qua đời được ba hôm thì chuẩn bị chôn cất. Bạc đã tự đặt mình vào địa vị con cháu trong nhà nên đã cùng họ hàng bên bà cụ đứng ra lo đám tang cụ Vũ một cách chu đáo theo đúng nghi lễ cổ truyền Việt Nam. Dù sao thì cụ Vũ cũng là một nhà Nho khoa bảng, có tên tuổi tại địa phương, được nhiều người biết đến, bạn bè cùng thời vẫn còn.

Bạc lấy lý do có thân nhân mới qua đời nên đã đánh điện xin thêm mấy ngày nghỉ phép nữa. Sau khi chôn cất cụ Vũ xong, Bạc đã giúp bà cụ lau chùi nhà cửa, thu dọn đồ đạc, sách vở, giấy tờ... Lợi dụng cơ hội đó, chàng đã vào phòng Thược Dược... Những vật kỷ niệm, thư và ảnh của chàng gởi cho nàng vẫn còn để nguyên trong tủ sách. Gối mền vẫn xếp ngay ngắn trên giường, một ít quần áo cũ và giày dép, đồ dùng nguyên vẹn như lúc nàng còn ở nhà. Bạc lật gối lên và thấy một chiếc khăn tay còn mới có thêu hình hoa cúc vàng và mấy chữ màu tím: "HẬN KẺ BẠC TỈNH"!

Chàng không biết "kẻ bạc tình" đó là ai? Từ lâu, chàng vẫn nghĩ rằng nàng chưa yêu ai và chàng thành thật tin tưởng rằng mình là người đầu tiên và là người duy nhất đến với nàng. Ba năm thụ huấn tại trường Sĩ Quan Hải Quân chàng vẫn gởi thư thăm hỏi, vẫn nhờ Kim tìm cách liên lạc với nàng và chưa bao giờ nghe Kim nói "Thược Dược đã có người yêu"! Nếu có, thì người đó là ai? Chàng tự nghĩ: mình chưa làm điều gì đến nỗi phải mang tiếng với nàng là "kẻ bạc tình"... Ai đã gây nên đau khổ cho nàng ? Nàng bỏ nhà ra đi là vì muốn tìm việc làm để giúp cha mẹ hay là có ý xa lánh mọi người? Nàng không trả lời thư tỏ tình của Bạc phải chăng vì nàng đã có người yêu và đã thề hứa với nhau rồi? Nếu quả thật vì sự xa cách trong mấy năm vừa qua mà nàng giận rồi lên án chàng là "kẻ bạc tình" thì thật quá oan ức cho chàng. Bây giờ chàng không biết tìm nàng ở đâu để giải bày tâm sự. Hồi còn nhỏ, chàng thường nghe mẹ hát ru em:

"Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay!"

Lời ca dao rất bình dị nhưng đã diễn tả được tâm trạng của chàng trong lúc này.

Trước cái tang của cụ Vũ, chàng cảm thấy buồn vì mất một người thân, thương cho Thược Dược đã không được gặp mặt cha của nàng trong giờ phút cuối cùng và rất ân hận vì chuyện tình cảm của chàng và nàng vẫn còn nhiều trở ngại... Bây giờ, hiểu được tâm sự chua chát của nàng, chàng lại càng buồn hơn. Bạc chọn một tấm hình của Thược Dược để ở trong tập ảnh, bỏ vào túi của mình rồi ra đi.

*
* *

Bạc từ giã mẹ và em rồi qua chào bà cụ Vũ để trở về đơn vị. Chàng đã xin quá giang xe quân đội từ Huế vào Đà Nẵng. Khi xe vừa xuống đèo Phước Tượng thì bỗng một tiếng nổ long trời lở đất, xe bị mìn của Việt Cộng chôn giữa đường... Máu chảy ướt cả mặt, chân tay rã rời, chàng không còn hay biết gì nữa.

Vào khoảng nửa đêm, Bạc cảm thấy trong người đau nhức, chàng bắt đầu cựa mình nhưng khắp thân thể đều bị quấn chặt bởi những lớp băng vải màu trắng nên chàng không cử động được. Chàng ngửi thấy mùi hương trầm và cảm thấy chói mắt vì ánh sáng của đèn điện và những ngọn nến lung linh ở chung quanh mình. Chàng rất ngạc nhiên vì khung cảnh ở đây có vẻ khác thường. Chàng định thần hồi lâu và đưa mắt quan sát... Những xác người nằm la liệt đầy cả căn phòng... Đúng là nhà quàn trong bệnh viện quân đội! Bạc cảm thấy lạnh người: đây là cõi âm hay cõi dương ? Mình đang còn sống hay đã chết rồi?

Có tiếng bước chân người đang đến gần rồi một toán binh sĩ khiêng những chiếc quan tài vào nhà. Chàng vẫn nằm im lặng, chưa dám lên tiếng cho đến khi người ta đến gần và chuẩn bị khiêng chàng bỏ vào hòm thì chàng liền nói:

- Tôi đã sống lại rồi! Tôi chưa chết đâu!

Những binh sĩ trong đội mai táng bị một cú bất ngờ nên quá kinh hãi, định bỏ chạy. Chàng vội giải thích thêm:

- Hôm qua xe của chúng tôi bị mìn, tôi bị ngất đi nhưng chưa chết. Vào khoảng nửa đêm tôi đã tỉnh lại. Cám ơn anh em đã cứu tôi thoát nạn.

Nghe Bạc nói rõ ràng như thế, mọi người liền chạy đến đỡ chàng dậy và đặt lên băng-ca đưa vào bệnh viện ngay. Bạc

nằm ở đây đến mấy tháng, có lúc khỏe, có lúc rất mệt, đầu óc lộn xộn, khi nhớ, khi quên. Ban hành chánh đã lục tìm giấy tờ trong túi của chàng, lấy tên tuổi, địa chỉ đơn vị để làm tờ trình cho Bộ Chỉ Huy, đồng thời báo tin cho thân nhân biết. Tất cả 4 người cùng đi chung một chuyến xe với chàng đều chết hết, chỉ có một người sống sót là Bạc.

Chàng nhớ lại, trước khi vĩnh biệt cụ Vũ, chàng đã khấn trước mộ cụ:

- Thưa cụ, xưa nay cháu vẫn xem cụ như người cha. Hôm nay cháu từ giã cụ để trở về đơn vị, đời chiến binh sống chết lúc nào không ai biết trước được. Xin cụ giúp cho cháu hai việc: Thứ nhất, xin cụ phù hộ cho cháu đi đường được bằng an, khỏi mọi tai nạn hiểm nghèo; sau đó xin cho cháu được gặp lại Thược Dược và trở thành vợ chồng, sống trọn đời bên nhau.

Chàng tin rằng, nhờ phúc đức của ông bà và cũng nhờ vong linh cụ Vũ phù hộ nên chàng mới thoát chết trong tai nạn vừa rồi.

Xuất viện, chàng được cho về nhà đợi tái khám. Chàng ăn uống, đi lại bình thường nhưng trí óc thì rất lộn xộn, không còn làm việc được nữa, cứ ngẩn ngẩn ngơ ngơ suốt ngày. Tình trạng đó kéo dài hơn một năm, cuối cùng chàng được đưa ra hội đồng y khoa và được cho giải ngũ với cấp độ tàn phế 75 phần trăm.

Từ ngày bị tai nạn, thỉnh thoảng chàng lại bị một cơn lạnh run lên bần bật, dù mặc bao nhiêu áo, đắp mấy cái mền và ngay cả khi ngồi bên cạnh lò sưởi vẫn không ấm lại được. Uống thuốc Tây chán, chàng lại xoay qua thuốc Bắc vẫn không lành.

Bạc về Nam Giao sống với mẹ và em, thỉnh thoảng chàng vẫn qua thăm và giúp bà cụ Vũ. Chàng cố dò xem tin tức của Thược Dược nhưng bà cụ vẫn không biết nàng đang làm gì và ở đâu. Vì cảnh nhà đơn chiếc nên bà phải đem một đứa cháu họ về ở cho có bạn và để săn sóc vườn tược.

Bạc đứng nhìn những chậu hoa thược dược tàn tạ, khô héo mà đau lòng. Chàng nghĩ đến hoa rồi nghĩ đến người vì cả hai cùng mang chung một cái tên: Thược Dược. Bây giờ chàng mới hiểu được định luật của Đấng Tạo Hóa, muốn sinh

trưởng trong trời đất thì phải có hai yếu tố là âm và dương. Cây nảy mầm, vươn lên, đơm bông, kết trái là nhờ hít thở khí trời (dương khí) và tiếp nhận màu mỡ của đất (âm khí). Con người cũng vậy, có nam thì phải có nữ; có vợ, có chồng mới sinh con cái, lưu truyền nòi giống, hưởng hạnh phúc của cuộc đời. Bạc không có Thược Dược chẳng khác nào hoa không có đất để sống.

Chàng vẫn giữ cái khăn của nàng có thêu bốn chữ "HẬN KẺ BẠC TÌNH"... Nếu quả thật nàng đã mất người yêu hay bị người yêu phản bội thì đau khổ biết mấy! Ước chi "kẻ bạc tình" mà nàng đã "hận thù" kia là Hoàng Hữu Bạc thì vấn đề rất dễ giải quyết. Lúc đó, chàng sẽ đến quỳ dưới chân nàng và nói: "Anh yêu em mãi mãi và thề sẽ trung thành với em suốt đời. Nếu có điều gì hiểu lầm nhau thì xin em bỏ qua cho anh".

Chàng đề nghị bà cụ cho chàng được săn sóc vườn hoa để có việc làm cho vui và mỗi ngày qua lại, trò chuyện với bà cho khuây khỏa. Như hiểu được tấm lòng chân thành của chàng, bà cụ đã vui vẻ trao tất cả dụng cụ làm vườn, các giống hoa và chậu kiểng cho chàng. Mỗi năm đến tháng Mười âm lịch, người ta chuẩn bị cây giống ươm vào chậu, phải làm sao cho hoa nở đúng vào dịp Tết mới bán được giá. Tuy bên ngoài, thân hoa đã tàn tạ nhưng sức sống vẫn còn tiềm tàng trong lòng đất. Bạc đào lấy củ từ gốc thược dược để gầy giống mới, khi cây đã phát triển, ra hoa thì đem trưng bày trước sân nhà. Chàng ví mối tình của chàng với Thược Dược như cây hoa đã tàn nhưng dưới gốc vẫn còn một chùm củ để có thể phát triển trở lại và ra hoa vào mùa Xuân. Chàng chăm sóc vườn hoa như chăm sóc người yêu là cô Thược Dược vậy.

Cụ Vũ qua đời đã hai năm nhưng nhờ bàn tay chăm sóc khéo léo của Bạc, vườn hoa Nam Giao vẫn xinh tươi mỗi độ Xuân về và khách quen biết trong vùng vẫn đến đây chọn hoa chơi Tết. Mỗi ngày chàng đến làm vườn, có khi nghỉ lại trong phòng riêng của Thược Dược để thả hồn về dĩ vãng với hình ảnh người yêu của những ngày còn bé bỏng. Bạc đã xâm vào cánh tay phải mấy chữ:"HẬN ĐỜI ĐEN BẠC" và bên tay trái: "BẠC! NHƯNG LÒNG ANH KHÔNG BẠC" để trả lời những chữ thêu trên khăn tay của Thược Dược: "HẬN KẺ BẠC TÌNH".

*

* *

Kim đã tốt nghiệp Sư Phạm Tiểu Học. Chồng nàng cũng là giáo viên, cả hai người được về dạy cùng trường gần nhà. Mẹ của Bạc đã đặt điều kiện với bên nhà trai, sau đám cưới, vợ chồng Kim về ở với bà. Bạc vừa lo cho mẹ, vừa giúp bà cụ Vũ. Chàng vẫn ở độc thân và hy vọng một ngày nào đó sẽ được gặp lại người yêu. Từ ngày cụ Vũ qua đời, Thược Dược vẫn không liên lạc với gia đình.

Một hôm Bạc được tin có người đến trao cho bà cụ Vũ một số tiền lớn và cho biết Thược Dược hiện đang ở ngoại quốc. Nàng cũng đã được tin cụ ông qua đời. Bà cụ muốn hỏi thêm một đôi điều nhưng người đó không biết gì hơn để trả lời. Dù sao thì đây cũng là một tin mừng đối với gia đình bà. Ngày giỗ đầu, một năm sau ngày cụ Vũ qua đời, bà cụ làm mâm cơm, bánh trái, hoa quả để tưởng nhớ cụ. Khách được mời chỉ có mấy người bà con bên bà và gia đình Bạc. Từ ngày Thược Dược đi xa thì Trung cũng không hề lai vãng đến đây nữa. Câu chuyện giữa Trần Minh Chung và Thược Dược kể như chấm dứt, giữa Trung và người bạn cũ đó cũng không còn liên lạc tin tức gì với nhau.

Sau lễ giỗ, bà cụ đã cùng Bạc lên núi Ngự Bình thăm mộ cụ Vũ. Gia đình đã chọn cho cụ nơi an nghỉ cuối cùng tại khu đất hoang phía sau núi, bia mộ chỉ ghi tên, tuổi, nơi sinh quán, ngày mất và người đứng tên lập bia là bà cụ và Thược Dược, con gái duy nhất của người quá cố. Nhân dịp đó, bà cụ đã tâm sự:

- Đáng lẽ ra trên ngôi mộ này phải có tên chồng của Thược Dược trong số những thân nhân đứng ra lập bia nhưng vì con gái của tôi số kiếp long đong, lưu lạc quê người, duyên phận dở dang nên ngày hôm nay tôi không biết tên chồng nó là ai? (Cũng có thể nó chưa có chồng!) Hôm nay, trước vong linh của ông nhà tôi, tôi muốn nói điều này với cậu: Nếu sau này con tôi trở về mà tôi không còn gặp nó được nữa thì tôi nhờ cậu nói lại với nó: "Vợ chồng tôi đã xem cậu như là con ruột hay là con rể, nếu nó còn độc thân thì nó sẽ sống chung với cậu cho đến mãn đời". Tôi sẽ làm di chúc, nhận cậu là con nuôi và để lại toàn bộ nhà cửa, vườn tược, tài sản cho cậu sau khi tôi

qua đời. Tôi cũng sẽ viết thư để lại cho nó...

*

* *

Trước đây Bạc rất thích các bài hát: "THỦY THỦ VÀ BIỂN CẢ" của Y Vũ, trong đó có câu: "Với biển cả anh là thủy thủ, với tình nàng anh là hoàng tử... Cho anh luôn yêu đời hải hồ..." hay trong một bài khác mà chàng không nhớ tên tác giả: "Mắt em màu trùng dương, tóc em như sóng cồn..." nhưng bây giờ chàng rất sợ biển. Có lần bạn bè đưa chàng ra Thuận An chơi, đứng trên bờ Thái Bình mênh mông, tự nhiên chàng cảm thấy một sự mất mát, xa cách đầy tủi hận. Hình ảnh của Thược Dược ở nửa bên kia quả địa cầu càng gợi nhớ trong lòng chàng một nỗi buồn thật chua xót. Bài hát "BIỂN NHỚ" của Trịnh Công Sơn với những câu: "Ngày mai em đi, biển nhớ tên em gọi về... Ngày mai em đi, đồi núi nghiêng nghiêng đợi chờ. Sỏi đá trông em từng giờ..." bỗng vang lên trong tâm thức, trong hoài niệm của chàng, do đó chàng quyết định sẽ không bao giờ trở lại với đời thủy thủ nữa mặc dù sức khỏe của chàng hiện nay đã ổn định và chàng có thể xin tái ngũ.

Ngoài việc chăm sóc vườn hoa, chàng vẫn còn nhiều thì giờ nhàn rỗi nên phải tìm thêm việc gì làm cho bớt trống trải, cô đơn. Chàng tập làm thơ, viết văn, ghi lại những cảm xúc, những tư tưởng của mình lên giấy. Hằng ngày, chàng vẫn gần gũi với thiên nhiên, cây cối, hoa lá, chim chóc, ong bướm trong vườn. Những hình ảnh đó đôi khi cũng làm cho chàng xúc động để viết văn, làm thơ, ghi lại những cảm xúc, những tư tưởng của mình lên giấy. Chàng mua sách báo về đọc và nghiên cứu thêm về hội họa. Từ nhỏ, Bạc vốn khéo tay nên bây giờ chàng cũng muốn chuyển hướng qua nghề vẽ tranh. Chàng nghĩ rằng nếu có chết đi thì cũng phải để lại cho đời những đứa con tinh thần.

Từ ngày ra khỏi quân đội để trở về cương vị một người dân tầm thường, Bạc tính đã gần năm năm rồi. Chàng vẫn nhớ thương và chờ đợi Thược Dược. Nếu nàng còn độc thân hoặc người chồng đã qua đời, thì Bạc vẫn ước mong được sống chung với nàng. Trong trường hợp nàng nhất quyết từ chối thì chàng cũng không nghĩ đến chuyện vợ con làm gì nữa. Chàng muốn giữ mãi hình ảnh của nàng trong lòng mặc dù tình yêu

luôn đòi hỏi phải có đáp trả.

Trước ngày 30-4-1975, bà cụ Vũ đau nặng. Bà đã chuẩn bị sẵn hai bản di chúc có thị thực của chính quyền xã và quận: một bản trao cho Bạc và một bản thông báo cho bà con biết. Sau khi bà qua đời, chàng đem bà về một chỗ với cụ Vũ, xây lăng và làm lại bia mộ chung cho hai ông bà, nội dung vẫn như trước, ngoài người đứng tên lập bia là Thược Dược, con gái của ông bà, còn có tên Hoàng Hữu Bạc, nghĩa tử. Ngôi nhà cũ nay trở thành từ đường, trên bàn thờ có đủ di ảnh và bài vị của ông bà. Mỗi ngày, chàng mở cửa vào thắp hương, kính cẩn vái ba vái để tưởng niệm rồi ra về.

Trong vườn có đủ các cây ăn trái như cam, bưởi, nhãn, mãng cầu, ổi, đu đủ, mít, chuối v.v... Cứ đến mùa, chàng đem biếu bà con bên ngoại của Thược Dược hoặc những bạn bè thường lui tới thăm viếng hai cụ. Còn lại, nếu ăn không hết thì bán cho bạn hàng rau quả ở ngoài chợ. Bạc vẫn tiếp tục chăm sóc vườn hoa vì đó là niềm vui của chàng.

Từ khi hai cụ qua đời, Bạc thường ở nhà, ít đi đâu. Chàng cũng không bao giờ đến tiệm cắt tóc hay tiệm may quần áo. Trải qua năm tháng, mái tóc của chàng môi ngày một dài thêm như tóc đàn bà. Chàng say mê vẽ tranh đến nỗi áo quần lấm sơn đủ màu mà chàng cũng không quan tâm. Mỗi khi vẽ xong một bức tranh, chàng lại đem treo trong từ đường, dần dần ở đó cũng không còn chỗ nên phải mang tranh ra để ở trước thềm.

Thu năm nay, sau cơn mưa bão tàn phá các tỉnh miền Trung, hàng ngàn đồng bào ở Huế phải chịu đói rét, không còn nhà cửa để trú ẩn. Riêng xóm Nam Giao là một vùng đất cao, tuy không bị ngập lụt nhưng hoa màu cây trái vườn tược cũng rất tiêu điều. Bạc phải lo sửa sang lại nhà cửa, phục hồi cây cảnh, hoa màu trong vườn. Suốt một tuần trời không mưa, nắng thật tươi, đôi chim hoàng oanh ríu rít trên cành làm cho tâm hồn chàng cảm thấy rạo rực, bâng khuâng. Thời tiết vào cuối Thu mà ấm áp, sáng sủa như thế này, thật hiếm có!

Bạc mang giá vẽ ra đặt ở góc vườn, nắng đổ xuống hàng cây, đọng trên lớp lá vàng nằm dưới cội như những mảnh lụa thêu hoa thêu gấm. Hình ảnh Thược Dược lại hiện về trong tâm tưởng như một gợi nhớ xa xôi. Nguồn cảm hứng đang

cuồn cuộn dâng trào trong huyết quản làm cho chàng chơi vơi giữa khung cảnh mơ hồ như hư như thực. Bức tranh sơn dầu hiện lên một rừng cây màu hung hung chen lẫn màu vàng, màu lá cuối Thu bắt đầu rụng, loang loáng từng vạt nắng đọng trên cành, trên thân cây, trên mặt đất... Một cô gái tóc thề, áo tím tay cầm vành nón, e ấp đang vào tuổi mộng mơ, tuổi học trò mới lớn, tuổi biết yêu như nàng công chúa đang chờ đợi hoàng tử trong truyện "Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn... ". Nét bút đầy xúc động, hai hàng nước mắt của Bạc bỗng dâng trào, tất cả hình ảnh trên bức tranh dần dần mờ nhạt, chàng không còn nhín thấy gì nữa. Chàng ngồi đó cho đến khi bóng tối bao trùm cả khu vườn.

29 tháng 12, 1999

Nguyễn Lý Tưởng

CÂU CHUYỆN CUỐI NĂM

Hắn là con các bà phước, xuất thân từ "nhà trẻ" Phước Môn, Hải Lăng, Quảng Trị. Phước Môn là danh hiệu của cụ Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài, Phụ Chính Đại Thần, Phước Môn Quận Công. Năm 1945, khi Việt Minh cướp chính quyền tại Hà Nội (19/8/1945) sau đó, vua Bảo Đại thoái vị, rồi quân Pháp trở lại Đông Dương, chiến tranh bùng nổ khắp nơi, cô nhi viện giải tán... Hắn vào đời khi chưa học hết chương trình Tiểu Học, sống kiếp giang hồ, gia nhập quân đội khi mới 17, 18 tuổi, trưởng thành nhờ tiếp xúc với đủ mọi hạng người. Bản tính thông minh trời cho, tinh thần cầu tiến. Sau năm 1954, chia hai đất nước, hòa bình trở lại, hắn xin giải ngũ, làm gia sư, dạy con nhà giàu để kiếm cơm, quyết chí vươn lên... Học đến trình độ Tú Tài, hắn bỏ Huế vô Saigon, vừa làm vừa học... Tình hình chiến tranh càng ngày càng lan rộng , hắn phải "tái ngũ" vào trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức... Ngày 30/4/1975, hắn là Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng, phải đi trình diện "học tập cải tạo", một hình thức "tù" dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam, rồi bị đày ra miến Bắc Việt Nam, trải qua các trại miền núi, sau chuyển về trại Hà Tây (tỉnh Hà Đông ngày xưa, đổi tên là Hà Sơn Bình)...

Tháng 12 cuối năm, trời mưa lạnh, đêm dài nhớ vợ, con, cha mẹ, anh chị em, bạn bè, nhớ quê hương... lại thêm cơn đói cồn cào... Mỗi thứ bảy cuối tuần, hôm sau là Chúa Nhật, nghỉ không đi lao động, vài ba người ngồi lại với nhau, quanh ngọn đèn dầu leo lét, hút thuốc lào, ôn lại kỷ niệm ngày xưa... Tuy không phải là nhà văn, nhà báo nhưng hắn có tài ăn nói lưu loát, trình bày đâu ra đấy, có đầu có đuôi. Hắn đọc sách, đọc truyện nhiều, lại đã từng đi đây, đi đó, quen biết nhiều, kinh

nghiệm đời... Các bạn tù mỗi cuối tuần thường đến chỗ hắn uống trà, hút thuốc lào, nghe hắn kể chuyện... Ngày 31 tháng 12 năm 1986, là ngày cuối năm, gia đình đến thăm có tin tức "phấn khởi"... Mọi người hy vọng năm mới sắp tới sẽ có biến chuyển, số phận "tù chính trị" sẽ được giải quyết... Hôm đó, hắn vô cùng cao hứng, mở đầu kể về cuộc đời tình cảm của mình:

- Hồi đó, tôi đã vào tuổi 20, chưa yêu ai và cũng chẳng có ai yêu tôi nhưng tôi vẫn cảm thấy có một hình dáng nào đó ở Huế đang trách móc, đang chờ đợi, đang nhớ nhung mình... Thế là tôi quyết định, mua vé tàu suốt đi thẳng từ Saigon ra Huế. Thời tiết trong Nam vào cuối năm, trời nắng chang chang, tôi chỉ mặc một chiếc áo mỏng manh, khi tàu đến ga Huế vào lúc nửa đêm, tôi lạnh cóng người, may gặp một chiếc xe xích-lô tôi nhảy lên, hối thúc chạy gấp về nhà trọ ...

Mấy ngày hôm sau, ổn định cuộc sống, ghi tên vô Đại Học được rồi, tôi mới lang thang đi dạo qua khu vực nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, gần An Định Cung, đường Nguyễn Huệ... Tình cờ tôi thấy một nhóm thiếu nhi đang sinh hoạt trước sân nhà thờ, trong đó có một người chạy băng qua đường gọi đúng tên tôi... với vẻ rất thân mật:

- Cậu Minh! Cậu Minh... Cháu là Ngọc Lan đây...

Lúc đầu tôi thật bỡ ngỡ, không nhận ra cô gái đó là ai? Ngay cả cái tên "Ngọc Lan" tôi cũng không nhớ... nhưng tôi cũng thấy người này có gương mặt quen quen... Một lát sau tôi mới nhớ lại, mấy năm trước, lâu rồi, tôi thường đến nhà một người bà con dạy kèm cho mấy đứa nhỏ ở lứa tuổi lên chín, lên mười đang học Tiểu Học. Ngọc Lan là một bé gái hàng xóm, cũng khoảng chín, mười tuổi, mỗi lần tôi đến, thường có mặt nhập bọn với mấy đứa nhỏ trong nhà. Con bé nhí nhảnh và thông minh, cũng gọi tôi là "Cậu Minh" như mấy đứa kia. Tôi có một quyển sách tiếng Pháp, loại sách có hình vẽ kèm theo chữ viết để dạy cho học trò Tiểu Học. Tôi thường mở sách ra, chỉ hình và nói:

- Mấy đứa biết hình này có ý nghĩa là gì không?

Rồi, bọn nhỏ tranh nhau trả lời.

Có lần, tôi chỉ hình một bếp lửa đang cháy bùng bùng và bên cạnh có một thằng nhỏ mặc áo quần hướng đạo sinh,

đứng quay lưng ra sau, đưa ngay cái "mông" vào gần lửa. Tôi hỏi:

- Mấy đứa có biết thằng nhỏ này làm gì đây?

Không đứa nào trả lời được, toàn nói "lạc đề"...

Lúc đó Ngọc Lan đưa tay lên:

- Cậu Minh nghe cháu trả lời: Thằng này ăn cơm sống (chưa chín)...

Cả bọn cười ồ lên. Tôi hỏi:

- Tại sao Ngọc Lan nói "Thằng nhỏ này ăn cơm sống"?

- Vì cơm chưa chín nên nó phải đưa đít gần bếp lửa...

Tôi thưởng cho nó mấy cái kẹo, và nói:

- Ca dao tục ngữ có câu:

Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục, lại vần lửa rơm.

Và tôi giải thích "gạo trắng thì phải vo bằng nước trong và phải nấu bằng củi, sau đó còn phải để một lúc trên lửa than để cho cơm chín rồi ăn mới ngon. Thằng này ăn cơm chưa chín (cơm sống) nên nó phải đưa cái mông gần bếp lửa... để "vần" cho cơm chín hoặc nó mặc quần ướt, nên nó mới "hơ" lửa cho khô.

Lát sau, tôi lấy gói kẹo, chia đều cho mỗi đứa một cái... Tôi khen Ngọc Lan "thông minh". Nó rất hãnh diện trước mặt bọn nhỏ... Kỷ niệm đó, nó nhớ mãi và mỗi lần gặp tôi, nó đều nhắc lại và cười rất vui.

Sau mấy năm xa Huế, không ngờ ngày trở về gặp lại, Ngọc Lan không còn là con nhỏ ngày xưa, mà đã trở thành một cô gái 13, 14 đang tuổi đậy thì nhưng tính tình Ngọc Lan vẫn nhí nhảnh, vui tươi và thân mật như ngày nào. Lâu lâu, tôi có dịp ghé nhà người bà con trong xóm ngày xưa. Hễ thấy tôi thấp thoáng ở trước sân thì Ngọc Lan liền chạy qua chào:

- Lâu quá không thấy Cậu Minh đâu hết...

- Tôi vừa học, vừa đi dạy ở trường tư nên không có thì giờ đến thăm nhưng tôi vẫn nhớ Ngọc Lan...

Ngọc Lan mau lớn quá, mỗi lần gặp lại, tôi cảm thấy ngại ngùng nhưng tính Ngọc Lan rất tự nhiên, cô vui mừng ra mặt, hỏi tôi đủ thứ chuyện... Có lần cô hỏi tôi:

- Nhà cậu Minh ở đâu? Cho cháu biết địa chỉ, khi nào thuận tiện, cháu đến thăm được không?

- Tôi ở bên kia sông..., ở nhà thuê..., có mấy ông bạn sinh viên ở chung...

Mùa thi năm đó, tôi bận học nên những dịp cuối tuần tôi vẫn ở nhà không đi ra ngoài... Một hôm mùa hè, trời oi bức quá, tôi đi ra đứng trên cầu hóng gió. Tôi thấy một đoàn người đi ngang qua trước mặt, nói nói, cười cười... Bỗng một cô trong đám người đó, đi chậm lại rồi chạy đến gần gọi:

- Cậu Minh, lâu quá mới gặp, cậu đi với ai hay một mình?

- Không có ai..., có thì giờ thì đứng đây nói chuyện...

Thế rồi Ngọc Lan tách khỏi đoàn người kia đến cạnh tôi... Chúng tôi nhìn lên bầu trời mây bay, trăng sáng... Dưới cầu nước chảy... Ngọc Lan báo tin đã thi đậu Trung Học (lớp 9), đang học lớp 10... Thỉnh thoảng cô tìm đến thăm tôi... Tôi thay đổi địa chỉ... Tôi không báo cho Ngọc Lan biết ... nhưng rồi cô cũng tìm ra chỗ tôi ở... Tôi chưa bao giờ nói tôi yêu cô và cô cũng không bao giờ nói yêu tôi... Tình trạng này cứ kéo dài... Ngọc Lan chờ đợi tôi nói trước... nhưng tôi không nói... Ngọc Lan không biết làm cách nào để "tỏ tình"... Cuối cùng, cô tâm sự với người khác... Một hôm, bà chị hỏi tôi:

- Cậu có biết Ngọc Lan đã nói gì với bạn nó không?

- Bạn nó là ai?

- Con gái tôi, con Linh đó. Tôi hỏi thật cậu ... Cậu có thích Ngọc Lan không? Tôi nói với cha mẹ nó cho...

- Tôi còn nhiều chuyện khác..., chưa nghĩ đến chuyện "cưới vợ" bây giờ...

Tôi tốt nghiệp Đại Học, là cựu quân nhân, tôi bị gọi tái ngũ... Tôi phải vào học trường Bộ Binh Thủ Đức, ra trường, được phân phối đi đơn vị tác chiến. Từ đó tôi không liên lạc với Ngọc Lan... Tôi vẫn độc thân và chưa gặp cô nào..., thật sự tôi chưa có người yêu.

Một hôm, tôi đang ở trong nhà một mình thì nghe có tiếng người gọi:

- Cậu Minh ơi... Cậu Minh ơi... Cậu có ở nhà không?

Tôi biết đó là tiếng Ngọc Lan đang gọi ở trước cửa. Tôi mở cửa bước ra... Ngọc Lan cầm tay tôi :

- Cậu Minh lên xe, Ngọc Lan chở về nhà Ngọc Lan nói chuyện.

Tôi như cái máy, ngồi phía sau xe vespa để cho Ngọc Lan

chở đi... Xe chạy đến một khu nhà có sân khá rộng. Ngọc Lan đưa tôi vô nhà đó và tôi thấy có hai đứa nhỏ chừng 2, 3 tuổi ngồi chơi với nhau. Trong nhà không có ai cả. Tôi cũng biết Ngọc Lan đã có chồng. Tôi cũng biết người đó là ai. Tất nhiên đó là một mối tình ngang trái, không được cha mẹ chấp nhận và Ngọc Lan cũng không báo tin cho bạn bè. Hai người sống với nhau không tổ chức đám cưới... Tôi cũng không hỏi Ngọc Lan về cuộc hôn nhân của cô. Tôi chỉ nghe bạn bè nói: "Ngọc Lan khổ lắm"...

Mục đích của Ngọc Lan khi đưa tôi đến nhà đó là gì? Phải chăng cô muốn tôi chứng kiến hoàn cảnh của cô lúc đó? Về phần tôi, tôi chưa bao giờ nói "Anh yêu em". Tất nhiên tôi không có trách nhiệm gì đối với cuộc đời của Ngọc Lan.

Ngoài Ngọc Lan ra, tôi cũng có quen mấy cô khác... Đời lính mà, ở đâu, quen đó. Mấy cô kia cũng có nhan sắc, có học hành, có chồng, có con... nhưng đời của mấy cô đó bất hạnh, vợ chồng ly dị, gia đình tan nát, người thì chồng chết, người thì bệnh hoạn, cuộc sống cô đơn. Số tôi gần 30 tuổi mới có vợ, thì giờ dành cho quân đội nhiều hơn gia đình... Mới lên Thiếu Tá được hai năm thì vô tù... Tôi không có trách nhiệm gì đối với ai ngoài gia đình vợ con và tổ quốc Việt Nam... Sau 30/4/1975, nước mất, nhà tan, vợ con tôi quá khổ...

Khoảng 1981, 1982, một số tù được chuyển vô Nam, một số tù được tha về... Qua thân nhân đến thăm, tiếp tế, chúng tôi nhận được tin tức từ bên ngoài, càng thêm phấn khởi. Mùa Xuân, sau Tết năm 1983, thời tiết dần dần ấm lại. Một hôm toàn xã Bình Đà, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông ngày xưa, bây giờ đổi tên tỉnh Hà Sơn Bình, bỗng nghe tiếng sấm rền rất lâu. Sau đó trời đổ cơn mưa. Đây là hiện tượng thời tiết mà nhà nông gọi là "Sấm Xuân"... Xuân Lôi, Hạ Vũ, Thu Nguyệt, Đông Nhật... là hiện tượng ít khi xảy ra. Xuân Lôi là tiếng sấm nổ rền vào mùa Xuân báo tin sẽ có cơn mưa đến, thời tiết ấm áp thuận lợi cho người làm ruộng bắt đầu mùa gieo vãi, cấy cày. Hạ Vũ là mưa vào mùa Hạ (mùa Hè), cũng là hiện tượng hiếm có vì mùa Hè tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam thời tiết khô hạn, oi bức, ít có mưa. Mùa Thu trời âm u, nhiều mây, ít khi được thấy vừng trăng tỏ (Thu nguyệt) và mùa Đông trời rét lạnh, mưa nhiều. Tháng 10, tháng 11 thường hay có mưa

bão, ít khi nắng ráo, được thấy mặt trời (Đông Nhật).

Tháng 3 năm 1983, toàn trại tù Hà Tây xôn xao tin đồn tù chính trị sẽ chuyển trại... Một vài tên công an bắt đầu hỏi thăm tù "ai có thùng thiếc, nồi niêu hay bất cứ thứ gì không cần thiết thì cho cán bộ xin...". Một tuần sau đó, toàn bộ tù chính trị trại Hà Tây chuyển trại. Các trại miền núi phía Bắc và miền Trung như Tân Kỳ, Thanh Phong cũng tập trung về trại Nam Hà (tức Ba Sao) thuộc huyện Phủ Lý tỉnh Hà Nam (Hà Nam Ninh). Một số chuyển vô Nam hoặc được tha về. Hai năm sau, 1985, một số ít được tha về. Số còn lại tiếp tục nghe tin đồn "sắp xuất cảnh qua Mỹ"... Khoảng tháng 7 năm 1987, có tin phái đoàn Mỹ đến Hà Nội, sau đó một số lớn được tha về vào dịp kỷ niệm 2/9/1987 và Tết 1988. Chương trình cho những người tù chính trị và gia đình được xuất cảnh, định cư tại Hoa Kỳ và đoàn tụ gia đình tại các nước khác thường gọi là chương trình H.O bắt đầu từ những năm 1990 – 1992...

Mấy chục năm sau, tại Hoa Kỳ, tôi tình cờ tôi gặp một cô gái rất giống Ngọc Lan.

- Có phải cháu có người Dì tên là Ngọc Minh? Bây giờ Dì ấy ở đâu?

- Tại sao bác biết Dì Ngọc Minh của cháu?

- Mấy chục năm trước, lúc tôi ở Huế, tôi có biết gia đình ông bà ngoại của cháu. Có phải mẹ cháu tên là Ngọc Lan?

- Đúng rồi.

- Mẹ cháu hiện nay ở đâu?

- Mẹ cháu chết rồi. Mẹ cháu bị tai nạn. Ba cháu có vợ khác... Cháu mồ côi mẹ sớm, cháu ở với ông bà ngoại...

Tôi không dám hỏi thêm điều gì nữa.

Ngày cuối năm 31/12/2022

Nguyễn Lý Tưởng

NGƯỜI TÂN TÒNG TRONG ĐÊM GIÁNG SINH

** Tưởng nhớ vong hồn Giáo Sư Trần Vỹ*

Tháng 6 năm 1975, tại trại tù Cải Tạo Long Thành, tỉnh Đồng Nai, một sự tình cờ, tôi được nằm cạnh Giáo Sư Trần Vỹ, Thạc Sĩ Y Khoa, nguyên Bộ Trưởng Y Tế trong chính phủ của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Chúng tôi thuộc khối II tức là thành phần đảng phái chính trị chống lại Cộng Sản mà Việt Cộng gọi là "đảng phái phản động". Chúng cho rằng chúng tôi "không ăn lương mà vẫn chống Cộng", chống Cộng vì lý tưởng, đó mới là những thành phần nguy hiểm...

Vốn nghe tiếng Giáo Sư Trần Vỹ đã lâu nhưng tôi chưa có lần nào được nói chuyện, trao đổi với ông nhiều giờ. Tôi biết ông là cựu cựu học sinh trường Thiên Hữu (Providence) Huế, lớp đàn anh của chúng tôi nhưng giữa tôi và ông vẫn còn nhiều xa cách.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, chúng tôi lại gặp nhau trong nhà tù, chia sẻ với nhau nhiều kỷ niệm vui buồn. Một vị Bộ Trưởng Y Tế, một Giáo Sư Thạc Sĩ Y Khoa mà vẫn đứng sắp hàng đến trước mặt một nữ y tá của Việt Cộng để khai bệnh xin thuốc. Thật là mỉa mai!

Ngày 4 tháng 10 năm 1975, một số anh em tù được chuyển về Thủ Đức, trong đó có ông. Riêng tôi thì ở lại trại Long Thành. Mãi cho đến tháng 8-1976, chúng tôi mới gặp lại ông tại trại tù cải tạo Hà Tây, miền Bắc. Tại đây, ông làm việc dưới quyền chỉ huy của một cán bộ Công An phụ trách về y tế và một anh tù hình sự làm phụ tá.

Mỗi sáng, anh em tù tập họp trước sân trại, từng đội ba,

bốn mươi người để đi lao động. Những người đau ốm phải đến bệnh xá khai bệnh, có phép của cán bộ y tế mới được nghỉ ở nhà. Bác Sĩ Trần Vỹ và anh Huệ (tù hình sự) khám bệnh cho tù rồi trình danh sách cho cán bộ ký cho phép nghỉ: một buổi hay một ngày, được cấp thuốc men hoặc cho ăn cháo.

Bác Sĩ Trần Vỹ vẫn âm thầm làm nhiệm vụ lao động "cải tạo" của mình như những anh em khác mà không hề nghe ca thán một điều gì. Nhiều anh em trách ông không bênh vực cho bạn tù... nhưng thật ra ông vẫn âm thầm tìm cách giúp đỡ anh em mặc dù ông chẳng có quyền gì. Ông cũng là tù như anh em và còn thua kém cả địa vị của anh Huệ, tù hình sự, người được cán bộ tin cậy vì anh ta trước đây đã từng phục vụ trong quân đội Miền Bắc...

Tôi ở chung phòng với cựu Nghị Sĩ Nguyễn Văn Mân và một số Dân Biểu, Nghị Sĩ của Việt Nam Cộng Hòa trước 1975. Trong buồng cũng có một số anh em Công Giáo. Chúng tôi thường nhắc nhở nhau nhớ những ngày kỷ niệm như Lễ Giáng Sinh, Lễ Phục Sinh. Trong buồng có hai Bác Sĩ Công Giáo là Bác Sĩ Nguyễn Văn Ái, Viện Trưởng Viện Pasteur, Chủ Tịch Hội Trí Thức Công Giáo Việt Nam và Bác Sĩ Trần Vỹ... Cả hai ông đều sinh hoạt với chúng tôi, trao đổi về giáo lý, kiến thức tổng quát, thông báo cho nhau những tin tức, những nhận định về tình hình chính trị. Bác Sĩ Ái hăng say tham gia lao động với anh em trong đội rau, suốt ngày lặn lội ngoài ruộng nhưng ông vẫn luôn tươi cười vui vẻ, luôn giữ vững niềm tin vào Thiên Chúa. Bác Sĩ Trần Vỹ là người tân tòng, ông đã biết đạo từ khi còn là học sinh ở trường Thiên Hựu Huế nhưng mãi đến khi ra đời, làm Bác Sĩ rồi ông mới được ơn trở lại đạo Công Giáo và chịu phép rửa tội. Ông đã kể lại cho chúng tôi trường hợp đặc biệt của ông:

Năm 1945, ông là Bác Sĩ và làm phụ giảng tại Đại Học Y Khoa Hà Nội cùng với Bác Sĩ Tôn Thất Tùng (sau làm Bộ Trưởng Y Tế của chính phủ Hồ Chí Minh)... Khi Pháp chiếm Hà Nội cuối năm 1946, ông bị bắt buộc phải tản cư theo trường Đại Học Hà Nội vào vùng kháng chiến. Ông nghe tin quân Pháp đã tái lập trật tự tại các thành phố trên toàn cõi Việt Nam và đã có một chính quyền quốc gia do cựu hoàng Bảo Đại làm Quốc Trưởng. Ông rất muốn trở về bên Quốc Gia nhưng

không làm sao về được vì ông bị Việt Minh kiểm soát rất chặt chẽ.

Một hôm quân đội Pháp mở cuộc hành quân lớn truy lùng Việt Minh vào tận chiến khu. Mọi người được lệnh phải chạy trốn vào rừng nhưng vợ chồng ông sức yếu, chạy chậm nên lọt lại đàng sau. Tên bộ đội có nhiệm vụ canh chừng ông đã chạy trước một quãng xa, nhìn lại không thấy ông đâu nên quay trở lại tìm... Trong khi đó, vợ chồng ông vội núp vào bụi cây, cố ý chờ đợi quân Pháp đến để nhờ họ cứu, đưa về vùng Quốc Gia.

Tên bộ đội không thấy ông bèn lên tiếng gọi nhưng lúc đó tiếng súng của quân đội Liên Hiệp Pháp đã quá gần và có bóng quân Pháp xuất hiện nên tên bộ đội Việt Minh phải lo chạy thoát thân.

Ngồi trong bụi cây, vợ chồng ông kêu cầu Đức Mẹ Maria cứu giúp... Ông còn nhớ được bài kinh "kính mừng Maria" bằng tiếng Pháp hồi còn đi học trường Công Giáo ở Huế. Ông đã đọc kinh đó để cầu nguyện. Bất ngờ quân Pháp tiến đến và chỉa họng súng vào bụi cây, chỗ ông ẩn núp, toan nhả đạn. Trong lúc cấp bách, ông bỗng kêu lên "Maria" và đưa tay đầu hàng quân Pháp, đồng thời bước ra khỏi chỗ ẩn núp. Lính Pháp thấy ông tay không nên chúng không bắn. May lúc đó có một tên sĩ quan Pháp đi đến và ông trình bày hoàn cảnh của ông... Thấy ông nói được tiếng Pháp thông thạo và được biết ông là một Bác Sĩ trước ở Hà Nội nên viên sĩ quan Pháp tỏ ra có cảm tình với ông.

Vợ chồng ông được quân Pháp đưa về Hà Nội... Tại đây ông gặp lại vị Bác Sĩ người Pháp, nguyên là Giáo Sư Đại Học Y Khoa Hà Nội và cũng là thầy dạy của ông trước năm 1945. Bác Sĩ này đã xin cho ông học bổng qua Pháp học lấy bằng Thạc Sĩ Y Khoa để sau này chính thức làm giáo sư Đại học Y khoa Hà Nội.

Thoát khỏi bàn tay Việt Minh, vợ chồng ông đã xin theo đạo Công Giáo. Ông thường đọc kinh bằng tiếng Pháp, không đọc nhiều, chỉ có mấy kinh: Lạy Cha, Kính Mừng, Kinh Tin Kính v.v... nhưng ông có một niềm tin tuyệt đối vào Thiên Chúa và Đức Mẹ. Là một nhà thông thái, một nhà khoa học, nhất là hiểu biết nhiều về Y Khoa, ông đã tìm thấy Thiên

Chúa, tin có Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa, tạo dựng nên con người khi ông nghiên cứu về cơ thể học... Ông trở về Việt Nam khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm lên lãnh đạo Miền Nam sau 1954. Ông đã được mời làm Bộ Trưởng Y Tế tại Sài gòn cho đến 1963, sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị phe quân nhân lật đổ.

Từ tháng 8 năm 1976, khi anh em tù chính trị được chuyển ra miền Bắc, nhận thấy tình hình có vẻ tuyệt vọng nên nhiều người đã cam tâm làm tay sai cho công an, báo cáo chuyện này, chuyện nọ. Ban đêm, anh em ngồi trong mùng đọc kinh cầu nguyện cũng bị chúng báo cáo... Lễ Giáng Sinh đầu tiên trên đất Bắc đã diễn ra trong âm thầm lặng lẽ, không một ai dám có một cử chỉ gì để mừng lễ. Có điều đặc biệt là vào tháng 12 năm 1976, có anh Cừ, một người tù từ trại Quảng Ninh chuyển đến, anh ta bị bệnh ung thư, bệnh nan y nên được đưa về đây chờ đợi thủ tục phóng thích và chờ mua vé tàu về Saigòn. Tại Quảng Ninh, anh ta đã gặp Cha Chương, gốc Bùi Chu, ngài đã bí mật trao Mình Thánh Chúa cho anh... Trước khi được trở về với gia đình, anh ta đã trao Mình Thánh Chúa lại cho một bạn tù... Thế là chúng tôi âm thầm rủ nhau, mỗi buổi trưa đến nhà ăn cầu nguyện. Anh em ngồi im lặng, hướng lòng về nơi có Mình Thánh Chúa... Mùa đông năm đó trời rét kinh khủng, anh em vừa đói, vừa thiếu quần áo chống rét, thiếu thuốc men... Qua những đêm dài trằn trọc không ngủ được, chỉ còn biết cầu xin Chúa Hài Đồng đem bình an đến cho mọi người trong cảnh tù tội, nước mất, nhà tan. Chúng tôi chỉ còn biết trông cậy vào sự an ủi của Thiên Chúa mà thôi.

Mùa xuân năm 1977, Bộ Nội Vụ cử một số cán bộ cao cấp từ Hà Nội đến phát động một đợt học tập gọi là "bốn tiêu chuẩn cải tạo", mục đích bắt anh em chúng tôi khai báo cho hết những gì còn giấu diếm. Sau đợt học tập vào tháng 4, tháng 5 là xuống đường đi lao động sản xuất. Mục đích vừa hành hạ chúng tôi về thể xác lẫn tinh thần. Nhiều người chịu không nổi đã phải ngã gục vì bệnh hoạn, vì kiệt sức. Mỗi tuần đều có sinh hoạt tổ, đội, từng người tự kiểm điểm về mặt tư tưởng, nội quy, lao động, học tập... rồi bắt những người trong đội nhận xét thái độ của người đó có thành khẩn hay không. Chúng cấm nấu nướng, cấm liên hệ buồng này, buồng

khác... Chúng hứa hẹn sẽ cho về sớm khiến cho nhiều người tin tưởng mà làm tay sai cho chúng, tố cáo lẫn nhau... Bác Sĩ Trần Vỹ mỗi ngày đến làm việc tại bệnh xá của trại, lúc đó hãy còn là một căn nhà làm bằng tre lợp mái tranh. Ông lợi dụng công việc nấu sôi để sát trùng dụng cụ y tế nên mỗi ngày ông có thể mang chút ít thức ăn hoặc chất bột để sẵn trong cái lon bằng nhôm (lon sữa hiệu Guigoz) để nấu.

Hôm 24 tháng 12 năm 1977, trời mưa lạnh, không khí thật ảm đạm, chúng tôi hướng về gia đình, hướng về các thánh đường ở miền Nam, nơi ngày xưa chúng tôi được tự do vui chơi đón mừng Chúa giáng sinh... Bao nhiêu hình ảnh trìu mến, bao nhiêu kỷ niệm êm đềm của thời xa xưa... Lễ Giáng Sinh không chỉ dành riêng cho người tin Chúa mà cho tất cả mọi người trên thế giới, không phân biệt tôn giáo, không phân biệt giàu nghèo. Ai ai cũng thấy lòng mình rung động, hòa niềm vui với cả nhân loại. Đêm Noel đối với dân Saigòn ngày trước, nhà nào cũng vui chơi, bạn bè mời nhau nhậu nhẹt, ca hát, mọi người kéo nhau đến nhà thờ xem đèn, nghe hát thánh ca hoặc tham dự thánh lễ. Giờ đây trong cảnh tù tội, nơi đất Bắc xa xôi, không tin tức gia đình, không có thánh lễ, không tiệc tùng, không một bóng đèn sao..., anh em chúng tôi âm thầm lặng lẽ... Chúng tôi chỉ còn nhắc nhở nhau cầu nguyện, dâng những nỗi đau khổ lên Chúa Hài Đồng, cùng cảm thông với Người cảnh nghèo khó, rét lạnh nơi hang đá Bê Lem ngày xưa.

Bọn "chó săn" trong trại được lệnh theo dõi anh em Công Giáo, Tin Lành, xem có ai tổ chức Lễ Giáng Sinh không? Anh em chúng tôi dư biết điều đó và cứ thản nhiên như không hề để ý đến bọn chúng. Cũng có người đi kiếm một cành hoa tươi đem về cắm ở đầu giường, rồi âm thầm cầu nguyện trước khi đi ngủ. Khi đêm xuống, căn nhà tù tối tăm càng tăng thêm vẻ lạnh lẽo thâm u. Một ngọn đèn dầu leo lét để trên cái bàn gỗ giữa nhà, bên cạnh chiếc đồng hồ có chuông báo thức. Một cái điếu thuốc lào bằng tre để sẵn đó, ai cần thì cứ mang thuốc đến mà hút. Thú hút thuốc lào cũng là một nhu cầu cho anh em tù trong những lúc cô đơn. Những ngày này, không ai ngủ được, cứ trằn trọc mãi vì đói, vì rét và vì nhớ gia đình, cha mẹ, vợ con, anh em, bè bạn...

Sáng hôm đó tôi đến bệnh xá gặp Bác Sĩ Trần Vỹ để khai bệnh xin nghỉ ở nhà. Bác hỏi tôi có gì trao cho bác nấu để đêm nay ăn mừng Lễ Giáng Sinh. Tôi xem lại trong bao chẳng còn gì ngoại trừ một ít bắp xay do gia đình gởi từ hai tháng trước nhưng không có đường để nấu chè bắp. Bác nói nhỏ với tôi cứ mang xuống bệnh xá cho bác, bác sẽ có cách. Chiều hôm đó từ bệnh xá trở về, tôi thấy bác xách một cái lon Guigoz nơi tay. Bác không hề tỏ ra một vẻ gì khác thường. Sau giờ điểm số, mọi người vô buồng và cánh cửa nhà tù đóng lại. Thường lệ, những anh em đi lao động phải ngủ sớm để lấy sức. Sau tiếng kẻng vào lúc 9 giờ tối báo hiệu giờ ngủ thì tất cả mọi người phải tôn trọng nội quy, giữ im lặng và bắt buộc phải lên giường nằm nhưng tối hôm nay, không ai ngủ sớm được. Mọi người đều thao thức, trằn trọc; cũng có người còn đi lui đi tới trong buồng. Bọn lính gác đi từng buồng nhắc nhở cố ý xem anh em có tổ chức ca hát hay cầu nguyện gì không... nhưng anh em vẫn kiếm cớ đi tiêu, đi tiểu, không chịu lên giường nằm. Được một lúc lâu rồi cũng không biết làm gì hơn, anh em cũng phải lên giường nằm trùm chăn cho ấm.

Khoảng nửa đêm, mọi người đã ngủ hết rồi, bỗng có một bàn tay nắm chân tôi kéo mạnh. Tôi hiểu ý, ngồi dậy ngay. Người đang đứng đó là Bác Sĩ Trần Vỹ, ông ra hiệu cho tôi đến chỗ của ông. Nơi đây đã có cụ Nguyễn Văn Mân, cựu Nghị Sĩ đồng thời cũng là cựu Hội Trưởng Hội Cựu Học Sinh trường Thiên Hựu Huế. Ba anh em chúng tôi cùng chui vào trong mùng của Bác Sĩ Trần Vỹ. Chỗ đó là góc buồng sát với bức tường, người nằm bên cạnh Bác Sĩ là ông Năm Cưa, một đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Gò Công. Bác Năm già yếu, bị hen suyễn nên cần sự săn sóc của Bác Sĩ mỗi khi bệnh lên cơn. Bác Năm là người theo đạo Cao Đài, cũng tin có Đấng Tạo Hóa, cũng tin Đức Chúa Giêsu... Bác ngầm ủng hộ anh em nên chúng tôi không sợ bác đi báo cáo với bọn công an.

Chúng tôi bắt đầu buổi cầu nguyện, Bác Sĩ Trần Vỹ yêu cầu đọc kinh bằng tiếng Pháp vì ông không thuộc kinh tiếng Việt. Chúng tôi cùng nhau đọc Kinh Lạy Cha, Kính Mừng, Sáng Danh và Kinh Tin Kính. Cụ Nguyễn Văn Mân, niên trưởng trong anh em cũng nói mấy lời cầu nguyện bằng tiếng Pháp. Cụ nói rất nhỏ nhưng chúng tôi vẫn có thể nghe được

một cách rõ ràng. Anh em chúng tôi cùng dâng lên Chúa mọi nỗi đau khổ trong cảnh tù đày, cầu xin Chúa ban cho sức mạnh trong đức tin, vui lòng chịu mọi sự khốn khó ở đời này, xin cho tất cả anh em tù chính trị và gia đình được bình an và được sớm đoàn tụ, xin cho đất nước sớm thoát cảnh lầm than dưới ách Cộng sản vô thần.

Cầu nguyện xong, Bác Sĩ Trần Vỹ đem cái lon Guigoz cất giấu từ chiều ra, mỗi người chia nhau lưng chén chè bắp nấu với đường sacarine, loại đường dành cho bệnh nhân vì cả ba anh em không ai còn một chút đường mía nào.

Ăn réveillon xong, chúng tôi giải tán, ai về chỗ nấy. Có thể không một ai trong buồng hay biết đã có ba người họp nhau vào đêm hôm đó để kỷ niệm Lễ Giáng Sinh năm 1977 ở trong tù. Năm 1979, tôi bị đưa đi biệt giam tại nhà giam Hỏa Lò Hà Nội. Đầu năm 1980, khi trở về lại trại Hà Tây, tôi được tin Bác Sĩ Trần Vỹ mới được tha về với gia đình dịp đầu năm 1980. Năm 1988, khi tôi trở về Saigòn thì nghe tin ông đã qua Pháp. Tại đây, ông đã viết một cuốn hồi ký bằng tiếng Pháp kể lại cuộc đời của ông và những năm ở trong trại tù của chế độ Cộng Sản. Ông đã qua đời tại Pháp trong những năm sau đó, tôi không biết rõ ngày chết của ông. Tôi cũng chưa được may mắn đọc cuốn hồi ký của ông nhưng tôi tin chắc rằng, ông không thể nào quên được kỷ niệm của đêm Lễ Giáng Sinh 1977 ở trong tù. Trong đời sống hằng ngày, ông ít khi xưng mình là người Công Giáo. Ông cũng kín đáo không bày tỏ với nhiều người về đời tư của ông. Sự dè đặt, khôn ngoan ở trong trại tù có khi khiến cho nhiều người hiểu lầm về ông. Tôi là một trong số rất ít người được ông kể cho nghe một vài kỷ niệm của đời ông nhất là được cùng với ông mừng Lễ Giáng Sinh trong tù, điều mà không ai dám làm trong thời điểm đó.

Trong khi có biết bao anh em Công Giáo, theo đạo từ khi mới sinh, dòng họ đã mấy đời thờ phượng Chúa, tổ tiên có người chết vì đạo..., khi vào tù lại làm tay sai cho Cộng Sản, trở mặt hại anh em, trước và sau 1975 vẫn chứng nào tật ấy, không bao giờ biết ăn năn hối cải... thì một người tân tòng, khiêm tốn, âm thầm như Bác Sĩ Trần Vỹ luôn giữ vững đức tin dù trải qua gian nan, thử thách, thật đáng nêu gương cho anh em. Có lẽ khi đọc bài này, nhiều anh em đã từng sống ở

trại tù Hà Tây, đã từng biết Bác Sĩ Trần Vỹ sẽ rất ngạc nhiên về những điều chúng tôi nói về ông. Họ có biết đâu rằng một người như Bác Sĩ Trần Vỹ lại có đức tin vững chắc, tuyệt đối như thế. Chúng tôi ghi lại kỷ niệm này cũng là để nhớ đến Bác Sĩ, người bạn tù và cũng là người săn sóc sức khỏe, phục vụ anh em trong giai đoạn khó khăn nhất của những năm thiếu thốn trong trại tù Cộng Sản ở miền Bắc Việt Nam, để nhớ đến một đêm Giáng Sinh được gần Chúa Hài Đồng nhất.

Xin Chúa thương đến linh hồn một người anh em chúng con đã ra đi trước chúng con, đã tin và trông cậy nơi Chúa, được về hưởng thánh nhan Chúa muôn đời.

Nam Cali, mùa Giáng Sinh 1995

Nguyễn Lý Tưởng

GIẤC MƠ HOA HỒNG

** Tưởng nhớ linh hồn anh Dương Quang Tiếp,*
người đã chọn Thánh Giuse làm quan thầy.

Có tiếng cãi vả và bước chân người đuổi nhau chạy thình thịnh:

- Mày là đồ trộm trâu. Mày là đồ chó săn. Tao đánh cho chết cha mày...

Một người đứng trong sân la lên:

- Tư Lựu Đạn! Có chuyện gì ở ngoài đó rồi.

- Báo cáo cán bộ: anh Tiếp đánh tôi.

Tiếng của Đỗ Công Thành, Trưởng Ban Thi Đua vừa chạy vừa la hớt hãi.

- Anh Tiếp đừng nóng, có chuyện gì đó?

Tên cán bộ Báu lên tiếng can thiệp.

- Thằng Thành cướp hộp sữa của tôi. Trả lại cho tao ngay lập tức mày, Thành!

Thành trao hộp sữa đặc có đường cho tên công an:

- Anh Tiếp liên hệ mua bán đổi chác với anh Tồn bên buồng học tập.

- Trả lại tao, đây là của gia đình tao gởi ra. Thằng Tồn là bà con của tao. Mày là đồ trộm trâu, đồ chó săn, đồ ăn cướp. Tao giết mày!

- Anh Thành! Trả lại hộp sữa cho anh Tiếp đi.

Tên công an đứng giang tay trước mặt Tiếp, ngăn không cho anh đánh thằng "Thành thi đua".

Câu chuyện xảy ra vào một buổi sáng Chúa Nhật khi anh em chúng tôi đang đứng trong sân buồng số I khu A trại Hà Tây (tỉnh Hà Sơn Bình). Anh Dương Quang Tiếp, nguyên là

Đại Tá Giám Đốc Cảnh Sát Vùng I ở Đà Nẵng. Sau 30 tháng 4, 1975, nước mất, nhà tan, anh cũng như mọi người phải mang thân vào tù. Anh nổi tiếng là người ăn nói cộc cằn, thẳng tánh. Anh ghét nhất là bọn người nịnh bợ, bọn chó săn, bọn ăng-ten ở trong tù. Anh chửi thẳng vào mặt bọn chúng nên anh em thường gọi anh là "Tư lựu đạn". Hôm đó, người bà con của anh là Đại Tá Nguyễn Văn Tồn mới được vợ con ở Sài Gòn ra thăm, có chút quà gia đình, muốn gởi biếu anh. Nhân ngày Chúa Nhật nghỉ ở nhà, không đi lao động, anh lén qua buồng anh Tồn hỏi thăm tin nhà. Buồng của anh Tồn ở gọi là buồng học tập, gồm các anh Đại Tá khoảng trên một trăm người, không đi lao động, ở nhà lo viết khai báo cho Bộ Nội Vụ và Bộ Quốc Phòng. Bọn cán bộ trại cấm không cho các buồng khác liên hệ với buồng học tập. Anh em muốn gặp nhau phải xin phép cán bộ hoặc xem chừng không có ai thì chạy qua một lát rồi về liền. Anh Tiếp qua thăm anh Tồn, không xin phép mà cũng không lén lút. Anh ngang nhiên đi qua đó chẳng sợ ai.

Khi anh từ buồng "học tập" trở ra thì gặp Đỗ Công Thành, Trưởng Ban Thi Đua. Thành là một tên phản bội, ra sức lập công để được về sớm. Hắn xem cái chuyện làm khổ anh em bằng những báo cáo, buộc tội, phê bình, bới lông tìm vết... là cơ hội lập công tốt nhất để được "Cách Mạng khoan hồng" theo ngôn ngữ của bọn Cộng Sản thường nói.

Đỗ Công Thành, mới tốt nghiệp trường Quốc Gia Hành Chánh, làm Phó Quận Trưởng được hai năm thì Việt Cộng chiếm miền Nam. Hắn còn trẻ, năm 1975 vào khoảng dưới 30 tuổi. Vào tù hắn được lòng bọn cán bộ công an, được tín nhiệm đưa lên làm "Trưởng Ban Thi Đua", đứng đầu trong bảng phong thần của trại tù. Hắn được ưu đãi khi gia đình đến thăm, được đi lại tự do trong phạm vi trại. Khi ra khỏi cổng trại không cần có lính cầm súng đi theo. Hắn được ăn theo tiêu chuẩn 18 ký lô gạo mỗi tháng trong khi anh em chỉ có từ 13 đến 15 ký lô. Anh em phải lao động vất vả: cày bừa, gặt hái, cấy lúa, đào đất làm gạch ngói, cưa xẻ, thợ nề, thợ mộc, thợ rèn, gánh phân trồng rau v.v... thì hắn chỉ có cầm sổ sách chạy loanh quanh để kiểm soát, báo cáo... Hắn nói với anh em như ra lệnh, ngay cả với những người lớn tuổi hắn cũng lên tiếng dạy dỗ như cha mẹ dạy con. Không biết ngày xưa hắn

có mối thù gì với những bậc đàn anh, với những cấp chỉ huy trong chính quyền Quốc Gia không mà nay hắn lại đối xử với họ cách tệ bạc như thế.

Nói đến Đỗ Công Thành, cả trại Hà Tây ai cũng ghét. Có người chỉ mong ngày về ra ngoài xã hội rộng đường hoạt động sẽ tìm cách thanh toán hắn. Chưa có một người nào trong trại dám chửi thẳng vào mặt hắn như anh Dương Quang Tiếp. Trước anh Tiếp có Hoàng Trọng Hanh, Trung Úy Cảnh Sát, một đêm giả điên giả khùng nhảy đến đòi đánh hắn nhưng sau đó Hoàng Trọng Hanh, Nguyễn Thái Quân (Thiếu Tá Dù) và Đặng Văn Tiếp (Dân Biểu) bị đày đi Trại Cổng Trời tỉnh Hà Tuyên, sát biên giới Trung Quốc. Cổng Trời là nơi "có đi không có về", nơi đó tù chính trị cũng bị đối xử dã man, bị đánh đập như tù hình sự, không mấy ai sống sót trở về nhưng trước khi Trung Quốc tấn công, khoảng 1978, tất cả tù chính trị được chuyển về vùng Thanh Hóa. Dân Biểu Đặng Văn Tiếp về sau trốn trại bị tên Thi đánh chết tại trại Thanh Cẩm (chuyện này đã được Linh Mục Nguyễn Hữu kể lại trên báo vào năm 1995).

Tôi gặp anh Dương Quang Tiếp lần đầu khi anh từ Sài Gòn ra làm trưởng Ty Cảnh Sát Thừa Thiên-Huế năm 1968 thay thế Đoàn Công Lập. Sau đó anh vào làm Giám Đốc Cảnh Sát Vùng I ở Đà Nẵng năm 1969. Có thể nói được anh là một con người ngang tàng, anh hùng tính, ở đâu cũng nổi tiếng với những chuyện "động trời", với những câu nói "để đời". Thiên hạ cũng hơi ngán cái tính "bất cần" của anh. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, tôi gặp lại anh tại trại tù Hà Tây. Gặp nhau tay bắt mặt mừng và anh bắt đầu "mở máy" chửi hết tên này đến tên khác. Anh em thường nói: "Gặp Tư Lựu Đạn nghe chửi đã lắm". Chửi đây là chửi Cộng Sản và bọn tay sai, nịnh bợ Cộng Sản.

Anh có lối nói chuyện rất "tếu". Anh sưu tầm đâu toàn chuyện "tiếu lâm" về chế độ Cộng Sản. Anh hay bắt chước giọng nói của bọn công an, bọn nữ cán bộ Việt Cộng ở miền Bắc nhưng anh chưa bao giờ nói lời gì bất nhã đối với tôi. Anh thương tôi, tin cậy tôi cách đặc biệt. Tôi nhỏ hơn anh mười tuổi nhưng anh luôn tỏ ra kính trọng tôi, có chuyện gì cần nói với anh, anh em cũng nhờ tôi. Có lần anh và anh Tô Ngọc Diệp giận nhau, anh em cho tôi biết chuyện, tôi nói nhỏ với anh...

Anh liền chạy đi tìm anh Diệp để xin lỗi. Những người ít tiếp xúc với anh, ít tâm sự với anh thì cho anh là người lỗ mãng hay chửi tục nhưng ai gần anh thì nhận thấy anh có nhiều đức tính rất tốt, nhất là lòng chung thủy với bạn bè.

Một hôm anh đến chỗ tôi nằm để tâm sự. Anh đem chuyện gia đình, vợ con ra kể hết cho tôi nghe. Anh hỏi tôi về sự tích Đức Mẹ La Vang, Đức Mẹ Fatima, Đức Mẹ Lộ Đức v.v... Anh cho biết các con của anh vượt biên được là nhờ cầu nguyện với Đức Mẹ, chính Đức Mẹ đã che chở gia đình anh. Thế rồi mỗi buổi tối đi làm về, anh thường hỏi hết chuyện này đến chuyện khác, bắt tôi phải giải thích về giáo lý, về Kinh Thánh, về lịch sử. Mỗi đêm, tôi kể cho anh nghe một đoạn trong Kinh Thánh trước khi đi ngủ và không quên chúc cho anh được ngủ ngon và trong giấc mơ sẽ gặp được Thiên Chúa như các vị Thánh đời xưa.

Trong nhà tù, người ta rất sợ khoảng thời giờ nhàn rỗi, trống trải không biết làm gì, nằm suy nghĩ, nhớ gia đình, vợ con, lo sợ bệnh hoạn, thiếu thốn, có khi nằm chịu cơn đói dày vò, cơn rét nhức nhối cả tim phổi. Những người đau ốm, thất vọng, khủng hoảng, suy yếu rất nhanh và cũng rất gần với tử thần. Anh nói với tôi:

- Hôm nào không được nghe anh kể chuyện Kinh Thánh hay chuyện Đức Mẹ hiện ra, tôi cảm thấy như còn thiếu cái gì và ngủ không ngon giấc.

- Anh tin có Thiên Chúa, có linh hồn không?

- Có chứ. Tôi còn tin hơn anh nữa kia.

- Thế tại sao anh không theo đạo?

- Vì tôi quá bê bối, tội lỗi. Tôi sợ vào đạo rồi không giữ được luật đạo...

Tôi bèn đem những câu chuyện và lời dụ ngôn trong Kinh Thánh về thái độ người cha khi người con hoang đàng trở về, về người chăn chiên bỏ lại đàn chiên để đi tìm con chiên lạc, cách cư xử của Đức Kitô đối với người đàn bà ngoại tình v.v... và tôi khuyên anh nên trở lại với Chúa. Anh cho biết anh có ba anh em trai, người anh và người em đã theo Công Giáo rồi, chỉ còn lại một mình anh.

Tôi xin anh em cầu nguyện cho anh, xin Chúa soi sáng cho anh được nhận biết người. Tôi cũng nói rằng, Chúa hiện

diện nơi anh em, nếu anh em ăn ở xứng đáng thì những người sống gần anh em sẽ nhận biết Chúa.

Thế rồi một buổi sáng anh thức dậy thật sớm và gọi tôi đến chỗ của anh. Anh đi đun một lon nước sôi, pha trà mời tôi uống. Bằng một giọng hết sức xúc động anh kể cho tôi nghe đêm qua anh nằm mơ thấy anh đi vào nhà thờ, đến quỳ trước tượng Đức Mẹ. Bàn thờ Đức Mẹ đầy bông hoa, cạnh đó có anh Lê Thiện Điền và anh Lương Việt Cương cùng quỳ gối, tay cầm tràng hạt đang đọc kinh. Đức Mẹ trao cho anh một bông hoa hồng và một tràng hạt...

Anh nói với tôi:

- Giấc mơ đó có ý nghĩa gì?

- Theo tôi thì qua giấc mơ này, Chúa đã gọi anh làm con Chúa, Mẹ đã gọi anh làm con Mẹ. Đó là ơn Chúa đến với anh. Anh đừng từ chối tình yêu thương của Ngài. Chúa nói: "Không phải con đã chọn Thầy mà chính Thầy đã chọn con; không phải con đã yêu Thầy mà chính Thầy đã yêu con".

Từ đó mỗi ngày tôi dạy anh một bài học giáo lý. Anh bắt đầu đọc kinh, cầu nguyện, lần hạt Mân Côi. Anh yêu cầu tôi, sau mỗi bài giảng, chép lại cho anh để anh nghiên cứu. Tôi bắt đầu suy nghĩ và cầu nguyện rồi mỗi ngày viết ra một đề tài. Trong vòng một tháng tôi đã biên soạn được 17 đề tài giáo lý. Mỗi đề tài, tôi đều tham khảo ý kiến anh em như anh Trần Khắc Khoan, anh Hồ Ngọc Tâm, anh Nguyễn Quang Thông là những người đã học về Thần Học tại Đại Chủng Viện. Tập sách nhỏ đó lấy tên là "Tìm hiểu Đạo Thánh Đức Chúa Trời", anh em chuyền tay nhau chép lại để nghiên cứu. Tôi khuyên anh đừng ghi chép mà nên học thuộc lòng để tránh rắc rối khi bọn công an bắt được tài liệu viết. Anh đã làm đúng như lời tôi dặn và đọc kinh một cách sốt sắng.

Chúng tôi chuẩn bị làm lễ rửa tội cho anh. Trước đó tôi hỏi anh muốn chọn vị Thánh nào làm quan thầy và muốn chọn người nào trong anh em làm bỡ đỡ đầu. Anh hỏi tôi:

- Trong nhà thờ có ông Thánh gì trên tay cầm hoa huệ?

- Đó là ông Thánh Giuse, cha nuôi Đức Chúa Giêsu và là chồng của Đức Bà Maria trên phương diện pháp lý, nghĩa là hai người đã làm phép cưới, có giấy hôn thú hợp pháp nhưng chỉ là bạn vì cả hai người đều giữ mình đồng trinh.

- Tại sao lại cầm hoa huệ?

- Hoa huệ tượng trưng cho sự trong sạch.

- Tôi muốn chọn anh Nguyễn Phúc, người đàn anh của tôi trong ngành Cảnh Sát. Anh Phúc tên Thánh Giuse.

- Thế thì tốt lắm. Anh chọn Thánh Giuse làm quan thầy, làm Thánh bổn mạng.

- Ngoài đức trong sạch, ông Thánh Giuse còn có nhân đức gì nữa không?

- Khiêm nhượng, vâng lời và là người công chính.

- Anh nói cho tôi biết về Thánh Giuse.

- Thánh Giuse là dòng dõi của một vị anh hùng và là vị Thánh của dân tộc Do Thái xưa, đó là vua Đa-vít nhưng người đã sống đời sống khó nghèo, khiêm nhượng, địa vị xã hội chỉ là một người thợ mộc. Khi biết Đức Mẹ Maria có thai Đấng Cứu Thế, người có ý định bỏ đi nhưng trong giấc mơ, thiên thần đã cho người biết thai đó là bởi phép của Chúa Thánh Thần và Đấng Cứu Thế sẽ sinh ra bởi Trinh Nữ Maria để thực hiện ơn cứu độ cho nhân loại. Thánh Giuse liền vui vẻ vâng lời Thiên Chúa để sống chung với Đức Mẹ Maria trong một gia đình và làm tròn bổn phận người chồng, người cha.

- Người Công Giáo đối với cha mẹ ông bà thì phải như thế nào?

- Trong mười giới răn của Thiên Chúa truyền cho Môi-sen, ba giới răn đầu tiên nói về sự thờ phượng Thiên Chúa, giới răn thứ tư nói về lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, các giới răn khác nói về bổn phận đối với tha nhân cũng như với bản thân của mình. Cha mẹ cộng tác với Thiên Chúa trong việc tạo dựng nên con cái. Khi có vợ chồng, có thai, chúng ta hoàn toàn không biết trước thai nhi đó là con trai hay con gái, mặt mũi như thế nào, có tài năng gì, cuộc đời của nó sẽ ra sao? Chúng ta hành động đúng theo quy luật của Thiên Chúa thì sẽ có kết quả là con cái nhưng đừng quên rằng tất cả đều ở trong ý định của Ngài. Cha mẹ thay mặt Thiên Chúa để lo giáo dục con cái, vì thế con cái phải hiếu thảo với cha mẹ, phải vâng lời cha mẹ. Giáo Hội không cấm những hình thức bày tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ khi sống cũng như khi chết, miễn là hình thức đó đừng nghịch với đức tin và không có tính cách dị đoan.

- Đức Chúa Giêsu có phải vâng lời ông Thánh Giuse

không?

- Tất nhiên là có vì Kinh Thánh nói rằng Ngài vâng lời cha mẹ.

- Thánh Giuse có biết Đức Chúa Giêsu là Ngôi Thứ Hai Thiên Chúa, là Đấng Cứu Thế, là Đức Kitô hay không?

- Theo Kinh Thánh thì Thiên Chúa đã sai thiên thần của Ngài báo cho Giuse trong giấc mơ, biết rằng thai nhi trong lòng Maria là Đức Kitô nhưng thánh Giuse vẫn lo lắng, bảo bọc, che chở và dạy dỗ Đức Chúa Giêsu như một người cha đối với con. Công lao của Người rất lớn nhưng hình ảnh của Người được nhắc đến trong Kinh Thánh rất khiêm tốn. Người cũng đã qua đời trước khi Đức Kitô xuất hiện công khai để rao giảng Tin Mừng trong dân Do Thái.

- Ước chi mình được ở gần Chúa như Thánh Giuse.

- Có ba hình thức kết hợp với Chúa, ở gần Chúa như Thánh Giuse: Khi chúng ta cầu nguyện thì có Chúa hiện diện trước mặt chúng ta. Lúc đó ta nói chuyện với Chúa như Thánh Giuse nói chuyện với Chúa Giêsu trong gia đình Na-gia-rét vậy; khi chúng ta đọc Kinh Thánh, tức là nghe lời Chúa nói với chúng ta như Chúa Giêsu nói chuyện với Thánh Giuse; khi chúng ta tham dự thánh lễ và chịu Mình Thánh Chúa thì chúng ta rước Chúa vào lòng, rước Chúa vào nhà mình cũng như ông Thánh Giuse bồng ẵm Chúa Giêsu vào lòng vậy. Thánh nguyện, Thánh Kinh, Thánh Thể là ba hình thức kết hợp với Chúa của người Kitô hữu.

Chúng tôi định ngày tổ chức lễ rửa tội cho anh vào tháng Thánh Giuse năm 1984 tại buồng 6 khu A trại Nam Hà là nơi anh Dương Quang Tiếp và tôi ở. Hôm đó có mặt anh Nguyễn Phúc (Đại Tá Cảnh Sát, Phụ Tá về Huấn Luyện tại Bộ Tư Lệnh CSQG) làm bõ đỡ đầu, anh Trần Khắc Khoan (tác giả sách "Tìm hiểu học thuyết Trinh Nữ Maria... ") thực hiện nghi thức dội nước rửa tội. Bác Sĩ Lê Thiện Điền và Giáo Sư Lương Việt Cương và tôi là người dạy giáo lý cho anh Dương Quang Tiếp. Chúng tôi hẹn nhau cùng khai bệnh nghỉ ở nhà không đi lao động và tụ họp nhau tại chỗ tôi nằm. Trong nhà tù có hai sàn ngủ, ở dưới thì đúc bằng xi-măng, tầng trên bằng gỗ, anh em phải leo lên trên, kín đáo hơn. Chúng tôi phải nhờ anh em canh gác lối vào cổng, thấy công an xuất hiện thì báo động.

Nghi lễ được tổ chức vắn gọn đầy đủ trong vòng mươi phút. Sau đó anh em chúng tôi giải tán ai về nhà nấy.

Chúng tôi báo tin cho tất cả anh em Công Giáo trong trại biết và mỗi người tự động kiếm một cành hoa hồng, hoa huệ hay bất cứ hoa gì anh em trồng ở trong trại đem đến mừng anh Tiếp. Anh Tiếp cũng nằm ở sàn gỗ bên trên như tôi, phía trên đầu có để một cái bình bông thật lớn, thỉnh thoảng lại có người đến thăm, cắm thêm một cành hoa, nói lời chúc mừng rồi ra đi. Cứ như vậy suốt ngày, những anh em ngoài Công Giáo không biết hôm nay có việc gì mà người ta mang hoa đến cho anh Tiếp nhưng dần dần rồi cũng có người tiết lộ cho thiên hạ biết tin vui đó.

Từ ngày anh Dương Quang Tiếp trở lại đạo Công Giáo, tính tình anh thay đổi hẳn. Anh không còn nóng tính, hay chửi tục, hay gây gỗ như trước nữa. Suốt ngày anh chăm lo lần hạt, đọc Kinh Thánh và tham gia những buổi cầu nguyện chung với anh em. Anh cảm thấy hạnh phúc vì đi đâu cũng được anh em chào hỏi, mời mọc, có thêm nhiều bạn bè... Anh nhắn tin về cho gia đình biết anh đã theo đạo và khuyên vợ con đến gặp Linh Mục để học giáo lý nhưng thời gian đó, Chúa thử thách anh: vợ con anh không đi thăm anh được. Một đứa con trai đau nặng và đã chết ở ngoại quốc, vợ anh cũng vượt biên. Những người còn lại thì gặp khó khăn về công việc làm ăn, chỉ gởi tiền, gởi quà mà không thể ra thăm được. Chứng đau bao tử hành hạ anh lại thêm chứng cao áp huyết, anh bị nhức đầu, đau đớn lắm. Chúng tôi thường đến an ủi anh, chia sẻ với anh tất cả những gì chúng tôi có. Chúng tôi tổ chức mừng lễ bổn mạng Thánh Giuse ngày 19 tháng 3 năm 1984 cho anh. Đúng một năm sau ngày anh chịu phép rửa tội, chúng tôi cũng tổ chức cầu nguyện, góp nhau nào đậu, nào đường, nào bánh, bún v.v... làm một bữa ăn để mời tất cả anh em đến chung vui. Ngày Lễ Tro năm 1985, anh cũng ăn chay cầu nguyện chung với anh em.

Ngày Chúa Nhật sau đó, anh Khiêm làm việc ở Bệnh Xá mời anh ăn cơm trưa. Vừa ăn xong đứng dậy thì anh bị ngã xuống bất tỉnh. Bác Sĩ Trương Văn Quýnh, một anh em tù trong trại thường trực ở bệnh xá đưa anh vào phòng cấp cứu. Anh em nghe tin, chạy đến thăm. Anh Lê Thiện Điền lấy

trong túi ra một tràng hạt Mân Côi đặt vào tay anh. Anh nắm chặt lại và mở mắt ra nhìn anh em. Anh hiểu ý anh em là cầu nguyện và dọn mình sẵn sàng, nếu Chúa gọi thì về với Chúa. Sáng hôm đó, chúng tôi đã chia Mình Thánh Chúa cho anh em trong đó có anh để rước Chúa. Chúng tôi cất giấu Mình Thánh Chúa khi có lễ trọng hoặc trong trường hợp có người đau nặng thì giúp họ dọn mình ăn năn tội và rước Chúa. Anh được đưa đi bệnh viện Phủ Lý, cách trại hai chục cây số. Anh em đã nhờ công an đánh điện báo tin cho gia đình.

Anh bắt đầu hôn mê mấy ngày liền cho đến khi cháu Đào, con gái anh từ Sài Gòn đến thì anh mới chết hẳn, theo giấy chứng tử của trại giam thì anh chết hôm 8 tháng 3 năm 1985. Anh được chôn trong vùng đất của trại tù. Ba năm sau gia đình đến trại xin cải táng, đem cốt về Sài Gòn.

Được tin anh qua đời, vào một buổi trưa Chúa Nhật, chúng tôi loan báo cho tất cả anh em đến tại buồng 10, khu A để cầu nguyện cho anh. Chúng tôi nói vài lời để nhớ đến anh, sau đó đọc kinh cầu nguyện và hát. Mấy hôm sau, có một người bà con của tôi ra thăm, anh ấy là nhân viên cũ của anh Tiếp ở Đà Nẵng. Chúng tôi đã nhờ anh ấy nhắn tin cho gia đình anh Tiếp biết. Gia đình đã xin lễ cầu nguyện cho anh tại nhà thờ Đức Bà Sài Gòn.

Trong thời gian ở Huế, anh có một người vợ Công Giáo và có một đứa con gái. Vì anh đã có vợ chính nên theo luật đạo, anh không được làm phép cưới với cô này ở nhà thờ nhưng anh có làm giấy hôn thú với cô. Năm 1990, anh Nguyễn Đăng Triệu dẫn con gái anh Tiếp đến tìm tôi và nhờ tôi dẫn đến thăm gia đình anh Tiếp ở Sài Gòn để chị em cùng cha nhận biết nhau. Cháu đó mang theo di ảnh và giấy tờ để chứng minh sự liên hệ với gia đình.

Chị em gặp nhau rất cảm động, sau đó cháu tìm thăm bà nội (mẹ anh Tiếp) còn sống ở quê nhà. Bà nội trao cho cháu giấy báo tử của Bộ Nội Vụ Hà Nội gởi về cho bà. Với giấy này và có giấy hôn thú, người vợ anh Tiếp ở Huế đã làm đơn xin đi Mỹ theo diện HO. Hiện nay vợ con anh ở tại Houston, Texas.

Nhân tháng Thánh Giuse, tôi viết lại câu chuyện này để nhớ đến một người bạn đã chọn ông Thánh Giuse làm quan

thầy và đã được ơn chết lành sau một thời gian dài ở trong nhà tù để chuẩn bị cho những ngày cuối cùng của đời mình. Tôi tin rằng Thiên Chúa đã tha thứ những lỗi lầm của anh nhờ đức tin qua phép rửa tội và Ngài sẽ ban cho anh hạnh phúc vĩnh cửu như lời Ngài đã hứa cho những ai tin và trông cậy Ngài.

Nam Cali ngày 18 tháng 2, 1997

Nguyễn Lý Tưởng

MỤC LỤC

Đốt lò hương ấy.....3
Bến xuân.....4
Tiên nga vũ khúc.....24
Cầu ngói Thanh Toàn.....39
Đàn bướm lạ trong vườn.....49
Hạt sương còn đọng trên đóa hải đường.....65
Kỳ hoa dị thảo.....75
Tiếng đàn dương cầm.....84
Hoàng hôn trên sông Hương.....95
Đôi mắt người xưa.....102
Hoa sơn trà nở muộn.....120
Tổ chim sáo.....137
Hồn ma bóng quế.....150
Giữa mùa hoa đào.....159
Ngựa Hồng.....175
Ba T. Đồng Khánh.....181
Ông khách quý của mệ.....191
Hoa Thủy Tiên.....203
Má Lúm Đồng Tiền.....206
Chuyến đò chiều Xuân.....212
Ấu nhi.....227
Ánh đèn bên song cửa.....262
Từ một dòng sông.....279
Thuyền về bến cũ.....290
Xóm Giàng.....304
Mùa Xuân cho em.....311
Ngày trở về.....334
Thu còn vương nắng.....369
Câu chuyện cuối năm.....395
Người tân tòng trong đêm Giáng Sinh.....401
Giấc mơ hoa hồng.....409

Nguyễn Lý-Tưởng (ngoài 60 tuổi)

TIỂU SỬ

- Sinh quán Triệu Phong, Dương Lộc, Quảng Trị, Việt Nam..
- Tuổi Kỷ Mão (1939).
- Cựu học sinh trường Pellerin và Providence (Thiên Hựu), Huế.
- Cựu sinh viện Hán Học, Đại Học Văn Khoa và Đại Học Sư Phạm Huế.
- Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm.
- Giáo Sư trường Duy Tân Phan Rang, biệt phái về Văn Phòng Công Cán Ủy Viên đặc trách Thanh Niên Bộ Giáo Dục VNCH.
- Dân Biểu Hạ Nghị Viện Việt Nam Cộng Hòa nhiệm kỳ I (1967-1971).
- Tổng Ủy Viên Thông Tin Báo Chí Ban Chấp Hành Trung Ương Đại Việt Cách Mạng Đảng (1970-1975).

- Viết văn, viết báo từ 1957. Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Nhật Báo Da Vàng tại Saigon 1970.
- Cộng tác với báo Mầm Sống ở Huế (1957) và các nhật báo tại Saigon từ 1963 như Tự Do, Xây Dựng, Sống Mới, Sống, Độc Lập, Lẽ Sống, Thời Thế và các Tuần Báo tại Saigon trước 1975. Thường phát biểu trên các đài Phat Thanh, Truyền Hình Huế, Saigon trước 1975.
- Xuất ngoại nghiên cứu về kinh tế, canh nông, vận động ngoại giao tại các nước Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Hòa Lan, Đài Loan, Nhật Bản, Đại Hàn (Nam Hàn), Thái Lan, Singapor, Mã Lai. Tham gia Hội Nghị Liên Hiệp Nghị Sĩ Quốc Tế kỳ 58 tại Hòa Lan (10/1970).
- Sau 30/4/1975 bị tù dưới chế độ CSVN hai lần tổng cộng 14 năm (1975 - 1988 và từ 1992 - 1993), đã trải qua các nhà tù: Long Thành, Thủ Đức, Hà Tây, Nam Hà... Ba lần bị cùm một chân trong nhà kỷ luật, 20 tháng biệt giam tại các nhà giam từ Nam ra Bắc: Hỏa Lò, Chí Hòa, 4 Phan Đăng Lưu (Gia Định) trước mặt chợ Bà Chiểu, 3-C Bến Bạch Đằng (Tôn Đức Thắng) Saigon, Khu Kiên Giam lao xá Chí Hòa... Năm 1992 bị buộc tội hoạt động lật đổ chính quyền nhân dân (CSVN).
- Định cư tại Hoa Kỳ tháng 7/1994, tiếp tục viết văn, viết báo, tranh đấu cho tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền cho VN.
- Tổng Thư Ký Nguyệt San Hiệp Nhất tại Trung Tâm Công Giáo VN (Giáo Phận Orange).
- Tổng Thư Ký báo Chính Việt (Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị).
- Chủ trương báo Xuân Đại Việt từ 2013 đến nay.
- Hội luận và trả lời phỏng vấn trên các đài Phát Thanh và Truyền Hình tại Hoa Kỳ...
- Chủ Tịch BCH Trung Ương Đại Việt Cách Mạng 2 nhiệm kỳ (2012-2016 và 2016-2020).
- Được phỏng vấn trên Paris by Night 91 về Tết Mậu Thân 1968 tại Huế.
- Được mời phát biểu về Tết Mậu Thân 1968 tại Huế với tư cách nhân chứng do Trung Tâm Lưu Trữ Tài Liệu Chiến Tranh Việt Nam Đại Học Lubbock, tiểu bang Texas vào năm

2008 (nhân dịp kỷ niệm 40 năm biến cố Mậu Thân) trước các quan khách và báo chí Mỹ và Việt Nam trong đó có một số nghiên cứu sinh bậc Tiến Sĩ từ Việt Nam đang du học Mỹ và các cựu chiến binh Hoa Kỳ đã từng tham chiến tại Miền Nam Việt Nam trước 1975, các Nghị Sĩ và Dân Biểu, Giáo Sư Đại Học... của Hoa Kỳ.

CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN

a. Truyện ngắn:
- Đàn Bướm Lạ Trong Vườn.
- Thu Còn Vương Nắng.
- Ngày Trở Về.
- Hai Thế Hệ (in chung với Trần Quán Niệm và Phan Vỹ).
- Thác Lũ Mưa Nguồn Q. I (2016) và Quyển II (2021) (hồi ký).

b. Thơ:
- Theo Dấu Chân Chim.
- Tình Khúc Mùa Xuân.
- Vùng Hoang Tưởng.

c. Nghiên cứu lịch sử:
- Thuyền Ai Đợi Bến Văn Lâu.
- Đưa Em Tới Chốn Nhà Hồ (I).
- Đưa Em Tới Chốn Nhà Hồ (II).
- Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên (Quốc Sử Quán nhà Nguyễn biên soạn bằng Hán Văn, do các Giáo Sư Trần Vinh Anh, Lê Ngọc Bích, Nguyễn Đức Cung và Nguyễn Lý Tưởng dịch ra tiếng Việt).
- Thảm Sát Mậu Thân 1968 tại Huế (tuyển tập tài liệu gồm nhiều tác giả).

d. Sẽ xuất bản:
- Lịch sử Việt Nam qua 12 con giáp (tài liệu sưu tầm lịch sử).
- Má Lúm Đồng Tiền (tuyển tập truyện ngắn).
- Thương Về Quảng Trị (thơ).

Ta đợi chờ em mấy chục năm
Xoa tuân trời thấm chịu đêm sâm
Vườn tuân phiếm lạ không hề đến
Chịu hót cành cao tổng lạc âm

Nguyễn Tý Trưởng

Thư họa Vũ Hoà

15